

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
HUẤN LUYỆN THỂ THAO**

Thái Nguyên, 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình đào tạo Huấn luyện thể thao, trình độ đại học
ngành đào tạo Huấn luyện thể thao, mã ngành 7810302**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1323/QĐ-ĐHTN ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định về đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm; Nghị quyết số 54/NQ-HĐT ngày 12 tháng 12 năm 2022 và Nghị quyết số 72/NQ-HĐT ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm ban hành kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm;

Căn cứ Quyết định số 91/QĐ-ĐHSP ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Trường Đại học Sư phạm;

Theo đề nghị của Trường phòng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo Huấn luyện thể thao, trình độ đại học của Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên (có Chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Chương trình đào tạo ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng đào tạo cho sinh viên ngành đào tạo Huấn luyện thể thao, trình độ đại học (mã ngành 7810302) tại Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên.

Đ. Qu

Điều 3. Trưởng phòng Phòng Đào tạo, các Trưởng đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *Qu*

- ĐHTN (để b/c);
- Như Điều 3 (để t/h);
- Website Trường;
- Lưu: ĐT, VT (05).

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Mai Xuân Trường

MỤC LỤC

Trang.

1. Luận cứ xây dựng chương trình đào tạo.....	04
2. Xác định nhu cầu xã hội.	07
3. Tình hình đào tạo trên thế giới và ở Việt nam	08
4. Chuẩn đầu vào tuyển sinh.....	12
5. Điều kiện tổ chức đào tạo.	13
6. Mục tiêu đào tạo	20
7. Chuẩn đầu ra	21
8. Nội dung đào tạo	23
9. Đề cương chi tiết các học phần	43
10. Triết học Mác – Lênin	43
11. Kinh tế chính trị Mác – Lê nin.	62
12. Chủ nghĩa xã hội khoa học.	83
13. Tư tưởng hồ Chí Minh.....	107
14. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	129
15. Pháp luật đại cương	152
16. Tiếng Anh 1	176
17. Tiếng Anh 2.	190
18. Tiếng Anh 3	204
19. Tin học đại cương	219
21. Giáo dục Quốc phòng	231
21. Vệ sinh và Y học Thể dục Thể thao	248
22. Phương pháp NCKH và Đo lường thể thao	264
23. Lý luận và phương pháp TDTT	278
24. Hồi phục thể thao	295
25. Sinh hóa học Thể dục thể thao	303
26. Sinh cơ học Thể dục thể thao	318
27. Dinh dưỡng thể thao	329
28. Tuyển chọn vận động viên	337
29. Đào tạo vận động viên	345
30. Tâm lý học Thể dục thể thao	356
31. Điền Kinh	368
32. Thể dục	380
33. Bơi	391
34. Bóng đá	401
35. Cầu lông	410
36. Bóng chuyền	419
37. Bóng rổ	428

38. Võ thuật	438
39. Thể thao dân tộc	448
40. Đá cầu	457
41. Trò chơi vận động	465
42. Gym	473
43. Picklebal	485
44. Quần vợt	494
45. Cờ vua	503
46. Bóng bàn	513
47. Phương pháp Huấn luyện thể thao	522
48. Giáo dục học Thể dục thể thao	535
49. Thực tế hoạt động thể thao cơ sở.....	548
50. Thực tập nghiệp vụ 1	558
51. Thực tập nghiệp vụ 2	563
52. Thể thao chuyên sâu 1	569
53. Thể thao chuyên sâu 2	573
54. Thể thao chuyên sâu 3	677
55. Thể thao chuyên sâu 4	581
56. Thể thao chuyên sâu 5	585
57. Quản lý thể thao	589
58. Kinh tế học Thể dục thể thao.....	600
59. Thể thao giải trí	612
60. Lịch sử TDTT và Lịch sử Olympic	623
61. Marketing thể thao	634
62.. Danh mục học liệu.....	645
63. Đội ngũ cán bộ giảng dạy	663

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 749/QĐ-ĐHSP ngày 18 tháng 3 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên)*

Tên ngành: Huấn luyện thể thao

Mã ngành: 7810302

Trình độ đào tạo: Đại học

I. Luận cứ xây dựng chương trình đào tạo

1.1. Vai trò, ý nghĩa của ngành đào tạo đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và khoa học – công nghệ

Huấn luyện thể thao là một ngành học trang bị các kiến thức, các kỹ năng để người học trở thành một huấn luyện viên thể thao có đủ năng lực chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, để tham gia huấn luyện, tuyển chọn các đội tuyển thể thao của môn chuyên sâu ở cấp cơ sở. Ngoài ra, người học còn được trang bị các kiến thức về nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực thể thao thành tích cao cũng như vận dụng các kiến thức đó trong huấn luyện, tuyển chọn và đào tạo những tài năng về lĩnh vực thể dục thể thao.

Trước đây, huấn luyện viên các môn thể thao ở nước ta chủ yếu lấy từ hai nguồn: thứ nhất là từ những vận động viên hết tuổi thi đấu, trong quá trình tập luyện và thi đấu trước đây đạt nhiều thành tích cao, sau khi nghỉ thi đấu họ được chuyển sang làm công tác huấn luyện và những sinh viên tốt nghiệp các trường đại học và cao đẳng về Thể dục Thể thao, các trường ĐH Sư phạm ngành Giáo dục thể chất. Cả hai lực lượng này đều có những ưu nhược điểm riêng. Những vận động viên hết tuổi thi đấu tuy có chuyên môn giỏi nhưng họ lại chưa được học tập những kiến thức rất quan trọng của chương trình đại học mà mỗi huấn luyện viên cần được trang bị. Vì vậy, khi huấn luyện họ chỉ thực hiện theo cảm tính mà không có bài bản, phương pháp huấn luyện khoa học, cho nên sử dụng các bài tập, khối lượng, cường độ không phù hợp làm ảnh hưởng đến kết quả huấn luyện. Đối với những sinh viên tốt nghiệp đại học, rất ít người trong số họ xuất phát là vận động viên, cho nên trong quá trình huấn luyện, việc lựa chọn bài tập là một trong những khó khăn lớn trong công tác chuyên môn. Cho nên kế hoạch huấn luyện của họ thường hạn chế trong việc đưa ra các bài tập trong quá trình huấn luyện nâng cao thành tích cho vận động viên.

Hiện nay, rất nhiều vận động viên sau khi giải nghệ đã không ngừng học tập để trở thành những huấn luyện viên giỏi cả về lý thuyết và thực hành. Tuy nhiên, có một thực tế không thể phủ nhận đó là việc học văn hoá hiện nay cho vận động viên chưa được quan tâm, hầu hết chỉ là học cho xong chứ không phải học để trang bị kiến thức. Điều này dẫn đến tình trạng trình độ văn hoá của vận động viên nước ta hiện nay còn thấp. Vì vậy, khi họ trở thành huấn luyện viên, việc tiếp thu phương pháp huấn luyện hiện, sử dụng các công nghệ hiện đại gặp rất nhiều khó khăn. Họ không có đủ trình độ ngoại ngữ, tin học để cập nhật thông tin (trừ một số ít tự học). Cho nên, việc tự nâng cao

trình độ cho mình của mỗi huấn luyện viên gặp muôn vàn khó khăn, dẫn đến mặt bằng trình độ của huấn luyện viên Việt Nam hiện nay còn thấp so với quốc tế.

Để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về thể thao thành tích cao, việc cần làm là quan tâm đến công tác đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ huấn luyện viên cho các môn thể thao, nhất là các môn thể thao trọng điểm ở các địa phương. Mà điều đặc biệt quan tâm là huấn luyện viên cho lớp vận động viên trẻ để ngay từ đầu đã trang bị cho các em kỹ thuật cơ bản chuẩn xác nhất để làm cơ sở nâng cao thành tích sau này.

1.2. Nhu cầu về nhân lực của ngành đào tạo

Lĩnh vực Huấn luyện thể dục thể thao mặc dù không có vai trò trực tiếp trong việc làm ra các phát minh khoa học, máy móc cho sản xuất nhưng nó giữ vai trò quan trọng trong việc phát triển có định hướng một cách tốt nhất thể chất của con người để tạo nên những cá nhân, cộng đồng khỏe mạnh về thể chất, tinh thần, rèn luyện đạo đức, ý chí nhằm phục vụ trực tiếp và gián tiếp cho quá trình học tập, lao động sản xuất góp phần phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của địa phương và đất nước.

Hiện nay ở 15 tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc, tỉnh nào cũng có trung tâm thể dục thể thao, trường phổ thông năng khiếu chuyên đào tạo vận động viên các lứa trẻ chuyên sâu về các môn thể thao. Kết quả điều tra cho thấy, hiện nay số lượng cán bộ, giáo viên có chuyên ngành Huấn luyện thể thao đang làm công tác giảng dạy, huấn luyện và nghiên cứu khoa học tại các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc còn rất hạn chế. Chính vì vậy, việc bổ sung một nguồn lực cán bộ, giáo viên, HLV, chuyên viên có trình độ huấn luyện các môn thể thao chuyên sâu ở các tỉnh miền núi phía Bắc là nhiệm vụ rất cấp bách.

Chính vì những lý do nêu trên nên yêu cầu cấp thiết đặt ra hiện nay là ngoài việc đào tạo đội ngũ cán bộ, giáo viên thực hiện tốt công tác GDTC trong các trường học, thì cũng cần phải đào tạo đội ngũ cán bộ, giáo viên, huấn luyện viên có trình độ chuyên môn sâu về các môn thể thao để đào tạo, huấn luyện vận động viên, phát triển phong trào TDTT của các địa phương nói riêng và Quốc gia nói chung, góp phần xây dựng nên những con người khỏe về thể chất, mạnh về tinh thần, rèn luyện các phẩm chất đạo đức và ý chí để làm nền tảng, đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, nhất là cho khu vực trung du miền núi phía Bắc, nơi đang gặp phải rất nhiều khó khăn về tất cả các điều kiện cho phát triển kinh tế - xã hội.

Đào tạo cán bộ có trình độ huấn luyện thể thao nhằm đáp ứng nhu cầu về cán bộ có trình độ chuyên môn sâu về các môn thể thao nhằm phục vụ trực tiếp cho nhu cầu của các câu lạc bộ thể thao, các đội tuyển thể thao, góp phần xây dựng một xã hội công dân ngoài có tri thức khoa học còn khỏe mạnh về thể chất, tinh thần và ý chí để xây dựng đất nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa ngày càng giàu mạnh hơn.

1.3. Thực trạng về ngành đào tạo hiện nay ở Việt Nam nói chung và ở đơn vị đào tạo nói riêng

Huấn luyện thể thao là một quá trình sư phạm nhằm hoàn thiện thể thao, được tiến hành dựa trên cơ sở các tri thức khoa học. Quá trình này tác động một cách hệ thống vào khả năng chức phận về tâm - sinh lý và trạng thái sẵn sàng đạt thành tích, nhằm mục đích dẫn dắt vận động viên tới các thành tích thể thao cao.

Hiện nay, cử nhân ngành Huấn luyện thể thao chủ yếu được đào tạo ở một số cơ sở như: Trường ĐH TDTT Bắc Ninh, ĐH TDTT Đà Nẵng, ĐH TDTT TP Hồ Chí Minh,... Tuy nhiên số lượng cử nhân chuyên ngành về lĩnh vực huấn luyện thể thao chưa đáp ứng được hết nhu cầu của xã hội đang ngày càng cao mà chỉ đáp ứng được phần nào nhu cầu cho các trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao của các tỉnh, đặc biệt là tại các tỉnh miền núi phía Bắc số lượng cử nhân về lĩnh vực Huấn luyện thể thao còn rất ít. Chính vì vậy, việc bổ sung một nguồn lực cán bộ, giáo viên, HLV, chuyên viên có trình độ cử nhân chuyên ngành Huấn luyện thể thao ở các tỉnh miền núi phía Bắc là nhiệm vụ rất cấp bách.

Chính vì những lý do nêu trên nên yêu cầu cấp thiết đặt ra hiện nay là ngoài việc đào tạo đội ngũ các nhà khoa học tự nhiên, các nhà quản lý kinh tế thì còn phải nhanh chóng đào tạo đội ngũ các nhà khoa học, các nhà giáo dục và các cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn cao trong lĩnh vực Huấn luyện thể thao để phát triển thể thao phong trào và thể thao thành tích cao cho các địa phương, cụ thể là đảm nhiệm các công việc sau: làm huấn luyện viên môn thể thao chuyên ngành ở các câu lạc bộ Thể dục thể thao, các đội tuyển thể thao, các cán bộ chuyên môn trong các cơ quan quản lý xã hội về Thể dục thể thao; tham gia giảng dạy, nghiên cứu khoa học thể dục thể thao trong các cơ sở đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân; Tham gia tổ chức thi đấu, trọng tài các giải thể thao theo chuyên ngành đào tạo; chăm sóc và phục hồi chức năng vận động, dinh dưỡng thể thao, phát triển hình thái thể chất, chuyên gia thể lực và chăm sóc sức khỏe đội tuyển thể thao và cộng đồng... từ đó làm cơ sở cho tuyển chọn và đào tạo các VĐV có trình độ cao cho các đội tuyển thể thao Quốc gia nói chung, đào tạo nên những con người khỏe về thể chất, mạnh về tinh thần, rèn luyện các phẩm chất đạo đức và ý chí để làm nền tảng, đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, nhất là cho khu vực trung du miền núi phía Bắc, nơi đang gặp phải rất nhiều khó khăn về tất cả các điều kiện cho phát triển kinh tế - xã hội.

Đào tạo cán bộ có trình độ cử nhân chuyên ngành Huấn luyện thể thao nhằm đáp ứng nhu cầu về cán bộ huấn luyện thể thao có trình độ cao phục vụ trực tiếp cho công cuộc đổi mới và phát triển phong trào rèn luyện và thi đấu thể dục thể thao của nước nhà, góp phần xây dựng một xã hội công dân ngoài có tri thức khoa học còn khỏe mạnh về thể chất, tinh thần và ý chí để xây dựng đất nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa ngày càng giàu mạnh hơn đó là nhiệm vụ quan trọng của Khoa Thể dục thể thao.

Nhiệm vụ của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên được xác định rõ trong sứ mạng của nhà trường là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc, đó là đào tạo trình độ cử nhân, thạc sĩ và tiến sĩ.

Các cử nhân được đào tạo ở Trường Đại học Sư phạm đáp ứng các yêu cầu sau:

- Được hoàn chỉnh và nâng cao kiến thức cơ bản, hiểu biết sâu về kiến thức chuyên ngành; có phẩm chất để đáp ứng được yêu cầu của công việc; có năng lực sáng tạo, độc lập nghiên cứu; có khả năng đánh giá những vấn đề phức tạp, khả năng đổi mới trong khắc phục, phát hiện và giải quyết được những yêu cầu đặt ra trong lĩnh vực chuyên ngành.

- Có trình độ cao về thực hành, có thể vận dụng các kiến thức đã được trang bị một cách sáng tạo hay mở rộng những vấn đề quan trọng trong giảng dạy, nghiên cứu

khoa học, trong công tác quản lý, huấn luyện thể dục thể thao. Có thể tạo ra những tri thức mới, khái niệm mới có giá trị khoa học và thực tiễn phục vụ cho công tác đào tạo VĐV sau này.

Đào tạo cán bộ có trình độ cử nhân chuyên ngành Huấn luyện thể thao nhằm đáp ứng nhu cầu cán bộ có trình độ cao trong huấn luyện thể thao phục vụ trực tiếp cho công cuộc đổi mới và nâng cao chất lượng huấn luyện, tập luyện và thi đấu thể dục thể thao. Góp phần vào sự phát triển của thể dục thể thao các tỉnh miền núi phía Bắc nói riêng và nền thể thao nước nhà nói chung.

Khoa Thể dục Thể thao thuộc Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên là đơn vị đảm nhận nhiệm vụ đào tạo cử nhân chuyên ngành Giáo dục thể chất, Thạc sĩ chuyên ngành Giáo dục thể chất, hiện nay đội ngũ giảng dạy gồm có 01 giảng viên có trình độ Phó giáo sư, 07 giảng viên có trình độ Tiến sĩ và 14 giảng viên có trình độ Thạc sĩ giảng dạy các học phần chuyên ngành về Giáo dục thể chất, Huấn luyện thể thao và các học phần Giáo dục thể chất chung của nhà trường. Ngoài ra, Khoa TDTT kết hợp cùng nhà trường mời các giảng viên có trình độ cao của Khoa Giáo dục chính trị và Bộ môn Ngoại ngữ giảng dạy. Ngoài ra Khoa TDTT và Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên sẽ mời các giảng viên, nhà nghiên cứu có trình độ cao trong lĩnh vực TDTT tham gia thỉnh giảng và hướng dẫn nghiên cứu khoa học.

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn, xét năng lực và điều kiện hiện tại của Khoa Thể dục Thể thao và của Trường Đại học Sư phạm đối với nhiệm vụ đào tạo cử nhân chuyên ngành Huấn luyện thể thao, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên xây dựng đề án đề nghị Đại học Thái Nguyên cho phép đào tạo trình độ cử nhân chuyên ngành Huấn luyện thể thao; mã số: 7810302 từ năm 2025.

II. Xác định nhu cầu xã hội

Điều tra tại các Trung tâm Huấn luyện và thi đấu TDTT, Trường năng khiếu TDTT, Trung tâm Văn hóa – Thể thao và các Trung tâm dịch vụ, doanh nghiệp về TDTT của các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Kạn, Lào Cai, Lạng Sơn, Bắc Giang, Cao Bằng, Tuyên Quang, Hà Giang, Điện Biên, Lai Châu cho thấy:

- Tất cả các đơn vị được khảo sát đều khẳng định có nhu cầu đào tạo cử nhân chuyên ngành huấn luyện thể thao. Nhu cầu đào tạo trong 5 năm tới của các tỉnh được khảo sát là khoảng 430 người.

- Về hướng đào tạo và nghiên cứu, các lĩnh vực được quan tâm nhiều nhất là: Công tác Huấn luyện môn thể thao chuyên ngành ở các câu lạc bộ Thể dục thể thao, các đội tuyển thể thao, là cán bộ chuyên môn trong các cơ quan quản lý xã hội về Thể dục thể thao; Tham gia giảng dạy, nghiên cứu khoa học thể dục thể thao trong các cơ sở đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân; Tham gia tổ chức thi đấu, trọng tài các giải thể thao theo chuyên ngành đào tạo; Chăm sóc và phục hồi chức năng vận động, dinh dưỡng thể thao, phát triển hình thái thể chất, chuyên gia thể lực và chăm sóc sức khỏe đội tuyển thể thao và cộng đồng.

Bảng 2.1. Kết quả khảo sát, đánh giá nhu cầu đào tạo trình độ Đại học ngành Huấn luyện thể thao

TT	Các tỉnh khảo sát	Nhu cầu trong 5 năm tới	Hướng đào tạo, nghiên cứu
1	Thái Nguyên	60	Sau khi sinh viên tốt nghiệp có cơ hội làm việc tại các vị trí sau: - Công tác Huấn luyện môn thể thao chuyên ngành ở các câu lạc bộ thể dục thể thao, các đội tuyển thể thao, là cán bộ chuyên môn trong các cơ quan quản lý xã hội về Thể dục thể thao; - Tham gia giảng dạy, nghiên cứu khoa học thể dục thể thao trong các cơ sở đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân - Tham gia tổ chức thi đấu, trọng tài các giải thể thao theo chuyên ngành đào tạo; - Chăm sóc và phục hồi chức năng vận động, dinh dưỡng thể thao, phát triển hình thái thể chất, chuyên gia thể lực và chăm sóc sức khỏe đội tuyển thể thao và cộng đồng.
2	Bắc Kạn	40	
2	Lào Cai	40	
4	Cao Bằng	35	
5	Điện Biên	35	
6	Lai Châu	35	
7	Bắc Giang	60	
8	Lạng Sơn	45	
9	Tuyên Quang	45	
10	Hà Giang	35	
	Tổng số	430	

III. Tình hình đào tạo trên thế giới và Việt Nam

3.1. Thế giới

- Tình hình đào tạo: Thu thập và đánh giá một số chương trình đào tạo của các trường đại học trên thế giới. Thống kê 03 chương trình đào tạo theo đúng (hoặc gần đúng) ngành dự kiến xây dựng trên cơ sở bảng sau:

Bảng 3.1. Danh mục cơ sở đào tạo nước ngoài đang đào tạo ngành huấn luyện thể thao

TT	Tên nước	Cơ sở đào tạo	Mục tiêu đào tạo	Địa chỉ trang web
1	Trung Quốc	Đại học thể dục thể thao Thượng Hải	Hướng đến sự phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và lao động. Kiến thức chuyên môn, có tinh thần đổi mới và tài năng ứng dụng chất lượng cao với khả năng thực tế. Sinh viên phải nắm vững một cách có hệ thống các phương pháp lý thuyết cơ bản và kỹ năng thực hành về rèn luyện thể	http://www.sus.edu.cn

			chất, có khả năng áp dụng kiến thức và kỹ năng chuyên môn phù hợp vào các đội thể thao khác nhau ở mọi cấp độ, các cơ sở nghiên cứu khoa học thể thao và các cơ sở thể dục xã hội, đồng thời tham gia hướng dẫn rèn luyện thể chất.	
2	Trung Quốc	Đại học Thể dục thể thao Bắc kinh	Chuyên ngành này hướng tới các môn thể thao Olympic, trau dồi kiến thức lý thuyết cơ bản về thi đấu thể thao, trang bị kỹ năng thể thao, năng lực hướng dẫn huấn luyện và tổ chức thi đấu thể thao, đồng thời có năng lực huấn luyện, giảng dạy và thi đấu các môn thể thao trong trường học, thể thao chuyên nghiệp, các đội, câu lạc bộ, công ty tổ chức sự kiện và các đơn vị khác.	https://www.bsu.edu.cn/rcpy/bkspy/index.htm
3	Litva	Đại học Thể dục thể thao Lithuanian	Mục tiêu của chương trình này là cung cấp kiến thức và kỹ năng làm việc trong các lĩnh vực khác nhau liên quan đến huấn luyện và đào tạo sinh viên trở thành huấn luyện viên thể thao, có kỹ năng thúc đẩy sự tham gia vào các hoạt động thể thao và nâng cao thành tích của các vận động viên và đội tuyển.	https://www.lsu.lt/en/studies/study-programmes/undergraduate-bachelors-degree-studies/bachelors-degree-sports-coaching/

Thứ nhất về chương trình đào tạo của Đại học TDTT Thượng Hải, Trung Quốc. Họ đào tạo về cử nhân huấn luyện thể thao, sinh viên học 150 tín chỉ và được phân chia thành khối kiến thức chung (Bắt buộc: 37 tín chỉ; tự chọn: 08 tín chỉ); Khối kiến thức cơ sở ngành: 20 tín chỉ; Khối kiến thức chuyên ngành: (Bắt buộc: 54 tín chỉ; tự chọn: 12 tín chỉ); Khối kiến thức nghiệp vụ: 19 tín chỉ).

Thứ hai, về chương trình đào tạo của đại học Thể dục thể thao Bắc Kinh: Chương trình này giúp sinh viên nắm vững các kiến thức cơ bản về khoa học thể thao, khoa học cơ thể con người, khoa học giáo dục, khoa học tâm lý cũng như các kiến thức chuyên môn về huấn luyện thể thao, thi đấu thể thao... và có khả năng vận dụng những kiến thức đã học để giải thích các hiện tượng, vấn đề trong đời sống, nghề huấn luyện thể thao và các lĩnh vực liên quan. Có khả năng vận dụng các nguyên tắc cơ bản của huấn luyện thể thao và các lý thuyết, phương pháp, kỹ năng đặc thù của thể thao để đánh giá, phân

tích, nghiên cứu các vấn đề trong huấn luyện thể thao và các lĩnh vực liên quan, đưa ra các biện pháp đối phó và đề xuất tương ứng, xây dựng giải pháp và hướng dẫn tại chỗ. Có khả năng sử dụng hợp lý các công cụ hiện đại để thu thập, phân tích, xử lý thông tin dữ liệu trong lĩnh vực chuyên môn huấn luyện thể thao và có năng lực thực hành để hoàn thành công tác huấn luyện và giảng dạy thể thao chuyên ngành, tổ chức thi đấu và trọng tài, quản lý thể thao và nghiên cứu khoa học. Nắm rõ các lĩnh vực lý luận về huấn luyện thể thao và thi đấu thể thao, xu hướng phát triển của các chuyên ngành thể thao, hiểu các khái niệm cơ bản của Phong trào Olympic quốc tế và làm quen với các chủ trương, chính sách, quy định quốc gia liên quan đến thể thao thi đấu.

Thứ 3, về chương trình đào tạo của trường Đại học Thể dục thể thao Lithuanian: Chương trình này giúp cho sinh viên có Kiến thức sâu rộng về công tác huấn luyện sinh viên có khả năng lập kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn cho các buổi tập, mùa giải và chương trình. Trong 4 năm đào tạo, người học được trang bị những kiến thức chung và những kiến thức khoa học chuyên ngành, đặc biệt là kiến thức liên quan đến Khoa học huấn luyện của các môn Thể thao được giảng dạy xuyên suốt trong cả 4 năm học (Người học được lựa chọn môn học theo nguyện vọng cá nhân).

3.2. Việt Nam

Ngành Huấn luyện thể thao (tên Tiếng Anh là Sport Coaching) là ngành học chuyên đào tạo về thể lực, kỹ thuật thể thao, chiến thuật, trí tuệ, tâm lý và đạo đức dựa trên cơ sở các bài tập thể chất, huấn luyện sức bền, sức mạnh, phương pháp huấn luyện, trình độ tập luyện...

Huấn luyện thể thao là ngành học mà sinh viên sẽ được trang bị đầy đủ năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức, chính trị. Có kiến thức và khả năng vận dụng trong thực tiễn quản lý, hướng dẫn, giảng dạy và huấn luyện thể thao; có năng lực trong công tác tuyển chọn, quản lý huấn luyện vận động viên, tổ chức thi đấu, trọng tài, quản lý chuyên môn các đội thể thao; có kỹ năng và năng lực tổ chức các hoạt động, sự kiện thể dục thể thao phục vụ cộng đồng, hợp tác quốc tế phát triển lĩnh vực thể dục thể thao; Có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội, có khả năng tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng các yêu cầu của xã hội và hội nhập quốc tế.

Ở Việt Nam, ngành huấn luyện thể thao được mở ra đầu tiên vào năm 2004 tại trường ĐH TDTT I nay là trường ĐH TDTT Bắc Ninh. Đến nay, cả nước mới có 05 đơn vị đào tạo ngành huấn luyện thể thao, trong đó: Miền Bắc có Trường ĐH TDTT Bắc Ninh, ĐH Sư phạm TDTT Hà Nội, ĐH Văn hóa Thể thao và Du lịch Thanh Hóa; miền Trung có trường ĐH TDTT Đà Nẵng; miền Nam có trường ĐH TDTT Thành phố Hồ Chí Minh. Trong năm 2024, cả nước đã tuyển sinh được trên 1.700 sinh viên theo học ngành huấn luyện thể thao. Sau khi tốt nghiệp sinh viên ngành huấn luyện thể thao có khả năng làm công tác huấn luyện môn thể thao chuyên ngành ở các câu lạc bộ thể dục thể thao, các đội tuyển thể thao, làm cán bộ chuyên môn trong các cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan quản lý xã hội về thể dục thể thao hoặc tham gia giảng dạy, huấn luyện, nghiên cứu thể dục thể thao trong các cơ sở đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Ngoài ra, cũng có thể làm tổ chức thi đấu, trọng tài các giải thể thao theo chuyên ngành đào tạo.

Phong trào tập luyện và thi đấu thể dục thể thao của quần chúng nhân dân, trong lực lượng vũ trang,... ở Việt Nam đã có bước phát triển mới cả về bề rộng và chiều sâu. Cơ chế, thể chế quản lý nhà nước về thể dục thể thao được củng cố và hoàn thiện; hình thành hệ thống các tổ chức xã hội về TDTT. Xã hội hóa hoạt động thể thao thành tích cao phát triển phù hợp với xu thế phát triển thể thao thành tích cao hiện đại trên thế giới. Hoạt động hợp tác quốc tế về thể thao đã góp phần nâng cao trình độ vận động viên, năng lực tổ chức, điều hành của đội ngũ cán bộ quản lý, trọng tài, nhân viên y tế...; thông qua đó hình ảnh đất nước, con người Việt Nam được quảng bá rộng rãi trên toàn thế giới. Dễ thấy nhất hiện nay là số lượng các phòng tập Gym, các sân bóng đá, bóng rổ, bóng chuyền, các bể bơi, các trung tâm thể thao, nhà thi đấu, sân vận động... tăng lên nhanh chóng, mức độ chuyên nghiệp của các sự kiện thể thao cũng dần đang hoàn thiện, đây cũng là một trong những dấu hiệu cho thấy nền Thể dục Thể thao nước nhà phát triển hơn trước đây rất nhiều.

Trong những năm gần đây tỉnh Thái Nguyên sẽ tiếp tục thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước về TDTT. Trong đó, đặc biệt là triển khai thực hiện Kết luận số 70-KL/TW về phát triển TDTT giai đoạn mới, nhằm hướng tới mục tiêu đưa phong trào TDTT của tỉnh ngày càng phát triển, trở thành một trong đơn vị dẫn đầu về TDTT của khu vực miền núi phía Bắc.

Hàng năm, ngành VH-TTDL tỉnh duy trì tổ chức các giải thi đấu thể thao từ tỉnh đến cơ sở. Trong đó, một số hoạt động thể thao quần chúng có quy mô lớn được tổ chức trang trọng, thu hút hàng nghìn lượt người tham gia thi đấu và cổ vũ như: Lễ phát động phong trào “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”; hưởng ứng Ngày chạy “Olympic vì sức khỏe nhân dân”; Giải việt dã Tiên Phong ...

Bên cạnh các giải thể thao phong trào, các hoạt động TDTT trong trường học cũng được đẩy mạnh. Hệ thống các giải thi đấu thể thao, các câu lạc bộ dành cho cán bộ viên chức và người lao động, giải thể thao sinh viên trong các trường đại học Thuộc ĐHTN được tổ chức hàng năm như giải bóng đá sinh viên, bóng chuyền, cầu lông, chạy việt dã.. Ngoài ra Ngành GDĐT Tỉnh thường xuyên tổ chức các hoạt động thi đấu thể thao như: giải thể thao Hội khỏe phù đồng các cấp; các giải thể thao kỉ niệm các ngày lễ trong năm được diễn ra liên tục ở các Trường từ cấp tiểu học, THCS, THPT.. Thông qua các hoạt động TDTT quần chúng, nhiều VĐV năng khiếu đã được tuyển chọn và đào tạo và trở thành VĐV các đội tuyển của tỉnh và đội tuyển quốc gia.

Mặc dù đã đạt được những kết quả nhất định, tuy nhiên phong trào thể dục thể thao nhìn chung phát triển chưa đều, chất lượng chưa cao, nhiều nơi còn thiếu các phương tiện tập luyện và đặc biệt thiếu lực lượng cán bộ hướng dẫn viên thể dục, thể thao có trình độ chuyên môn. Hầu như hiện nay, huấn luyện viên ở các môn thể thao chủ yếu lấy từ hai nguồn: từ những vận động viên hết tuổi thi đấu do thiếu huấn luyện viên nên họ được chuyển ngang sang làm công tác huấn luyện và những sinh viên tốt nghiệp các trường đại học và cao đẳng Thể dục Thể thao. Cả hai lực lượng này đều có những ưu nhược điểm riêng. Những vận động viên hết tuổi thi đấu tuy có chuyên môn giỏi nhưng họ lại chưa được học tập những kiến thức rất quan trọng của chương trình đại học mà mỗi huấn luyện viên cần được trang bị. Vì vậy, khi huấn luyện họ chỉ thực hiện theo cảm tính mà không có bài bản, phương pháp huấn luyện khoa học, cho nên sử

dụng các bài tập, khối lượng, cường độ không phù hợp làm ảnh hưởng đến kết quả huấn luyện. Đối với những học sinh tốt nghiệp đại học, rất ít người trong số họ xuất phát là vận động viên, cho nên trong quá trình huấn luyện, việc lựa chọn bài tập là một trong những khó khăn lớn trong công tác chuyên môn. Cho nên giáo án của họ thường nghèo nàn trong việc đưa ra các bài tập nhằm củng cố và nâng cao thành tích cho vận động viên. Ngoài ra, việc tổ chức các giải thể thao phong trào nên một lực lượng lớn là những người có năng khiếu ở các môn thể thao đứng ra đảm nhiệm công tác huấn luyện cho đội mình tham gia thi đấu, đây chỉ là đội tham gia với tính chất cọ sát, tham gia cho đủ số lượng do đó chất lượng huấn luyện cũng như thành tích đạt được không cao.

Thể thao quần chúng của nước ta ngày càng phát triển sâu rộng, đã xã hội hóa thể thao nhiều địa phương trên phạm vi toàn quốc. Thể thao thành tích cao của nước ta gặt hái được thành tích trên đấu trường quốc tế, mang lại vinh quang cho tổ quốc. Các dịch vụ văn hóa xã hội liên quan đến thể thao, các phương tiện truyền thông (báo hình, báo viết, báo điện tử...) đưa tin, viết bài về thể thao ngày một ngày càng gia tăng. Vị thế của TDTT trong cấu trúc ngành của nền kinh tế quốc dân cũng dần được nâng lên...

Để phục vụ cho các công tác trên cần có đội ngũ nhân lực TDTT có trình độ cao được chuyên môn hóa. Hiện nay, trên phạm vi toàn quốc có trên 60 trường đại học, chuyên nghiệp đào tạo cán bộ TDTT, tuy nhiên chỉ có 05 trường đại học Đào tạo chuyên ngành HLTT. Tuy nhiên, hiện nay chất lượng và cơ cấu, cũng như phân bổ nguồn nhân lực TDTT ở nước ta còn nhiều bất cập, điều này chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển TDTT hiện nay. Chính vì vậy, việc đào tạo hệ thống nguồn nhân lực TDTT có trình độ chuyên môn phù hợp, sẽ đáp ứng nhu cầu xã hội là vấn đề mang tính cấp thiết.

Trên cơ sở nhu cầu của xã hội trong 5 đến 10 năm tới ở các tỉnh đã khảo sát ở trên, cho thấy nhu cầu về nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn là cử nhân HLTT là rất lớn. Việc xây dựng chương trình đào tạo cử nhân ngành HLTT góp phần giúp phát triển nguồn nhân lực này. Ngoài ra, hiện nay Khoa TDTT đang đào tạo chương trình Thạc sĩ chuyên ngành lý luận và phương pháp giảng dạy bộ môn GDTC, đối tượng cử nhân HLTT sau khi tốt nghiệp sẽ có nhiều cơ hội để học tập nâng cao trình độ chuyên môn của mình.

Thu thập và đánh giá một số khung chương trình đào tạo của các trường đại học có uy tín ở Việt Nam. dự kiến xây dựng trên cơ sở bảng sau:

Bảng 3.2. Danh mục cơ sở đào tạo trong nước đang đào tạo ngành cử nhân HLTT

TT	Tên nước	Cơ sở đào tạo	Ngành đào tạo	Danh hiệu tốt nghiệp	Địa chỉ trang web
1	Việt Nam	ĐH TDTT Thành phố HCM	Cử nhân HLTT	Cử nhân đại học TDTT	https://ush.edu.vn/
2	Việt Nam	ĐH TDTT Đà Nẵng	Cử nhân HLTT	Cử nhân đại học TDTT	https://dsu.edu.vn/

IV. Chuẩn đầu vào và tuyển sinh

- Chuẩn đầu vào: Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông.

- Phạm vi tuyển sinh: Trong cả nước
- Phương thức tuyển sinh: Tuyển thẳng (theo quy chế của Bộ GD&ĐT); Xét tuyển kết hợp với thi năng khiếu (NK) Thẻ dự thể thao.
- Tổ hợp xét tuyển:
 - + Toán – NK1 (bật xa tại chỗ) – NK2 (chạy 100m)
 - + Văn – NK1 (bật xa tại chỗ) – NK2 (chạy 100m)
- Kế hoạch tuyển sinh: Theo kế hoạch tuyển sinh đại học hằng năm.

V. Điều kiện tổ chức đào tạo của đơn vị liên quan đến ngành đào tạo

5.1. Điều kiện về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo

- Giảng viên chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình, giảng dạy, hướng dẫn luận văn tốt nghiệp, đề tài NCKH đều là giảng viên được lựa chọn trong đội ngũ giảng viên cơ hữu của khoa TDDT với số lượng như sau:

Bảng 5.1. Thống kê giảng viên tham gia xây dựng và thực hiện chương trình

Khoa	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Cộng
TDDT	0	07	14	

- Chủ trì xây dựng chương trình đào tạo: Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ (sau đây gọi tắt là Thông tư 02/2022); Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm đã cử TS Đỗ Ngọc Cương (Trưởng khoa TDDT) chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

- Chủ trì giảng dạy chương trình HLTT gồm: 07 Tiến sĩ và 14 thạc sĩ.

Bảng 5.2. Danh sách giảng viên, nhà khoa học, tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành HLTT

TT	Họ và tên, ngày sinh	Chức danh KH, năm	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo
1	Đỗ Ngọc Cương 09/11/1980	GVC.2020	Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Giáo dục học
2	Trần Thị Tú 10/01/1982	GVC.2020	Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Giáo dục học
3	Đào Thị Hoa Quỳnh 28/09/1985	GVC.2023	Tiến sĩ, Trung Quốc, 2018	Giáo dục học
4	Võ Xuân Thủy 15/01/1985	GVC.2023	Tiến sĩ, Trung Quốc, 2017	Giáo dục học

5	Nguyễn Mạnh Hùng 03/3/1979		Tiến sĩ, Trung Quốc, 2018	Giáo dục học
6	Nguyễn Duy Nam 08/12/1988		Tiến sĩ, Trung Quốc, 2023	GDTC&HLTT
7	Ma Đức Tuấn 25/12/1984		Tiến sĩ, Trung Quốc, 2022	GDTC&HLTT
8	Nguyễn Văn Dũng 22/7/1968	GVC.2008	Thạc sĩ, Việt Nam, 2007	Giáo dục học
9	Nguyễn Thành Trung 24/9/1980	GVC.2023	Thạc sĩ, Việt Nam, 2009	Giáo dục học
10	Đào Ngọc Anh 07/6/1978	GVC.2023	Thạc sĩ, Trung Quốc, 2012	GDTC&HLTT
11	Nguyễn Đức Trường 19/3/1989		Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Giáo dục học
12	Nguyễn Nhạc 21/9/1988		Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Giáo dục học
13	Nguyễn Thị Hà 03/5/1989		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	GDTC
14	Lê Văn Hùng 08/01/1990		Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	GDTC
15	Trần Minh Khương 02/8/1976		Thạc sĩ, Việt Nam, 2008	Giáo dục học
16	Nguyễn Thị Thanh Vân 15/3/1989		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	GDTC
17	Nguyễn Huy Ánh 25/10/1987		Thạc sĩ, Việt Nam, 2018	Giáo dục học
18	Mã Thiêm Phách 01/11/1990		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	GDTC
19	Trương Đức Mạnh 07/5/1994		Thạc sĩ, Việt Nam, 2018	Giáo dục học
20	Phạm Thị Bích Thảo 20/02/1986		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	GDTC&HLTT

21	Nguyễn Đức Tuấn 06/9/1980		Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Giáo dục học
----	------------------------------	--	-------------------------	--------------

Ghi chú: Lý lịch khoa học của giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy của ngành đào tạo HLTT được đính kèm.

- Các học phần thuộc khối kiến thức Giáo dục đại cương đều do giảng viên của các khoa trong trường đảm nhiệm. Như vậy, thực hiện chương đào tạo ngành HLTT đều do giảng viên cơ hữu của Trường thực hiện trong cả khoá đào tạo.

- Trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo ngành HLTT, Trường đã phân công giảng viên chủ trì xây dựng chương trình và dự kiến giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo. Với nguyên tắc một giảng viên có thể tham gia giảng dạy một số học phần và một học phần có nhiều giảng viên cùng tham gia giảng dạy.

Bảng 5.3: Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành HLTT

TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy
1	Đỗ Ngọc Cương	Tuyển chọn VĐV
		Hồi phục thể thao
		Dinh dưỡng thể thao
		Quản lý TDTT
		Bóng đá
		Thể thao chuyên sâu 1, 2, 3, 4,5
2	Trần Thị Tú	Phương pháp NCKH và Đo lường TT
		Sinh hóa học TDTT
		Yoga
		Thực tế hoạt động Thể thao ở cơ sở
		Điền kinh
		Thể thao chuyên sâu 1, 2, 3, 4,5
		Quản lý TDTT
3	Đào Thị Hoa Quỳnh	Giáo dục học TDTT
		Sinh cơ học TDTT
		Đào tạo VĐV
		Hồi phục thể thao

		Đá cầu
		Phương pháp NCKH và Đo lường TT
		Lý luận và phương pháp TDTT
4	Võ Xuân Thủy	Phương pháp huấn luyện TT
		Sinh cơ học TDTT
		Tâm lý học TDTT
		Thể thao giải trí
		Võ thuật
		Thể thao chuyên sâu 1, 2, 3, 4,5
		Lý luận và phương pháp TDTT
5	Nguyễn Mạnh Hùng	Cầu lông
		Thể thao chuyên sâu 1, 2, 3, 4,5
		Quần vợt
		Thể thao giải trí
		Lịch sử TDTT và lịch sử Olympic
6	Nguyễn Duy Nam	Vệ sinh và Y học TDTT
		Thể dục
		Marketing Thể thao
		Gym
		Tâm lý học TDTT
7	Ma Đức Tuấn	Dinh dưỡng thể thao
		Quản lý TDTT
		Kinh tế học Thể dục thể thao
		Thể thao giải trí
		Lịch sử TDTT và lịch sử Olympic
		Cờ vua
8	Nguyễn Văn Dũng	Đá cầu
		Quần vợt
		Thể thao trường học
		Bóng bàn

		Picklebol
9	Nguyễn Thành Trung	Bóng rổ
		Thể thao dân tộc
		Picklebol
		Thể thao chuyên sâu 1, 2, 3, 4,5
		Giáo dục học TDTT
10	Đào Ngọc Anh	Thể dục
		Cầu lông
		Thể thao chuyên sâu 1, 2, 3, 4,5
		Gym
		Thực tế hoạt động Thể thao ở cơ sở
11	Nguyễn Đức Trường	Tâm lý học TDTT
		Bóng rổ
		Trò chơi vận động
		Thể thao chuyên sâu 1, 2, 3, 4,5
		Thể thao dân tộc
12	Nguyễn Nhạc	Trò chơi vận động
		Điền kinh
		Thể thao chuyên sâu 1, 2, 3, 4,5
13	Nguyễn Thị Hà	Giải phẫu và Sinh lý học TDTT
		Vệ sinh và Y học TDTT
		Sinh hóa học TDTT
		Maketing Thể thao
14	Lê Văn Hùng	Bóng đá
		Bóng bàn
		Thể thao chuyên sâu 1, 2, 3, 4,5
15	Trần Minh Khương	Bơi
		Thể thao chuyên sâu 1, 2, 3, 4,5
16	Nguyễn Thị Thanh Vân	Võ thuật
		Thể thao chuyên sâu 1, 2, 3, 4,5

17	Nguyễn Huy Ánh	Bơi
		Thể thao chuyên sâu 1, 2, 3, 4,5
		Thể dục
		Võ thuật
18	Mã Thiêm Phách	Kinh tế học Thể dục thể thao
		Điền kinh
		Thể thao chuyên sâu 1, 2, 3, 4,5
19	Trương Đức Mạnh	Bơi
		Thể thao chuyên sâu 1, 2, 3, 4,5
20	Phạm Thị Bích Thảo	Picklebol
		Quần vợt
21	Nguyễn Đức Tuấn	Bóng chuyền
		Thể thao dân tộc
		Thể thao chuyên sâu 1, 2, 3, 4,5

Như vậy, Trường có đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng để tổ chức thực hiện chương trình đào tạo ngành HLTT (bao gồm 100% giảng viên cơ hữu), đáp ứng yêu cầu đội ngũ giảng viên theo quy định về chuẩn chương trình đào tạo.

5.2. Điều kiện về cơ sở vật chất để mở ngành HLTT

5.2.1. Phòng học, trang thiết bị

Trang thiết bị học tập, thư viện, phòng thực hành, thí nghiệm là điều kiện để thực hiện mục tiêu đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo các ngành nói chung và ngành HLTT nói riêng. Vì vậy, Trường ĐHSP và khoa TDDT luôn coi trọng việc đầu tư nâng cấp và sử dụng hiệu quả, coi đây là yếu tố cơ bản, có tính chất nền tảng. Tăng cường CSVC, phát triển hệ thống học liệu phục vụ học tập, đào tạo là một trong những chương trình hành động đổi mới có tính chiến lược trong phát triển Trường. Đến nay thư viện, trang thiết bị học tập và CSVC khác của Trường đủ để phục vụ nhu cầu giảng dạy, học tập và NCKH.

Trường Đại học Sư phạm đã có sẵn cơ sở vật chất đáp ứng cho hoạt động giảng dạy và học tập của các ngành đào tạo. Trường là một trong những trường đại học sư phạm thụ hưởng dự án ETEP. Vì vậy, hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu đều được sửa chữa, nâng cấp.

Bảng 5.4. Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m2)
1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	06	3962
2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	05	636
3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	96	6455
4	Số phòng học dưới 50 chỗ	43	2192
5	Số phòng học đa phương tiện	02	128
6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	87	2399

Nơi làm việc của Khoa TDDT được bố trí ở tầng 2 Nhà đa năng của Trường Đại học Sư phạm, gồm 02 phòng dành cho Ban chủ nhiệm khoa, 02 phòng dành cho 02 bộ môn, 01 phòng làm văn phòng khoa; phòng lưu trữ tư liệu học tập (luận văn, đề tài NCKH, sách,...), nghiên cứu cho giảng viên và sinh viên; phòng trao đổi, tư vấn cho sinh viên. Mỗi phòng có diện tích khoảng 30 m². Như vậy, tổng diện tích phòng làm việc của Khoa TDDT được sử dụng phục vụ cho công tác đào tạo khoảng 260 m² (bình quân 12m²/1 GV), được trang bị đầy đủ bàn làm việc, máy vi tính có kết nối mạng internet, máy in, tủ tư liệu... Các trang thiết bị và phòng làm việc này phù hợp với định mức theo quy định của Nhà trường để đáp ứng CSVC tốt nhất cho GV, CBCNV có nhiều điều kiện phấn đấu, hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Diện tích phòng học lý thuyết cho sinh viên ngành HLTT là một phần diện tích phòng học chung của toàn trường đã có sẵn với đủ phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH. Toàn trường có 06 giảng đường với tổng diện tích 18656 m², 01 nhà học đa dụng 1.000 chỗ ngồi, 1 phòng học 350 chỗ ngồi. Tổng số 125 phòng học phục vụ các ngành đào tạo, trong đó có: 07 phòng học lớn từ 100 đến 200 chỗ ngồi, 101 phòng học từ 50 đến 100 chỗ ngồi, 14 phòng học dưới 50 chỗ ngồi, những phòng này được trang bị đầy đủ bàn, ghế, máy chiếu; có hệ thống âm thanh, ánh sáng đảm bảo cho hoạt động dạy và học.

Trường có sân vận động với diện tích 18375 m², hệ thống sân bóng chuyền với tổng diện tích 3000 m², sân bóng rổ diện tích 198 m², bể bơi diện tích 1250 m² và nhà thi đấu đa năng diện tích 3870 m² để phục vụ học tập các học phần chuyên ngành của sinh viên.

Trung tâm Phát triển kỹ năng sư phạm đã được đưa vào sử dụng, với quy mô 7 tầng, diện tích sàn xây dựng 3.050 m² có đầy đủ trang thiết bị hiện đại, bao gồm cả phòng máy tính, phòng học trực tuyến có thể kết nối với một số trường trung học phổ thông, tạo điều kiện thuận lợi cho SV rèn luyện NVSP.

5.2.2. Hệ thống thư viện, sách tham khảo

Trường Đại học Sư phạm có hệ thống thư viện với nhiều đầu sách phục vụ cho các môn chung và các môn học chuyên ngành. Tài liệu tham khảo liên quan đến ngành HLTT của nhà trường khá phong phú và cập nhật. Hằng năm Nhà trường đều có kế hoạch bổ sung các đầu sách theo yêu cầu chuyên môn của các chuyên ngành khi tổ chức đào tạo.

Bảng 5.5. Hệ thống thư viện phục vụ công tác đào tạo

TT	Thư viện	Diện tích thư viện (m2)	Diện tích phòng đọc (m2)	Số chỗ ngồi	Số lượng máy tính tra cứu	Số đầu sách (giáo trình, tham khảo)/ số bản	Phần mềm quản lí thư viện
1	Trung tâm số - ĐHTN	>10.000			400		
2	Thư viện Trường	2.934		> 300	100	13.394/ 276.382	x
3	Thư viện khoa/ bộ môn (của đơn vị chuyên môn được giao nhiệm vụ mở ngành)	30	30	50	0	> 100/>200	
4	Thư viện điện tử của Nhà trường	x	x	x			

VI. Chương trình đào tạo

6.1. Tên ngành (tiếng Việt và tiếng Anh): Huấn luyện thể thao (Sport Coaching)

6.2. Tên chương trình đào tạo: Huấn luyện thể thao

6.3. Hệ đào tạo: Đại học

6.4. Danh hiệu tốt nghiệp: Cử nhân

6.5. Thời gian đào tạo: 4 năm

6.6. Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

6.7. Đơn vị đào tạo: Khoa Thể dục Thể thao, Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN

6.8. Mục tiêu đào tạo

6.8.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu của chương trình là Đào tạo sinh viên trình độ đại học ngành Huấn luyện thể thao (HLTT) có phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức

khỏe tốt; có kiến thức cơ bản, chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng và khả năng vận dụng trong thực tiễn quản lý, hướng dẫn, giảng dạy và huấn luyện thể thao; có năng lực trong công tác tuyển chọn, quản lý huấn luyện vận động viên, tổ chức thi đấu, trọng tài, quản lý chuyên môn các đội thể thao; có kỹ năng và năng lực tổ chức các hoạt động, sự kiện thể dục thể thao. Người học sau khi tốt nghiệp có khả năng làm công tác Huấn luyện môn thể thao chuyên ngành ở các câu lạc bộ Thể dục thể thao (TDTT), các đội tuyển thể thao, là cán bộ chuyên môn trong các cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan quản lý xã hội về TDTT; hoặc tham gia giảng dạy, nghiên cứu khoa học TDTT trong các cơ sở đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân về lĩnh vực TDTT. Tổ chức thi đấu, trọng tài các giải thể thao theo chuyên ngành đào tạo; có khả năng tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng các yêu cầu của xã hội.

6.8.2. Mục tiêu cụ thể

PO1: Có phẩm chất chí trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; có năng lực chung, chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng.

PO2: Có kiến thức chung, kiến thức ngành và bổ trợ, kiến thức nghiệp vụ của chuyên ngành Huấn luyện thể thao để vận dụng trong công tác dạy học, huấn luyện, tổ chức thi đấu, trọng tài các môn thể thao.

PO3: Vận dụng được các kiến thức cơ bản của chuyên ngành Huấn luyện thể thao vào hoạt động huấn luyện, dạy học, tổ chức thi đấu, trọng tài các môn thể thao.

PO4: Có năng lực thiết kế, tổ chức thực hiện hoạt động huấn luyện, dạy học, tổ chức thi đấu, trọng tài các môn thể thao.

PO5: Có kỹ năng giao tiếp, làm việc độc lập, làm việc nhóm và tiếp tục học tập nâng cao trình độ chuyên môn.

PO6: Có năng lực huấn luyện, dạy học, đánh giá kết quả tuyển chọn và đào tạo của vận động viên trong lĩnh vực TDTT.

PO7: Có năng lực nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực TDTT.

PO8: Có năng lực sử dụng công nghệ thông tin, tiếng Anh trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn.

6.9. Chuẩn đầu vào: Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông

6.10. Chuẩn đầu ra

* Kiến thức

Kiến thức chung:

PLO1: Vận dụng được kiến thức cơ bản về lý luận chính trị và pháp luật Việt Nam trong hoạt động thực tiễn và hoạt động chuyên môn.

PLO2: Vận dụng có hiệu quả các kiến thức nền tảng của khoa học tự nhiên để giải thích các vấn đề xảy ra trong thực tiễn nghề nghiệp và cuộc sống.

Kiến thức chuyên môn:

PLO3: Vận dụng được kiến thức khoa học cơ bản của huấn luyện thể thao để đánh giá, giải quyết tốt các vấn đề cụ thể trong các hoạt động TDTT, nghiên cứu khoa học, giảng dạy, huấn luyện và tuyển chọn tài năng thể thao trong đào tạo môn chuyên sâu

PLO4: Áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, kinh tế, chính trị, TDTT, pháp luật, quốc phòng – an ninh và các ngành khoa học liên quan để giải quyết những vấn đề phát sinh trong hoạt động nghề nghiệp.

*** Kỹ năng**

Kỹ năng chung:

PLO5: Giao tiếp hiệu quả và thực hiện được hoạt động tư vấn trong hoạt động huấn luyện, giáo dục và hướng nghiệp.

PLO6: Khai thác được các ứng dụng của công nghệ thông tin trong tự học, nghiên cứu khoa học, huấn luyện, đánh giá và quản lý vận động viên.

PLO7: Sử dụng được tiếng Anh tương đương bậc 3/6 trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn.

Kỹ năng chuyên môn:

PLO8: Thực hiện và phân tích được kỹ thuật cơ bản của các môn thể thao trong chương trình GDPT;

PLO9: Vận dụng được phương pháp dạy học, huấn luyện, phương pháp kiểm tra, đánh giá trong hoạt động huấn luyện môn thể thao chuyên sâu ở cơ sở.

PLO10: Xây dựng được kế hoạch chuyên môn và tham gia xây dựng kế hoạch giáo dục ở cơ sở.

PLO11: Sử dụng được kiến thức chuyên môn trong công tác huấn luyện và tổ chức thi đấu, trọng tài các môn thể thao.

PLO12: Phối hợp được với các tổ chức và cá nhân có liên quan trong triển khai công tác chuyên môn; Đề xuất được các giải pháp nâng cao chất lượng công tác huấn luyện, tổ chức thi đấu và trọng tài các môn thể thao.

*** Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm**

PLO13: Thực hiện hành vi ứng xử phù hợp với quy định về đạo đức nghề nghiệp, quy chế dân chủ ở cơ quan.

PLO14: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm, học tập suốt đời; đánh giá để đưa ra kết luận và có giải pháp cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn.

*** Vị trí làm việc (cơ hội nghề nghiệp/việc làm):**

- Huấn luyện viên, hướng dẫn viên tại các Trung tâm huấn luyện đào tạo và thi đấu Thể thao; Câu lạc bộ TDTT; các tổ chức xã hội; các trung tâm dịch vụ, doanh nghiệp về TDTT;

- Giáo viên tại các trường năng khiếu TDTT.

- Cán bộ nghiên cứu ở các cơ sở nghiên cứu khoa học TDTT.

- Cán bộ chuyên môn về lĩnh vực TDTT cấp xã (phường); trung tâm Văn hóa – Thể thao cấp huyện (thành, thị) và trong các lực lượng vũ trang.

6.11. Nội dung đào tạo

6.11.1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 122 tín chỉ

- Khối kiến thức đại cương: 26 tín chỉ

- Khối kiến thức chung giáo dục chuyên nghiệp: 56 tín chỉ

- Khối kiến thức nghiệp vụ: 34 tín chỉ

- Khối kiến thức khóa luận tốt nghiệp và thay thế khóa luận tốt nghiệp: 6 tín chỉ

6.11.2. Khung chương trình đào tạo

Số TT	Mã số	Tên học phần	Số TC	Loại giờ tín chỉ				TTCM cơ sở	HP tiên quyết	HP học rước	Học kỳ dự kiến
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Thảo luận				
1. Kiến thức giáo dục đại cương			26								
	59SPH131	Triết học Mác - Lênin	3	32	10	6	10				1
	59SPE121	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	21	6	6	6			59SPH131	2
	59SSO121	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	6	6	6			59SPE121	3
	59HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	6	6	6			59SSO121	4
	59HPV121	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	6	6	6			59HCM121	5
	59GEL121	Pháp luật đại cương	2	21	6	6	6				6
	59ENG131	Tiếng Anh 1	3	30	10	15	5				1
	59ENG132	Tiếng Anh 2	3	30	10	15	5			55ENG131	2
	59ENG143	Tiếng Anh 3	4	40	15	20	5			55ENG132	3
	59GIF131	Tin học đại cương	3	20	6	40	4				1
	59MIE131	Giáo dục quốc phòng		05 tuần tập trung							
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			56								
2.1. Kiến thức cơ sở ngành			22								
2.1.1. Các học phần bắt buộc			13								
	59APS241	Giải phẫu và Sinh lý học TDTT	4	45		30					2

Số TT	Mã số	Tên học phần	Số TC	Loại giờ tín chỉ				TTCM cơ sở	HP tiên quyết	HP học rước	Học kỳ dự kiến
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Thảo luận				
	59SMC231	Vệ sinh và Y học TDDT	3	35		20				59APS241	3
	59SRM231	Phương pháp NCKH và Đo lường TT	3	30	10	10	10				2
	59STM231	Lý luận và phương pháp TDDT	3	30	9		12	9			
2.1.2. Các học phần tự chọn (chọn 3 trong 7 học phần)			9								
	59SPR231	Hồi phục thể thao	3	35	10		10				3
	59SBC231	Sinh hóa học TDDT	3	35		10	10				4
	59BBS231	Sinh cơ học TDDT	3	35		10	10				5
	59SPN231	Dinh dưỡng thể thao	3	35	10		10				3
	59AST231	Tuyển chọn VĐV	3	35	10		10				4
	59ATN231	Đào tạo VĐV	3	35	10		10				4
	59SPL231	Tâm lý học TDDT	3	35	10		10				4
2.2. Kiến thức ngành			34								
2.2.1. Các học phần bắt buộc			19								
	59ATH341	Điền kinh	4	8	12	92					1
	59GYM331	Thể dục	3	6	9	69					4
	59SWM331	Bơi	3	6	9	69					2
	59FBA331	Bóng đá	3	6	9	69					1
	59BMT331	Cầu lông	3	6	9	69					1
	59VLB331	Bóng chuyền	3	6	9	69					2
2.2.2. Các học phần tự chọn (chọn 5/11 học phần)			15								
	59BKB331	Bóng rổ	3	6	9	69					2
	59KFU331	Võ thuật	3	6	9	69					2
	59NTS331	Thể thao dân tộc	3	6	9	69					5
	59SSC331	Đá cầu	3	6	9	69					5
	59SGA331	Trò chơi vận động	3	6	9	69					5

Số TT	Mã số	Tên học phần	Số TC	Loại giờ tín chỉ				TTCM cơ sở	HP tiên quyết	HP học rước	Học kỳ dự kiến
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Thảo luận				
	59GYY331	Gym	3	6	9	69					6
	59YOG331	Yoga	3	6	9	69					6
	59PLB331	Pickleball	3	6	9	69					6
	59TEI331	Quần vợt	3	6	9	69					7
	59CHE331	Cờ vua	3	6	9	69					7
	59TTE331	Bóng bàn	3	6	9	69					7
3. Kiến thức nghiệp vụ			34								
3.1. Các học phần bắt buộc			14								
	59EDS431	Phương pháp huấn luyện Thể thao	3	31	10		9	9			5
	59SCC431	Giáo dục học TDTT	3	30	15		15				7
	59ASF431	Thực tế hoạt động Thể thao ở cơ sở	3					90			6
	59PFP421	Thực tập nghiệp vụ 1	2	03 tuần ở cơ sở							6
	59PFP432	Thực tập nghiệp vụ 2	3	07 tuần ở cơ sở							8
3.2. Các học phần tự chọn (chọn 1 trong các chuyên sâu sau: Bóng đá, Bóng rổ, Cầu lông, Bóng chuyền, Võ thuật, Bơi, Điền kinh)			20								
	59ITS441	Thể thao chuyên sâu 1	4	8	12	92					3
	59ITS442	Thể thao chuyên sâu 2	4	8	12	92					4
	59ITS443	Thể thao chuyên sâu 3	4	8	12	92					5
	59ITS444	Thể thao chuyên sâu 4	4	8	12	92					6
	59ITS445	Thể thao chuyên sâu 5	4	8	12	92					7
4. Khóa luận tốt nghiệp, các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			6								
4.1. Khóa luận tốt nghiệp			6								
	59GTP904	Khoá luận tốt nghiệp	6								8
4.2. Các học phần thay thế KLTN (chọn 2/5 học phần)			6								

Giải phẫu và Sinh lý học TĐTT	0	0	2	1	1	0	0	0	0	2	2	0	0	1
Vệ sinh và Y học TĐTT	0	0	3	2	1	0	0	0	2	2	0	0	0	2
Phương pháp NCKH và Đo lường TT	0	0	2	3	1	0	0	0	0	0	0	2	0	2
Lý luận và phương pháp TĐTT	0	0	3	3	1	0	0	0	1	2	1	1	0	1
Sinh hóa học TĐTT	0	0	3	3	1	0	0	0	0	0	2	0	0	1
Sinh cơ học TĐTT	0	0	2	2	1	0	0	2	1	0	0	0	0	1
Hồi phục thể thao	0	0	3	3	1	0	0	0	0	0	2	0	0	1
Dinh dưỡng thể thao	0	0	3	3	1	0	0	0	0	0	2	0	0	1
Kinh tế học TĐTT	0	0	3	3	1	0	0	0	0	0	2	0	0	1
Tuyển chọn VĐV	0	0	3	3	1	0	0	0	0	0	2	0	0	1
Đào tạo VĐV	0	0	3	3	1	0	0	0	0	0	2	0	0	1
Tâm lý học TĐTT	0	3	0	0	2	3	0	0	0	0	0	0	1	1
Điện kinh	0	0	2	0	1	0	0	3	1	0	1	2	0	1
Thể dục	0	0	3	0	0	0	0	2	2	1	1	1	0	1
Bóng đá	0	0	2	0	1	0	0	3	2	2	2	1	0	1
Bóng chuyền	0	0	2	0	1	0	0	3	2	2	2	1	0	1
Bóng rổ	0	0	2	0	1	0	0	3	2	2	2	1	0	1
Võ thuật	0	0	2	0	1	0	0	3	2	2	2	1	0	1
Cầu lông	0	0	2	0	1	0	0	3	2	2	2	1	0	1
Đá cầu	0	0	2	0	1	0	0	3	2	2	2	1	0	1
Bơi	0	0	2	0	1	0	0	3	2	2	2	1	0	1
Trò chơi vận động	0	0	2	2	1	0	0	3	1	1	1	1	0	2
Thể thao dân tộc	0	0	2	1	1	0	0	3	1	1	1	1	0	2
Gym	0	0	2	0	1	0	0	3	2	2	2	1	0	1
Yoga	0	0	2	0	1	0	0	3	1	2	2	1	0	1
Pickleball	0	0	2	0	2	0	0	3	1	2	1	1	0	1
Quần vợt	0	0	2	0	2	0	0	3	2	2	2	1	0	1
Cờ vua	0	0	2	0	0	0	0	3	2	1	1	1	0	1
Bóng bàn	0	0	2	0	1	0	0	3	1	2	1	1	0	1

Phương pháp huấn luyện	0	1	0	2	1	0	0	0	1	1	1	0	0	2
Giáo dục học TDTT	0	1	0	2	1	0	0	0	0	0	0	2	0	2
Thực tế hoạt động Thể thao ở cơ sở	0	0	2	2	1	0	0	1	1	2	2	1	0	2
Thực tập nghiệp vụ 1	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3
Thực tập nghiệp vụ 2	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	3
Thể thao chuyên sâu 1	0	0	2	2	0	0	0	3	1	1	2	1	0	1
Thể thao chuyên sâu 2	0	0	2	2	0	0	0	3	1	1	2	1	0	1
Thể thao chuyên sâu 3	0	0	2	2	0	0	0	3	1	1	2	1	0	1
Thể thao chuyên sâu 4	0	0	2	2	0	0	0	3	1	1	2	1	0	1
Thể thao chuyên sâu 5	0	0	2	2	0	0	0	3	1	1	2	1	0	1
Khoá luận tốt nghiệp	0	1	0	2	1	0	0	2	2	2	2	1	0	2
Quản lý TDTT	0	1	1	1	1	0	0	0	0	0	1	2	0	0
Kinh tế học TDTT	0	1	1	1	1	0	0	0	0	0	1	2	0	0
Thể thao giải trí	0	1	1	1	1	0	0	0	0	0	1	2	0	0
Lịch sử TDTT và lịch sử Olympic	0	1	0	2	1	0	0	0	0	0	0	1	0	1
Maketing Thể thao	0	1	0	2	1	0	0	0	0	0	1	1	0	1

6.11.4. Trình tự nội dung chương trình dạy học các học kỳ

I. HỌC KÌ 1:

Số TT	Mã số	Tên học phần	Số TC	Loại giờ tín chỉ				TTCM cơ sở	HP tiên quyết	HP học rước	Chi chú
				Lý	Bài tập	Thực hành	Thảo luận				
1	59SPH131	Triết học Mác - Lênin	3	32	10	6	10				
2	59ENG131	Tiếng Anh 1	3	30	10	15	5				
3	59GIF131	Tin học đại cương	3	20	6	40	4				
4	59ATH341	Điền kinh	4	8	12	92					
5	59FBA331	Bóng đá	3	6	9	69					
6	59BMT331	Cầu lông	3	6	9	69					
Tổng số tín chỉ			19								

II. HỌC KÌ II

Số TT	Mã số	Tên học phần	Số TC	Loại giờ tín chỉ				TTCM cơ sở	HP tiên quyết	HP học rước	Học kỳ dự kiến
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Thảo luận				
1	59SPE121	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	21	6	6	6			59SPH131	
2	59ENG132	Tiếng Anh 2	3	30	10	15	5			55ENG131	
3	59APS231	Giải phẫu và Sinh lý TDTT	4	45		30					
4	59SRM231	Phương pháp NCKH và Đo lường TT	3	30	10	10	10				
5	59SWM331	Bơi	3	6	9	69					
	59VLB331	Bóng chuyền	3	6	9	69					
6	59BKB331	Bóng rổ	3	6	9	69					Chọn 1/2 học phần
7	59KFU331	Võ thuật	3	6	9	69					
Tổng số tín chỉ			21								

III. HỌC KỲ 3

Số TT	Mã số	Tên học phần	Số TC	Loại giờ tín chỉ				TTCM cơ sở	HP tiên quyết	HP học rước	Học kỳ dự kiến
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Thảo luận				
1	59SSO121	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	6	6	6			59SPE121	
2	59ENG143	Tiếng Anh 3	4	40	15	20	5			55ENG132	
3	59SMC231	Vệ sinh và Y học TDTT	3	35		20					
4	59ITS441	Thể thao chuyên sâu 1	4	8	12	92					
5	59SPR231	Hồi phục thể thao	3	35	10		10				Chọn 1/2 học phần
6	59SPN231	Dinh dưỡng thể thao	3	35	10		10				
Tổng số tín chỉ			16								

IV. HỌC KỲ 4

Số TT	Mã số	Tên học phần	Số TC	Loại giờ tín chỉ				TTCM cơ sở	HP tiên quyết	HP học rước	Học kỳ dự kiến
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Thảo luận				
1	59HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	6	6	6			59SSO121	
2	59SBC231	Sinh hóa học TDTT	3	35		10	10				
3	59GYM331	Thể dục	3	6	9	69					
4	59AST231	Tuyển chọn VĐV	3	35	10		10				Chọn 1/3 học phần
5	59SPL231	Tâm lý học TDTT	3	35	10		10				
6	59ATN231	Đào tạo VĐV	3	35	10		10				
7	59ITS442	Thể thao chuyên sâu 2	4	8	12	92					
Tổng số tín chỉ			15								

V. HỌC KỲ 5

Số TT	Mã số	Tên học phần	Số TC	Loại giờ tín chỉ				TTCM cơ sở	HP tiên quyết	HP học rước	Học kỳ dự kiến
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Thảo luận				
1	59HPV121	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	6	6	6			59HCM121	
2	59BBS231	Sinh cơ học TDTT	3	35		10	10				
	59EDS431	Phương pháp huấn luyện Thể thao	3	31	10		9	9			
3	59ITS443	Thể thao chuyên sâu 3	4	8	12	92					
6	59NTS331	Thể thao dân tộc	3	6	9	69					Chọn 1/3 học phần
7	59SSC331	Đá cầu	3	6	9	69					
8	59SGA331	Trò chơi vận động	3	6	9	69					
Tổng số tín chỉ			15								

VI. HỌC KỲ 6

Số TT	Mã số	Tên học phần	Số TC	Loại giờ tín chỉ				TTCM cơ sở	HP tiên quyết	HP học rước	Học kỳ dự kiến
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Thảo luận				
1	59GEL121	Pháp luật đại cương	2	21	6	6	6				
2	59ASF431	Thực tế hoạt động Thể thao ở cơ sở	3					90			
3	59ITS444	Thể thao chuyên sâu 4	4	8	12	92					
4	59PFP421	Thực tập nghiệp vụ 1	2	03 tuần ở cơ sở							
5	59GYY331	Gym	3	6	9	69					Chọn 1/3 học phần
6	59YOG331	Yoga	3	6	9	69					
7	59PLB331	Pickleball	3	6	9	69					
Tổng số tín chỉ			14								

VII. HỌC KỲ 7

Số TT	Mã số	Tên học phần	Số TC	Loại giờ tín chỉ				TTCM cơ sở	HP tiên quyết	HP học rước	Học kỳ dự kiến
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Thảo luận				
1	59ITS445	Thể thao chuyên sâu 5	4	8	12	92					
2	59SCC431	Giáo dục học TDTT	3	30	15		15				
3	59TEI331	Quần vợt	3	6	9	69					Chọn 2/3 học phần
4	59CHE331	Cờ vua	3	6	9	69					
5	59TTE331	Bóng bàn	3	6	9	69					
Tổng số tín chỉ			13								

VIII. HỌC KỲ 8

Số TT	Mã số	Tên học phần	Số TC	Loại giờ tín chỉ				TTCM cơ sở	HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Thảo luận				
1	59PFP432	Thực tập nghiệp vụ 2	3	07 tuần ở cơ sở							
2	59GTP904	Khoá luận tốt nghiệp	6								Tự chọn
3	59SPE231	Kinh tế học TDTT	3	35	10		10				Chọn 2/5 hp
4	59SMG901	Quản lý TDTT	3	30	15		15				
5	59SEM901	Thể thao giải trí	3	30	15		15				
6	59SHO901	Lịch sử TDTT và lịch sử Olympic	3	30	15		15				
7	59SMT901	Marketing Thể thao	3	30	15		15				
Tổng số tín chỉ			9								

VII. Tóm tắt nội dung học phần

7.1. 59SPH131, Triết học Mác – Lênin (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp các kiến thức khái quát về triết học, triết học Mác – Lênin (chương 1); những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật, như: vật chất, ý thức, mối quan hệ giữa vật chất và ý thức; các nguyên lý, quy luật, phạm trù của phép biện chứng duy vật; vấn đề lý luận nhận thức (chương 2). Ngoài ra, học phần còn cung cấp các kiến thức cơ bản về chủ nghĩa duy vật lịch sử như: học thuyết Hình thái kinh tế - xã hội; vấn đề giai cấp; vấn đề nhà nước và cách mạng xã hội; vấn đề tồn tại xã hội và ý thức xã hội; vấn đề con người trong triết học Mác – Lênin (chương 3).

7.2. 59SPE121, Kinh tế chính trị Mác – Lênin (2 tín chỉ)

Học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, cung cấp kiến thức cơ sở, nền tảng tư tưởng cho người học là lý luận kinh tế chính trị của Các Mác, Ph.Ăngghen và Lênin về sản xuất hàng hoá và thị trường; về nguồn gốc, bản chất và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư; về cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Đồng thời, học phần còn định hướng người học tiếp cận các vấn đề lý luận và thực tiễn về kinh tế chính trị trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.

7.3. 59SSO121, Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ)

Học phần chủ nghĩa xã hội khoa học làm rõ những quy luật và tính quy luật về chính trị - xã hội của quá trình hình thành, phát triển của hình thái kinh tế- xã hội cộng sản chủ nghĩa; những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, con đường, hình thức và phương pháp để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Học phần chủ nghĩa xã hội khoa học tập trung luận giải nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, xã hội xã hội chủ nghĩa, nền dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa, về vấn đề liên minh giai cấp, vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

7.4. 59HCM121, Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn học bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương, nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời, tập trung luận giải nội dung những chuyên đề cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; tư tưởng về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; tư tưởng về văn hoá, đạo đức và con người.

7.5. 59HPV121, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)

Môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam nghiên cứu về quá trình hình thành, phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam cũng như quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến 2018, cụ thể: Từ 1930 đến 1945, nghiên cứu về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền; từ 1945 đến 2018, nghiên cứu về quá trình Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới. Trên cơ sở đó, học phần khái quát các bài học lớn của cách mạng Việt Nam từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời tới nay

7.6. 59GEL121, Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)

Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương của tất cả các chương trình đào tạo. Học phần cung cấp những kiến thức lý luận về nhà nước và pháp luật, nội dung cơ bản của một số ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Hình sự, Luật Dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình.

7.7. 59ENG131, Tiếng Anh 1 (3 tín chỉ)

Môn Tiếng Anh 1 là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chung của chương trình đào tạo cử nhân sư phạm.

Môn học Tiếng Anh 1 cung cấp cho sinh viên những vốn ngữ pháp cơ bản như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, các cấu trúc so sánh, động từ khuyết thiếu và vốn từ vựng cơ bản về các chủ đề như sức khỏe, thể thao, giao thông và thử thách để phát triển được kỹ năng ngôn ngữ Bậc 2 ở mức cao. Đồng thời, môn học này cũng rèn luyện cho người học các kỹ năng sử dụng tiếng Anh để bày tỏ ý kiến, quan điểm và giải thích trong các tình huống giao tiếp; viết được các câu đúng ngữ pháp, các ghi chú ngắn, tin nhắn ngắn đơn giản theo các chủ đề quen thuộc hàng ngày.

Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học Spark và lớp học ảo sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

7.8. 59ENG132, Tiếng Anh 2 (3 tín chỉ)

Môn Tiếng Anh 2 là học phần kế tiếp của Tiếng Anh 1, là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chung của chương trình đào tạo cử nhân sư phạm.

Môn Tiếng Anh 2 trang bị cho người học vốn từ vựng về các chủ đề môi trường, các sự kiện trong cuộc sống, nghề nghiệp, và khoa học - công nghệ. Bên cạnh đó, người học được củng cố các hiện tượng ngữ pháp cơ bản như danh từ đếm và không đếm được, quán từ số lượng, mạo từ, động từ có “to”, các dạng tương lai, giới từ, thì hiện tại hoàn thành, mệnh đề quan hệ xác định, câu điều kiện loại 1 và loại 0. Kiến thức trong học phần không chỉ mang tính học thuật mà còn bao gồm những thông tin và hiểu biết thực tế về các địa danh, con người và sự kiện ở một số quốc gia trên thế giới.

Học phần này tiếp tục rèn luyện cho người học các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh ở cấp độ Bậc 3 thấp gồm nghe, nói, đọc và viết, đặt trong 4 chủ đề chính như đã nêu ở trên. Kết thúc học phần này, trong phạm vi các chủ đề đã học, người học có khả năng nói chuyện, nghe lấy ý chính và lấy thông tin, đọc hiểu ý chính và đọc lấy thông tin, viết thư thân mật.

Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học MyELT và lớp học ảo sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

7.9. 59ENG143, Tiếng Anh 3 (4 tín chỉ)

Môn Tiếng Anh 3 là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chung của chương trình đào tạo cử nhân sư phạm.

Học phần tiếng Anh 3 tiếp tục bổ sung cho sinh viên lượng từ vựng về các chủ đề Kỳ nghỉ; Sản phẩm; Lịch sử và Tự nhiên cùng với các chủ điểm ngữ pháp về câu bị động ở hiện tại và quá khứ; quá khứ hoàn thành, câu hỏi cho chủ ngữ và tân ngữ, tính từ đuôi -ing và đuôi -ed; cấu trúc used to, câu gián tiếp; câu điều kiện loại 2, các đại từ bất định. Ngoài ra, ở học phần này, sinh viên tiếp tục được rèn luyện các kỹ năng giao tiếp trong tiếng Anh như: nghe hiểu được các cuộc hội thoại, các cuộc phỏng vấn và các bài viết; đọc hiểu các bài báo về các chủ đề được học; trình bày quan điểm cá nhân, lập kế hoạch hay phỏng vấn và rèn luyện kỹ năng viết đoạn văn đơn giản.

Cùng với các học phần tiếng Anh 1, 2, học phần tiếng Anh 3 tiếp tục phát triển kỹ năng sử dụng tiếng Anh cho sinh viên ở trình độ tiếng Anh bậc 3 ở mức trung bình theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và sử dụng được trong hoạt động giao tiếp.

7.10. 59GIF131, Tin học đại cương (3 tín chỉ)

Học phần Tin học đại cương cung cấp các kiến thức cơ bản về:

Cấu trúc chung của máy tính; xử lý lỗi cơ bản của máy tính; hệ điều hành.

Định dạng văn bản, chèn đối tượng vào văn bản, bảng biểu, công cụ trợ giúp soạn thảo trong Microsoft Word.

Định dạng và xử lý dữ liệu, công thức, các hàm cơ bản, biểu đồ trong Microsoft Excel.

Thao tác với slide; định dạng, thiết lập hiệu ứng cho đối tượng và slide; tạo siêu liên kết trong Microsoft PowerPoint.

Mạng máy tính và an toàn thông tin; một số ứng dụng cơ bản trên mạng Internet.

7.11. 59MIE131, Giáo dục quốc phòng

7.12. 59APS241, Giải phẫu và Sinh lý TDTT (4 tín chỉ)

Học phần giải phẫu và sinh lý học thể dục thể thao người cung cấp cho sinh viên chuyên ngành thể dục thể thao kiến thức về đại cương môn học, các nguyên tắc hoạt động của cơ thể người và các chức phận có liên quan. Học phần này bao gồm các kiến thức cơ bản về các chi tiết giải phẫu chính của các thành phần thuộc hệ thống các cơ quan trong cơ thể: cơ quan vận động (hệ xương khớp, hệ cơ), hệ thần kinh, tuần hoàn, hô hấp, tiêu hoá, tiết niệu, sinh dục. Những quan điểm về cơ chế sinh lý của việc hình thành kỹ năng vận động và phát triển các tổ chất vận động. Tác dụng của tập luyện thể dục thể thao đối với tất cả các cơ quan của cơ thể và tăng cường được khả năng thích nghi của chúng với điều kiện sống khác nhau.

Các kiến thức tổng hợp của cơ thể con người sẽ đạt được với các buổi thực hành, bao gồm các nghiên cứu về một số hệ cơ quan trong cơ thể người. Đồng thời, môn học này còn là bộ phận kiến thức cần thiết cho việc tiếp thu kiến thức các môn học khác như sinh hóa học thể dục thể thao, y học thể dục thể thao ... cũng như ứng dụng trong phân tích kỹ thuật bài tập thể chất.

7.13. 59SMC231, Vệ sinh và Y học TDTT (3 tín chỉ)

Môn học trang bị những kiến thức cơ bản về vệ sinh chung, vệ sinh cá nhân, vệ sinh dinh dưỡng, vệ sinh môi trường, vệ sinh học đường và vệ sinh trong tập luyện TDTT. Tìm hiểu về đặc điểm hình thái chức năng, phát triển thể chất nhằm đánh giá về thể lực và sức khỏe con người. Từ những kiến thức đã học sinh viên biết phòng tránh, chấn thương, bệnh lý và bước đầu biết xử lý các trường hợp chấn thương và bệnh lý thường gặp trong tập luyện và thi đấu TDTT.

7.14. 59SRM231, Phương pháp NCKH và Đo lường TT (3 tín chỉ)

Môn học Phương pháp NCKH và Đo lường TT nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực TDTT phù hợp với xu thế phát triển của khoa học hiện đại trên cơ sở tích lũy những kinh nghiệm thực tiễn của công tác thể dục thể thao nước ta. Bên cạnh đó, môn học còn trang bị cho người học những kiến thức khái quát về đo lường TT; cơ sở lý luận của test; Phương pháp đánh giá trong đo lường TT. Thông qua môn học giúp sinh viên hiểu và vận dụng được các vấn đề về lý luận vào thực tiễn quá trình giảng dạy, huấn luyện và NCKH trong lĩnh vực TDTT.

7.15. 59STM231, Lý luận và phương pháp TDTT (3 tín chỉ)

Học phần Lý luận và phương pháp TDDT trang bị cho sinh viên một số khái niệm cơ bản về TDDT; bản chất, chức năng cơ bản của TDDT; Mục đích, nhiệm vụ, những nguyên tắc chung của TDDT; Các phương tiện GDTC; Các phương pháp GDTC; Các nguyên tắc về phương pháp GDTC; Các hình thức tổ chức giờ thể dục; Những đặc điểm cơ bản của phương pháp giảng dạy động tác và phương pháp giáo dục các tố chất thể lực; Kết thúc học phần, người học có thể vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn tập luyện, giảng dạy, huấn luyện và nghiên cứu khoa học.

7.16. 59SPR231, Hồi phục thể thao (3 tín chỉ)

Học phần Hồi phục thể thao trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về mệt mỏi và hồi phục trong hoạt động thể thao cũng như kiến thức và kỹ năng về phục hồi chức năng trong thể thao. Từ những nội dung kiến thức này, người học có thể vận dụng vào công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học và quản lý chuyên môn về Thể dục thể thao quần chúng tại cơ sở.

7.17. 59SBC231, Sinh hóa học TDDT (3 tín chỉ)

Sinh hóa học Thể dục thể thao là môn khoa học cung cấp cho người học những hiểu biết về thành phần các chất trong cơ thể sống và sự chuyển hóa các chất trong cơ thể, bên cạnh đó còn trang bị cho người học các quy luật sinh hóa của quá trình phát triển thể chất và huấn luyện thể thao. Môn học phản ánh một cách chung nhất những phản ứng sinh hóa diễn ra tại các cơ quan, các mô của cơ thể. Thông qua môn học giúp người học ứng dụng rộng rãi kiến thức của môn học trong quá trình dạy học môn Giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao.

7.18. 59BBS231, Sinh cơ học TDDT (3 tín chỉ)

Học phần Sinh cơ học Thể dục thể thao góp phần trang bị cho người học mối liên hệ giữa khoa học vận động của các bộ phận cơ thể con người với kiến thức động lực học, nhằm mục đích tối ưu hóa kỹ thuật thực hiện động tác trong quá trình tập luyện, thi đấu và lao động sản xuất. Từ đó giúp người học ứng dụng rộng rãi kiến thức của môn học trong quá trình giảng dạy môn Giáo dục thể chất, nghiên cứu và huấn luyện thể thao.

7.19. 59SPN231, Dinh dưỡng thể thao (3 tín chỉ)

Học phần Dinh dưỡng thể thao trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các chất dinh dưỡng, nhu cầu dinh dưỡng, đặc điểm dinh dưỡng vận động viên; Giá trị dinh dưỡng và đặc điểm an toàn thực phẩm; Đặc điểm dinh dưỡng của tuổi nhi đồng, thiếu niên và lứa tuổi lao động. Những kiến thức và kỹ năng này có thể vận dụng vào công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học và quản lý chuyên môn về Thể dục thể thao tại cơ sở.

7.20. 59AST231, Tuyển chọn VĐV (3 tín chỉ)

Học phần Tuyển chọn vận động viên trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về quan điểm và khuynh hướng mới, cơ sở khoa học, nguyên tắc và quy trình tuyển chọn VĐV thể thao; Trang bị kỹ năng sử dụng các chỉ tiêu, phương pháp tuyển chọn và đánh giá khả năng VĐV. Những kiến thức và kỹ năng này có thể vận dụng vào công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học và quản lý chuyên môn về Thể dục thể thao tại cơ sở.

7.21. 59ATN231, Đào tạo VĐV (3 tín chỉ)

Học phần đào tạo vận động viên trang bị cho người học những vấn đề cơ bản về đào tạo tài năng thể thao, những con đường, hình thức, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng năng khiếu, tài năng ở bậc phổ thông, các phương pháp đánh giá ban đầu về tài năng của đối tượng được tuyển chọn từ đó nâng cao thành tích huấn luyện tài năng thể thao. Ngoài ra môn học giúp cho học viên nắm được các phương pháp nghiên cứu khoa học trong huấn luyện thể thao hiện đại.

7.22. 59SPL231, Tâm lý học TDDT (3 tín chỉ)

Tâm lý học TDDT là một lĩnh vực chuyên ngành của khoa học tâm lý, học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về cơ sở của đặc điểm tâm lý của con người khi tham gia những hoạt động TDDT; Đặc điểm tâm lý của công tác giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao. Đây chính là cơ sở khoa học để huấn luyện viên, giáo viên vận dụng trong việc điều chỉnh tâm lý của học sinh và vận động viên nhằm nâng cao hiệu quả công tác giáo dục học sinh, vận động viên.

7.23. 59ATH341, Điền kinh (4 tín chỉ)

Học phần Điền kinh trang bị cho người học những kiến thức chung về sơ lược lịch sử, đặc điểm, ý nghĩa của môn học đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về Kỹ thuật, thể lực chuyên môn, phương pháp giảng dạy và huấn luyện; phương pháp kiểm tra, đánh giá; luật và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn Điền kinh. Thông qua môn học giúp người học phát triển tố chất sức bền tốc độ, nhanh, mạnh, khả năng phối hợp vận động và là nền tảng thể lực để tạo điều kiện tiếp thu nhanh các kỹ thuật của môn học khác.

7.24. 59GYM331, Thể dục (3 tín chỉ)

Thể dục (Đội hình đội ngũ, thể dục cơ bản) là môn học bắt buộc nằm trong khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo Cử nhân Giáo dục thể chất. Môn học này bao gồm các nội dung quan trọng sau: Các kỹ thuật cơ bản về đội ngũ, các bài tập về đội hình, các bài tập thể dục cơ bản, phương pháp kiểm tra đánh giá môn học. Thông qua môn học giúp người học bồi dưỡng tư thế thân thể đúng, chính xác thực hiện động tác thể dục thể thao, đồng thời rèn tính tổ chức kỷ luật, tính tập thể để tạo điều kiện tiếp thu nhanh các kỹ thuật của môn học khác.

7.25. 59SWM331, Bơi (3 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học những kiến thức chung về sơ lược lịch sử, đặc điểm, ý nghĩa của môn Bơi đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật, thể lực chuyên môn, phương pháp giảng dạy; phương pháp phòng, chống đuối nước, phương pháp kiểm tra, đánh giá; Luật, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn Bơi.

7.26. 59FBA331, Bóng đá (3 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học những kiến thức về sơ lược lịch sử, đặc điểm, ý nghĩa của bóng đá với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những

kiến thức và kỹ năng cơ bản của một số kỹ thuật, phương pháp dạy học; Phương pháp kiểm tra, đánh giá; luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn Bóng đá.

7.27. 59BMT331, Cầu lông (3 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học những kiến thức chung về sơ lược lịch sử, đặc điểm, ý nghĩa của môn học đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ chiến - chiến thuật, thể lực chuyên môn, phương pháp giảng dạy và huấn luyện; Phương pháp kiểm tra, đánh giá; luật, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn Cầu Lông. Thông qua môn học giúp người học phát triển tố chất thể lực để tạo điều kiện tiếp thu nhanh các kỹ thuật của môn học khác.

7.28. 59VLB331, Bóng chuyền (3 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học những kiến thức về sơ lược lịch sử, đặc điểm, ý nghĩa của bóng chuyền với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản của một số kỹ thuật, phương pháp dạy học; Phương pháp kiểm tra, đánh giá; luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn Bóng chuyền.

7.29. 59BKB331, Bóng rổ (3 tín chỉ)

Trang bị cho người học những kiến thức chung về sơ lược lịch sử, ý nghĩa tác dụng của môn học đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về Kỹ - chiến thuật, phương pháp giảng dạy và huấn luyện; luật và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn Bóng rổ; Phát triển thể lực chung và chuyên môn.

7.30. 59KFU331, Võ Thuật (3 tín chỉ)

Với sự phát triển rộng rãi phong trào tập luyện Võ thuật trong các trường học hiện nay, việc trang bị cho sinh viên ngành Giáo dục Thể chất những kiến thức, kỹ năng cơ bản về Võ thuật nhằm đáp ứng nhu cầu từ thực tiễn trên là rất cần thiết. Học phần Võ thuật gồm phần Lý thuyết (lịch sử phát triển, phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá; luật thi đấu,...) và Phần thực hành (tấn pháp, kỹ thuật đòn tay và đòn chân; khóa gỡ căn bản; phản đòn căn bản; quyền pháp; phương pháp tổ chức thi đấu,...).

7.31. 59NTS331, Thể thao dân tộc (3 tín chỉ)

Môn Thể thao dân tộc trang bị cho người học những kiến thức chung về sơ lược lịch sử, ý nghĩa tác dụng của môn học đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về Kỹ - chiến thuật, thể lực chuyên môn, phương pháp giảng dạy và huấn luyện; luật và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của các môn Thể thao dân tộc.

7.32. 59SSC331, Đá cầu (3 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học những kiến thức về sơ lược lịch sử, đặc điểm, ý nghĩa của Đá cầu với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản của một số kỹ thuật, phương pháp dạy học; Phương pháp

kiểm tra, đánh giá; luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn Đá cầu, Phát triển thể lực chung và chuyên môn.

7.33. 59SGA331, Trò chơi vận động (3 tín chỉ)

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về môn Trò chơi vận động như: Sơ lược lịch sử, ý nghĩa và tác dụng của môn học. Thông qua môn học sinh viên có thể phân tích được phương pháp tổ chức các trò chơi vận động, cách thức biên soạn, đánh giá và sáng tác và tổ chức được trò chơi phù hợp với đối tượng và năng lực vận động. Hình thành được kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, giao tiếp, làm việc nhóm. Môn học trò chơi góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong cho sinh viên và tạo điều kiện cho học tập các môn thể thao.

7.34. 59GY331, Gym (3 tín chỉ)

Gym là môn học tự chọn nằm trong khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo Cử nhân ngành Huấn luyện Thể thao. Môn học này có thể được coi là một phương tiện hiệu quả để rèn luyện và củng cố sức khỏe, phát triển toàn diện các tố chất thể lực như sức bền, sức mạnh, sự linh hoạt và độ dẻo dai cho người tập. Điểm đặc biệt của Gym là hình thức tập luyện phong phú, với nhiều bài tập đa dạng phù hợp với sở thích và nhu cầu của từng cá nhân, đồng thời đáp ứng được mục tiêu khỏe mạnh, vóc dáng cân đối của sinh viên. Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên các nội dung chính sau: Tổng quan về Gym và quản lý phòng Gym; Các phương pháp tập luyện cơ bản và nâng cao; Kỹ thuật sử dụng thiết bị và dụng cụ tập luyện; Phương pháp giảng dạy, kiểm tra và đánh giá môn học; Kỹ năng quản lý và tổ chức hoạt động phòng Gym chuyên nghiệp.

7.35. 59YOG331, Yoga (3 tín chỉ)

Học phần Yoga trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nguồn gốc, ý nghĩa cũng như chuỗi các tư thế, giá trị sức khỏe, giá trị chữa lành thân tâm. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức về Kỹ thuật cơ bản các tư thế, thở và thiền trong Yoga, phương pháp giảng dạy và huấn luyện; luật và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn Yoga.

7.36. 59PLB331, Pickleball (3 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học những kiến thức về sơ lược lịch sử, đặc điểm, ý nghĩa của Pickleball với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản của một số kỹ thuật, phương pháp dạy học; huấn luyện; Phương pháp kiểm tra, đánh giá; luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn Pickleball.

7.37. 59TEI,331, Quần vợt (3 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học những kiến thức chung về sơ lược lịch sử, đặc điểm, ý nghĩa của môn học đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ chiến - chiến thuật, thể lực chuyên môn, phương pháp giảng dạy và huấn luyện; Phương pháp kiểm tra, đánh giá; luật, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn Quần vợt. Thông qua môn học giúp người học phát triển tố chất thể lực để tạo điều kiện tiếp thu nhanh các kỹ thuật của môn học khác.

7.38. 59CHE331, Cờ vua (3 tín chỉ)

Cờ vua là môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguồn gốc lịch sử phát triển, đặc điểm tác dụng khi tập luyện môn cờ vua, xu hướng phát triển môn cờ vua trên thế giới và ở Việt Nam, các thông tin quy ước; phương pháp nghiên cứu ván đấu qua các giai đoạn, cách đánh giá thế trận, phân tích lập kế hoạch cho từng ván đấu; những kiến thức lý luận về phương pháp giảng dạy, tập luyện, phương pháp thi đấu và trọng tài cờ vua.

7.39. 59TTE331, Bóng bàn (3 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học những kiến thức chung về sơ lược lịch sử, đặc điểm, ý nghĩa của môn học đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ chiến - chiến thuật, thể lực chuyên môn, phương pháp giảng dạy và huấn luyện; Phương pháp kiểm tra, đánh giá; luật, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn Bóng bàn. Thông qua môn học giúp người học phát triển tố chất thể lực để tạo điều kiện tiếp thu nhanh các kỹ thuật của môn học khác.

7.40. 59EDS431, Phương pháp huấn luyện thể thao (3 tín chỉ)

Học phần Phương pháp huấn luyện thể thao trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về công tác huấn luyện trong lĩnh vực thể dục thể thao như: Các nguyên tắc và phương pháp huấn luyện; cách xây dựng, tổ chức và quá trình huấn luyện thể thao. Giúp sinh viên nâng cao hiểu biết và vận dụng vào công tác tuyển chọn, huấn luyện các môn thể thao ở cơ sở và trường học sau khi tốt nghiệp.

7.41. 59SCC431, Giáo dục học TDTT (3 tín chỉ)

Môn Giáo dục học TDTT cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản nhất về lý luận giáo dục trong thể thao, phân tích bản chất của giáo dục, các qui luật, xu thế, triển vọng của nó. Trên cơ sở đó, nghiên cứu mục tiêu, nội dung, nguyên tắc, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục con người trong hoạt động thể thao. Giúp sinh viên có được những hiểu biết quan trọng cần thiết về việc tổ chức, quản lý, giáo dục con người trong xã hội nói chung, trong thể thao nói riêng, đặc biệt chuẩn bị tốt cho tiềm lực lao động sư phạm và huấn luyện thể thao.

7.42. 59ASF431, Thực tế hoạt động Thể thao ở cơ sở (3 tín chỉ)

Môn học tạo môi trường thực tế về chuyên môn cho sinh viên vận dụng các kiến thức chuyên ngành và kiến thức nghiệp vụ sư phạm đã học trong lý thuyết để lập kế hoạch tổ chức và quản lý các hoạt động học tập, trải nghiệm và rèn luyện của sinh viên trong thực tiễn ở cơ sở; từ đó, nâng cao kiến thức đã học, kết hợp giữa lý luận và thực tế, học đi đôi với hành; rèn luyện các kỹ năng, kỷ luật tập thể. Đồng thời rèn luyện cho sinh viên kỹ năng quan sát, khai thác, xử lý số liệu, viết báo cáo thu hoạch, cách thức tổ chức tập luyện các môn thể thao. Thông qua việc nghiên cứu, tham quan và học tập tại các cơ sở, sinh viên được trang bị kiến thức thực tế phục vụ cho nghiên cứu chuyên ngành, đồng thời bồi dưỡng lòng yêu nghề nghiệp thông qua thực tiễn trải nghiệm.

7.43. 59PEP421, Thực tập nghiệp vụ 1 (2 tín chỉ)

Nội dung môn học Thực tập nghiệp vụ 1 nhằm giúp người học hiểu được thực tế công tác huấn luyện/dạy học năng khiếu, giáo dục, tiếp xúc với VĐV/học sinh và huấn luyện viên, giáo viên các cơ sở thực tập, qua đó hình thành tình cảm nghề nghiệp, thúc đẩy quá trình tự rèn luyện theo yêu cầu của nghề nghiệp; hiểu được các nội dung công việc chuyên môn của người huấn luyện viên, giáo viên bộ môn, có được những kỹ năng ban đầu về công tác quản lý đội tuyển/lớp học.

7.44. 59PEP432, Thực tập nghiệp vụ 2 (3 tín chỉ)

Nội dung môn học Thực tập nghiệp vụ 2 nhằm giúp người học hoàn thiện những kỹ năng về công tác quản lý đội tuyển/lớp năng khiếu TT, công tác giáo dục, nâng cao tình cảm, đạo đức nghề nghiệp; có những kỹ năng có bản về xây dựng kế hoạch huấn luyện; tổ chức huấn luyện; đánh giá kết quả tập luyện của VĐV/HS; có thể lên lớp huấn luyện và quản lý đội tuyển/lớp một cách độc lập.

7.45. 59ITS441, Thể thao chuyên sâu 1 (4 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học về nguyên lý kỹ thuật môn thể thao chuyên sâu và luật thi đấu. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị kỹ năng thực hiện các kỹ thuật nâng cao của môn thể thao chuyên sâu và năng lực vận dụng luật thi đấu để phân tích, giải thích các tình huống thực tiễn.

7.46. 59ITS442, Thể thao chuyên sâu 2 (4 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học về nguyên lý kỹ thuật của các kỹ thuật khó trong môn thể thao chuyên sâu. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị về phương pháp phát triển thể lực chuyên môn; kỹ năng xây dựng kế hoạch và thực hiện các bài tập thể lực chuyên môn của môn thể thao chuyên sâu.

7.47. 59ITS443, Thể thao chuyên sâu 3 (4 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học hệ thống các bài tập chiến thuật trong môn thể thao chuyên sâu. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị kiến thức và kỹ năng thực hiện công tác trọng tài thi đấu của môn thể thao chuyên sâu cấp cơ sở.

7.48. 59ITS444, Thể thao chuyên sâu 4 (4 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học về phương pháp giảng dạy kỹ thuật cơ bản của môn thể thao chuyên sâu. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị kiến thức và kỹ năng xây dựng kế hoạch và tổ chức thi đấu môn thể thao chuyên sâu cấp cơ sở.

7.49. 59ITS445, Thể thao chuyên sâu 5 (4 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học về kiến thức và kỹ năng tuyển chọn vận động viên môn thể thao chuyên sâu. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị kiến thức và kỹ năng xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện đội tuyển của môn thể thao chuyên sâu cấp cơ sở và đội trẻ.

7.50. 59GTP904, Khoá luận tốt nghiệp (6 tín chỉ)

7.51. 59SMG901, Quản lý TDTT (3 tín chỉ)

Học phần Quản lý Thể dục thể thao trang bị cho người học những kiến thức đại cương về quản lý và quản lý Thể dục Thể thao; Cán bộ quản lý trong lĩnh vực Thể dục Thể thao; Hoạt động chỉ đạo, kiểm tra... hệ thống tổ chức, quản lý Thể dục Thể thao Việt Nam; Công tác tuyên truyền Thể dục Thể thao; Hoạt động dịch vụ Thể dục Thể thao. Từ những nội dung kiến thức này, người học có thể vận dụng vào công tác quản lý hoạt động Thể dục Thể thao quản chúng tại cơ sở và hoạt động Giáo dục Thể chất và Thể thao trường học.

7.52. 59SPE901, Kinh tế học TDTT (3 tín chỉ)

Kinh tế học TDTT là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, nhằm trang bị cho người học những kiến thức chung về Kinh tế TDTT; Cơ sở lý luận và nội dung nghiên cứu của kinh tế học TDTT; Ngành thể dục thể thao và sản xuất dịch vụ thể thao; Hàng hóa TDTT, Kinh doanh TDTT. Thông qua môn học, người học có thể vận dụng kiến thức vào hoạt động giảng dạy, huấn luyện, nghiên cứu khoa học và quản lý chuyên môn của bản thân.

7.53. 59SEM901, Thể thao giải trí (3 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên các nội dung về lý luận hình thành thể thao giải trí; cơ sở của thể thao giải trí; các phương tiện và phương pháp thể dục thể thao giải trí; các môn thể dục dưỡng sinh và giải trí, gắn với thiên nhiên mang tính dân tộc; Các môn thể dục dưỡng sinh và giải trí, vận dụng trí tuệ, nghệ thuật và thanh lịch; Nhóm các môn giảm tải, mô phỏng các môn thể thao Olympic để giải trí và các môn thể dục thể thao giải trí tạo cảm giác mạnh dân gian và hiện đại đang sử dụng.

7.54. 59SHO901, Lịch sử TDTT và lịch sử Olympic (3 tín chỉ)

Môn Lịch sử thể dục thể thao và Olympic là môn học tự chọn trong chương trình đào tạo cử nhân huấn luyện thể thao. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về lịch sử hình thành và phát triển của thể dục thể thao và lịch sử Olympic qua các thời kỳ, các đại hội, thể vận hội ở trên thế giới và ở Việt Nam.

7.55. 59SMT901, Marketing Thể thao (3 tín chỉ)

Marketing thể thao là môn học cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về marketing, ảnh hưởng của marketing trong một doanh nghiệp/ tổ chức thể thao, xu hướng của tiếp thị trong xu thế toàn cầu hóa, môi trường và thông tin về marketing. Nắm được kiến thức môn học sinh viên có thể phân khúc thị trường, xác định thị trường mục tiêu và định vị hàng hóa trên thị trường, phân tích các đặc tính và hành vi của khách hàng. Môn học còn giúp cho người học nắm bắt được 4 phối thức trong hoạch định, tổ chức và thực hiện một chiến lược marketing hỗn hợp (Marketing Mix): chiến lược phát triển sản phẩm (Product), chiến lược định giá sản phẩm (Price), chiến lược phân phối (Place), chiến lược chiêu thị (Promotion).

VIII. Đề cương chi tiết học phần

8.1. Triết học Mác-Lênin

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	30		60
2	Bài tập	10		32
3	Thực hành	06		
4	Thảo luận	10		
5	Thực tế chuyên môn	0		
6	Kiểm tra, đánh giá	02		
Tổng		58		92

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: “Không”

- Học phần học trước: “Không”

- Học phần học song hành: “Không”

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Triết học, KT và PPDH; Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thị Khương	0349366616	khuongnt@tnue.edu.vn
2	TS. Ngô Thị Lan Anh	0913349907	anhntl@tnue.edu.vn
3	TS. Nguyễn Thị Thanh Hà	0975548585	hanttpoli@tnue.edu.vn
4	ThS. Vũ Thúy Hằng	0974090486	hangvt@tnue.edu.vn
5	ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền	0982983877	hiennttpoli@tnue.edu.vn
6	TS. Trần Thị Lan	0983896296	lannt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Khái quát được sự ra đời, phát triển của triết học Mác – Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội.

CO2: Phân tích được kiến thức cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật.

CO3: Phân tích được kiến thức cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử.

* Về kĩ năng

CO4: Vận dụng được giá trị khoa học cách mạng của triết học Mác – Lênin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO5: Liên hệ với trách nhiệm của bản thân trong thực thi nhiệm vụ chuyên môn và xây dựng, phát triển đất nước.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Trình bày được sự ra đời, phát triển của triết học Mác – Lênin	GPLO1,7
	CLO2	Giải thích được vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội.	GPLO1,7
CO2	CLO3	Phân tích được quan điểm của CNDVBC về vật chất, ý thức và mối quan hệ biện chứng giữa vật chất - ý thức.	GPLO1,7
	CLO4	Phân tích được những nội dung cơ bản của phép biện chứng duy vật.	GPLO1,7
	CLO5	Phân tích được những nội dung cơ bản của lý luận nhận thức theo quan điểm của CNDVBC.	GPLO1,7
CO3	CLO6	Phân tích được nội dung cơ bản của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội.	GPLO1,7
	CLO7	Luận giải được những vấn đề của triết học Mác-Lênin về giai cấp và nhà nước	GPLO1,7
	CLO8	Phân tích được quan điểm của CNDVLS về mối quan hệ biện chứng giữa TTXH và YTXH.	GPLO1,7
	CLO9	Phân tích được quan điểm triết học Mác – Lênin về vấn đề con người.	GPLO1,7
	Kĩ năng		
CO4	CLO10	Vận dụng giá trị khoa học và tính cách mạng của CNDVBC vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.	GPLO1,3,6,7
	CLO11	Vận dụng giá trị khoa học và tính cách mạng của PBCDV vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.	GPLO1,3,6,7

	CLO12	Vận dụng giá trị khoa học và tính cách mạng của CNDVLS vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.	GPLO1,3,6,7
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO5	CLO13	Liên hệ với trách nhiệm của bản thân trong thực thi nhiệm vụ chuyên môn và xây dựng, phát triển đất nước.	GPLO6,7
	CLO14	Thực hiện được trách nhiệm của bản thân trong thực thi nhiệm vụ chuyên môn và xây dựng, phát triển đất nước.	GPLO6,7

Ghi chú:

- GPLO1. Vận dụng được kiến thức cơ bản về lý luận chính trị và pháp luật Việt Nam trong hoạt động thực tiễn của bản thân và công việc.
- GPLO2. Vận dụng được các kiến thức tâm lý học, giáo dục học, quản lý nhà trường để tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục.
- GPLO3. Giao tiếp hiệu quả và thực hiện được hoạt động tư vấn trong hoạt động dạy học, giáo dục và hướng nghiệp.
- GPLO4. Khai thác được các ứng dụng của công nghệ thông tin trong tự học, nghiên cứu khoa học, dạy học, đánh giá và quản lý học sinh.
- GPLO5. Sử dụng được tiếng Anh tương đương bậc 3/6 trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn.
- GPLO6. Thực hiện đúng quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở trường phổ thông.
- GPLO7. Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo GPLOs						
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	x						x
CLO2	x						x
CLO3	x						x
CLO4	x						x
CLO5	x						x
CLO6	x						x

CLO7	x						x
CLO8	x						x
CLO9	x						x
CLO10	x		x			x	x
CLO11	x		x			x	x
CLO12	x		x			x	x
CLO13			x			x	x
CLO14			x			x	x
MĐG	3	0	2	0	0	2	3

Ghi chú:

- “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần cung cấp các kiến thức khái quát về triết học, triết học Mác – Lênin (chương 1); những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật, như: vật chất, ý thức, mối quan hệ giữa vật chất và ý thức; các nguyên lý, quy luật, phạm trù của phép biện chứng duy vật; vấn đề lý luận nhận thức (chương 2). Ngoài ra, học phần còn cung cấp các kiến thức cơ bản về chủ nghĩa duy vật lịch sử như: học thuyết Hình thái kinh tế - xã hội; vấn đề giai cấp; vấn đề nhà nước và cách mạng xã hội; vấn đề tồn tại xã hội và ý thức xã hội; vấn đề con người trong triết học Mác – Lênin (chương 3).

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm.

- Bài tập: Hoàn thành 3 bài tập cá nhân đúng hạn cho giảng viên.

- Thực hành: Hoàn thành 2 bài thực hành nhóm

- Thảo luận: Hoàn thành 2 bài thảo luận nhóm theo nội dung yêu cầu ở chương 2 hoặc 3; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước lớp.

- Hoàn thành: 02 bài kiểm tra định kỳ.

- Các nhiệm vụ/ sản phẩm tự học cần nộp: theo yêu cầu của giảng viên.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức và trọng số điểm

- Sử dụng thang 10 điểm.

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-14
2	A2. Bài tập	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 1-14
3	A3. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá thực hành nhóm	CLO 1-14
4	A4. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	CLO 1-14
5	A5. Bài kiểm tra định kì 1	25	02	Đáp án, thang điểm	CLO 1-5
	A6. Bài kiểm tra định kì 2			Đáp án, thang điểm	CLO 6-9
Thi kết thúc học phần					
6	A7. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1,3,4,5,6,8,9 ,10, 11, 13

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	- Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và các hoạt động trong giờ học.

					- Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

8.2.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Không thực hiện các nhiệm vụ, không nộp sản phẩm	Thực hiện 50-80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Trình bày vài quan điểm và lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.	Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.	Nội dung thể hiện các quan điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	Nội dung được phân tích và có dẫn chứng minh họa.
Ý tưởng sáng tạo	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng

8.2.3. Rubric đánh giá thực hành nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không tham gia thảo luận và chia sẻ	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ	Có tham gia thảo luận và chia sẻ.	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ
Thực hiện đúng các thao tác, quy trình	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Không thực hiện được các thao tác, quy trình	Thực hiện đầy đủ các thao tác, quy trình	Thực hiện khá tốt các thao tác, quy trình	Thực hiện tốt các thao tác, quy trình
Kết quả đầy đủ, đáp ứng yêu cầu có luận giải rõ ràng	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu, không luận giải được.	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, chưa có luận giải	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, luận giải chưa rõ ràng	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu, luận giải rõ ràng
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không đúng format và nộp quá thời gian hạn	Format nhiều chỗ không nhất quán và nộp trong thời gian hạn	Vài sai sót nhỏ về format và nộp đúng hạn	Đúng format và nộp đúng hạn

8.2.4. Rubric đánh giá thảo luận nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Đầy đủ theo yêu cầu	Phong phú hơn yêu cầu

Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Lập luận không có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
Trình bày báo cáo rõ ràng	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Thiếu rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Mạch lạc, rõ ràng
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Trả lời sai đa số các câu hỏi	Trả lời đúng đa số các câu hỏi, chưa nêu được định hướng phù hợp	Trả lời đúng đa số các câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình Triết học Mác-Lênin (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên Lý luận chính trị), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[2]. Nguyễn Thị Khương chủ biên (2021), Giáo trình Triết học Mác-Lênin, Nhà xuất bản Công thương.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007) Giáo trình Triết học Mác – Lênin (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng) NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[4]. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (1999), Giáo trình Triết học Mác - Lênin, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[5]. Nguyễn Hữu Vui, Nguyễn Ngọc Long chủ biên (2004) Giáo trình Triết học Mác – Lênin (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng) NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

9.3. Website

<http://dangcongsan.vn/>, <http://chinhphu.vn/>, <https://vtv.vn/>, <http://quochoi.vn/>, <http://www.tuyengiao.vn/>, <http://triethoc.edu.vn/>,...

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Phân biệt được các hình thức cơ bản của CNDV và CNDT; thuyết khả tri, bất khả tri và hoài nghi luận trong quá trình nhận thức và thực tiễn.
LLO2	Giải thích được sự đối lập giữa phương pháp biện chứng và phương pháp siêu hình trong quá trình nhận thức sự vật hiện tượng
LLO3	Chứng minh được sự ra đời của triết học Mác là một cuộc cách mạng vĩ đại trong lịch sử triết học nhân loại để thấy được vai trò thế giới quan, phương pháp luận của nó trong nhận thức và thực tiễn.
LLO4	Chứng minh được triết học Mác – Lênin là cơ sở lí luận khoa học của công cuộc xây dựng CNXH trên thế giới và sự nghiệp đổi mới theo định hướng XHCN ở Việt Nam.
LLO5	Vai trò của triết học Mác – Lênin đối với sinh viên.
LLO6	Vận dụng quan điểm triết học Mác – Lênin để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, chống các quan điểm sai trái, thù địch.
LLO7	Chứng minh được vai trò quyết định của vật chất đối với ý thức và rút ra được ý nghĩa phương pháp luận trong hoạt động nhận thức và thực tiễn.
LLO8	Minh họa được sự tác động trở lại của ý thức đối với vật chất và ý nghĩa phương pháp luận của nó trong hoạt động nhận thức và thực tiễn.
LLO9	Vận dụng ý nghĩa phương pháp luận của phép biện chứng duy vật để giải quyết các vấn đề sau: - Đấu tranh phòng chống tham nhũng. - Thực hiện bình đẳng giới. - Thực hiện quyền con người, quyền công dân. - Thực hiện đạo đức nhà giáo.

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO10	Phân tích được nội dung 3 quy luật cơ bản của PBCDV và ý nghĩa của nó đối với bản thân.
LLO11	Phân loại được sự khác biệt giữa thực tế và thực tiễn; bệnh giáo điều và bệnh kinh nghiệm trong hoạt động thực tiễn và công việc.
LLO12	Chứng minh được vai trò của thực tiễn đối với nhận thức và ý nghĩa của nó đối với bản thân.
LLO13	Giải thích được quan điểm khách quan, bệnh chủ quan duy ý chí.
LLO14	Phân tích được nội dung các cặp phạm trù cơ bản của PBCDV.
LLO15	Vận dụng quan điểm toàn diện, quan điểm phát triển để định hướng nghề nghiệp cho học sinh.
LLO16	Bày tỏ được quan điểm của cá nhân về vấn đề LLSX, QHSX ở địa phương; về CSHT và KTTT ở Việt Nam; về sự vận dụng học thuyết HTKT – XH của Đảng ta trong cách mạng Việt Nam hiện nay.
LLO17	Phân tích được các dấu hiệu để nhận biết giai cấp, dân tộc và các hình thức của đấu tranh giai cấp ở Việt Nam hiện nay.
LLO18	Tóm tắt được nguồn gốc, bản chất nhà nước; nguyên nhân và vai trò của CMXH; sự vận dụng của Đảng trong việc về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.
LLO19	Luận giải được quan điểm của CNDVLS về vai trò quyết định của TTXH đối với YTXH trong công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay.
LLO20	Mình họa được 5 biểu hiện của tính độc lập tương đối của YTXH trong xây dựng nền văn hóa mới ở nước ta hiện nay.
LLO21	Chứng minh được sự vận dụng của Đảng ta trong việc xây dựng con người mới phát triển toàn diện là dựa trên cơ sở quan điểm của triết học Mác – Lênin về bản chất con người.
LLO22	Bày tỏ được quan điểm cá nhân về việc phát huy vai trò của con người trong công cuộc đổi mới đất nước dựa trên quan điểm triết học Mác - Lênin về bản chất con người
LLO23	Chỉ ra được các biện pháp tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất và năng lực cho học sinh để trở thành con người phát triển toàn diện đáp ứng sự nghiệp CNH, HĐH đất nước theo quan điểm của triết học Mác – Lênin về bản chất con người
LLO24	Lựa chọn 01 nội dung về giáo dục quyền con người cho học sinh phổ thông để làm bài thực hành.

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO25	Vận dụng quan điểm duy vật lịch sử để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch về vấn đề nhà nước, dân tộc, cách mạng xã hội.
LLO26	Lựa chọn được một số biện pháp để phát huy quyền làm chủ của nhà giáo và của người học dựa trên quan điểm của CNDVLS.

10.2. Ma trận liên kết chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs) với chuẩn đầu ra học phần (CLOs)

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)													
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
LLO1	x									x				
LLO2	x													
LLO3		x												
LLO4		x								x			x	x
LLO5		x								x				
LLO6		x								x	x	x	x	x
LLO7			x							x				
LLO8			x											
LLO9			x							x	x		x	x
LLO10				x						x	x		x	x
LLO11					x					x	x		x	x
LLO12					x					x	x		x	x
LLO13					x									
LLO14				x										
LLO15				x						x	x		x	x
LLO16						x						x	x	x
LLO17							x							
LLO18							x					x	x	x
LLO19								x						
LLO20								x				x	x	

LLO21									x			x		
LLO22									x			x	x	x
LLO23									x			x	x	x
LLO24									x			x	x	x
LLO25								x				x	x	x
LLO26									x			x	x	x

10.2. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (8 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (5 tiết) 1.1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học 1.1.1. Khái lược về triết học 1.1.2. Vấn đề cơ bản của triết học	- Thuyết trình - Nêu vấn đề	A1, A5, A7	[1], [2] [3], [4], [5] Chương 1
LLO2	1.1.3. Biện chứng và siêu hình	- Thuyết trình - Nêu vấn đề	A1, A5, A7	[1], [2] [3], [4], [5] Chương 1
LLO3	1.2. Triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội 1.2.1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác – Lênin	- Thuyết trình - Nêu vấn đề	A1, A5, A7	[1], [2] [3], [4], [5] Chương 1
LLO4	1.2.2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác – Lênin 1.2.3. Vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay	- Thuyết trình - Đàm thoại - Nêu vấn đề	A1, A5, A7	[1] [3], [4], [5] Chương 1

				[2]: chương I và chương IV
LLO1	* Nội dung bài tập: (2 tiết) 1. Vẽ sơ đồ tư duy về vấn đề cơ bản của triết học	- Hướng dẫn sinh viên trình bày và báo cáo sản phẩm cá nhân	A1, A2, A5, A7	[1], [2] [3], [4], [5] Chương 1
LLO3	2. Chứng minh sự ra đời của triết học Mác là một cuộc cách mạng vĩ đại trong lịch sử triết học nhân loại.	- Hướng dẫn sinh viên trình bày và báo cáo sản phẩm cá nhân.	A1, A2, A5, A7	[1] [3], [4], [5] Chương 1 [2]: chương I và chương IV
LLO5	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) 1. Vai trò của triết học Mác – Lênin đối với sinh viên	- Hướng dẫn SV thực hiện sản phẩm nhóm	A1, A3	[1], [2] [3], [4], [5] Chương 1
LLO1 LLO2 LLO3 LLO4 LLO5 LLO6	B. Nội dung tự học: (13 tiết) - SV đọc Chương 1 trong các tài liệu học tập và làm rõ nội dung sau: 1. Nguồn gốc ra đời của triết; 2. Những giai đoạn phát triển của triết học Mác – Lênin; 3. Vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay. 4. Vận dụng quan điểm triết học Mác – Lênin để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, chống các quan điểm sai trái, thù địch.	Hướng dẫn SV đọc tài liệu và hệ thống hóa các nội dung tự học, nộp sản phẩm cho giảng viên	A5, A7	[1], [2] [3], [4], [5] Chương 1
Chương 2: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp	Học liệu	

		Dạy học	Đánh giá	
LLO7 LLO8	A. Nội dung thực hiện trên lớp (24 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (12 tiết) 2.1. Vật chất và ý thức 2.1.1. Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất 2.1.2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức 2.1.3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Nêu vấn đề - Tình huống - Đàm thoại	A1, A5, A7	[1], [2] Chương 2 [3], [4], [5] Chương 4
LLO10	2.2. Phép biện chứng duy vật 2.2.1. Hai loại hình biện chứng và PBCDV 2.2.2. Nội dung của PBCDV	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Nêu vấn đề - Đàm thoại - Nghiên cứu trường hợp	A1, A5, A7	[1] [2] Chương 2. [3], [4], [5] chương 5 chương 6 chương 7
LLO11 LLO12	2.3. Lý luận nhận thức 2.3.1. Các nguyên tắc cơ bản của lý luận nhận thức DVBC 2.3.2. Nguồn gốc, bản chất của NT 2.3.3. Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức 2.3.4. Các giai đoạn của quá trình NT 2.3.5. Tính chất của chân lý	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Nêu vấn đề - Tình huống - Đàm thoại	A1, A5, A7	[1] [2] Chương 2. [3], [4], [5] chương 8
LLO7, LLO8	* Nội dung bài tập: (4 tiết) 1. Chứng minh tính đúng đắn của triết học Mác - Lênin trong quan niệm về vật chất, ý thức, mối quan hệ giữa vật chất và ý thức;	- Hướng dẫn sinh viên làm bài tập cá nhân/nhóm	A1, A2, A5, A7	[1], [2] chương 2 [3] chương 4
LLO14	2. Phân tích các cặp phạm trù cơ bản của PBCDV	Hướng dẫn sinh viên làm bài tập cá nhân/nhóm	A1, A2	[1] [2] Chương 2 [3], [4], [5]

				chương 5
LLO15	3. Vận dụng quan điểm toàn diện, quan điểm phát triển để định hướng nghề nghiệp cho học sinh.	Hướng dẫn sinh viên làm bài tập cá nhân/nhóm	A1, A2	[1] [2] Chương 2 [3], [4], [5] chương 5
LLO9 LLO10 LLO14	* Nội dung thực hành: (3 tiết) Vận dụng ý nghĩa phương pháp luận của phép biện chứng duy vật để giải quyết các vấn đề sau: - Đấu tranh phòng chống tham nhũng. - Thực hiện bình đẳng giới - Thực hiện quyền con người, quyền CD - Thực hiện đạo đức nhà giáo	- Hướng dẫn SV thực hành nhóm (Đóng vai, diễn đàn....)	A1, A3, A5, A7	[1], [2] Chương 2. [3], chương 4; chương 5
LLO13	* Nội dung thảo luận: (4 tiết) 1. Giải thích quan điểm khách quan, biện chứng duy ý chí.	- Hướng dẫn SV thảo luận nhóm và báo cáo kết quả thảo luận	A1, A4	[1] , [2] Chương 2 [3] chương 4, chương 5
LLO12	2. Phân tích mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn, ý nghĩa của nó đối với sinh viên sư phạm	- Hướng dẫn SV thảo luận nhóm và báo cáo kết quả thảo luận	A1, A4, A5, A7	[1] , [2] Chương 2. [3], [4], [5] chương 7
LLO12	3. Vận dụng quan điểm thực tiễn để đánh giá về vấn đề đổi mới giáo dục ở nước ta hiện nay	- Hướng dẫn SV thảo luận nhóm và báo cáo kết quả thảo luận	A1, A4	[1] , [2] Chương 2. [3], [4], [5] chương 8
LLO1 – LLO15	* Kiểm tra: (1 tiết) - Nội dung của chương 1 và chương 2	- Tổ chức cho SV làm bài kiểm tra theo quy định	A5	[1], [2] chương 1, 2
LLO7 LLO8 LLO9 LLO10	B. Nội dung tự học: (38 tiết) - SV đọc Chương 2 trong các tài liệu học tập và làm rõ nội dung sau: 1. Vật chất và phương thức tồn tại của vật chất	Hướng dẫn SV đọc tài liệu và hệ thống hóa các nội dung tự học, nộp sản phẩm cho giảng viên.	A5, A7	[1] , [2] Chương 2. [3], [4], [5] chương 4

LLO11	2. Nguồn gốc và bản chất ý thức, mối quan hệ giữa vật chất và ý thức			
LLO12				
LLO13	3. Phép biện chứng duy vật (Nội dung của nguyên lý mối liên hệ phổ biến và nguyên lý phát triển; 6 cặp phạm trù của PBCDV; 3 quy luật cơ bản của PBCDV).			
LLO14				
LLO15	4. Vận dụng phép biện chứng duy vật để giải quyết các vấn đề về: - Đấu tranh phòng chống tham nhũng; - Thực hiện bình đẳng giới; - Thực hiện quyền con người, quyền công dân; - Thực hiện đạo đức nhà giáo			
Chương 3: CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO16	A. Nội dung thực hiện trên lớp (26 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (13 tiết) 3.1. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội 3.1.1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển của xã hội 3.1.2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất 3.1.3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng 3.1.4. Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là quá trình lịch sử - tự nhiên	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Nêu vấn đề - Tình huống - Đàm thoại	A1, A6, A7	[1] , [2] Chương 3. [3], [4], [5] chương 10
LLO17	3.2. Giai cấp và dân tộc 3.2.1. Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp 3.2.2. Dân tộc	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Nêu vấn đề - Tình huống	A1, A6	[1] , [2] Chương 3. [3], [4], [5] chương 11

	3.2.3. Mối quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại	- Đàm thoại		
LLO18	3.3. Nhà nước và cách mạng xã hội 3.3.1. Nhà nước 3.3.2. Cách mạng xã hội	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Nêu vấn đề - Tình huống - Đàm thoại	A1, A6	[1] , [2] Chương 3 [3], [4], [5] chương 12
LLO19 ,LLO20	3.4. Ý thức xã hội 3.4.1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội 3.4.2. Ý thức xã hội và kết cấu của YTXH 3.4.3. Quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Nêu vấn đề - Tình huống - Đàm thoại	A1, A6, A7	[1] , [2] Chương 3 [3], [4], [5] chương 13
LLO21 ,LLO22, LLO24	3.5. Triết học về con người 3.5.1. Khái lược các quan điểm triết học về con người trong lịch sử triết học trước Mác 3.5.2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người 3.5.3. Quan điểm của triết học Mác - Lênin về cá nhân và xã hội, về vai trò của QCND và lãnh tụ trong lịch sử 3.5.4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam 3.5.5. Vận dụng quan điểm của triết học Mác – Lênin về con người trong việc giáo dục bình đẳng giới và quyền con người cho học sinh phổ thông	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Nêu vấn đề - Tình huống - Đàm thoại - Nghiên cứu trường hợp	A1, A6, A7	[1] , [2] Chương 3 [3], [4], [5] chương 14
LLO16	* Nội dung bài tập: (4 tiết) 1. Trình bày đặc điểm LLSX, QHSX ở Việt Nam hiện nay. 2. Trình bày đặc điểm CSHT, KTTT ở Việt Nam hiện nay.	-Hướng dẫn sinh viên làm bài tập cá nhân/nhóm	A1, A2, A6	[1] , [2] Chương 3. [3], [4], [5] chương 10

LLO17 LLO18	3. Nêu đặc điểm đấu tranh giai cấp ở Việt Nam hiện nay 4. Trình bày đặc điểm Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	- Hướng dẫn sinh viên làm bài tập cá nhân/nhóm	A1, A2, A6	[1] , [2] Chương 3. [3], [4], [5] chương 12
LLO20	5. Đặc điểm của YTXH mới ở Việt Nam hiện nay.	- Hướng dẫn sinh viên làm bài tập cá nhân/nhóm	A1, A2	[1] , [2] Chương 3. [3], [4], [5] chương 13
LLO24	* Nội dung thực hành: (3 tiết) 1. Lựa chọn 01 nội dung về giáo dục quyền con người cho học sinh phổ thông để làm bài thực hành	- Hướng dẫn SV thực hành nhóm (xây dựng kịch bản để đóng vai/ diễn thuyết/ diễn đàn/bài giảng...)	A1, A3	[1] , [2] Chương 3. [3], [4], chương 12, 14
LLO26	2. Đề xuất các biện pháp nhằm phát huy quyền làm chủ của nhà giáo và người học.	- Hướng dẫn SV thực hành nhóm (xây dựng kịch bản để đóng vai/ diễn thuyết/ diễn đàn/bài giảng...)	A1, A3	[1] , [2] Chương 3. [3], [4], chương 12, 14
LLO16	* Nội dung thảo luận: (5 tiết) 1. Sự vận dụng học thuyết HTKT – XH của Đảng ta trong cách mạng Việt Nam hiện nay.	- Hướng dẫn SV thảo luận nhóm và báo cáo kết quả thảo luận	A1, A4	[1] , [2] Chương 3. [3] chương 10
LLO25	2. Vận dụng quan điểm duy vật lịch sử để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch về vấn đề nhà nước, dân tộc, cách mạng xã hội.	- Hướng dẫn SV thảo luận nhóm và báo cáo kết quả thảo luận	A1, A4	[1] , [2] Chương 3. [3] chương 10
LLO23	3. Trình bày các giải pháp phát triển bản thân để trở thành người giáo viên có đầy đủ phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.	- Hướng dẫn SV thảo luận nhóm và báo cáo kết quả thảo luận	A1, A4	[1] , [2] Chương 3. [3], [4], [5] chương 14

LLO16 – LLO26	* Kiểm tra: (1 tiết) - Nội dung của chương 3	- Tổ chức cho SV làm bài kiểm tra theo quy định	A6	[1], [2] chương 3
LLO16 LLO17 LLO18 LLO19 LLO20 LLO21	B. Nội dung tự học: (41 tiết) - SV đọc Chương 3 trong các tài liệu học tập và làm rõ nội dung sau: 1. Học thuyết Hình thái KT-XH và sự vận dụng học thuyết hình thái KT-XH của Đảng ta trong việc xây dựng CNXH ở Việt Nam. 2. Vấn đề giai cấp và dân tộc. Liên hệ với vấn đề giai cấp, dân tộc ở Việt Nam. 3. Vấn đề nhà nước và cách mạng xã hội. 4. Vấn đề tồn tại xã hội và ý thức xã hội 5. Con người và bản chất con người theo quan điểm triết học Mác – Lênin. Vận dụng quan điểm của triết học Mác – Lênin về con người trong việc giáo dục bình đẳng giới và quyền con người cho học sinh phổ thông.	Hướng dẫn SV đọc tài liệu và hệ thống hóa các nội dung tự học, nộp sản phẩm cho giảng viên	A1, A6	[1] , [2] Chương 3. [3], [4], [5] chương 10

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: sạch, thoáng, đủ ánh sáng.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: bảng viết, máy chiếu và các thiết bị kèm.
- Điều kiện khác: loa, mic

8.2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	20		40
2	Bài tập	06		21
3	Thực hành	06		

4	Thảo luận	06		
5	Thực tế chuyên môn	0		
6	Kiểm tra, đánh giá	01		
Tổng		39		61

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: “Không”
- Học phần học trước: 55SPH131
- Học phần học song hành: “Không”
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Triết học, Kinh tế và phương pháp dạy học;

Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	ThS. Nguyễn Thị Mão	0912336197	maont@tnue.edu.vn
2.	ThS. Nguyễn Thị Hạnh	0986351114	hanhnt@tnue.edu.vn
3.	TS. Ngô Thị Lan Anh	0913349907	anhntl@tnue.edu.vn
4.	TS. Nguyễn Thị Khương	0349366616	khuongnt@tnue.edu.vn
5	ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền	0982983877	hienntt.poli@tnue.edu.vn
6.	TS. Trần Thị Lan	0983896296	lantt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Phân tích được các nguyên lý cơ bản về kinh tế chính trị của Các Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin.

CO2: Phân tích được các vấn đề lý luận về kinh tế chính trị trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.

* Về kỹ năng

CO3: Vận dụng được kiến thức kinh tế chính trị để xây dựng và giải quyết các tình huống kinh tế - xã hội trong hoạt động thực tiễn.

CO4: Đánh giá được một số vấn đề cơ bản của kinh tế chính trị trong đời sống kinh tế - xã hội trên thế giới và ở Việt Nam.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO5: Quán triệt và hiện thực hóa đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế ở Việt Nam hiện nay.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Trình bày được đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị.	GPLO1
	CLO2	Phân tích được lý luận về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.	GPLO1
	CLO3	Phân tích được lý luận của CácMác về giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường	GPLO1
	CLO4	Phân tích được vấn đề cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.	GPLO1
CO2	CLO5	Phân tích được vấn đề kinh tế thị trường định hướng XHCN và quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.	GPLO1
	CLO6	Phân tích được vấn đề công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.	GPLO1
	Kỹ năng		
CO3	CLO7	Vận dụng được lý luận hàng hóa, thị trường, giá trị thặng dư để xây dựng, giải quyết hay nhận diện các tình huống, hiện tượng liên quan đến sản xuất kinh doanh, quan hệ lợi ích.	GPLO3
	CLO8	Vận dụng được các kiến thức đã học để xây dựng, giải quyết hay nhận diện các tình huống, hiện tượng liên quan đến Kinh tế thị trường, lợi ích kinh tế; CNH, HĐH và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.	GPLO3
CO4	CLO9	Đánh giá được vấn đề kinh tế thị trường, quan hệ lợi ích kinh tế trên thế giới và ở Việt Nam.	GPLO3
	CLO10	Đánh giá được vấn đề CNH, HĐH; hội nhập kinh tế quốc tế trên thế giới và ở Việt Nam.	GPLO3
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CO5	CLO11	Có trách nhiệm trong việc quán triệt đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế ở Việt Nam hiện nay.	GPLO6

	CLO12	Có trách nhiệm trong việc hiện thực hóa đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế ở Việt Nam hiện nay.	GPLO7
--	-------	---	-------

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (GPLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo GPLOs						
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	X						
CLO2	X						
CLO3	X						
CLO4	X						
CLO5	X						
CLO6	X						
CLO7			X				
CLO8			X				
CLO9			X				
CLO10			X				
CLO11						X	
CLO12							X
MĐG	3	0	1	0	0	1	1

Ghi chú:

- “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

- GPLO1. Vận dụng được kiến thức cơ bản về lý luận chính trị và pháp luật Việt Nam trong hoạt động thực tiễn của bản thân và công việc.

- GPLO2. Vận dụng được các kiến thức tâm lý học, giáo dục học, quản lý nhà trường để tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục.

- GPLO3. Giao tiếp hiệu quả và thực hiện được hoạt động tư vấn trong hoạt động dạy học, giáo dục và hướng nghiệp.

- GPLO4. Khai thác được các ứng dụng của công nghệ thông tin trong tự học, nghiên cứu khoa học, dạy học, đánh giá và quản lý học sinh.

- GPLO5. Sử dụng được tiếng Anh tương đương bậc 3/6 trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn.
- GPLO6. Thực hiện đúng quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở trường phổ thông.
- GPLO7. Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, cung cấp kiến thức cơ sở, nền tảng tư tưởng cho người học là lý luận kinh tế chính trị của CácMác, Ph.Ăngghen và Lênin về sản xuất hàng hoá và thị trường; về nguồn gốc, bản chất và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư; về cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Đồng thời, học phần còn định hướng người học tiếp cận các vấn đề lý luận và thực tiễn về kinh tế chính trị trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm.

- Bài tập: Hoàn thành các bài tập cá nhân; nộp sản phẩm khi giảng viên yêu cầu.

- Thực hành nhóm: Hoàn thành 01 bài; nộp nội dung sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; tổ chức báo cáo sản phẩm của nhóm trước lớp với cách thức phù hợp.

- Thảo luận nhóm: Hoàn thành 01 bài, nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm thuyết trình trước lớp.

- Hoàn thành: 01bài kiểm tra định kỳ.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-12
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 9
3	A3. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá thực hành	CLO 9,10,11,12.

4	A4. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO 7,8,11,12
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1-4,9
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A6. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1-10

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

8.2.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Không thực hiện các nhiệm vụ, không nộp sản phẩm	Thực hiện 50-80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn

Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Trình bày vài quan điểm và lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.	Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.	Nội dung thể hiện các quan điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	Nội dung được phân tích kỹ càng với các lập luận sáng tạo và có bằng chứng vững vàng hỗ trợ cho chủ đề.
Ý tưởng sáng tạo	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng

8.2.3. Rubric đánh giá thực hành nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không tham gia thảo luận và chia sẻ	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ	Có tham gia thảo luận và chia sẻ.	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ
Thực hiện đúng các thao tác, quy trình	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không thực hiện được các thao tác, quy trình	Thực hiện đầy đủ các thao tác, quy trình	Thực hiện khá tốt các thao tác, quy trình	Thực hiện tốt các thao tác, quy trình
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu
Kết quả được giải thích và chứng minh	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Giải thích và chứng minh không rõ ràng	Giải thích và chứng minh	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh rõ ràng

			tương đối rõ ràng		
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không đúng format và nộp quá thời gian hạn	Format nhiều chỗ không nhất quán và nộp trong thời gian hạn	Vài sai sót nhỏ về format và nộp đúng hạn	Đúng format và nộp đúng hạn

8.2.4. Rubric đánh giá thảo luận nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Đầy đủ theo yêu cầu	Phong phú hơn yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Lập luận không có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
Trình bày báo cáo rõ ràng	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Thiếu rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Mạch lạc, rõ ràng
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tương đối tốt, còn vài sai sót nhỏ	Tương tác bằng mắt, cử chỉ khá tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tốt
	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0

Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng		Trả lời sai đa số các câu hỏi	Trả lời đúng đa số các câu hỏi, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	Trả lời đúng đa số các câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình kinh tế chính trị Mác-Lênin (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), Giáo trình kinh tế chính trị Mác - Lênin (Dùng cho các khối không chuyên kinh tế và quản trị doanh nghiệp trong các trường đại học, cao đẳng), NXB Chính trị quốc gia.

[3]. Học viện CTQG Hồ Chí Minh (2001), Giáo trình KTCT Mác - Lê nin về phương thức sản xuất TBCN, NXB Chính trị Quốc gia.

[4]. Học viện CTQG Hồ Chí Minh (2002), Giáo trình KTCT Mác - Lê nin về thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam, NXB Chính trị Quốc gia.

[5]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2009), Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin, NXB Chính trị Quốc gia.

9.3. Website

<http://dangcongsan.vn/>, <http://chinhphu.vn/>, <https://vtv.vn/>, <http://quochoi.vn/>, <http://www.tuyengiao.vn/>, <http://www.mofahcm.gov.vn/mofa/>,...

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương
LLO1	Tóm tắt được nhận thức cơ bản về đối tượng, phương pháp, chức năng và ý nghĩa nghiên cứu kinh tế chính trị Mác – Lênin.

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương
LLO2	Luận giải được các khái niệm, phạm trù, quy luật về hàng hoá, thị trường.
LLO3	Sử dụng được kiến thức để diễn giải tính kinh tế và giải các bài toán về lượng giá trị hàng hoá và tiền tệ.
LLO4	Xây dựng được các ý tưởng kinh doanh đảm bảo tuân thủ quy luật thị trường và pháp luật của Nhà nước.
LLO5	Chứng minh được tác động của hoạt động sản xuất hàng hoá và sự điều tiết của Nhà nước đối với đời sống kinh tế - xã hội ở Việt Nam hiện nay.
LLO6	Giải thích được các hiện tượng kinh tế trong thực tiễn trước tác động của quy luật khách quan và hành động của các chủ thể kinh tế.
LLO7	Thể hiện được quan điểm về vai trò của sản xuất của cải vật chất và trao đổi hàng hoá đối với sự phát triển của con người và xã hội loài người .
LLO8	Mình họa được các hành vi kinh tế có văn hoá, vì cộng đồng, tuân thủ pháp luật, hưởng ứng chính sách của Nhà nước và ngược lại.
LLO9	Lĩnh hội được các yêu cầu, hướng dẫn của giảng viên để làm bài tập cá nhân hoặc làm việc nhóm hiệu quả khi giải quyết bài thực hành, thảo luận chương 2.
LLO10	Giải thích được những kết luận quan trọng của C.Mác về giá trị thặng dư.
LLO11	Tính được các bài toán kinh tế liên quan đến giá trị thặng dư.
LLO12	Xác định được những tình huống kinh tế thể hiện sự sản xuất hoặc chia sẻ giá trị thặng dư của các chủ thể kinh tế.
LLO13	Diễn giải được các phạm trù, quy luật trong học thuyết giá trị thặng dư cho hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn.
LLO14	Lựa chọn được các hình thức, biện pháp để vận dụng hiệu quả, đúng định hướng các phạm trù, quy luật vào hoạt động phát triển kinh tế ở Việt Nam
LLO15	Khẳng định được vị trí, vai trò của các ngành kinh tế trong xã hội và trách nhiệm của các chủ thể trong giải quyết lợi ích nhằm phát triển toàn diện kinh tế - xã hội.
LLO16	Đề xuất được những kiến thức, cách làm để thực hiện bài tập cá nhân hoặc bài thực hành nhóm, thảo luận nhóm chương 3.
LLO17	Hiểu được những kiến thức cơ bản của V.I.Lênin về cạnh tranh và độc quyền.
LLO18	Lập luận và tính được các bài toán có yếu tố độc quyền.
LLO19	Làm sáng tỏ được thực chất của vấn đề độc quyền, độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường TBCN.

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương
LLO20	Đánh giá được biểu hiện mới và tác động của độc quyền, độc quyền nhà nước trong xu thế toàn cầu hoá hiện nay.
LLO21	Bày tỏ được quan điểm đúng đắn về việc học tập và kế thừa sáng tạo có chọn lọc các thành tựu phát triển kinh tế của CNTB vào thực tiễn phát triển kinh tế của Việt Nam hiện nay.
LLO22	Thể hiện được ý kiến cá nhân khi làm bài tập chương 4.
LLO23	Xác định được những nhận thức cơ bản về kinh tế thị trường định hướng XHCN và quan hệ lợi ích kinh tế.
LLO24	Diễn dịch được tính hai mặt của các vấn đề kinh tế - xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN; của việc giải quyết quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam hiện nay.
LLO25	Khẳng định được sự đúng đắn, hợp quy luật của việc phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam.
LLO26	Dự báo được xu hướng phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam và các vấn đề đặt ra trong giải quyết hài hòa quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam hiện nay.
LLO27	Nhận diện và đánh giá được sự ảnh hưởng tiêu cực của các hiện tượng tham ô, lãng phí, tham nhũng đến quá trình thực hiện các quan hệ lợi ích kinh tế và phát triển của xã hội.
LLO28	Hệ thống được quan điểm, cách thức tổ chức và kết quả thực hiện phòng, chống tham nhũng của Đảng, Nhà nước ta thời gian qua, trong đó có nhận thức và trách nhiệm của sinh viên.
LLO29	Kết hợp được kiến thức, cách làm để giải quyết hiệu quả bài thực hành nhóm, thảo luận nhóm chương 5.
LLO30	Tóm tắt được những kiến thức cơ bản về công nghiệp hoá, hiện đại hoá và quan hệ kinh tế quốc tế.
LLO31	Xác định được những tác động của cách mạng công nghiệp và hội nhập kinh tế quốc tế đối với đời sống kinh tế - xã hội ở Việt Nam hiện nay.
LLO32	Hệ thống hóa được phương hướng, biện pháp để thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hoá; xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, trước tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập kinh tế quốc tế.
LLO33	Xây dựng được mục tiêu, nhiệm vụ cho bản thân trong học tập, lao động để trở thành công dân toàn cầu trước tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư và xu thế mở cửa hội nhập.

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương
LLO34	Quán triệt được các tiêu chí về nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế vào việc xây dựng đạo đức nghề nghiệp và năng lực chuyên môn.
LLO35	Tích hợp được kiến thức, phương pháp để giải quyết hiệu quả bài thảo luận nhóm chương 6.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)											
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
LLO1	X										x	
LLO2		X					X				X	X
LLO3		X					X				X	X
LLO4		X					X				X	X
LLO5		X					X				X	X
LLO6		X					X				X	X
LLO7		X					X				X	X
LLO8		X					X				X	X
LLO9		X					X				X	X
LLO10			X				X				X	X
LLO11			X				X				X	X
LLO12			X				X				X	X
LLO13			X				X				X	X
LLO14			X				X				X	X
LLO15			X				X				X	X
LLO16			X				X				X	X
LLO17				X			X				X	X
LLO18				X			X				X	X
LLO19				X			X				X	X
LLO20				X			X				X	X
LLO21				X			X				X	X
LLO22				X			X				X	X
LLO23					X			X	X	X	X	X
LLO24					X			X	X	X	X	X
LLO25					X			X	X	X	X	X
LLO26					X			X	X	X	X	X
LLO27					X			X	X	X	X	X

LLO28					X			X	X	X	X	X
LLO29					X			X	X	X	X	X
LLO30						X		X	X	X	X	X
LLO31						X		X	X	X	X	X
LLO32						X		X	X	X	X	X
LLO33						X		X	X	X	X	X
LLO34						X		X	X	X	X	X
LLO35						X		X	X	X	X	X

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (2 tiết) * Nội dung lí thuyết: (2 tiết) 1.1. Khái quát sự hình thành và phát triển của kinh tế chính trị Mác - Lênin 1.2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin 1.2.1. Đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác – Lênin 1.2.2. Phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác – Lênin 1.3. Chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin	Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu	A1, A5, A6	[1] chương 1 [2] chương 1
LLO1	B. Nội dung tự học: (4 tiết) Sinh viên đọc giáo trình ghi lại những nhận thức cơ bản, những thắc mắc cần giải đáp (nếu có).	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn SV.	A1	[1] Chương 1 [2] Chương 1
Chương 2: Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường				

Nội dung chuẩn đầu ra của chương				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10tiết) * Nội dung lý thuyết: (4 tiết) 2.1. Lý luận của C.Mác về sản xuất hàng hoá và hàng hoá 2.1.1. Sản xuất hàng hoá 2.1.2. Hàng hoá 3.1.3. Tiền 2.1.4. Dịch vụ và một số hàng hoá đặc biệt 2.2. Thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường 2.2.1. Thị trường 2.2.1.1. Khái niệm, vai trò của thị trường 2.2.1.2. Cơ chế thị trường và nền kinh tế thị trường 2.2.1.3. Một số quy luật kinh tế chủ yếu của thị trường 2.2.2. Vai trò của một số chủ thể chính tham gia thị trường	Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu và đàm thoại.	A1, A5, A6	[1] chương 2 [2] Chương 3 [5] Chương 4
LLO3, 9	* Nội dung bài tập (2 tiết) Diễn giải tính kinh tế và tính toán các bài tập kinh tế (do GV xây dựng và yêu cầu).	Hướng dẫn sinh viên làm bài tập cá nhân.	A2, A5, A6	[1] chương 2 [2] Chương 3 [5] Chương 4
LLO 5-9	* Nội dung thảo luận (2 tiết)	Thảo luận nhóm (thuyết trình; nêu vấn	A4, A5, A6	[1] chương 2

	1. Luận chứng vai trò của sản xuất và trao đổi hàng hoá đối với sự phát triển của con người và xã hội loài người. 2. Minh hoạ về các hành vi kinh tế có văn hoá, vì cộng đồng, thực thi đúng pháp luật, hưởng ứng chính sách của Nhà nước và ngược lại. 3. Chứng minh biểu hiện và tác động của lý luận hàng hoá, thị trường và sự điều tiết của Nhà nước đối với phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam hiện nay. 4. Nhận diện và giải thích các hiện tượng kinh tế trong thực tiễn trước tác động của quy luật khách quan và hành xử của các chủ thể kinh tế trên thế giới hoặc ở Việt Nam hiện nay.	đề, phản biện)		[2] Chương 3 [5] Chương 4
LLO 4, 9	* Nội dung thực hành: (2 tiết) 1. Xây dựng ý tưởng kinh doanh đảm bảo vừa đáp ứng yêu cầu của các quy luật thị trường, vừa đảm bảo tuân thủ pháp luật.	Thực hành nhóm (Xây dựng ý tưởng, thuyết trình - đóng vai, phản biện).	A3	[1] chương 2 [2] Chương 3 [5] Chương 4
LLO 2-9	B. Nội dung tự học: (14 tiết) - Sinh viên đọc giáo trình chương 2 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu và những nội dung nhận thức được, ghi lại những nội dung cần giải đáp (nếu có). - Làm bài tập cá nhân theo yêu cầu của giảng viên. - Nhóm sinh viên trao đổi hình thành đề cương bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm; phân công nhiệm vụ tìm tài liệu thông tin; thảo luận, thống nhất nội dung và hình thức cho sản phẩm thảo luận, thực hành.	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên đọc giáo trình, làm bài tập; tìm hiểu thông tin, tài liệu, làm việc nhóm, chuẩn bị sản phẩm, TL, TH.	A1,A2, A3,A4.	[1] chương 2 [2] Chương 3 [5] Chương 4
Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường				

LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO10	A. Nội dung thực hiện trên lớp (13tiết) * Nội dung lý thuyết: (6 tiết) 3.1. Lý luận của C.Mác về giá trị thặng dư 3.1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư 3.1.2. Bản chất của giá trị thặng dư 3.1.3. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường TBCN. 3.2. Tích lũy tư bản 3.2.1. Bản chất của tích lũy tư bản 3.2.2. Những nhân tố góp phần làm tăng quy mô tích lũy 3.2.3. Một số hệ quả của tích lũy tư bản 3.3. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường 3.3.1. Lợi nhuận 3.3.2. Lợi tức 3.3.3. Địa tô tư bản chủ nghĩa	Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu, nêu vấn đề.	A1,A5, A6	[1] chương 3 [2] Chương 4,5,6,7 [5] Chương 5
LLO 11,16	* Bài tập cá nhân (3 tiết) Giảng viên xây dựng và giao bài tập cụ thể cho sinh viên theo dạng: Diễn giải và tính các bài tập kinh tế.	Giao bài và hướng dẫn	A2, A5, A6	[1] chương 3 [2] Chương 4,5,6,7 [5] Chương 5
LLO12 ,13,15, 16	* Nội dung thảo luận (2 tiết)	Thảo luận nhóm (thuyết trình;	A4, A5, A6	[1] chương 3

	1. Làm rõ các nội dung về nguồn gốc, bản chất của giá trị thặng dư. Ý nghĩa nghiên cứu đối với các chủ thể kinh tế. 2. Làm rõ mối quan hệ giữa các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư. Ý nghĩa nghiên cứu đối với các chủ thể kinh tế thuộc các ngành trong liên kết kinh tế và giải quyết lợi ích nhằm phát triển nền kinh tế. 3. Nhận diện các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong các tình huống kinh tế ở Việt Nam hiện nay. Từ đó, đề xuất biện pháp giải quyết giữa các chủ thể kinh tế cũng như của Nhà nước nhằm đảm bảo phát triển hài hòa lợi ích của các chủ thể kinh tế cụ thể.	nêu vấn đề, phản biện)		[2] Chương 4,5,6,7 [5] Chương 5
LLO 14,16	* Nội dung thực hành: (2 tiết) 1. Từ lý luận về hàng hoá sức lao động và giá trị thặng dư, giải quyết mối quan hệ lợi ích giữa người sử dụng lao động và người lao động. Liên hệ trong trường học. 2. Từ lý luận về tuần hoàn, chu chuyển tư bản và tích lũy tư bản xây dựng phương án mở rộng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đề xuất biện pháp mở rộng và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất trong trường học.	Thực hành nhóm (Xây dựng tình huống – phương án, thuyết trình – đóng vai; thảo luận, phản biện) .	A3, A6	[1] chương 3 [2] Chương 4,5,6,7 [5] Chương 5
LLO 10 - 16	B. Nội dung tự học: (19 tiết) - Sinh viên đọc giáo trình chương 3 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu và những nội dung nhận thức được, ghi lại những nội dung cần giải đáp (nếu có). - Làm bài tập cá nhân theo yêu cầu của giảng viên. - Nhóm sinh viên trao đổi hình thành đề cương bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm; phân công nhiệm vụ tìm tài liệu thông tin; thảo luận, thống nhất nội dung và hình thức cho sản phẩm thực hành.	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên đọc giáo trình, làm bài tập; tìm hiểu thông tin, tài liệu, làm việc nhóm, chuẩn bị sản phẩm TL, TH	A1, A2, A3, A4	[1] chương 3 [2] Chương 4,5,6,7 [5] Chương 5

Chương 4: Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO17	A. Nội dung thực hiện trên lớp (3 tiết) * Nội dung lý thuyết: (2 tiết) 4.1. Quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường 4.2. Độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường 4.2.1. Lý luận của V.I.Lênin về độc quyền trong nền kinh tế thị trường 4.2.2. Lý luận của V.I.Lênin về độc quyền nhà nước trong chủ nghĩa tư bản	Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu	A1,A5, A6	[1] chương 4 [2] Chương 8 [5] Chương 6
LLO 18 -22	* Nội dung bài tập (1tiết) 1. Làm rõ các nội dung lý luận và thực chất của độc quyền, độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường TBCN. 2. Đánh giá được biểu hiện mới và ảnh hưởng của độc quyền, độc quyền nhà nước trong xu thế toàn cầu hoá hiện nay. 3.Đánh giá khách quan về sự phát triển và vai trò của nền kinh tế thị trường TBCN đối với sự phát triển kinh tế thế giới. Vấn đề đặt ra trong xây dựng đường lối, chính sách phát triển kinh tế của Việt Nam. 4. Tính toán và nhận định đối với các bài toán kinh tế có yếu tố độc quyền.	Giao bài và hướng dẫn	A2,A5, A6	[1] chương 4 [2] Chương 8 [5] Chương 6
LLO 17 – 22	B. Nội dung tự học: (5tiết) - Sinh viên đọc giáo trình chương 4 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu và những nội dung nhận thức được, ghi lại những nội dung cần giải đáp (nếu có).	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên đọc giáo trình, làm bài tập;	A1,A2,	[1] chương 4 [2] Chương 8 [5]

	- Làm bài tập cá nhân theo yêu cầu của giảng viên.			Chương 6
LLO1 -> LLO22	A. Nội dung thực hiện trên lớp (1 tiết) Kiểm tra định kỳ - 1 tiết Sinh viên làm bài trực tiếp trên lớp B. Nội dung tự học: (3tiết) Sinh viên chủ động ôn tập nội dung lý thuyết chương 1,2,3,4 và các vấn đề thực tế có liên quan để thực hiện bài kiểm tra định kỳ đạt kết quả tốt	Kiểm tra, đánh giá; GV định hướng, nhắc nhở	A1,A5	[1].Chương 1,2,3,4
Chương 5: Kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO23	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6tiết) * Nội dung lý thuyết: (3 tiết) 5.1. Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam 5.1.1. Khái niệm kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam 5.1.2. Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam 5.1.3. Đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam 5.2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam 5.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam 5.2.2. Nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam 5.3. Các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam	Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu, đàm thoại	A1,A6	[1] chương 5 [2] Chương 13,15

	5.3.1. Lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế 5.3.2. Vai trò nhà nước trong bảo đảm hài hoà các quan hệ lợi ích và phòng, chống tham nhũng			
LLO24 ,25,29	* Nội dung thảo luận (1 tiết) 1. Diễn giải nội dung và chứng minh biểu hiện hai mặt các vấn đề về kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam. 2. Luận chứng sự đúng đắn, hợp quy luật, sáng tạo, linh hoạt của Đảng và Nhà nước trong chủ trương và chính sách phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam.	Thảo luận nhóm (thuyết trình; nêu vấn đề, phản biện)	A4,A6	[1] chương 5 [2] Chương 13,15
LLO 26 -29	* Nội dung thực hành: (2 tiết) 1. Dự báo xu hướng phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam và các vấn đề đặt ra trong giải quyết vấn đề lợi ích ở Việt Nam hiện nay. 2. Nhận diện các hiện tượng tham ô, lãng phí, tham nhũng trong đời sống kinh tế - xã hội; đánh giá sự ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình thực hiện các quan hệ lợi ích kinh tế và phát triển của xã hội. 3. Hệ thống quan điểm, cách thức tổ chức và kết quả thực hiện phòng, chống tham nhũng của Đảng, Nhà nước ta thời gian qua. Liên hệ nhận thức và trách nhiệm của sinh viên.	Thực hành nhóm (thuyết trình, thảo luận, phản biện) .	A3, A6	[1] chương 5 [2] Chương 13,15
LLO 23 - 29	B. Nội dung tự học: (9tiết) - Sinh viên đọc giáo trình chương 5 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu và những nội dung nhận thức được, ghi lại những nội dung cần giải đáp (nếu có). - Nhóm sinh viên trao đổi hình thành đề cương bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm; phân công nhiệm vụ tìm tài liệu thông tin; thảo luận, thống nhất nội dung và	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên đọc giáo trình; tìm hiểu thông tin, tài liệu, làm việc nhóm, chuẩn	A1,A3, A4	[1] chương 5 [2] Chương 13,15

	hình thức cho sản phẩm thảo luận, thực hành.	bì sản phẩm TL,TH.		
Chương 6: Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO31	A. Nội dung thực hiện trên lớp (4 tiết) * Nội dung lý thuyết: (3 tiết) 6.1. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam 6.1.1. Khái quát cách mạng công nghiệp và công nghiệp hoá 6.1.2. Tính tất yếu khách quan và nội dung của công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam 6.1.3. Công nghiệp hoá ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư 6.2. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam 6.2.1. Khái niệm và nội dung hội nhập kinh tế quốc tế 6.2.2. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam 6.2.3. Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam	Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu, đàm thoại, nêu vấn đề.	A1,A6	[1] chương 6 [2] Chương 11,12,16
LLO 32 - 35	* Nội dung thảo luận (1 tiết) 1. Hệ thống hóa các phương hướng, biện pháp để thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hoá; xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, trước tác động của cách mạng 4.0 và hội nhập kinh tế quốc tế. Liên hệ trách nhiệm của thế hệ trẻ (trong đó có sinh viên). 2. Tìm hiểu những tác động của xu thế hội nhập kinh tế quốc tế đối với đời sống kinh	Thảo luận nhóm (thuyết trình; nêu vấn đề, phản biện)	A4, A6	[1] chương 6 [2] Chương 11,12,16

	tế - xã hội ở Việt Nam. Đề ra mục tiêu, nhiệm vụ và hoạt động cụ thể của thể hệ trẻ (trong đó có sinh viên) để trở thành công dân toàn cầu, đồng thời góp phần xây dựng và bảo vệ đất nước trong xu thế mở cửa hội nhập. 3. Tìm hiểu các tiêu chí về nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH và hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay. Minh họa các hoạt động của học sinh, sinh viên Việt Nam hiện nay nhằm đáp ứng được các tiêu chí về nguồn nhân lực chất lượng cao. Liên hệ các tiêu chí đó với việc xây dựng đạo đức nhà giáo.			
LLO30 31,32, 33,34, 35	B. Nội dung tự học: (7 tiết) - Sinh viên đọc giáo trình chương 6 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu và những nội dung nhận thức được, ghi lại những nội dung cần giải đáp (nếu có). - Nhóm sinh viên trao đổi hình thành đề cương bài thảo luận nhóm; phân công nhiệm vụ tìm tài liệu thông tin; thảo luận, thống nhất nội dung và hình thức cho sản phẩm thảo luận.	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên đọc giáo trình; tìm hiểu thông tin, tài liệu, làm việc nhóm, chuẩn bị sản phẩm thảo luận	A1, A4	[1] chương 6 [2] Chương 11,12,16

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: sạch, thoáng, đủ ánh sáng.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: bảng viết, máy chiếu sáng rõ và các thiết bị kèm.
- Điều kiện khác: đường truyền internet tốc độ cao đảm bảo kết nối.

8.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	11	9	40

2	Bài tập	4	2	21
3	Thực hành	4	2	
4	Thảo luận	4	2	
5	Thực tế chuyên môn	0	0	
6	Kiểm tra, đánh giá	1	0	
Tổng		24	15	61

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Kinh tế chính trị Mác – Lênin (55SPE131)

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Chính trị, Pháp luật và Lịch sử Đảng; Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Trần Thị Lan	0983896296	lantt@tnue.edu.vn
2	TS. Hoàng Thu Thủy	0977559266	thuyht@tnue.edu.vn
3	TS. Nguyễn Thị Hương	0988596121	huongnt.poli@tnue.edu.vn
4	TS. Vũ Thị Thủy	0974146989	thanhl@tnue.edu.vn
5	Ths. Trần Thanh An	0973474393	antt@tnue.edu.vn
6	TS. Lý Trung Thành	0974146989	thanhl@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Phân tích được quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học và luận giải được vai trò, ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học.

CO2: Luận chứng được tính khoa học, cách mạng của học thuyết Mác – Lênin về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

CO3: Luận giải và đánh giá được quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về các vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

* Về kỹ năng

CO4: Thực hiện có hiệu quả kỹ năng giao tiếp và hợp tác để giải quyết các vấn đề đặt ra liên quan đến bài học.

CO5: Phản biện được những quan điểm, hành vi sai trái, thù địch chống phá quá trình xây dựng CNXH ở Việt Nam.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO6: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở và quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước về các nhiệm vụ chính trị trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

CO7: Làm việc độc lập hoặc theo nhóm và tự học suốt đời để giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (GCLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Giải thích được tính tất yếu ra đời và sự phát triển của CNXHKKH	GPLO1 GPLO7
	CLO2	Đánh giá được ý nghĩa lý luận, thực tiễn của việc nghiên cứu CNXHKKH	GPLO1 GPLO7
CO2	CLO3	Luận giải được quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	GPLO1 GPLO7
	CLO4	Chứng minh được tính khoa học, cách mạng trong quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH	GPLO1 GPLO7
CO3	CLO5	Giải thích được đặc trưng, bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, Nhà nước xã hội chủ nghĩa và liên hệ đến vấn đề này ở Việt Nam.	GPLO1 GPLO3 GPLO6
	CLO6	Vận dụng được quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp để luận giải tính tất yếu, nội dung, phương hướng liên minh giai cấp, tầng lớp ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	GPLO1 GPLO7
	CLO7	Luận chứng được tính khoa học, cách mạng trong quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về dân tộc, tôn giáo và	GPLO1 GPLO3

		giải quyết vấn đề dân tộc, tôn giáo trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội	GPLO6
	CLO8	Khái quát hóa và phân tích được lý luận chung về gia đình và giải quyết được một số vấn đề đặt ra trong xây dựng gia đình mới, tiến bộ ở Việt Nam hiện nay	GPLO1 GPLO6 GPLO7
	Kĩ năng		
CO4	CLO9	Thực hiện được bài thuyết trình, báo cáo về các vấn đề chính trị - xã hội liên quan đến quá trình xây dựng CNXH bằng hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin	GPLO1 GPLO3
	CLO10	Hợp tác được với các thành viên trong nhóm để giải quyết được các vấn đề chính trị - xã hội liên quan đến quá trình xây dựng CNXH	GPLO3 GPLO7
CO5	CLO11	Nhận diện và phản bác được các quan điểm/hành vi sai trái, thù địch với hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng	GPLO1 GPLO3
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CO6	CLO12	Thực hiện được quy chế dân chủ ở trường phổ thông và các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về các vấn đề liên quan đến bài học	GPLO1 GPLO6
CO7	CLO13	Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và tự học để giải quyết các nhiệm vụ của môn học.	GPLO1 GPLO3 GPLO7

Ghi chú:

GPLO1. Vận dụng được kiến thức cơ bản về lý luận chính trị và pháp luật Việt Nam trong hoạt động thực tiễn của bản thân và công việc.

GPLO2. Vận dụng được các kiến thức tâm lý học, giáo dục học, quản lý nhà trường để tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục.

GPLO3. Giao tiếp hiệu quả và thực hiện được hoạt động tư vấn trong hoạt động dạy học, giáo dục và hướng nghiệp.

GPLO4. Khai thác được các ứng dụng của công nghệ thông tin trong tự học, nghiên cứu khoa học, dạy học, đánh giá và quản lý học sinh.

GPLO5. Sử dụng được tiếng Anh tương đương bậc 3/6 trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn.

GPLO6. Thực hiện đúng quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở trường phổ thông.

GPLO7. Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (GPLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo GPLOs						
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	x						x
CLO2	x						x
CLO3	x						x
CLO4	x						x
CLO5	x		x		x		
CLO6	x						x
CLO7	x		x			x	
CLO8	x					x	x
CLO9	x		x				
CLO10			x				x
CLO11	x		x				
CLO12	x					x	
CLO13	x		x				x
MĐG	3	0	3	0	1	1	3

Ghi chú: “0” = Đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một GPLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một GPLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một GPLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần chủ nghĩa xã hội khoa học làm rõ những quy luật và tính quy luật về chính trị - xã hội của quá trình hình thành, phát triển của hình thái kinh tế- xã hội cộng sản chủ nghĩa; những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, con đường, hình thức và phương pháp để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Học phần chủ nghĩa xã hội khoa học tập trung luận giải nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, xã hội xã hội chủ nghĩa, nền dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa, về vấn đề liên minh giai cấp, vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần:

+ Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận;

+ Chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm theo định hướng của giảng viên.

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân của các chương (nộp sản phẩm theo yêu cầu giảng viên).

- Thực hành nhóm: Hoàn thành 01 bài thực hành nhóm (nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp).

- Thảo luận nhóm: Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm theo các chương; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp.

- Hoàn thành: 01 bài kiểm tra định kỳ.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-10
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, 2, 3,4,5,6,7,9, 13
3	A3. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO2,3,4,5, 6,7,8,9,10,11
4	A4. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO2,3,4,5, 7,8,9,10,11
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1,2,3,4, 5,6
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					

6	A6. Viết (Tự luận)	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1,2, 3, 4, 5,6,7,8
---	--------------------	----	----	--------------------	------------------------

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần: Rubric đánh giá

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5,0%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

8.2.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Bài tập cá nhân (5,0%)					
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Không thực hiện các nhiệm vụ, không nộp sản phẩm	Thực hiện 50-80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian giao hạn	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn

				thời gian gia hạn	
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	50	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Trình bày vài quan điểm và lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.	Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.	Nội dung thể hiện các quan điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	Nội dung được phân tích kỹ càng với các lập luận sáng tạo và có bằng chứng vững vàng hỗ trợ cho chủ đề.
Ý tưởng sáng tạo	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng

8.2.3. Rubric đánh giá thực hành nhóm: Rubric đánh giá

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hành nhóm (5,0%)					
Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không tham gia thảo luận và chia sẻ	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ	Có tham gia thảo luận và chia sẻ.	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ
Thực hiện đúng các thao tác, quy trình	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không thực hiện được các thao tác, quy trình	Thực hiện đầy đủ các thao tác, quy trình	Thực hiện khá tốt các thao tác, quy trình	Thực hiện tốt các thao tác, quy trình
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Kết quả thực hành không đầy đủ/Không	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn

		đáp ứng yêu cầu	cầu, có 1 sai sót quan trọng	yêu cầu, còn sai sót nhỏ	toàn các yêu cầu
Kết quả được giải thích và chứng minh	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Giải thích và chứng minh không rõ ràng	Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh rõ ràng
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không đúng format và nộp quá thời gian gia hạn	Format nhiều chỗ không nhất quán và nộp trong thời gian gia hạn	Vài sai sót nhỏ về format và nộp đúng hạn	Đúng format và nộp đúng hạn

8.2.4. Rubric đánh giá thảo luận nhóm: Rubric đánh giá

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thảo luận nhóm (5,0%)					
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Đầy đủ theo yêu cầu	Phong phú hơn yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Lập luận không có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0

Trình bày báo cáo rõ ràng		Thiếu rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Mạch lạc, rõ ràng
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tương đối tốt, còn vài sai sót nhỏ	Tương tác bằng mắt, cử chỉ khá tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tốt
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Trả lời sai đa số các câu hỏi	Trả lời đúng đa số các câu hỏi, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	Trả lời đúng đa số các câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên Lý luận chính trị), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Đảng cộng sản Việt Nam (2011), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[3]. Đảng cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I, II, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[4]. Đảng cộng sản Việt Nam (2011), Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011), Nxb Sự thật, Hà Nội.

[5]. Trần Thị Lan (2023), Giáo trình chuyên đề Chủ nghĩa xã hội khoa học, Nxb Đại học Thái Nguyên.

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Mô tả được quá trình hình thành, phát triển của CNXHKKH, đối tượng, phương pháp nghiên cứu của CNXHKKH
LLO2	Chứng minh được ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu CNXHKKH
LLO3	Giải thích được nội dung, đặc điểm, điều kiện quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và GCCN Việt Nam
LLO4	Vận dụng được quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân để giải thích những vấn đề đặt ra về việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của GCCN thế giới và ở Việt Nam.
LLO5	Diễn giải được điều kiện ra đời, đặc trưng của chủ nghĩa xã hội
LLO6	Chứng minh được tính tất yếu khách quan, đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và liên hệ được đến thực tiễn vấn đề này ở Việt Nam
LLO7	Phân định được nền dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa với các nền dân chủ và nhà nước trước đó trong lịch sử
LLO8	Vận dụng được lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về dân chủ và nhà nước pháp quyền để luận giải bản chất và phác thảo định hướng phát huy dân chủ XHCN, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam
LLO9	Dự đoán được sự biến đổi của cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội
LLO10	Diễn giải được nội dung liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và liên hệ được đến thực tiễn Việt Nam
LLO11	Phân tích được quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin trong giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo
LLO12	Chứng minh được sự vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về dân tộc, tôn giáo trong việc hoạch định chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO13	Giải thích được chức năng cơ bản của gia đình và dự đoán được sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH
LLO14	Xác định được phương hướng xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH
LLO15	Bày tỏ được thái độ không đồng tình với những quan điểm, hành vi sai trái, thù địch về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và Đảng Cộng sản Việt Nam
LLO16	Sử dụng được những lập luận để chứng minh tính sai trái, thù địch trong âm mưu chống phá thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam
LLO17	Nhận diện và phê phán được tính sai trái trong những quan điểm chống phá dân chủ xã hội chủ nghĩa của các thế lực, phản động
LLO18	Phản bác được âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực phản động, thù địch
LLO19	Vận dụng được quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về dân chủ để thực hiện bình đẳng giới; thực hiện quyền con người, quyền công dân; thực hiện đạo đức nhà giáo; đấu tranh phòng, chống tham nhũng và các biểu hiện vi phạm đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước về các vấn đề chính trị - xã hội.
LLO20	Giải quyết được các vấn đề thực tiễn trong bài tập cá nhân, bài thảo luận, thực hành trên cơ sở hợp tác nhóm.
LLO21	Đề xuất được nội dung về giáo dục gia đình và yêu cầu phối kết hợp giữa giáo dục gia đình và giáo dục nhà trường

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)												
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
LLO1	x												
LLO2		x											
LLO3			x										
LLO4			x										
LLO5				x									
LLO6				x									
LLO7					x								
LLO8					x								

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)												
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
LLO9						x							
LLO10						x							
LLO11							x						
LLO12							x						
LLO13								x					
LLO14								x					
LLO15									x	x	x		x
LLO16									x	x	x		x
LLO17									x	x	x		x
LLO18									x	x	x		x
LLO19	x					x			x	x	x	x	x
LLO20									x	x			x
LLO21								x					

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học				
LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (3 tiết) * Nội dung lí thuyết (2 tiết) 1.1. Sự ra đời của CNXHKH 1.1.1. Chủ nghĩa xã hội khoa học- một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác - Lênin 1.1.2. Hoàn cảnh lịch sử ra đời của Chủ nghĩa xã hội khoa học 1.1.3. Vai trò của C.Mác và Ph.Ăngghen	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu - Dạy học dựa trên vấn đề kết hợp đàm thoại, thảo luận nhóm	A1 A6	[1] Đọc chương 1

	1.2. Các giai đoạn phát triển cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học 1.2.1.C.Mác và Ph.Ăngghen phát triển CNXHKKH 1.2.2.V.I.Lênin vận dụng và phát triển CNXHKKH trong điều kiện mới 1.2.3. Sự vận dụng và phát triển CNXHKKH từ sau khi V.I.Lênin qua đời đến nay			
LLO1 LLO2	1.3.Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học 1.3.1.Đối tượng nghiên cứu của chủ CNXHKKH 1.3.2.Phương pháp nghiên cứu của CNXHKKH 1.3.3.Ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXHKKH	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu - Dạy học dựa trên vấn đề kết hợp đàm thoại	A1 A6	[1] Đọc chương 1,
LLO1 LLO20	*Nội dung bài tập cá nhân: (1 tiết) Tại sao nói: Chủ nghĩa xã hội khoa học ra đời là một tất yếu khách quan? Học tập, nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học có ý nghĩa gì đối với quá trình xây dựng CNXH ở Việt Nam?	Định hướng SV độc lập nghiên cứu vấn đề	A1 A2 A6	[1]. Đọc chương 1 [5]. Đọc chương 1
LLO1 LLO2	B. Nội dung tự học: (5 tiết) - Đọc tài liệu: Học thuyết tiến hóa, Học thuyết tế bào, Định luật Bảo toàn và chuyển hóa năng lượng. Trên cơ sở đó chỉ rõ ý nghĩa của những phát minh này đối với sự ra đời của CNXHKKH - Nêu giá trị và hạn chế của chủ nghĩa xã hội không tưởng	- Hướng dẫn SV đọc tài liệu và lập bảng về giá trị và hạn chế của CNXH không tưởng	A1	[1]. Đọc chương 1
Chương 2: Sứ mệnh lịch sử của GCCN				
	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết) * Nội dung lí thuyết: (4 tiết)	- Thuyết trình kết hợp với đàm thoại	A1 A5 A6	[1]. Đọc chương II

LLO3 LLO4	2.1. Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của GCCN 2.1.1. Khái niệm và đặc điểm của GCCN 2.1.2. Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của GCCN 2.1.2.1. Nội dung sứ mệnh lịch sử của GCCN 2.1.2.2. Đặc điểm sứ mệnh lịch sử của GCCN 2.1.3. Những điều kiện quy định sứ mệnh lịch sử của GCCN 2.1.3.1. Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của GCCN 2.1.3.2. Điều kiện chủ quan để GCCN thực hiện sứ mệnh lịch sử 2.2. Giai cấp công nhân và việc thực hiện SMLS của GCCN hiện nay 2.2.1. Giai cấp công nhân hiện nay 2.2.2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của GCCN trên thế giới hiện nay. 2.3. Sứ mệnh lịch sử của GCCN VN 2.3.1. Đặc điểm của GCCN Việt Nam 2.3.2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của GCCN Việt Nam hiện nay 2.3.3. Phương hướng và một số giải pháp chủ yếu xây dựng GCCN VN hiện nay	- Nêu vấn đề kết hợp thảo luận nhóm - Sử dụng phim tư liệu		[5]. Đọc chương 1
LLO15 LLO19 LLO20	* Nội dung thực hành: (1 tiết) Nhận diện, phê phán những quan điểm sai trái, thù địch về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.	- Hướng dẫn sinh viên thực hành nhóm - Cử đại diện các nhóm báo cáo, phản biện	A1 A4 A6	[1]. Đọc chương II

LLO3 LLO4 LLO20	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) 1. Tại sao GCCN ở các nước tư bản hiện nay chưa thực hiện được sứ mệnh lịch sử của mình? Điều đó có phủ nhận giá trị học thuyết Mác - Lênin về sứ mệnh lịch sử của GCCN không? Vì sao? 2. Nhận diện những điều kiện đảm bảo cho GCCN ở các nước tư bản chủ nghĩa thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử của mình?	- Định hướng SV thảo luận nhóm - Định hướng SV viết báo cáo - Đại diện SV báo cáo trước lớp	A1 A3 A6	[1]. Đọc chương II [5]. Đọc chương 1
LLO3 LLO4	B. Nội dung tự học: (10 tiết) - Đọc tài liệu và làm rõ vấn đề dưới đây: + Tìm hiểu chính sách bóc lột của thực dân Pháp đối với Việt Nam để thấy sự cần thiết của việc GCCN VN thông qua ĐCSVN lãnh đạo nhân dân thực hiện cuộc cách mạng thủ tiêu chế độ người bóc lột người, giành chính quyền về tay nhân dân lao động + Đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân? + Vai trò của giai cấp công nhân Việt Nam trong cách mạng nước ta. - Hiện nay, giai cấp công nhân ở các nước tư bản có còn bị bóc lột không? Nêu những biểu của sự bóc lột. - Tìm hiểu một số quan điểm sai trái, thù địch về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.	- Hướng dẫn SV đọc tài liệu và hệ thống hóa các nội dung tự học, rút ra kết luận cần thiết - Yêu cầu SV: + Đọc tài liệu, khái quát nội dung, trình bày tóm tắt ra vở + Nộp sản phẩm cho giảng viên	A1	[1]. Đọc chương II [5]. Đọc chương 1
Chương 3: Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội				
LLO5 LLO6 LLO7 LLO19	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết) * Nội dung lí thuyết: (3 tiết) 3.1. Chủ nghĩa xã hội 3.1.1. Chủ nghĩa xã hội – giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội CSCN 3.1.2. Điều kiện ra đời CNXH	- Nêu vấn, thuyết giảng kết hợp với trình chiếu - Nêu vấn đề kết hợp với đàm thoại	A1 A5 A6	[1]. Đọc chương III [3]. Đọc phần phương hướng xây

	3.1.3. Những đặc trưng cơ bản của CNXH 3.2. Thời kỳ quá độ lên CNXH 3.2.1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên CNXH 3.2.2. Đặc điểm thời kỳ quá độ lên CNXH 3.3. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở VN 3.3.1. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa 3.3.2. Những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội và phương hướng xây dựng CNXH ở Việt Nam hiện nay 3.3.2.1. Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội ở VN 3.3.2.2. Phương hướng xây dựng CNXH ở Việt Nam hiện nay			dựng đất nước [4]. Đọc Cương lĩnh [5]. Đọc chương 2
LLO6 LLO20	* Nội dung bài tập cá nhân (1 tiết) Phân tích làm rõ đặc điểm và thực chất của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam? Ý nghĩa của việc nhận thức đúng đắn vấn đề này đối với cách mạng nước ta?	Yêu cầu SV: Làm bài tập tại lớp, trao đổi với giảng viên trên lớp.	A1 A2	[1]. Đọc chương III
LLO16 LLO19 LLO20	* Nội dung thực hành: (1 tiết) Nhận diện và phê phán những quan điểm sai trái, thù địch về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay. Ý nghĩa của việc đấu tranh, phê phán những quan điểm đó đối với cách mạng nước ta hiện nay?	Hướng dẫn sinh viên thực hành nhóm; từng cá nhân tiến hành phê phán, phản biện chỉ rõ tính sai trái.	A1 A4 A6	[1]. Đọc chương 3 mục 3.3 [5]. Đọc chương 2
LLO6 LLO19 LLO20	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) Vận dụng kiến thức đã học, nhận diện và giải thích những điều kiện đảm bảo cho Việt Nam quá độ lên CNXH theo phương thức quá độ bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.	Hướng dẫn sinh viên trao đổi theo nhóm, nộp sản phẩm và báo cáo trước lớp	A1 A3 A6	[5]. Đọc chương 2

LLO5	B. Nội dung tự học: (9 tiết)	- Hướng dẫn SV đọc tài liệu và hệ thống hóa các nội dung tự học	A1	[1]. Đọc chương III
LLO6	- Đọc tài liệu và tóm tắt các nội dung sau + Những điều kiện cơ bản của sự ra đời hình thái kinh tế- xã hội CSCN + Đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội + Tại sao cần thực hiện thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội? + Thu thập một số quan điểm sai trái, thù địch về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và chỉ rõ tính chất sai trái, thù địch của những quan điểm đó. - Làm bài tập: Hoàn thiện 6 câu hỏi trắc nghiệm do GV đưa ra	- Yêu cầu SV: + Tự học và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy		[4]. Đọc Cương lĩnh [5]. Đọc chương 2
Chương 4: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa				
LLO7	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết) * Nội dung lí thuyết: (3 tiết)	- Thuyết trình, tình huống	A1 A3	[1]. Đọc chương IV
LLO8	4.1. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa	- Nêu vấn đề kết hợp thảo luận nhóm	A4	[2]. Đọc Báo cáo của Ban chấp hành TW Đảng
LLO19	4.1.1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ 4.1.2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa 4.1.3. Hệ thống chính trị XHCN 4.2. Nhà nước xã hội chủ nghĩa 4.2.1. Sự ra đời, bản chất, chức năng của nhà nước XHCN 4.2.2. Mối quan hệ giữa dân chủ XHCN và nhà nước XHCN 4.3. Dân chủ XHCN và Nhà nước pháp quyền XHCN ở VN 4.3.1. Dân chủ XHCN ở Việt Nam 4.3.2. Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam 4.3.3. Phát huy dân chủ XHCN, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam hiện nay	- Sử dụng phim tư liệu	A5 A6	[3]. Đọc Báo cáo phương hướng phát triển đất nước [5]. Đọc chương 3

LLO17 LLO19 LLO20	* Nội dung bài tập cá nhân (1 tiết) 1. Nhận diện, đấu tranh phản bác những hành vi tham nhũng ở nước ta và những biểu hiện vi phạm đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước về dân chủ. 2. Việc xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có ý nghĩa như thế nào đối với việc thực thi quyền con người và quyền công dân ở Việt Nam hiện nay?	- Hướng dẫn SV độc lập làm bài tập cá nhân - Hoàn thiện bài tập tại lớp - Trao đổi với GV (nếu cần)	A1 A2	[1]. Đọc chương IV [3]. Đọc Báo cáo phương hướng phát triển đất nước
LLO19 LLO20	* Nội dung thực hành: (1 tiết) Vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về dân chủ, hãy tham góp ý kiến vào việc xây dựng quy chế dân chủ ở trường phổ thông và thực hiện quyền kiểm tra, giám sát để chỉ ra những kết quả đạt được và hạn chế trong việc thực hiện quy chế dân chủ ở trường phổ thông.	Hướng dẫn SV trao đổi, thực hành theo nhóm, thiết lập 1 bản góp ý đối với việc xây dựng quy chế dân chủ ở trường phổ thông	A1 A2 A4	[1]. Đọc chương IV [5]. Đọc chương 3
LLO17 LLO19 LLO20	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) Xem video do GV đưa ra, nhận diện và phản bác âm mưu của các thế lực phản động thù địch trong vấn đề dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhân quyền ở nước ta hiện nay. Chỉ ra nguyên nhân và biện pháp khắc phục? (Xem video tại https://www.youtube.com/watch?v=x-8g-DW94cU/ Đây là 2 mũi tấn công nguy hiểm mang tên Dân chủ - Nhân quyền)	Hướng dẫn SV thảo luận theo nhóm: - Chỉ rõ được các quan điểm sai trái, thù địch - Lý giải được âm mưu, thủ đoạn của các thế lực phản động, thù địch - Xác định được nguyên nhân và các biện pháp khắc phục	A1 A2 A3	[1]. Đọc chương IV
LLO7 LLO8	B. Nội dung tự học: (9 tiết) - Đọc tài liệu và khái quát nội dung chính các vấn đề sau: + Dân chủ là gì?	- Hướng dẫn SV đọc tài liệu và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy	A1	[1]. Đọc chương IV

	+ Trong lịch sử có mấy nền dân chủ? + Bản chất của nền dân chủ XHCN trên từng bình diện cụ thể: Chính trị, kinh tế, văn hóa- xã hội + Dân chủ và Nhà nước XHCN có mối quan hệ như thế nào? + Bản chất của nền dân chủ XHCN ở Việt Nam. + Một số những biểu hiện vi phạm dân chủ trong thực tiễn. - Làm bài tập: Trả lời câu hỏi trắc nghiệm khách quan do GV đưa ra	- Nộp sản phẩm cho giảng viên (gửi kết quả bài tập trắc nghiệm khách quan cho GV trước buổi học)		[4]. Đọc cương lĩnh [5]. Đọc chương 3
Chương 5: Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH				
LLO9 LLO10	A. Nội dung thực hiện trên lớp (5 tiết) * Nội dung lí thuyết: (2 tiết) 5.1. Cơ cấu xã hội- giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 5.1.1. Khái niệm và vị trí của cơ cấu xã hội - giai cấp trong cơ cấu xã hội 5.1.2. Sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên CNXH 5.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH 5.3. Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam 5.3.1. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở VN 5.3.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên nghĩa xã hội ở VN 5.3.2.1. Nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên nghĩa xã hội ở Việt Nam	-Thuyết trình, tình huống - Nêu vấn đề kết hợp thảo luận nhóm	A3 A4 A5 A6	[1]. Đọc chương V

	5.3.2.2. Phương hướng cơ bản để xây dựng cơ cấu xã hội – giai cấp và tăng cường liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên nghĩa xã hội ở VN			
LLO10 LLO20	* Nội dung bài tập cá nhân: (1 tiết) Luận chứng vai trò của các giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.	Hướng dẫn SV độc lập làm bài tập tại lớp, và nộp báo cáo cho GV	A1 A2	[1]. Đọc chương V
LLO10 LLO21	* Nội dung thực hành: (1 tiết) Nhận diện và đánh giá những yếu tố tác động, chi phối đến xu hướng biến đổi trong cơ cấu xã hội - giai cấp ở nước ta hiện nay?	- Hướng dẫn SV trao đổi, thực hành theo nhóm viết báo cáo - Nộp báo cáo cho giảng viên	A4 A6	[1]. Đọc chương V
LLO10 LLO21	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) Những thuận lợi, khó khăn, thách thức đối với quá trình xây dựng và phát huy khối liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam?	- Hướng dẫn SV trao đổi cặp đôi, hoàn thiện báo cáo - GV gọi ngẫu nhiên SV báo cáo	A3 A6	[1]. Đọc chương V
LLO9 LLO10	B. Nội dung tự học: (7 tiết) - Đọc tài liệu và khái quát nội dung chính các vấn đề sau: + Sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên CNXH. + Cơ cấu xã hội – giai cấp ở Việt Nam hiện nay? + Nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam. + Đánh giá vai trò, vị trí của các giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. + Nhận diện xu hướng biến đổi trong cơ cấu xã hội - giai cấp ở Việt Nam hiện nay.	- Hướng dẫn SV đọc tài liệu và hệ thống hóa các nội dung tự học	A1	[1]. Đọc chương V
Chương 6: Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội				

LLO11	A. Nội dung thực hiện trên lớp (7 tiết)	- Dạy học dựa trên vấn đề thông qua tình huống thực tiễn	A1	[1]. Đọc chương VI
LLO12	* Nội dung lí thuyết: (3 tiết) 6.1. Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và hai xu hướng khách quan của sự phát triển dân tộc 6.1.1. Quan điểm của Chủ nghĩa Mác – Lênin về dân tộc 6.1.2. Dân tộc và quan hệ dân tộc ở VN 6.2. Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 6.2.1. Quan điểm của Chủ nghĩa Mác – Lênin về tôn giáo 6.2.1.1. Bản chất, nguồn gốc, tính chất của tôn giáo 6.2.1.2. Nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH 6.2.2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay 6.2.2.1. Đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam 6.2.2.2. Chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam đối với tín ngưỡng, tôn giáo hiện nay 6.3. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở VN 6.3.1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam 6.3.2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở VN hiện nay	- Kết hợp giữa thuyết trình, trao đổi, phát vấn. - Sử dụng phim tư liệu	A5 A6	
LLO12	* Nội dung bài tập cá nhân: (1 tiết)	- Hướng dẫn SV làm việc độc lập tại lớp	A1	[1]. Đọc chương VI
LLO20	Nhận diện và phân tích những khó khăn, rào cản trong việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.	- SV báo cáo trước lớp	A2	

LLO19	* Nội dung thực hành: (1 tiết)	- Hướng dẫn SV trao đổi, thực hành theo nhóm để nhận diện, tranh luận, phê phán âm mưu, thủ đoạn và phương thức lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực phản động, thù địch.	A1 A4	[1]. Đọc chương VI
LLO12 LLO19 LLO20	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) Chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay? Trách nhiệm của nhà giáo đối với việc giáo dục quyền bình đẳng dân tộc và quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo cho học sinh ở địa phương nơi cư trú?	Hướng dẫn SV trao đổi theo nhóm, hoàn thiện báo cáo theo nhóm và cử đại diện báo cáo, trả lời phát vấn của các nhóm và giảng viên.	A1 A3 A6	[1]. Đọc chương VI
LO1- LO19	Kiểm tra định kỳ (1 tiết)	Tổ chức cho SV làm bài kiểm tra theo qui định	A5	[1]. Đọc chương 1,2,3,4,5,6
LLO12	B. Nội dung tự học: (12 tiết) - Đọc tài liệu và khái quát nội dung chính các vấn đề sau: + Khái niệm dân tộc, tôn giáo + Phân biệt tín ngưỡng, tôn giáo, mê tín dị đoan. + Nội dung cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác – Lênin? + Những biểu hiện lợi dụng vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc ở Việt Nam hiện nay? + Ôn tập, hệ thống hóa lại những kiến thức đã học về sứ mệnh lịch sử của GCCN; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ XHCN;	- Hướng dẫn SV đọc tài liệu và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy - Nộp sản phẩm cho giảng viên	A1	[1]. Đọc chương VI

	Liên minh giai cấp, tầng lớp; vấn đề dân tộc, tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH.			
Chương 7: Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội				
LLO13 LLO14	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết) * Nội dung lí thuyết: (3 tiết) 7.1. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình 7.1.1. Khái niệm gia đình 7.1.2. Vị trí của gia đình trong xã hội 7.1.3. Chức năng cơ bản của gia đình 7.2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH 7.2.1. Cơ sở kinh tế - xã hội 7.2.2. Cơ sở chính trị - xã hội 7.2.3. Cơ sở văn hóa 7.2.4. Chế độ hôn nhân tiến bộ 7.3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH 7.3.1. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH 7.3.2. Phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH	- Giảng viên giảng dạy qua tình huống thực tiễn. - Giảng viên kết hợp giữa thuyết trình, trao đổi, phát vấn, thảo luận nhóm - Sắm vai	A1 A5 A6	[1]. Đọc chương VII
LLO14 LLO20	* Nội dung bài tập cá nhân: (1 tiết) Luận giải sự biến đổi trong chức năng gia đình ở Việt Nam hiện nay.	- Hướng dẫn SV làm tại lớp, trao đổi với GV	A1 A2 A6	[1]. Đọc chương VII
LLO14 LLO19 LLO20	* Nội dung thực hành: (1 tiết) Vận dụng quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng gia đình mới, tiến bộ để nhận diện và phê phán những biểu hiện bất bình đẳng giới trong gia đình Việt Nam hiện nay.	- Hướng dẫn SV trao đổi, thực hành theo nhóm - Mỗi nhóm xây dựng 1 kịch bản - - Sắm vai theo kịch bản	A1 A4	[1]. Đọc chương VII

LLO14	* Nội dung thảo luận nhóm: (1 tiết)	Hướng dẫn SV trao đổi cặp đôi, cử đại diện báo cáo, trả lời phát vấn	A1 A3	[1]. Đọc chương VII
LLO19	1. Nhận diện và đánh giá những yếu tố chi phối, tác động đến việc xây dựng gia đình mới, tiến bộ ở Việt Nam.			
LLO20				
LLO21	2. Những yêu cầu về phối kết hợp giữa giáo dục Nhà trường, giáo dục gia đình trong bối cảnh hiện nay?			
LLO13	B. Nội dung tự học: (9 tiết)	-Hướng dẫn SV đọc tài liệu và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy	A1	[1]. Đọc chương VII
LLO14	- Đọc tài liệu, tổng hợp và khái quát nội dung: Mỗi quan hệ của gia đình và xã hội; chức năng của gia đình; những xu hướng biến đổi của gia đình Việt Nam hiện nay. - Tìm hiểu những biến đổi của gia đình ở địa phương nơi cư trú. - Những biểu hiện về bất bình đẳng giới trong thực tiễn hiện nay. - Tìm hiểu những tiêu chí, yêu cầu về xây dựng gia đình mới ở Việt Nam hiện nay.	- Các nhóm xây dựng kịch bản và nộp GV duyệt trước khi thực hành trên lớp.		

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: Rộng, sạch, thoáng, đủ ánh sáng.

- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Bảng viết, máy chiếu và các thiết bị đi kèm, mạng internet.

- Điều kiện khác: Loa, micro

8.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2; Tổng số giờ quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	12	8	40
2	Bài tập	2	4	
3	Thực hành	6		

4	Thảo luận	3	3	21
5	Kiểm tra, đánh giá	1		
Tổng		24	15	61

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: 59SSO121 - Chủ nghĩa xã hội khoa học

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: TTHCM – Lịch sử ĐCSVN; Khoa: Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS Vũ Thị Thủy	0982633373	vuthuy.dhsptn@dhsptn.edu.vn
2	TS Phạm Thị Huyền	0982033005	phamthihuyen@dhsptn.edu.vn
3	Th.s Thái Hữu Linh	0388 644 227	linhth@tnue.edu.vn
4	TS Hoàng Thu Thủy	0977559266	thuyht@tnue.edu.vn
5	TS Lý Trung Thành	0974 146 989	thanhlysptn@gmail.com
6	TS. Nguyễn Tuấn Anh	0973 855 866	tuananhhgdct@gmail.com
7	Th.s Nguyễn Thị Minh Hiền	0979858677	hienntm.poli@tnue.edu.vn
8	Th.s Trần Thanh An	0973474393	antt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Luận giải được những vấn đề về khái niệm, đối tượng, phương pháp, ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh.

CO2: Chứng minh được những vấn đề lý luận cơ bản về cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.

CO3: Luận chứng được quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam.

CO4: Đánh giá được giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với thực tiễn cách mạng Việt Nam hiện nay.

* Về kỹ năng

CO5: Phản biện được những quan điểm sai trái, thù địch, chống phá tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay.

CO6: Thực hiện có hiệu quả kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giáo dục học sinh trong hoạt động nghề nghiệp.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO7: Thực hiện đúng các quy định đạo đức nghề nghiệp; quy chế dân chủ nơi ở và nơi làm việc.

CO8: Vận dụng được tư tưởng Hồ Chí Minh vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Luận giải được khái niệm, quá trình nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về tư tưởng Hồ Chí Minh	GPLO1
	CLO2	Phân biệt đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh.	GPLO1
CO2	CLO3	Luận giải cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.	GPLO1
CO3	CLO4	Luận chứng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.	GPLO1
	CLO5	Luận chứng được tư tưởng HCM về ĐCSVN và xây dựng nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân	GPLO1
	CLO6	Sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản VN và Nhà nước vào công tác xây dựng Đảng, Nhà nước hiện nay.	GPLO1
	CLO7	Sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh trong đẩy mạnh phòng chống tham nhũng giai đoạn cách mạng hiện nay	GPLO1
	CLO8	Làm rõ ý nghĩa của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay	GPLO1
	CLO9	Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay	GPLO1,6

CO4	CLO10	Đánh giá ý nghĩa của tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức đối với thực tiễn cách mạng Việt Nam.	GPLO1,3
	Kĩ năng		
CO5	CLO11	Nhận diện âm mưu của các thế lực phản động, thù địch trong việc phủ nhận tính đúng đắn của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam.	GPLO1,3,7
CO6	CLO12	Thực hành các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm một cách hiệu quả trong hoạt động dạy và học.	GPLO1,3,7
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CO7	CLO13	Thực hành rèn luyện đạo đức nghề nghiệp theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, thực hiện đúng các quy định dân chủ nơi ở và nơi làm việc.	GPLO1,6,7
CO8	CLO14	Tổ chức học tập, làm việc suốt đời theo tư tưởng Hồ Chí Minh thông qua các chuyên đề.	GPLO6, 7

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (GPLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (GPLOs)						
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	x						
CLO2	x						
CLO3	x						
CLO4	x						
CLO5	x						
CLO6	x						
CLO7	x						
CLO8	x						
CLO9	x					x	
CLO10	x		x				
CLO11	x		x				x
CLO12	x		x				x
CLO13	x					x	x

CLO14	x						x
MĐG	3	0	2	0	0	1	2

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một GPLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một GPLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một GPLO).

Ghi chú: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

GPLO1: Vận dụng được kiến thức cơ bản về lý luận chính trị và pháp luật Việt Nam trong hoạt động thực tiễn của bản thân và công việc.

GPLO2: Vận dụng được các kiến thức tâm lý học, giáo dục học, quản lý nhà trường để tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục.

GPLO3: Giao tiếp hiệu quả và thực hiện được hoạt động tư vấn trong hoạt động dạy học, giáo dục và hướng nghiệp.

GPLO4: Khai thác được các ứng dụng của công nghệ thông tin trong tự học, nghiên cứu khoa học, dạy học, đánh giá và quản lý học sinh.

GPLO5: Sử dụng được tiếng Anh tương đương bậc 3/6 trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn.

GPLO6: Thực hiện đúng quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở trường phổ thông.

GPLO7: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn học bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương, nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời, tập trung luận giải nội dung những chuyên đề cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; tư tưởng về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; tư tưởng về văn hoá, đạo đức và con người.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Chuẩn bị nội dung tự học, đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

- Bài tập: Hoàn thành 1 bài tập cá nhân, 1 bài tập nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Thực hành: Hoàn thành 1 bài thực hành nhóm theo nội dung yêu cầu ở chương 2, chương 3 và nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên và trình bày báo cáo trước lớp.

- Hoàn thành 1 bài kiểm tra định kỳ

- Thi kết thúc học phần.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1- 14
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 1 – 14
3	A3. Bài tập nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO 1 – 14
4	A4. Thực hành nhóm	10	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 1 – 14
5	A5. Bài kiểm tra định kỳ	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1 – 14
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Tự luận	50%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1 – 14

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5,0%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50%	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt

các hoạt động trong giờ học		nhiệm vụ học tập được giao.	học tập được giao.	học tập được giao.	động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5 Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	2,5 đến < 3,3 Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	3,3 đến < 4,0 Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	4,0 đến 5,0 Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết

8.2.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Bài tập cá nhân (5,0%)					
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Không thực hiện các nhiệm vụ, không nộp sản phẩm	Thực hiện 50-80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Trình bày vài quan điểm và lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.	Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.	Nội dung thể hiện các quan điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	Nội dung được phân tích kỹ càng với các lập luận sáng tạo và có bằng chứng vững vàng hỗ trợ cho chủ đề.
	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0

Ý tưởng sáng tạo		Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng
------------------	--	--	--------------------------	------------------------------	---

8.2.4. Rubric đánh giá bài tập nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thảo luận nhóm (5,0 %)					
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Đầy đủ theo yêu cầu	Phong phú hơn yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Lập luận không có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
Trình bày báo cáo rõ ràng	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Thiếu rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Mạch lạc, rõ ràng
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tương đối tốt, còn vài sai sót nhỏ	Tương tác bằng mắt, cử chỉ khá tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tốt
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Trả lời sai đa số các câu hỏi	Trả lời đúng đa số các câu hỏi, phần chưa nêu	Trả lời đúng đa số các câu hỏi và nêu được	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ

			được định hướng phù hợp	định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	ràng và thỏa đáng
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời

8.2.4. Rubric đánh giá thực hành nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hành nhóm (10%)					
Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không tham gia thảo luận và chia sẻ	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ	Có tham gia thảo luận và chia sẻ.	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ
Thực hiện đúng các thao tác, quy trình	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không thực hiện được các thao tác, quy trình	Thực hiện đầy đủ các thao tác, quy trình	Thực hiện khá tốt các thao tác, quy trình	Thực hiện tốt các thao tác, quy trình
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu
	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0

Kết quả được giải thích và chứng minh		Giải thích và chứng minh không rõ ràng	Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh rõ ràng
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không đúng format và nộp quá thời gian gia hạn	Format nhiều chỗ không nhất quán và nộp trong thời gian gia hạn	Vài sai sót nhỏ về format và nộp đúng hạn	Đúng format và nộp đúng hạn

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên Lý luận chính trị), NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Khánh Bật (Chủ biên): Tập bài giảng Tư tưởng Hồ Chí Minh, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội, 2000, Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN.

[3]. Đinh Xuân Lý - Phạm Ngọc Anh (Đồng chủ biên): Một số chuyên đề về tư tưởng Hồ Chí Minh, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội, 2008, Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN.

[4]. Song Thành : Hồ Chí Minh - Nhà tư tưởng lỗi lạc, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội, 2005, Thư viện Quốc gia, (Nguồn TTHL).

[5]. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, IX, XI, XII, XIII, Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN.

[6]. Chỉ thị số 03 – CT/TW ngày 14/5/2011 và 05 ngày 15/5/ 2016 của Bộ Chính trị (đọc trên Website: <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn>).

[7]. Nghị quyết Trung ương IV khóa XI: “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay” - ban hành ngày 16/1/2012, (đọc trên Website: <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn>).

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Phân loại được khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn tư tưởng Hồ Chí Minh
LLO2	Đánh giá được ý nghĩa học tập tư tưởng Hồ Chí Minh.
LLO3	Giải thích được những cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO4	Chứng minh được chủ nghĩa Mác – Lênin là nguồn gốc lý luận trực tiếp quyết định bản chất tư tưởng Hồ Chí Minh
LLO5	Đánh giá được những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc.
LLO6	Làm rõ được những luận điểm của Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc.
LLO7	Lập luận được vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh là phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam
LLO8	Mô tả được những quan điểm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam.
LLO9	Đánh giá con đường đi lên chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh
LLO10	Phân biệt được các giai đoạn của con đường đi lên CNXH ở Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh
LLO11	Luận chứng được vai trò, bản chất của Đảng cộng sản Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh
LLO12	Liên hệ trách nhiệm của bản thân trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh chống quan điểm sai trái, thù địch về nhà nước, dân tộc, về cách mạng xã hội chủ nghĩa.
LLO13	Bảo vệ được những quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.
LLO14	Liên hệ trách nhiệm của bản thân trong công tác phòng chống tham nhũng hiện nay
LLO15	Chứng minh được những luận điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân là phù hợp với thực tiễn.
LLO16	Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân trong giai đoạn hiện nay.
LLO17	Hình thành được niềm tin của bản thân vào quá trình xây dựng Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.
LLO18	Vận dụng được tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc trong hoạt động thực tiễn.
LLO19	Tóm tắt được các luận điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế
LLO20	Bảo vệ được quan điểm của Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong thời đại ngày nay.

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO21	Luận giải được vấn đề cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, xây dựng con người.
LLO22	Luận chứng được những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức
LLO23	Vận dụng được những chuẩn mực đạo đức cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh để giải quyết những vấn đề sau: - Đấu tranh phòng chống tham nhũng - Thực hiện bình đẳng giới - Thực hiện quyền con người, quyền công dân - Thực hiện đạo đức nhà giáo

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)													
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
LLO1	x	x												
LLO2	x	x							x					
LLO3			x											
LLO4			x											
LLO5				x										
LLO6				x										
LLO7				x										
LLO8				x										
LLO9				x										
LLO10				x										
LLO11					x		x							
LLO12					x	x	x						x	x
LLO13					x	x	x							
LLO14					x	x	x						x	x
LLO15				X					x	x				

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)													
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
LLO16					x	x	x							
LLO17					x	x	x							
LLO18								x						
LLO19								x						
LLO20								x						
LLO21									x	x				
LLO22									x	x				
LLO23									x	x	x		x	x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1 LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (4 tiết) * Nội dung lí thuyết: (2 tiết) 1.1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh 1.2 Đối tượng nghiên cứu 1.2. Phương pháp nghiên cứu 1.3. Ý nghĩa của việc học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sinh viên	-Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1,A6	[1]: Đọc chương 1 [2]: Đọc chương 1 [3]: Đọc chuyên đề 1 [4]: Đọc chương 3 [5]: Văn kiện Đại hội VII, IX
LLO1 LLO2	* Nội dung bài tập: (2 tiết) - Chứng minh tư tưởng Hồ Chí Minh được Đảng ta nhận thức, kế	Bài tập	A1, A3	[1]: Đọc chương 1 [2]: Đọc chương 1 [3]: Đọc chuyên đề 1

	thừa và phát triển qua các thời kỳ cách mạng. - Đánh giá được ý nghĩa của việc học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sinh viên hiện nay.			[4]: Đọc chương 3 [5]: Văn kiện Đại hội VII, IX
LLO1 ' LLO2	B. Nội dung tự học (6 tiết) Sinh viên đọc giáo trình chương 2 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu chương, những nội dung cần giải đáp.	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên	A1	[1]: Đọc chương 1 [2]: Đọc chương 1 [3]: Đọc chuyên đề 1 [4]: Đọc chương 3 [5]: Văn kiện Đại hội VII, IX
Chương 2: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh				
LLO3 LLO4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (5 tiết) * Nội dung lý thuyết: (3 tiết) 2.1. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh 2.1.1. Cơ sở thực tiễn 2.1.2. Cơ sở lý luận 2.1.3. Nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh 2.2. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh 2.2.1. Giai đoạn trước 1911 2.2.2. Giai đoạn 1911 – 1920 2.2.3. Giai đoạn 1920 – 1930 2.2.4. Giai đoạn 1930 – 1941 2.2.5. Giai đoạn 1941 – 9/1969 2.3. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh 2.3.1. Đối với cách mạng Việt Nam 2.3.2. Đối với sự phát triển tiến bộ của nhân loại	Giảng viên kết hợp giữa thuyết trình, trao đổi, phát vấn.	A1, A5, A6	[1]: Đọc chương 2 [2]: Đọc chương 2 [3]: Đọc chuyên đề 2

LLO3 LLO4	* Nội dung thực hành: (1 tiết) Hãy chỉ rõ những dấu mốc cơ bản trong quá trình hình thành phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. Tại sao đó là những bước tiến trong nhận thức và quá trình phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh ?	Thực hành nhóm	A1, A4	[1]: Đọc chương 2 [2]: Đọc chương 2 [3]: Đọc chuyên đề 2
LLO3 LLO4	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) Tại sao chủ nghĩa Mác – Lênin giữ vai trò quyết định đến bản chất cách mạng, khoa học của tư tưởng Hồ Chí Minh.	Thảo luận nhóm, hoàn thiện báo cáo theo nhóm và cử đại diện báo cáo.	A1, A3	[1]: Đọc chương 2 [2]: Đọc chương 2 [3]: Đọc chuyên đề 2
LLO3 LLO4	B. Nội dung tự học: (8 tiết) Sinh viên đọc giáo trình chương 2 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu chương, những nội dung cần giải đáp. Làm bài thực hành nhóm theo yêu cầu của giảng viên	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên đọc tài liệu, làm việc nhóm, chuẩn bị sản phẩm thực hành, thảo luận.	A1	[1]: Đọc chương 2 [2]: Đọc chương 2 [3]: Đọc chuyên đề 2
Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội				
LLO5 LLO6 LLO7 LLO8	A. Nội dung thực hiện trên lớp (7 tiết) * Nội dung lý thuyết: (4 tiết) 3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc 3.1.1. Vấn đề về độc lập dân tộc 3.1.2. Vấn đề về cách mạng giải phóng dân tộc dân 3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội 3.2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	Giảng viên sử dụng phương pháp thuyết trình, phát vấn, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, sử dụng tình huống.	A1, A5, A6	[1]: Đọc chương 3 [2]: Đọc chương 3 [3]: Đọc chuyên đề 3 [4]: Đọc chương 4

	3.2.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và với chủ nghĩa xã hội 3.3.1. Độc lập dân tộc là cơ sở, tiền đề để tiến lên chủ nghĩa xã hội 3.3.2. Chủ nghĩa xã hội là điều kiện để đảm bảo nền độc lập dân tộc vững chắc 3.4. Vận dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam giai đoạn hiện nay 3.4.1. Kiên định mục tiêu và con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh đã xác định 3.4.2. Phát huy sức mạnh chủ nghĩa xã hội 3.4.3. củng cố, kiện toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị 3.4.4. Đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.			
LLO5 LLO6	* Nội dung bài tập: (1 tiết) Trong công cuộc đổi mới hiện nay tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc được Đảng Cộng sản Việt Nam kế thừa, vận dụng, phát triển như thế nào?	Sinh viên làm tại lớp, trao đổi với giảng viên trên lớp.	A1, A2	[1]: Đọc chương 3 [2]: Đọc chương 3 [3]: Đọc chuyên đề 3 [4]: Đọc chương 4
LLO5 LLO6 LLO7	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) 1. Bằng lý luận và thực tiễn chứng minh rằng: Ở Hồ Chí Minh luôn có sự thống nhất giữa tư tưởng về bạo	Sinh viên trao đổi theo nhóm, hoàn thiện báo cáo theo nhóm và	A1, A3	[1]: Đọc chương 3 [2]: Đọc chương 3 [3]: Đọc chuyên đề 3

LLO9 LLO1 0	lực cách mạng và khả năng, giải pháp hòa bình. 2. Chứng minh sự sáng tạo trong quan điểm của Hồ Chí Minh về chủ trương kháng chiến lâu dài trong sự nghiệp chống thực dân, đế quốc?	cử đại diện báo cáo, các thành viên còn lại trả lời phát vấn của các nhóm và giảng viên.		[4]:Đọc chương 4
LLO 8 LLO9 LLO1 0	* Nội dung thực hành: (1 tiết) - Nhận diện, đánh giá những lực cản trong quá trình xây dựng CNXH ở Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh. - Chứng minh tính đúng đắn và sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.	Sử dụng phương pháp thảo luận nhóm, giảng viên giao nhiệm vụ sinh viên chuẩn bị và báo cáo theo nhóm	A1, A4	[1]: Đọc chương 3 [2]: Đọc chương 3 [3]: Đọc chuyên đề 3 [4]:Đọc chương 4
LLO5 LLO6	B. Nội dung tự học: (11 tiết) Sinh viên đọc giáo trình chương 3 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu chương, những nội dung cần giải đáp. Làm bài tập cá nhân, thảo luận, thực hành nhóm theo yêu cầu của giảng viên.	Giảng viên yêu cầu sinh viên đọc tài liệu học tập liên quan đến nội dung tự học, trả lời các câu hỏi của giảng viên trong giờ học. Hoàn thành các sản phẩm cho giảng viên	A1	[1]: Đọc chương 3 [2]: Đọc chương 3 [3]: Đọc chuyên đề 3 [4]:Đọc chương 4
Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân				
LLO11 LLO14	A. Nội dung thực hiện trên lớp (7 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết: (4 tiết) 4.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam 4.1.1. Tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam	Giảng viên sử dụng phương pháp thuyết trình, phát vấn, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, sử dụng tình huống.	A1, A5, A6	[1]: Đọc chương 4 [2]: Đọc chương 5 [3]:Đọc chuyên đề 4 [4]:Đọc chương 7 [5]. Đọc văn kiện ĐH Đảng XI, XII

	4.1.2. Đảng phải trong sạch, vững mạnh 4.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân 4.1.1. Nhà nước dân chủ 4.1.2. Nhà nước pháp quyền 4.1.3. Nhà nước trong sạch, vững mạnh 4.3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng Đảng và xây dựng Nhà nước 4.3.1. Xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh 4.3.2. Xây dựng Nhà nước			[7]: Đọc Nghị quyết TW 4
LLO11 LLO12 LLO15	* Nội dung thực hành: (1 tiết) - Suy tầm, phân tích và kể chuyện các tấm gương về những đảng viên tiêu biểu trong việc phát triển kinh tế, tích cực tham gia các hoạt động ở địa phương. - Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân thông qua hoạt động nào?.	Các nhóm viết báo cáo và thực hành trước lớp	A1, A4	[1]: Đọc chương 4 [2]: Đọc chương 5 [3]: Đọc chuyên đề 4 [4]: Đọc chương 7 [5]. Đọc văn kiện ĐH Đảng XI, XII [7]: Đọc Nghị quyết TW 4
LLO11 LLO16	* Nội dung bài tập: (1 tiết) - Làm rõ tính sáng tạo của Hồ Chí Minh trong quan điểm ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. - Ý nghĩa của việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước pháp quyền nhân nghĩa trong bảo đảm và phát huy quyền con người giai đoạn hiện nay	Sinh viên làm tại lớp, trao đổi với giảng viên trên lớp.	A1, A2	[1]: Đọc chương 4 [2]: Đọc chương 5 [3]: Đọc chuyên đề 4 [4]: Đọc chương 7 [5]. Đọc văn kiện ĐH Đảng XI, XII [7]: Đọc Nghị quyết TW 4

LLO12	* Nội dung thảo luận: (1 tiết)	Sinh viên tiến hành thảo luận theo nhóm, oàn thiện báo cáo bài tập và nộp cho giảng viên đúng hạn	A1, A3	[1]: Đọc chương 4 [2]: Đọc chương 5 [3]: Đọc chuyên đề 4 [4]: Đọc chương 7 [5]. Đọc văn kiện ĐH Đảng XI, XII [7]: Đọc Nghị quyết TW 4
LLO13	- Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam để đánh giá công tác phòng và chống tham nhũng, lãng phí trong Đảng và cơ quan Nhà nước hiện nay			
LLO14				
LLO15				
LLO23	- Chứng minh rằng: Ở Hồ Chí Minh luôn thể hiện sự thống nhất giữa Đức trị và Pháp trị trong việc xây dựng Nhà nước.			
LLO11	B. Nội dung tự học: (11 tiết)	Sinh viên tìm hiểu tài liệu, chuẩn bị nội dung báo cáo sản phẩm cho giảng viên trong giờ học.	A1	[1]: Đọc chương 4 [2]: Đọc chương 5 [3]: Đọc chuyên đề 4 [4]: Đọc chương 7 [5]. Đọc văn kiện ĐH Đảng XI, XII [7]: Đọc Nghị quyết TW 4
LLO14	Sinh viên đọc giáo trình chương 4 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu chương, những nội dung cần giải đáp. Làm bài tập cá nhân, thảo luận, thực hành nhóm theo yêu cầu của giảng viên.			
Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế				
LLO17	A. Nội dung thực hiện trên lớp (7 tiết)	Giảng viên trình bày kết hợp với trình chiếu.	A1, A6	[1]: Đọc chương 5 [2]: Đọc chương 6 [3]: Đọc chuyên đề 5 [4]: Đọc chương 8
LLO18	* Nội dung giảng dạy lý thuyết: (3 tiết) 5.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc 5.1.1. Vai trò của đại đoàn kết toàn dân tộc 5.1.2. Lực lượng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc 5.1.3. Điều kiện để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc 5.1.4. Hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết toàn dân tộc – Mặt trận dân tộc thống nhất			

	5.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế 5.2.1. Sự cần thiết phải thực hiện đoàn kết quốc tế 5.2.2. Lực lượng đoàn kết quốc tế và hình thức tổ chức 5.2.3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế 5.3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay 5.3.1. Quán triệt Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế trong hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng 5.3.2. Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên nền tảng liên minh công-nông-trí dưới sự lãnh đạo của Đảng 5.3.3. Đại đoàn kết toàn dân tộc phải kết hợp với đoàn kết quốc tế			
LLO18 LLO19	* Nội dung bài tập cá nhân: (1 tiết) - Luận giải những giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc đối với thực tiễn cách mạng Việt Nam. - Vận dụng quan điểm của Hồ Chí Minh về chủ thể của ĐĐKTTDT, anh chị hãy liên hệ với việc thực hiện bình đẳng giới ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay	Sinh viên làm tại lớp, trao đổi với giảng viên trên lớp.	A1, A2	[1]: Đọc chương 5 [2]: Đọc chương 6 [3]: Đọc chuyên đề 5 [4]: Đọc chương 8
LLO17 LLO19	* Nội dung thực hành: (1 tiết) Đánh giá ý nghĩa phương pháp luận của tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế đối với thực tiễn cách mạng Việt Nam	Các nhóm viết báo cáo và thực hành trước lớp.	A1, A4	[1]: Đọc chương 5 [2]: Đọc chương 6 [3]: Đọc chuyên đề 5 [4]: Đọc chương 8

LLO17 , LLO19	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) Phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay	Sinh viên trao đổi theo nhóm, hoàn thiện báo cáo theo nhóm	A1, A3	[1]: Đọc chương 5 [2]: Đọc chương 6 [3]: Đọc chuyên đề 5 [4]: Đọc chương 8
	* Bài kiểm tra định kì (1 tiết) Thời gian làm bài: 45 phút Hình thức kiểm tra: Tự luận	Tổ chức cho sinh viên làm bài theo quy định	A5	chương 1, chương 2, chương 3, chương 4.
LLO17 LLO18	B. Nội dung tự học: (12 tiết) Sinh viên đọc giáo trình chương 5 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu chương, những nội dung cần giải đáp. Làm bài tập cá nhân, thảo luận, thực hành nhóm theo yêu cầu của giảng viên.	Sinh viên chuẩn bị tài liệu về nội dung đã được cung cấp. Trả lời các câu hỏi của giảng viên.	A1	[1]: Đọc chương 5 [2]: Đọc chương 6 [3]: Đọc chuyên đề 5 [4]: Đọc chương 8
Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và con người				
LLO20 LLO21	A. Nội dung thực hiện trên lớp (9 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết: (4 tiết) 6.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa 6.1.1. Một số nhận thức chung về văn hóa và quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác 6.1.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa 6.1.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới 6.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức 6.2.1. Quan điểm về vai trò và sức mạnh của đạo đức cách mạng	Thuyết trình, phát vấn, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, sử dụng tình huống.	A1, A6	[1]: Đọc chương 6 [2]: Đọc chương 8 [3]: Đọc chuyên đề 7,8 [4]: Đọc chương 13, 14 [5]: Văn kiện Đại hội XI, XII, XIII [6]: Đọc Chỉ thị số 03, 05 của Bộ Chính trị

	6.2.2. Quan điểm về những chuẩn mực đạo đức cách mạng 6.2.3. Quan điểm về nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng 6.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người 6.3.1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người 6.3.2. Quan niệm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người 6.3.3. Quan niệm của Hồ Chí Minh về xây dựng con người 6.4. Vận dụng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh 6.4.1. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người 6.4.2. Về xây dựng đạo đức cách mạng			
LLO2 LLO22	* Nội dung bài tập cá nhân: (1 tiết) So sánh những chuẩn mực đạo đức cách mạng trong tư tưởng Hồ Chí Minh với các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của nhà giáo hiện nay.	Sinh viên viết báo cáo cá nhân, giảng viên gọi ngẫu sinh viên lên báo cáo trước lớp.	A1, A2	[1]: Đọc chương 6 [2]: Đọc chương 8 [3]: Đọc chuyên đề 7,8 [4]: Đọc chương 13, 14 [5]: Văn kiện Đại hội XI, XII, XIII [6]: Đọc Chỉ thị số 03, 05 của Bộ Chính trị
LLO20 LLO21	* Nội dung thực hành: (2 tiết) Xây dựng kế hoạch rèn luyện đạo đức cho sinh viên theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.	Sinh viên thực hành, báo cáo trước lớp, các sinh viên khác phản biện.	A1, A4	[1]: Đọc chương 6 [2]: Đọc chương 8 [3]: Đọc chuyên đề 7,8

				[4]:Độc chương 13, 14 [5]: Văn kiện Đại hội XI, XII, XIII [6]: Độc Chỉ thị số 03, 05 của Bộ Chính trị
LLO21 LLO22 LLO23	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về chuẩn mực Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư để nhận diện và đấu tranh phòng chống tham nhũng hiện nay.	Sinh viên trao đổi theo nhóm, hoàn thiện báo cáo theo nhóm và cử đại diện báo cáo.	A1, A3	[1]: Độc chương 6 [2]: Độc chương 8 [3]:Độc chuyên đề 7,8 [4]:Độc chương 13, 14 [5]: Văn kiện Đại hội XI, XII, XIII [6]: Độc Chỉ thị số 03, 05 của Bộ Chính trị
LLO20 LLO21 LLO22 LLO23	B. Nội dung tự học: (13 tiết) Sinh viên đọc giáo trình chương 6 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu chương, những nội dung cần giải đáp. Làm bài tập cá nhân, thảo luận, thực hành nhóm theo yêu cầu của giảng viên.	Sinh viên đọc tài liệu theo sự hướng dẫn của giảng viên, làm bài tập các nội dung được giao và nộp cho giảng viên.	A1	[1]: Độc chương 6 [2]: Độc chương 8 [3]:Độc chuyên đề 7,8 [4]:Độc chương 13, 14 [5]: Văn kiện Đại hội XI, XII, XIII [6]: Độc Chỉ thị số 03, 05 của Bộ Chính trị

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: sạch, thoáng, đủ ánh sáng.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: bảng viết, máy chiếu và các thiết bị kèm.
- Điều kiện khác: Loa, micro.

8.5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2; Tổng số giờ quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	20	0	40
2	Bài tập	6	0	21
3	Thực hành	6	0	
4	Thảo luận	6	0	
5	Thực tế chuyên môn	0	0	
6	Kiểm tra, đánh giá	1	0	
Tổng		39	0	61

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin (59SPH131), Kinh tế chính trị Mác – Lênin (59SPE121), Chủ nghĩa xã hội khoa học (59SSO121), Tư tưởng Hồ Chí Minh (59HCM121)

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Chính trị, Pháp luật và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Khoa Giáo dục chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Hoàng Thu Thủy	0977559266	thuyht@tnue.edu.vn
2	TS. Lý Trung Thành	0974 146 989	thanhlt@tnue.edu.vn
3	TS. Nguyễn Tuấn Anh	0973 855 866	anhnt@tnue.edu.vn
4	ThS. Trần Thanh An	0973 474 393	antt@tnue.edu.vn
5	ThS. Nguyễn Thị Minh Hiền	0979 858 677	hienntm.poli@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Phân tích được kiến thức cơ bản về đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

CO2: Luận giải được sự ra đời, quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1930 đến nay.

CO3: Vận dụng được những bài học kinh nghiệm của Đảng trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam vào thực tiễn và hoạt động chuyên môn.

* Về kĩ năng

CO4: Thực hiện có hiệu quả kỹ năng giao tiếp để giải quyết những vấn đề chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội theo quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam trong hoạt động dạy học và thực tiễn.

CO5: Phản biện được các quan điểm sai trái, thù địch với quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO6: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở và quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước.

CO7: Làm việc độc lập và làm việc nhóm, tự học theo nhiệm vụ của học phần.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Phân loại được đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	GPLO1
CO2	CLO2	Chứng minh được quy luật ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.	GPLO1
	CLO3	Giải thích được quá trình hình thành, bổ sung, phát triển đường lối cách mạng của Đảng từ 1930 đến 1975.	GPLO1
	CLO4	Luận giải được quá trình Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới	GPLO1
CO3	CLO5	Chứng minh được giá trị thực tiễn từ những bài học lớn của Đảng trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam.	GPLO1
	Kĩ năng		

CO4	CLO6	Vận dụng được kiến thức đã học để thuyết trình, báo cáo những vấn đề chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.	GPLO3,7
CO5	CLO7	Vận dụng được các kiến thức đã học để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch.	GPLO1,6,7
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO6	CLO8	Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để thực hiện đúng các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.	GPLO1,6,7
CO7	CLO9	Giải quyết được công việc độc lập và làm việc nhóm một cách hiệu quả.	GPLO3,7

Ghi chú:

GPLO1: Vận dụng được kiến thức cơ bản về lý luận chính trị và pháp luật Việt Nam trong hoạt động thực tiễn của bản thân và công việc.

GPLO 2: Vận dụng được các kiến thức tâm lý học, giáo dục học, quản lý nhà trường để tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục.

GPLO 3: Giao tiếp hiệu quả và thực hiện được hoạt động tư vấn trong hoạt động dạy học, giáo dục và hướng nghiệp.

GPLO 4: Khai thác được các ứng dụng của công nghệ thông tin trong tự học, nghiên cứu khoa học, dạy học, đánh giá và quản lý học sinh.

GPLO 5: Sử dụng được tiếng Anh tương đương bậc 3/6 trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn

GPLO 6. Thực hiện đúng quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở trường phổ thông.

GPLO 7: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (GPLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (GPLOs)						
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	x						
CLO2	x						

CLO3	x						
CLO4	x						
CLO5	x						
CLO6			X				x
CLO7	x					x	x
CLO8	x					x	x
CLO9			X				x
MĐG	3	0	2	0	0	2	3

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một GPLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một GPLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một GPLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam nghiên cứu về quá trình hình thành, phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam cũng như quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến 2018, cụ thể: Từ 1930 đến 1945, nghiên cứu về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền; từ 1945 đến 2018, nghiên cứu về quá trình Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới. Trên cơ sở đó, học phần khái quát các bài học lớn của cách mạng Việt Nam từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời tới nay.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Thảo luận nhóm: Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm, đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp.

- Thực hành: Hoàn thành 01 bài thực hành nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Hoàn thành 01 bài kiểm tra định kỳ.

- Hoàn thành 01 bài thi kết thúc học phần.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-9
2	A2. Bài tập	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1,2,3 CLO4,5,6,7 CLO9
3	A3. Thảo luận nhóm	5	01	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	CLO 2,3, 4, CLO5, 6,7, CLO9
4	A4. Thực hành (theo nhóm)	10	01	Rubric đánh giá thực hành nhóm	CLO 2, 3, 4, CLO5, 6,7
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO 2,3, CLO4,5
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO 2, 3, CLO4, 5

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5,0%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ

					học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết

8.2.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Bài tập cá nhân (5,0%)					
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Không thực hiện các nhiệm vụ, không nộp sản phẩm	Thực hiện 50-80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Trình bày vài quan điểm và lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.	Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.	Nội dung thể hiện các quan điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	Nội dung được phân tích kỹ càng với các lập luận sáng tạo và có bằng chứng vững vàng hỗ trợ cho chủ đề.
Ý tưởng sáng tạo	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng

8.2.3. Rubric đánh giá thảo luận nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thảo luận nhóm (10%)					
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Đầy đủ theo yêu cầu	Phong phú hơn yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Lập luận không có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
Trình bày báo cáo rõ ràng	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Thiếu rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Mạch lạc, rõ ràng
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tương đối tốt, còn vài sai sót nhỏ	Tương tác bằng mắt, cử chỉ khá tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tốt
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Trả lời sai đa số các câu hỏi	Trả lời đúng đa số các câu hỏi, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	Trả lời đúng đa số các câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng
	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0

Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời		Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời
--	--	--------------------------------------	---	--	--

8.2.4. Rubric đánh giá thực hành nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hành nhóm (5%)					
Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không tham gia thảo luận và chia sẻ	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ	Có tham gia thảo luận và chia sẻ.	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ
Thực hiện đúng các thao tác, quy trình	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không thực hiện được các thao tác, quy trình	Thực hiện đầy đủ các thao tác, quy trình	Thực hiện khá tốt các thao tác, quy trình	Thực hiện tốt các thao tác, quy trình
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu
Kết quả được giải thích và chứng minh	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Giải thích và chứng minh không rõ ràng	Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh rõ ràng
	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0

Báo cáo thực hành đúng yêu cầu		Không đúng format và nộp quá thời gian gia hạn	Format nhiều chỗ không nhất quán và nộp trong thời gian gia hạn	Vài sai sót nhỏ về format và nộp đúng hạn	Đúng format và nộp đúng hạn
--------------------------------	--	--	---	---	-----------------------------

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), NXb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Hoàng Thu Thủy (Chủ biên), Trần Thanh An, Nguyễn Thị Minh Hiền (2022), Giáo trình Chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nxb Đại học Thái Nguyên, Thái Nguyên.

[3]. Hoàng Thu Thủy, Nguyễn Hữu Toàn (Đồng chủ biên) (2023), Giáo trình Văn kiện Đảng, Nxb Đại học Thái Nguyên, Thái Nguyên.

[4]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb Chính trị quốc gia – Sự Thật, Hà Nội.

[5]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.

[6]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I, II, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Mô tả được đối tượng, chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.
LLO2	Phân loại được các phương pháp nghiên cứu môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
LLO3	Luận giải được hoàn cảnh quốc tế và trong nước ảnh hưởng tới sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam;
LLO4	Chứng minh được vai trò của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đối với sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO5	Vận dụng được kiến thức đã học để giải thích bản lĩnh chính trị độc lập, tự chủ, sáng tạo của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2/1930).
LLO6	Chứng minh được ý nghĩa lịch sử của sự kiện thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
LLO7	Giải thích được quá trình hình thành, bổ sung, phát triển đường lối cách mạng của Đảng từ 1930 đến 1945.
LLO8	Luận giải được quá trình Đảng lãnh đạo xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945-1946)
LLO9	Phân tích được đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng (1946-1954)
LLO10	Phân tích được đường lối của Đảng trong giai đoạn 1954 - 1965
LLO11	Giải thích được đường lối của Đảng trong giai đoạn 1965 – 1975
LLO12	Giải thích được đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước được thể hiện tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV (12/1976) và lần thứ V (3/1982) của Đảng.
LLO13	Vận dụng được kiến thức để giải thích quá trình Đảng lãnh đạo thực hiện đường lối đổi mới toàn diện đất nước (1986 -1996)
LLO14	Luận giải được quá trình Đảng lãnh đạo đẩy mạnh công cuộc đổi mới, hội nhập quốc tế (1996-2018)
LLO15	Khái quát được những bài học lớn của Đảng trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam.
LLO16	Luận giải được những vấn đề chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.
LLO17	Phản bác được âm mưu của các thế lực phản động, thù địch phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng, chống phá cách mạng Việt Nam; bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch.
LLO18	Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết các vấn đề sau: Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; đấu tranh phòng, chống tham nhũng; thực hiện quyền bình đẳng giới; thực hiện quyền con người, quyền công dân; thực hiện đạo đức nhà giáo.
LLO19	Giải quyết được công việc độc lập và làm việc nhóm một cách hiệu quả.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)								
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
LLO1	x								
LLO2	x								
LLO3		X							
LLO4		X							
LLO5			x						
LLO6			x						
LLO7			x						
LLO8			x						
LLO9			x						
LLO10			x						
LLO11			x						
LLO12				x					
LLO13				x					
LLO14				x					
LLO15					x				
LLO16					x	X			
LLO17						X	x		
LLO18								x	
LLO19									x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	

LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (3 tiết) * Nội dung lí thuyết: (2 tiết) I. Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 1.1. Các sự kiện lịch sử Đảng 1.2. Cương lĩnh, đường lối, chủ trương, chính sách lớn 1.3. Chỉ đạo, tổ chức thực tiễn trong tiến trình cách mạng 1.4. Hệ thống tổ chức Đảng, công tác xây dựng Đảng qua các thời kỳ lịch sử II. Chức năng, nhiệm vụ của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 2.1. Chức năng của khoa học Lịch sử Đảng 2.2. Nhiệm vụ của khoa học Lịch sử Đảng	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1	[1].Đọc từ tr.11 – tr.33 [2]. Đọc phần mở đầu
LLO2	III. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 3.1. Quán triệt phương pháp luận sử học 3.2. Các phương pháp cụ thể IV. Mục đích, yêu cầu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu - Dạy học dựa trên vấn đề kết hợp đàm thoại, thảo luận nhóm	A1	[1].Đọc từ tr.11 – tr.33 [2]. Đọc phần mở đầu
LLO1 LLO2	* Nội dung bài tập (1 tiết) Tại sao phải học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam trong bối cảnh hiện nay?	Bài tập cá nhân Yêu cầu SV Sinh viên làm tại lớp, trao đổi với giảng viên trên lớp.	A2	1].Đọc từ tr.11 – tr.33 [2]. Đọc phần mở đầu

LLO6	B. Nội dung tự học: (5 tiết)	SV tự học.	A1	1].Đọc từ tr.11 – tr.33
LLO19	- Yêu cầu sinh viên: Tự học và rút ra ý nghĩa của việc học tập môn học và liên hệ bản thân; nộp sản phẩm cho giảng viên.	Yêu cầu SV: tự đọc hiểu và thảo luận nhóm.		[2]. Đọc phần mở đầu
Chương I: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO3 LLO19	A. Nội dung thực hiện trên lớp (7 tiết) * Nội dung lí thuyết: (4 tiết) 1.1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2/1930) 1.1.1. Bối cảnh lịch sử	- Thuyết trình (của GV) - Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Sử dụng phim tư liệu	A1 A6	[1]. Đọc Chương I [2]. Đọc Chương 1, Chương 5, Chương 7 [3]. Đọc Chương 1 [5] Đọc theo hướng dẫn của GV
LLO4 LLO17	1.1.2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng	- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu - Dạy học dựa trên vấn đề kết hợp đàm thoại, thảo luận nhóm	A1, A6	[1].Đọc Chương I [2]. Đọc Chương 1, Chương 5, Chương 7 [3]. Đọc Chương 1 [5]. Đọc theo hướng dẫn của GV
LLO5 LLO17	1.1.3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng	- Thuyết giảng kết	A1 A6	[1].Đọc Chương I

		hợp với trình chiếu - Dạy học dựa trên vấn đề kết hợp đàm thoại, thảo luận nhóm		[2]. Đọc Chương 1, Chương 5, Chương 7 [3]. Đọc Chương 1 [5]. Đọc theo hướng dẫn của GV
LLO6 LLO17	1.1.4. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam	- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu - Dạy học dựa trên vấn đề kết hợp đàm thoại, thảo luận nhóm	A1 A6	[1]. Đọc Chương I [2]. Đọc Chương 1, Chương 5, Chương 7 [3]. Đọc Chương 1 [5]. Đọc theo hướng dẫn của GV
LLO7 LLO17 LLO19	1.2. Lãnh đạo quá trình đấu tranh giành chính quyền (1930-1945) 1.2.1. Phong trào cách mạng năm 1930 - 1931 và khôi phục phong trào 1932 - 1935 1.2.2. Phong trào dân chủ 1936-1939 1.2.3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945 1.2.4. Tính chất, ý nghĩa và bài học kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.	- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu - Dạy học dựa trên vấn đề kết hợp đàm thoại, thảo luận nhóm	A1 A6	[1]. Đọc Chương I [2]. Đọc Chương 1, Chương 5, Chương 7 [3]. Đọc Chương 1
LLO3 LLO4 LLO19	* Nội dung bài tập (1 tiết) 1. Hãy phân tích nhận định: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản” của Nguyễn Ái Quốc.	- Định hướng sinh viên làm bài tại lớp - Yêu cầu sinh viên: Sinh viên	A1 A2 A6	[1]. Đọc Chương I [2]. Đọc Chương 1, Chương 5, Chương 7

		làm tại lớp, trao đổi với giảng viên trên lớp.		[3]. Đọc Chương 1
LLO7 LLO18 LLO19	* Nội dung thực hành: (1 tiết) Tìm hiểu những hoạt động đấu tranh vì quyền con người của Nguyễn Ái Quốc trong giai đoạn 1911 – 1945.	- Định hướng SV tiến hành thực hành theo nhóm Yêu cầu sinh viên: - Sinh viên trao đổi theo nhóm, hoàn thiện báo cáo theo nhóm - Cử đại diện báo cáo, các thành viên còn lại trả lời phát vấn của các nhóm và giảng viên.	A1 A4	[1]. Đọc Chương I [2]. Đọc Chương 1, Chương 5, Chương 7 [3]. Đọc Chương 1
LLO7 LLO17 LLO19	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) Có người cho rằng: “Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 là sự “ăn may” của lịch sử”. Bằng kiến thức đã học, hãy nêu quan điểm của em về vấn đề này?	- Định hướng SV thảo luận nhóm - Định hướng SV viết báo cáo - Đại diện SV báo cáo trước lớp	A1 A3 A6	[1]. Đọc Chương I [2]. Đọc Chương 1, Chương 5, Chương 7 [3]. Đọc Chương 1
LLO3 LLO4 LLO19	B. Nội dung tự học: (11 tiết) - Đọc tài liệu và làm rõ nội dung: Quy luật ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam?	Sinh viên tự học. - Yêu cầu đối với SV: + Đọc tài liệu, khái quát nội	A1	[1]. Đọc Chương I [2]. Đọc Chương 1, Chương 5, Chương 7

		dung, trình bày tóm tắt ra vở + Nộp sản phẩm cho giảng viên.		[3]. Đọc Chương 1
Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975)				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO8 LLO17 LLO19	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung lí thuyết: (6 tiết) 2.1. Lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng, kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954) 2.1.1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945-1946	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm - Sử dụng phim tư liệu	A1, A3 A6	[1].Đọc chương 2 [2].Đọc Chương 2 [3]. Đọc Chương 2
LLO9 LLO17 LLO19	2.1.2. Đường lối kháng chiến toàn quốc và quá trình tổ chức thực hiện (1946 - 1950) 2.1.3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi (1951 - 1954) 2.1.4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm - Sử dụng phim tư liệu	A1, A3 A6	[1].Đọc Chương 2 [2].Đọc Chương 2 [3]. Đọc Chương 2
LLO10 LLO17 LLO19	2.2 Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954 – 1975)	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm	A1, A3 A6	[1].Đọc chương 2 [2].Đọc Chương 2 [3]. Đọc Chương 3

	2.2.1. Sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng hai miền Nam – Bắc (1954 – 1965)	- Sử dụng phim tư liệu		
LLO11 LLO17 LLO19	2.2.2. Lãnh đạo cách mạng cả nước (1965 – 1975) 2.2.3. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng thời kỳ 1954 - 1975	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm - Sử dụng phim tư liệu	A1, A3 A6	[1].Đọc chương 2 [2].Đọc Chương 2 [3]. Đọc Chương 3
LLO8 LLO19	* Nội dung bài tập (1 tiết) Chủ trương của Đảng Cộng sản Đông Dương trong việc giải quyết khó khăn, thử thách như “Ngàn cân treo sợi tóc” của cách mạng Việt Nam giai đoạn 1945 -1946 và một số kinh nghiệm?	Yêu cầu SV - Làm bài tại lớp - Trao đổi với giảng viên trên lớp.	A1 A2.	[1].Đọc chương 2 [2].Đọc chương 2 [3]. Đọc Chương 2
LLO10 LLO11 LLO18 LLO19	* Nội dung thực hành: (1 tiết) Thiết kế 1 sản phẩm để tuyên truyền về hoạt động của phụ nữ Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975).	- Định hướng SV tiến hành thực hành theo nhóm Yêu cầu sinh viên: -Sinh viên trao đổi theo nhóm, hoàn thiện báo cáo theo nhóm - Cử đại diện báo cáo, các thành viên còn lại trả lời phát vấn của các nhóm và giảng viên.	A1 A4 A6	[1].Đọc Chương 2 [2].Đọc Chương 3, 4 [3]. Đọc Chương 3

LLO10	* Nội dung thảo luận: (2 tiết)	Đọc tài liệu, chuẩn bị báo cáo,	A1	[1].Đọc chương 2
LLO11	Phân tích vai trò của hậu phương miền Bắc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1954-1975.	- Thảo luận nhóm, đại diện nhóm trình bày trước lớp; nộp sản phẩm	A3	[2].Đọc Chương 2
LLO19			A6	[3]. Đọc Chương 3
LLO8	B. Nội dung tự học: (16 tiết)	- GV định hướng SV đọc tài liệu	A1	[1].Đọc chương 2
LLO9	- Đọc chương 2 và các tài liệu tham khảo do giảng viên yêu cầu.	- Yêu cầu sinh viên:		[2].Đọc Chương 2
LLO10		+ Tự học và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy		[3]. Đọc Chương 2, Chương 3
LLO11		- Nộp sản phẩm cho giảng viên		
Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay)				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO12	A. Nội dung thực hiện trên lớp (13 tiết)	Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu	A1	[1].Đọc chương 3
LLO16	* Nội dung lí thuyết: (5 tiết)	- Thảo luận nhóm	A3	[2]. Đọc Chương 3, Chương 6
LLO17	3.1. Lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975 - 1986) 3.1.1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975-1981			

	3.1.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982-1986	- Sử dụng phim tư liệu		[3]. Đọc Chương 4
LLO13 LLO16 LLO17	3.2. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế (từ năm 1986 đến nay) 3.2.1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội 1986-1996	Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu - Thảo luận nhóm - Sử dụng phim tư liệu	A1 A3 A6	[1]. Đọc chương III [2]. Đọc Chương 3, Chương 6 [3]. Đọc Chương 4 [4]; [5]; [6]. Đọc theo hướng dẫn của GV
LLO14 LLO16 LLO17	3.2.2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế (từ 1996 đến nay) 3.2.3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới	Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu - Thảo luận nhóm - Sử dụng phim tư liệu	A1 A3 A6	[1]. Đọc chương III [2]. Đọc Chương 3, Chương 6 [3]. Đọc Chương 4 [4]; [5]; [6]. Đọc theo hướng dẫn của GV
LLO14 LLO18	* Nội dung bài tập (2 tiết) Đánh giá những thành tựu, hạn chế trong công tác lãnh đạo của Đảng về bình đẳng giới, quyền con người, dân chủ ở cơ sở, tham nhũng.	- Làm bài tập theo nhóm; thuyết trình trước lớp; nộp sản phẩm	A1 A2.	[1]. Đọc chương III [2]. Đọc Chương 3, Chương 6 [3]. Đọc Chương 4 [4]; [5]; [6]. Đọc theo hướng dẫn của GV

LLO14	* Nội dung thực hành: (3 tiết)	Thực hành nhóm.	A1	[1].Đọc chương III
LLO18	Tìm kiếm những hoạt động của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong đấu tranh, bảo vệ quyền con người giai đoạn hiện nay.	Yêu cầu SV: - Đọc tài liệu, thực hiện yêu cầu nội dung thực hành. - Báo cáo tại lớp và nộp sản phẩm cho GV	A4 A6	[2]. Đọc Chương 3, Chương 6 [3]. Đọc Chương 4 [4]; [5]; [6]. Đọc theo hướng dẫn của GV
LLO14	* Nội dung thảo luận: (2 tiết)	Yêu cầu SV	A1	1]. Đọc chương III
LLO16	1. Đánh giá thực trạng thực hiện chủ trương của Đảng về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ thời kỳ đổi mới?	- Chia nhóm thảo luận.	A3	[2]. Đọc Chương 3, Chương 6
LLO17	Liên hệ đến trách nhiệm của nhà giáo trong thực hiện chính sách của Đảng về giáo dục và đào tạo.	Mỗi nhóm chọn 1 nội dung để thực hiện thảo luận.	A6	[3]. Đọc Chương 4
LLO18	2. Phản biện những quan điểm sai trái, thù địch trong chống phá đường lối của Đảng về phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay.	- Chuẩn bị báo cáo, nộp sản phẩm.		[4]; [5]; [6]. Đọc theo hướng dẫn của GV
LLO19				
LLO8	* Bài kiểm tra định kì:	Yêu cầu SV	A1	1].Đọc chương 2, Chương 3
LLO9	Thời gian làm bài: 1 tiết	Sinh viên tự học, chuẩn bị tài liệu.	A5	[2]. Đọc Chương 3, Chương 6
LLO10	- Yêu cầu:			[3]. Đọc Chương 3, Chương 4
LLO11	+ Thời gian làm bài 60 phút			
LLO12	+ Hình thức kiểm tra tự luận			
LLO13	+ Nội dung: SV cần chuẩn bị đọc tài liệu theo giới hạn của giảng viên.			
LLO14				
LLO16				
LLO13	B. Nội dung tự học: (20 tiết)	- Tự học và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng	A1	1].Đọc chương III
LLO14	- Đọc chương 3 và các tài liệu tham khảo do giảng viên yêu cầu.			

LLO19		sơ đồ tư duy; nộp sản phẩm cho giảng viên (bài viết khoảng 4 trang).		[2]. Đọc Chương 3, Chương 6 [3]. Đọc Chương 4 [4]; [5]; [6]. Đọc theo hướng dẫn của GV
Kết luận				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO15 LLO17 LLO18	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết) * Nội dung lí thuyết: (3 tiết) 1. Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam 2. Những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng 3. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam đã làm nổi bật những truyền thống vẻ vang của Đảng	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Sử dụng phim tư liệu - Thảo luận nhóm	A1, A3 A6	[1]. Đọc Kết luận [2]. Đọc Chương 1, Chương 3, Chương 6, Chương 7
LLO15 LLO16 LLO18 LLO19	* Nội dung bài tập (1 tiết) Tìm hiểu một số hoạt động của chính quyền địa phương trong thực hiện phương châm: “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” nơi cư trú.	- Làm bài tập cá nhân; thuyết trình trước lớp; nộp sản phẩm	A1 A3 A6	[1]. Đọc Kết luận [2]. Đọc Chương 3
LLO15 LLO19	* Nội dung thực hành: (1 tiết) Sự vận dụng bài học kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế của	Thực hành nhóm. Yêu cầu SV - Đọc tài liệu, thực	A1 A2.	[1]. Đọc Kết luận [2]. Đọc Chương 6

	Đảng và Nhà nước trong giai đoạn hiện nay.	hiện yêu cầu nội dung thực hành. - Báo cáo tại lớp và nộp sản phẩm cho GV		
LLO15 LLO19	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) Từ thành tựu của đất nước 35 đổi mới, anh (chị) hãy phân tích nhận định: “Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”. (Trích: Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.39).	Thảo luận nhóm tại lớp Yêu cầu SV: - Chia nhóm, mỗi nhóm thảo luận một lĩnh vực trong các lĩnh vực sau: Chính trị, kinh tế, văn hoá, đối ngoại. - Chuẩn bị báo cáo, trình bày, nộp sản phẩm.	A1 A4	[1].Đọc Kết luận [2]. Đọc Chương 7
LLO15 LLO19	B. Nội dung tự học: (9 tiết) - Đọc Kết luận và các tài liệu tham khảo do giảng viên yêu cầu.	Sinh viên tự học. Yêu cầu SV tự đọc và thảo luận nhóm ; nêu các nội dung cần giải đáp (nếu có).	A1	[1].Đọc Kết luận [2]. Đọc Chương 1, Chương 3, Chương 6, Chương 7

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: đảm bảo ánh sáng, sạch sẽ, mát mẻ về mùa hè, ấm áp vào mùa đông.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Bảng, máy chiếu, loa, micro tốt.
- Điều kiện khác: đảm bảo cho giờ dạy

8.6. Pháp luật đại cương

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
	Lý thuyết	5	15	40
	Bài tập	6	0	21
	Thực hành	6	0	
	Thảo luận	6	0	
	Thực tế chuyên môn	0	0	
	Kiểm tra, đánh giá	1	0	
Tổng		24	15	61

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Chính trị, pháp luật và Lịch sử Đảng CSVN; Khoa Giáo dục Chính trị.

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
	TS. Vũ Thị Thủy	0982633373	thuyvt.poli@tnue.edu.vn
	ThS. Nguyễn Mai Anh	0974390790	anhnm@tnue.edu.vn
	TS. Phạm Thị Huyền	0982033005	huyenpt@tnue.edu.vn
	ThS. Vũ Thúy Hằng	0974090486	hangvt@tnue.edu.vn
	ThS. Thái Hữu Linh	0388644227	linhth@tnue.edu.vn
	ThS. Trần Thanh An	0973474393	antt@tnue.edu.vn
	TS. Nguyễn Tuấn Anh	0973855866	anhnt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức:

CO1. Vận dụng được những kiến thức cơ bản về lý luận nhà nước và pháp luật vào trong hoạt động thực tiễn.

CO2. Vận dụng được những kiến thức cơ bản về một số ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam trong cuộc sống và công việc.

* Về kĩ năng:

CO3. Giao tiếp hiệu quả, đúng pháp luật với người học, đồng nghiệp và phụ huynh bằng các kiến thức đã học.

CO4. Vận dụng được các kiến thức pháp luật để giải quyết các tình huống pháp lý trong thực tế.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

CO5. Thực hiện đúng quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở trường phổ thông.

CO6. Thực hành được kiến thức, kĩ năng chuyên môn vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Diễn giải được những khái niệm cơ bản về nhà nước và pháp luật.	GPLO1
	CLO2	Sử dụng các kiến thức pháp luật đã học để nhận diện quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, hành vi thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật trong thực tế.	GPLO1
	CLO3	Áp dụng được các kiến thức cơ bản về lý luận nhà nước và pháp luật để thực hiện hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.	GPLO1
CO2	CLO4	Sử dụng được các kiến thức pháp luật của một số ngành luật trong hoạt động tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật.	GPLO1
	Kĩ năng		
CO3	CLO5	Thực hiện được các hoạt động tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật cho người học trong quá trình dạy học.	GPLO3

CO4	CLO6	Xây dựng được phương án giải quyết một số tình huống pháp lý xảy ra trong thực tế.	GPLO3
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO6	CLO7	Tuân theo các quy định pháp luật về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở trường học.	GPLO6
CO7	CLO8	Thực hành được các hoạt động làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và tự học để giải quyết các nhiệm vụ của môn học.	GPLO7

Ghi chú: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

- GPLO1. Vận dụng được kiến thức cơ bản về lý luận chính trị và pháp luật Việt Nam trong hoạt động thực tiễn của bản thân và công việc.
- GPLO2. Vận dụng được các kiến thức tâm lý học, giáo dục học, quản lý nhà trường để tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục.
- GPLO3. Giao tiếp hiệu quả và thực hiện được hoạt động tư vấn trong hoạt động dạy học, giáo dục và hướng nghiệp.
- GPLO4. Khai thác được các ứng dụng của công nghệ thông tin trong tự học, nghiên cứu khoa học, dạy học, đánh giá và quản lý học sinh.
- GPLO5. Sử dụng được tiếng Anh tương đương bậc 3/6 trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn.
- GPLO6. Thực hiện đúng quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở trường phổ thông.
- GPLO7. Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (GPLOs)						
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	x						
CLO2	x						
CLO3	x						
CLO4	x						
CLO5			x				
CLO6			x				

CLO7						x	
CLO8							x
MĐG	3	0	2	0	0	1	1

Ghi chú: “0” = Đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một GPLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một GPLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một GPLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương của tất cả các chương trình đào tạo. Học phần cung cấp những kiến thức lý luận về nhà nước và pháp luật, nội dung cơ bản của một số ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Hình sự, Luật Dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Hoàn thành 01 bài thực hành theo nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Hoàn thành 01 bài kiểm tra định kỳ.

- Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm, có thuyết trình trên lớp.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-9
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-9
3	A3. Bài thảo luận nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO1-9

4	A4. Bài thực hành (theo nhóm)	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành nhóm	CLO1-9
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-4
Thi kết thúc học phần					
5	A6. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-4

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

* Rubric đánh giá chuyên cần

Chuyên cần					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80% - 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết

* Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%

Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Không thực hiện nhiệm vụ, hoặc thực hiện không đúng hạn.	Thực hiện, đạt 50-64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Sản phẩm có nội dung liên quan đến bài tập.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 50-64% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 65-79% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu	3,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 2,0	2,0 đến < 2,4	2,4 đến 3,0
		Có sử dụng công nghệ ở mức độ thấp	Có sử dụng công nghệ đáp ứng 50-64% yêu cầu.	Có sử dụng công nghệ đáp ứng 65-79% yêu cầu.	Có sử dụng công nghệ đáp ứng 80% yêu cầu.

* Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm

Bài thảo luận nhóm					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Sản phẩm có nội dung liên quan đến bài tập.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 50-64% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 65-79% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Lập luận rõ ràng, khoa học logic	3,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 2,0	2,0 đến < 2,4	2,4 đến 3,0
		Lập luận còn chưa chặt chẽ, bài trình bày còn nhiều lỗi logic.	Lập luận cơ bản đảm bảo tính logic, tuy còn thiếu tính thuyết phục.	Lập luận chặt chẽ, rõ ràng nhưng chưa sâu sắc.	Lập luận chặt chẽ, rõ ràng, sâu sắc.
Trình bày tốt	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0

		Trình bày chưa tốt, nhóm chưa có sự hỗ trợ, phối hợp.	Trình bày tương đối rõ ràng, còn mắc một số lỗi nhỏ.	Trình bày tốt, sự phối hợp trong nhóm khi trình bày còn chưa chặt chẽ.	Trình bày tốt, phối hợp trong nhóm tốt.
--	--	---	--	--	---

* Rubric đánh giá bài thực hành nhóm

Bài thực hành nhóm					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Sản phẩm có nội dung liên quan đến bài tập.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 50-64% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 65-79% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Kết quả được giải thích và chứng minh	3,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 2,0	2,0 đến < 2,4	2,4 đến 3,0
		Giải thích còn chưa chặt chẽ, bài chứng minh còn nhiều lỗi logic.	Lập luận giải thích cơ bản đảm bảo tính logic, tuy còn thiếu tính thuyết phục.	Lập luận chặt chẽ, rõ ràng nhưng chưa sâu sắc.	Lập luận chặt chẽ, rõ ràng, sâu sắc.
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Trình bày chưa tốt, nhóm chưa có sự hỗ trợ, phối hợp.	Trình bày tương đối rõ ràng, còn mắc một số lỗi nhỏ.	Trình bày tốt, sự phối hợp trong nhóm khi trình bày còn chưa chặt chẽ.	Trình bày tốt, phối hợp trong nhóm tốt.

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2015), Giáo trình Pháp luật đại cương, Nxb Đại học Sư phạm.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Trường Đại học Luật Hà Nội (2016), Giáo trình lý luận Nhà nước và pháp luật, Nxb Công an nhân dân.

[3]. Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Năm 2013, 1992, 1980, 1959, 1946) (2014), Nxb Lao động.

[4]. Bộ luật dân sự nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017) (2017), Nxb Lao động.

[5]. Bộ luật Hình sự (hiện hành) (Bộ luật năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.

[6]. Luật hôn nhân và gia đình: có hiệu lực từ ngày 1/1/2015 (2014), Nxb Lao động.

[7]. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016) (2017), Nxb Lao động.

[8]. Luật Phòng Chống tham nhũng (2018), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.

[9]. Luật xử lý vi phạm hành chính (Có hiệu lực từ ngày 01/07/2013): Nghị định số 81/NĐ-CP/ của chính phủ ngày 19/07/2013 và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính (2014), Nxb Lao động.

[10]. Luật Bình đẳng giới (hiện hành), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.

9.3. Website

[11]. Website cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật:

<http://vbpl.vn/Pages/portal.aspx>

[12]. Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp - Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật:
<http://www.moj.gov.vn/Pages/vbpq.aspx>

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Chứng minh được nhà nước là một hiện tượng lịch sử xã hội.
LLO2	Phân loại được các hình thức nhà nước, chức năng của nhà nước, kiểu nhà nước.
LLO3	Liên hệ được với hình thức, kiểu nhà nước của Việt Nam; vận dụng quan điểm duy vật lịch sử để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch về vấn đề nhà nước, dân tộc, cách mạng xã hội.
LLO4	Luận giải được các nguyên nhân dẫn đến sự ra đời pháp luật.
LLO5	Phân loại được các hành vi thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật.

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO6	Liên hệ được để giải thích về các hành vi thực hiện pháp luật, cơ cấu của quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, các yếu tố cấu thành vi phạm pháp luật.
LLO7	Bày tỏ được quan điểm về hành vi thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật.
LLO8	Liên hệ được với việc xây dựng pháp chế xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay và vấn đề thực hiện đạo đức nhà giáo.
LLO9	Xác định được các dấu hiệu để nhận biết hành vi vi phạm pháp luật.
LLO10	Tự giải quyết được các vấn đề đặt ra trong bài tập cá nhân và hợp tác để hoàn thành bài thảo luận nhóm, bài thực hành nhóm Chương 2.
LLO11	Diễn giải được hệ thống cấu trúc của pháp luật Việt Nam.
LLO12	Phân loại được các văn bản quy phạm pháp luật, các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam
LLO13	Diễn giải được những nội dung cơ bản của ngành luật Hiến pháp Việt Nam: chế độ chính trị; chế độ kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường; quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước...
LLO14	Thực hành được các hình thức tuyên truyền, phổ biến giáo dục luật Hiến pháp cho người học.
LLO15	Thực hiện được sự hỗ trợ trong hoạt động thảo luận nhóm để hoàn thành được nhiệm vụ chung của Chương 4.
LLO16	Luận giải được về ngành luật Hành chính,vi phạm hành chính, các hình thức xử lý hành chính, hành vi khiếu nại, tố cáo.
LLO17	Thực hiện được hoạt động tư vấn cho người học về pháp luật hành chính.
LLO18	Sử dụng được kiến thức đã học để xác định thẩm quyền và hình thức xử lý vi phạm hành chính trong các tình huống thực tế.
LLO19	Thực hiện được các quy định của luật Hành chính để giữ gìn đạo đức nhà giáo.
LLO20	Độc lập giải quyết bài tập cá nhân và hợp tác để hoàn thành bài thảo luận Chương 5.
LLO21	Diễn giải được những nội dung cơ bản của ngành luật dân sự.
LLO22	Thể hiện được khả năng thuyết trình, xây dựng và giải quyết tình huống về luật dân sự
LLO23	Giải quyết được các tình huống về luật Dân sự nảy sinh trong thực tế.
LLO24	Thực hiện được các quy định của luật Dân sự trong cuộc sống và công việc.

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO25	Thực hành được kỹ năng giao tiếp, hợp tác để hoàn thành bài thực hành, thảo luận nhóm Chương 6.
LLO26	Phân loại được tội phạm và hình phạt.
LLO27	Xác định được những dấu hiệu cơ bản của tội phạm để đấu tranh phòng, chống tội phạm.
LLO28	Thể hiện được cách giải quyết của bản thân về các tình huống pháp luật Hình sự.
LLO29	Giải quyết được các bài tập các nhân một cách độc lập và hợp tác được với nhóm để hoàn thành nhiệm vụ Chương 7.
LLO30	Xác định được các điều kiện kết hôn, quyền và nghĩa vụ giữa các thành viên trong gia đình, các căn cứ ly hôn theo quy định của pháp luật hiện hành.
LLO31	Thực hiện được hoạt động tư vấn cho người học về Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Bình đẳng giới.
LLO32	Xây dựng được phương án giải quyết các tình huống pháp luật Hôn nhân và gia đình trong thực tế.
LLO33	Thực hiện được các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Bình đẳng giới trong cuộc sống và công việc.
LLO34	Thực hành được kỹ năng giao tiếp, hợp tác để hoàn thành bài thực hành, thảo luận nhóm Chương 8.
LLO35	Sử dụng được các kiến thức đã học để tuyên truyền phòng, chống tham nhũng.
LLO36	Thực hành được các hành vi phòng, chống tham nhũng trong trường học.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)							
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
LLO1	x							
LLO2		x						
LLO3			x					
LLO4	x							
LLO5		x						
LLO6		x						
LLO7			x					

LLO8			x					
LLO9					x			
LLO10								x
LLO11	x							
LLO12			x					
LLO13				x				
LLO14					x			
LLO15								x
LLO16				x				
LLO17					x			
LLO18						x		
LLO19							x	
LLO20								x
LLO21				x				
LLO22					x			
LLO23						x		
LLO24							x	
LLO25								x
LLO26				x				
LLO27					x			
LLO28						x		
LLO29								x
LLO30				x				
LLO31					x			
LLO32						x		
LLO33							x	
LLO34							x	
LLO35					x			
LLO36								x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Khái quát chung về nhà nước				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (03 tiết) * Nội dung lí thuyết: (02 tiết) 1.1 Nguồn gốc hình thành nhà nước 1.1.1. Một số quan điểm về nguồn gốc nhà nước giai đoạn trước Mác 1.1.2. Học thuyết Mác – Lênin về nguồn gốc nhà nước 1.1.3. Định nghĩa nhà nước 1.2. Bản chất của nhà nước 1.2.1. Tính giai cấp của nhà nước 1.2.2. Vai trò xã hội của nhà nước 1.3. Đặc trưng của nhà nước	- Nêu vấn đề. - Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm	A1, A5, A6	[1] Đọc chương 1
LLO2	1.4. Hình thức nhà nước và chế độ chính trị 1.4.1. Khái niệm hình thức nhà nước 1.4.2. Hình thức chính thể nhà nước 1.4.3. Hình thức cấu trúc nhà nước 1.4.4. Chế độ chính trị 1.5. Chức năng của nhà nước 1.5.1. Khái niệm chức năng của nhà nước 1.5.2. Các chức năng cơ bản của nhà nước 1.6. Kiểu nhà nước 1.6.1. Khái niệm kiểu nhà nước 1.6.2. Các kiểu nhà nước trong lịch sử		A1, A5, A6	[1] Đọc chương 1

LLO3	* Nội dung thảo luận: (01 tiết) 1) Chứng minh kiểu nhà nước xã hội chủ nghĩa có tính ưu việt hơn các kiểu nhà nước khác. 2) Phân biệt nhà nước với một tổ chức kinh tế (ví dụ: một công ty cổ phần).	SV thảo luận theo nhóm và trình bày kết quả thảo luận trước lớp để GV đánh giá.	A3	[1] Đọc chương 1
LLO2	B. Nội dung tự học: (05 tiết) - Nội dung tự học của người học: đọc tài liệu và chuẩn bị bài phần chức năng của nhà nước và kiểu nhà nước	Tóm tắt lại nội dung đã học, GV kiểm tra lại trên lớp.	A1	[1] Đọc chương 1 [2] Đọc chương 1
Chương 2. Khái quát chung về pháp luật				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (06 tiết) * Nội dung lí thuyết: (02 tiết) 2.1. Nguồn gốc hình thành pháp luật 2.1.1. Học thuyết Mác – Lênin về nguồn gốc pháp luật 2.1.2. Định nghĩa pháp luật 2.2. Bản chất của pháp luật 2.2.1. Tính giai cấp của pháp luật 2.2.2. Vai trò xã hội của pháp luật 2.2.3. Tính dân tộc, tính mở của pháp luật	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1, A5, A6	[1] Đọc chương 2
LLO5,9	2.3. Quy phạm pháp luật 2.3.1. Khái niệm và đặc điểm của quy phạm pháp luật 2.3.2. Cơ cấu của quy phạm pháp luật	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1, A5, A6	[1] Đọc chương 2 [2] Đọc chương 2

	2.4. Quan hệ pháp luật 2.4.1. Khái niệm và đặc điểm của quan hệ pháp luật 2.4.2. Các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật 2.5. Thực hiện pháp luật 2.5.1. Khái niệm thực hiện pháp luật 2.5.2. Các hình thức thực hiện pháp luật 2.6. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý 2.6.1. Vi phạm pháp luật 2.6.2. Trách nhiệm pháp lý	- Thảo luận nhóm		
LLO8	2.7. Pháp chế xã hội chủ nghĩa 2.7.1. Khái niệm pháp chế xã hội chủ nghĩa 2.7.2. Những yêu cầu cơ bản của pháp chế xã hội chủ nghĩa 2.7.3. Những biện pháp tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1	[1] Đọc chương 2
LLO6,7	* Nội dung thảo luận: (01 tiết) 1. Lấy ví dụ về 05 quy phạm pháp luật và phân tích cơ cấu của các quy phạm pháp luật đó. 2. Lấy ví dụ về một quan hệ pháp luật và phân tích các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật đó.	- GV hướng dẫn SV thảo luận nhóm, viết báo cáo. - Đại diện SV báo cáo trước lớp.	A3	[1] Đọc chương 2 [2] Đọc chương 2
LLO10	* Nội dung bài tập cá nhân: (01 tiết) 1. Phân tích các yếu tố cấu thành của vi phạm pháp luật trong tình huống GV đưa ra. 2. Phân biệt các hình thức thực hiện pháp luật. 3. Phân biệt quan hệ xã hội thông thường và quan hệ pháp luật. Cho ví dụ minh họa.	SV làm bài tập nộp cho GV, GV tổng hợp và đánh giá.	A2	[1] Đọc chương 2 [2] Đọc chương 2

LLO9,10	* Nội dung thực hành: (02 tiết) Xây dựng một tình huống có chứa các hành vi thực hiện pháp luật.	- SV chuẩn bị tình huống theo nhóm, xử lý tình huống của nhóm bạn. GV nhận xét, đánh giá.	A4	[1] Đọc chương 2 [2] Đọc chương 2
LLO5,6,7	B. Nội dung tự học: (08 tiết) - Nội dung tự học: Đọc tài liệu chuẩn bị bài cho các nội dung về quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, làm bài tập GV giao trên lớp.	Đọc tài liệu theo yêu cầu của GV, làm BT theo yêu cầu.	A1	[1] Đọc chương 2 [2] Đọc chương 2
Chương 3. Hệ thống pháp luật Việt Nam				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO11	A. Nội dung thực hiện trên lớp (02 tiết) * Nội dung lý thuyết: (02 tiết) 3.1. Khái niệm và đặc điểm của hệ thống pháp luật Việt Nam 3.1.1. Khái niệm hệ thống pháp luật Việt Nam 3.1.2. Đặc điểm của hệ thống pháp luật Việt Nam 3.2. Hệ thống cấu trúc của pháp luật Việt Nam 3.2.1. Quy phạm pháp luật 3.2.2. Chế định pháp luật 3.2.3. Ngành luật	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm.	A1, A5, A6	[1] Đọc chương 3, [2] Chương 17 (mục 1, 2, 3), [7] Đọc toàn bộ văn bản
LLO12	3.3. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1, A5, A6	[1] Đọc chương 3, [2] Chương 17 (mục 1,

	3.3.1. Khái niệm và đặc điểm của văn bản quy phạm pháp luật 3.3.2. Các loại văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay 3.4. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam			2, 3), [7] Đọc toàn bộ văn bản
LLO11, 12	B. Nội dung tự học: (04 tiết) - Nội dung tự học: chuẩn bị bài cho các nội dung về hệ thống cấu trúc của pháp luật Việt Nam, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam.	Chuẩn bị bài theo nhóm, nộp sản phẩm theo yêu cầu cụ thể của GV trên lớp.	A1	[1] Đọc chương 3, [2] Chương 17 (mục 1, 2, 3), [7] Đọc toàn bộ văn bản
Chương 4. Luật Hiến pháp Việt Nam				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO13	A. Nội dung thực hiện trên lớp (03 tiết) * Nội dung lí thuyết: (02 tiết) 4.1. Khái quát chung về ngành luật Hiến pháp Việt Nam 4.1.1. Khái niệm ngành luật Hiến pháp 4.1.2. Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của ngành luật Hiến pháp 4.1.3. Nguồn của ngành luật Hiến pháp 4.2. Một số chế định cơ bản của ngành luật Hiến pháp Việt Nam 4.2.1. Chế độ chính trị 4.2.2. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân 4.2.3. Chế độ kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học công nghệ và môi trường	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm.	A1, A5, A6	[1] chương 4, [3] Đọc toàn bộ văn bản

	4.2.4. Tổ chức bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam			
LLO14, 15	* Nội dung bài tập cá nhân: (01 tiết) 1. Ngành luật Hiến pháp có vai trò như thế nào trong hệ thống pháp luật Việt Nam? 2. Phân tích nội dung một số quyền con người cơ bản được quy định trong Hiến pháp năm 2013. 3. Vẽ sơ đồ mô tả tổ chức bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam.	- GV hướng dẫn SV làm BT.	A2	[1] chương 4, [3] Đọc toàn bộ văn bản
LLO13	B. Nội dung tự học: (05 tiết) - Nội dung tự học: chuẩn bị bài cho các nội dung về Chế độ chính trị, chế độ kinh tế, văn hóa, giáo dục khoa học công nghệ và môi trường, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tổ chức bộ máy nhà nước.	Chuẩn bị bài theo nhóm, trả lời câu hỏi của GV.	A1	[1] chương 4, [3] Đọc toàn bộ văn bản
Chương 5. Luật Hành chính Việt Nam				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO16	A. Nội dung thực hiện trên lớp (04 tiết) * Nội dung lí thuyết: (02 tiết) 5.1. Khái quát chung về ngành luật Hành chính Việt Nam 5.1.1. Khái niệm ngành luật Hành chính 5.1.2. Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của ngành luật Hành chính 5.1.3. Nguồn của ngành luật Hành chính 5.2. Một số chế định cơ bản của ngành luật Hành chính Việt Nam 5.2.1. Quản lý hành chính nhà nước	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm.	A1, A5, A6	[1] Đọc chương 4 [9] Phần thứ nhất: Điều 2, Điều 5; Phần thứ hai: Chương 1, Chương 2, Chương 3.

	5.2.2. Vi phạm hành chính và trách nhiệm hành chính 5.2.3. Pháp luật về khiếu nại, tố cáo			
LLO17, 19	* Nội dung thảo luận: (01 tiết) 1. Lấy ví dụ về vi phạm hành chính và trách nhiệm hành chính. 2. Phân biệt khiếu nại với tố cáo? Cho ví dụ minh họa về hành vi khiếu nại, tố cáo. 3. Phân tích một số quy định nhằm cụ thể hóa các quyền con người trong Hiến pháp năm 2013 của pháp luật hành chính Việt Nam.	- GV hướng dẫn SV thảo luận nhóm. - GV định hướng SV viết báo cáo. - Đại diện SV báo cáo trước lớp.	A3	[1] Đọc chương 4 [9] Phần thứ nhất: Điều 2, Điều 5; Phần thứ hai: Chương 1, Chương 2, Chương 3.
LLO18, 20	* Nội dung bài tập cá nhân: (01 tiết) Xử lý một số tình huống về vi phạm hành chính, khiếu nại, tố cáo mà GV đưa ra.	GV hướng dẫn SV làm bài tập trên lớp.	A2	[1] Đọc chương 4 [9] Phần thứ nhất: Điều 2, Điều 5; Phần thứ hai: Chương 1, Chương 2, Chương 3.
LLO16	B. Nội dung tự học: (06 tiết) - Nội dung tự học: chuẩn bị bài cho các nội dung về quản lý nhà nước, vi phạm hành chính và xử lý vi phạm hành chính, pháp luật về khiếu nại, tố cáo.	GV kiểm tra nội dung tự học của SV bằng phát vấn trên lớp.	A1	[1] Đọc chương 4 [9] Phần thứ nhất: Điều 2, Điều 5; Phần thứ hai: Chương 1, Chương 2, Chương 3.
Chương 6. Luật Dân sự Việt Nam				
LLOs	Nội dung	Hình thức/	Học liệu	

		phương pháp		
		Dạy học	Đánh giá	
LLO21	A. Nội dung thực hiện trên lớp (05 tiết) * Nội dung lí thuyết: (02 tiết) 6.1. Khái quát chung về ngành luật Dân sự Việt Nam 6.1.1. Khái niệm ngành luật Dân sự 6.1.2. Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của ngành luật Dân sự 6.1.3. Nguồn của ngành luật Dân sự 6.2. Một số chế định cơ bản của ngành luật Dân sự Việt Nam 6.2.1. Tài sản 6.2.2. Quyền sở hữu 6.2.3. Hợp đồng dân sự 6.2.4. Thừa kế * Bài kiểm tra định kì : (01 tiết) thời gian làm bài 60 phút, hình thức kiểm tra tự luận, yêu cầu SV ôn tập theo giới hạn của giảng viên.	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Xem video tư liệu. - Thảo luận nhóm	A1, A5,A6	[1] Đọc Chương 4 [4] Chương 10, Chương 12, mục 7 (chương 17), Phần thứ tư.
LLO22, 23	* Nội dung bài tập cá nhân: (01 tiết) 1. Phân biệt các quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt. 2. So sánh thừa kế theo di chúc và thừa kế theo pháp luật.	SV làm bài tập trên lớp theo hướng dẫn của GV.	A2	[1] Đọc Chương 4 [4] Chương 10, Chương 12, mục 7 (chương 17), Phần thứ tư.
LLO24, 25	* Nội dung thực hành: (01 tiết) Thực hành kĩ năng tra cứu văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực dân sự để	GV hướng dẫn cách tra cứu và đưa ra thông tin yêu cầu SV	A4	[11], [12]. Tìm đọc các văn bản mà GV yêu cầu.

	xử lý một số tình huống về quyền sở hữu và thừa kế mà GV đưa ra.	tra cứu trong văn bản.		
LLO21	B. Nội dung tự học: (09 tiết) - Nội dung tự học: chuẩn bị bài cho các nội dung về tài sản, quyền sở hữu, hợp đồng dân sự và thừa kế.	Đọc tài liệu và chuẩn bị bài theo nhóm, nộp sản phẩm theo yêu cầu cụ thể của giảng viên trên lớp.	A1	[1] Đọc Chương 4 [4] Chương 10, Chương 12, mục 7 (chương 17), Phần thứ tư.
Chương 7. Luật Hình sự Việt Nam				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO26	A. Nội dung thực hiện trên lớp (04 tiết) * Nội dung lý thuyết: (02 tiết) 7.1. Khái quát chung về ngành luật Hình sự Việt Nam 7.1.1. Khái niệm ngành luật Hình sự 7.1.2. Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của ngành luật Hình sự 7.1.3. Nguồn của ngành luật Hình sự 7.2. Một số chế định cơ bản của ngành luật Hình sự Việt Nam 7.2.1. Tội phạm 7.2.2. Hình phạt	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm.	A1,A6	[1] Đọc Chương 4 [5] Đọc Chương III, Chương IV, Chương V, Chương VI

LLO27, 29	* Nội dung thảo luận: (01 tiết) 1. Phân tích những dấu hiệu cơ bản để nhận biết tội phạm. 2. Giải thích tại sao hình phạt là biện pháp cưỡng chế Nhà nước nghiêm khắc nhất? 3. Pháp luật hình sự Việt Nam thể hiện tinh thần bảo vệ quyền con người như thế nào?	- Thảo luận nhóm. - Viết báo cáo và nộp cho GV đánh giá.	A3	[1] Đọc Chương 4 [5] Đọc Chương III, Chương IV, Chương V, Chương VI
LLO28, 29	* Nội dung bài tập cá nhân: (01 tiết) SV xử lý một số tình huống về tội phạm và hình phạt do GV đưa ra.	SV làm bài tập theo hướng dẫn của GV.	A2	[1] Đọc Chương 4 [5] Đọc Chương III, Chương IV, Chương V, Chương VI
LLO26, 27	B. Nội dung tự học: (06 tiết) - Nội dung tự học: chuẩn bị bài cho các nội dung về tội phạm và hình phạt.	Đọc tài liệu và chuẩn bị bài. GV đánh giá bằng phát vấn trên lớp.	A1	[1] Đọc Chương 4 [5] Đọc Chương III, Chương IV, Chương V, Chương VI
Chương 8. Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO30	A. Nội dung thực hiện trên lớp (07 tiết) * Nội dung lý thuyết: (03 tiết) 8.1. Khái quát chung về ngành luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm.	A1,A6	[1] Đọc Chương 4, [5] Chương 17 [6] Điều 8, Chương 2,

	8.1.1. Khái niệm ngành luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam 8.1.2. Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của ngành luật Hôn nhân và gia đình 8.1.3. Nguồn của ngành luật Hôn nhân và gia đình 8.2. Một số chế định cơ bản của ngành luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam 8.2.1. Kết hôn 8.2.2. Quan hệ giữa vợ và chồng 8.2.3. Quan hệ giữa cha mẹ và con 8.2.4. Ly hôn 8.2.5. Bình đẳng giới trong gia đình			Chương 3, Chương 4, Chương 6, Chương 10 [10]. Đọc toàn bộ văn bản
LLO31	* Nội dung thảo luận: (01 tiết) 1. Giải thích các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. 2. Trình bày thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định hiện hành. 3. Quyền kết hôn và ly hôn trong Hiến pháp năm 2013 được Luật Hôn nhân và gia đình cụ thể hóa như thế nào?	-Thảo luận theo nhóm. - Đại diện nhóm thuyết trình để GV đánh giá	A3	[1] Đọc Chương 4, [5] Chương 17 [6]Điều 8, Chương 2, Chương 3, Chương 4, Chương 6, Chương 10 [10]. Đọc toàn bộ văn bản
LLO32	* Nội dung bài tập cá nhân: (01 tiết) SV xử lý một số tình huống về kết hôn, ly hôn mà GV đưa ra.	SV làm bài tập theo hướng dẫn của GV	A2	[1] Đọc Chương 4, [5] Chương 17 [6]Điều 8, Chương 2, Chương 3, Chương 4,

				Chương 6, Chương 10 [10]. Đọc toàn bộ văn bản
LLO33, 34	* Nội dung thực hành: (02 tiết) 1. Chuẩn bị một hồ sơ đăng ký kết hôn giả định theo quy định hiện hành. 2. Tư vấn một số tình huống kết hôn mà các nhóm đưa ra.	GV đưa ra tình huống giả định để SV thực hành theo nhóm. SV đóng vai để thể hiện kết quả thực hành.	A4	[1] Đọc Chương 4, [5] Chương 17 [6] Điều 8, Chương 2, Chương 3, Chương 4, Chương 6, Chương 10 [10]. Đọc toàn bộ văn bản
LLO30	B. Nội dung tự học: (10 tiết) - Nội dung tự học: chuẩn bị bài cho các nội dung về kết hôn, quan hệ giữa vợ và chồng, cha mẹ và con cái, ly hôn.	Đọc tài liệu và chuẩn bị bài theo nhóm, nộp sản phẩm theo yêu cầu cụ thể của giảng viên trên lớp.	A1	[1] Đọc Chương 4, [5], Chương 17 [6] Điều 8, Chương 2, Chương 3, Chương 4, Chương 6, Chương 10
Chương 9. Pháp luật phòng, chống tham nhũng				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	

LLO35	A. Nội dung thực hiện trên lớp (05 tiết) * Nội dung lí thuyết: (03 tiết) 9.1. Khái quát chung về tham nhũng 9.1.1. Khái niệm và đặc điểm của hành vi tham nhũng 9.1.2. Các hành vi tham nhũng và tội phạm về tham nhũng 9.2. Nguyên nhân và tác hại của tham nhũng 9.2.1. Nguyên nhân của tham nhũng 9.2.2. Tác hại của tham nhũng 9.3. Ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng 9.4. Trách nhiệm của công dân trong việc phòng, chống tham nhũng	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1,A6	[5] Đọc Mục 1 Chương XXIII, [8] Đọc toàn bộ văn bản
LLO36	* Nội dung thảo luận nhóm: (01 tiết) 1. Nguyên nhân nào là quan trọng nhất trong số các nguyên nhân của tham nhũng ở Việt Nam hiện nay? Tại sao? 2. Phân biệt hành vi tham nhũng với tội phạm tham nhũng.	- Thảo luận nhóm.	A1,A6	[5] Đọc Mục 1 Chương XXIII, [8] Đọc toàn bộ văn bản
LLO36	* Nội dung thực hành nhóm: (01 tiết) Soạn một bài thuyết trình về tác hại của tham nhũng và đề xuất một vài biện pháp để phòng, chống tham nhũng trong lĩnh vực giáo dục.	-Mỗi nhóm soạn một bài thuyết trình và trình bày trước lớp (có minh họa bằng trình chiếu).	A4	[5] Đọc Mục 1 Chương XXIII, [8] Đọc toàn bộ văn bản
LLO35	B. Nội dung tự học: (08 tiết) - Nội dung tự học: chuẩn bị bài cho các nội dung về các hành vi tham nhũng, tội phạm tham nhũng, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng, trách nhiệm của công	Đọc tài liệu và chuẩn bị bài theo nhóm, nộp	A1	[5] Đọc Mục 1 Chương XXIII,

	dân trong công tác phòng, chống tham nhũng.	sản phẩm theo yêu cầu cụ thể của GV trên lớp.		[8] Đọc toàn bộ văn bản
--	---	---	--	-------------------------

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: đảm bảo ánh sáng, sạch sẽ, mát mẻ về mùa hè.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Bảng, máy chiếu tốt.
- Điều kiện khác: đảm bảo cho giờ dạy

8.7. Tiếng anh 1

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	13	15	60
2	Bài tập	10		30
3	Thực hành		15	
4	Thảo luận	5		
5	Kiểm tra, đánh giá	2		
Tổng		30	30	90

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☒
- Đơn vị phụ trách: Khoa Ngoại ngữ

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Nguyễn Quốc Thủy	0912446530	thuynq@tnue.edu.vn

2	ThS. Vi Thị Trung	0915213468	trungvt@tnue.edu.vn
3	ThS. Nguyễn T. Hạnh Phúc	0982107915	phucnth@tnue.edu.vn
4	ThS. Đỗ T. Ngọc Phương	0948857850	phuongdtn@tnue.edu.vn
5	ThS. Phùng Thị Thanh Tú	0983820080	tuptt@tnue.edu.vn
6	ThS. Trần Thị Thảo	0986060650	thaott.flan@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu CO - Course Objectives)

* Về kiến thức

CO1: Sử dụng được vốn từ vựng cơ bản về một số chủ đề thường gặp trong đời sống hàng ngày.

CO2: Vận dụng được các dạng ngữ pháp cơ bản tương ứng với Bậc 2 ở mức cao theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

CO3: Vận dụng được các kiến thức về xã hội, văn hóa các nước trên thế giới trong giao tiếp bằng tiếng Anh.

* Về kỹ năng

CO4: Hình thành kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh tương ứng với Bậc 2 ở mức cao theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

CO5: Phát triển kỹ năng hợp tác và giải quyết vấn đề.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO6: Phát triển năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ, năng lực ngoại ngữ.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (Course Learning Outcomes - CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Sử dụng được các vốn từ vựng theo chủ đề sức khỏe, thể thao, giao thông, thử thách trong giao tiếp tiếng Anh.	GPLO5
CO2	CLO2	Sử dụng được các dạng ngữ pháp cơ bản như: thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, trạng ngữ chỉ tần suất, so sánh hơn, so sánh ngang bằng và so sánh hơn nhất.	GPLO5
CO3	CLO3	Vận dụng được một số thông tin về xã hội, văn hóa các nước trên thế giới trong giao tiếp liên quan đến chủ đề sức khỏe, thể thao, giao thông, thử thách.	GPLO5

Kĩ năng			
CO4	CLO4	Hiểu được nội dung chính và thông tin chi tiết trong các bài báo, các mẫu quảng cáo, các cuộc hội thoại, hướng dẫn, thông báo thuộc các chủ đề trong cuộc sống hàng ngày.	GPLO5
	CLO5	Vận dụng được các vốn từ vựng, ngữ pháp, kiến thức văn hóa để có thể đặt câu hỏi và trả lời, trình bày được quan điểm và giải thích trong các tình huống giao tiếp hàng ngày.	GPLO3, GPLO5
	CLO6	Vận dụng được cấu trúc của câu đơn, câu phức và câu ghép trong tiếng Anh để viết được các câu đúng ngữ pháp, các ghi chú ngắn, tin nhắn ngắn gọn theo các chủ đề quen thuộc hàng ngày.	GPLO3, GPLO5
CO5	CLO7	Phối hợp được với người khác để giải quyết các vấn đề trong các tình huống giao tiếp hàng ngày bằng tiếng Anh.	GPLO3 GPLO4, GPLO5, GPLO7
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO6	CLO8	Vận dụng được các kĩ năng tự học tập, tự nghiên cứu nhằm nâng cao năng lực ngoại ngữ.	GPLO4 GPLO5, GPLO7

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes- PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo PLOs															
	Kiến thức chung		Kiến thức chuyên môn				Kỹ năng chung			Kỹ năng chuyên môn				NL tự chủ và trách nhiệm		
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	...
CLO1									X							
CLO2									X							
CLO3									X							
CLO4									X							
CLO5							x		X							
CLO6							x		X							

CLO7							x	x	X						x	
CLO8								x	X						x	
MĐG	0	0	0	0	0	0	2	2	3	0	0	0	0	0	2	

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn Tiếng Anh 1 là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chung của chương trình đào tạo cử nhân sư phạm.

Môn học Tiếng Anh 1 cung cấp cho sinh viên những vốn ngữ pháp cơ bản như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, các cấu trúc so sánh, động từ khuyết thiếu và vốn từ vựng cơ bản về các chủ đề như sức khỏe, thể thao, giao thông và thử thách để phát triển được kỹ năng ngôn ngữ Bậc 2 ở mức cao. Đồng thời, môn học này cũng rèn luyện cho người học các kỹ năng sử dụng tiếng Anh để bày tỏ ý kiến, quan điểm và giải thích trong các tình huống giao tiếp; viết được các câu đúng ngữ pháp, các ghi chú ngắn, tin nhắn ngắn đơn giản theo các chủ đề quen thuộc hàng ngày.

Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học Spark và lớp học ảo sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: + Đi học đúng giờ, đảm bảo tham dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp;
- + Đọc tài liệu học tập, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp.
- + Chủ động, tích cực tham gia các hoạt động trong giờ học.
- Bài tập: Hoàn thành bài tập cá nhân và nhóm đúng hạn, đúng yêu cầu của giáo viên.
- Thực hành: Hoàn thành các bài thực hành được giao trên Spark và lớp học ảo đúng hạn, đúng yêu cầu.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức và trọng số điểm

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10	1	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO8
2	A2. Bài tập trên SPARK	10	4	Rubric đánh giá bài tập	CLO 1,2,3,4,5,6,7,8
3	A2. Thực hành trên lớp học ảo như CANVAS, GOOGLE CLASSROOM...	10	4	Rubric đánh giá Thực hành trên lớp học ảo như CANVAS, GOOGLE CLASSROOM...	CLO 1,2,3,4,5,6,7,8
4	A3. Bài kiểm tra định kì (Nghe)	20	1	Đáp án, thang điểm	CLO 1,2,3,4,5,6,8
5	A4. Bài kiểm tra định kì (Đọc)		1		
6	A5. Bài kiểm tra định kì (Viết)		1		
Thi kết thúc học phần					
7	A6. Nghe - Đọc - Viết - Vấn đáp	50	1	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO 1,2,3,4,5,6,7,8

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt

động trong giờ học					động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc (nghỉ quá 20% số giờ - > không đủ đk dự thi)	5,0	1 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự 80%-84% số giờ lên lớp và trên hệ thống E-learning	Dự 85%- 89% số giờ lên lớp và trên hệ thống E-learning	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp và trên hệ thống E-learning	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp và trên hệ thống E-learning
Bài tập trên SPARK (10%)					
Mức độ hoàn thành đầy đủ và đúng hạn bài tập được giao	3,0	0 đến < 1,5	1,5 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Hoàn thành đúng hạn dưới 50% các bài tập hoặc nhiệm vụ được giao	Hoàn thành đúng hạn từ 50 - 64% bài tập hoặc nhiệm vụ được giao	Hoàn thành 65 -7,9% đúng hạn bài tập hoặc nhiệm vụ được giao	Hoàn thành đầy đủ và đúng hạn 80-100% bài tập hoặc nhiệm vụ được giao.
Chất lượng nội dung bài tập được giao đáp ứng yêu cầu.	7,0	0 đến < 5,0	5,0 đến < 6,0	6,0 đến < 6,5	6,5 đến 7,0
		Bài tập được giao đáp ứng dưới 50% yêu cầu về nội dung.	Bài tập được giao đáp ứng 50 - 64% yêu cầu về nội dung.	Bài tập được giao đáp ứng 65 -79% yêu cầu về nội dung.	Bài tập được giao đáp ứng 80-100% yêu cầu về nội dung.
Thực hành trên lớp học ảo như CANVAS, GOOGLE CLASSROOM... (10%)					
Tham gia đầy đủ các bài thực hành theo yêu cầu	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Tham gia dưới 50% các bài thực hành theo yêu cầu	Tham gia từ 50 - 60% các bài thực hành theo yêu cầu.	Tham gia từ 70 -80% các bài thực hành theo yêu cầu.	Tham gia đầy đủ từ 90-100% các bài

					thực hành theo yêu cầu.
Kết quả thực hiện các bài thực hành đáp ứng yêu cầu về nội dung và hình thức.	6,0	0 đến < 3	3,0 đến < 3,6	3,6 đến < 4,8	4,8 đến 6,0
		Kết quả thực hiện các bài thực hành được giao đáp ứng dưới 50% yêu cầu về nội dung và hình thức.	Kết quả thực hiện các bài thực hành được giao đáp ứng từ 50 - 60% yêu cầu về nội dung và hình thức.	Kết quả thực hiện các bài thực hành từ 70 -80% yêu cầu về nội dung và hình thức.	Kết quả thực hiện các bài thực hành đáp ứng từ 90-100% yêu cầu về nội dung và hình thức.
Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để làm bài thực hành kém.	Đã có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để làm bài thực hành, nhưng chưa tốt.	Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để làm bài thực hành tương đối tốt.	Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để làm bài thực hành tốt.
Bài kiểm tra định kì (20%)					
Bài kiểm tra định kì (bài thi kỹ năng Nghe - Đọc trên máy, Viết)	20,0	Theo đáp án, thang điểm đã được Hội đồng chuyên môn bộ môn duyệt			
Thi kết thúc học phần (50%)					
Nghe – Đọc – Viết - Vấn đáp	10,0	Theo đáp án đề thi và Rubric đánh giá đã được Hội đồng chuyên môn bộ môn duyệt và theo quy định chung của Trường.			

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1] Hughes. J, Stephenson. H, & Dummet. P, (2022). Life: A2-B1. Student's Book 2nd Edition. (Vietnam Edition). Singapore: Cengage Learning Asia.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Redman, Stuart (2003). English Vocabulary in use. Cambridge University Press.

[3] Murphy, Raymond (2019). English grammar in use. Cambridge University Press

9.3. Website

<https://learn.eltnl.com/>

<https://www.instructure.com/>

<https://classroom.google.com/>

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Nghe hiểu, đọc hiểu được thông tin chính và chi tiết trong các bài báo, các cuộc hội thoại về chủ đề Sức khỏe, lối sống; Sử dụng được từ vựng về chủ đề Sức khỏe, lối sống trong các giao tiếp thông thường.
LLO2	Sử dụng được thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, trạng ngữ chỉ tần suất trong khi nói, viết về các chủ đề quen thuộc hàng ngày.
LLO3	Nghe hiểu, đọc hiểu được thông tin chính và chi tiết trong các bài báo, các cuộc hội thoại về chủ đề Thể thao; Sử dụng được từ vựng về chủ đề Thể thao trong các giao tiếp thông thường.
LLO4	Sử dụng được dạng verb + ing; like + V-ing, I'd like to; động từ tình thái trong khi nói, viết về các chủ đề quen thuộc hàng ngày.
LLO5	Nghe hiểu, đọc hiểu được thông tin chính và chi tiết trong các bài báo, các cuộc hội thoại về chủ đề Giao thông; Sử dụng được từ vựng về chủ đề Giao thông trong các giao tiếp thông thường.
LLO6	Sử dụng được tính từ so sánh hơn, so sánh hơn nhất và so sánh ngang bằng trong khi nói, viết về các chủ đề quen thuộc hàng ngày.
LLO7	Nghe hiểu, đọc hiểu được thông tin chính và chi tiết trong các bài báo, các cuộc hội thoại về chủ đề Thử thách; Sử dụng được từ vựng về chủ đề Thử thách trong các giao tiếp thông thường.
LLO8	Sử dụng được quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, giới từ in, on, at chỉ thời gian trong khi nói, viết về các chủ đề quen thuộc hàng ngày.
LLO9	Phối hợp được với người khác để giải quyết các vấn đề trong các tình huống giao tiếp hàng ngày bằng tiếng Anh.
LLO10	Vận dụng được các kỹ năng học tập độc lập, nghiên cứu nhằm nâng cao năng lực ngoại ngữ.

10.2. Ma trận liên kết chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs) với chuẩn đầu ra học phần (CLOs)

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)								
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	...
LLO1	x		x	x			x	x	
LLO2		x	x		x	x	x	x	
LLO3	x		x	x			x	x	
LLO4		x	x		x	x	x	x	
LLO5	x		x	x			x	x	
LLO6		x	x		x	x	x	x	
LLO7	x		x	X			x	x	
LLO8		x	x		x	x	x	x	
LLO9							x		
LLO10								x	

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Unit 1: LIFESTYLE				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1 LLO2 LLO9 LLO10	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (3 tiết trực tiếp và 3 tiết Elearning) 1. Grammar: present simple and continuous; adverbs and expressions of frequency. 2. Vocabulary: everyday routines; leisure activities; wordbuilding: collocations with do, go or play; word focus: feel; medical problems. 3. Listening and speaking: Speaking: your habits; your current life; talking about illness; Listening: in search of a long life;	Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành	A1, A2, A3, A4, A5, A6	[1] Unit 1 [3]

	4. Reading and writing: Reading: How well do you sleep? The secret of long life; Nature and health; Writing: filling in a form; information on forms.			
	* Nội dung bài tập cá nhân (2 tiết) Bài tập của Unit 1 trong giáo trình Life.			
	* Nội dung thực hành (3 tiết trực tuyến) Bài tập thực hành trên phần mềm Spark: listening, writing, reading tasks			
	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) Topic: Making lives healthier			
	B. Nội dung tự học: (15 tiết) - Tra từ mới và đọc bài học trước ở nhà (trang 09-20). - Tìm hiểu trước về các hiện tượng ngữ pháp present simple and continuous; adverbs and expressions of frequency.	Viết từ, dịch bài khóa, làm bài tập vào vở		[1] [2] [3]
Unit 2: COMPETITIONS				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO3 LLO4 LLO9 LLO10	A. Nội dung thực hiện trên lớp (5 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (tiết trực tiếp, 4 tiết Elearning) 1. Grammar: verb + ing forms; like –ing, I'd like to; verbs for rules. 2. Vocabulary: sport; wordbuilding: suffixes, word forms; sport venues and equipment; competition words; word focus: like. 3. Listening and speaking: Listening: competition; competitive sports. Speaking: opinion about sport; Olympic sports; clubs	Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành	A1, A2, A3, A4, A5, A6	[1] Unit 2 [3]

	and membership; talking about your interests. 4. Reading and writing: Reading: Crazy competitions; Bolivian wrestlers (women in sport); Write an advert or notice.			
	* Nội dung bài tập cá nhân (2 tiết)			
	Bài tập của Unit 2 trong giáo trình Life.			
	* Nội dung thực hành (3 tiết trực tuyến)			
	Bài tập thực hành trên phần mềm Spark: listening, writing, reading tasks			
	* Nội dung thảo luận: (1 tiết)			
	Topic: Talk about your favourite sports			
	B. Nội dung tự học: (15 tiết) - Tra từ mới và đọc bài học trước ở nhà (trang 21-32). - Tìm hiểu trước về các hiện tượng ngữ pháp: verb + ing forms; like –ing, I'd like to; verbs for rules.	Viết từ, dịch bài khóa, làm bài tập vào vở		[1] [2] [3]
REVIEW UNIT 1+2				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1 LLO2 LLO3 LLO4 LLO9 LLO10	A. Nội dung thực hiện trên lớp (3 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (2 tiết) - Ôn tập các nội dung đã học trong Unit 1+2	Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành	A1, A2, A3, A4, A5, A6	[1] Unit 1+2 [2] [3]
	* Nội dung bài tập cá nhân (1 tiết)			
	Bài tập phần Review Unit 1+2 trong giáo trình Life.			
	* Nội dung thực hành (1 tiết trực tuyến)			
	Bài tập thực hành trên phần mềm Spark: listening, writing, reading tasks			

	B. Nội dung tự học: (15 tiết) Ôn tập và tự củng cố lại các kiến thức đã học trong Unit 1+2	Tự học, tự nghiên cứu		[1] [2] [3]
	Bài kiểm tra định kì số 1: 1 tiết			
Unit 3: TRANSPORT				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO5 LLO6 LLO9 LLO10	A. Nội dung thực hiện trên lớp (7 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (2 tiết trực tiếp, 4 tiết Elearning) 1. Grammar: comparatives and superlatives; as ... as; comparative modifiers. 2. Vocabulary: modes of transport, transport nouns, transport adjectives, transport verbs, taking transport. 3. Listening and speaking: Speaking: everyday journey; travel advice; alternative transport; going on a journey. Listening: using animals for transport 4. Reading and writing: Reading: transport solution; traditional transport (The end of the road); Writing reports, notes and messages. * Nội dung bài tập cá nhân (2 tiết) Bài tập của Unit 3 trong giáo trình Life. * Nội dung thực hành (3 tiết trực tuyến) Bài tập thực hành trên phần mềm Spark: listening, writing, reading tasks * Nội dung thảo luận: (1 tiết) Topic: Opinions for and against	Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành	A1, A2, A3, A4, A5, A6	[1] Unit 3 [3]

	B. Nội dung tự học: (15 tiết) - Tra từ mới và đọc bài học trước ở nhà (trang 33-44). - Tìm hiểu trước về các cấu trúc So sánh trong tiếng Anh.	Viết từ, dịch bài khóa, làm bài tập vào vở		[1] [2] [3]
Unit 4: CHALLENGES				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO7 LLO8 LLO9 LLO10	A. Nội dung thực hiện trên lớp (5 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (2 tiết trực tiếp, 4 tiết Elearning) 1. Grammar: past simple and past continuous. 2. Vocabulary: personal qualities; wordbuilding: verbs and nouns. 3. Listening and speaking: Speaking: your past; events you remember; telling a story; challenges in English; Listening: an impossible decision. 4. Reading and writing: Reading: adventurers' stories; challenge yourself (challenge your brain); Writing: challenges in English; write short stories. * Nội dung bài tập cá nhân (2 tiết) Bài tập của Unit 4 trong giáo trình Life. * Nội dung thực hành (3 tiết trực tuyến) Bài tập thực hành trên phần mềm Spark: listening, writing, reading tasks * Nội dung thảo luận: (1 tiết) Topic: Looking for evidence	Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành	A1, A2, A3, A4, A5, A6	[1] Unit 4 [3]

	B. Nội dung tự học: (15 tiết) - Tra từ mới và đọc bài học trước ở nhà (trang 45-56). - Tìm hiểu trước về thì quá khứ đơn và quá khứ tiếp diễn.	Viết từ, dịch bài khóa, làm bài tập vào vở		[1] [2] [3]
	Bài kiểm tra định kỳ số 2: 1 tiết			
CONSOLIDATION				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO6	A. Nội dung thực hiện trên lớp (4 tiết)	Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành	A1, A2, A3, A4, A5, A6	[1] Unit 1,2,3, 4 [3]
LLO7	* Nội dung giảng dạy lí thuyết: (2 tiết)			
LLO8	- Ôn tập các nội dung đã học trong chương trình			
LLO9	- Hướng dẫn định dạng bài thi kết thúc học phần			
LLO10	* Nội dung bài tập cá nhân (1 tiết) - Các dạng bài tập trong phần review từ Unit 1 đến Unit 4			
	* Nội dung thực hành (2 tiết trực tuyến) Bài tập thực hành trên phần mềm Spark: listening, writing, reading tasks	Tự học, tự nghiên cứu		[1] [2] [3]
	* Nội dung thảo luận (1 tiết) - Những nội dung đã học trong chương trình và dạng thức bài thi kết thúc học kỳ.			
	B. Nội dung tự học: (15 tiết) Ôn tập lại các kiến thức đã học trong chương trình			

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: có đầy đủ bàn ghế, dễ di chuyển để phục vụ giảng dạy.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Có máy chiếu, loa.
- Điều kiện khác: Lớp học không quá 45 sinh viên.

8.8. Tiếng Anh 2

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3; Tổng số giờ quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	13	15	60
2	Bài tập	10		30
3	Thực hành		15	
4	Thảo luận	5		
5	Kiểm tra, đánh giá	2		
Tổng		30	30	90

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: 55ENG131, Tiếng Anh 1

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☒

- Đơn vị phụ trách: BM Ngôn ngữ và văn hóa quốc tế, Khoa Ngoại Ngữ

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Nguyễn Quốc Thủy	0912446530	thuynq@tnue.edu.vn
2	ThS. Nguyễn T. Đoan Trang	0912936510	trangntd@tnue.edu.vn
3	ThS. Vi Thị Trung	0915213468	trungvt@tnue.edu.vn
4	ThS. Nguyễn T. Hạnh Phúc	0982107915	phucnth@tnue.edu.vn
5	ThS. Đỗ T. Ngọc Phương	0948857850	phuongdtn@tnue.edu.vn
6	ThS. Phùng Thị Thanh Tú	0983820080	tuptt@tnue.edu.vn
7	ThS Trần Thị Thảo	0986060650	thaott@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu CO - Course Objectives)

* Về kiến thức

CO1: Sử dụng được vốn từ vựng về một số chủ đề quen thuộc hằng ngày.

CO2: Vận dụng được các dạng ngữ pháp tương ứng với bậc 3 cấp thấp theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

CO3: Hiểu được một số thông tin về xã hội, văn hóa các nước phương Tây.

* Về kĩ năng

CO4: Hình thành kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh tương ứng với Bậc 3 mức trung cấp thấp trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

CO5: Phát triển năng lực hợp tác giải quyết vấn đề.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO6: Phát triển năng lực tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Sử dụng được các vốn từ vựng theo chủ đề môi trường, các sự kiện trong cuộc sống, nghề nghiệp, và khoa học - công nghệ trong giao tiếp tiếng Anh.	GPLO5
CO2	CLO2	Vận dụng được các dạng ngữ pháp cơ bản như: danh từ đếm và không đếm được, quán từ số lượng, mạo từ, động từ có 'to', các dạng tương lai, giới từ, thì hiện tại hoàn thành, mệnh đề quan hệ xác định, câu điều kiện loại 1 và câu điều kiện loại 0.	GPLO5
CO3	CLO3	Vận dụng được một số thông tin về xã hội, văn hóa các nước trên thế giới trong giao tiếp liên quan đến chủ đề môi trường, các sự kiện trong cuộc sống, nghề nghiệp, và khoa học - công nghệ.	GPLO5
	Kĩ năng		
	CLO4	Hiểu và phân tích được nội dung chính và thông tin chi tiết trong các bài báo, đoạn tin ngắn và thông báo hướng dẫn thuộc các chủ đề về cuộc sống, nghề nghiệp, và khoa học - công nghệ.	GPLO5
		Vận dụng được các vốn từ vựng, ngữ pháp, kiến thức văn hóa để có thể đưa miêu tả sự việc, đưa ra chỉ dẫn và trình bày quan điểm cá nhân trong các tình huống giao tiếp liên	GPLO3, GPLO5

CO4	CLO5	quan đến chủ đề về cuộc sống, nghề nghiệp, và khoa học - công nghệ.	
	CLO6	Vận dụng được kiến thức ngữ pháp về từ nối, động từ hành động, trạng từ cách thức trong tiếng Anh để viết mô tả, báo cáo, mẫu truyện ngắn, và sơ yếu lý lịch theo các chủ đề về cuộc sống, nghề nghiệp, và khoa học - công nghệ.	GPLO3, GPLO5
CO5	CLO7	Phối hợp được với người khác để giải quyết các vấn đề trong các tình huống giao tiếp hàng ngày bằng tiếng Anh.	GPLO3 GPLO4, GPLO5, GPLO7
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO6	CLO8	Vận dụng được các kỹ năng học tập độc lập, nghiên cứu nhằm nâng cao năng lực ngoại ngữ.	GPLO4 GPLO5, GPLO7

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo PLOs															
	Kiến thức chung		Kiến thức chuyên môn				Kỹ năng chung			Kỹ năng chuyên môn				NL tự chủ và trách nhiệm		
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	...
CLO1									X							
CLO2									X							
CLO3									X							
CLO4									X							
CLO5							x		X							
CLO6							x		X							
CLO7							x	x	X						x	
CLO8								x	X						x	
MDG	0	0	0	0	0	0	2	2	3	0	0	0	0	0	2	

Ghi chú: “0” = không đóng góp; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số

CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn Tiếng Anh 2 là học phần kế tiếp của Tiếng Anh 1, là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chung của chương trình đào tạo cử nhân sư phạm.

Môn Tiếng Anh 2 trang bị cho người học vốn từ vựng về các chủ đề môi trường, các sự kiện trong cuộc sống, nghề nghiệp, và khoa học - công nghệ. Bên cạnh đó, người học được củng cố các hiện tượng ngữ pháp cơ bản như danh từ đếm và không đếm được, quán từ số lượng, mạo từ, động từ có “to”, các dạng tương lai, giới từ, thì hiện tại hoàn thành, mệnh đề quan hệ xác định, câu điều kiện loại 1 và loại 0. Kiến thức trong học phần không chỉ mang tính học thuật mà còn bao gồm những thông tin và hiểu biết thực tế về các địa danh, con người và sự kiện ở một số quốc gia trên thế giới.

Học phần này tiếp tục rèn luyện cho người học các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh ở cấp độ Bậc 3 thấp gồm nghe, nói, đọc và viết, đặt trong 4 chủ đề chính như đã nêu ở trên. Kết thúc học phần này, trong phạm vi các chủ đề đã học, người học có khả năng nói chuyện, nghe lấy ý chính và lấy thông tin, đọc hiểu ý chính và đọc lấy thông tin, viết thư thân mật.

Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học MyELT và lớp học ảo sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: + Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp;
- + Chuẩn bị bài học theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp;
- Bài tập: Hoàn thành bài tập cá nhân đúng hạn, đúng yêu cầu của giáo viên.

- Thực hành: Hoàn thành các bài thực hành được giao trên MyELT và lớp học ảo đúng hạn.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					

1	A1. Chuyên cần	10	1	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO8
2	A2. Bài tập trên SPARK	10	4	Rubric đánh giá bài tập	CLO 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8
3	A2. Thực hành trên lớp học ảo như CANVAS, GOOGLE CLASSROOM	10	4	Rubric đánh giá Thực hành trên lớp học ảo như CANVAS, GOOGLE CLASSROOM...	CLO 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8
4	A3. Bài kiểm tra định kì (Nghe)	20	1	Đáp án, thang điểm	CLO 1, 2, 3, 4, 5, 6, 8
5	A4. Bài kiểm tra định kì (Đọc)		1		
6	A4. Bài kiểm tra định kì (Viết)		1		
Thi kết thúc học phần					
7	A5. Vấn đáp + Viết	50	1	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.

Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	1 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự 80% - 84% số giờ lên lớp và trên hệ thống E-learning	Dự 85%- 89% số giờ lên lớp và trên hệ thống E-learning	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp và trên hệ thống E-learning	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp và trên hệ thống E-learning
Bài tập trên SPARK (10%)					
Mức độ hoàn thành đầy đủ và đúng hạn bài tập được giao	3,0	0 đến < 1,5	1,5 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Hoàn thành đúng hạn dưới 50% các bài tập hoặc nhiệm vụ được giao	Hoàn thành đúng hạn từ 50 - 64% bài tập hoặc nhiệm vụ được giao	Hoàn thành 65 -7,9% đúng hạn bài tập hoặc nhiệm vụ được giao	Hoàn thành đầy đủ và đúng hạn 80-100% bài tập hoặc nhiệm vụ được giao.
Chất lượng nội dung bài tập được giao đáp ứng yêu cầu.	7,0	0 đến < 5,0	5,0 đến < 6,0	6,0 đến < 6,5	6,5 đến 7,0
		Bài tập được giao đáp ứng dưới 50% yêu cầu về nội dung.	Bài tập được giao đáp ứng 50 - 64% yêu cầu về nội dung.	Bài tập được giao đáp ứng 65 -79% yêu cầu về nội dung.	Bài tập được giao đáp ứng 80-100% yêu cầu về nội dung.
Thực hành trên lớp học ảo như CANVAS, GOOGLE CLASSROOM (10%)					
Tham gia đầy đủ các bài thực hành theo yêu cầu	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Tham gia dưới 50% các bài thực hành theo yêu cầu	Tham gia từ 50 - 60% các bài thực hành theo yêu cầu.	Tham gia từ 70 -80% các bài thực hành theo yêu cầu.	Tham gia đầy đủ từ 90 - 100% các bài thực hành theo yêu cầu.
Kết quả thực hiện các bài thực hành đáp ứng yêu cầu về nội dung và hình thức.	6,0	0 đến < 3	3,0 đến < 3,6	3,6 đến < 4,8	4,8 đến 6,0
		Kết quả thực hiện các bài thực hành được giao đáp ứng dưới 50% yêu cầu về nội dung và hình thức.	Kết quả thực hiện các bài thực hành được giao đáp ứng từ 50 - 60% yêu cầu về nội dung và hình thức.	Kết quả thực hiện các bài thực hành từ 70 -80% yêu cầu về nội dung và hình thức.	Kết quả thực hiện các bài thực hành đáp ứng từ 90-100% yêu cầu về nội dung và hình thức.

Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để làm bài thực hành kém.	Đã có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để làm bài thực hành, nhưng chưa tốt.	Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để làm bài thực hành tương đối tốt.	Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để làm bài thực hành tốt.
Bài kiểm tra định kì (20%)					
Bài kiểm tra định kì (bài thi kỹ năng Nghe - Đọc trên máy, Viết)	20,0	Theo đáp án, thang điểm đã được Hội đồng chuyên môn duyệt			
Thi kết thúc học phần (50%)					
Nghe – Đọc – Viết - Vấn đáp	10,0	Theo đáp án đề thi và Rubric đánh giá đã được Hội đồng chuyên môn duyệt và theo quy định chung của Trường.			

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập

[1] Hughes. J, Stephenson. H, & Dummet. P, (2022). Life: A2-B1. Student's Book 2nd Edition. (Vietnam Edition). Singapore: Cengage Learning Asia.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Redman, Stuart (2003). English Vocabulary in use. Cambridge University Press.

[3] Murphy, Raymond (2019). English grammar in use. Cambridge University Press

9.3. Website

<https://learn.eltnl.com/>

<https://www.instructure.com/>

<https://classroom.google.com/>

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
------	--

LLO1	Nghe hiểu, đọc hiểu được thông tin chính và chi tiết trong các bài báo, các nói chuyện về chủ đề môi trường; Sử dụng được từ vựng về chủ đề Môi trường trong các giao tiếp thông thường.
LLO2	Vận dụng được kiến thức về mạo từ, danh từ trong các giao tiếp đơn giản.
LLO3	Diễn đạt được các quan điểm cá nhân; viết được các báo cáo và các thư điện tử trang trọng.
LLO4	Đọc hiểu, nghe hiểu và vận dụng được các từ vựng mô tả các sự kiện, các lễ kỉ niệm trong cuộc đời.
LLO5	Sử dụng được các hình thái và hình thức tương lai của động từ trong khi nói và viết về dự định, kế hoạch, quyết định và sự kiện.
LLO6	Nghe hiểu, đọc hiểu được các thông tin chính và chi tiết trong các quảng cáo công việc; Sử dụng được các từ vựng về chủ đề công việc trong giao tiếp hàng ngày.
LLO7	Sử dụng được thì hiện tại đơn, các giới từ về nơi chốn và chuyển động để mô tả về công việc của mình.
LLO8	Sử dụng được câu điều kiện và mệnh đề quan hệ xác định trong khi nói, viết về các chủ đề quen thuộc hàng ngày.
LLO9	Nghe hiểu, đọc hiểu được các bài báo, các bài thuyết trình và vận dụng được các từ vựng về chủ đề công nghệ, internet trong các giao tiếp thông thường.
LLO10	Phối hợp được với người khác để giải quyết các tình huống trong các giao tiếp thông thường.
LLO11	Vận dụng được các kĩ năng học tập độc lập, nghiên cứu nhằm nâng cao năng lực ngoại ngữ.

10.2. Ma trận liên kết huân đầu ra chương/bài học (LLOs) với chuẩn đầu ra học phần (CLOs)

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)							
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
LLO1	x			x			x	x
LLO2		x					x	x
LLO3			x			x	x	x
LLO4	x			x			x	x
LLO5		x	x			x	x	x
LLO6	x		x				x	x

LLO7		x	x				x	x
LLO8		x	x			x	x	x
LLO9	x		x				x	x
LLO10							x	
LLO11								x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1, LLO2, LLO3, LLO10, LLO11	UNIT 5: THE ENVIRONMENT A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (3 tiết trực tiếp, 3 tiết Elearning) 1. Grammar: quantifiers; article: a/an, the, no article 2. Vocabulary: materials recycling; results and figures; word focus: take. 3. Listening and speaking: Listening: extract, news environmental projects; Speaking: changing attitudes and behaviour 4. Reading and Writing: close reading; writing emails, formal words * Nội dung bài tập cá nhân (2 tiết) Bài Tập của Unit 5 trong giáo trình Life. * Nội dung thực hành (3 tiết trực tuyến) Bài tập thực hành trên SPARK hoặc trên lớp học ảo: listening, writing, reading tasks * Nội dung thảo luận: (1 tiết) Thảo luận 1 trong số những vấn đề sau:	Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành	A1, A2, A3, A4, A5	[1] Unit 5 [3]

	- How much do you recycle or reuse items in the house or at work? How easy is it to recycle where you live? - We describe people and their behaviour as 'green' when they help the environment. How green are you? - Can you think of more ways to be green in your daily life? - Call out different problems a customer can have with something they order, either by email or on line.			
	B. Nội dung tự học: (15 tiết) - Đọc giáo trình từ trang 57 đến trang 68 - Tra từ mới và tìm hiểu nghĩa của cấu trúc mới - Sẵn sàng tham gia vào bài giảng, phối hợp với giảng viên và sinh viên - Làm và gửi bài tập cho giáo viên qua SPARK	Viết từ, dịch bài khóa, làm bài tập vào vở		[1] [2] [3]
LLO4, LLO5, LLO10, LLO11	UNIT 6: STAGES IN LIFE A. Nội dung thực hiện trên lớp (5 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (2 tiết trực tiếp, 4 tiết Elearning) 1. Grammar: to-infinitive; future forms. 2. Vocabulary: life events; describing age celebrations; word focus: get; wordbuilding: synonyms. 3. Listening and speaking: Listening: differences between the generations, a news item about Mardi Gras; Speaking: plan the trip of a lifetime, planning a celebration, describing annual events 4. Reading and writing: read articles and write descriptions, descriptive adjectives * Nội dung bài tập cá nhân (2 tiết)	Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành	A1, A2, A3, A4, A5	[1] Unit 6 [3]

	Bài Tập của Unit 6 trong giáo trình Life.			
	* Nội dung thực hành (3 tiết trực tuyến) Bài tập thực hành trên SPARK hoặc trên lớp học ảo: listening, writing, reading tasks			
	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) Thảo luận 1 trong số những vấn đề sau: - What age do you think the stages of life begin and end? What is your current stage of life? - Which events do you celebrate in your country? When do you have parties? - At what age can people legally do these things: drive a car, get married, buy cigarettes, leave home, buy fireworks, open a bank account, ... ? - How is the verb GET used? - Which adjectives are used in the description?			
	B. Nội dung tự học: (15 tiết) - Tra từ mới và đọc bài học trước ở nhà (trang 69-80). - Sẵn sàng tham gia vào bài giảng, phối hợp với giảng viên và sinh viên - Làm và gửi bài tập cho giáo viên qua SPARK			Viết từ, dịch bài khóa, làm bài tập vào vở [1] [2] [3]
LLO1, LLO2, LLO3, LLO4, LLO5, LLO10, LLO11	REVIEW UNIT 5-6 A. Nội dung thực hiện trên lớp (3 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (2 tiết) - Ôn tập các nội dung đã học trong Unit 5+6	Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành	A1, A2, A3, A4, A5	[1] Unit 5+6 [2] [3]
	* Nội dung bài tập cá nhân (1 tiết) Bài Tập phần Review Unit 5 + 6 trong giáo trình Life.			
	* Nội dung thực hành (1 tiết trực tuyến)			

	Bài tập thực hành trên SPARK hoặc trên lớp học ảo: listening, writing, reading tasks			
	B. Nội dung tự học: (15 tiết) Ôn tập và tự củng cố lại các kiến thức đã học trong Unit 5 + 6	Tự học, tự nghiên cứu		[1] [2] [3]
LLO6, LLO7, LLO10, LLO11	UNIT 7: WORK A. Nội dung thực hiện trên lớp (7 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (2 tiết trực tiếp, 4 tiết Elearning) 1. Grammar: Present perfect and past simple; Present perfect with for and since; Preposition of place and movement. 2. Vocabulary: jobs, suffixes, parts of a building, make or do, job adverts. 3. Listening and speaking: Listening: description of a job in a steel factory, an interview, giving instructions; Speaking: describing past experiences, giving direction, Jobs interview. 4. Reading and writing: articles; writing CVs. * 2 tiết kiểm tra định kì	Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành	A1, A2, A3, A4, A5	[1] Unit 7 [3]
	* Nội dung bài tập cá nhân (2 tiết) Bài Tập của Unit 7 trong giáo trình Life.			
	* Nội dung thực hành (3 tiết trực tuyến) Bài tập thực hành trên SPARK hoặc trên lớp học ảo: listening, writing, reading tasks			
	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) Thảo luận 1 trong số những vấn đề sau: - Think about your current job (or a job you want in the future). - Have you ever applied for any kind of job? Think about answers for any questions the interviewer might ask you.			

	- What do you know about how to write a good CV? - Which verb + noun combinations with MAKE and DO do you know?			
	B. Nội dung tự học: (15 tiết) - Đọc giáo trình từ trang 81 đến trang 92 - Tra từ mới và tìm hiểu nghĩa của cấu trúc mới - Sẵn sàng tham gia vào bài giảng, phối hợp với giảng viên và sinh viên - Làm và gửi bài tập cho giáo viên qua SPARK	Viết từ, dịch bài khóa, làm bài tập vào vở		[1] [2] [3]
LLO8, LLO9, LLO10, LLO11	UNIT 8: TECHNOLOGY A. Nội dung thực hiện trên lớp (5 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (2 tiết trực tiếp, 4 tiết Elearning) 1. Grammar: zero and first conditional, definite relative clause 2. Vocabulary: Internet verb; wordbuilding: dependent prepositions, instructions 3. Listening and speaking: Listening: documentary about the importance of technology, a science programme about a new invention; Speaking: planning a trip, important inventions, design an invention for everyday life, favourite technology 4. Reading and writing: Reading: an explorer's blog, an article about biomimetics; writing: a paragraph, connecting words * Nội dung bài tập cá nhân (2 tiết) Bài Tập của Unit 8 trong giáo trình Life. * Nội dung thực hành (3 tiết trực tuyến) Bài tập thực hành trên SPARK hoặc trên lớp học ảo: listening, writing, reading tasks	Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành	A1, A2, A3, A4, A5	[1] Unit 8 [3]

	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) Thảo luận 1 trong số những vấn đề sau: - What problems did these famous inventions solve? - How do you use the Internet? - How are zero and first conditionals used? - Have you used a topic sentence? Have you used three supporting sentences? Have you used connecting words?			
	B. Nội dung tự học: (15 tiết) - Đọc giáo trình từ trang 93 đến trang 104 - Tra từ mới và tìm hiểu nghĩa của cấu trúc mới - Sẵn sàng tham gia vào bài giảng, phối hợp với giảng viên và sinh viên - Làm và gửi bài tập cho giáo viên qua SPARK	Viết từ, dịch bài khóa, làm bài tập vào vở		[1] [2] [3]
LLO6, LLO7, LLO8, LLO9, LLO10, LLO11	REVIEW UNIT 7-8 A. Nội dung thực hiện trên lớp (4 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (2 tiết) - Ôn tập các nội dung đã học trong chương trình - Hướng dẫn định dạng bài thi kết thúc học phần * Nội dung bài tập cá nhân (1 tiết) - Các dạng bài tập trong phần review từ Unit 5 đến Unit 8 * Nội dung thực hành (2 tiết trực tuyến) Bài tập thực hành trên SPARK hoặc trên lớp học ảo: listening, writing, reading tasks * Nội dung thảo luận (1 tiết) - Những nội dung đã học trong chương trình và dạng thức bài thi kết thúc học kỳ.	Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành	A1, A2, A3, A4, A5	[1] Unit 5-6-7-8 [3]

	B. Nội dung tự học: (15 tiết) Ôn tập lại các kiến thức đã học trong chương trình	Tự học, tự nghiên cứu		[1] [2] [3]
--	---	-----------------------	--	-------------------

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: có đầy đủ bàn ghế, dễ di chuyển để phục vụ giảng dạy
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Có máy chiếu, loa
- Điều kiện khác: Lớp học không qua 45 sinh viên

8.9. Tiếng Anh 3

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 4; Tổng số giờ quy chuẩn: 60
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện			Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến		
			E-learning	Lớp học ảo	
1	Lý thuyết	30	10	0	80
2	Bài tập	5	5	5	15
3	Thực hành	5	5	10	20
4	Thảo luận	5	0	0	5
5	Thực tế chuyên môn	0	0	0	0
Tổng		45	20	15	120

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: 59ENG132-Tiếng Anh 2
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☒
- Đơn vị phụ trách: Khoa Ngoại ngữ

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Nguyễn Quốc Thủy	0912446530	thuyngq@tnue.edu.vn
2	ThS. Vi Thị Trung	0915213468	trungvt@tnue.edu.vn
3	ThS. Nguyễn T. Hạnh Phúc	0982107915	phucnth@tnue.edu.vn
4	ThS. Đỗ T. Ngọc Phương	0948857850	phuongdtn@tnue.edu.vn
5	ThS. Phùng Thị Thanh Tú	0983820080	tuptt@tnue.edu.vn
6	ThS Trần Thị Thảo	0986060650	thaott@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Sử dụng được vốn từ vựng cơ bản về một số chủ đề thường gặp trong đời sống hàng ngày.

CO2: Vận dụng được các dạng ngữ pháp cơ bản tương ứng với Bậc 3 ở mức trung bình theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

CO3: Vận dụng được các kiến thức được học về xã hội, văn hóa các nước nói tiếng Anh trong giao tiếp bằng tiếng Anh.

* Về kỹ năng

CO4: Hình thành kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh tương ứng với Bậc 3 ở mức trung bình theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

CO5: Phát triển kỹ năng hợp tác và giải quyết vấn đề.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO6: Phát triển năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ, năng lực ngoại ngữ.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Sử dụng được các vốn từ vựng theo chủ đề Kỳ nghỉ; Sản phẩm; Lịch sử và Tự nhiên trong giao tiếp tiếng Anh.	PLO9
CO2	CLO2	Sử dụng được các dạng ngữ pháp cơ bản về quá khứ hoàn thành, câu hỏi cho chủ ngữ và tân ngữ, câu bị động ở hiện tại và quá khứ; tính từ đuôi -ing và đuôi -ed; cấu trúc used to, câu gián tiếp; câu điều kiện loại 2, các đại từ bất định.	PLO9

CO3	CLO3	Vận dụng được một số thông tin về xã hội, văn hóa các nước trên thế giới trong giao tiếp liên quan đến chủ đề Kỳ nghỉ; Sản phẩm; Lịch sử và Tự nhiên.	PLO1, PLO7 PLO9
Kỹ năng			
CO4	CLO4	Hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng thuộc các chủ đề trong cuộc sống hàng ngày như Kỳ nghỉ; Sản phẩm; Lịch sử và Tự nhiên.	PLO1 PLO7
	CLO5	Vận dụng được các vốn từ vựng, các nhóm từ, ngữ pháp, kiến thức văn hóa để thuật lại câu chuyện, sự kiện; trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình về một chủ đề hoặc một vấn đề quan tâm.	PLO1, PLO7
	CLO6	Vận dụng các kiến thức về từ vựng, ngữ pháp và kỹ năng viết đã học để viết đoạn văn đơn giản có tính liên kết, có bố cục về một chủ đề quen thuộc hoặc quan tâm.	PLO8, PLO9 PLO14
CO5	CLO7	Phối hợp được với người khác để giải quyết các vấn đề trong các tình huống giao tiếp hàng ngày bằng tiếng Anh.	PLO7 PLO9, PLO14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO6	CLO8	Vận dụng được các kỹ năng tự học tập, tự nghiên cứu nhằm nâng cao năng lực ngoại ngữ.	PLO8, PLO14

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo PLOs															
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	...
CLO1									x							
CLO2									x							
CLO3	x						x		x							
CLO4	x						x									
CLO5	x						x									
CLO6								x	x					x		
CLO7							x		x					x		

CLO8								x						x		
MĐG	2	0	0	0	0	0	2	2	3	0	0	0	0	2	0	0

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn Tiếng Anh 3 là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chung của chương trình đào tạo cử nhân sư phạm.

Học phần tiếng Anh 3 tiếp tục bổ sung cho sinh viên lượng từ vựng về các chủ đề Kỳ nghỉ; Sản phẩm; Lịch sử và Tự nhiên cùng với các chủ điểm ngữ pháp về câu bị động ở hiện tại và quá khứ; quá khứ hoàn thành, câu hỏi cho chủ ngữ và tân ngữ, tính từ đuôi -ing và đuôi -ed; cấu trúc used to, câu gián tiếp; câu điều kiện loại 2, các đại từ bất định. Ngoài ra, ở học phần này, sinh viên tiếp tục được rèn luyện các kỹ năng giao tiếp trong tiếng Anh như: nghe hiểu được các cuộc hội thoại, các cuộc phỏng vấn và các bài viết; đọc hiểu các bài báo về các chủ đề được học; trình bày quan điểm cá nhân, lập kế hoạch hay phỏng vấn và rèn luyện kỹ năng viết đoạn văn đơn giản.

Cùng với các học phần tiếng Anh 1, 2, học phần tiếng Anh 3 tiếp tục phát triển kỹ năng sử dụng tiếng Anh cho sinh viên ở trình độ tiếng Anh bậc 3 ở mức trung bình theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và sử dụng được trong hoạt động giao tiếp.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: + Đi học đúng giờ, đảm bảo tham dự tối thiểu 80% số giờ lý thuyết lên lớp trực tiếp; và 100% số giờ học trực tuyến.
- + Đọc tài liệu học tập, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp.
- + Chủ động, tích cực tham gia các hoạt động trong giờ học.
- Thảo luận: Tham gia tích cực các hoạt động thảo luận.
 - Bài tập: Hoàn thành bài tập cá nhân đúng hạn, đúng yêu cầu của giảng viên
 - Thực hành: Hoàn thành các bài thực hành được giao trên SPARK và lớp học ảo đúng hạn và đúng yêu cầu.
- Tham gia và hoàn thành các bài kiểm tra định kỳ theo lịch của nhà trường.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10	1	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO8
2	A2. Bài tập trên SPARK và LMS	20	4	Rubric đánh giá bài tập	CLO 1,2,3,4,5,6,7,8
3	A3. Thực hành trên lớp học ảo như CANVAS, GOOGLE CLASSROOM,...		4	Rubric đánh giá Thực hành trên lớp học ảo CANVAS, GOOGLE CLASSROOM, ...	CLO 1,2,3,4,5,6,7,8
4	A4. Bài kiểm tra định kì trên máy tính (Nghe-Đọc)	20	1	Đáp án, thang điểm	CLO 1,2,3,4,5,6,8
5	A5. Bài kiểm tra định kì (Viết)		1	Đáp án, thang điểm	CLO 1,2,3,4,5,6,8
Thi kết thúc học phần					
6	A7. Nghe - Đọc - Viết + Vấn đáp	50	1	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO 1,2,3,4,5,6,7,8

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học

					Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học trên lớp bắt buộc (nghỉ quá 20% số giờ - > không đủ đk dự thi)	5,0	1 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự 80%-84% số giờ lên lớp	Dự 85%- 89% số giờ lên lớp	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp
Bài tập trên SPARK và LMS (10%)					
Mức độ hoàn thành đầy đủ và đúng hạn bài tập được giao	3,0	0 đến < 1,5	1,5 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Hoàn thành đúng hạn dưới 50% các bài tập hoặc nhiệm vụ được giao	Hoàn thành đúng hạn từ 50 - 64% bài tập hoặc nhiệm vụ được giao	Hoàn thành 65 -79% đúng hạn bài tập hoặc nhiệm vụ được giao	Hoàn thành đầy đủ và đúng hạn 80-100% bài tập hoặc nhiệm vụ được giao.
Chất lượng nội dung bài tập được giao đáp ứng yêu cầu.	7,0	0 đến < 5,0	5,0 đến < 6,0	6,0 đến < 6,5	6,5 đến 7,0
		Bài tập được giao đáp ứng dưới 50% yêu cầu về nội dung.	Bài tập được giao đáp ứng 50 - 64% yêu cầu về nội dung.	Bài tập được giao đáp ứng 65 -79% yêu cầu về nội dung.	Bài tập được giao đáp ứng 80-100% yêu cầu về nội dung.
Thực hành trên lớp học ảo CANVAS, GOOGLE CLASSROOM, ... (10%)					
Tham gia đầy đủ các bài thực hành theo yêu cầu	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Tham gia dưới 50% các bài thực hành theo yêu cầu	Tham gia từ 50 - 60% các bài thực hành theo yêu cầu.	Tham gia từ 70 -80% các bài thực hành theo yêu cầu.	Tham gia đầy đủ từ 90-100% các bài thực hành theo yêu cầu.

Kết quả thực hiện các bài thực hành đáp ứng yêu cầu về nội dung và hình thức.	6,0	0 đến < 3	3,0 đến < 3,6	3,6 đến < 4,8	4,8 đến 6,0
		Kết quả thực hiện các bài thực hành được giao đáp ứng dưới 50% yêu cầu về nội dung và hình thức.	Kết quả thực hiện các bài thực hành được giao đáp ứng từ 50 - 60% yêu cầu về nội dung và hình thức.	Kết quả thực hiện các bài thực hành từ 70 -80% yêu cầu về nội dung và hình thức.	Kết quả thực hiện các bài thực hành đáp ứng từ 90-100% yêu cầu về nội dung và hình thức.
Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để làm bài thực hành kém.	Đã có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để làm bài thực hành, nhưng chưa tốt.	Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để làm bài thực hành tương đối tốt.	Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để làm bài thực hành tốt.
Bài kiểm tra định kì (20%)					
Bài kiểm tra định kì trên máy tính (Nghe-Đọc-Viết)	20,0	Theo đáp án, thang điểm đã được Hội đồng chuyên môn duyệt			
Thi kết thúc học phần (50%)					
Nghe – Đọc – Viết - Vấn đáp	10,0	Theo đáp án đề thi và Rubric đánh giá đã được Hội đồng chuyên môn duyệt và theo quy định chung của Trường			

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập

[1] Hughes. J, Stephenson. H, & Dummet. P, (2022). Life: A2-B1. Student's Book 2nd Edition. (Vietnam Edition). Singapore: Cengage Learning Asia.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Redman, Stuart (2003). English Vocabulary in use. Cambridge university press.

[3] Murphy, Raymond (2011). English grammar in use. Nxb Thời đại.

9.3. Website

<https://learn.eltngl.com/>

<https://www.instructure.com/>

<https://classroom.google.com/>

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Nghe hiểu, đọc hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về chủ đề Kỳ nghỉ; Sử dụng được từ vựng về chủ đề Kỳ nghỉ trong các giao tiếp thông thường.
LLO2	Sử dụng được thì quá khứ; quá khứ hoàn thành, câu hỏi cho chủ ngữ và tân ngữ, câu gián tiếp trong khi nói, viết về các chủ đề quen thuộc hàng ngày.
LLO3	Nghe hiểu, đọc hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về chủ đề Sản phẩm; Sử dụng được từ vựng về chủ đề Sản phẩm trong các giao tiếp thông thường.
LLO4	Sử dụng được câu bị động ở hiện tại và quá khứ; các cụm động từ, cấu trúc used to trong khi nói, viết về các chủ đề quen thuộc hàng ngày.
LLO5	Nghe hiểu, đọc hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về chủ đề Lịch sử; Sử dụng được từ vựng về chủ đề Lịch sử trong các giao tiếp thông thường.
LLO6	Sử dụng được câu gián tiếp; động từ say hoặc tell, trong khi nói, viết về các chủ đề quen thuộc hàng ngày.
LLO7	Nghe hiểu, đọc hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về chủ đề Tự nhiên; Sử dụng được từ vựng về chủ đề Tự nhiên trong các giao tiếp thông thường.
LLO8	Sử dụng được câu điều kiện loại 2, các đại từ bất định trong khi nói, viết về các chủ đề quen thuộc hàng ngày.
LLO9	Phối hợp được với người khác để giải quyết các vấn đề trong các tình huống giao tiếp hàng ngày bằng tiếng Anh.
LLO10	Vận dụng được các kỹ năng học tập độc lập, nghiên cứu nhằm nâng cao năng lực ngoại ngữ.

10.2. Ma trận liên kết chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs) với chuẩn đầu ra học phần (CLOs)

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)								
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	...
LLO1	x		x	x			x	x	
LLO2		x	x		x	x	x	x	
LLO3	x		x	x			x	x	
LLO4		x	x		x	x	x	x	
LLO5	x		x	x			x	x	
LLO6		x	x		x	x	x	x	
LLO7	x		x	x			x	x	
LLO8		x	x		x	x	x	x	
LLO9							x		
LLO10								x	

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Unit 9: HOLIDAYS				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (12 tiết)	Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành	A1, A2, A3, A4, A5, A6	[1]
LLO2	* Nội dung giảng dạy lí thuyết (6 tiết)			Unit 9
LLO9	1. Vocabulary: holiday collocations; wordbuilding: -ed/-ing adjectives; word focus: place; requesting and suggesting			[3]
LLO10	2. Listening and speaking: a holiday; the place you live or know; requesting; a different kind of holiday			
	3. Reading and writing: Reading: Holiday stories; Two sides of Paris; Writing an email requesting information			
	* Nội dung bài tập cá nhân (2 tiết)			
	Bài tập của Unit 9 trong giáo trình Life.			

	* Nội dung thảo luận (1 tiết) - What activities do you do during your holidays? - Who do you travel with - family, friends, alone? - What type of accommodation do you stay in - hotel, Airbnb, camping? - What kind of holidays or destinations do you prefer - beach, city, countryside etc?			
	* Nội dung thực hành (3 tiết) Bài thực hành nghe - đọc - viết các nội dung của Unit 9	Trên SPARK hoặc trên lớp học ảo		
	B. Nội dung thực hiện Elearning (4 tiết) (Lý thuyết: 2 tiết + Bài tập: 1 tiết + Thực hành: 1 tiết) Grammar: past perfect simple/ subject questions	Trên hệ thống LMS		
	C. Nội dung tự học: (20 tiết) - Tra từ mới và đọc bài đọc hiểu trước ở nhà (trang 105-116). - Tìm hiểu trước về các hiện tượng ngữ pháp: past perfect simple/ subject questions - Viết bài: Your favourite holiday	Tự học, tự nghiên cứu	A1	[1] [2] [3]
Unit 10: PRODUCTS				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO3 LLO4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (12 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết (6 tiết) 1. Vocabulary: Word forms; Describing design; Websites; Discussing opinions.	Thuyết trình, thảo luận, bài	A1, A2, A3, A4, A5, A6	[1] Unit 10 [3]

LLO9 LLO10	2. Listening and speaking: Describing design; website design; famous products; product design; using less stuff.	tập, thực hành		
	3. Reading and writing: Reading: A lesson in logos; Is stuff winning? Writing a review; giving your opinion.			
	* Nội dung bài tập cá nhân (2 tiết) Bài tập của Unit 10 trong giáo trình Life.			
	* Nội dung thảo luận (1 tiết) - What is the logo/significance of the logo? What does it symbolize? - Would you consider the logo/brand to be successful? Why or why not? - In your opinion, is the logo/branding effective at representing the company? - Do you have any favorite logos from well-known global brands?			
	* Nội dung thực hành (3 tiết) Bài thực hành nghe - đọc - viết các nội dung của Unit 10	Trên SPARK hoặc trên lớp học ảo		
	B. Nội dung thực hiện Elearning (4 tiết) (Lý thuyết: 2 tiết + Bài tập: 1 tiết + Thực hành: 1 tiết) Grammar: Present simple passive; structure used to.	Trên hệ thống LMS		
	C. Nội dung tự học: (20 tiết) - Tra từ mới và đọc bài đọc hiểu trước ở nhà (trang 118-128). - Tìm hiểu các hiện tượng ngữ pháp: Present simple passive; structure used to. - Viết bài: Using less stuff	Tự học, tự nghiên cứu	A1	[1] [2] [3]
REVIEW				
LLOs	Nội dung	Hình thức/		

		phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết)	Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành	A1, A2, A3, A4, A5, A6	[1]
LLO2	* Nội dung giảng dạy lí thuyết: (3 tiết)			Unit 9 +10
LLO3	- Ôn tập các nội dung của Unit 9+10			[2]
LLO4	- Kiểm tra 1			[3]
LLO9	* Nội dung bài tập cá nhân (1 tiết)	Trên SPARK hoặc trên lớp học ảo		
LLO10	Bài tập phần Review Unit 9+10 trong giáo trình Life.			
	* Nội dung thực hành (1 tiết)	Trên hệ thống LMS		
	Bài thực hành nghe - đọc - viết các nội dung của Unit 9 + Unit 10.			
	B. Nội dung thực hiện Elearning (3 tiết) (Lý thuyết: 1 tiết + Bài tập: 1 tiết + Thực hành: 1 tiết) Grammar: Unit 9 + Unit 10	Tự học, tự nghiên cứu	A1	[1]
	C. Nội dung tự học: (20 tiết) Ôn tập và tự củng cố lại các kiến thức đã học trong Unit 9+10			[2]
				[3]
Unit 11: HISTORY				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO5	A. Nội dung thực hiện trên lớp (12 tiết)	Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành	A1, A2, A3, A4, A5, A6	[1]
LLO6	* Nội dung giảng dạy lí thuyết (6 tiết)			Unit 11
LLO9	1. Vocabulary: wordbuilding: verb + prepositions; communication; ancient history; emotion words; word focus: one			[3]
LLO10	2. Listening and speaking: Listening: A message in a bottle; reporting a story; Saving history; giving a short presentation			

	3. Reading and writing: Reporting a story; Reading: Stealing history; Writing: a biography			
	* Nội dung bài tập cá nhân (2 tiết) Bài tập của Unit 11 trong giáo trình Life.			
	* Nội dung thảo luận (1 tiết) - How does learning about history help you understand the present day better? - What important historical events or periods do you think everyone should know about? - Do you feel history is taught well in schools? If not, how could teaching be improved? - What resources do you use to learn history outside the classroom (books, documentaries, podcasts, etc.)?			
	* Nội dung thực hành (3 tiết) Bài thực hành nghe - đọc - viết các nội dung của Unit 11.	Trên SPARK hoặc trên lớp học ảo		
	B. Nội dung thực hiện Elearning (4 tiết) (Lý thuyết: 2 tiết + Bài tập: 1 tiết + Thực hành: 1 tiết) Grammar: Reported speech, Reporting verbs (say and tell).	Trên hệ thống LMS		
	C. Nội dung tự học: (20 tiết) - Tra từ mới và đọc bài đọc hiểu trước ở nhà (trang 129-140). - Tìm hiểu trước về các hiện tượng ngữ pháp: reported speech, Reporting verbs (say and tell). - Viết bài: Saving history	Tự học, tự nghiên cứu	A1	[1] [2] [3]
Unit 12: NATURE				
LLOs	Nội dung	Hình thức/		

		phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO7 LLO8 LLO9 LLO10	A. Nội dung thực hiện trên lớp (12 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết (6 tiết) 1. Vocabulary: extreme weather; nature; word focus: start; Finding a solution. 2. Listening and speaking: Speaking: hopes and dreams; questions with any; an interview; Listening: a documentary. 3. Reading and writing: Reading: What if...; The life of Jane Goodall (living with chimpanzees); Writing: an article; planning an article.	Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành	A1, A2, A3, A4, A5, A6	[1] Unit 12 [3]
	* Nội dung bài tập cá nhân (2 tiết) Bài tập của Unit 12 trong giáo trình Life.			
	* Nội dung thảo luận (1 tiết) - Why is it important to protect nature and the environment? - What are some of the main benefits of nature to humans and the planet? - What are some major environmental issues we face today, like climate change, pollution, etc.? - What can individuals do daily to help protect nature?			
	* Nội dung thực hành (3 tiết) Bài thực hành nghe - đọc - viết các nội dung của Unit 12.	Trên SPARK hoặc trên lớp học ảo		
	B. Nội dung thực hiện Elearning (4 tiết) (Lý thuyết: 2 tiết + Bài tập: 1 tiết + Thực hành: 1 tiết) Grammar: any-, every-, no-, some- and – thing, -where, -one, -body; second conditional;	Trên hệ thống LMS		

	C. Nội dung tự học: (20 tiết) - Tra từ mới và đọc bài đọc hiểu trước ở nhà (trang 141-152). - Tìm hiểu trước về các hiện tượng ngữ pháp: đại từ bất định với any-, every-, no-, some- and -thing, -where, -one, -body; câu điều kiện loại 2. - Viết bài: Protecting Nature	Tự học, tự nghiên cứu	A1	[1] [2] [3]
CONSOLIDATION				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1 LLO2 LLO3 LLO4 LLO5 LLO6 LLO7 LLO8 LLO9 LLO10	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (3 tiết) - Ôn tập các nội dung đã học của Unit 9-12 - Kiểm tra 2 - Hướng dẫn định dạng bài thi kết thúc HP * Nội dung bài tập cá nhân (1 tiết) - Các dạng bài tập trong phần review từ Unit 9 đến Unit 12 * Nội dung thảo luận (1 tiết) - What are the main topics learned in English module 3? - What are the format and sections of a VSTEP exam? * Nội dung thực hành (2 tiết) Bài thực hành nghe - đọc - viết các nội dung của Unit 9-12. B. Nội dung thực hiện Elearning (1 tiết-Lý thuyết) Những nội dung Grammar của Unit 9-12	Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành Trên SPARK hoặc trên lớp học ảo Trên hệ thống LMS	A1, A2, A3, A4, A5, A6	[1] Unit 9, 10, 11, 12 [3]

	C. Nội dung tự học: (20 tiết) Ôn tập lại các kiến thức đã học trong chương trình	Tự học, tự nghiên cứu	A1	[1] [2] [3]
--	---	-----------------------	----	-------------------

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: có đầy đủ bàn ghế, dễ di chuyển để phục vụ giảng dạy.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Có máy chiếu, loa.
- Điều kiện khác: Lớp học không quá 45 sinh viên.

8.10. Tin học đại cương

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45.
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
	Lý thuyết	10	8	40
	Bài tập	6	0	40
	Thực hành	30	10	
	Thảo luận	0	4	
	Kiểm tra, đánh giá	2	0	0
Tổng		48	22	80

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Khoa học máy tính và Hệ thống thông tin, Khoa Toán

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Nguyễn Văn Trường	0915016063	truongnv@tnue.edu.vn

2.	TS. Trần Ngọc Hà	0915168400	hatn@tnue.edu.vn
3.	TS. Ngô Thị Tú Quyên	0915023306	quyenntt@tnue.edu.vn
4.	Th.S Lê Bích Liên	0983444586	lienlb@tnue.edu.vn
5.	Th.S Phạm Văn Tiến	0912515028	tienpv@tnue.edu.vn
6.	TS. Nguyễn Thị Thu Hiền	0982203129	hiennntt.math@tnue.edu.vn
7.	TS. Vũ Đức Quang	0352340851	quangvd@tnue.edu.vn
8.	Th.S Cáp Thanh Tùng	0912735670	tungcp@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần

* Về kiến thức:

CO1. Vận dụng được các kiến thức cơ bản về phần cứng, phần mềm máy tính và hệ điều hành trong học tập và công việc.

CO2. Sử dụng được phần mềm Microsoft Word, Microsoft Excel và Microsoft PowerPoint để soạn thảo văn bản, xử lý dữ liệu trên bảng tính và tạo bài trình chiếu với nhiều loại dữ liệu đa phương tiện khác nhau.

CO3. Áp dụng được các khái niệm cơ bản về mạng máy tính và một số biện pháp bảo đảm an toàn thông tin trong làm việc trực tuyến; mô tả được đặc điểm của một số dịch vụ trên mạng Internet.

* Về kỹ năng:

CO4. Thành thạo kỹ năng soạn thảo văn bản, xây dựng bảng tính và tạo bài trình chiếu phù hợp với ngành đào tạo.

CO5. Quản lý được thông tin trên máy tính và thông tin cá nhân trên mạng máy tính; áp dụng được một số dịch vụ trên mạng Internet trong học tập và nghiên cứu.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

CO6. Vận dụng được kiến thức, kỹ năng của học phần vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
		Kiến thức	
CO1	CLO1	Mô tả được cấu trúc chung của máy tính; phân loại được máy tính, phần cứng và phần mềm phổ biến; mô tả được các chức năng và giao tiếp được với hệ điều hành.	PLO7

CO2	CLO2	Áp dụng được các thao tác trên phần mềm Microsoft Word để soạn thảo văn bản.	PLO7
	CLO3	Áp dụng được các thao tác trên phần mềm Microsoft Excel để làm việc với bảng tính.	PLO7
	CLO4	Áp dụng được các thao tác trên phần mềm Microsoft PowerPoint để tạo bài trình chiếu.	PLO7
CO3	CLO5	Trình bày được các khái niệm cơ bản về mạng máy tính và một số biện pháp bảo đảm an toàn thông tin.	PLO7
	CLO6	Áp dụng được quá trình tìm kiếm, lưu trữ, chia sẻ thông tin trên mạng máy tính vào trong học tập và công việc.	PLO7
Kĩ năng			
CO4	CLO7	Thành thạo kỹ năng soạn thảo và trình bày văn bản bằng Microsoft Word.	PLO7, PLO13
	CLO8	Tạo lập được bảng tính, sử dụng được các hàm của Microsoft Excel để biểu diễn, tính toán, xử lý dữ liệu và giải một số bài toán quản lý.	PLO7, PLO13
	CLO9	Thiết kế được bài trình chiếu, khai thác được nhiều loại dữ liệu đa phương tiện trong Microsoft PowerPoint.	PLO7, PLO13
CO5	CLO10	Quản lý được thông tin trên máy tính, thông tin cá nhân trên mạng máy tính và sửa được một số lỗi máy tính thường gặp.	PLO7, PLO13
	CLO11	Khai thác được một số dịch vụ trên mạng Internet trong học tập và nghiên cứu.	PLO7, PLO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO6	CLO12	Có khả năng làm việc từ xa và cộng tác được trên Internet.	PLO7, PLO13
	CLO13	Tiếp cận được các thành tựu mới của công nghệ thông tin thông qua tự học và tự nghiên cứu.	PLO7, PLO13

GPLO4: Khai thác được các ứng dụng của công nghệ thông tin trong tự học, nghiên cứu khoa học, dạy học, đánh giá và quản lý học sinh.

GPLO7: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes- PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)
------	--

	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
CLO1				x									
CLO2				x									
CLO3				x									
CLO4				x									
CLO5				x									
CLO6				x									
CLO7				x			x						
CLO8				x			x						
CLO9				x			x						
CLO10				x			x						
CLO11				x			x						
CLO12				x			x						
CLO13				x			x						
MĐG	0	0	0	3	0	0	2	0	0	0	0	0	0

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Tin học đại cương cung cấp các kiến thức cơ bản về:

Cấu trúc chung của máy tính; xử lý lỗi cơ bản của máy tính; hệ điều hành.

Định dạng văn bản, chèn đối tượng vào văn bản, bảng biểu, công cụ trợ giúp soạn thảo trong Microsoft Word.

Định dạng và xử lý dữ liệu, công thức, các hàm cơ bản, biểu đồ trong Microsoft Excel.

Thao tác với slide; định dạng, thiết lập hiệu ứng cho đối tượng và slide; tạo siêu liên kết trong Microsoft PowerPoint.

Mạng máy tính và an toàn thông tin; một số ứng dụng cơ bản trên mạng Internet.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học, tích cực tham gia xây dựng bài trên lớp. Tham gia học tập trên hệ thống LMS (chương 4,5).

- Bài tập: Hoàn thành các bài tập thực hành. Xem hướng dẫn thực hành trên hệ thống LMS (chương 4, chương 5).

- Thảo luận: Hoàn thành bài thảo luận nhóm tại Chương 4 (nộp bài trên hệ thống LMS).

- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ.

- Hoàn thành các nhiệm vụ tự học.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO12, 13
2	A2. Thực hành	15	01	Rubric đánh giá bài tập thực hành	CLO7-11
3	A3. Bài tập	5	01	Rubric đánh giá bài tập	CLO3, CLO8
4	A4. Bài kiểm tra định kì số 01	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-6
5	A5. Bài kiểm tra định kì số 02		01	Đáp án, thang điểm	CLO1-4, CLO7-9
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Trắc nghiệm	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-6
7	A7. Thực hành	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-4, CLO7-9

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Luôn thụ động trong các quá trình học tập.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học

động trong giờ học					Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự <80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết
Thực hành (15%)					
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ	3	0 đến < 1.5	1.5 đến <1,95	1,95 đến < 2,4	2,4 đến 3
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ	Thực hiện 50 - 66% nhiệm vụ	Thực hiện 65 - 80% nhiệm vụ	Thực hiện 80 - 100% nhiệm vụ
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	6	0 đến < 3	3 đến <3,9	3,9 đến < 4,8	4,8 đến 6
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm chưa đáp ứng tốt yêu cầu
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,65	0,65 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo
Bài tập (5%)					
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ	3	0 đến < 1.5	1.5 đến <1,95	1,95 đến < 2,4	2,4 đến 3
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ	Thực hiện 50 - 66% nhiệm vụ	Thực hiện 65 - 80% nhiệm vụ	Thực hiện 80 - 100% nhiệm vụ
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	6	0 đến < 3	3 đến <3,9	3,9 đến < 4,8	4,8 đến 6
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm chưa đáp ứng tốt yêu cầu
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,65	0,65 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo
Bài kiểm tra định kỳ (25%)					
Theo đáp án, thang điểm của giảng viên					

Thi kết thúc học phần (50%)
Theo đáp án, thang điểm

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1] Trần Ngọc Hà, Ngô Thị Tú Quyên, Nguyễn Thị Thu Hiền (2023), Tin học đại cương, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[2]. Phạm Hồng Thái, Dư Phương Hạnh, Lương Việt Nguyên, Nguyễn Việt Tân, Đào Minh Thu (2008), Giáo trình Thực hành Tin học cơ sở, NXB ĐHQG Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[3]. Đào Kiến Quốc, Bùi Thế Duy (2006), Tin học cơ sở, NXB ĐHQG Hà Nội.

9.3. Website:

[4]. <https://support.microsoft.com/en-us/training>

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra của chương/bài học (LLOs):

LLOs	Nội dung CDR của chương/ bài học
LLO1	Mô tả được cấu trúc chung của máy tính; phân loại được máy tính, phần cứng và phần mềm phổ biến.
LLO2	Thực hiện được các thao tác cơ bản trong Control Panel và Windows Explorer.
LLO3	Dự đoán và khắc phục được một số lỗi máy tính thường gặp.
LLO4	Thực hiện được các thao tác định dạng văn bản trong Microsoft Word đối với kí tự, đoạn văn bản và trang văn bản.
LLO5	Thực hiện tạo và hiệu chỉnh các đối tượng phổ biến trong văn bản.
LLO6	Thực hiện được thao tác tìm kiếm, thay thế, gõ tắt và kiểm tra chính tả tự động cho văn bản.
LLO7	Tạo được mục lục và tài liệu tham khảo cho văn bản; đặt mật khẩu cho văn bản, ghi văn bản thành nhiều định dạng khác nhau.
LLO8	Thực hiện được các thao tác xử lý dữ liệu trên bảng tính Microsoft Excel: định dạng, tìm kiếm, thay thế và sắp xếp dữ liệu.
LLO9	Áp dụng được các hàm tính toán cơ bản kết hợp với các dữ liệu và địa chỉ dữ liệu phù hợp của Microsoft Excel để giải bài tập liên quan đến quản lý học sinh.
LLO10	Tạo và chỉnh sửa được biểu đồ dữ liệu trong Microsoft Excel với dữ liệu về bài toán quản lý học sinh.

LLO11	Thiết lập được bố cục trang thuyết trình, tạo được trang thuyết trình chủ (slide master); chọn định dạng đầu ra thích hợp cho trang thuyết trình như bản in ra (handout), chiếu trên màn hình (on-screen), ảnh và video phù hợp với ngành đào tạo.
LLO12	Thực hiện được một số thao tác với slide: sao chép, di chuyển, xóa, đặt màu nền và thiết lập hiệu ứng xuất hiện khi trình diễn.
LLO13	Thực hiện được thao tác chèn và chỉnh sửa các đối tượng trong Microsoft PowerPoint như: âm thanh, hình ảnh, video, slide, đồ thị, bảng và siêu liên kết.
LLO14	Tìm kiếm được các thông tin trên mạng Internet; vận dụng được nguyên tắc giao tiếp của các máy tính trong mạng kết hợp với các công cụ bảo mật để sử dụng thư điện tử, mạng xã hội và diễn đàn trực tuyến một cách an toàn.
LLO15	Phân biệt được các thiết bị mạng phổ biến; phân biệt được mạng cục bộ, mạng diện rộng và mạng Internet.
LLO16	Thực hiện được thao tác lưu trữ, chia sẻ và chỉnh sửa dữ liệu trực tuyến; xây dựng được các mẫu khảo sát và các bài kiểm tra trực tuyến.
LLO17	Thực hiện được việc lập kế hoạch, điều phối, làm việc trực tuyến trong các hoạt động nhóm được giao trong học phần.
LLO18	Hoàn thành tốt các bài tập thực hành, nhiệm vụ thảo luận nhóm, nhiệm vụ tự học trong các chương của học phần.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)												
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
LLO1	x									x			
LLO2	x									x			
LLO3	x									x			
LLO4		x					x						
LLO5		x					x						
LLO6		x					x						
LLO7		x					x						
LLO8			x					x					
LLO9			x					x					
LLO10			x					x					

LLO11				x					x				
LLO12				x					x				
LLO13				x					x				
LLO14					x	x				x	x		
LLO15					x					x			
LLO16						x					x	x	
LLO17						x					x	x	x
LLO18								x			x	x	x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Khái niệm cơ bản về tin học				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1, LLO2, LLO3	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết) * Nội dung lí thuyết: (3 tiết) 1.1. Phần cứng máy tính 1.2. Phần mềm máy tính 1.3. Hệ điều hành Windows 1.4. Các lỗi máy tính thường gặp	Thuyết trình; đàm thoại; nêu vấn đề.	A1 A5 A6	[1] [2]
LLO1, LLO2, LLO3	* Nội dung thực hành: (3 tiết) - Bài tập: 1-4 [1, Trang 82-83] - Bài tập: 2, 3 [2, Trang 24-31]; 3, 4 [2, Trang 37-39].	Thực hành.	A1 A2 A4, A7	[1] [2]
LLO1, LLO2, LLO3	B. Nội dung tự học: (10 tiết) - Ôn tập lại các kiến thức của Chương 1 - Đọc thêm chương 1: Hiểu biết cơ bản về hệ điều hành. - Làm bài tập thực hành: 7-10 [2, Trang 21-23] - Đọc trước kiến thức Chương 2.	Tự nghiên cứu.	A1	[1] [2] [3] [4]
Chương 2. Phần mềm soạn thảo văn bản Microsoft Word				

LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO4, LLO5, LLO6, LLO7	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung lí thuyết: (4 tiết) 2.1. Định dạng văn bản 2.2. Chèn và định dạng các đối tượng trong văn bản. 2.3. Hiệu chỉnh văn bản 2.4. Các công cụ trợ giúp soạn thảo 2.5. Tạo mục lục và tài liệu tham khảo 2.6. In ấn và phân phối văn bản	Thuyết trình; đàm thoại; nêu vấn đề.	A1 A5 A6	[1] [2]
LLO4, LLO5, LLO6	* Nội dung thực hành: (6 tiết) - Bài tập: 1-9 [1, Trang 117-124] - Bài tập: 1-4 [2, Trang 102-104]; 1-4 [2, Trang 111-114].	Thực hành.	A1 A2 A4 A7	[1] [2]
LLO4, LLO5, LLO6	B. Nội dung tự học: (20 tiết) - Ôn tập lại các kiến thức của Chương 2. - Làm bài tập thực hành: 1-3 [2, Trang 91-93]; 2, 3 [2, Trang 118-120]. - Tự đọc về các nội dung sau: + Gộp tài liệu, tạo section. + Tạo mẫu văn bản. + Sửa lỗi không gõ được tiếng Việt có dấu. + Chuyển mã phông chữ.	Tự nghiên cứu.	A1	[1] [2] [3] [4]
Chương 3. Phần mềm bảng tính Microsoft Excel				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	

LLO8, LLO9, LLO10	A. Nội dung thực hiện trên lớp (23 tiết) * Nội dung lí thuyết: (5 tiết) 3.1. Kiến thức cơ bản về bảng tính 3.2. Các thao tác cơ sở trên bảng tính 3.3. Định dạng và xử lý dữ liệu 3.4. Công thức và các hàm cơ bản 3.5. Tạo lập và hiệu chỉnh biểu đồ 3.6. In ấn và phân phối bảng tính	Thuyết trình; đàm thoại; nêu vấn đề; hợp tác.	A1 A5 A6	[1] [2]
LLO8, LLO9, LLO10	*Nội dung thực hành: (12 tiết) - Bài tập: 1-6 [1, Trang 176-181] - Bài tập 2 [2, Trang 159]; 6-11 [2, Trang 166-170]; 3, 4 [2, Trang 186-190]; 7 [2, Trang 214]; 1-3 [2, Trang 217-218].	Thực hành.	A1 A2 A4 A7	[1] [2]
LLO8, LLO9, LLO10, LLO17, LLO18	* Nội dung bài tập: (6 tiết) - Bài tập: 1-16 [1, Trang 173-175] - Bài tập: 3, 4 [2, Trang 186-190]; 7 [2, Trang 214]; 1-3 [2, Trang 217-218].	Đàm thoại; nêu vấn đề; hợp tác.	A3	[1] [2]
LLO8, LLO9, LLO10	B. Nội dung tự học: (25 tiết) - Tổng hợp kiến thức phần hệ thống các hàm cơ bản của Chương 3 bằng sơ đồ tư duy. - Chuẩn bị trước dữ liệu cho các bài thực hành. - Đọc trước kiến thức Chương 4.	Tự nghiên cứu.		[1] [2] [3] [4]
Chương 4. Phần mềm trình chiếu Microsoft PowerPoint				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO11, LLO12, LLO13	A. Nội dung thực hiện trên lớp (18 tiết) *Nội dung lí thuyết: (4 tiết Elearning) 4.1. Kiến thức cơ bản về thuyết trình và trình chiếu	Học tập trên hệ thống LMS	A1 A2 A4 A5	[1] [2]

	4.2. Các thao tác cơ bản với slide 4.3. Chèn và định dạng các đối tượng 4.4. Thiết lập hiệu ứng 4.5. Tạo siêu liên kết 4.6. Trình chiếu, phân phối và in ấn bài thuyết trình		A6	
LLO11, LLO12, LLO13	* Nội dung thực hành: (5 tiết trực tiếp và 5 tiết Elearning) - Bài tập: 1-6 [1, Trang 222-227] - Bài tập 3, 4 [2, Trang 144], 1-6 [2, Trang 147-148].	Thực hành, học tập trên hệ thống LMS	A1 A2 A4 A7	[1] [2]
	- Bài kiểm tra định kỳ số 01: 1 tiết (thực hành)		A4	
LLO11, LLO12, LLO13 LLO17, LLO18	* Nội dung seminar/thảo luận: (4 tiết Elearning) Ứng dụng PowerPoint thiết kế một bài trình chiếu về chủ đề tự chọn	- Thảo luận nhóm trên hệ thống LMS	A1	[1] [2] [3] [4]
LLO11, LLO12, LLO13	B. Nội dung tự học: (17 tiết) - Ôn tập lại các kiến thức của Chương 4. - Đọc trước kiến thức của Chương 5. - Làm bài tập 10 [2, Trang 148].	Tự nghiên cứu, học tập trên hệ thống LMS		[1] [2] [3] [4]
Chương 5. Mạng máy tính				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO14, LLO15, LLO16	A. Nội dung thực hiện trên lớp (13 tiết) * Nội dung lí thuyết: (4 tiết Elearning) 5.1. Tổng quan về mạng máy tính 5.2. Ứng dụng cơ bản trên mạng Internet 5.3. An toàn thông tin	Học tập trên hệ thống LMS	A1 A5 A6	[1], [2]

LLO14, LLO15, LLO16	* Nội dung thực hành: (4 tiết trực tiếp và 5 tiết Elearning) - Bài tập: 5-12 [1, Trang 83] - Bài tập 2, 3 [2, Trang 286-287]; 1-4 [2, Trang 290-293]; 1-5 [2, Trang 299]. - Thực hành sử dụng phần mềm hỗ trợ dạy học trực tuyến (Meet, Zoom, Microsoft Teams).	Thực hành, học tập trên hệ thống LMS	A1 A2	[1], [2]
	Bài kiểm tra định kỳ số 02: 1 tiết (trắc nghiệm)		A6	
LLO14, LLO15, LLO16	B. Nội dung tự học: (8 tiết) - Ôn tập lại các kiến thức của Chương 5. - Làm bài tập thực hành.	Tự nghiên cứu, học tập trên hệ thống LMS		[1] [2] [3] [4]

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng thực hành: Đủ mỗi sinh viên một máy, có kết nối Internet; cài đặt các phần mềm Windows phiên bản thấp nhất là 8.1; phần mềm Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint phiên bản thấp nhất là 2016.

- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu.

- Điều kiện khác: Không.

8.11. Giáo dục quốc phòng

8.12. Giải phẫu và Sinh lý Thể dục thể thao

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 4; Tổng số giờ quy chuẩn: 60

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	28	15	125
2	Thực hành	28	0	
3	Kiểm tra, đánh giá	4	0	
Tổng		60	15	125

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Khoa Thể dục thể thao

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Đức Hùng	0974861207	hungnd@tnue.edu.vn
2	ThS. Nguyễn Thị Hà	0979646255	hant.phy@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

i) Về kiến thức

CO1: Kiến thức cơ bản về cấu tạo giải phẫu, chức năng sinh lý của các cơ quan, hệ cơ quan trong cơ thể người. Mối quan hệ giữa cấu trúc và chức năng của các cơ quan trong cơ thể.

CO2: Phân tích được ảnh hưởng của thể dục thể thao tới sự hoạt động của các cơ quan trong cơ thể người và ngược lại.

CO3: Giải thích một cách khoa học về cơ chế, tính quy luật của các quá trình sinh lý ở người.

CO4: Phân tích được đặc tính sinh lý của các dạng bài tập, các tổ chức vận động và các trạng thái sinh lý của cơ thể xuất hiện trong hoạt TDDT.

ii) Về kỹ năng

CO5: Phân tích và tổng hợp được kiến thức về cơ thể người, giao tiếp hiệu quả thông qua thảo luận và làm việc nhóm.

CO6: Khai thác được ứng dụng của công nghệ thông tin và tiếng Anh trong tự học và nghiên cứu về cơ thể người.

CO7: Vận dụng được kiến thức về cấu tạo và chức năng của các cơ quan trong cơ thể người trong việc đề ra các bài tập thể dục thể thao hợp lý; xử lý được các tình huống xảy ra trong công tác tác giáo dục thể chất trong trường học.

CO8: Vận dụng được các kiến thức sinh lý TDDT vào quá trình tập luyện, thi đấu, giảng dạy, huấn luyện TDDT trong công tác giáo dục thể chất và thể thao trường học.

iii) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO7: Lựa chọn được các kiến thức về cấu tạo giải phẫu, chức năng của các cơ quan trong cơ thể người, những kiến thức về sinh lý học TDDT trong việc đề ra các bài tập thể dục thể thao hợp lý.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Trình bày được kiến thức cơ bản về cấu tạo giải phẫu, chức năng sinh lý của các cơ quan, hệ cơ quan trong cơ thể người.	PLO 3
	CLO2	Mối quan hệ giữa cấu trúc và chức năng của các cơ quan trong cơ thể.	PLO 3
CO2	CLO3	Phân tích được ảnh hưởng của thể dục thể thao tới sự hoạt động của các cơ quan trong cơ thể người và ngược lại.	PLO 3
CO3	CLO4	Giải thích một cách khoa học về cơ chế, tính quy luật của các quá trình sinh lý ở người.	PLO 3
CO4	CLO5	Diễn giải được đặc tính sinh lý của các bài tập công suất lớn, công suất tối đa, công suất dưới tối đa, công suất trung bình	PLO 3
	CLO6	Tóm tắt được cơ sở sinh lý của sự hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động; các tổ chất vận động và trình độ tập luyện	PLO 3, 4
	CLO7	Giải thích được đặc điểm các trạng thái sinh lý của cơ thể xuất hiện trong hoạt TĐTT.	PLO 3, 4
	CLO8	Đánh giá được trạng thái chức năng cơ bản của cơ thể trong quá trình tập luyện và thi đấu TĐTT và việc thay đổi các quá trình sinh lý trong các điều kiện cụ thể.	PLO 3, 4
	Kỹ năng		
CO5	CLO9	Rèn luyện kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong tìm kiếm thông tin, kiến thức về môn học trong giờ tự học và làm việc theo nhóm.	PLO9,10
CO6	CLO10	Kỹ năng giao tiếp, làm việc theo nhóm, thuyết trình, giải thích các vấn đề thông qua các giờ học lý thuyết, thực hành và thảo luận nhằm tích lũy kiến thức và trang bị kỹ năng cho hoạt động giảng dạy trong tương lai.	PLO 9,10

CO7	CLO11	Vận dụng được kiến thức về cấu tạo và chức năng của các cơ quan trong cơ thể người trong việc đề ra các bài tập thể dục thể thao hợp lý; xây dựng chế độ tập luyện phù hợp cho học sinh, vận động viên. xử lý được các tình huống xảy ra trong công tác tác giáo dục thể chất trong trường học.	PLO 9,10
	CLO12	Xây dựng được phương pháp phát triển thành tích thể thao dựa trên cơ sở sinh lý của các tổ chất vận động, các bài tập thể thao và trình độ tập luyện.	PLO5,14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO8	CLO13	Nhận thức được vai trò của môn giải phẫu người, sinh lý học TDDT đối với các môn học chuyên ngành và trong thực hành nghề nghiệp sau này	PLO14
CO9	CLO14	Có tinh thần trách nhiệm đối với sự phát triển thể chất của học sinh, có thái độ khuyến khích, tạo điều kiện cho sự tăng trưởng và phát triển của học sinh phù hợp với đặc điểm giải phẫu, sinh lý lứa tuổi.	PLO14

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)													
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
CLO1			X											
CLO2			X											
CLO3			X											
CLO4			X	X										
CLO5			X	X										
CLO6										X	x			
CLO7										X	X			
CLO8										X	X			
CLO9											X			
CLO10											X			
CLO11										X				
CLO12										X				

CLO13					X									x
CLO14														X
MĐG	0	0	2	1	1	0	0	0	0	2	2	0	0	1

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần giải phẫu và sinh lý học thể dục thể thao cung cấp cho sinh viên chuyên ngành GDTC kiến thức về đại cương môn học, các nguyên tắc hoạt động của cơ thể người và các chức phận có liên quan. Học phần này bao gồm các kiến thức cơ bản về các chi tiết giải phẫu chính của các thành phần thuộc hệ thống các cơ quan trong cơ thể: cơ quan vận động (hệ xương khớp, hệ cơ), hệ thần kinh, tuần hoàn, hô hấp, tiêu hoá, tiết niệu, sinh dục. Những quan điểm về cơ chế sinh lý của việc hình thành kỹ năng vận động và phát triển các tổ chất vận động. Tác dụng của tập luyện thể dục thể thao đối với tất cả các cơ quan của cơ thể và tăng cường được khả năng thích nghi của chúng với điều kiện sống khác nhau.

Các kiến thức tổng hợp của cơ thể con người sẽ đạt được với các buổi thực hành, bao gồm các nghiên cứu về một số hệ cơ quan trong cơ thể người. Đồng thời, môn học này còn là bộ phận kiến thức cần thiết cho việc tiếp thu kiến thức các môn học khác như sinh hóa học thể dục thể thao, y học thể dục thể thao ... cũng như ứng dụng trong phân tích kỹ thuật bài tập thể chất.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ Seminar; chuẩn bị cho bài học: chuẩn bị nội dung tự học, đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

- Thực hành: Hoàn thành 5 bài thực hành ở chương 3 và chương 4 theo nội dung yêu cầu của giảng viên ở các chương và trình bày trước lớp.

- Hoàn thành 2 bài kiểm tra định kỳ.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức và trọng số điểm

T T	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10	01	Rubic đánh giá chuyên cần	CLO 1-14

2	A2. Bài thực hành số 1	10	01	Rubic đánh giá bài thực hành cá nhân	CLO 2 -12
3	A3. Bài thực hành số 2	10	01	Rubic đánh giá bài thực hành nhóm	CLO 2 -12
4	A4. Bài kiểm tra định kì số 1	20	01	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CLO 2 -12
5	A5. Bài kiểm tra định kì số 2		01		CLO 2 -12
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A6. Tự luận	50	01	Theo đáp án đề thi và thang điểm đề thi kết thúc học phần	CLO 1 - 14

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubic đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện đáp ứng dưới 25% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện đạt 50 – 60% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện đạt 60 – 79% nhiệm vụ học tập được giao..	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thực hiện đạt từ 80% nhiệm vụ học tập được giao trở lên.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80% - 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập thực hành cá nhân (10%)					
Tiêu chí	Tiêu chí	Tiêu chí	Tiêu chí	Tiêu chí	Tiêu chí

Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50 – 60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 60 – 80% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80 - 100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	Ý tưởng sáng tạo	Ý tưởng sáng tạo	Ý tưởng sáng tạo	Ý tưởng sáng tạo	Ý tưởng sáng tạo
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo
Bài tập thực hành nhóm (10%)					
Tiêu chí	Tiêu chí	Tiêu chí	Tiêu chí	Tiêu chí	Tiêu chí
Nội dung đầy đủ	Nội dung đầy đủ	Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	Nội dung đầy đủ theo yêu cầu

theo yêu cầu	theo yêu cầu	Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu
		Trình bày báo cáo không rõ ràng	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng nhưng chưa khoa học	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng, khoa học	Trình bày báo cáo rõ ràng, khoa học, tự tin
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng
		Không tương tác bằng mắt và cử chỉ	Ít tương tác bằng mắt và cử chỉ	Có tương tác bằng mắt và cử chỉ	Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời
		Không trả lời câu hỏi đầy đủ	Trả lời câu hỏi đầy đủ nhưng chưa thỏa đáng	Trả lời câu hỏi đầy đủ, tương đối thỏa đáng	Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng
Bài kiểm tra định kỳ (20%)					
Theo đáp án, thang điểm					
Thi kết thúc học phần (50%)					
Theo đáp án, thang điểm					

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Nguyễn Đức Hùng, Hoàng Thị Sèn (2014), Giáo trình giải phẫu học người (dành cho đối tượng sinh viên thể dục thể thao), [Thư viện trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên].

[2] Lưu Quang Hiệp và Phạm Thị Uyên (2003), Sinh lý học TDTT, NXB TDTT. Thư viện trường ĐHSP – ĐHTN.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[3]. Lê Tấn Đạt, Lê Văn Xanh, Tôn Nữ Huyền Thu (2015), Giáo trình giải phẫu học thể dục thể thao, Nxb Thể dục thể thao. [Thư viện trường Đại học Sư phạm, Trung tâm học liệu ĐH Thái Nguyên].

[4]. Tạ Thúy Loan, Trần Thị Loan (2007), Thực hành Giải phẫu - sinh lý người, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội. [Thư viện trường Đại học Sư phạm, Trung tâm học liệu ĐH Thái Nguyên].

[5] Phạm Thị Thiệu (2012), Giáo trình Sinh lý học TDTT, .NXB TDTT. Thư viện trường ĐHSP – ĐHTN.

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
Chương 1. Hệ vận động	
	Trình bày được mối liên hệ giữa đặc điểm tiến hóa và chức phận của các cơ quan trong hệ vận động
	Phân tích được ảnh hưởng của thể dục thể thao đến sự phát triển xương, cơ và ngược lại.
Chương 2. Hệ tiêu hóa	
	Trình bày được cấu tạo và chức phận của các cơ quan trong hệ tiêu hóa.
	Phân tích được ảnh hưởng của thể dục thể thao tới hệ tiêu hóa và ngược lại.
	Giải thích được nguyên nhân gây ảnh hưởng đến hoạt động thể thao của hệ tiêu hóa.
Chương 3. Hệ tuần hoàn	
	Trình bày được cấu tạo và chức phận của tim và hệ mạch.
	Phân tích được ảnh hưởng của thể dục thể thao tới hệ tuần hoàn và ngược lại.

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
	Vận dụng được kiến thức về cấu tạo và chức năng của hệ tuần hoàn trong việc đề ra các bài tập thể dục thể thao hợp lý.
Chương 4. Hệ hô hấp	
	Trình bày được cấu tạo và chức phận của các cơ quan của hệ hô hấp.
	Phân tích được ảnh hưởng của thể dục thể thao tới hệ hô hấp và ngược lại.
Chương 5: Sinh lý cơ sở	
	Trình bày được đặc điểm của phản xạ có điều kiện, phản xạ không có điều kiện, quá trình hình thành kỹ năng – kỹ xảo vận động
	Xác định được trạng thái chức năng cơ bản của cơ thể trong quá trình tập luyện và thi đấu TDTT và việc thay đổi các quá trình sinh lý trong các điều kiện cụ thể.
Chương 6. Đặc tính sinh lý của các bài tập thể thao	
	Diễn giải được khái niệm, đặc điểm, phân loại bài tập thể thao.
	Xác định được đặc tính sinh lý của các bài tập động có chu kỳ; những hoạt động có chu kỳ với công suất biến đổi; hoạt động không có chu kỳ và thay đổi; bài tập trong môn thể thao chuyên sâu.
Chương 7. Cơ sở sinh lý của các tổ chất vận động và trình độ tập luyện	
	Giải thích được cơ sở sinh lý của các tổ chất vận động và trình độ tập luyện.
	Vận dụng được cơ sở sinh lý của các tổ chất vận động vào việc nâng cao trình độ tập luyện.
	Xây dựng được phương pháp phát triển thành tích thể thao dựa trên cơ sở sinh lý của các tổ chất vận động, các bài tập thể thao và trình độ tập luyện.
Chương 8. Đặc điểm các trạng thái sinh lý của cơ thể xuất hiện trong hoạt động thể dục thể thao	
	Mô tả được đặc điểm các trạng thái sinh lý của cơ thể xuất hiện trong hoạt động TDTT.
	Xác định được nguyên nhân gây mệt mỏi và đề ra phương pháp khắc phục mệt mỏi và thúc đẩy quá trình hồi phục trong môn thể thao chuyên sâu.
	Giao tiếp tốt qua hoạt động học, thảo luận và thực hành nhằm trang bị kiến thức và kỹ năng cho tương lai.
	Sử dụng công nghệ thông tin trong tìm kiếm thông tin, kiến thức về môn học trong giờ tự học.

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Hệ vận động

LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1, 2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (7 tiết) * Nội dung lí thuyết: (4 tiết) 1.1. Đại cương về xương 1.2. Đại cương về khớp 1.3. Ảnh hưởng của thể dục thể thao đến sự phát triển của xương và cơ.	-Thuyết trình (của GV) - Hỏi đáp -Sử dụng video, kênh hình ảnh	A1; A3	Tài liệu [1] chương 2, [2],[3]
LLO1, 2,11	* Nội dung thực hành: (3 tiết) Bài thực hành 1: Thực hành quan sát cấu tạo và chức phận của hệ vận động.	- Thực hành - Quan sát, trình bày	A1,A2	
LLO1, 2,12,1 3	B. Nội dung tự học: (14 tiết) Cấu tạo, chức phận và đặc điểm tiến hóa phù hợp với các cơ quan trong hệ vận động. Mối quan hệ về hoạt động giữa xương, khớp và cơ.	- Đọc tài liệu học tập và tham khảo;	A1	
Chương 2. Hệ tiêu hóa				
LLO3, 4,5	A. Nội dung thực hiện trên lớp (7 tiết) * Nội dung lí thuyết: (3 tiết) 2.1. Khoang miệng và các cơ quan của khoang miệng 2.2. Thực quản 2.3. Dạ dày 2.4. Ruột non 2.5. Ruột già	- Thuyết trình (của GV) - Dạy học dựa trên vấn đề - Sử dụng video, kênh hình ảnh	A1;A2; A3	[Tài liệu [1] chương 3, [2], [3]

LLO3, 4,5,11	* Nội dung thực hành: (4 tiết) Bài thực hành 2: Quan sát cấu tạo, chức phận của hệ tiêu hóa.	- Quan sát, trình bày	A1, A2	
LLO3, 4,5,12, 13	B. Nội dung tự học:(10 tiết) Con đường di chuyển (hấp thụ, thải bã) của thức ăn sau khi đi vào cơ thể. Giải thích nguyên nhân gây ảnh hưởng đến hoạt động thể thao của hệ tiêu hóa.	- Đọc tài liệu học tập và tài liệu tham khảo;	A1	
Chương 3. Hệ tuần hoàn				
LLO6, 7,8	A. Nội dung thực hiện trên lớp (7 tiết) * Nội dung lí thuyết: (3 tiết) 3.1. Khái quát chung 3.1.1. Vòng tuần hoàn 3.1.2. Cấu tạo của thành mạch máu 3.2. Tim 3.2.1. Cấu tạo ngoài 3.2.2. Cấu tạo trong 3.2.3. Cấu tạo của thành tim	- Thuyết trình (của GV) - Sử dụng kênh hình ảnh - Thảo luận nhóm	A1;A3	Tài liệu [1] chương 4, [2], [3]
LLO6, 7,8,11	* Nội dung thực hành: (4 tiết) Thực hành bài 3: Quan sát cấu tạo, chức phận của hệ tuần hoàn.	- Quan sát và trình bày	A1, A2	
LLO6, 7,8,12, 13	B. Nội dung tự học: (14 tiết) Phân tích ảnh hưởng của thể dục thể thao tới hệ tuần hoàn và ngược lại.	- Đọc tài liệu học tập và tài liệu tham khảo;	A1	
Chương 4. Hệ hô hấp				
LLO9, 10	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung lí thuyết:(6 tiết) 4.1. Khoang mũi 4.2. Thanh quản 4.3. Khí quản và phế quản	- Thuyết trình (của GV) - Giảng dạy với sử dụng kênh hình ảnh	A1;A3;	Tài liệu [1] chương 5, [2], [3]

	4.4. Phổi	- Dạy học dựa trên vấn đề		
LLO9, 10,11	* Nội dung thực hành: (2 tiết) Thực hành bài 4: Quan sát đặc điểm cấu tạo, chức phận của hệ hô hấp.	- Quan sát và trình bày	A1, A2	
LLO9, 10,12, 13	B. Nội dung tự học: (14 tiết) Ảnh hưởng của thể dục thể thao đến hệ hô hấp. Giải thích sự khác biệt về cấu tạo của phổi ở người tập luyện thể thao thường xuyên và người ít tập luyện thể thao.	- Đọc tài liệu học tập và tham khảo;	A1	
* Bài kiểm tra định kỳ số 1: Thời gian làm bài - 100 phút, hình thức kiểm tra. Hình thức tự luận.				
Chương 5: Sinh lý cơ sở				
LLO1, 2, 3, 4,20,21,22	A. Nội dung thực hiện trên lớp (06 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết (06 tiết) 5.1. Cơ chế hoạt động của hệ thần kinh trung ương – phản xạ. 5.2. Phản xạ không điều kiện và có điều kiện 5.3. Điều kiện và cơ chế sinh lý để hình thành phản xạ có điều kiện 5.4. Phân loại phản xạ có điều kiện	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1, A6	[1] chương 1: mục 1.1 - 1.2 tr 9-18
	B. Nội dung tự học (10 tiết) 5.5. Hệ thống tín hiệu thứ nhất và thứ hai 5.6. Định hình động lực và ngoại suy trong hoạt động thần kinh cao cấp 5.7 Cơ chế dẫn truyền hưng phấn	SV Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu của giảng viên	A1, A6	[1] tr 18-26
Chương 6. Đặc tính sinh lý của các bài tập thể thao				
LLO 13,14	A. Nội dung thực hiện trên lớp (12 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết (07 tiết)	Thuyết trình kết	A1 A6	[1] chương 3: mục

,20,2 1,22	6.1. Phân loại các bài tập thể thao 6.2. Đặc tính sinh lý của các bài tập động có chu kỳ 6.2.1 Bài tập công suất tối đa 6.2.2. Bài tập với công suất dưới tối đa 6.2.3. Bài tập công suất lớn 6.2.4. Bài tập công suất trung bình	hợp với trình chiếu.		3.1 - 3.5 tr 61-142
	* Nội dung thực hành (5 tiết) Xây dựng chế độ tập luyện phù hợp cho học sinh, vận động viên.	-Thảo luận nhóm sau đó đại diện nhóm báo cáo SP -SV làm bài tập và nộp lại sản phẩm cho GV	A1, A2, A3, A4	1] chương 3: mục 3.1 - 3.5 tr 61-142
	B. Nội dung tự học (20 tiết) 6.3. Đặc tính sinh lý của những hoạt động có chu kỳ với công suất biến đổi 6.4. Đặc tính sinh lý của hoạt động không có chu kỳ và thay đổi 6.4.1. Hoạt động sức mạnh 6.4.2. Hoạt động sức mạnh - tốc độ 6.5. Đặc tính sinh lý của hoạt động tĩnh lực 6.6. Đặc tính sinh lý của những hoạt động định tính Ôn tập lại các kiến thức của chương 6	Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành mình chứng theo yêu cầu của giảng viên.	A1 A6	chương 3: mục 3.1 - 3.5 tr 61-142
Chương 7. Cơ sở sinh lý của các tổ chức vận động và trình độ tập luyện				
LLO 15,16 ,17,2 0,21, 22	A. Nội dung thực hiện trên lớp (15 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết (06 tiết) 7.1. Cơ sở sinh lý của sự hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1 A6	[1] chương 3: mục 3.1 - 3.5

7.1.3. Định hình động lực và ngoại suy trong kỹ năng vận động 7.1.4. Các giai đoạn hình thành kỹ năng vận động 7.2. Cơ sở sinh lý của các tổ chất vận động 7.3. Cơ sở sinh lý của tổ chất sức mạnh 7.4. Cơ sở sinh lý của tổ chất sức nhanh 7.5. Cơ sở sinh lý của tổ chất sức bền 7.5.1. Hệ vận chuyển oxy 7.5.2. Hệ cơ 7.6. Cơ sở sinh lý của tổ chất khéo léo				tr 61-142 [2] chươn g 4: mục 3.1 - 3.5 tr 356-372
*Bài kiểm tra định kỳ số 2 (02 tiết)	-Kiểm tra viết thời gian 1 tiết (50 phút)			
* Nội dung thực hành (5 tiết): Phương pháp phát triển các tổ chất vận động		A1 ,A2, A3, A4		[1] chươn g 3: mục 3.1 - 3.5
B. Nội dung tự học (20 tiết) 7.1 .5. Tính ổn định và thời gian duy trì kỹ năng vận động 7.1 .6. Vai trò của thông tin ngược chiều đối với kỹ năng vận động 7.1 .7. Trí nhớ vận động. 7.1.8. Tự động hoá động tác. 7.7. Đặc điểm sinh lý của sự phát triển các tổ chất vận động 7.8. Cơ sở sinh lý của trình độ tập luyện 7.8.1. Chỉ tiêu sinh lý của trình độ tập luyện trong trạng thái nghỉ	Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành mình chứng theo yêu cầu của giảng viên.	A1 A6		[1] chươn g 4: mục 4.1 – 4.4 tr 154-181 [2] chươn g 4 tr 356-372

	7.8.2. Các chỉ tiêu sinh lý của trình độ tập luyện trong hoạt động định lượng. 7. 8.3. Các chỉ tiêu sinh lý của trình độ tập luyện trong hoạt động tối đa. - Ôn tập lại các kiến thức của Chương 7			
Chương 8. Đặc điểm các trạng thái sinh lý của cơ thể xuất hiện trong hoạt động thể dục thể thao				
LLO 18,19 ,20,2 1,22	A. Nội dung thực hiện trên lớp (13 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết (08 tiết) 8.1. Trạng thái trước vận động và khởi động 8.1.1 trạng thái trước vận động 8.1.2. Đặc tính sinh lý của khởi động 8.4. Trạng thái mệt mỏi 8.4.1. Nguyên nhân của mệt mỏi. 8.4.2. Các giai đoạn phát triển của mệt mỏi 8.4.3. Đặc điểm nguyên nhân gây mệt mỏi trong các loại hoạt động thể lực khác nhau 8.4.4. Đặc điểm sinh lý của quá trình hồi phục	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1 A6	[1] chươn g V: mục 5.1 - 5.5 tr 188-227
	* Nội dung thực hành: (5 tiết) Phương pháp hồi phục sau hoạt động TDTT		A1, A2, A3, A5	[1] chươn g V: mục 5.1 - 5.5 tr 188-227
	B. Nội dung tự học: (23 tiết) 8.2. Trạng thái bắt đầu vận động 8.2.1. Trạng thái bắt đầu vận động 8.2.2. Cực điểm và “hô hấp lần thứ hai”. 8.3. Trạng thái ổn định (thích nghi) - Ôn tập lại các kiến thức của Chương 8	Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học theo yêu cầu của giảng viên.	A1 A6	[1] chươn g V: mục 5.1 - 5.5 tr 188-227

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học có kết nối mạng internet, rộng rãi, thoáng mát, đáp ứng yêu cầu của giảng đường đại học.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy chiếu, mạng internet.

8.13. Vệ sinh và Y học Thể dục thể thao

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	18	15	95
2	Thực hành	18	0	
3	Kiểm tra, đánh giá	4	0	
Tổng		40	15	95

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Giải phẫu và Sinh lý TDDT (59APS241)
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Khoa TDDT

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Th.s. Nguyễn Thị Hà	0979646255	hant.phy@tnue.edu.vn
2	TS. Đỗ Ngọc Cương	0914456163	cuongdn@tnue.edu.vn
3	TS. Võ Xuân Thủy	0963810833	thuyvx@tnue.edu.vn

Mục tiêu của học phần (CO)

3.1 Kiến thức

CO1: Giải thích được các khái niệm, đặc điểm, vai trò, ảnh hưởng của các yếu tố vệ sinh, y học đến hoạt động TDTT.

CO2: Mô tả được đặc điểm cấu tạo, vai trò và phương pháp đánh giá trạng thái các hệ chức năng trong cơ thể.

CO3: Xác định được khái niệm, phân loại, đặc điểm, nguyên nhân, cách xử lý và phương pháp phòng ngừa chấn thương và các bệnh thường gặp trong hoạt động TDTT.

3.2 Về kĩ năng

CO4: Vận dụng được các kiến thức vệ sinh và y học TDTT vào quá trình tập luyện, thi đấu, giảng dạy, huấn luyện TDTT trong công tác giáo dục thể chất và thể thao trường học.

CO5: Xây dựng được kế hoạch cá nhân, giao tiếp và hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm

3.3 Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO6: Vận dụng được những kiến thức về vệ sinh và y học TDTT vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Mô tả được các khái niệm, bản chất, nhiệm vụ, nguyên tắc chung và chức năng cơ bản của Vệ sinh Thể dục Thể thao và Y học TDTT	PLO 3
	CLO2	Xác định được đặc điểm, vai trò, ảnh hưởng của chất dinh dưỡng; vệ sinh cá nhân; vệ sinh tập luyện và thi đấu	PLO3
CO2	CLO3	Giải thích được đặc điểm cấu tạo, vai trò và phương pháp đánh giá trạng thái các hệ chức năng trong cơ thể.	PLO 3,4
CO3	CLO4	Diễn giải được khái niệm, phân loại, đặc điểm, nguyên nhân, cách xử lý và phương pháp phòng ngừa chấn thương trong hoạt động TDTT.	PLO 3,4
	CLO5	Tóm tắt được bệnh học cơ sở và các bệnh thường gặp trong hoạt động TDTT.	PLO 3,4
	Kĩ năng		

CO4	CLO6	Sử dụng được các phương pháp kiểm tra y học; phương pháp phòng ngừa, xử lý chấn thương và các bệnh lý thường gặp vào trong quá trình giảng dạy và huấn luyện	PLO 9, 10
	CLO7	Xây dựng được chế độ sinh hoạt, chế độ dinh dưỡng, chế độ tập luyện cho người tham gia tập luyện TDDT	PLO 9, 10
CO5	CLO8	Xây dựng được kế hoạch cá nhân, giao tiếp và hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm	PLO5, PLO14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO6	CLO9	Vận dụng được những kiến thức về vệ sinh và y học TDDT vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.	PLO14

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)													
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
CLO1			x											
CLO2			x											
CLO3			x	x										
CLO4			x	x										
CLO5			x	x										
CLO6									x	x				
CLO7									x	x				
CLO8					x									x
CLO9														x
MĐG	0	0	3	2	1	0	0	0	2	2	0	0	0	2

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học trang bị những kiến thức cơ bản về vệ sinh chung, vệ sinh cá nhân, vệ sinh dinh dưỡng, vệ sinh môi trường, vệ sinh học đường và vệ sinh trong tập luyện TDDT. Tìm hiểu về đặc điểm hình thái chức năng, phát triển thể chất nhằm đánh giá về thể lực và sức khỏe con người. Từ những kiến thức đã học sinh viên biết phòng tránh, chấn thương, bệnh lý và bước đầu biết xử lý các trường hợp chấn thương và bệnh lý thường gặp trong tập luyện và thi đấu TDDT.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ Seminar; chuẩn bị cho bài học: chuẩn bị nội dung tự học, đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

- Bài tập: Hoàn thành các bài tập cá nhân, 2 bài tập thảo luận nhóm.

- Thảo luận: Hoàn thành 3 bài thảo luận ở chương 4 và chương 5, chương 8 theo nội dung yêu cầu của giảng viên ở các chương và trình bày trước lớp.

- Thực hành: Hoàn thành 2 bài tập thực hành

- Hoàn thành 2 bài kiểm tra định kỳ.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10	01	Rubic đánh giá chuyên cần	CLO 1-8
2	A2. Bài thực hành số 1	10	01	Rubic đánh giá bài thực hành cá nhân	CLO 2 -7
3	A3. Bài thực hành số 2	10	01	Rubic đánh giá bài thực hành nhóm	CLO 2 -7
4	A4. Bài kiểm tra định kì số 1	20	01	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CLO 2 -7
5	A5. Bài kiểm tra định kì số 2		01		CLO 2 -7
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A6. Tự luận	50	01	Theo đáp án đề thi và thang điểm đề thi kết thúc học phần	CLO 1 - 8

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10%)					

Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện đáp ứng dưới 25% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện đạt 50 – 60% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện đạt 60 – 79% nhiệm vụ học tập được giao..	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thực hiện đạt từ 80% nhiệm vụ học tập được giao trở lên.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80% - 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập thực hành cá nhân (10%)					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0đến < 1	1 đến<1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50 – 60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 60 – 80% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80 -100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
	2	0 đến < 1	1 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2

Lập luận có căn cứ khoa học và logic		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1	0đến< 0,5	0,5 đến<0,6	0,6đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo
Bài tập thực hành nhóm (10%)					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4	0đến<2	2 đến< 2,4	2,4 đến< 3,2	3,2 đến 4
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1	0 đến< 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến< 0,8	0,8 đến 1
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1	0 đến< 0,5	0,5 đến<0,6	0,6 đến< 0,8	0,8 đến 1
		Không trả lời câu hỏi đầy đủ	Trả lời câu hỏi đầy đủ nhưng chưa thỏa đáng	Trả lời câu hỏi đầy đủ, tương đối thỏa đáng	Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng
	1	0 đến<0,5	0,5 đến<0,6	0,6 đến< 0,8	0,8 đến 1

Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời		Nhóm phối hợp không tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tương đối tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tương đối tốt, có chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời
Bài kiểm tra định kỳ (20%)					
Theo đáp án, thang điểm của giáo viên					
Thi kết thúc học phần (50%)					
Theo đáp án, thang điểm của giảng viên					

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1] Vũ Chung Thủy và cộng sự, Giáo trình Vệ sinh Thể dục thể thao, (2014), NXB TDTT Hà Nội. Thư viện trường ĐHSPT - ĐHTN

[2] Lưu Quang Hiệp, (2000), Sách giáo khoa Y học TDTT. NXB TDTT, Hà Nội. Thư viện trường ĐHSPT - ĐHTN

9.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Lê Quý Phương, (2007), Bài giảng Y học TDTT, NXB TDTT, Hà Nội. Thư viện trường ĐHSPT - ĐHTN

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

(đánh số liên tục từ 1 cho đến hết các LLOs của các chương trong học phần)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
Bài 1: ĐẠI CƯƠNG VỀ VỆ SINH VÀ Y HỌC TDTT	
LLO1	Mô tả được khái niệm, bản chất, những nguyên tắc chung và chức năng cơ bản của Vệ sinh TDTT.
LLO2	Xác định được phương pháp nghiên cứu và học tập môn vệ sinh.
LLO3	Mô tả được khái niệm, nhiệm vụ và đặc điểm của y học và y học TDTT.
Bài 2: VỆ SINH CÁ NHÂN	
LLO4	Hiểu được khái niệm ý nghĩa và cấu trúc nội dung của vệ sinh cá nhân; vệ sinh thân thể; vệ sinh trang phục thể thao.
LLO5	Diễn giải được khái niệm và yêu cầu về chế độ sinh hoạt cho vận động viên.

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO6	Xây dựng được chế độ sinh hoạt cho Vận động viên.
Bài 3: VỆ SINH DINH DƯỠNG	
LLO7	Xác định được vai trò và nhu cầu của glucid, lipid, protid, vitamin và chất khoáng; giá trị dinh dưỡng đặc điểm vệ sinh của thực phẩm.
LLO8	Xây dựng được chế độ ăn trong quá trình tập luyện và thi đấu TDTT.
Bài 4. VỆ SINH TẬP LUYỆN VÀ THI ĐẤU	
LLO9	Xác định được nguyên tắc, cơ sở và quan điểm của vệ sinh tập luyện và vệ sinh buổi tập.
LLO10	Xây dựng được chế độ tập luyện trong điều kiện thời tiết, địa lý thay đổi và khắc nghiệt.
Bài 5: KIỂM TRA Y HỌC TDTT	
LLO11	Mô tả được nhiệm vụ, nội dung, hình thức và các phương pháp kiểm tra y học TDTT.
LLO12	Giải thích được đặc điểm cấu trúc, trạng thái chức năng và phương pháp kiểm tra chức năng hệ tim mạch; hệ hô hấp; hệ thần kinh và thần kinh – cơ.
LLO14	Diễn giải đánh giá được khái niệm, nhiệm vụ và các phương pháp ứng dụng trong kiểm tra y học sự phạm; tự kiểm tra y học.
LLO15	Nhận biết được khái niệm, phân loại và các phương pháp tiến hành kiểm tra Doping.
Bài 6: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CHUNG VỀ CHẤN THƯƠNG TRONG HOẠT ĐỘNG TDTT	
LLO16	Mô tả được khái niệm, phân loại, nguyên nhân gây chấn thương trong thể dục thể thao.
LLO17	Xác định được đặc điểm chấn thương ở từng môn thể thao và xây dựng được phương pháp phòng ngừa chấn thương.
LLO18	Giải thích được khái niệm, phân loại, nguyên nhân, triệu chứng, phương pháp xử lý của chấn thương phần mềm và chấn thương phần cứng.
LLO21	Sử dụng được các phương pháp cấp cứu trong xử lý chấn thương thường gặp trong hoạt động TDTT.
LLO19	Xây dựng được kế hoạch cá nhân, giao tiếp và hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ thảo luận và thực hành của nhóm.
Bài 7: BỆNH HỌC TRONG THỂ THAO	

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO20	Mô tả được bệnh học cơ sở trong y học thể thao.
LLO21	Giải thích được khái niệm, nguyên nhân, triệu chứng, phương pháp xử lý và phòng ngừa các bệnh thường gặp trong hoạt động TDTT.
LLO22	Sử dụng được các phương pháp cấp cứu trong xử lý bệnh lý thường gặp trong hoạt động TDTT.
LLO23	Áp dụng được những kiến thức về chấn thương và bệnh lý trong hoạt động tự tập luyện hàng ngày để bảo vệ và rèn luyện sức khỏe bản thân.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)							
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
LLO1	x							
LLO2	x							
LLO3	x							
LLO4		x						
LLO5		x						
LLO6		x					x	
LLO7		x						
LLO8		x					x	
LLO9		x						
LLO10		x					x	
LLO11			x					
LLO12			x					
LLO13			x					
LLO14			x					
LLO15				x				
LLO16				x				
LLO17				x				
LLO18				x		x		x
LLO19							x	

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)							
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
LLO20					x			
LLO21					x	x		
LLO22					x			
LLO23								x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
Bài 1. ĐẠI CƯƠNG VỀ VỆ SINH TDDT				
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (2 tiết)	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1,A 6	[1] chương 1 mục1.1, 1.2 tr 9-18 [1] chương 1: mục 1.3-1.5 tr 27 -48
LLO2	* Nội dung giảng dạy lí thuyết (2 tiết)			
LLO3	1.1. Đại cương về vệ sinh và y học TDDT 1.1.1. Khái niệm, nhiệm vụ cơ bản của vệ sinh TDDT 1.1.2. 1.1.1. Khái niệm, nhiệm vụ cơ bản của y học TDDT 1.2. Phương pháp nghiên cứu và học tập			
	B. Nội dung tự học (5 tiết) 1.3. Đọc tài liệu quyền [1] theo các yêu cầu sau: - Đọc trước phần các khái niệm chung - Tóm tắt lịch sử hình thành, nội dung của vệ sinh TDDT, y học TDDT	SV Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu của giảng viên	A1	[1] tr 18-26
Bài 2. VỆ SINH CÁ NHÂN				
	A. Nội dung thực hiện trên lớp (04 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết (4 tiết) 2.1. Khái niệm, ý nghĩa và cấu trúc nội dung của vệ sinh cá nhân	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1,A 6	[1] chương 1: mục2.1 – 2.2 tr 73-78

LLO4	2.1.1. Khái niệm			
LLO5	2.1.2. Ý nghĩa			
LLO6	2.1.3. Cấu trúc nội dung cơ bản của vệ sinh cá nhân.			
	2.4. Chế độ sinh hoạt của vận động viên			
	2.4.1. Khái niệm về chế độ sinh hoạt			
	2.4.2. Yêu cầu về chế độ ăn			
	2.4.3. Yêu cầu về chế độ uống			
	2.4.4. Yêu cầu về chế độ ngủ			
	2.4.5. Tác hại của một số thói quen độc hại đối với vận động viên			
	B. Nội dung tự học (10 tiết)	Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và	A1	1] chương 2: mục 2.3 tr 85-93
	2.2. Vệ sinh thân thể			
	2.2.1. Khái niệm, ý nghĩa	hoàn thành minh chứng theo yêu cầu của giảng viên.		
	2.2.2. Nội dung của vệ sinh thân thể			
	2.3. Vệ sinh trang phục thể thao			
	2.3.1. Khái niệm, nhiệm vụ			
	2.3.2. Yêu cầu về trang phục			
Bài 3. VỆ SINH DINH DƯỠNG				
LLO7	A. Nội dung thực hiện trên lớp (9 tiết)	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.		[1] chương 3: mục 3.1 - 3.5
LLO8	* Nội dung giảng dạy lí thuyết (4 tiết)	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1,A6	tr 111-142
	3.1. Vai trò và nhu cầu các chất dinh dưỡng			
	3.3.1. Glucid			
	3.3.2. Protid			
	3.3.3. Lipid			
	3.3.4. Vitamin và chất khoáng			
	3.2. Khẩu phần ăn cho vận động viên			
	3.2.1. Nguyên tắc xây dựng thực đơn trong khẩu phần ăn			
	3.2.2. Chế độ ăn trong quá trình tập luyện			

	* Nội dung thực hành (5 tiết) Xây dựng thực đơn khẩu phần ăn cho vận động viên từng mô thể thao .	Đọc tài liệu, chuẩn bị nội dung thực hành và thực hành theo yêu cầu của giảng viên	A1, A2, A4	1] chương 3: mục 3.1 - 3.5 tr 111-142
	B. Nội dung tự học (10 tiết) 3.3. Giá trị dinh dưỡng đặc điểm vệ sinh của thực phẩm 3.3.1. Khái niệm và phương pháp phân nhóm thực phẩm. 3.3.2. Giá trị dinh dưỡng và đặc điểm vệ sinh của nhóm thực phẩm giàu Protein 3.3.3. Giá trị dinh dưỡng và đặc điểm vệ sinh của nhóm thực phẩm giàu Lipid 3.3.4. Giá trị dinh dưỡng và đặc điểm vệ sinh của nhóm thực phẩm giàu Glucid 3.3.5. Giá trị dinh dưỡng và đặc điểm vệ sinh của nhóm thực phẩm giàu Vitamin và chất khoáng	Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành mình chứng theo yêu cầu của giảng viên.	A1	1] chương 3: mục 3.1 - 3.5 tr 111-142
Bài 4. VỆ SINH TẬP LUYỆN VÀ THI ĐẤU				
LLO9 LLO10	A. Nội dung thực hiện trên lớp (03 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết (3 tiết) 4.1. Vệ sinh tập luyện 4.1.1. Vệ sinh sân bãi, dụng cụ 4.1.2. Các nguyên tắc vệ sinh tập luyện 4.2. Vệ sinh buổi tập 4.2.1. Cơ sở sinh học và cấu trúc buổi tập 4.2.2. Quan điểm sư phạm về cấu trúc buổi tập 4.2.3. Đặc điểm, nội dung, ý nghĩa các phần cấu trúc của buổi tập 4.2.4. Những điều cần chú ý trong các buổi tập	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1,A6	[1] chương V: mục 5.1 - 5.5 tr 188-227 [2] chương 5: mục 3.1 - 3.5 tr 373-390

	B. Nội dung tự học (10 tiết) 4.4. Vệ sinh tập luyện trong điều kiện thời tiết, địa lý thay đổi và khắc nghiệt. 4.4.1. Đảm bảo vệ sinh trong tập huấn thể thao 4.4.2. Đảm bảo vệ sinh trong điều kiện nóng ẩm 4.4.3. Đảm bảo vệ sinh trong điều kiện vùng cao.	Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành mình chứng theo yêu cầu của giảng viên.	A1	[2] chương 5: mục 3.1 - 3.5 tr 373-390
Bài 5. KIỂM TRA Y HỌC TĐTT				
LLO11 LLO12 LLO13 LLO14	A. Nội dung thực hiện trên lớp (12 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết (6 tiết) 5.1. Nhiệm vụ, nội dung, hình thức và các phương pháp kiểm tra y học TĐTT 5.1.1. Khái niệm và nhiệm vụ của kiểm tra y học TĐTT 5.1.2. Nội dung của kiểm tra y học TĐTT 5.1.3. Các phương pháp áp dụng trong kiểm tra y học TĐTT 5.2. Kiểm tra và đánh giá mức độ phát triển thể chất 5.2.1. Khái niệm về phát triển thể chất 5.2.2. Kiểm tra thể hình 5.2.3. Đánh giá mức độ phát triển thể chất 5.4. Kiểm tra chức năng hệ tim mạch 5.4.1. Đặc điểm cấu trúc và trạng thái chức năng hệ tim mạch của vận động viên 5.4.2. Các phương pháp kiểm tra chức năng hệ tim mạch 5.5. Kiểm tra chức năng hệ hô hấp 5.5.1. Đặc điểm trạng thái chức năng hệ tim mạch của vận động viên	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1,A6	[2] chương VI: mục 7.1 – 7.3 tr 535-555

	5.5.2. Các phương pháp kiểm tra chức năng hệ hô hấp 5.7. Kiểm tra y học sự phạm 5.7.1. Khái niệm và nhiệm vụ của kiểm tra y học sự phạm 5.7.2. Các phương pháp ứng dụng trong kiểm tra y học sự phạm. 5.9. Doping và công tác kiểm tra Doping trong hoạt động thể dục thể thao 5.9.1. Khái niệm 5.9. 2. Vài nét về lịch sử Doping 5.9.3. Phân loại và đặc điểm các chất bị cấm trong thi đấu thể thao 5.9.5. Phương pháp bị cấm 5.9.5. Các nhóm thuốc và các chất lạm dụng. 5.9.6. Tiến hành kiểm tra Doping			
	*Nội dung thực hành: (5 tiết) - Kiểm tra và đánh giá mức độ phát triển thể chất - Kiểm tra 1 số chức năng của hệ hô hấp và hệ tim mạch.	Đọc tài liệu, chuẩn bị nội dung thực hành và thực hành theo yêu cầu của giảng viên	A1, A2, A3, A5	[2] chương VI: mục 7.1 – 7.3 tr 535-555
	* Bài kiểm tra định kì số 1 (01 tiết)	Kiểm tra viết thời gian 1 tiết (50 phút)	A4	
	B. Nội dung tự học (20 tiết) * Nội dung tự học lí thuyết (10 tiết) 5.3. Đặc điểm phát triển thể chất của vận động viên một số môn thể thao 5.3.1. Điền kinh 5.3.2. Bơi lội 5.3.3. Cử tạ	SV Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu của giảng viên.	A1	[2] chương VI: mục 7.1 – 7.3 tr 535-555

	5.3.4. Thể dục dụng cụ 5.3.5. Bóng rổ 5.6. Kiểm tra chức năng hệ thần kinh và thần kinh cơ 5.6.1. Vai trò, chức năng và đặc điểm của hệ thống thần kinh, thần kinh cơ. 5.6.2. Các phương pháp kiểm tra chức năng hệ thần kinh cơ 5.8. Tự kiểm tra y học 5.7.1. Khái niệm và nhiệm vụ của tự kiểm tra y học 5.7.2. Các phương pháp ứng dụng trong tự kiểm tra y học *Nội dung thực hành: (10 tiết) - Kiểm tra và đánh giá mức độ phát triển thể chất - Kiểm tra 1 số chức năng của hệ hô hấp và hệ tim mạch.			
Bài 6. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CHUNG VỀ CHẤN THƯƠNG TRONG HOẠT ĐỘNG TDTT				
LLO15	A. Nội dung thực hiện trên lớp (13 tiết)	Trực tuyến	A1,A 6	[1] chương VII: mục 7.1 – 7.5 tr 285-370
LLO16	* Nội dung giảng dạy lí thuyết (08 tiết)			
LLO17	6.1. Những vấn đề chung về chấn thương trong hoạt động TDTT			
LLO18	6.1.1. Khái niệm			
LLO19	6.1.2. Phân loại chấn thương trong thể dục thể thao			
	6.1.3. Tầm quan trọng của công tác phòng ngừa chấn thương			
	6.1.4. Nguyên nhân gây chấn thương trong tập luyện và thi đấu TDTT.			
	6.1.5. Phương pháp ngăn ngừa chấn thương.			
	6.2. Các chấn thương phần mềm			
	6.2.1. Khái niệm			

	6.2.2. Phân loại 6.2.3. Nguyên nhân triệu chứng lâm sàng và phương pháp xử lý các chấn thương ngoài da 6.3. Chấn thương phần cứng 6.3.1. Gãy xương 6.3.2. Sai khớp			
	* Nội dung thực hành (5 tiết) Xử lý cầm máu khi bị chấn thương	Đọc tài liệu, chuẩn bị nội dung thực hành và thực hành theo yêu cầu của giảng viên	A1, A2, A3, A5	
	B. Nội dung tự học (20 tiết) 6.1.6. Đặc điểm chấn thương ở từng môn thể thao và phương pháp phòng ngừa	SV Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu của giảng viên.	A1	1] chương VII: mục 7.1 – 7.5 tr 285-370
Bài 7. BỆNH HỌC TRONG THỂ THAO				
LLO20	A. Nội dung thực hiện trên lớp (12 tiết)	Trực tuyến	A1,A	[1] chương VIII: mục 8.1 – 5.5 tr 371-535
LLO21	* Nội dung giảng dạy lí thuyết (6 tiết)		6	
LLO22	7.1. Bệnh lý học cơ sở			
LLO23	7.2. Các bệnh thường gặp trong tập luyện và thi đấu TDTT 7.2.1. Mệt mỏi quá độ (huấn luyện quá độ) 7.2.2. Căng thẳng quá độ 7.2.7. Chuột rút			
	* Nội dung thực hành (3 tiết) Phương pháp sơ cứu khi gặp Các bệnh thường gặp trong tập luyện và thi đấu TDTT	Đọc tài liệu, chuẩn bị nội dung thực hành và thực hành theo yêu cầu của giảng viên	A1, A2, A3, A5	

	*Bài kiểm tra số 2 (03 tiết)	Kiểm tra thực hành gian 03 tiết	A4	
	B. Nội dung tự học (20 tiết) * Nội dung tự học lí thuyết (10 tiết) 7.2.3. Choáng trọng lực (Shock) 7.2.5. Say nắng 7.2.5. Đau bụng trong tập luyện * Nội dung tự học thực hành (10 tiết) Phương pháp sơ cứu khi gặp Các bệnh thường gặp trong tập luyện và thi đấu TDTT	SV Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu của giảng viên.	A1	1] chương VIII: mục 8.1 – 5.5 tr 371-535

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: Giảng đường
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Bảng, phấn, máy tính, máy chiếu.
- Điều kiện khác: Điện, ánh sáng, thoáng mát đảm bảo cho giờ học

8.14. Phương pháp NCKH và Đo lường thể thao

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số tiết quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	29		90
2	Bài tập	9		
3	Thực hành	9		
4	Thảo luận	9		
5	Kiểm tra, đánh giá	04		
Tổng		60		90

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn TDDT Chuyên ngành; Khoa TDDT

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Trần Thị Tú	0986 703 726	tutt@tnue.edu.vn
2	TS. Đào Thị Hoa Quỳnh	0379 280 985	Quynhdth@tnue.edu.vn
3	TS. Đỗ Ngọc Cương	0912 552 131	cuongdn@tnue.edu.vn
4	TS. Ma Đức Tuấn	0972 139 915	tuanmd@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu CO)

3.1. Về kiến thức

CO1: Hiểu được những kiến thức cơ bản về NCKH như: phương pháp luận NCKH, một số khái niệm, các giai đoạn nghiên cứu khoa học trong thể dục thể thao, cơ sở lý luận của đo lường thể thao và cách xác định các test đánh giá trong đo lường thể thao.

CO2: Tóm tắt được những nội dung cơ bản của các phương pháp nghiên cứu khoa học trong thể dục thể thao; lý thuyết đánh giá và cách thức đo lường ứng dụng trong tuyển chọn tài năng thể thao.

3.2. Về kỹ năng

CO3: Vận dụng được các kiến thức lý thuyết cơ sở về nghiên cứu khoa học và đo lường vào thực tiễn quá trình giảng dạy, huấn luyện và NCKH trong lĩnh vực TDDT.

CO4: Hình thành kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và giáo dục trong hoạt động nghề nghiệp.

3.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO5: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng của môn học vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOS)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
CO1	CLO1	Trình bày được những vấn đề cơ bản về lý luận nghiên cứu khoa học và một số khái niệm: Phương pháp luận NCKH; đặc điểm; phân loại,	PLO4

CLO5			x	x										
CLO6												x		
CLO7												x		
CLO8												x		
CLO9					x									x
CLO10														x
MĐG	0	0	2	3	1	0	0	0	0	0	0	2	0	2

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học Phương pháp NCKH và Đo lường TT nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực TDDT phù hợp với xu thế phát triển của khoa học hiện đại trên cơ sở tích lũy những kinh nghiệm thực tiễn của công tác thể dục thể thao nước ta. Bên cạnh đó, môn học còn trang bị cho người học những kiến thức khái quát về đo lường TT; cơ sở lý luận của test; Phương pháp đánh giá trong đo lường TT. Thông qua môn học giúp sinh viên hiểu và vận dụng được các vấn đề về lý luận vào thực tiễn quá trình giảng dạy, huấn luyện và NCKH trong lĩnh vực TDDT.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu theo hướng dẫn của giảng viên
- Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân ở các chương 4,5,6 và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên
- Seminar/thảo luận: Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm ở các chương 1,2,3 theo nội dung yêu cầu của giáo viên và nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước lớp.
- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

TT	Hình thức	Trọng số	Số lượt	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
----	-----------	----------	---------	-------------------	------------

		điểm (%)	đánh giá		
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-10
2	A2. Bài tập cá nhân	10	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO3, 7
3	A3. Thảo luận	10	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO1,2,4,5,6, 9
4	A4. Bài kiểm tra định kì số 1	10	01	Theo đáp án và thang điểm	CLO8
5	A5. Bài kiểm tra định kì số 2	10	01	Theo đáp án và thang điểm	CLO3,5
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A6. Tiểu luận	50	01	Theo đáp án và thang điểm	CLO1-10

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện đáp ứng dưới 25% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện đạt 50 – 60% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện đạt 60 – 79% nhiệm vụ học tập được giao..	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thực hiện đạt từ 80% nhiệm vụ học tập được giao trở lên.
Thời gian	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0

tham dự buổi học bắt buộc		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80% - 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân (10%)					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0 đến < 1	1 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện 50 – 60% nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện 60 – 80% nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện 80 - 100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến < 1	1 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng

		không độc đáo			
Thảo luận (10%)					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4	0 đến <2	2 đến < 2,4	2,4 đến < 3,2	3,2 đến 4
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến < 1	1 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
Trình bày báo cáo rõ ràng	2	0 đến < 1	1 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Trình bày báo cáo không rõ ràng	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng nhưng chưa khoa học	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng, khoa học	Trình bày báo cáo rõ ràng, khoa học, tự tin
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không tương tác bằng mắt và cử chỉ	Ít tương tác bằng mắt và cử chỉ	Có tương tác bằng mắt và cử chỉ	Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt
	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1

Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời		Nhóm phối hợp không tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tương đối tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tương đối tốt, có chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời
Bài kiểm tra định kỳ (20%)					
Theo đáp án, thang điểm của giáo viên					
Tiểu luận kết thúc học phần (50%)					
Theo đáp án, thang điểm					

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Trần Thị Tú, Đào Thị Hoa Quỳnh, Ma Đức Tuấn (2022), Giáo trình Nghiên cứu khoa học và Đo lường thể thao, Nxb ĐHTN. Thư viện trường ĐHSP – ĐHTN.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Hà Quang Tiến, Nguyễn Duy Nam (2017), Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học thể dục thể thao, Nxb ĐHTN. Thư viện trường ĐHSP - ĐHTN.

[3]. Dương Nghiệp Chí, Trần Đức Dũng (2004), Đo lường thể thao, Nxb TĐTT. Thư viện trường ĐHSP – ĐHTN.

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương 1
LLO1	Giải thích được các khái niệm cơ bản trong hoạt động NCKH như: Khoa học, NCKH, vấn đề khoa học, giả thuyết khoa học...
LLO2	Mô tả được những nội dung cơ bản trong phương pháp luận về NCKH; đặc điểm; phân loại khoa học và NCKH.
LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương 2
LLO3	Xác định được những nội dung cơ bản của 4 giai đoạn nghiên cứu một đề tài khoa học: Giai đoạn chuẩn bị; giai đoạn triển khai; giai đoạn hoàn thiện; giai đoạn chuẩn bị và bảo vệ đề tài.
LLO4	Mô tả được giàn ý đề cương một đề tài NCKH thuộc lĩnh vực TĐTT.
LLO5	Trình bày được giàn ý của một đề tài NCKH thuộc lĩnh vực TĐTT.

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương 1
LLO6	Bày tỏ được khả năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm trong hoạt động thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm.
LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương 3
LLO7	Diễn giải được những nội dung cơ bản của các phương pháp nghiên cứu khoa học trong TDTT: Khái niệm, ưu - nhược điểm, phân loại, cách thức tiến hành, yêu cầu khi sử dụng...
LLO8	Áp dụng được cách thức tiến hành các phương pháp NCKH trong hoạt động thực hành môn học.
LLO9	Bày tỏ được khả năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm trong hoạt động thực hành để hoàn thành nhiệm vụ môn học.
LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương 4
LLO10	Mô tả được những đặc điểm cơ bản về cơ sở lý luận của đo lường TT: đối tượng, nhiệm vụ và những chỉ số đặc trưng.
LLO11	Thực hiện được một số bài tập về thuật toán trong đo lường TT.
LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương 5
LLO12	Trình bày được những nội dung cơ bản về cơ sở lý luận của test.
LLO13	Lấy ví dụ về test chuyên môn cho một số môn thể thao.
LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương 6
LLO14	Tóm tắt được những nội dung cơ bản về lý thuyết đánh giá và cách thức đo lường ứng dụng trong TDTT.
LLO15	Tính toán được một số bài tập về thang đánh giá trong đo lường thể thao.
LLO16	Xây dựng được kế hoạch làm việc độc lập, theo nhóm và tự học để giải quyết các nhiệm vụ của môn học.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)									
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
LLO1	x									
LLO2	x									
LLO3		x				x				

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)									
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
LLO4		x				x				
LLO5		x								
LLO6									x	
LLO7				x						
LLO8								x		
LLO9									x	
LLO10			x							
LLO11							x			
LLO12			x							
LLO13							x			
LLO14					x					
LLO15							x			
LLO16										x

11. Nội dung chi tiết của học phần

Chương 1. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học và nghiên cứu khoa học thể dục thể thao				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1, LLO2,	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (4 tiết) 1.1. Phương pháp luận về NCKH. 1.2. Khoa học 1.3. Nghiên cứu khoa học 1.3.1. Đặc điểm của NCKH. 1.3.2. Các loại hình NCKH	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Dạy học nêu và giải quyết vấn đề. - Dạy học hợp tác.	A1; A6	[1], Chương 1

	1.4. Nghiên cứu khoa học TDDT			
	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) Định hướng NCKH trong lĩnh vực TDDT	Thảo luận nhóm	A1	
LLO3	B. Nội dung tự học: (10 tiết) 1.5. Đọc tài liệu quyển [1] những nội dung cơ bản của giai đoạn chuẩn bị nghiên cứu khoa học.	SV Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu của giảng viên	A1	
Bài 2: Các giai đoạn nghiên cứu một đề tài NCKH				
LLO3, LLO4, LLO5, LLO6	A. Nội dung thực hiện trên lớp (16 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (8 tiết) 2.1. Giai đoạn chuẩn bị NC 2.1.1. Phân tích lí luận và thực tiễn chuyên môn. 2.1.2. Xác định đề tài NC 2.1.3. Xây dựng đề cương NCKH 2.2. Giai đoạn triển khai 2.2.1. Thu thập và xử lí thông tin lí luận 2.2.2. Thu thập và xử lí tài liệu thực tiễn 2.2.3. Tổ chức thực nghiệm khoa học 2.3. Giai đoạn hoàn thiện đề tài NCKH. 2.3.1. Hình thành cấu trúc đề tài NCKH. 2.3.2. Hình thức trình bày đề tài NCKH. 2.3.3. Văn phong khoa học 2.3.4. Các sản phẩm theo đề tài 2.4. Giai đoạn bảo vệ đề tài NCKH 2.4.1. Chuẩn bị bản báo cáo khoa học	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Dạy học hợp tác - Dạy học khám phá	A1; A6	[1], Chương 2

	2.4.2. Báo cáo thử 2.4.3. Dự kiến câu hỏi và soạn thảo đáp Trả lời. 2.4.4. Bảo vệ đề tài NCKH			
	* Nội dung thảo luận: (3 tiết) So sánh nội dung cơ bản giữa các giai đoạn NC.	Thảo luận nhóm sau đó đại diện nhóm báo cáo Sp	A1;A3	
LLO4, LLO6	* Nội dung thực hành: (5 tiết) Lập giàn ý đề cương đề tài NCKH	Thực hành nhóm	A1	
LLO7	B. Nội dung tự học: (20 tiết) 2.5. Đọc tài liệu quyển [1] theo các yêu cầu sau: - Khái niệm các phương pháp NCKH - Đặc điểm của các phương pháp NCKH	Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu	A1	
Bài 3. Các phương pháp NCKH trong lĩnh vực TDTT				
LLO7, LLO8, LLO9	A. Nội dung thực hiện trên lớp (17 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (6 tiết) 3.1. Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu 3.2. Phương pháp phỏng vấn, tọa đàm 3.3. Phương pháp quan sát sự phạm 3.4. Phương pháp kiểm tra sự phạm 3.5. Phương pháp thực nghiệm sự phạm 3.6. Phương pháp kiểm tra y - sinh học.	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Dạy học hợp tác - Dạy học khám phá	A1; A6	[1], Chương 3

	3.7. Phương pháp toán học thống kê.			
	* Nội dung thảo luận: (5 tiết) Vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực TDDT.	Thảo luận nhóm, đại diện nhóm báo cáo Sp	A1;A3	
	* Nội dung thực hành: (5 tiết). - Thực hành phương pháp quan sát, kiểm tra sự phạm, phỏng vấn, kiểm tra y sinh học trong thực tế.	Thực hành và mô tả sản phẩm	A1	
	* Kiểm tra, đánh giá định kì bài 1: (1 tiết)	Kiểm tra thực hành	A4	
LLO10	B. Nội dung tự học: (20 tiết) 3.6. Đọc tài liệu quyển [1] theo các yêu cầu sau: - Khái niệm đo lường và đối tượng, nhiệm vụ của đo lường TT	Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu	A1	
Chương 4. Cơ sở lý thuyết của đo lường thể thao				
LLO10	Nội dung thực hiện trên lớp (4 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết: (2 tiết) 4.1. Các khái niệm có liên quan về đo lường 4.1.1. Đo lường 4.1.2. Đơn vị đo lường và chuẩn 4.1.3. Sai số của phép đo. 4.2. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu của đo lường 4.2.1. Đối tượng. 4.2.2. Nhiệm vụ	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Dạy học giải quyết vấn đề	A1;A6	[1], Chương 4
LLO11	* Nội dung bài tập: (2 tiết) Vận dụng các kiến thức về phép đo để giải các bài tập đề ra.	SV làm bài tập, GV gọi SV giải bài tập trên lớp	A1;A2	
LLO12	B. Nội dung tự học: (10 tiết)	Chủ động sắp xếp thời gian	A1	

	- nghiên cứu tài liệu và chuẩn bị một số ND sau: - Cơ sở lí luận của test - Độ tin cậy của test	và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu		
Bài 5. Cơ sở lý luận của test				
LLO12	A. Nội dung thực hiện trên lớp (8 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (3 tiết) 5.1. Độ tin cậy của test 5.1.1. Khái niệm 5.1.2. Đánh giá độ tin cậy của test theo các số liệu thực nghiệm 5.2. Tính thông báo của test 5.2.1. Tính thông báo thực nghiệm 5.2.2. Tính thông báo trong thực tiễn lập test.	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Dạy học giải quyết vấn đề	A1; A6	[1], Chương 5
LLO13	* Nội dung bài tập: (5 tiết) Lập test chuyên môn trong đo lường thể thao.	SV làm bài tập, GV gọi SV giải bài tập trên lớp	A1; A2	
LLO14	B. Nội dung tự học: (15 tiết) SV nghiên cứu những vấn đề sau: Lý thuyết về đánh giá Đo lường ứng dụng trong tuyển chọn tài năng TT	Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu	A1	
Bài 6. Lý thuyết đánh giá và đo lường ứng dụng trong tuyển chọn tài năng thể thao				
LLO14	A. Nội dung thực hiện trên lớp (9 tiết)	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1; A6	[1], Chương 6
LLO16	* Nội dung giảng dạy lí thuyết: (5 tiết) 6.1. Lý thuyết đánh giá			

	6.1.1. Giới thiệu khái quát về lý thuyết đánh giá 6.1.2. Các loại thang điểm và thang đánh giá 6.1.3. Tiêu chuẩn đánh giá 6.2. Đo lường ứng dụng trong tuyển chọn tài năng thể thao 6.2.1. Khái niệm chung về tài năng thể thao và khoa học tuyển chọn tài năng thể thao. 6.2.2. Một số phương pháp tuyển chọn cụ thể	- Dạy học giải quyết vấn đề - dạy học hợp tác.		
LLO15	* Nội dung bài tập cá nhân: (3 tiết) Vận dụng được các kiến thức về đánh giá để giải bài tập.	SV làm bài tập, GV gọi SV giải bài tập trên lớp	A1;A2	
LLO10,11,12,13,14,15	* Kiểm tra định kỳ số 2: (1 tiết)	Kiểm tra viết	A5	
	Nội dung tự học: (15 tiết) Củng cố, ôn tập hệ thống kiến thức đã học	SV Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học	A1	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: Phòng học có đảm bảo đủ các điều kiện về vệ sinh, ánh sáng, âm thanh, bàn ghế phục vụ cho hoạt động dạy học.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Loa – mic, Máy chiếu.
- Điều kiện khác: Thước dây, đồng hồ, một số dụng cụ khác phục vụ cho nội dung thực hành.

8.15. Lý luận và phương pháp TDDT

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	11	15	50
2	Bài tập	09	0	40
3	Thực hành	0	0	
4	Thảo luận	12	0	
5	Thực tế chuyên môn	9		
6	Kiểm tra, đánh giá	4	0	
Tổng		45	15	90

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Khoa TDDT

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
	TS. Đào Thị Hoa Quỳnh	0379280985	quynhdth@ tnu.edu.vn
	TS. Đỗ Ngọc Cương	0912552131	cuongdn@ tnu.edu.vn
	TS. Võ Xuân Thủy	0963810833	thuyvx@ tnu.edu.vn

Mục tiêu của học phần (CO)

3.1 Kiến thức

CO1: Giải thích được các khái niệm, bản chất và chức năng cơ bản của Thể dục Thể thao; mục đích, nhiệm vụ, những nguyên tắc chung của thể dục thể thao Việt Nam; mục đích nhiệm vụ của GDTC trong trường phổ thông.

CO2: Hiểu được các phương tiện, phương pháp, các nguyên tắc về phương pháp GDTC.

CO3: Giải thích được nhiệm vụ và đặc điểm của dạy học động tác; đặc điểm và cấu trúc quá trình giảng dạy trong Giáo dục Thể chất; các hình thức của buổi tập thể dục thể thao.

CO4: Phân loại được các phương pháp giáo dục các tổ chức thể lực thường sử dụng trong quá trình giảng dạy và huấn luyện.

3.2 Về kỹ năng

CO5: Vận dụng được kiến thức về lý luận và phương pháp GDTC trong dạy học môn GDTC, xác định các cơ sở của vấn đề nghiên cứu thuộc lĩnh vực Thể dục Thể thao.

CO6: Có khả năng đánh giá việc tổ chức thực hiện các hoạt động GDTC và thể thao trường học trong các điều kiện cụ thể.

3.3 Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO7: Vận dụng được những kiến thức về Lý luận và phương pháp GDTC vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Giải thích được các khái niệm thường sử dụng trong hoạt động GDTC.	PLO 3
	CLO2	Mô tả được bản chất và chức năng cơ bản của Thể dục Thể thao; mục đích, nhiệm vụ, những nguyên tắc chung của Thể dục Thể thao Việt Nam; mục đích nhiệm vụ của GDTC trong trường phổ thông.	PLO3, 4
CO2	CLO3	Hiểu được các phương tiện, phương pháp, các nguyên tắc về phương pháp GDTC.	PLO3, 4, 5, 9, 10
CO3	CLO4	Giải thích được nhiệm vụ và đặc điểm của dạy học động tác; đặc điểm và cấu trúc quá trình giảng dạy trong Giáo dục Thể chất	PLO3,4,9,10
	CLO5	Phân loại được các hình thức của buổi tập thể dục thể thao.	PLO 3, 4
CO4	CLO6	Phân loại được các phương pháp giáo dục các tổ chức thể lực thường sử dụng trong thực tiễn quá trình giảng dạy và huấn luyện.	PLO3, 4, 11
	Kỹ năng		

CO5	CLO7	Vận dụng được các kiến thức về mặt lý luận để tạo lập cơ sở cho các vấn đề nghiên cứu, xây dựng các kế hoạch chuyên môn.	PLO 4, 10
CO6	CLO8	Vận dụng được những kiến thức đã học để tổ chức giảng dạy cũng như đánh giá việc tổ chức thực hiện các hoạt động GDTC và thể thao trường học trong các điều kiện cụ thể.	PLO 12
		Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CO7	CLO9	Vận dụng được những kiến thức về Lý luận và phương pháp GDTC vào công tác giảng dạy, trong sinh hoạt nhóm; trau dồi và phát triển nghề nghiệp một cách liên tục.	PLO14

Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)													
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
CLO1			x											
CLO2			x	x										
CLO3			x	x	x				x	x				
CLO4			x	x					x	x				
CLO5			x	x										
CLO6			x	x							x			
CLO7				x						x				
CLO8												x		
CLO9														x
MĐG	0	0	3	3	1	0	0	0	1	2	1	1	0	1

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Lý luận và phương pháp TDDT trang bị cho sinh viên một số khái niệm cơ bản về TDDT; bản chất, chức năng cơ bản của TDDT; Mục đích, nhiệm vụ, những nguyên tắc chung của TDDT; Các phương tiện GDTC; Các phương pháp GDTC; Các nguyên tắc về phương pháp GDTC; Các hình thức tổ chức giờ thể dục; Những đặc điểm cơ bản của phương pháp giảng dạy động tác và phương pháp giáo dục các tổ chức thể lực; Kết thúc học phần, người học có thể vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn tập luyện, giảng dạy, huấn luyện và nghiên cứu khoa học.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ Seminar; chuẩn bị cho bài học: chuẩn bị nội dung tự học, đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân, 01 bài tập nhóm.

- Seminar: Hoàn thành 3 bài seminar ở chương 4,5,6 theo nội dung yêu cầu của giảng viên ở các chương và trình bày trước lớp.

- Hoàn thành 2 bài kiểm tra định kỳ.

- Tham gia thực tế chuyên môn tại các trường phổ thông theo kế hoạch của nhà trường và hoàn thành báo cáo theo yêu cầu.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-9
2	A2. Bài tập cá nhân	10	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 3-5
3	A3. Thảo luận	10	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO 3-6
4	A4. Bài kiểm tra định kỳ số 1	10	01	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CLO 3
5	A5. Bài kiểm tra định kỳ số 2	10	01	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CLO 3,4,7
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Viết	50	01	Theo đáp án đề thi và thang điểm đề thi kết thúc học phần	CLO 1-8

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
----------	------------	--------------------	---------------	---------------	----------------

Chuyên cần (10%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân (10%)					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0 đến < 1	1 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50 – 60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 60 – 80% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80 - 100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu

Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến < 1	1 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1	0đến< 0,5	0,5 đến<0,6	0,6đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo
Thảo luận (10%)					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4	0đến<2	2 đến< 2,4	2,4 đến< 3,2	3,2 đến 4
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1	0 đến< 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến< 0,8	0,8 đến 1
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Trình bày báo cáo rõ ràng	2	0 đến < 1	1 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Trình bày báo cáo không rõ ràng	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng nhưng chưa khoa học	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng, khoa học	Trình bày báo cáo rõ ràng, khoa học, tự tin
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1	0đến< 0,5	0,5 đến<0,6	0,6đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không tương tác bằng mắt và cử chỉ	Ít tương tác bằng mắt và cử chỉ	Có tương tác bằng mắt và cử chỉ	Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt
	1	0 đến< 0,5	0,5 đến<0,6	0,6 đến< 0,8	0,8 đến 1

Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng		Không trả lời câu hỏi đầy đủ	Trả lời câu hỏi đầy đủ nhưng chưa thỏa đáng	Trả lời câu hỏi đầy đủ, tương đối thỏa đáng	Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng
		0 đến <0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1	Nhóm phối hợp không tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tương đối tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tương đối tốt, có chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời
Bài kiểm tra định kỳ (20%)					
Theo đáp án, thang điểm của giáo viên					
Thi kết thúc học phần (50%)					
Theo đáp án, thang điểm của trường					

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Đào Thị Hoa Quỳnh (chủ biên), Lý luận và phương pháp GDTC, NXB Công thương, 2021, thư viện Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên.

[2] Đỗ Ngọc Cương (Chủ biên) (2022), Giáo trình phương pháp dạy học môn giáo dục thể chất trong trường phổ thông, Nhà xuất bản Đại học Thái Nguyên. Thư viện Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[3]. Đồng Văn Triệu, Phương pháp giảng dạy và hướng dẫn học tập môn Lý luận và PP TDTT, NXB TDTT, (2008), Thư viện Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên.

[4] TS Đào Thị Thanh Hà, TS Nguyễn Thị Thủy (Đồng chủ biên); TS.Võ Xuân Thủy, TS.Trần Lê Nhật Quang (thành viên) (2022). Giáo trình “Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất ở tiểu học”.

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG	

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Giải thích được các khái niệm thường sử dụng trong hoạt động GDTC như: Văn hóa Thể chất – GDTC, VHTC – Thể thao, Thể chất - phát triển thể chất.
LLO2	Mô tả được nguồn gốc, bản chất, mối quan hệ giữa Lý luận và phương pháp TDTT với các môn khoa học khác.
LLO3	Phân loại được các chức năng chuyên môn và chức năng văn hóa chung của TDTT .
Chương 2: Mục đích, nhiệm vụ, những nguyên tắc chung của TDTT	
LLO4	So sánh được mục đích, nhiệm vụ của Thể dục Thể thao Việt Nam với mục đích nhiệm vụ của GDTC trong trường phổ thông.
LLO5	Giải thích được những nguyên tắc chung của Thể dục Thể thao Việt Nam
Chương 3 Các phương tiện giáo dục thể chất	
LLO6	Diễn giải được khái niệm, đặc điểm, phân loại các phương tiện GDTC.
LLO7	Chứng minh được BT thể chất là phương tiện chuyên môn cơ bản của GDTC
LLO8	Sử dụng được các phương tiện GDTC vào trong quá trình giảng dạy và huấn luyện
Chương 4. Các phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá trong giáo dục thể chất	
LLO9	Diễn giải được cơ sở cấu trúc, đặc điểm, ý nghĩa của các phương pháp thường sử dụng trong hoạt động GDTC
LLO10	Sử dụng được các phương pháp GDTC, phương pháp kiểm tra đánh giá môn học vào trong quá trình giảng dạy
Chương 5. Các nguyên tắc giáo dục thể chất	
LLO11	Mô tả được khái niệm, đặc điểm, yêu cầu của các nguyên tắc cần tuân thủ trong hoạt động GDTC
LLO12	Xác định được mối quan hệ giữa các nguyên tắc GDTC
LLO13	Sử dụng được các nguyên tắc vào trong quá trình giảng dạy và huấn luyện
Chương 6. Dạy học động tác trong GDTC	
LLO14	Mô tả được nhiệm vụ và đặc điểm của dạy học động tác trong Giáo dục Thể chất.

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO15	Diễn giải được đặc điểm và cấu trúc quá trình giảng dạy GDTC, các hình thức của buổi tập.
Chương 7. Nội dung, hình thức tổ chức buổi tập GDTC	
LLO16	Giải thích được cấu trúc, các hình thức tổ chức giờ GDTC
LLO17	Sắp xếp LVĐ hợp lí trong quá trình giảng dạy và huấn luyện
Chương 8: Giáo dục các tố chất thể lực	
LLO18	Diễn giải được các khái niệm, đặc điểm, phân loại các tố chất thể lực
LLO19	Sử dụng hiệu quả các phương pháp giáo dục các tố chất sức nhanh, sức mạnh, sức bền, mềm dẻo và khả năng phối hợp vận động vào trong quá trình giảng dạy và huấn luyện
LLO20	Xây dựng được kế hoạch làm việc độc lập, theo nhóm và tự học để giải quyết các nhiệm vụ của môn học.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)								
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
LLO1	x						x		x
LLO2		x							x
LLO3		x							x
LLO4		x							x
LLO5		x							x
LLO6			x				x	x	x
LLO7			x				x	x	x
LLO8			x				x	x	x
LLO9			x				x	x	x
LLO10			x				x	x	x
LLO11			x				x	x	x
LLO12			x				x	x	x
LLO13			x				x	x	x

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)								
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
LLO14				x			x		x
LLO15				x	x		x		x
LLO16						x	x		x
LLO17						x	x		x
LLO18						x	x		x
LLO19						x	x		x
LLO20									x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (2 tiết) * Nội dung lí thuyết:(2 tiết) Khái quát về Lý luận và phương pháp TDDT Một số khái niệm chung	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1,A6	[1] chươn g 1: mục1.1 – 1.2 tr 9-18 [4] chươn g 1
LLO2, 3	Nguồn gốc, Bản chất và những chức năng cơ bản của TDDT Quan hệ giữa Lý luận và phương pháp TDDT với các môn khoa học khác	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1,A6	[1] chươn g 1: mục 1.3-1.5 tr 27 - 48
	B. Nội dung tự học: (10 tiết)	SV Chủ động sắp		[1] tr 18-26

	1.5. Đọc tài liệu quyền [1] theo các yêu cầu sau: - Đọc trước phần các khái niệm chung - Tóm tắt nguồn gốc Bản chất và những chức năng cơ bản của TDDT	xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu		
Chương 2: Mục đích, nhiệm vụ, những nguyên tắc chung của TDDT				
LLO4	A.Nội dung thực hiện trên lớp (2tiết) Nội dung giảng dạy lí thuyết:(2tiết) 2.1 Mục đích, nhiệm vụ của TDDT Việt Nam 2.2 Mục đích, nhiệm vụ của GDTC trong trường phổ thông.	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1,A6	[1] chương 1: mục2.1 – 2.2 tr 73-78
LLO5	2.3 Những nguyên tắc chung của TDDT Việt Nam	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1	[1] chương 2: mục2.3 tr 85-93
	B. Nội dung tự học: (10 tiết) 2.4. Đọc tài liệu quyền [1] theo các yêu cầu sau: - Đọc trước tài liệu mục 2.1, 2.2, 2.3	Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu.		[1] chương 2: mục2.1 -2.3 tr 73-93
Chương 3 Các phương tiện giáo dục thể chất				
LLO6, 7, 8	Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết) Nội dung giảng dạy lí thuyết (Elearning): (6 tiết) 3.1 Khái niệm về phương tiện TDDT 3.2 Phân loại phương tiện TDDT	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1,A6	[1] chương 3: mục 3.1 - 3.5

	3.3 Những phương tiện TDDT thường dùng. 3.4 Những yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả bài tập TDDT 3.5 Phân loại BT TDDT			tr 111-142
	B. Nội dung tự học: (11 tiết) 3.6. Đọc tài liệu quyển [1] theo các yêu cầu sau: - Đọc trước tài liệu mục 3.1-3.5	Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành mình chứng theo yêu cầu.		chương 3: mục 3.1 - 3.5 tr 111-142
Chương 4. Các phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá trong giáo dục thể chất				
LLO9, 10	Nội dung thực hiện trên lớp (13 tiết) Nội dung giảng dạy lí thuyết:(7 tiết: 6 tiết Elearning; 1 tiết trực tiếp) 4.1 Cơ sở cấu trúc của phương pháp GDTC 4.2 Phương pháp tập luyện 4.3 Phương pháp trò chơi và thi đấu 4.4 Phương pháp phân tích và giảng giải 4.5 Phương pháp giảng dạy hoàn chỉnh và phân đoạn 4.6. Phương pháp sửa chữa động tác sai 4.7. các phương pháp kiểm tra đánh giá trong Giáo dục thể chất	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1,A6	[1] chương 3: mục 3.1 - 3.5 tr 111-142 [3] chương 3 [4] chương 4
LLO9, 10	Bài kiểm tra định kì số 1 (2 tiết)	Kiểm tra viết thời gian 1 tiết (50 phút)	A4,A1	[1] chương 3: mục 3.1 - 3.5 tr 111-142

LLO9, 10	Nội dung seminar/thảo luận: (4tiết) - Việc vận dụng các phương pháp trong tập luyện - Việc đổi mới phương pháp giáo dục thể chất trong trường Phổ thông hiện nay.	Thảo luận nhóm sau đó đại diện nhóm báo cáo Sp	A1,A3	
	B. Nội dung tự học: (10 tiết) 3.6. Đọc tài liệu quyền [2] theo các yêu cầu sau: - Đọc trước tài liệu chương IV và liệt kê các phương pháp thường sử dụng trong GDTC	Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu của giảng viên.		[1] chươn g 4: mục 4.1 – 4.4 tr 154-181 [2] chươn g 4 tr 356-372
Chương 5. Các nguyên tắc giáo dục thể chất				
LLO11 ,12,13	Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết) Nội dung giảng dạy lí thuyết: (2 tiết) 5.1 Nguyên tắc tự giác và tích cực 5.2 Nguyên tắc trực quan và nguyên tắc hệ thống 5.3 Nguyên tắc thích hợp và cá biệt hoá 5.4 Nguyên tắc tăng dần yêu cầu và nguyên tắc bảo đảm an toàn trong tập luyện, thi đấu 5.5 Mối quan hệ lẫn nhau của các nguyên tắc	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1,A6	[1] chươn g V: mục 5.1 - 5.5 tr 188-227 [2] chươn g 5: mục 3.1 - 3.5 tr 373-390

LLO11 ,12,13	Nội dung seminar/thảo luận: (4tiết) 5.6. Vai trò của các nguyên tắc trong giáo dục thể chất cho học sinh Phổ thông. 5.7. Thực tiễn việc đảm bảo an toàn trong giảng dạy, tập luyện ở các trường phổ thông	Thảo luận nhóm sau đó đại diện nhóm báo cáo Sp	A1, A3	
	B. Nội dung tự học: (7 tiết) 5.8. Đọc tài liệu quyền [1] theo các yêu cầu sau: - Đọc trước tài liệu chương V và tóm tắt nội dung của các nguyên tắc về phương pháp trong GDTC	Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu của giảng viên.		[1] chương V: mục 5.1 - 5.5 tr 188-227 [2] chương 5: mục 3.1 - 3.5 tr 373-390
LLO14 ,15	Chương 6. Dạy học động tác trong GDTC Nội dung thực hiện trên lớp (7 tiết) Nội dung giảng dạy lí thuyết (Elearning): (3 tiết) 6.1 Các đặc điểm cơ bản của nhiệm vụ GDTC 6.2 Cấu trúc quá trình dạy học động tác	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1,A6	[1] chương VI: mục 6.1 – 6.2 tr 238-254
	Nội dung seminar/thảo luận: (4tiết) Vận dụng các phương pháp trong các giai đoạn giảng dạy động tác Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi, nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên	Thảo luận nhóm sau đó đại diện nhóm báo cáo Sp	A1,A3	
	B. Nội dung tự học: (10 tiết)	SV Chủ động sắp		[1] chươn

	5.8. Đọc tài liệu quyền [1] theo các yêu cầu sau: - Đọc trước tài liệu chương VI mục 6.1 – 6.2	xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu.		g VI: mục 6.1 – 6.2 tr 238-254
Chương 7. Nội dung, hình thức tổ chức buổi tập GDTC				
LLO16-17	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) Nội dung giảng dạy lí thuyết: (2 tiết) 7.1 Cơ sở cấu trúc của buổi tập 7.2 Phân loại giờ GDTC, các hình thức tổ chức giờ GDTC 7.3 Xây dựng kế hoạch giáo dục và dạy học môn GDTC	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1,A6	[2] chương VI: mục 7.1 – 7.3 tr 435-444
	Kiểm tra định kỳ: Bài kiểm tra số 2 (2 tiết)	Kiểm tra viết thời gian 1 tiết (50 phút)	A5,A1	[2] chương VI: mục 7.1 – 7.3 tr 435-444
	Nội dung bài tập cá nhân: (8 tiết) Thực hành biên soạn KHBD	SV biên soạn dưới sự hướng dẫn của GV	A1, A2	[2] chương VI: mục 7.1 – 7.3 tr 435-444
	Nội dung tự học: (20 tiết) Đọc tài liệu quyền [2] theo các yêu cầu sau:	SV Chủ động sắp xếp thời gian và	A1	[2] chương VI: mục

	- Đọc trước tài liệu chương VIII mục 8.1 – 8.3	điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu.		7.1 – 7.3 tr 435-444
Chương 8: Giáo dục các tổ chất thể lực				
LLO 18, 19	Nội dung thực hiện trên lớp (5 tiết) Nội dung giảng dạy lí thuyết:(2 tiết) 8.1 Khái niệm về tổ chất thể lực 8.2 Giáo dục sức mạnh 8.3 Giáo dục sức nhanh 8.4 Giáo dục sức bền 8.5 Giáo dục năng lực phối hợp VĐ và năng lực mềm dẻo	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1,A6	[1] chương VII: mục 7.1 – 7.5 tr 284-370
	Nội dung bài tập nhóm: (3 tiết) Vận dụng các phương pháp giáo dục các tổ chất thể lực để thiết kế các bài tập phát triển một tổ chất thể lực cụ thể.	Các nhóm thiết kế các bài tập và nộp SP cho GV	A1	1] chương VII: mục 7.1 – 7.5 tr 284-370
	B. Nội dung tự học: (10 tiết) Đọc tài liệu quyển [21] theo các yêu cầu sau: - Đọc trước tài liệu chương VII: mục 7.1 – 7.5	SV Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu.	A1	1] chương VII: mục 7.1 – 7.5 tr 284-370

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: Giảng đường

- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Bảng, phấn, máy tính, máy chiếu.

- Điều kiện khác: Điện, ánh sáng, thoáng mát đảm bảo cho giờ học

8.16. Hồi phục thể thao

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3

Tổng số giờ quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	31	0	55
2	Bài tập	10	0	40
3	Thực hành	0	0	
4	Thảo luận	10	0	
5	Thực tế chuyên môn	0		
6	Kiểm tra, đánh giá	4	0	
Tổng		55	0	95

- Loại học phần: Tự chọn

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Khoa TDDT

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Đỗ Ngọc Cương	0914456163	cuongdn@tnue.edu.vn
2	TS. Đào Thị Hoa Quỳnh	0963246683	quynhhdth@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

3.1 Kiến thức

CO1: Có kiến thức cơ bản cơ sở y sinh học của môi trường và hồi phục trong hoạt động thể thao; Hồi phục chức năng trong thể thao.

CO2: Có kiến thức về phương pháp và kỹ thuật hồi phục trong hoạt động thể thao;

CLO2		x	x											
CLO3			x	x							x			
CLO4			X	x							x			
CLO5														x
MĐG	0	1	3	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	1

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Hội ph thể thao trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về mệt mỏi và hồi phục trong hoạt động thể thao cũng như kiến thức và kỹ năng về phục hồi chức năng trong thể thao. Từ những nội dung kiến thức này, người học có thể vận dụng vào công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học và quản lý chuyên môn về Thể dục thể thao quần chúng tại cơ sở.

7. Nhiệm vụ của học viên

Học viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 80% giờ thảo luận; chuẩn bị cho bài học: chuẩn bị nội dung tự học, đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.
- Bài tập: Hoàn thành các bài tập cá nhân, bài tập thảo luận nhóm.
- Thảo luận: Hoàn thành các nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng viên ở các chương và trình bày trước lớp.
- Hoàn thành 1 bài kiểm tra định kỳ.

8. Đánh giá kết quả học tập của học viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-5
2	A2. Bài tập cá nhân	10	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 1-2
3	A3. Thảo luận	10	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO 3
4	A4. Bài kiểm tra định kì số 1	10	01	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CLO 3

5	A5. Bài kiểm tra định kì số 2	10	01	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CLO 5
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Viết	50	01	Theo đáp án đề thi và thang điểm đề thi kết thúc học phần	CLO 1-5

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện đáp ứng dưới 25% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện đạt 50 – 60% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện đạt 60 – 79% nhiệm vụ học tập được giao..	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động. Thực hiện từ 80% nhiệm vụ học tập trở lên.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80% - 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân (10%)					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0đến < 1	1 đến<1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50 – 60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 60 – 80% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80 - 100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn

Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến < 1	1 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1	0đến< 0,5	0,5 đến<0,6	0,6đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo
Thảo luận (10%)					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4	0đến<2	2 đến< 2,4	2,4 đến< 3,2	3,2 đến 4
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1	0 đến< 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến< 0,8	0,8 đến 1
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Trình bày báo cáo rõ ràng	2	0 đến < 1	1 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Trình bày báo cáo không rõ ràng	Trình bày tương đối rõ ràng, chưa khoa học	Trình bày tương đối rõ ràng, khoa học	Trình bày báo cáo rõ ràng, khoa học, tự tin
	1	0đến< 0,5	0,5 đến<0,6	0,6đến < 0,8	0,8 đến 1

Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt		Không tương tác bằng mắt và cử chỉ	Ít tương tác bằng mắt và cử chỉ	Có tương tác bằng mắt và cử chỉ	Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không trả lời câu hỏi đầy đủ	Trả lời câu hỏi đầy đủ nhưng chưa thỏa đáng	Trả lời đầy đủ, tương đối thỏa đáng	Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Nhóm phối hợp không tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tương đối tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tương đối tốt, có chia sẻ và hỗ trợ nhau	Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời
Bài kiểm tra định kỳ (20%)					
Theo đáp án, thang điểm của giáo viên					
Thi kết thúc học phần (50%)					
Theo đáp án, thang điểm của trường					

9. Học liệu học tập

[1]. Lê Hữu Hưng, (2010), Hồi phục vật lý trị liệu, NXB Thể dục thể thao. Thư viện Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên.

10. Nội dung chi tiết của học phần

BÀI 1: CƠ SỞ Y SINH HỌC CỦA MỆT MỎI TRONG HOẠT ĐỘNG THỂ THAO				
CLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
CLO1, CLO4, CLO7	Lý thuyết (5 tiết) Cơ sở y sinh học của mệt mỏi: Khái niệm mệt mỏi; Nguyên nhân mệt mỏi; Cơ chế và đặc điểm mệt mỏi trong hoạt động thể thao.	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1	[1] (Phần 1) chương 1

	Bài tập (2 tiết): Phân tích nguyên nhân mệt mỏi trong hoạt động thể thao.	Làm bài tập, nộp sản phẩm hoặc báo cáo	A1,A2	[1] (Phần 1) chương 1
	Thảo luận: (2 tiết) Mức độ mệt mỏi; Chuẩn đoán mệt mỏi	Thảo luận theo nhóm	A1	[1] (Phần 1) chương 1
	Nội dung tự học: (12 tiết) Nghiên cứu trước tài liệu để làm bài tập và thảo luận trên lớp.	Tự học, hoàn thành minh chứng	A1	[1] (Phần 1) chương 1
BÀI 2: CƠ SỞ Y SINH HỌC CỦA HỒI PHỤC TRONG HOẠT ĐỘNG THỂ THAO				
CLO1, CLO4, CLO7	Lý thuyết (7 tiết) Khái niệm hồi phục; Diễn biến các quá trình hồi phục trong hoạt động thể thao	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1	[1] (Phần 1) chương 2
	Bài tập (2 tiết): Phân tích các giai đoạn của quá trình hồi phục trong hoạt động thể thao.	Làm bài tập, nộp sản phẩm hoặc báo cáo	A1, A2	[1] (Phần 1) chương 2
	Thảo luận: (2 tiết) Quy luật chung của quá trình hồi phục các chức năng cơ thể.	Thảo luận theo nhóm	A1, A3	[1] (Phần 1) chương 2
	Nội dung tự học: (12 tiết) Nghiên cứu trước tài liệu để làm bài tập và thảo luận trên lớp	HV tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu		[1] (Phần 1) chương 2
BÀI 3: CÁC PHƯƠNG PHÁP HỒI PHỤC TRONG HOẠT ĐỘNG THỂ THAO				
CLO3, CLO5, CLO7	Lý thuyết (6 tiết) Nguyên tắc chung của việc sử dụng các phương pháp và phương tiện hồi phục trong thể thao; Phân loại và đặc điểm các phương pháp hồi phục	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1	[1] (Phần 1) chương 3

	Bài tập (2 tiết): Phân tích các phương pháp hồi phục sự phạm	Làm bài tập, nộp sản phẩm hoặc báo cáo	A1, A2	[1] (Phần 1) chương 3
	Thảo luận: (2 tiết): Các phương pháp hồi phục y - sinh học	Thảo luận theo nhóm	A1, A3	[1] (Phần 1) chương 3
	Nội dung tự học: (12 tiết) Nghiên cứu trước tài liệu để làm bài tập và thảo luận trên lớp	SV tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu	A1	[1] (Phần 1) chương 3
BÀI 4: CÁC KỸ THUẬT HỒI PHỤC TRONG HOẠT ĐỘNG THỂ THAO				
CLO3, CLO5, CLO7	Lý thuyết (6 tiết) Phương pháp và kỹ thuật hồi phục sau buổi tập; Đặc điểm ứng dụng một số phương tiện hồi phục; Xoa bóp hồi phục; Dinh dưỡng hồi phục.	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1	[1] (Phần 1) chương 4
	Bài tập (2 tiết): Tìm hiểu các kỹ thuật nghỉ ngơi tích cực trong thể thao	Làm bài tập, nộp sản phẩm hoặc báo cáo	A1, A2	[1] (Phần 1) chương 4
	Thảo luận: (2 tiết) Chế độ dinh dưỡng trong hoạt động thể thao	Thảo luận theo nhóm	A1, A3	[1] (Phần 1) chương 4
	Nội dung tự học: (12 tiết) Nghiên cứu trước tài liệu để làm bài tập và thảo luận trên lớp.	SV tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu	A1, A3	[1] (Phần 1) chương 4
CLO1, 3,4,5	Bài kiểm tra định kỳ (2 tiết)	Kiểm tra viết 2 tiết	A4	[1] (Phần 1) chương 1,2,3,4
BÀI 5: HỒI PHỤC CHỨC NĂNG TRONG THỂ THAO				

CLO2, CLO6, CLO7	Lý thuyết (7 tiết) Khái niệm, đặc điểm của phục hồi chức năng trong hoạt động thể thao; Nguyên tắc, phương pháp phục hồi chức năng; Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phục hồi chức năng.	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1	[1] (Phần 2) chương 1
	Bài tập (2 tiết): Các phương pháp sơ phạm và các phương pháp hồi phục vật lý	Làm bài tập, nộp sản phẩm hoặc báo cáo	A1,	[1] (Phần 2) chương 1
	Thảo luận: (2 tiết) Tâm lý vận động viên khi bị chấn thương.	Thảo luận theo nhóm	A1, A3	[1] (Phần 2) chương 1
	Nội dung tự học: (12 tiết) Nghiên cứu trước tài liệu để làm bài tập và thảo luận trên lớp	SV tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu	A1	[1] (Phần 2) chương 1

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: Phòng học có máy chiếu và kết nối Internet

8.17. Sinh hóa học Thể dục thể thao

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số tiết quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	33	0	95
2	Bài tập	10	0	
3	Thảo luận	10	0	
4	Kiểm tra, đánh giá	02	0	
Tổng		55	0	95

- Loại học phần: Tự chọn

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn TDDT Chuyên ngành; Khoa TDDT

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Trần Thị Tú	0986 703 726	tutt@tnue.edu.vn
2	Ths. Nguyễn Thị Hà	0979 646 255	Hantphy.@tnue.edu.vn
3	TS. Ma Đức Tuấn	0972139915	tuanmd@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

3.1. Về kiến thức

CO1: Hiểu được cấu trúc và tính chất của các hợp chất hóa học tham gia cấu tạo cơ thể con người.

CO2: Trình bày được những kiến thức cơ bản về các quá trình biến đổi sinh học khác nhau trong cơ thể con người

CO3: Phân tích được đặc điểm của những biến đổi sinh hóa trong quá trình hoạt động cơ, những quy luật sinh hóa trong huấn luyện thể thao và các phương pháp kiểm tra về mặt sinh hóa trong thể thao.

3.2. Về kỹ năng

CO4: Vận dụng được các kiến thức cơ bản và cốt lõi của môn học trong quá trình dạy học giáo dục thể chất và nghiên cứu về Y – sinh học trong lĩnh vực thể dục thể thao.

CO5: Hình thành kỹ năng giao tiếp, hỗ trợ bạn học trong quá trình nghiên cứu và học tập.

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

CO6: Nâng cao năng lực tự học, tự nghiên cứu, năng lực giải quyết vấn đề, hợp tác trong công việc, tiếp tục học tập nâng cao trình độ.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOS)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
Kiến thức			

CLO4			x	x										
CLO5			x	x										
CLO6											x			
CLO7											x			
CLO8											x			
CLO9					x									
CLO10														x
MĐG	0	0	3	3	1	0	0	0	0	0	2	0	0	1

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Sinh hóa học Thể dục thể thao là môn khoa học cung cấp cho người học những hiểu biết về thành phần các chất trong cơ thể sống và sự chuyển hóa các chất trong cơ thể, bên cạnh đó còn trang bị cho người học các quy luật sinh hóa của quá trình phát triển thể thât và huấn luyện thể thao. Môn học phản ánh một cách chung nhất những phản ứng sinh hóa diễn ra tại các cơ quan, các mô của cơ thể. Thông qua môn học giúp người học ứng dụng rộng rãi kiến thức của môn học trong quá trình dạy học môn Giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu theo hướng dẫn của giảng viên
- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên
- Seminar/thảo luận: Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm theo nội dung yêu cầu của giáo viên và nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước lớp.
- Hoàn thành 01 bài kiểm tra định kỳ.
- Hoàn thành các nhiệm vụ/sản phẩm tự học cần nộp.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
----	-----------	-------------------	------------------	-------------------	------------

Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-11
2	A2. Bài tập cá nhân	10	02	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1,2,4,6,7
3	A3. Thảo luận	10	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO3,9
4	A4. Bài kiểm tra định kì 1	10	01	Đáp án và thang điểm	CLO1,2,3,6
5	A5. Bài kiểm tra định kì 2	10	01	Đáp án và thang điểm	CLO4,5,7,8
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
5	A6. Tự luận	50	01	Theo đáp án và thang điểm	CLO1-11

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện đáp ứng dưới 25% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện đạt 50 – 60% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện đạt 60 – 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thực hiện đạt từ 80% nhiệm vụ học tập được giao trở lên.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80% - 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết

Bài tập cá nhân (10%)					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0 đến < 1	1 đến<1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện 50 – 60% nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện 60 – 80% nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện 80 - 100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến < 1	1 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến< 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng
Thảo luận (10%)					

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4	0 đến <2	2 đến< 2,4	2,4 đến < 3,2	3,2 đến 4
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến < 1	1 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
Trình bày báo cáo rõ ràng	2	0 đến < 1	1 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Trình bày báo cáo không rõ ràng	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng nhưng chưa khoa học	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng, khoa học	Trình bày báo cáo rõ ràng, khoa học, tự tin
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1	0 đến< 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không tương tác bằng mắt và cử chỉ	Ít tương tác bằng mắt và cử chỉ	Có tương tác bằng mắt và cử chỉ	Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1	0 đến <0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Nhóm phối hợp không tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tương đối tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tương đối tốt, có chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời
Bài kiểm tra định kỳ (20%)					

Theo đáp án, thang điểm của giáo viên
Thi kết thúc học phần (50%)
Theo đáp án, thang điểm

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Trần Thị Tú, Nguyễn Thị Hà (2022)., Giáo trình sinh hóa học TDTT (Giáo trình nội bộ). Thư viện trường ĐHSP - ĐHTN.

[2]. GS.TS. V.V. Mensicop, PGS.PTS. N.I. Volcop chủ biên (1997), Sinh hóa học TDTT. Nxb TDTT, Hà Nội. Thư viện trường ĐHSP – ĐHTN.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[3]. Vũ Chung Thủy (2013), Giáo trình Sinh hóa Thể dục thể thao, Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội. Thư viện Trường ĐHSP Thái Nguyên.

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của Chương 1
LLO1	Trình bày được những kiến thức cơ bản về sinh hóa học, thành phần hóa học trong cơ thể sống, sự trao đổi chất, chuyển hóa năng lượng.
LLO2	Mô tả được đặc điểm tính chất, cấu tạo và vai trò các chất tham gia cấu tạo cơ thể sống.
LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương 2
LLO3	Trình bày được những đặc điểm cơ bản của carbohydrate.
LLO4	Khái quát được quá trình chuyển hóa carbohydrate.
LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương 3
LLO5	Trình bày được những đặc điểm cơ bản của Lipit .
LLO6	Giải thích được sự chuyển hóa của lipit, sự tổng hợp của lipit trong quá trình hoạt động cơ.
LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương 4
LLO7	Trình bày được những đặc điểm cơ bản của Protein.
LLO8	Giải thích được sự chuyển hóa của protein trong cơ thể, sự tổng hợp của protein.
LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 5

LLO9	Trình bày được những đặc điểm cơ bản của vitamin, hormone, enzyme.
LLO10	Giải thích được vai trò của hormone đối với quá trình chuyển hóa, nguyên tắc hoạt động của hormone, vai trò sinh học của enzyme.
LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 6
LLO11	Trình bày được những đặc điểm cơ bản của sinh hóa TDDT
LLO12	Mô tả được cấu trúc, chức năng cơ, thành phần hóa học của cơ, cơ chế sinh hóa của cơ.
LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 7
LLO13	Mô tả được các nguồn tạo năng lượng khi hoạt động cơ
LLO14	Trình bày được các phương thức tái tổng hợp ATP trong hệ cơ xương, phương thức tái tổng hợp ATP trong các bài tập có công suất và thời gian khác nhau.
LLO15	Hình thành kỹ năng giao tiếp, hỗ trợ bạn học trong quá trình nghiên cứu và học tập.
LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 8
LLO16	Mô tả được diễn biến sinh hóa trong hoạt động cơ
LLO17	Giải thích được diễn biến sinh hóa trong trạng thái mệt mỏi và trong giai đoạn hồi phục
LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 9
LLO18	Trình bày được cơ sở sinh hóa của các tổ chất sức mạnh – tốc độ, sức bền và các phương pháp phát triển chúng.
LLO19	Phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu, năng lực giải quyết vấn đề, hợp tác trong hoạt động học tập và nghiên cứu; tiếp tục học tập nâng cao trình độ.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)									
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
LLO1	x					x				
LLO2	x									
LLO3			x							
LLO4			x							
LLO5			x							

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)									
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
LLO6			x							
LLO7			x							
LLO8			x							
LLO9			x							
LLO10			x							
LLO11					x					
LLO12					x					
LLO13				x						
LLO14				x						
LLO15									x	
LLO16				x						
LLO17							x			
LLO18					x			x		
LLO19										x

10. 3. Nội dung chi tiết của học phần

Bài 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ SINH HÓA HỌC, TRAO ĐỔI CHẤT VÀ CHUYỂN HÓA NĂNG LƯỢNG				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
CLO1, CLO9 CLO1 1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (9 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (4 tiết) 1. 1.1. Đại cương về sinh hóa học 1.2. Thành phần hóa học của cơ thể sống 1.3. Sự trao đổi chất	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Giải quyết vấn đề. - dạy học hợp tác	A1; A6	[1] Chương 1

	1.3. Chuyển hóa năng lượng			
	* Nội dung bài tập: 5 tiết Chứng minh con đường hữu hiệu điều hòa quá trình trao đổi chất bên trong cơ thể.	SV làm bài tập và nộp lại sản phẩm cho GV	A1 A2	
	B. Nội dung tự học: (20 tiết) - Nghiên cứu về thành phần cấu tạo, chức năng và biến đổi các thành phần hóa học trong cơ thể người trong tài liệu để hoàn thành bài tập được giao và trao đổi, thảo luận. - Đọc trước bài 2 trong tài liệu học tập.	HV Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu của giảng viên	A1	
Bài 2. CARBOHYDRATE VÀ CHUYỂN HÓA CARBOHYDRATE				
CLO2, CLO3, CLO7, CLO9, CLO1 1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (3 tiết) 2.1. Đại cương về carbohydrate 2.2. Chuyển hóa carbohydrate	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Giải quyết vấn đề. - dạy học hợp tác	A1; A6	[1] Chương 2 [2] Chương II
	* Nội dung thảo luận: 3 tiết Quá trình chuyển hóa carbohydrate trong hoạt động thể thao.	Thảo luận nhóm sau đó đại diện 1 nhóm báo cáo Sp	A1 A3	
	B. Nội dung tự học: (10 tiết) - Nghiên cứu về Quá trình Chuyển hóa carbohydrate để cùng trao đổi, thảo luận nhóm và hoàn thành bài tập được giao. - Đọc trước bài 3 trong tài liệu	Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu của giảng viên.	A1	
Bài 3. LIPID VÀ CHUYỂN HÓA LIPID				

CLO4 – CLO1 1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (5 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (3 tiết) 3.1. Đại cương về lipid 3.2. Chuyển hóa lipid trong cơ thể	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Giải quyết vấn đề. - dạy học hợp tác	A1; A6	[1] Chương 3 [2] Chương 3,4,5
	* Nội dung thảo luận: 2 tiết Quá trình Chuyển hóa lipid trong cơ thể	Thảo luận nhóm sau đó đại diện 1 nhóm báo cáo Sp	A1 A3	
	B. Nội dung tự học: (10 tiết) - Nghiên cứu kỹ nội dung Quá trình Chuyển hóa lipid trong cơ thể để cùng trao đổi, thảo luận nhóm và hoàn thành bài tập được giao. - Đọc trước bài 4	Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu của giảng viên.	A1;	
Bài 4. PROTEIN VÀ CHUYỂN HÓA PROTEIN				
	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (4 tiết) 4.1. Đại cương về protein 4.2. Chuyển hóa Protein trong cơ thể 4.3. Tổng hợp protein	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Giải quyết vấn đề. - dạy học hợp tác	A1; A6	[1] Chương 4 [2] Chương 11,12,13
	* Nội dung thảo luận: 2 tiết Quá trình Chuyển hóa Protein trong cơ thể khi hoạt động thể thao	Thảo luận nhóm sau đó đại diện 1 nhóm báo cáo Sp	A3	

	B. Nội dung tự học: (10 tiết) - Nghiên cứu kỹ nội dung Quá trình Chuyển hóa Protein trong cơ thể để cùng trao đổi, thảo luận nhóm và hoàn thành bài tập được giao. - Đọc trước bài 5	Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu của giảng viên.	A1	
Bài 5. VITAMIN, HORMONE VÀ ENZYME				
	A. Nội dung thực hiện trên lớp (8tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (4 tiết) 5.1. Khái quát về vitamin 5.2. Khái quát về hormone 5.3. Khái quát về enzyme	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Giải quyết vấn đề. - dạy học hợp tác	A1; A6	[1] Chương 5 [2] Chương 14,15
	* Nội dung thảo luận: 3 tiết Quá trình hấp thụ, chuyển hóa vitamin, hormone, enzyme trong cơ thể.	Thảo luận nhóm sau đó đại diện 1 nhóm báo cáo Sp	A3	
	* Kiểm tra điều kiện 1: (1 tiết)	Sinh viên thực hiện bài kiểm tra viết 50 phút	A4	
	B. Nội dung tự học: (10 tiết) - Nghiên cứu kỹ nội dung Quá trình hấp thụ, chuyển hóa vi ta min, hormone, enzyme để cùng trao đổi, thảo luận nhóm và hoàn thành bài tập được giao. - Đọc trước bài 6	Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu của giảng viên.	A1	
Bài 6. KHÁI QUÁT VỀ SINH HÓA THỂ DỤC THỂ THAO, SINH HÓA CƠ VÀ SỰ CO CƠ				

	A. Nội dung thực hiện trên lớp (4 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (4 tiết) 6.1. Khái quát về sinh hóa thể dục thể thao 6.2. Cấu trúc, chức năng cơ 6.3. Thành phần hóa học của cơ xương 6.4. Các loại sợi cơ xương 6.5. Cơ chế sinh hóa của sự co cơ	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Giải quyết vấn đề. - dạy học hợp tác	A1; A6	[1] Chương 6 [2] Chương 16
	B. Nội dung tự học: (5 tiết) - Nghiên cứu kỹ nội dung Quá trình hấp thụ, chuyển hóa vi ta min, hormone, enzyme để cùng trao đổi, thảo luận nhóm và hoàn thành bài tập được giao. - Đọc trước chương 7	Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu của giảng viên.	A1	
Bài 7. QUÁ TRÌNH TẠO NĂNG LƯỢNG KHI HOẠT ĐỘNG CƠ				
	A. Nội dung thực hiện trên lớp (4 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (4 tiết) 7.1. Các nguồn năng lượng cho hoạt động cơ 7.2. Các phương thức tái tổng hợp ATP trong hệ cơ xương 7.3. Tỷ lệ cung cấp năng lượng từ các phương thức tái tổng hợp ATP trong các bài tập có công suất và thời gian khác nhau	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Giải quyết vấn đề. - dạy học hợp tác	A1; A6	[1] Chương 7 [2] Chương 18,19
	B. Nội dung tự học: (5 tiết) - Nghiên cứu kỹ nội dung Các nguồn năng lượng cho hoạt động cơ để cùng trao đổi, thảo luận nhóm và hoàn thành bài tập được giao. - Đọc trước bài 8	Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo	A1	

		yêu cầu của giảng viên.		
Bài 8. DIỄN BIẾN QUÁ TRÌNH SINH HÓA TRONG HOẠT ĐỘNG CƠ VÀ TRONG TRẠNG THÁI MỆT MỎI, HỒI PHỤC				
	A. Nội dung thực hiện trên lớp (8 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (3 tiết) 8.1. Diễn biến quá trình sinh hóa trong hoạt động cơ 8.2. Diễn biến sinh hóa trong trạng thái mệt mỏi 8.3. Diễn biến sinh hóa trong giai đoạn hồi phục	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Giải quyết vấn đề. - dạy học hợp tác	A1; A6	[1] Chương 8 [2] Chương 20,21,22
	* Nội dung bài tập: 5 tiết Xây dựng chế độ luyện tập của cá nhân trong trạng thái khi mệt mỏi và giai đoạn phục.	SV làm bài tập và nộp lại sản phẩm cho GV	A2	
	B. Nội dung tự học: (15 tiết) - Nghiên cứu kỹ nội dung Diễn biến sinh hóa trong trạng thái mệt mỏi để cùng trao đổi, thảo luận nhóm và hoàn thành bài tập được giao.	Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu của giảng viên.	A1	
Bài 9. CƠ SỞ SINH HÓA CỦA CÁC TỔ CHẤT THỂ LỰC VÀ PHƯƠNG PHÁP PHÁT TRIỂN CHÚNG				
	A. Nội dung thực hiện trên lớp (5 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (4 tiết) 9.1. Cơ sở sinh hóa của tổ chất sức mạnh – tố độ và phương pháp phát triển chúng 9.2. Cơ sở sinh hóa của tổ chất sức bền và phương pháp phát triển chúng	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Giải quyết vấn đề.	A1; A6	

	* Kiểm tra điều kiện 2: (1 tiết)	Sinh viên thực hiện bài kiểm tra viết 50 phút	A5	
	B. Nội dung tự học: (10 tiết) - Nghiên cứu tổng hợp các kiến thức đã học.	Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu của giảng viên.		

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: Phòng học có đảm bảo đủ các điều kiện về vệ sinh, ánh sáng, âm thanh, bàn ghế phục vụ cho hoạt động dạy học.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Loa – mic, Máy chiếu.
- Điều kiện khác: Không

8.18. Sinh cơ học Thể dục thể thao

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	33		95
2	Thực hành	10		
3	Thảo luận	10		
4	Kiểm tra, đánh giá	02		
Tổng		55		95

- Loại học phần: Tự chọn
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn TDDT Chuyên ngành; Khoa TDDT

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Võ Xuân Thủy	0963 810 833	thuyvx@tnue.edu.vn
2	TS. Đào Thị Hoa Quỳnh	0379 280 985	quynhdth@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

3.1. Về kiến thức

CO1: Trang bị những kiến thức chung về Sinh cơ học Thể dục Thể thao cho người học

CO2: Hiểu được cơ sở sinh cơ học của một số môn thể thao.

3.2. Về kỹ năng

CO3: Phân tích được đặc điểm về sinh cơ học một số động tác trong thể thao.

CO4: Vận dụng được các kiến thức cơ bản và cốt lõi của môn học trong quá trình học tập, giảng dạy.

CO5: Hình thành kỹ năng giao tiếp, hỗ trợ bạn học và đồng nghiệp trong quá trình nghiên cứu và giáo dục.

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

CO6: Nâng cao năng lực tự học, tự nghiên cứu; năng lực giải quyết vấn đề, hợp tác trong công việc; tiếp tục học tập nâng cao trình độ.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOS)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
CO1	CLO1	Trình bày được các kiến thức chung về Sinh cơ học Thể dục Thể thao (Khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ, nội dung và vận dụng trong công tác GDTC).	PLO3,4
	CLO2	Giải thích được những cơ sở chương trình hóa việc dạy kỹ thuật và chiến thuật vận động	PLO3,4
CO2	CLO3	Giải thích được cơ sở sinh cơ của một số môn thể thao	PLO3,4
Kỹ năng			

CLO10														x
MĐG	0	0	2	2	1	0	0	2	1	0	0	0	0	1

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Sinh cơ học Thể dục thể thao góp phần trang bị cho người học mối liên hệ giữa khoa học vận động của các bộ phận cơ thể con người với kiến thức động lực học, nhằm mục đích tối ưu hóa kỹ thuật thực hiện động tác trong quá trình tập luyện, thi đấu và lao động sản xuất. Từ đó giúp người học ứng dụng rộng rãi kiến thức của môn học trong quá trình giảng dạy môn Giáo dục thể chất, nghiên cứu và huấn luyện thể thao.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hành: Hoàn thành 01 bài thực hành trước lớp theo yêu cầu của giảng viên.
- Thảo luận: Hoàn thành 03 bài thảo luận nhóm theo nội dung yêu cầu và nộp sản phẩm theo quy định của giảng viên; trình bày báo cáo trước lớp.
- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ.
- Hoàn thành các nhiệm vụ/sản phẩm tự học cần nộp.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-10
2	A2. Thực hành	10	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO1-9

3	A3. Thảo luận	10	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO1-10
4	A4. Bài kiểm tra định kì 1	10	01	Đáp án và thang điểm	CLO1-9
5	A5. Bài kiểm tra định kì 2	10	01	Đáp án và thang điểm	CLO1-9
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A6. Bài tập lớn	50	01	Rubric đánh giá bài tập lớn	CLO1-10

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện đáp ứng dưới 25% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện đạt 50 – 60% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện đạt 60 – 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thực hiện đạt từ 80% nhiệm vụ học tập được giao trở lên.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80% - 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài thực hành cá nhân (10%)					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
	2	0 đến < 1	1 đến<1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2

Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện 50 – 60% nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện 60 – 80% nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện 80 - 100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Bài thực hành đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Bài thực hành chưa đáp ứng yêu cầu	Bài thực hành đáp ứng yêu cầu	Bài thực hành đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Bài thực hành đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến < 1	1 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
Tác phong, lời nói khi thực hiện bài thực hành cá nhân	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Tác phong chậm; lời nói chưa rõ ràng, mạch lạc	Tác phong nhanh nhẹn; lời nói chưa rõ ràng, mạch lạc	Tác phong chậm; lời nói rõ ràng, mạch lạc	Tác phong nhanh nhẹn; lời nói rõ ràng, mạch lạc
Thảo luận (10%)					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4	0 đến < 2	2 đến < 2,4	2,4 đến < 3,2	3,2 đến 4
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu

Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến < 1	1 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
Trình bày báo cáo rõ ràng	2	0 đến < 1	1 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Trình bày báo cáo không rõ ràng	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng nhưng chưa khoa học	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng, khoa học	Trình bày báo cáo rõ ràng, khoa học, tự tin
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1	0 đến< 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không tương tác bằng mắt và cử chỉ	Ít tương tác bằng mắt và cử chỉ	Có tương tác bằng mắt và cử chỉ	Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1	0 đến <0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Nhóm phối hợp không tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tương đối tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tương đối tốt, có chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời
Bài kiểm tra định kỳ (20%)					
Theo đáp án, thang điểm của giảng viên					
Thi kết thúc học phần (50%)					
Đáp án và thang điểm của Trường					

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Nguyễn Đình Minh Quý, Bùi Quang Hải (2013), Giáo trình sinh cơ học thể dục thể thao, Nxb Thể dục thể thao Hà Nội. Thư viện Trường ĐH Sư phạm – ĐH Thái Nguyên.

[2]. V.L.UTKIN, PTS.Lê Quý Phụng, BS. Vũ Chung Thủy, BS. Phạm Xuân Ngà dịch (1996), Sinh cơ học thể dục thể thao, Nxb Thể dục thể thao Hà Nội. Thư viện Trường ĐH Sư phạm – ĐH Thái Nguyên.

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 1
LLO1	Trình bày được khái niệm, vai trò, đối tượng, nhiệm vụ và nội dung của Sinh cơ học Thể dục Thể thao
LLO2	Trình bày được việc sử dụng các cơ sở sinh cơ học trong công tác giáo dục thể chất
LLO3	Giải thích được cơ sở của sinh cơ học trong quá trình thực hiện/ giảng dạy kỹ thuật động tác thể thao
LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 2
LLO4	Giải thích được cơ sở sinh cơ của các môn thể thao: Đi bộ, Chạy, Nhảy cao, Nhảy xa, Bóng rổ, Bóng đá, Vật.
LLO5	Phân biệt được hoạt động đi bộ và chạy dựa trên cơ sở Sinh cơ học
LLO6	Thực hành và phân tích được kỹ thuật nhảy cao, nhảy xa dựa trên cơ sở kiến thức Sinh cơ học.
LLO7	Bày tỏ được khả năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm trong hoạt động thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm.
LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 3
LLO8	Phân tích được đặc điểm về sinh cơ học của các động tác đánh, đập, ném bóng và các động tác trên không
LLO9	Xác định được chuyển động trên không trong nhảy cao và nhảy xa có ảnh hưởng như thế nào đến hiệu quả của lần nhảy đó
LLO10	Thực hành và phân tích được diễn biến của hoạt động đi bộ và chạy
LLO11	Phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu, năng lực giải quyết vấn đề, hợp tác trong hoạt động học tập và nghiên cứu; tiếp tục học tập nâng cao trình độ.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)									
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
LLO1	x									x
LLO2		x								x
LLO3		x							x	x
LLO4			x							x
LLO5			x						x	x
LLO6							x	x		x
LLO7									x	x
LLO8				x						
LLO9								x	x	
LLO10				x			x			x
LLO11										x

10.3. Nội dung chi tiết của học phần

Bài 1. Giới thiệu về môn học Sinh cơ				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
CLO1, CLO2, CLO1 0	A. Nội dung thực hiện trên lớp (9 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết (5 tiết) 1. Khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ và nội dung của Sinh cơ. 2. Sử dụng các cơ sở sinh cơ học trong công tác giáo dục thể chất * Nội dung thảo luận (2 tiết)	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. Thảo luận nhóm, đại diện nhóm báo cáo sản phẩm	A1, A6 A1	[1] Chương 1 [2] Chương 6

	Cơ sở của sinh cơ học trong quá trình thực hiện/ giảng dạy kĩ thuật động tác thể thao * Nội dung thực hành (2 tiết) Vận dụng kiến thức sinh cơ học vào quá trình giảng dạy kĩ thuật động tác trong một môn thể thao cụ thể	SV nghe hướng dẫn, chuẩn bị bài tại nhà và báo cáo kết quả kèm thực hành tại lớp	A1	[1] Chương 1
	B. Nội dung tự học (12 tiết) - Lịch sử phát triển Sinh cơ học - Vai trò của Sinh cơ học trong công tác Giáo dục thể chất và Huấn luyện thể thao.	SV chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học, hoàn thành minh chứng theo yêu cầu của GV	A1	
Bài 2. Sinh cơ học một số môn thể thao				
	A. Nội dung thực hiện trên lớp (23 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết (14 tiết) 1. Đi bộ 2. Chạy 3. Nhảy cao 4. Nhảy xa 5. Bóng rổ 6. Bóng đá 7. Vật * Nội dung thảo luận (4 tiết) Phân biệt hoạt động đi bộ và chạy dựa trên cơ sở Sinh cơ học	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1, A6	[1] Chương 7
		Thảo luận nhóm, thành viên báo cáo nội dung	A1	
		SV nghe hướng dẫn,	A1,	

	* Nội dung thực hành (4 tiết) Thực hành và phân tích kỹ thuật nhảy cao, nhảy xa dựa trên cơ sở kiến thức Sinh cơ học.	chuẩn bị bài tại nhà và báo cáo kết quả kèm thực hành tại lớp	A2	
	Bài kiểm tra định kỳ 1 (1 tiết)	Kiểm tra viết	A4	
	B. Nội dung tự học (39 tiết) - Tìm hiểu về mô men quay trong hoạt động nhảy cao - Tìm hiểu về: Công thức tính cự ly bay trên không; Vận tốc chạy đà và kỹ thuật giậm nhảy trong nhảy xa.	GV giao nhiệm vụ, hướng dẫn SV đọc tài liệu. SV chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học, hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu của GV	A1	
Bài 3. Phân tích sinh cơ học một số động tác trong thể thao				
CLO4 – CLO10	A. Nội dung thực hiện trên lớp (21 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết (14 tiết) 1. Các động tác đánh, đập, ném bóng 1.1. Chuẩn bị thực hiện động tác 1.2. Thực hiện động tác 1.3. Kết thúc động tác 2. Các động tác trên không 2.1. Chuyển động của trọng tâm cơ thể 2.2. Xoay người trong khi bay 2.3. Nhào lộn 2.4. Xoay theo trục dọc 2.5. Kiểm soát cơ thể trên không	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1, A6	[1] Chương 8

	* Nội dung thảo luận (4 tiết)	Thảo luận nhóm, đại diện nhóm báo cáo	A1, A3	
	Chuyển động trên không trong nhảy cao và nhảy xa có ảnh hưởng như thế nào đến hiệu quả của lần nhảy đó?	SV nghe hướng dẫn, chuẩn bị bài tại nhà và báo cáo kết quả kèm thực hành tại lớp	A1	
	* Nội dung thực hành (4 tiết)	Kiểm tra viết	A5	
	Thực hành và phân tích diễn biến của hoạt động đi bộ và chạy			
	Bài kiểm tra định kỳ 2 (1 tiết)			
	B. Nội dung tự học (44 tiết)	GV giao nhiệm vụ, hướng dẫn SV đọc tài liệu. SV chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học, hoàn thành minh chứng theo yêu cầu của GV	A1	
	Phân tích diễn biến hoạt động của các bộ phận cơ thể khi thực hiện động tác kỹ thuật trong môn Bóng rổ, Bóng đá			

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: Phòng học có đảm bảo đủ các điều kiện về vệ sinh, ánh sáng, âm thanh, bàn ghế phục vụ cho hoạt động dạy học.

- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu.

- Điều kiện khác: Không

8.19. Dinh dưỡng thể thao

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3

Tổng số giờ quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	31	0	55
2	Bài tập	10	0	40

3	Thực hành	0	0	
4	Thảo luận	10	0	
5	Thực tế chuyên môn	0		
6	Kiểm tra, đánh giá	4	0	
Tổng		55	0	95

- Loại học phần: Tự chọn
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Khoa TDDT

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Đỗ Ngọc Cương	0914456163	cuongdn@tnue.edu.vn
2	TS. Võ Xuân Thủy	0963810833	thuyvx@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của chuyên đề (CO)

3.1 Kiến thức

CO1: Có kiến thức cơ bản về dinh dưỡng, các chất dinh dưỡng, nhu cầu dinh dưỡng và đặc điểm an toàn của thực phẩm.

CO2: Có kiến thức về đặc điểm dinh dưỡng vận động viên thể thao; Đặc điểm dinh dưỡng tuổi nhi đồng, thiếu niên.

3.2 Về kỹ năng

CO3: Có năng lực xác định nhu cầu dinh dưỡng và tính chất an toàn của các loại thực phẩm cơ bản.

CO4: Có năng lực xác định chế độ dinh dưỡng đối với một số môn thể thao và nhu cầu dinh dưỡng của tuổi nhi đồng, thiếu niên và lứa tuổi lao động.

3.3 Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO5: Vận dụng được những kiến thức và kỹ năng về dinh dưỡng thể thao và sức khỏe vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Nhận biết về trao đổi chất, chuyển hóa chất, các chất dinh dưỡng, nhu cầu dinh dưỡng và đặc điểm an toàn của thực phẩm.	PLO 2,3
CO2	CLO2	Xác định được đặc điểm dinh dưỡng vận động viên thể thao; Đặc điểm dinh dưỡng tuổi nhi đồng, thiếu niên và lứa tuổi lao động.	PLO 2, 3
	Kỹ năng		
CO3	CLO3	Xác định nhu cầu dinh dưỡng và tính chất an toàn của các loại thực phẩm cơ bản.	PLO 3, 4, 11
CO4	CLO4	Xác định được chế độ dinh dưỡng đối với một số môn thể thao và nhu cầu dinh dưỡng của tuổi nhi đồng, thiếu niên và lứa tuổi lao động.	PLO 3, 4, 11
	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CO5	CLO5	Vận dụng được những kiến thức và kỹ năng về dinh dưỡng thể thao vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.	PLO 14

5. Mức đóng góp (MDG) của chuyên đề cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)													
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
CLO1		x	x											
CLO2		x	x											
CLO3			x	x							x			
CLO4			X	x							x			
CLO5														x
MDG	0	1	3	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	1

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Dinh dưỡng thể thao trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các chất dinh dưỡng, nhu cầu dinh dưỡng, đặc điểm dinh dưỡng vận động viên; Giá trị dinh dưỡng và đặc điểm an toàn thực phẩm; Đặc điểm dinh dưỡng của tuổi nhi đồng, thiếu niên và lứa tuổi lao động. Những kiến thức và kỹ năng này có thể vận dụng vào công

tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học và quản lý chuyên môn về Thể dục thể thao tại cơ sở.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Dự đầy đủ giờ giảng; thực hiện đúng các yêu cầu của giảng viên
- Hoàn thành và nộp 01 báo cáo chuyên đề (theo mẫu chung).

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-5
2	A2. Bài tập cá nhân	10	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 1-2
3	A3. Thảo luận	10	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO 3
4	A4. Bài kiểm tra định kỳ số 1	10	01	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CLO 3
5	A5. Bài kiểm tra định kỳ số 2	10	01	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CLO 5
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Viết	50	01	Theo đáp án đề thi và thang điểm đề thi kết thúc học phần	CLO 1-5

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0

chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân (10%)					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50 – 60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 60 – 80% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80 - 100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
	2	0 đến < 1	1 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2

Lập luận có căn cứ khoa học và logic		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1	0đến< 0,5	0,5 đến<0,6	0,6đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo
Thảo luận (10%)					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4	0đến<2	2 đến< 2,4	2,4 đến< 3,2	3,2 đến 4
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1	0 đến< 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến< 0,8	0,8 đến 1
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Trình bày báo cáo rõ ràng	2	0 đến < 1	1 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Trình bày báo cáo không rõ ràng	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng nhưng chưa khoa học	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng, khoa học	Trình bày báo cáo rõ ràng, khoa học, tự tin
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1	0đến< 0,5	0,5 đến<0,6	0,6đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không tương tác bằng mắt và cử chỉ	Ít tương tác bằng mắt và cử chỉ	Có tương tác bằng mắt và cử chỉ	Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt
	1	0 đến< 0,5	0,5 đến<0,6	0,6 đến< 0,8	0,8 đến 1

Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng		Không trả lời câu hỏi đầy đủ	Trả lời câu hỏi đầy đủ nhưng chưa thỏa đáng	Trả lời câu hỏi đầy đủ, tương đối thỏa đáng	Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng
		0 đến <0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1	Nhóm phối hợp không tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tương đối tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tương đối tốt, có chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời
Bài kiểm tra định kỳ (20%)					
Theo đáp án, thang điểm của giáo viên					
Thi kết thúc học phần (50%)					
Theo đáp án, thang điểm của trường					

9. Học liệu học tập

[1]. Lê Hữu Hưng, (2008), Dinh dưỡng thể thao và sức khỏe, NXB Thể dục thể thao. Thư viện Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên.

10. Nội dung chi tiết của học phần

1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ DINH DƯỠNG		
CLOs	Nội dung	Học liệu
CLO1, CLO5	Lý thuyết (7 tiết) Trao đổi chất và năng lượng cho hoạt động thể lực; Chuyển hóa chất và chuyển hóa năng lượng; Năng lượng của hoạt động cơ;	[1] chương 1
	Bài tập (3 tiết): Đặc điểm tiêu hóa trong hoạt động thể lực; Bữa ăn hợp lý đảm bảo nhu cầu dinh dưỡng.	[1] chương 1
	Nội dung tự học: (19 tiết) Nghiên cứu trước tài liệu để làm bài tập và thảo luận trên lớp.	[1] chương 1
2. CÁC CHẤT DINH DƯỠNG VÀ NHU CẦU DINH DƯỠNG		

CLO1, CLO5	Lý thuyết (6 tiết) Phân loại, tác dụng, nguồn cung cấp các chất dinh dưỡng, vitamin và khoáng chất; Năng lượng; Nhu cầu các chất dinh dưỡng và vitamin.	[1] chương 2, 3
	Bài tập (3 tiết): Tính cơ cấu, khẩu phần của bữa ăn.	[1] chương 2, 3
	Nội dung tự học: (19 tiết) Nghiên cứu trước tài liệu để làm bài tập và thảo luận trên lớp.	[1] chương 2, 3
3. CHẾ ĐỘ DINH DƯỠNG ĐỐI VỚI MỘT SỐ MÔN THỂ THAO		
CLO2, CLO4, CLO5	Lý thuyết (6 tiết) Đặc điểm dinh dưỡng vận động viên; Chế độ dinh dưỡng đối với một số môn thể thao.	[1] chương 4, 5
	Bài tập (4 tiết): Đặc điểm chế độ dinh dưỡng đối với các hoạt động thể thao với thời gian ngắn, thời gian trung bình và thời gian dài;	[1] chương 4, 5
	Nội dung tự học: (19 tiết) Nghiên cứu trước tài liệu để làm bài tập và thảo luận trên lớp.	[1] chương 4, 5
4. GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG VÀ ĐẶC ĐIỂM AN TOÀN CỦA THỰC PHẨM		
CLO1 CLO3, CLO5	Lý thuyết (6 tiết) Giá trị dinh dưỡng và tính chất an toàn của các loại thực phẩm cơ bản (thịt, cá, sữa, trứng, ngũ cốc).	[1] chương 7
	Thảo luận (5 tiết): Xây dựng bảng xác định giá trị dinh dưỡng tính chất an toàn của thịt, cá, sữa, trứng, ngũ cốc.	[1] chương 7
	Nội dung tự học: (19 tiết) Nghiên cứu trước tài liệu để làm bài tập và thảo luận trên lớp.	[1] chương 7
5. ĐẶC ĐIỂM DINH DƯỠNG CỦA CÁC LỨA TUỔI		
CLO2, CLO4, CLO5	Lý thuyết (6 tiết) Đặc điểm nhu cầu dinh dưỡng lứa tuổi nhi đồng, thiếu niên; Dinh dưỡng và lao động thể lực; Dinh dưỡng và lao động trí óc; Đặc điểm dinh dưỡng của người cao tuổi.	[1] chương 9, 10, 11
	Thảo luận (5 tiết): Xác định nhu cầu dinh dưỡng của lứa tuổi nhi đồng, thiếu niên, tuổi lao động và người cao tuổi;	[1] chương 9, 10, 11
	Nội dung tự học: (19 tiết) Nghiên cứu trước tài liệu để làm bài tập và thảo luận trên lớp.	[1] chương 9, 10, 11

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: Phòng học có máy chiếu và kết nối internet.

8.20. Tuyển chọn VĐV

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3

Tổng số giờ quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	31	0	55
2	Bài tập	10	0	40
3	Thực hành	0	0	
4	Thảo luận	10	0	
5	Thực tế chuyên môn	0		
6	Kiểm tra, đánh giá	4	0	
Tổng		55	0	95

- Loại học phần: Tự chọn

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Khoa TDDT

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Đỗ Ngọc Cương	0914456163	cuongdn@tnue.edu.vn
2	TS. Đào Thị Hoa Quỳnh	0963246683	quynhdth@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

3.1 Kiến thức

CO1: Có kiến thức về quan điểm, khuynh hướng mới, cơ sở khoa học, nguyên tắc và quy trình tuyển chọn vận động viên (VĐV) thể thao;

CO2: Có kiến thức về hệ thống các chỉ tiêu và phương pháp kiểm tra ứng dụng trong tuyển chọn VĐV thể thao;

CLO2		x	x											
CLO3			x	x							x			
CLO4			X	x							x			
CLO5			X	x							x			
CLO6			X	x							x			
CLO7														x
MĐG	0	1	3	3	0	0	0	0	0	0	3	0	0	1

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Tuyển chọn vận động viên trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về quan điểm và khuynh hướng mới, cơ sở khoa học, nguyên tắc và quy trình tuyển chọn VĐV thể thao; Trang bị kỹ năng sử dụng các chỉ tiêu, phương pháp tuyển chọn và đánh giá khả năng VĐV. Những kiến thức và kỹ năng này có thể vận dụng vào công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học và quản lý chuyên môn về Thể dục thể thao tại cơ sở.

7. Nhiệm vụ của học viên

Học viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 80% giờ thảo luận; chuẩn bị cho bài học: chuẩn bị nội dung tự học, đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.
- Bài tập: Hoàn thành các bài tập cá nhân, bài tập thảo luận nhóm.
- Thảo luận: Hoàn thành các nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng viên ở các chương và trình bày trước lớp.
- Hoàn thành 1 bài kiểm tra định kỳ.

8. Đánh giá kết quả học tập của học viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt ĐG	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10	01	Rubric đánh giá	CLO 1-7
2	A2. Bài tập cá nhân	10	01	Rubric đánh giá	CLO 1-7
3	A3. Thảo luận	10	01	Rubric đánh giá	CLO 1-6

4	A4. Bài kiểm tra định kì 1	10	01	Theo đáp án, thang điểm của giáo viên	CLO 2, 3
5	A5. Bài kiểm tra định kì 2	10	01	Theo đáp án, thang điểm của giáo viên	CLO 4,5
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Tự luận	50	01	Theo đáp án, thang điểm của trường	CLO 1-6

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10%)					
Tính chủ động chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện đáp ứng dưới 25% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện đạt 50 – 60% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện đạt 60 – 79% nhiệm vụ học tập được giao..	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia hoạt động;Thực hiện 80% nhiệm vụ học tập trở lên.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80% - 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân (10%)					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
	2	0đến < 1	1 đến<1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2

Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50 – 60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 60 – 80% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80 - 100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến < 1	1 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến< 0,5	0,5 đến<0,6	0,6 đến< 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo
Thảo luận (10%)					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4	0 đến<2	2 đến< 2,4	2,4 đến< 3,2	3,2 đến 4
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1	0 đến< 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến< 0,8	0,8 đến 1
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
	2	0 đến < 1	1 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2

Trình bày báo cáo rõ ràng		Trình bày báo cáo không rõ ràng	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng nhưng chưa khoa học	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng, khoa học	Trình bày báo cáo rõ ràng, khoa học, tự tin
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1	0đến< 0,5	0,5 đến<0,6	0,6đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không tương tác bằng mắt và cử chỉ	Ít tương tác bằng mắt và cử chỉ	Có tương tác bằng mắt và cử chỉ	Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1	0 đến< 0,5	0,5 đến<0,6	0,6 đến< 0,8	0,8 đến 1
		Không trả lời câu hỏi đầy đủ	Trả lời câu hỏi đầy đủ nhưng chưa thỏa đáng	Trả lời câu hỏi đầy đủ, tương đối thỏa đáng	Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1	0 đến<0,5	0,5 đến<0,6	0,6 đến< 0,8	0,8 đến 1
		Nhóm phối hợp không tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tương đối tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tương đối tốt, có chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo	Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời
Bài kiểm tra định kỳ (20%)					
Theo đáp án, thang điểm của giáo viên					
Thi kết thúc học phần (50%)					
Theo đáp án, thang điểm của trường					

9. Học liệu học tập

[1]. Bùi Quang Hải và cộng sự, (2015), Tuyển chọn vận động viên thể thao, NXB Thể dục thể thao. Thư viện Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên.

10. Nội dung chi tiết của học phần

BÀI 1: QUAN ĐIỂM VÀ KHUYNH HƯỚNG MỚI TRONG TUYỂN CHỌN VẬN ĐỘNG VIÊN THỂ THAO			
CLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp	Học liệu

		Dạy học	Đánh giá	
CLO1, CLO7	Lý thuyết (6 tiết) Mục đích, ý nghĩa của tuyển chọn VĐV thể thao; Quan điểm về tuyển chọn, khuynh hướng mới trong tuyển chọn VĐV thể thao.	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1	[1] chương 1
	Bài tập (2 tiết): Các quan điểm về tuyển chọn VĐV thể thao.	Làm bài tập, nộp sản phẩm hoặc báo cáo	A1,A2	[1] chương 1
	Thảo luận: (2 tiết) Khuynh hướng mới trong tuyển chọn VĐV thể thao.	Thảo luận theo nhóm	A1	[1] chương 1
	Nội dung tự học: (20 tiết) Nghiên cứu trước tài liệu để làm bài tập và thảo luận trên lớp.	Tự học, hoàn thành minh chứng	A1	[1] chương 1
BÀI 2: CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA TUYỂN CHỌN VẬN ĐỘNG VIÊN THỂ THAO				
CLO2, CLO7	Lý thuyết (6 tiết) Cơ sở lý luận của tuyển chọn VĐV thể thao; Cơ sở y sinh học của tuyển chọn VĐV thể thao.	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1	[1] chương 2
	Bài tập (2 tiết): Tìm hiểu một số khái niệm liên quan đến tài năng thể thao.	Làm bài tập, nộp sản phẩm hoặc báo cáo	A1, A2	[1] chương 2
	Thảo luận: (2 tiết) Quy luật phát triển thành tích thể thao – cơ sở dự báo thành tích của VĐV.	Thảo luận theo nhóm	A1, A3	[1] chương 2
	Nội dung tự học: (12 tiết) Nghiên cứu trước tài liệu để làm bài tập và thảo luận trên lớp	HV tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu	A1	[1] chương 2
BÀI 3: NGUYÊN TẮC, QUY TRÌNH TUYỂN CHỌN VẬN ĐỘNG VIÊN THỂ THAO				

CLO2, CLO4, CLO7	Lý thuyết (6 tiết) Yêu cầu khi tuyển chọn VĐV; Nguyên tắc trong tuyển chọn VĐV; Quy trình tuyển chọn VĐV trẻ giai đoạn ban đầu.	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1	[1] chương 3
	Bài tập (2 tiết): Tìm hiểu quy trình tuyển chọn VĐV trẻ giai vào trường năng khiếu thể thao	Làm bài tập, nộp sản phẩm hoặc báo cáo	A1, A2	[1] chương 3
	Thảo luận: (2 tiết): Các yêu cầu và nguyên tắc tuyển chọn VĐV thể thao	Thảo luận theo nhóm	A1, A3	[1] chương 3
	Nội dung tự học: (20 tiết) Nghiên cứu trước tài liệu để làm bài tập và thảo luận trên lớp	SV tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu	A1	[1] chương 3
BÀI 4: PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ỨNG DỤNG TRONG TUYỂN CHỌN VẬN ĐỘNG VIÊN THỂ THAO				
CLO3, CLO5, CLO7	Lý thuyết (5 tiết) Hệ thống các chỉ tiêu về hình thái, chức năng, thể lực, kỹ - chiến thuật và tâm lý trong tuyển chọn; phương pháp kiểm tra và đánh giá trực quan trong tuyển chọn.	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1	[1] chương 4
	Bài tập (2 tiết): Tìm hiểu đặc điểm thể hình của vận động viên một số môn thể thao	Làm bài tập, nộp sản phẩm hoặc báo cáo	A1, A2	[1] chương 4
	Thảo luận: (2 tiết) Hệ thống các chỉ tiêu thể lực và kỹ - chiến thuật trong tuyển chọn	Thảo luận theo nhóm	A1, A3	[1] chương 4
	Nội dung tự học: (12 tiết) Nghiên cứu trước tài liệu để làm bài tập và thảo luận trên lớp.	SV tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu	A1, A3	[1] chương 4

CLO1, 2,3,4,5	Bài kiểm tra định kì (2 tiết)	Kiểm tra viết 2 tiết	A4	[1] chương 1,2,3,4
BÀI 5: ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG VẬN ĐỘNG VIÊN VÀ CÁC BƯỚC TRONG TUYỂN CHỌN THỂ THAO				
CLO6, CLO7	Lý thuyết (6 tiết) Phân tích, đánh giá cá thể VĐV và các chỉ tiêu tuyển chọn; Các giai đoạn trong tuyển chọn ban đầu (sơ tuyển, nâng cao – đi sâu, chung tuyển) và giai đoạn tuyển chọn chuyên nghiệp.	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1	[1] chương 5
	Bài tập (2 tiết): Một số vấn đề cần chú ý trong đánh giá tuyển chọn;	Làm bài tập, nộp sản phẩm hoặc báo cáo	A1,	[1] chương 5
	Thảo luận: (2 tiết): Mối liên kết giữa các giai đoạn tuyển chọn.	Thảo luận theo nhóm	A1, A3	[1] chương5
	Nội dung tự học: (12 tiết) Nghiên cứu trước tài liệu để làm bài tập và thảo luận trên lớp.	SV tự học và hoàn thành minh chứng	A1	[1] chương5

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: Phòng học có máy chiếu và kết nối internet.

8.21. Đào tạo VĐV

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3

Tổng số giờ quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	31	0	55
2	Bài tập	10	0	40
3	Thực hành	0	0	

4	Thảo luận	10	0	
5	Thực tế chuyên môn	0		
6	Kiểm tra, đánh giá	4	0	
Tổng		55	0	95

- Loại học phần: Tự chọn
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Khoa TDDT

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Đỗ Ngọc Cương	0914456163	cuongdn@tnue.edu.vn
2	TS. Đào Thị Hoa Quỳnh	0963246683	quynhdth@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

3.1 Kiến thức

CO1: Có kiến thức về cơ sở lý luận của tuyển chọn tài năng thể thao.

CO2: Đánh giá được hệ thống các chỉ tiêu và phương pháp kiểm tra ứng dụng trong tuyển chọn tài năng thể thao

3.2 Về kỹ năng

CO3: Phân tích được hệ thống các chỉ tiêu trong tuyển chọn tài năng thể thao.

CO4: Phân tích được hệ thống test tuyển chọn VĐV các môn thể thao khác nhau.

3.3 Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO5: Vận dụng được những kiến thức và kỹ năng về đào tạo VĐV thể thao vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
		Kiến thức	
CO1	CLO1	Hiểu được cơ sở lý luận của tuyển chọn tài năng thể thao.	PLO2,3

CO2	CLO2	Đánh giá được hệ thống các chỉ tiêu và phương pháp kiểm tra ứng dụng trong tuyển chọn tài năng thể thao	PLO2,3
Kĩ năng			
CO3	CLO3	Phân tích được hệ thống các chỉ tiêu trong tuyển chọn tài năng thể thao.	PLO 3,4,11
CO4	CLO4	Phân tích được hệ thống test tuyển chọn VĐV các môn thể thao khác nhau.	PLO 3,4,11
Mức tự chủ và trách nhiệm			
CO5	CLO5	Vận dụng được kiến thức tuyển chọn VĐV thể thao vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.	PLO 14

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)													
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
CLO1		x	x											
CLO2		x	x											
CLO3			x	x							x			
CLO4			X	x							x			
CLO5			X	x							x			
CLO6			X	x							x			
CLO7														x
MĐG	0	1	3	3	0	0	0	0	0	0	3	0	0	1

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần đào tạo vận động viên trang bị cho người học những vấn đề cơ bản về đào tạo tài năng thể thao, những con đường, hình thức, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng năng khiếu, tài năng ở bậc phổ thông, các phương pháp đánh giá ban đầu về tài năng của đối tượng được tuyển chọn từ đó nâng cao thành tích huấn luyện tài năng thể thao. Ngoài ra môn học giúp cho học viên nắm được các phương pháp nghiên cứu khoa học trong huấn luyện thể thao hiện đại.

7. Nhiệm vụ của học viên

Học viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 80% giờ thảo luận; chuẩn bị cho bài học: chuẩn bị nội dung tự học, đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

- Bài tập: Hoàn thành các bài tập cá nhân, bài tập thảo luận nhóm.
- Thảo luận: Hoàn thành các nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng viên ở các chương và trình bày trước lớp.
- Hoàn thành 1 bài kiểm tra định kỳ.

8. Đánh giá kết quả học tập của học viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt ĐG	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10	01	Rubric đánh giá	CLO 1-7
2	A2. Bài tập cá nhân	10	01	Rubric đánh giá	CLO 1-7
3	A3. Thảo luận	10	01	Rubric đánh giá	CLO 1-6
4	A4. Bài kiểm tra định kì 1	10	01	Theo đáp án, thang điểm của giáo viên	CLO 2, 3
5	A5. Bài kiểm tra định kì 2	10	01	Theo đáp án, thang điểm của giáo viên	CLO 4,5
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Tự luận	50	01	Theo đáp án, thang điểm của trường	CLO 1-6

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10%)					
Tính chủ động chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện đáp ứng dưới 25% nhiệm vụ	Chủ động thực hiện đạt 50 – 60% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện đạt 60 – 79% nhiệm vụ học tập được giao..	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia hoạt động; Thực hiện 80%

		học tập được giao.			nhiệm vụ học tập trở lên.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80% - 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân (10%)					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0đến < 1	1 đến<1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50 – 60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 60 – 80% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80 - 100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến < 1	1 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1	0đến< 0,5	0,5 đến<0,6	0,6đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo

Thảo luận (10%)					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4	0 đến < 2	2 đến < 2,4	2,4 đến < 3,2	3,2 đến 4
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Trình bày báo cáo rõ ràng	2	0 đến < 1	1 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Trình bày báo cáo không rõ ràng	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng nhưng chưa khoa học	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng, khoa học	Trình bày báo cáo rõ ràng, khoa học, tự tin
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không tương tác bằng mắt và cử chỉ	Ít tương tác bằng mắt và cử chỉ	Có tương tác bằng mắt và cử chỉ	Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không trả lời câu hỏi đầy đủ	Trả lời câu hỏi đầy đủ nhưng chưa thỏa đáng	Trả lời câu hỏi đầy đủ, tương đối thỏa đáng	Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Nhóm phối hợp không tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau	Nhóm phối hợp tương đối tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tương đối tốt, có chia sẻ và hỗ trợ nhau	Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời

		trong khi báo cáo và trả lời		trong khi báo cáo	
Bài kiểm tra định kỳ (20%)					
Theo đáp án, thang điểm của giáo viên					
Thi kết thúc học phần (50%)					
Theo đáp án, thang điểm của trường					

9. Học liệu học tập

[1] Lê Thiết Can, Chuyên đề đào tạo tài năng thể thao, Trường ĐH TDTT Thành Phố Hồ Chí Minh, 2014.

10. Nội dung chi tiết

CDR HP	Nội dung	Tài liệu	Ghi chú
	Chương 1. Những vấn đề cơ bản về đào tạo tài năng thể thao 1.1. Một số khái niệm về năng khiếu và tài năng 1.1.1. Tư chất 1.1.2. Năng lực 1.1.3. Năng khiếu 1.1.4. Thông minh 1.1.5. Sáng tạo 1.1.6. Tài năng 1.1.7. Thiên tài 1.2. Quan điểm mục tiêu của Đảng và Nhà nước về đào tạo tài năng: 1.2.1. Quan điểm của Đảng và Nhà Nước 1.2.2. Cơ sở lý luận về năng khiếu, tài năng 1.2.3. Đánh giá các nhân tố và điều kiện tác động đến công tác đào tạo nhân tài thể thao. 1.2.3.1 Đánh giá về công tác đào tạo nhân tài thể thao	LT: 6 TL: 4 BT: 2	[1], [5] [6]

CDR HP	Nội dung	Tài liệu	Ghi chú
	1.2.3.2. Đánh giá các yếu tố và điều kiện tác động đến công tác đào tạo nhân tài thể thao 1.2.3.3. Những thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng đến đào tạo tài năng thể thao Thảo luận: Xu thế phát triển thể thao thành tích cao trên thế giới đã ảnh hưởng đến công tác đào tạo VĐV của Việt nam như thế nào? Bài tập: Phân tích những thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng đến đào tạo tài năng thể thao.		
	Chương 2. Con đường, hình thức, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng năng khiếu, tài năng ở bậc phổ thông 2.1. Phát hiện, đào tạo năng khiếu và tài năng thể thao: 2.1.1 Thế nào là học sinh năng khiếu 2.1.2. Học sinh năng khiếu TDTT đòi hỏi 4 yếu tố 2.1.3. Con đường dẫn đến tài năng thể thao 2.2. Phương pháp đào tạo tài năng thể thao 2.2.1. Phương pháp truyền thống 2.2.2. Phương pháp hiện đại 2.3. Đặc điểm của quá trình phát triển tâm sinh lý lứa tuổi 2.3.1. Định hướng giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao 2.3.2. Diễn biến tâm sinh lý lứa tuổi qua từng thời kỳ 2.3.2.1. Hệ thần kinh 2.3.2.2. Hệ cơ 2.3.2.3. Hệ xương 2.3.2.4. Quả tim 2.3.2.5. Chiều cao – Cân nặng Thảo luận:	LT: 6 TL: 4 BT: 2	[1], [5] [6]

CDR HP	Nội dung	Tài liệu	Ghi chú
	Mục đích của con đường tham gia hoạt động TDDT thành tích cao? Bài tập: Phân tích những yếu tố cần thiết của một học sinh năng khiếu TDDT.		
	2.4. Quy trình chọn lọc học sinh năng khiếu bậc phổ thông 2.4.1. Những yêu cầu cơ bản trong đào tạo vận động viên năng khiếu thể thao 2.4.2. Giới thiệu quy trình phương pháp phát hiện 2.4.2.1. Trắc nghiệm trí tuệ chung và một số chỉ số về y sinh học. 2.4.2.2. Trắc nghiệm năng lực chuyên môn (thể lực chung, thể lực chuyên môn, kỹ thuật, chiến thuật) 2.4.2.3. Đo động cơ học tập của trẻ năng khiếu (chuyên môn, các môn văn hóa). 2.4.2.4. Nghiên cứu gia đình, phả hệ trẻ năng khiếu 2.4.2.5. Lấy ý kiến tiến cử của giáo viên dạy trực tiếp, đối chiếu quá trình học tập của học sinh năng khiếu và kết luận. 2.4.3. Giới thiệu: Trắc nghiệm động cơ học tập 2.4.3.1. Thực hiện trắc nghiệm động cơ. 2.4.3.2. Trắc nghiệm lòng tự tin 2.4.3.3. Trắc nghiệm hứng thú (xem xét định hướng) 2.4.3.4. Trắc nghiệm ước mơ. 2.4.4. Giới thiệu lập danh sách đào tạo năng khiếu (năng khiếu tập trung) 2.4.4.1. Mẫu danh sách xét tuyển 2.4.4.2. Quy trình đào tạo 2.4.5. Bồi dưỡng tài năng	LT: 8 TL: 4 BT: 4	[1], [5] [6]

CDR HP	Nội dung	Tài liệu	Ghi chú
	2.4.5.1. Bồi dưỡng tài năng học sinh năng khiếu phổ thông bằng con đường giáo dục gia đình 2.4.5.2. Bồi dưỡng tài năng học sinh năng khiếu phổ thông bằng con đường tập hợp khả năng giáo dục của cộng đồng 2.4.5.3. Bồi dưỡng tài năng học sinh năng khiếu phổ thông bằng con đường giảng dạy và huấn luyện 2.4.5.4. Nguyên tắc giảng dạy và huấn luyện năng khiếu phổ thông 2.5. Bồi dưỡng tài năng học sinh năng khiếu phổ thông bằng con đường tổ chức giáo dục của trường năng khiếu – trung tâm đào tạo VDV 2.5.1. Một số đặc điểm cần lưu ý khi muốn trở thành tài năng thể thao 2.5.2. Quá trình phát triển chuyên môn cần phải kết hợp hài hòa với việc giáo dục nhân cách 2.6. Những nhân tố cần điều chỉnh trong quá trình đào tạo, bồi dưỡng tài năng thể thao Thảo luận: Tại sao giáo viên, huấn luyện viên cần vững vàng về chuyên môn, trong sáng về nhân cách và có nghệ thuật dạy và huấn luyện để phát huy các năng khiếu ở học sinh, vận động viên? Bài tập: - Phân tích sơ đồ mô hình chọn lọc đào tạo vận động viên năng khiếu thể thao. - Phân tích các bước trong quy trình đào tạo năng khiếu thể thao. Kiểm tra giữa kì		

CĐR HP	Nội dung	Tài liệu	Ghi chú
	Chương 3. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong huấn luyện thể thao hiện đại 3.1. Phương pháp kiểm tra sự phạm 3.2. Phương pháp thực nghiệm 3.3. Phương pháp phân tích động học 3.4. Phương pháp giải mã bản đồ gen 3.5. Phương pháp di truyền không cân nhắc 3.6. Phương pháp di truyền cân nhắc 3.7. Phương pháp toán học thống kê Thảo luận: - Ứng dụng của phương pháp phân tích động học trong huấn luyện thể thao hiện đại.	LT: 7 TL: 4 BT: 0	[1], [5] [6]
	Chương 4. Ý nghĩa của thể thao thành tích cao 6.1. Ý nghĩa giáo dục của thể thao thành tích cao 6.2. Ý nghĩa kinh tế của thể thao thành tích cao 6.3. Ý nghĩa văn hóa xã hội của thể thao thành tích cao 6.4. Ý nghĩa của thi đấu thể thao thành tích cao Thảo luận: Phân tích ý nghĩa của thi đấu thể thao thành tích cao đối với xã hội và kinh tế. Bài tập: Tại sao nói thể thao thành tích cao là một loại hình văn hóa điển hình về lễ nghi khánh tiết, nghiêm túc và trang trọng?	LT: 3 TL: 4 BT: 2	[1], [5] [6]

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: Giảng đường

- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Bảng, phấn, máy tính, máy chiếu.

- Điều kiện khác: Điện, ánh sáng, thoáng mát đảm bảo cho giờ học

8.22. Tâm lý học Thể dục thể thao

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số tiết quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	33		95
2	Bài tập	10		
3	Thảo luận	10		
4	Kiểm tra, đánh giá	02		
Tổng		55		95

- Loại học phần: Tự chọn

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước:

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn TDDT Chuyên ngành; Khoa TDDT

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Võ Xuân Thủy	0963810833	thuyvx@tnue.edu.vn
2	ThS. Nguyễn Đức Trường	035 986 3333	truongnd@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

CO1: Nhận biết được một số vấn đề chung của tâm lý học TDDT; đặc điểm của hoạt động rèn luyện sức khỏe, phát triển thể chất học sinh.

CO2: Hiểu được cơ sở tâm lý của hoạt động giảng dạy kỹ thuật vận động, của sự hình thành phẩm chất đạo đức học sinh trong quá trình GDTC.

CO3: Phân tích được một số biện pháp tác động sư phạm nhằm nâng cao tính tích cực học tập của học sinh trong giờ học TDDT.

CO4: Mô tả được những vấn đề về đặc điểm tâm lý của hoạt động thể thao; cơ sở tâm lý học của công tác huấn luyện, đào tạo VĐV thể thao.

* Về kĩ năng

CO5: Vận dụng các kiến thức lý thuyết để có những điều chỉnh, tác động sư phạm nhằm nâng cao tính tích cực học tập của học sinh trong giờ học TDDT.

CO6: Vận dụng được các nguyên tắc, phương pháp, nội dung trong huấn luyện tâm lý cho VĐV thể thao trong thực tiễn.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO7: Hiểu và thực hiện đúng vai trò của Tâm lý học TDDT đối với sự phát triển xã hội và phát triển nhân cách bản thân.

CO8: Tích cực lĩnh hội và vận dụng những kiến thức về tâm lý học TDDT vào công tác giảng dạy, giáo dục; trau dồi và phát triển nghề nghiệp một cách liên tục.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (kí hiệu CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
CO1	CLO1	Xác định được một số vấn đề chung của tâm lý học TDDT; đặc điểm của hoạt động rèn luyện sức khỏe, phát triển thể chất học sinh.	PLO2
CO2	CLO2	Giải thích được cơ sở tâm lý của hoạt động giảng dạy kĩ thuật vận động, của sự hình thành phẩm chất đạo đức học sinh trong quá trình GDTC.	PLO4
CO3	CLO3	Diễn giải được một số biện pháp tác động sư phạm nhằm nâng cao tính tích cực học tập của học sinh trong giờ học TDDT.	PLO4
CO4	CLO4	Xác định được hoạt động thể thao và những đặc điểm tâm lý của nó; các nguyên tắc, phương pháp, nội dung trong huấn luyện tâm lý cho VĐV thể thao.	PLO4
Kĩ năng			
CO5	CLO5	Sử dụng được những kiến thức lý thuyết vào quá trình điều chỉnh, tác động sư phạm nhằm nâng cao tính tích cực học tập của học sinh trong giờ học TDDT.	PLO9, 10
CO6	CLO6	Sử dụng được các nguyên tắc, phương pháp và nội dung giáo dục trong thực tiễn giảng dạy và huấn luyện.	PLO9
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			

CO7	CLO7	Tuyên truyền đúng vai trò của tâm lý học TDDT đối với sự phát triển xã hội và phát triển nhân cách học sinh, VĐV.	PLO14
CO8	CLO8	Tích cực lĩnh hội và vận dụng những kiến thức về tâm lý học TDDT vào công tác giảng dạy, giáo dục; trau dồi và phát triển nghề nghiệp một cách liên tục.	PLO14

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)													
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
CLO1		x												
CLO2				x										
CLO3				x										
CLO4				x										
CLO5									x	x				
CLO6									x					
CLO7														x
CLO8														x
MĐG	0	1	0	2	0	0	0	0	2	1	0	0	0	2

Ghi chú: “0” = không đóng góp; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Tâm lý học TDDT là một lĩnh vực chuyên ngành của khoa học tâm lý, học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về cơ sở của đặc điểm tâm lý của con người khi tham gia những hoạt động TDDT; Đặc điểm tâm lý của công tác giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao. Đây chính là cơ sở khoa học để huấn luyện viên, giáo viên vận dụng trong việc điều chỉnh tâm lý của học sinh và vận động viên nhằm nâng cao hiệu quả công tác giáo dục học sinh, vận động viên.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: đọc tài liệu theo hướng dẫn của giảng viên

- Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên

- Seminar/thảo luận: Hoàn thành 01 bài seminar nhóm theo nội dung yêu cầu của giáo viên và nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước lớp.

- Kiểm tra định kì: 02 bài.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-8
2	A2. Bài tập cá nhân	10	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO2-8
3	A3. Thảo luận	10	01	Rubric đánh giá bài thảo luận	CLO1-8
4	A4. Bài kiểm tra định kì số 1	10	01	Theo đáp án, thang điểm	CLO1,2,7
5	A5. Bài kiểm tra định kì số 2	10	01	Theo đáp án, thang điểm	CLO3,4,5,6,8
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A6. Tự luận	50	01	Theo đáp án, thang điểm	CLO1-8

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10%)					
	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0

Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.		Chủ động thực hiện đáp ứng dưới 25% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện đạt 50 – 60% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện đạt 60 – 79% nhiệm vụ học tập được giao..	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thực hiện đạt từ 80% nhiệm vụ học tập được giao trở lên.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80% - 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân (10%)					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0 đến < 1	1 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50 – 60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 60 – 80% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80 - 100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến < 1	1 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận có căn cứ khoa học và tương đối logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic

Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến< 0,5	0,5 đến<0,6	0,6đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo
Thảo luận (10%)					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4	0đến<2	2 đến< 2,4	2,4 đến< 3,2	3,2 đến 4
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến < 1	1 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận có căn cứ khoa học và tương đối logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Trình bày báo cáo rõ ràng	2	0 đến < 1	1 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Trình bày báo cáo không rõ ràng	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng nhưng chưa khoa học	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng, khoa học	Trình bày báo cáo rõ ràng, khoa học, tự tin
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1	0 đến< 0,5	0,5 đến<0,6	0,6đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không tương tác bằng mắt và cử chỉ	Ít tương tác bằng mắt và cử chỉ	Có tương tác bằng mắt và cử chỉ	Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1	0 đến<0,5	0,5 đến<0,6	0,6 đến< 0,8	0,8 đến 1
		Nhóm phối hợp không tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tương đối tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tương đối tốt, có chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời

Bài kiểm tra định kỳ (20%)
Theo đáp án, thang điểm của giảng viên
Thi kết thúc học phần (50%)
Theo đáp án, thang điểm của Trường

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Lê Văn Xem, Tâm lý học thể dục thể thao, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội (2010), Thư viện Trường ĐH Sư phạm – ĐH Thái Nguyên.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Phạm Đình Bẩm, Tâm lý học trong thể thao, NXB Thể dục thể thao, Hà Nội (1999), Thư viện Trường ĐH Sư phạm – ĐH Thái Nguyên.

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

(đánh số liên tục từ 1 cho đến hết các LLOs của các chương trong học phần)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Xác định được những vấn đề chung của Tâm lý học TDTT
LLO2	Nhận thức đúng vai trò, vị trí của tâm lý học TDTT đối với sự phát triển xã hội và phát triển nhân cách học sinh, VĐV.
LLO3	Biết được đặc điểm tâm lý của hoạt động rèn luyện sức khỏe, phát triển thể chất học sinh trong thực tiễn giáo dục thể chất (GDTC) và huấn luyện thể thao (HLTT).
LLO4	Xác định được cơ sở tâm lý của hoạt động giảng dạy kỹ thuật vận động trong lĩnh vực GDTC.
LLO5	Chỉ ra được cơ sở tâm lý của sự hình thành phẩm chất đạo đức học sinh trong quá trình GDTC.
LLO6	Giải thích được các nguyên tắc, phương pháp và nội dung giáo dục trong thực tiễn giảng dạy và huấn luyện.
LLO7	Vận dụng những kiến thức về tâm lý học TDTT vào công tác giảng dạy, giáo dục; trau dồi và phát triển nghề nghiệp một cách liên tục.
LLO8	Lựa chọn được một số biện pháp tác động sư phạm nhằm điều chỉnh, nâng cao tính tích cực học tập của học sinh trong giờ học TDTT.

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO9	Xác định được những vấn đề về đặc điểm tâm lí của hoạt động thể thao.
LLO10	Xác định được cơ sở tâm lí học của công tác huấn luyện, đào tạo VĐV

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)							
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
LLO1	x							
LLO2							x	
LLO3	x							
LLO4		x						
LLO5		x						
LLO6				x		x		
LLO7								x
LLO8			x		x			
LLO9				x				
LLO10				x				

11. Nội dung chi tiết của học phần

LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
Bài 1. Những vấn đề chung của tâm lí học TDDT				
LLO1, LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết (4 tiết): - Tâm lí học TDDT là môn khoa học tâm lí chuyên ngành - Những nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lí học TDDT	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1;A6	[1] Chương II

	- Vai trò và nhiệm vụ của tâm lý học TD TT trong đào tạo nghiệp vụ sư phạm GDTC và HLTT - Mối liên hệ giữa tâm lý học TDDT và các ngành khoa học khác.			
	* Nội dung seminar/thảo luận (2 tiết): - Vị trí của Tâm lý học trong hoạt động Thể dục thể thao? Liên hệ thực tiễn.	Thảo luận nhóm, báo cáo Sp	A1	
LLO1, LLO2, LLO3	B. Nội dung tự học (9,5 tiết): - Nghiên cứu tài liệu về nội dung đã học (chương II) và đọc trước nội dung mới. - Vai trò của tâm lý học TDDT trong thực tiễn công tác GDTC tại nhà trường Phổ thông?	SV tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu	A1	[1] Chương II, III
Bài 2. Đặc điểm tâm lý của hoạt động rèn luyện sức khỏe, phát triển thể chất học sinh				
LLO3	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết (4 tiết): - Khái niệm chung về hoạt động rèn luyện sức khỏe, hoàn thiện thể chất của học sinh và đặc điểm tâm lý của nó. - Đặc điểm tâm lý của bài tập thể chất - Những yêu cầu tâm lý của hoạt động sư phạm trong lĩnh vực GDTC - Đặc điểm tâm lý của bài tập thể chất trong trường phổ thông.	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1;A6	[1] Chương III
	* Nội dung seminar/thảo luận (2 tiết): - So sánh đặc điểm tâm lý của bài tập thể chất trong trường phổ thông và trong huấn luyện thể thao?	Thảo luận nhóm sau đó đại diện nhóm báo cáo Sp	A1	
LLO3, LLO4	B. Nội dung tự học (9,5 tiết): - Nghiên cứu trước tài liệu để làm bài tập và thảo luận trên lớp. - Phân loại bài tập thể chất theo góc độ tiếp cận từ môn tâm lý học TDDT.	SV tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu	A1	[1] Chương III, IV
Bài 3. Cơ sở tâm lý của hoạt động giảng dạy kỹ thuật vận động trong lĩnh vực GDTC				

LLO4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (8 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết (5 tiết): - Cấu trúc tâm lí của hành động vận động - Quy luật tâm lí của quá trình hình thành kĩ năng, kĩ xảo vận động trong hoạt động TDDT - Đặc điểm của kĩ năng, kĩ xảo vận động trong TDDT - Đặc điểm của quá trình giảng dạy kĩ thuật vận động cho học sinh trong GDTC - Cấu trúc tâm lí của sự tiếp thu (lĩnh hội) các hành động vận động của học sinh - Phản ứng vận động và vai trò của nó trong kĩ, chiến thuật thể thao	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu, thảo luận.	A1;A6	[1] Chương IV
	* Nội dung bài tập cá nhân (3 tiết): Phân tích quy luật tâm lí của quá trình hình thành kĩ năng, kĩ xảo vận động trong hoạt động TDDT.	SV hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên	A1, A2	
LLO2, LLO4, LLO7	B. Nội dung tự học (11 tiết): - Nghiên cứu trước tài liệu để làm bài tập và thảo luận trên lớp. - Vai trò của yếu tố tâm lí trong quá trình hình thành kĩ năng, kĩ xảo vận động của hoạt động TDDT?	SV tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu	A1	[1] Chương IV, VI
Bài 4. Cơ sở tâm lí học của sự hình thành phẩm chất đạo đức học sinh trong quá trình GDTC				
LLO2, LLO4, LLO5, LLO6, LLO7	Nội dung thực hiện trên lớp (12 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết (4 tiết) - Vai trò của hoạt động GDTC đối với việc giáo dục phẩm chất đạo đức học sinh - Điều kiện để hình thành những phẩm chất đạo đức con người mới cho học sinh trong quá trình GDTC - Đặc điểm của công tác giáo dục đạo đức cho học sinh trong quá trình GDTC	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1;A6	[1] Chương VI

	- Giáo dục một số phẩm chất đạo đức cơ bản cho học sinh trong quá trình GDTC - Phương pháp giáo dục một số phẩm chất đạo đức cơ bản cho học sinh trong quá trình GDTC.			
	Nội dung bài tập cá nhân (5 tiết): Vận dụng các phương pháp, nguyên tắc và nội dung của chương VI để xử lý một số tình huống giáo dục thường gặp.	SV làm bài tập và nộp lại sản phẩm cho GV	A1	
	* Nội dung seminar/thảo luận (2 tiết): Xây dựng những phương thức giáo dục một số phẩm chất đạo đức cụ thể cho HS cấp THPT trong quá trình GDTC	Thảo luận nhóm sau đó đại diện nhóm báo cáo Sp	A1; A3	
LLO5, LLO8	B. Nội dung tự học (16 tiết): - Nghiên cứu trước tài liệu để làm bài tập và thảo luận trên lớp. - Cơ sở tâm lí học của sự hình thành phẩm chất đạo đức học sinh trong quá trình GDTC?	SV tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu	A1	[1] Chương VI, VII
LLO1-5	* Bài kiểm tra định kì số 1 (1 tiết)	Kiểm tra viết	A4	
Bài 5. Một số biện pháp tác động sư phạm nhằm nâng cao tính tích cực học tập của học sinh trong giờ học TĐTT				
LLO7, LLO8	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết (5 tiết): - Xác định nhiệm vụ buổi học và của từng bài tập trong giáo án - Tổ chức giờ học một cách sinh động và hứng thú - Tối ưu hóa mật độ vận động của giờ học TĐTT - Đảm bảo đầy đủ và đúng đắn các nguyên tắc GDTC, HLTTC trong giờ học - Các nguyên tắc GDTC, HLTTC trong giờ học.	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1; A6	[1] Chương VII

	* Nội dung bài tập cá nhân (2 tiết): Liên hệ việc vận dụng các nguyên tắc GDTC, HLTT trong giờ học GDTC tại trường phổ thông.	SV làm bài tập và nộp lại sản phẩm cho GV	A1	
	* Nội dung seminar/thảo luận (2 tiết): Nêu những phương án để tiến hành một giờ học TDDT hứng thú, sôi nổi cho học sinh, VĐV	Thảo luận nhóm sau đó đại diện nhóm báo cáo Sp	A1	
LLO7, LLO8, LLO9	B. Nội dung tự học (18,5 tiết): - Nghiên cứu trước tài liệu để làm bài tập và thảo luận trên lớp. - Vận dụng các nguyên tắc GDTC để xây dựng một giờ tập TDDT cho học sinh phổ thông.	SV tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu	A1	[1] Chương, VII, IX
LLO6-8	* Bài kiểm tra định kì số 2 (1 tiết)	Kiểm tra viết 1	A5	
Bài 6. Đặc điểm tâm lí của hoạt động thể thao				
LLO9	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết (5 tiết) - Khái niệm chung về hoạt động thể thao và đặc điểm tâm lí của nó - Đặc điểm tâm lí của VĐV và tập thể đội thể thao - Phương pháp tìm hiểu và điều chỉnh tâm lí VĐV thể thao	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1;A6	[1] Chương IX
	* Nội dung seminar/thảo luận (1 tiết): Việc tìm hiểu và điều chỉnh tâm lí VĐV thể thao thường được tiến hành theo trình tự nào? Lấy ví dụ thực tế.	Thảo luận nhóm, báo cáo sản phẩm	A1	
LLO9, LLO10	B. Nội dung tự học (14 tiết): - Nghiên cứu trước tài liệu để làm bài tập và thảo luận trên lớp. - Phân loại các trạng thái tâm lí thường gặp của VĐV trong quá trình thi đấu.	SV tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu	A1	[1] Chương IX, X
Bài 7. Cơ sở tâm lí học của công tác huấn luyện, đào tạo VĐV thể thao				

LLO10	A. Nội dung thực hiện trên lớp (7 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết (6 tiết): - Khái niệm chung về công tác chuẩn bị tâm lý cho VĐV thể thao - Giáo dục, huấn luyện tâm lý chung cho VĐV - Huấn luyện tâm lý chuyên môn cho VĐV thể thao - Huấn luyện, chuẩn bị tâm lý thi đấu cho VĐV - Công tác tâm lý sau thi đấu cho VĐV thể thao	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1;A6	[1] Chương X
	* Nội dung seminar/thảo luận (1 tiết): So sánh công tác huấn luyện tâm lý cho VĐV ở các giai đoạn chuẩn bị và giai đoạn sau thi đấu.	Thảo luận nhóm sau đó đại diện nhóm báo cáo Sp	A1	
LLO1-10	B. Nội dung tự học (16 tiết): - Đọc và tổng kết kiến thức các chương đã học. - Vai trò của công tác chuẩn bị tâm lý cho VĐV thể thao.	SV tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu	A1	[1] Chương II, II, III, IV, VI, VII, IX, X

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: Phòng học có đảm bảo đủ các điều kiện về vệ sinh, ánh sáng, âm thanh, bàn ghế phục vụ cho hoạt động dạy học.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu
- Điều kiện khác: Không

8.23. Điền kinh

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 04 ; Tổng số giờ quy chuẩn: 112 tiết.
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	08		88

2	Bài tập	11		
3	Thực hành	89		
4	Kiểm tra, đánh giá	04		
Tổng		112		88

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: TDDT Chuyên ngành; Khoa TDDT

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Trần Thị Tú	0986 703 726	tutt@tnue.edu.vn
2	Ths. Nguyễn Nhạc	0981 210 988	nhacn@tnue.edu.vn
3	Ths. Mã Thiêm Phách	0388 178 395	phachmt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Có kiến thức chung về môn Điền kinh (bao gồm chạy cự li Ngắn, nhảy xa kiểu Ngồi và nhảy cao kiểu Nằm nghiêng) như: Đặc điểm, ý nghĩa, sơ lược lịch sử; Nguyên lý kỹ thuật; Luật thi đấu.

CO2: Phân tích được các kỹ thuật cơ bản; phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá; phương pháp huấn luyện và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của chạy cự li Ngắn, nhảy xa kiểu Ngồi và nhảy cao kiểu Nằm nghiêng.

* Về kỹ năng

CO3: Vận dụng được kiến thức cơ bản của học phần Điền kinh trong dạy học môn GDTC, hoạt động thể thao trường học và giáo dục học sinh ở trường phổ thông.

CO4: Có khả năng huấn luyện, tổ chức thi đấu và trọng tài các nội dung của học phần Điền kinh 1 ở cơ sở.

CO5: Có khả năng giao tiếp và hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO6: Có khả năng tiếp tục học tập để nâng cao trình độ.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
CO1	CLO1	Mô tả được những kiến thức chung về môn học như: Sơ lược lịch sử, đặc điểm, ý nghĩa, nguyên lý kỹ thuật và luật thi đấu.	PLO3
CO2	CLO2	Phân tích được các nội dung cơ bản về kỹ thuật; phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá; phương pháp huấn luyện và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài.	PLO3, PLO8
Kỹ năng			
CO3	CLO3	Thực hiện được kỹ thuật cơ bản và các bài tập rèn luyện tố chất thể lực trong chạy cự li Ngắn, nhảy xa kiểu Ngồi và nhảy cao kiểu Nằm nghiêng.	PLO8
	CLO4	Vận dụng được các phương pháp và kỹ thuật dạy học, phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn chạy cự li Ngắn, nhảy xa kiểu Ngồi và nhảy cao kiểu Nằm nghiêng ở trường phổ thông.	PLO8,9,12
CO4	CLO5	Sử dụng được kiến thức chuyên môn của chạy cự li Ngắn, nhảy xa kiểu Ngồi và nhảy cao kiểu Nằm nghiêng trong công tác huấn luyện và tổ chức thi đấu, trọng tài ở cấp cơ sở.	PLO11,12
CO5	CLO6	Biểu hiện được khả năng giao tiếp và hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm.	PLO5
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO6	CLO7	Thực hiện được các hoạt động làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và tự rèn luyện để tạo thói quen hoạt động, vận động hợp lý suốt đời.	PLO14

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo PLOs													
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
CLO1			x											
CLO2			x					x						
CLO3								x						

CLO4								x	x			x		
CLO5											x	x		
CLO6					x									
CLO7														x
MĐG	0	0	2	0	1	0	0	3	1	0	1	2	0	1

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Điền kinh trang bị cho người học những kiến thức chung về sơ lược lịch sử, đặc điểm, ý nghĩa của môn học đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về Kỹ thuật, thể lực chuyên môn, phương pháp giảng dạy và huấn luyện; phương pháp kiểm tra, đánh giá; luật và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn Điền kinh. Thông qua môn học giúp người học phát triển tố chất sức bền tốc độ, nhanh, mạnh, khả năng phối hợp vận động và là nền tảng thể lực để tạo điều kiện tiếp thu nhanh các kỹ thuật của môn học khác.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học...
- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân theo yêu cầu của giáo viên.
- Hoàn thành 01 bài tiểu luận theo yêu cầu của giáo viên.
- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kì theo yêu cầu của giáo viên.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức và trọng số điểm

- Sử dụng thang 10 điểm.

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-7

2	A2. Bài kiểm tra thực hành phương pháp	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 2,3,4
3	A3. Bài tiểu luận	10%	01	Rubric đánh giá bài tiểu luận	CLO 1,2
4	A4. Bài kiểm tra định kỳ 1 (Thực hành phương pháp)	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 5
5	A5. Bài kiểm tra định kỳ 2 (chạy 100m)	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 3
Thi kết thúc học phần (50%)					
6	A6. Thực hành bài 1 (KT nhảy xa kiểu Ngồi)	25%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 3
7	A7. Thực hành bài 2 (KT nhảy cao kiểu Nằm nghiêng).	25%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 3

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

1. Rubric đánh giá chuyên cần (10%)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.

Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

Rubric đánh giá bài tiểu luận (10%)

Mức chất lượng	Thang điểm	Mô tả mức chất lượng	Điểm
Giỏi	8.5 - 10	Không có lỗi chính tả; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định (10%). Bố cục có đầy đủ các phần và độ dài theo quy định, logic (10%). TLTK phong phú, được sắp xếp đúng quy định, trích dẫn đúng thể thức (10%). Đáp ứng 80%-100% yêu cầu về nội dung (70%).	
Khá	7.0 – 8.4	Đáp ứng 70 – 80% yêu cầu của mức Giỏi	
Trung bình	5.0 – 6.9	Đáp ứng 50 – 60% yêu cầu của mức Giỏi	
Yếu	0.0 – 4.9	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu của mức Giỏi	
Nhận xét			

Bài kiểm tra thực hành phương pháp (10%) - Theo Rubric đánh giá bài thực hành

Kiểm tra, đánh giá định kì (20%) – Theo Rubric đánh giá bài thực hành

Thi kết thúc học phần (50%) – Theo Rubric đánh giá bài thực hành.

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Hà Quang Tiến, Trần Thị Tú (2017), Giáo trình Điện kinh 1, Nxb ĐHTN, Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN.

[2]. Trần Thị Tú, Nguyễn Nhạc (2021), Giáo trình điện kinh, Nxb công thương. Thư viện trường ĐHSP - ĐHTN.

[3]. Tổng cục TDTT (2015), Luật thi đấu điện kinh, Nxb TDTT. Thư viện trường ĐHSP - ĐHTN.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[4]. Nguyễn Đại Dương và cộng sự (2006), Sách giáo khoa Điền kinh, Nxb TDTT. Thư viện trường ĐHSP – ĐHTN.

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 1
LLO1	Mô tả được những kiến thức chung về chạy cự li Ngắn như: Sơ lược lịch sử, đặc điểm, ý nghĩa, nguyên lí kĩ thuật và một số điểm luật cơ bản trong thi đấu chạy cự li ngắn.
LLO2	Phân tích được kỹ thuật cơ bản; phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá và phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài trong chạy cự li Ngắn.
LLO3	Thực hiện được kỹ thuật cơ bản và các bài tập rèn luyện tố chất thể lực sức nhanh trong chạy cự li Ngắn.
LLO4	Tổ chức được hoạt động dạy học; kiểm tra, đánh giá chạy cự li Ngắn ở cấp cơ sở.
LLO5	Sử dụng được kiến thức chuyên môn về chạy cự li Ngắn trong huấn luyện; thi đấu và trọng tài ở cấp cơ sở.
LLO6	Biểu hiện được khả năng giao tiếp và hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm trong các bài tập được giao.
LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 2
LLO7	Mô tả được những kiến thức chung về nhảy xa như: Sơ lược lịch sử, đặc điểm, ý nghĩa, nguyên lí kĩ thuật và một số điểm luật cơ bản trong thi đấu nhảy xa.
LLO8	Phân tích được kỹ thuật nhảy xa kiểu ngò; phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá, huấn luyện và phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài trong nhảy xa.
LLO9	Thực hiện được kỹ thuật nhảy xa kiểu Ngồi và các bài tập rèn luyện tố chất thể lực sức mạnh trong nhảy xa.
LLO10	Tổ chức được hoạt động dạy học; kiểm tra, đánh giá kỹ thuật nhảy xa kiểu Ngồi ở cấp cơ sở.
LLO11	Sử dụng được kiến thức chuyên môn về nhảy xa trong huấn luyện; thi đấu và trọng tài ở cấp cơ sở.
LLO12	Biểu hiện được khả năng giao tiếp và hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm trong các bài tập được giao.
LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 3
LLO13	Mô tả được những kiến thức chung về nhảy cao như: Sơ lược lịch sử, đặc điểm, ý nghĩa, một số điểm luật cơ bản trong thi đấu nhảy cao.

LLO14	Phân tích được kỹ thuật nhảy cao kiểu Nằm nghiêng; phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá, huấn luyện và phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài nhảy cao.
LLO15	Thực hiện được kỹ thuật nhảy cao kiểu Nằm nghiêng và các bài tập rèn luyện tố chất thể lực sức mạnh trong nhảy cao.
LLO16	Tổ chức được hoạt động dạy học; kiểm tra, đánh giá kỹ thuật nhảy cao kiểu Nằm nghiêng ở cấp cơ sở.
LLO17	Sử dụng được kiến thức chuyên môn về nhảy cao trong huấn luyện; thi đấu và trọng tài ở cấp cơ sở.
LLO18	Thực hiện được các hoạt động làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và tự rèn luyện để tạo thói quen hoạt động, vận động hợp lý suốt đời.

10.2. Ma trận liên kết LLOs với CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)						
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
LLO1	x						
LLO2		x					
LLO3			x				
LLO4				x			
LLO5					x		
LLO6						x	
LLO7	x						
LLO8		x					
LLO9			x				
LLO10				x			
LLO11					x		
LLO12						x	
LLO13	x						
LLO14		x					
LLO15			x				
LLO16				x			
LLO17					x		
LLO18							x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Bài 1: Kỹ thuật chạy cự li Ngắn

LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO 1 – LLO 2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (48 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (4 tiết) 1. Giới thiệu kiến thức chung về chạy cự li ngắn (lịch sử, đặc điểm, ý nghĩa, tác dụng, nguyên lý kỹ thuật các môn chạy). 2. Kỹ thuật chạy cự li 100m và 400m. 3. Phương pháp giảng dạy, huấn luyện và kiểm tra, đánh giá chạy cự ly ngắn. 4. Luật và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài trong chạy cự ly ngắn.	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1,2,3, 4,5	[1] Chương 1,2,7 [2] Chương 1,2 [3] phần III [4] Chương 1,2,5
LLO 2- LLO 6	* Nội dung thực hành: (40 tiết) 1. Kỹ thuật chạy 100m 1.1. Giai đoạn chạy giữa quãng. 1.2. Giai đoạn xuất phát và chạy lao sau xuất phát. 1.3. Giai đoạn chạy về đích. 1.4. Hoàn thiện kỹ thuật chạy 100m. 2. Kỹ thuật chạy 400m. 2.1. Kỹ thuật chạy trên đường vòng. 2.2. Kỹ thuật xuất phát trên đường vòng. 2.3. Phối hợp kỹ thuật chạy trên đường thẳng và đường vòng. 3. Thực hành phương pháp * Nội dung bài tập cá nhân: (4 tiết) - Các bài tập thể lực với dụng cụ và không dụng cụ.	- Thuyết trình của GV. - Thực hành đồng loạt kết hợp thực hành nhóm;	A1;A2 ;A5	

	B. Nội dung tự học: (38 tiết) 1. Phương pháp giảng dạy, luận luyện và kiểm tra, đánh giá chạy cự ly ngắn. 2. Một số sai sót thường mắc khi học kỹ thuật chạy cự ly ngắn và cách sửa. 3. Phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài chạy cự li ngắn. 4. Luyện tập thể lực trên địa hình tự nhiên.	Sinh viên chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành nội dung bài học.	A1	
LLO 3	* Bài kiểm tra định kì: (1 tiết) - Kỹ thuật chạy cự li 100m	Sinh viên thực hiện bài kiểm tra theo yêu cầu của GV	A4	
Bài 2: Kỹ thuật nhảy xa kiểu Ngồi				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO 7- LLO 12	A. Nội dung thực hiện trên lớp (31 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (2 tiết) 1. Giới thiệu nguyên lí kỹ thuật các môn nhảy và kiến thức chung về nhảy xa 2. Kỹ thuật nhảy xa kiểu Ngồi 3. Phương pháp giảng dạy, huấn luyện và kiểm tra, đánh giá môn nhảy xa. 4. Luật và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn nhảy xa.	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1;A2	[2] Chương 1,4,6,7 [3] Phần IV [4] Chương 11
LLO 8- LLO 12	* Nội dung thực hành: (25 tiết) - Thực hành kỹ thuật nhảy xa kiểu Ngồi 1. Học kỹ thuật giai đoạn giậm nhảy + bước bộ. 2. Học kỹ thuật chạy đà.	- Thuyết trình của GV. - Thực hành đồng loạt kết hợp thực hành nhóm;	A1;A2 ;A6	

	3. Học kỹ thuật giai đoạn trên không. 4. Học kỹ thuật giai đoạn tiếp đất. 5. Hoàn thiện kỹ thuật nhảy xa kiểu Ngồi. - Thực hành phương pháp giảng dạy và kiểm tra, đánh giá * Nội dung bài tập cá nhân/nhóm: (4 tiết) - Các bài tập bổ trợ có dụng cụ và không dụng cụ.			
	B. Nội dung tự học: (25 tiết) 1. Phương pháp giảng dạy và huấn luyện nhảy xa. 2. Một số sai sót thường mắc trong khi học kỹ thuật nhảy xa kiểu ngồi và cách sửa. 3. Luyện tập thể lực trên địa hình tự nhiên.	Sinh viên chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành nội dung bài học.	A1	
Bài 3: Kỹ thuật nhảy cao kiểu Nằm nghiêng				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO 13- LLO 14	A. Nội dung thực hiện trên lớp (29 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (2 tiết) 1. Giới thiệu kiến thức chung về nhảy cao 2. Kỹ thuật nhảy cao kiểu Nằm nghiêng 3. Phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá môn nhảy cao. 4. Luật và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn nhảy cao.	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1;A2	[2] Chương 1,5,6,7 [3] Phần IV [4] Chương 13

LLO 14-18	* Nội dung thực hành: (24 tiết) - Thực hành kỹ thuật nhảy cao kiểu Nằm nghiêng: 1. Học kỹ thuật giai đoạn giậm nhảy + bước bộ. 2. Học kỹ thuật giai đoạn chạy đà. 3. Học kỹ thuật giai đoạn bay trên không. 4. Học kỹ thuật giai đoạn tiếp cát (đệm). 5. Hoàn thiện kỹ thuật. - Thực hành phương pháp giảng dạy và kiểm tra, đánh giá * Bài tập cá nhân/nhóm: (3 tiết) - Các bài tập bổ trợ có dụng cụ và không dụng cụ.	- Thuyết trình của GV. - Thực hành đồng loạt kết hợp thực hành nhóm;	A1;A2;A7	
	B. Nội dung tự học: (25 tiết) 1. Phương pháp giảng dạy, huấn luyện nhảy cao. 2. Một số sai sót thường mắc trong khi học kỹ thuật nhảy cao kiểu nằm nghiêng và cách sửa. 3. Luyện tập thể lực trên địa hình tự nhiên.	Sinh viên chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành nội dung bài học.	A1	
LLO 1,2,3,7,8,9,13,14,15	* Bài tiểu luận: (1 tiết) - GV giao nội dung yêu cầu bài tập. - Hướng dẫn SV cách làm bài.	Sinh viên thực hiện bài tập theo yêu cầu của GV	A3	
LLO 4,5,6,10,11,16,17,18	* Bài kiểm tra thực hành phương pháp: (2 tiết)	Sinh viên thực hiện bài thực hành theo yêu cầu của GV	A2;A4	

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: Phòng học có đảm bảo đủ các điều kiện về vệ sinh, ánh sáng, âm thanh, bàn ghế phục vụ cho hoạt động dạy học.

- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Bàn đạp, dụng cụ tập thể lực, đồng hồ, đệm, xào, cát, ván giậm...

- Điều kiện khác: Sân tập đảm bảo an toàn, sạch sẽ và đúng quy cách.

8.24. Thẻ dực

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số tiết quy chuẩn: 84

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	0	06	66
2	Bài tập	09	0	
3	Thực hành	46	18	
4	Kiểm tra, đánh giá	5	0	
Tổng		60	24	66

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không.

- Học phần học trước: Không.

- Học phần học song hành: Không.

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: TDTT Chuyên ngành, Khoa Thể dục thể thao

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Đào Ngọc Anh	0986.599.780	anhdn@tnue.edu.vn
2	ThS. Nguyễn Duy Nam	0965.536.822	namnd.phy@tnue.edu.vn
3	ThS. Nguyễn Huy Ánh	0978.223.583	huyanh@dhsptn.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Kiến thức:

CO1: Mô tả được các kiến thức cơ bản về thể dục đội hình, đội ngũ và thể dục cơ bản (bài thể dục phát triển chung tay không và với dụng cụ vòng, gậy).

CO2: Trình bày được các kỹ thuật cơ bản, phương pháp dạy học, phương pháp biên soạn, kiểm tra và đánh giá bài tập đội hình, đội ngũ và thể dục cơ bản (bài thể dục phát triển chung tay không và với dụng cụ vòng, gậy).

* Kỹ năng:

CO3: Thực hiện được các kỹ thuật động tác đội hình đội ngũ và Thể dục cơ bản (bài thể dục phát triển chung tay không và với dụng cụ vòng, gậy)..

CO4: Biên soạn và hướng dẫn thực hiện được bài thể dục phát triển chung đã được biên soạn.

CO5: Vận dụng được những kiến thức cơ bản của môn thể dục trong học tập cũng như trong thực tiễn quá trình dạy học, huấn luyện đội tuyển, tổ chức thi đấu các môn thể thao ở cơ sở.

* Năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO6: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn được trang bị trong học phần vào quá trình làm việc độc lập, hợp tác nhóm, dạy học, phát triển suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Mô tả được những kiến thức chung về đội hình, đội ngũ và thể dục cơ bản: Khái niệm; ý nghĩa, tác dụng của tập luyện đội hình đội ngũ và thể dục cơ bản (bài thể dục phát triển chung và bài thể dục với dụng cụ vòng, gậy); Phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá Đội hình đội ngũ và thể dục cơ bản.	PLO3
CO2	CLO2	Trình bày được kỹ thuật cơ bản, phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá của các bài tập đội hình đội ngũ và bài tập thể dục cơ bản (bài thể dục phát triển chung và bài thể dục với dụng cụ vòng, gậy).	PLO3
	Kỹ năng		
CO3	CLO3	Thực hiện được kỹ thuật cơ bản của đội hình, đội ngũ và thể dục cơ bản.	PLO8
CO4	CLO4	Biên soạn và hướng dẫn thực hiện được bài thể dục phát triển chung đã được biên soạn.	PLO8

	CLO5	Sử dụng được các phương pháp và kỹ thuật dạy học, phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá môn thể dục đội hình đội ngũ và thể dục cơ bản trong học tập, dạy học và các hoạt động chuyên môn khác ở cơ sở.	PLO3,9
CO5	CLO6	Xây dựng được kế hoạch dạy học môn Thể dục đội hình đội ngũ và thể dục cơ bản.	PLO 10
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO6	CLO7	Áp dụng được những kiến thức, kỹ năng chuyên môn của học phần vào thực tiễn quá trình tự học, tự nghiên cứu, làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và học tập suốt đời.	PLO14

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)													
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
CLO1			x											
CLO2			x											
CLO3								x						
CLO4								x						
CLO5			x						x					
CLO6									x	x	x	x		
CLO7														x
MĐG	0	0	3	0	0	0	0	2	2	1	1	1	0	1

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Thể dục (Đội hình đội ngũ, thể dục cơ bản) là môn học bắt buộc nằm trong khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo Cử nhân Giáo dục thể chất. Môn học này bao gồm các nội dung quan trọng sau: Các kỹ thuật cơ bản về đội ngũ, các bài tập về đội hình, các bài tập thể dục cơ bản, phương pháp kiểm tra đánh giá môn học. Thông qua môn học giúp người học bồi dưỡng tư thế thân thể đúng, chính xác thực hiện động tác thể dục thể thao, đồng thời rèn tính tổ chức kỷ luật, tính tập thể để tạo điều kiện tiếp thu nhanh các kỹ thuật của môn học khác.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp, tham gia và hoàn thành 100% bài tập nhóm (hoặc bài tập cá nhân), chuẩn bị bài học trước khi lên lớp.
- Bài tập: Hoàn thành bài tập và nộp sản phẩm đúng hạn cho giáo viên.
- Thực hành: Hoàn thành bài thực hành cá nhân hoặc nhóm theo yêu cầu của giáo viên.
- Tự học: Hoàn thành các nội dung theo yêu cầu của giáo viên.
- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ theo quy định.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-7
2	A2. Thực hành phương pháp	10%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 3
3	A3. Bài tập (tiểu luận)	10%	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 6
4	A4. Bài kiểm tra định kỳ số 01 (Thực hành kỹ thuật)	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 3,4
5	A5. Bài kiểm tra định kỳ số 02 (Thực hành phương pháp)	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 3,4,5
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Thực hành (Thực hành kỹ thuật)	50%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 3,4

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Rubric đánh giá điểm chuyên cần - A1 (10%)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
----------	------------	--------------------	---------------	---------------	----------------

Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến <4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến <4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết

8.2.2. Bài kiểm tra thực hành phương pháp – A2 (10%): Theo Rubric đánh giá bài thực hành phương pháp.

8.2.3. Rubric đánh giá điểm bài tập (tiểu luận) – A3 (10%): Rubric đánh giá bài tập cá nhân

8.2.4. Kiểm tra, đánh giá định kì (20%): Theo Rubric đánh giá bài thực hành.

8.2.5. Thi kết thúc học phần (50%): Theo Rubric đánh giá bài thực hành.

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập

[1]. Lê Quang Sơn (chủ biên), Nguyễn Đình Thành (2007), Thê dục (tài liệu đào tạo giáo viên), NXB Đại học sư phạm. Thư viện trường ĐHSP TN

[2]. Đỗ Ngọc Cương (chủ biên), Nguyễn Văn Dũng, Võ Xuân Thủy, Đào Ngọc Anh, Trần Thị tú (2023), Giáo trình Phương pháp dạy học môn Giáo dục thể chất trong trường phổ thông, NXB Đại học Thái Nguyên. Thư viện trường ĐHSP TN

9.2. Tài liệu tham khảo

[3]. Đặng Đức Thao, Phạm Khắc Ngọc, Vũ Đào Hùng, Trần Thị Thuận (1998), Thê dục và phương pháp dạy học (tập một), NXB Giáo dục. Thư viện trường ĐHSP TN.

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 1: Thể dục đội hình đội ngũ
LLO1	Trình bày được kiến thức chung về đội hình, đội ngũ: Khái niệm; ý nghĩa, tác dụng của tập luyện đội hình đội ngũ; Phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá Đội hình đội ngũ.
LLO2	Trình bày được kỹ thuật cơ bản, phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá của các bài tập đội hình, đội ngũ.
LLO3	Thực hiện được kỹ thuật các động tác đội hình, đội ngũ.
LLO4	Tổ chức được hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá môn thể dục ĐHĐN trong thực tiễn công tác ở cơ sở.
LLO5	Xây dựng được kế hoạch dạy học đội hình đội ngũ.
LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 2: Thể dục cơ bản
LLO6	Trình bày được những kiến thức chung về thể dục cơ bản: Khái niệm; ý nghĩa, tác dụng của tập luyện thể dục cơ bản; Phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá thể dục cơ bản.
LLO7	Trình bày được kỹ thuật cơ bản, phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá của bài thể dục phát triển chung, bài thể dục với dụng cụ đơn giản.
LLO8	Thực hiện được bài thể dục phát triển chung tay không và có dụng cụ vòng , gậy.
LLO9	Biên soạn được bài thể dục phát triển chung phù hợp với đối tượng.
LLO10	Xây dựng kế hoạch dạy học môn Thể dục cơ bản trong hoạt động GDTC.
LLO11	Vận dụng được những kiến thức, kỹ năng được trang bị trong học phần vào quá trình tự học, tự nghiên cứu, làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và học tập suốt đời.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra của học phần						
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
LLO1	x						
LLO2		x					

LLOs	Chuẩn đầu ra của học phần						
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
LLO3			x				
LLO4					x		
LLO5						x	x
LLO6	x						
LLO7		x					
LLO8			x				
LLO9				x			
LLO10					x		
LLO11						x	x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Bài 1: Thể dục đội hình đội ngũ				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1 LLO2 LLO4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (43 tiết) * Nội dung lý thuyết (E-learning): (03 tiết) 1.1. Khái niệm về Đội hình đội ngũ. 1.2. Ý nghĩa, tác dụng của tập luyện Đội hình đội ngũ 1.3. Phương pháp, kỹ thuật, hình thức dạy học đội hình đội ngũ. 1.4. Kỹ thuật đội ngũ 1.4.1. Tập hợp một hoặc nhiều hàng dọc, hàng ngang. 1.4.2. Động tác dóng hàng dọc và hàng ngang.	- GV hướng dẫn SV vào xem bài giảng điện tử. - SV xem video và ghi chép nội dung bài học.	A1	[1] Chủ đề 1: Trang 7 - 33 [2] Chương 3 (80-160) Chương 4 (161-184) Chương 5 (185-230)

	1.4.3. Kỹ thuật điểm số hàng dọc và hàng ngang. 1.4.4. Chào và báo cáo khi lên lớp. 1.4.5. Động tác đứng nghiêm, nghỉ. 1.4.6. Kỹ thuật quay tại chỗ: (quay phải, quay trái, sau). 1.4.7. Kỹ thuật dậm chân tại chỗ đứng lại. 1.4.8. Kỹ thuật đi đều - đứng lại. 1.4.9. Kỹ thuật chạy đều thể thao đứng lại. 1.5. Bài tập đội hình 1.5.1. Đội hình chuyển hướng vòng trong di chuyển (Vòng phải, vòng trái, vòng đằng sau) 1.5.2. Đội hình chuyển hướng quay trong di chuyển (Vòng phải, vòng trái, quay đằng sau) 1.5.3. Đội hình biến hóa tại chỗ từ 1 thành 2, 3... hàng dọc, hàng ngang. 1.5.4. Bài tập dàn và dồn hàng theo cự ly dẫn cách, các bước tiến lùi, đội hình 0.2.4, 0.3.6.9. 1.6. Phương pháp kiểm tra đánh giá đội hình đội ngũ.			
LLO2 LLO3 LLO4 LLO5	* Nội dung thực hành (E-learning): (12 tiết) 1.6. Bài tập đội ngũ 1.6.1. Tập hợp một hoặc nhiều hàng dọc, hàng ngang. 1.6.2. Động tác dóng hàng dọc và hàng ngang. 1.6.3. Kỹ thuật điểm số hàng dọc và hàng ngang. 1.6.4. Chào và báo cáo khi lên lớp.	- GV hướng dẫn SV vào xem bài giảng điện tử. - SV xem video và ghi chép nội dung bài học. - Tập luyện theo hướng	A1; A2, A4, A6	[1] Chủ đề 1: Trang 7 - 33 [2] Chương 4 (161-184)

	1.6.5. Động tác đứng nghiêm, nghỉ. 1.6.6. Kỹ thuật quay tại chỗ: (quay phải, quay trái, sau). 1.6.7. Kỹ thuật dậm chân tại chỗ đứng lại. 1.6.8. Kỹ thuật đi đều, đứng lại. 1.6.9. Kỹ thuật chạy đều thể thao đứng lại. 1.7. Bài tập đội hình 1.7.1. Đội hình chuyển hướng vòng trong di chuyển (Vòng phải, vòng trái, vòng đằng sau) 1.7.2. Đội hình chuyển hướng quay trong di chuyển (Vòng phải, vòng trái, quay đằng sau) 1.7.3. Đội hình biến hóa tại chỗ từ 1 hàng dọc (hàng ngang) thành 2 hàng dọc (hàng ngang). 1.7.4. Bài tập dàn và dồn hàng theo cự ly dẫn cách, các bước tiến lùi, đội hình 0.2.4, 0.3.6.9. 1.8. Tổ chức các hình thức tập luyện những nội dung đã được học: (21 tiết) * Kiểm tra thực hành - A2: (01 tiết) Theo ngân hàng câu hỏi và đáp án Khóa 59. * Kiểm tra định kì 1 – A4 (ĐHĐN) (02 tiết) Theo ngân hàng câu hỏi và đáp án Khóa 59.	dẫn của giáo viên.		
LLO2	* Bài tập (03 tiết)	-Thực hành	A1;	[1]
LLO3	Hướng dẫn luyện tập bài tập đội	- Luyện tập	A2,	Chủ đề 1:
LLO4	hình đội ngũ.	cá nhân,	A4,	Trang 7 - 33
LLO5		nhóm	A6	[2]

				Chương 4 (161-184)
	B. Nội dung tự học (34 tiết) 1. Phương pháp giảng dạy đội hình đội ngũ. 2. Kỹ thuật đội hình đội ngũ. 3. Thực hành bài tập đội hình đội ngũ đã được học.	Sinh viên sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành nội dung bài học theo hướng dẫn.	A1 A2 A3 A4 A6	[1] Chủ đề 1: Trang 7 - 33 [2] Chương 4 (161-184)
Bài 2: Thẻ đục cơ bản				
LLO6 LLO9	A. Nội dung thực hiện trên lớp (41 tiết) * Nội dung lý thuyết (E-learning): (03 tiết) 2.1. Các tư thế và hoạt động chính trong thẻ đục 2.1.1. Các tư thế đầu cổ. 2.1.2. Các tư thế ngón tay. 2.1.3. Các tư thế bàn tay. 2.1.4. Các hoạt động của tay. 2.1.5. Các tư thế của chân. 2.1.6. Các tư thế của thân. 2.1.7. Các tư thế quỳ. 2.1.8. Các tư thế ngồi. 2.1.9. Các tư thế nằm chống tay. 2.1.10. Các động tác thăng bằng. 2.2. Mục đích, tác dụng và yêu cầu dạy học bài thẻ đục phát triển chung. 2.3. Nguyên tắc thiết kế bài thẻ đục phát triển chung.	- GV hướng dẫn SV vào xem bài giảng điện tử. - SV xem video và ghi chép nội dung bài học.	A1	[1] Chủ đề 2: Trang 34 - 103 Chủ đề 3: Trang 116-129 [2] Chương 3 (80-160) Chương 4 (161-184) Chương 5 (185-230)

	2.4. Phương pháp, kỹ thuật, hình thức dạy học thể dục cơ bản. 2.5. Phương pháp kiểm tra đánh giá thể dục cơ bản.			
LLO7 LLO8 LLO9 LLO10 LLO11	* Nội dung thực hành (E-learning): (06 tiết) 2.5. Các tư thế và hoạt động chính trong thể dục 2.6. Bài thể dục phát triển chung 2.7. Bài thể dục với dụng cụ đơn giản 2.7.1. Bài thể dục với vòng 32 nhịp 2.7.2. Bài thể dục với gậy 32 nhịp 2.8. Tổ chức các hình thức tập luyện những nội dung đã được học (25 tiết) * Kiểm tra định kỳ 2 – A5 (02 tiết): Theo ngân hàng câu hỏi và đáp án Khóa 59.	- GV hướng dẫn SV vào xem bài giảng điện tử. - SV xem video và ghi chép nội dung bài học. - Tập luyện theo hướng dẫn của giáo viên.	A1 A5 A6	[1] Chủ đề 2: Trang 34 - 106 Chủ đề 4: Trang 116 - 129
LLO8 LLO9	* Nội dung bài tập cá nhân (05 tiết). - Biên soạn và hướng dẫn luyện tập bài thể dục phát triển chung (theo quy định của giáo viên).	-Thực hành - Luyện tập cá nhân, nhóm	A3	[1] Chủ đề 2: Trang 34 - 106 Chủ đề 4: Trang 116 - 129
	B. Nội dung tự học (32 tiết) 1. Phương pháp, kỹ thuật, hình thức dạy học bài thể dục cơ bản. 2. Phương pháp kiểm tra đánh giá bài thể dục cơ bản. 3. Thực hành bài thể dục đã được học.	Sinh viên sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành nội dung bài học theo hướng dẫn.	A1 A3 A5 A6	[1] Chủ đề 2: Trang 34-106 Chủ đề 4: Trang 116-129 [2] Chương 3 (80-160) Chương 4 (161-184)

				Chương 5 (185-230)
LLO1- LLO5	* Hướng dẫn kiểm tra bài tập (A3) (1 tiết): Theo ngân hàng câu hỏi và đáp án Khóa 59.	01 tiết		
LLO6- LLO11	* Kiểm tra định kỳ 2 – A5 (02 tiết): Theo ngân hàng câu hỏi và đáp án Khóa 59.	02 tiết		

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: có bảng lớn và máy chiếu
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Còi, gậy, vòng đúng đũa định.
- Điều kiện khác: Sân tập đảm bảo an toàn, sạch sẽ và đúng quy cách.

8.25. Bơi

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 84 tiết.
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	06	12
2	Bài tập	09	39
3	Thực hành	64	
4	Kiểm tra đánh giá	05	15
Tổng		84	66

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không;
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Thể dục thể thao Chuyên ngành - Khoa TDTT.

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Th.S Nguyễn Huy Ánh	0978223583	anhnh@tnue.edu.vn
2	Th.S. Trần Minh Khương	0945345222	khuongtm@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

CO1: Hiểu được những kiến thức cơ bản về kỹ thuật Bơi ếch và Bơi trườn sấp thể thao: Đặc điểm, ý nghĩa, sơ lược lịch sử; Luật bơi; Phương pháp phòng, chống đuối nước.

CO2: Hiểu được nguyên lý các kỹ thuật cơ bản; phương pháp giảng dạy; Phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn Bơi.

* Về kỹ năng

CO3: Thực hiện được kỹ thuật Bơi ếch và Bơi trườn sấp thể thao

CO4: Thực hiện được kỹ năng sơ cứu chấn thương, tai nạn đuối nước

CO5: Vận dụng được những kiến thức cơ bản về phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra, đánh giá.

CO6: Vận dụng được luật Bơi vào phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài của môn Bơi vào hoạt động thực tiễn công tác ở cơ sở.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO7: Xây dựng được kế hoạch cá nhân, giao tiếp và hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm; Tự học tập và rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho bản thân..

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
CO1	CLO1	Mô tả được những kiến thức cơ bản về kỹ thuật Bơi ếch và Bơi trườn sấp thể thao: Đặc điểm, ý nghĩa, sơ lược lịch sử; Nguyên lý các kỹ thuật cơ bản; Luật bơi, phương pháp phòng, chống đuối nước.	PLO3, 4
CO2	CLO2	Phân tích được chi tiết các kỹ thuật cơ bản của Bơi ếch và Bơi trườn sấp thể thao; phương pháp giảng	PLO 3, 4

		day, phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn Bơi.	
Kỹ năng			
CO3	CLO3	Thực hiện được kỹ thuật Bơi ếch và Bơi trườn sấp thể thao.	PLO8
CO4	CLO4	Thực hiện được kỹ năng sơ cứu chấn thương, tai nạn đuối nước	PLO 5,8, 9
CO5	CLO5	Vận dụng được những kiến thức cơ bản về phương pháp giảng dạy; phương pháp kiểm tra, đánh giá của môn học để tổ chức hoạt động dạy học ở cấp cơ sở	PLO 8, 9,10,11, 12
CO6	CLO6	Sử dụng được những kiến thức cơ bản của Luật Bơi về phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài để tổ chức hoạt động thi đấu ở cấp cơ sở.	PLO 5,8,9,10,11
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO7	CLO7	Xây dựng được kế hoạch cá nhân, giao tiếp và hợp tác được để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm; Tự học tập và rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho bản thân.	PLO 14

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo PLOs													
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
CLO1			x	x										
CLO2			x	x										
CLO3								x						
CLO4					x			x	x					
CLO5								x	x	x	x	x		
CLO6							x	x	x	x				
CLO7														x
MDG	0	0	2	2	1	0	1	3	3	2	1	1	0	1

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học trang bị cho người học những kiến thức chung về sơ lược lịch sử, đặc điểm, ý nghĩa của môn Bơi đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật, thể lực chuyên môn, phương

pháp giảng dạy; phương pháp phòng, chống đuối nước, phương pháp kiểm tra, đánh giá; Luật, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn Bơi.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết và thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học...
- Bài tập: Hoàn thành 03 bài tập cá nhân.
- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức và trọng số điểm

- Sử dụng thang 10 điểm.

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (Trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-7
2	A2. Bài tập	10%	01	Rubric đánh giá bài tập	CLO 1, 2
3	A3. Thực hành phương pháp	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 3,4,5,6
4	A4. Bài kiểm tra định kì 1 (thực hành phương pháp)	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 3,4,5,6
5	A5. Bài kiểm tra định kì 2	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 3
Thi kết thúc học phần (Trọng số 50%)					
6	A6. Thực hành	50%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 3

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết và thực hành.	Dự 80% - 89% số giờ lên lớp lý thuyết và thực hành.	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết và thực hành.	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết và thực hành.

2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Bài tập cá nhân (20%)					
Tiêu chí	Thang điểm	Tốt 80-100%	Khá 65-79%	Đạt 50-64%	Không đạt 0-49%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn.	2	1,6 đến 2	1,3 đến < 1,6	1 đến < 1,3	0 đến < 1
		Thực hiện 80 – 100% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn	Thực hiện 65-79% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện 50 – 64% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Không thực hiện các nhiệm vụ, không nộp sản phẩm
	5	4,0 đến 5,0	3,3 đến < 4,0	2,5 đến < 3,3	0 đến < 2,5

Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu		Nội dung được phân tích kỹ càng với các lập luận sáng tạo và có bằng chứng vững vàng hỗ trợ cho chủ đề.	Nội dung thể hiện các quan điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.	Trình bày vài quan điểm và lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.
Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu	2	1,6 đến 2	1,3 đến < 1,6	1 đến < 1,3	0 đến < 1
		Nhất quán về format trong toàn bài, không có lỗi chính tả.	Vài sai sót nhỏ về format, một vài lỗi chính tả nhỏ.	Format vài chỗ không thống nhất, lỗi chính tả khá nhiều.	Format rất nhiều chỗ không nhất quán, lỗi chính tả rất nhiều.
Ý tưởng sáng tạo	1	0,8 đến 1	0,6 đến < 0,8	0,5 đến < 0,6	0 đến < 0,5
		Ý tưởng được thể hiện đầy đủ, rõ ràng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ.	Mới chỉ nêu được ý tưởng.	Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo.

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Đào Thị Hoa Quỳnh, Trần Minh Khương, Nguyễn Huy Ánh (2023), Giáo Trình Bơi , NXB ĐHTN, Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN.

[2]. Ngô Xuân Viện (2015), Giáo trình bơi thể thao, NXB – TĐTT. Thư viện trường ĐHSP TN

9.2. Tài liệu tham khảo

[3] Nguyễn Văn Trạch (1999), Bơi lội, NXB TĐTT, Hà Nội. Thư viện trường ĐHSP TN

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 1: Kiến thức chung về môn học
LLO1	Xác định được những kiến thức cơ bản về kiểu Bơi ếch và Bơi trườn sấp thể thao: Đặc điểm, ý nghĩa, sơ lược lịch sử; Nguyên lý các kỹ thuật cơ bản; Luật thi đấu; Phương pháp phòng chống đuối nước.

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 2: Các kỹ thuật cơ bản
LLO2	Thực hiện được kỹ thuật Bơi ếch và Bơi trườn sấp thể thao.
LLO3	Thực hiện được kỹ năng sơ cứu chấn thương, tai nạn đuối nước
LLO4	Vận dụng được những kiến thức cơ bản về phương pháp giảng dạy; phương pháp kiểm tra, đánh giá của môn học để tổ chức hoạt động dạy học ở cấp cơ sở
LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 3: Phương pháp giảng dạy môn Bơi; phương pháp kiểm tra, đánh giá môn học
LLO5	Xây dựng được kế hoạch dạy học; kiểm tra đánh giá môn Bơi trong hoạt động GDTC và Thể thao trường học.
LLO6	Tổ chức được kế hoạch dạy học, kiểm tra đánh giá môn Bơi trong hoạt động GDTC và Thể thao trường học.
LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 4: Phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn Bơi
LLO7	Thiết kế được kế hoạch và tổ chức thi đấu, trọng tài môn Bơi ở cấp cơ sở.
LLO8	Xây dựng được kế hoạch cá nhân, giao tiếp và hợp tác được để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm; Tự học tập và rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho bản thân.

10.2. Ma trận liên kết LLOs với CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)						
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
LLO1	x	x					
LLO2			x				
LLO3				x			
LLO4					x		
LLO5					x		
LLO6					x		
LLO7						x	
LLO8							x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

LLOs	Nội dung	Hình thức/ Phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	Bài 1: Kiến thức chung về môn học	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm - Hoàn thành bài tập theo hướng dẫn của giáo viên	A1;A2	[1] (Chương 1 trang 3-39; chương 2 trang 40-66; chương X trang 472 - 485)
	A. Nội dung thực hiện trên lớp (07 tiết) * Nội dung lý thuyết: (02 tiết) 1. Nguồn gốc, lịch sử, ý nghĩa tác dụng môn Bơi. 2. Nguyên lý kỹ thuật Bơi ếch và Bơi trườn sấp thể thao. 3. Luật Bơi 4. Phương pháp sơ cứu chấn thương tai nạn đuối nước.			
	* Nội dung bài tập: (05 tiết) - Kiến thức chung về môn học - Luật Bơi - Sơ cứu chấn thương, hô hấp nhân tạo.			
	B. Nội dung tự học: (4 tiết) 1. Nguồn gốc, lịch sử 2. Nguyên lý kỹ thuật Bơi ếch và Bơi trườn sấp 3. Luật Bơi 4. Sơ cứu chấn thương, hô hấp nhân tạo	SV Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu của giảng viên		
LLO2, LLO3	Bài 2: Các kỹ thuật cơ bản	- Thuyết trình của GV. - Thực hành.	A1; A4; A5	[1] (Chương 3 trang 67- 91; trang 107 - 125;
	A. Nội dung thực hiện trên lớp (59 tiết) * Nội dung thực hành: (57 tiết) 1.Kỹ thuật thở trong kiểu Bơi ếch và trườn sấp.			

	2. Kỹ thuật động tác chân 3. Kỹ thuật động tác tay 4. Kỹ thuật động tác tay kết hợp thở 5. Phối hợp hoàn chỉnh toàn bộ kỹ thuật chân tay thở có chu kỳ 6. Kỹ thuật xuất phát và xoay vòng 7. Kỹ thuật đứng nước 8. Thực hành sơ cứu chấn thương, ép tim ngoài lồng ngực, hô hấp nhân tạo. * Kiểm tra đánh giá * Kiểm tra định kì 2 – A5 (02 tiết): Kiểm tra kỹ thuật bơi trườn sấp (theo ngân hàng câu hỏi và đáp án khóa 59).			trang 146 - 183)
	B. Nội dung tự học: (39 tiết) - Phối hợp hoàn chỉnh toàn bộ kỹ thuật bơi ếch và bơi trườn sấp. - Kỹ thuật xuất phát và xoay vòng - Kỹ thuật đứng nước	SV Chủ động tự học và hoàn thành mình chứng theo yêu cầu của GV		
LLO4 LLO5 LLO6	Bài 3: Phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá kỹ thuật các kiểu bơi và phòng chống đuối nước A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung lý thuyết: (2 tiết) 1. Các nguyên tắc giảng dạy trong Bơi thể thao; 2. Phương pháp giảng dạy các kỹ thuật kiểu Bơi thể thao. 3. Phương pháp phòng chống đuối nước. 4. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kỹ thuật bơi thể thao * Nội dung thực hành (08 tiết):	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm	A1; A3	[1] (Chương 4 trang 185-267)

	- Thực hành sơ cứu chấn thương, ép tim ngoài long ngực, hô hấp nhân tạo.			
	B. Nội dung tự học: (19 tiết) 1. Các nguyên tắc giảng dạy trong Bơi trườn sấp thể thao; 2. Giảng dạy kỹ thuật các kiểu Bơi thể thao. 3. Phương pháp phòng chống đuối nước. 4. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kỹ thuật bơi trườn sấp thể thao	SV Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu của GV		
LLO7	Bài 4: Phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn Bơi	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm	A1;A2	[1] (Chương 9 trang 437-462)
	A. Nội dung thực hiện trên lớp (05 tiết) * Nội dung lý thuyết: (2 tiết) 1. Công tác chuẩn bị thi đấu 2. Phương pháp trọng tài Bơi			
	* Nội dung bài tập: (04 tiết) - Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài.			
	B. Nội dung tự học: (4 tiết) 1. Công tác chuẩn bị thi đấu 2. Phương pháp trọng tài Bơi 3. Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài	SV Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu của GV		
LLO1	* Kiểm tra đánh giá bài tập: (01 tiết)	Sinh viên thực hiện bài tập theo yêu cầu của GV	A2	

LLO2- LLO7	* Kiểm tra định kỳ 2 thực hành phương pháp: 02 tiết	Sinh viên thực hiện bài thực hành theo yêu cầu của GV	A3; A4	
---------------	---	---	-----------	--

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: Sân tập, bể bơi đảm bảo đủ các điều kiện về vệ sinh, chất lượng để phục vụ cho hoạt động dạy học.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Dụng cụ tập hỗ trợ, đồng hồ, phao bơi...
- Điều kiện khác: Hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ (nếu có)...

8.26. Bóng đá

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03 ; Tổng số giờ quy chuẩn: 84 tiết.
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	06		66
2	Bài tập	09		
3	Thực hành	64		
4	Kiểm tra, đánh giá	05		
Tổng		84		66

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn TDTT Chuyên ngành; Khoa TDTT

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
----	----------------------------	---------------	-------

1	Ths. Lê Văn Hùng	0981 212 682	hunglv@tnue.edu.vn
2	TS. Đỗ Ngọc Cương	0912 552 131	cuongdn@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

CO1: Có kiến thức chung về môn bóng đá: Đặc điểm, ý nghĩa, sơ lược lịch sử; Luật thi đấu.

CO2: Phân tích được nguyên lý các kỹ thuật cơ bản; phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá; Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn Bóng đá.

* Về kỹ năng

CO3: Thực hiện được một số kỹ thuật cơ bản của môn Bóng đá; (kỹ thuật đá bóng bằng cạnh trong, mu trong, mu giữa bàn chân; kỹ thuật ném biên; kỹ thuật đánh đầu bằng trán giữa).

CO4: Vận dụng được những kiến thức cơ bản về phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá, luật thi đấu trong học tập và hoạt động dạy học.

CO5: Có kỹ năng cơ bản về tổ chức thi đấu và trọng tài.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO6: Có khả năng tiếp tục học tập nâng cao trình độ.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Mô tả được những kiến thức cơ bản về môn Bóng đá: Đặc điểm, ý nghĩa, sơ lược lịch sử; Luật thi đấu;	PLO 3
CO2	CLO2	Phân tích được nguyên lý các kỹ thuật cơ bản; phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá; Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn Bóng đá.	PLO 3, 8,9
	Kỹ năng		
CO3	CLO3	Thực hiện được một số kỹ thuật cơ bản của môn Bóng đá; (kỹ thuật đá bóng bằng cạnh trong, mu trong, mu giữa bàn chân; kỹ thuật ném biên; kỹ thuật đánh đầu bằng trán giữa).	PLO 8
CO4	CLO4	Biên soạn được kế hoạch chuyên môn	PLO 10

	CLO5	Tổ chức được hoạt động dạy học; kiểm tra, đánh giá; Phương pháp trọng tài bóng đá cấp cơ sở.	PLO8,9,10 11,12
CO5	CLO6	Thực hiện được các hoạt động về tổ chức thi đấu bóng đá	PLO 5, 11
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CO6	CLO7	Có khả năng tiếp tục học tập nâng cao trình độ.	PLO14

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo PLOs													
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
CLO1			x											
CLO2			x					x	x					
CLO3								x						
CLO4										x				
CLO5								x	x	x	x	x		
CLO6					x						x			
CLO7														x
MĐG	0	0	2	0	1	0	0	3	2	2	2	1	0	1

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học trang bị cho người học những kiến thức về sơ lược lịch sử, đặc điểm, ý nghĩa của bóng đá với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản của một số kỹ thuật, phương pháp dạy học; Phương pháp kiểm tra, đánh giá; luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn Bóng đá.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết và thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp học.
- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.
- Thực hành: Hoàn thành 01 bài kiểm tra cá nhân hoặc nhóm theo yêu cầu của giảng viên.

- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức và trọng số điểm

- Sử dụng thang 10 điểm.

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-8
2	A2. Bài tập	10%	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 1, 2
3	A3. Bài kiểm tra thực hành phương pháp	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 4,5,6,7
3	A3. Bài kiểm tra định kì 1 (Thực hành kỹ thuật)	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 3
5	A5. Bài kiểm tra định kì 2 (Thực hành phương pháp)	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 4,5,6,7
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A6. Thực hành (Kỹ thuật)	50%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 3

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10%)					
Tính chủ động, mức	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0

độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết và thực hành.	Dự 80% - 89% số giờ lên lớp lý thuyết và thực hành.	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết và thực hành.	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết và thực hành.

8.2.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân, thực hành, bài kiểm tra định kỳ

- Đánh giá theo tiêu chí trong ngân hàng câu hỏi và đáp án Khoá 59.

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Phạm Quang (2010), Giáo trình Bóng đá, NXB Đại học Sư Phạm. Thư viện trường ĐHSPTN

[2]. Tổng cục TDTT (2014), Luật thi đấu bóng đá, Nxb TDTT. Thư viện trường ĐHSPTN

[3]. Liên đoàn bóng đá Việt Nam (2022), Luật thi đấu bóng đá, Nxb TT&DL. Thư viện trường ĐHSPTN

9.2. Tài liệu tham khảo:

[4]. TS. Đỗ Ngọc Cương, Th.s Lê Văn Hùng (2020), Giáo trình bóng đá, NXB Công Thương. Thư viện trường ĐHSPTN

[5]. PGS. TS. Trần Đức Dũng (2007), Giáo trình Bóng đá, NXB TDTT. Thư viện trường ĐHSPTN.

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 1: Kiến thức chung về môn học
LLO1	Xác định được những kiến thức cơ bản về môn Bóng đá: Đặc điểm, ý nghĩa, sơ lược lịch sử; Nguyên lý các kỹ thuật cơ bản; Luật thi đấu.
LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 2: Các kỹ thuật cơ bản trong bóng đá
LLO2	Thực hiện, phân tích được một số kỹ thuật, chiến thuật cơ bản môn Bóng đá.
LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 3: Phương pháp dạy học môn bóng đá
LLO3	Biên soạn được kế hoạch chuyên môn
LLO4	Tổ chức được hoạt động dạy học; kiểm tra, đánh giá; Phương pháp trọng tài bóng đá cấp cơ sở.
LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 4: Phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn bóng đá
LLO5	Thực hiện được các hoạt động về tổ chức thi đấu bóng đá(xây dựng điều lệ giải, bắt thăm, xếp lịch thi đấu....).
LLO6	Vận dụng luật thi đấu để xử lý, giải thích một số tình huống cơ bản.
LLO7	Có khả năng tiếp tục học tập nâng cao trình độ.

10.2. Ma trận liên kết LLOs với CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)							
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
LLO1	x							
LLO2		x	x					
LLO3			x					
LLO4				x	x			
LLO5						x		
LLO6					x		x	
LLO7								x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

LLOs	Nội dung	Hình thức/ Phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	Bài 1: Kiến thức chung về môn học			[1]

	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết) * Nội dung lý thuyết: (2 tiết) 1. Khái niệm chung; 2. Nguồn gốc, lịch sử môn bóng đá; 3. Đặc điểm và lợi ích tác dụng của môn bóng đá; 4. Ý nghĩa của môn Bóng đá; 5. Nguyên lý các kỹ thuật cơ bản; 6. Luật thi đấu; 7. Vị trí của bóng đá trong công tác GDTC và thể thao trường học. * Nội dung bài tập: (4 tiết) - Kiến thức chung về môn học - Luật thi đấu	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm	A1;A2	Chương 1,4,5 [2],[3] Luật 1,2,3,4 [4]; [5] Chương 1
	B. Nội dung tự học: (6 tiết) 1. Khái niệm chung; 2. Nguồn gốc, lịch sử môn bóng đá; 3. Đặc điểm và lợi ích tác dụng của môn bóng đá; 4. Ý nghĩa của môn Bóng đá; 5. Nguyên lý các kỹ thuật cơ bản; 6. Luật thi đấu; 7. Vị trí của bóng đá trong công tác GDTC và thể thao trường học.	SV Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu của giảng viên		
LLO2	Bài 2: Các kỹ thuật cơ bản trong bóng đá	- GV hướng dẫn SV vào xem bài giảng điện tử. - SV xem video và ghi chép nội dung bài học.	A1;A4,A5;A6	[1]; Chương 2 [4] Chương 2,3 [5]
	A. Nội dung thực hiện trên lớp (60 tiết) * Nội dung thực hành: (57 tiết) 1. Các kỹ thuật đá bóng; 2. Kỹ thuật đánh đầu; 3. các kỹ thuật dừng bóng, dẫn bóng;			

	4. Các kỹ thuật động tác giả, tranh cướp bóng; 5. Kỹ thuật ném biên; 6. Kỹ thuật thủ môn; 7. Chiến thuật bóng đá. * Kiểm tra bài thực hành: Thực hành kỹ thuật (Theo ngân hàng câu hỏi và đáp án khoá 59) 01 tiết * Kiểm tra định kỳ 1 (Theo ngân hàng câu hỏi và đáp án khoá 59) 02 tiết	- Tập luyện theo hướng dẫn trong video. - Thuyết trình của GV. - Thực hành.		Chương 3,4
	B. Nội dung tự học: (36 tiết) 1. Các kỹ thuật đá bóng; 2. Kỹ thuật đánh đầu; 3. các kỹ thuật dừng bóng, dẫn bóng; 4. Các kỹ thuật động tác giả, tranh cướp bóng; 5. Kỹ thuật ném biên; 6. Kỹ thuật thủ môn; 7. Chiến thuật bóng đá.	SV Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu của giảng viên		
LLO3	Bài 3: Phương pháp dạy học môn bóng đá	- Thuyết trình của GV.	A1	[5]
LLO4		- Thực hành.		Chương 5
LLO5	A. Nội dung thực hiện trên lớp (2 tiết) * Nội dung lý thuyết: (2 tiết) 1. Các nguyên tắc giảng dạy; 2. Các phương pháp giảng dạy; huấn luyện; phương pháp kiểm tra, đánh giá; 3. Các giai đoạn dạy học.			[2],[3]
	B. Nội dung tự học: (4 tiết) 1. Các nguyên tắc giảng dạy; 2. Các phương pháp giảng dạy; huấn luyện; phương pháp kiểm tra, đánh giá;	SV Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng		Luật 5,6,7,8

	3. Các giai đoạn dạy học.	theo yêu cầu của giảng viên		
LLO6, LLO7	Bài 4: Phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn Bóng đá	- Thuyết trình của GV.	A1;A2; A3	[1] Chương 4 [4] Chương 4,5 [5] Chương 6 [2],[3] Luật 9-17
	A. Nội dung thực hiện trên lớp (16) * Nội dung Lý thuyết: (2 tiết) 1. Ý nghĩa và các hình thức thi đấu; 2. Điều lệ giải; 3. Hệ thống thi đấu; 4. Trọng tài và các hình thức di chuyển của trọng tài; * Nội dung thực hành: (7 tiết) - Phương pháp trọng tài * Kiểm tra định kỳ 2 (Theo ngân hàng câu hỏi và đáp án khoá 59)- 02 tiết * Nội dung bài tập: (5 tiết) - Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. - Các bài tập thể lực chuyên môn * Kiểm tra: Bài tập (Theo ngân hàng câu hỏi và đáp án khoá 59)	- Thực hành.		
	B. Nội dung tự học: (20 tiết) 1. Ý nghĩa và các hình thức thi đấu; 2. Điều lệ giải; 3. Hệ thống thi đấu; 4. Trọng tài và các hình thức di chuyển của trọng tài;	SV Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu của giảng viên		

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Sân tập luyện: Sân bóng đá 11, 7 và sân 5 người có đầy đủ lưới, cầu môn; Thiết bị kẻ sân.

- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Bóng (tối thiểu 2 người/1 quả bóng); marker (các kích cỡ); Trang bị của trọng tài; Bảng của HLV; Đồng hồ bấm; còi; Thước.

- Điều kiện khác: Hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ (nếu có).

8.27. Cầu lông

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03 ; Tổng số giờ quy chuẩn: 84 tiết.

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	06		66
2	Bài tập	09		
3	Thực hành	64		
4	Kiểm tra, đánh giá	05		
Tổng		84	0	66

- Loại học phần: Tự chọn;

- Học phần tiên quyết: Không;

- Học phần học trước: Không;

- Học phần học song hành: Không;

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn TDDT Chuyên ngành - Khoa TDDT.

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Mạnh Hùng	0988711822	hungnm.phy@tnue.edu.vn
2	Th.S Đào Ngọc Anh	0986599780	anhdn@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

CO1: Có kiến thức chung về môn Cầu Lông: Đặc điểm, ý nghĩa, sơ lược lịch sử; Luật thi đấu.

CO2: Phân tích được nguyên lý các kỹ thuật cơ bản; phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá; Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn Cầu Lông.

* Về kỹ năng

CO3: Thực hiện được một số kỹ thuật cơ bản của môn Cầu Lông; (Kỹ thuật di chuyển, phòng thủ, tấn công và giao cầu).

CO4: Vận dụng được những kiến thức cơ bản về phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá, luật thi đấu trong học tập và hoạt động dạy học.

CO5: Có kỹ năng cơ bản về tổ chức thi đấu và trọng tài.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO6: Xây dựng được kế hoạch cá nhân, giao tiếp và hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm; Tự học tập và rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho bản thân.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần	CDR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Mô tả được những kiến thức chung về môn Cầu Lông: Đặc điểm, ý nghĩa, sơ lược lịch sử; Luật thi đấu.	PLO 3
CO2	CLO2	Phân tích được nguyên lý các kỹ thuật cơ bản; phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá; Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn Cầu Lông.	PLO 3, 8,9
	Kỹ năng		
CO3	CLO3	Thực hiện được một số kỹ thuật cơ bản của môn Cầu Lông; (Kỹ thuật di chuyển, phòng thủ, tấn công và giao cầu).	PLO 8
CO4	CLO4	Biên soạn được kế hoạch chuyên môn	PLO10
	CLO5	Tổ chức được hoạt động dạy học; kiểm tra, đánh giá; Phương pháp trọng tài Cầu Lông cấp cơ sở.	PLO8,9,10 11,12
CO5	CLO6	Thực hiện được các hoạt động về tổ chức thi đấu Cầu lông	PLO 5, 11
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CO6	CLO7	Xây dựng được kế hoạch cá nhân, giao tiếp và hợp tác được để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm; Tự học	PLO14

		tập và rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho bản thân.	
--	--	--	--

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo PLOs													
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
CLO1			x											
CLO2			x					x	x					
CLO3								x						
CLO4										x				
CLO5								x	x	x	x	x		
CLO6					x						x			
CLO7														x
MĐG	0	0	2	0	1	0	0	3	2	2	2	1	0	1

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học trang bị cho người học những kiến thức chung về sơ lược lịch sử, đặc điểm, ý nghĩa của môn học đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ chiến - chiến thuật, thể lực chuyên môn, phương pháp giảng dạy và huấn luyện; Phương pháp kiểm tra, đánh giá; luật, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn Cầu Lông. Thông qua môn học giúp người học phát triển tố chất thể lực để tạo điều kiện tiếp thu nhanh các kỹ thuật của môn học khác.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết và thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp học.
- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.
- Thực hành: Hoàn thành 01 bài kiểm tra cá nhân hoặc nhóm theo yêu cầu của giảng viên.
- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức và trọng số điểm

- Sử dụng thang 10 điểm.

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-8
2	A2. Bài tập	10%	01	Rubric đánh giá bài tập	CLO 1,2
3	A3. Thực hành phương pháp	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 3,4,5,6
4	A4. Bài kiểm tra định kì 1 (Thực hành phương pháp)	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 4, 5, 6, 7
5	A5. Bài kiểm tra định kì 2 (Kỹ thuật)	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 3
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A6. Thực hành (Kỹ thuật)	50%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 3

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học

					Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
		0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết và thực hành.	Dự 80% - 89% số giờ lên lớp lý thuyết và thực hành.	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết và thực hành.	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết và thực hành.

2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân, thực hành, bài kiểm tra định kỳ

- Đánh giá theo tiêu chí trong rubrics đánh giá các bài thực hành.

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Nguyễn Văn Đức, Trần Văn Vinh (2016), Giáo trình cầu lông, NXB TDTT, Hà Nội. Thư viện trường ĐHSP – ĐHTN.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Tổng cục TDTT (2015), Luật thi đấu Cầu Lông, NXB TDTT, Hà Nội. Thư viện trường ĐHSP – ĐHTN.

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 1: Kiến thức chung về môn học
LLO1	Xác định được những kiến thức cơ bản về môn Cầu Lông: Đặc điểm, ý nghĩa, sơ lược lịch sử; Nguyên lý các kỹ thuật cơ bản; Luật thi đấu.
LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 2: Các kỹ thuật cơ bản trong môn Cầu Lông
LLO2	Thực hiện, phân tích được một số kỹ thuật, chiến thuật cơ bản môn Cầu Lông
LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 3: Phương pháp dạy học môn Cầu Lông
LLO3	Biên soạn được kế hoạch chuyên môn
LLO4	Tổ chức được hoạt động dạy học; kiểm tra, đánh giá; Phương pháp trọng tài Cầu Lông cấp cơ sở.
LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 4: Phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn Cầu Lông

LLO5	Thực hiện được các hoạt động về tổ chức thi đấu Cầu Lông(xây dựng điều lệ giải, bắt thăm, xếp lịch thi đấu....).
LLO6	Vận dụng luật thi đấu để xử lý, giải thích một số tình huống cơ bản.
LLO7	Xây dựng được kế hoạch cá nhân, giao tiếp và hợp tác được để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm; Tự học tập và rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho bản thân.

10.2. Ma trận liên kết LLOs với CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)							
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
LLO1	x							
LLO2			x					
LLO3				x				
LLO4				x				
LLO5					x			
LLO6							x	
LLO7								x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

LLOs	Nội dung	Hình thức/ Phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	Bài 1: Kiến thức chung về môn học	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm	A1	[1]
LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (4 tiết) * Nội dung lý thuyết: (2 tiết) 1. Nguồn gốc, lịch sử 2. Nguyên lý chung môn CL. 3. Luật Cầu Lông * Nội dung bài tập: (2 tiết) - Kiến thức chung về môn học - Luật Cầu Lông			[2]

	B. Nội dung tự học: (9 tiết) 1. Nguồn gốc, lịch sử 2. Nguyên lý chung về môn CL 3. luật Cầu Lông	SV Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu của giảng viên		
LLO3	Bài 2: Các kỹ thuật cơ bản trong môn Cầu Lông	- Thuyết trình của GV.	A1; A3;	[1] [2]
	A. Nội dung thực hiện trên lớp (39 tiết) * Nội dung thực hành: (37 tiết) 1. Phân loại kỹ thuật cơ bản - Kỹ thuật di chuyển - Kỹ thuật phòng thủ - Kỹ thuật tấn công - Kỹ thuật giao cầu 2. Phân tích một số kỹ thuật cơ bản và đặc điểm chính của các kỹ thuật đó. - Kỹ thuật di chuyển - Kỹ thuật phòng thủ - Kỹ thuật tấn công - Kỹ thuật giao cầu 3. Phân loại chiến thuật Cầu Lông - Chiến thuật đánh đơn - Chiến thuật đánh đôi * Bài kiểm tra thực hành (2 tiết) - Nội dung kiểm tra theo ngân hàng câu hỏi và đáp án K59	- Thực hành.	A4; A6	
	B. Nội dung tự học: (24 tiết)	SV Chủ động sắp		

	1. Phân loại kỹ thuật cơ bản 2. Phân tích một số kỹ thuật cơ bản và đặc điểm chính của các kỹ thuật đó. - Kỹ thuật di chuyển - Kỹ thuật phòng thủ - Kỹ thuật tấn công - Kỹ thuật giao cầu 3. Phân loại chiến thuật Cầu Lông - Chiến thuật đánh đơn - Chiến thuật đánh đôi	xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu của giảng viên		
LLO4	Bài 3: Phương pháp dạy học môn Cầu Lông	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1;	[1]
LLO5			A2	[2]
LLO6	A. Nội dung thực hiện trên lớp (16 tiết)		A4	
LLO7	* Nội dung lý thuyết: (2 tiết) 1. Các nguyên tắc giảng dạy; 2. Các phương pháp giảng dạy; * Nội dung Thực hành: (11 tiết) 1. Phương pháp giảng dạy môn Cầu Lông * Nội dung bài tập: (2 tiết) - Phương pháp giảng dạy môn Cầu Lông	- Thảo luận nhóm		
	B. Nội dung tự học: (15 tiết) 1. Các nguyên tắc giảng dạy; 2. Các phương pháp giảng dạy; 3. Các giai đoạn dạy học;	SV Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu của giảng viên		

LLO8	Bài 4: Phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn Cầu Lông	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm	A1; A5	[1] [2]
	A. Nội dung thực hiện trên lớp (25 tiết) * Nội dung lý thuyết: (2 tiết) 1. Hệ thống các cuộc thi đấu Cầu Lông 2. Khái niệm về thi đấu 3. Những vấn đề có tính nguyên tắc khi tổ chức thi đấu 4. Các hình thức tổ chức thi đấu * Nội dung thực hành: (16 tiết) 1. Phương pháp và hình thức tổ chức thi đấu 2. Phương pháp trọng tài Cầu Lông * Bài tập (5 tiết) - Tổ chức thi đấu và trọng tài môn Cầu Lông			
	B. Nội dung tự học: (18 tiết) 1. Hệ thống các cuộc thi đấu Cầu Lông 2. Khái niệm về thi đấu 3. Những vấn đề có tính nguyên tắc khi tổ chức thi đấu 4. Phương pháp và hình thức tổ chức thi đấu 5. Các hình thức tổ chức thi đấu 6. Phương pháp trọng tài Cầu Lông	SV Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu của giảng viên		
LLO1-LLO2	* Kiểm tra đánh giá bài tập: (01 tiết)	Sinh viên thực hiện bài tập theo yêu cầu của GV	A2	
LLO3-LLO7	* Kiểm tra định kỳ 2 thực hành phương pháp: 02 tiết	Sinh viên thực hiện bài thực hành theo yêu cầu của GV	A2; A4	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: Sân tập đảm bảo đủ các điều kiện về vệ sinh, chất lượng để phục vụ cho hoạt động dạy học.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Sân Cầu Lông, Cầu, vợt, lưới.
- Điều kiện khác: Hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ (nếu có)

8.28. Bóng chuyền

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 84 tiết.
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết		06	66
2	Bài tập	09		
3	Thực hành	46	18	
4	Kiểm tra, đánh giá	05		
Tổng		60	24	66

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn TDTT Chuyên ngành; Khoa TDTT

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Ths. Nguyễn Đức Tuấn	0983248322	tuannnd@tnue.edu.vn
2	ThS. Trần Minh Khương	0945345222	khuongtm@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

CO1: Có kiến thức chung về môn bóng chuyền: Đặc điểm, ý nghĩa, sơ lược lịch sử; Luật thi đấu.

CO2: Phân tích được nguyên lý các kỹ thuật cơ bản; phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá; Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn Bóng chuyên.

* Về kỹ năng

CO3: Thực hiện được một số kỹ thuật cơ bản của môn Bóng chuyên;

CO4: Vận dụng được những kiến thức cơ bản về phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá, luật thi đấu trong học tập và hoạt động dạy học.

CO5: Có kỹ năng cơ bản về tổ chức thi đấu và trọng tài.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO6: Có khả năng tiếp tục học tập nâng cao trình độ.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Mô tả được những kiến thức cơ bản về môn Bóng chuyên: Đặc điểm, ý nghĩa, sơ lược lịch sử; Luật thi đấu;	PLO 3
CO2	CLO2	Phân tích được nguyên lý các kỹ thuật cơ bản; phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá; Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn Bóng chuyên.	PLO 3, 8,9
	Kỹ năng		
CO3	CLO3	Thực hiện được một số kỹ thuật cơ bản của môn Bóng chuyên	PLO 8
CO4	CLO4	Biên soạn được kế hoạch chuyên môn	PLO 10
	CLO5	Tổ chức được hoạt động dạy học; kiểm tra, đánh giá; Phương pháp trọng tài bóng chuyên cấp cơ sở.	PLO8,9,10 11,12
CO5	CLO6	Thực hiện được các hoạt động về tổ chức thi đấu bóng chuyên.	PLO 5, 11
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CO6	CLO7	Có khả năng tiếp tục học tập nâng cao trình độ.	PLO14

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo PLOs													
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
CLO1			x											
CLO2			x					x	x					
CLO3								x						
CLO4										x				
CLO5								x	x	x	x	x		
CLO6					x						x			
CLO7														x
MĐG	0	0	2	0	1	0	0	3	2	2	2	1	0	1

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học trang bị cho người học những kiến thức về sơ lược lịch sử, đặc điểm, ý nghĩa của bóng chuyền với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản của một số kỹ thuật, phương pháp dạy học; Phương pháp kiểm tra, đánh giá; luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn Bóng chuyền.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết và thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp học.

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Thực hành: Hoàn thành 01 bài kiểm tra cá nhân hoặc nhóm theo yêu cầu của giảng viên.

- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức và trọng số điểm

- Sử dụng thang 10 điểm.

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					

1	A1. Chuyên cần	10%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-7
2	A2. Thực hành phương pháp	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 2,4,5,6
3	A3. Bài tập (tiểu luận)	10%	01	Rubric đánh giá bài tập	CLO 1,2
4	A4. Bài kiểm tra định kì 1 (Thực hành kỹ thuật)	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 3
5	A5. Bài kiểm tra định kì 2 (Thực hành phương pháp)	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 2,4,5,6
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A6. Thực hành (Kỹ thuật)	50%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 3

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.

Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết và thực hành.	Dự 80% - 89% số giờ lên lớp lý thuyết và thực hành.	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết và thực hành.	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết và thực hành.

8.2.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân, thực hành, bài kiểm tra định kỳ

- Đánh giá theo tiêu chí trong ngân hàng câu hỏi và đáp án Khoa 59.

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1] Nguyễn Đức Tuấn, Trương Tân Hùng (2020), Giáo trình bóng chuyền, NXB ĐHTN. Thư viện trường ĐHSP TN

[2] Phan Hồng Minh (2015), Luật bóng chuyền và luật bóng chuyền bãi biển, NXB TDTT, Hà Nội 2015. Thư viện trường ĐHSP TN

9.2. Tài liệu tham khảo:

[3] Bóng chuyền (Iu.N.KLESEP- A.G.AIRANX), NXB TDTT Hà Nội- 1997. Thư viện trường ĐHSP TN.

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 1: Kiến thức chung về môn học
LLO1	Xác định được những kiến thức cơ bản về môn Bóng chuyền: Đặc điểm, ý nghĩa, sơ lược lịch sử; Nguyên lý các kỹ thuật cơ bản; Luật thi đấu.
LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 2: Các kỹ thuật cơ bản trong bóng chuyền
LLO2	Thực hiện, phân tích được một số kỹ thuật, chiến thuật cơ bản môn Bóng chuyền.
LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 3: Phương pháp dạy học môn bóng chuyền
LLO3	Biên soạn được kế hoạch chuyên môn
LLO4	Tổ chức được hoạt động dạy học; kiểm tra, đánh giá; Phương pháp trọng tài bóng chuyền cấp cơ sở.
LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 4: Phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn bóng chuyền
LLO5	Thực hiện được các hoạt động về tổ chức thi đấu bóng đá(xây dựng điều lệ giải, bắt thăm, xếp lịch thi đấu....).

LLO6	Vận dụng luật thi đấu để xử lý, giải thích một số tình huống cơ bản.
LLO7	Có khả năng tiếp tục học tập nâng cao trình độ.

10.2. Ma trận liên kết LLOs với CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)							
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
LLO1	x							
LLO2		x	x					
LLO3			x					
LLO4				x	x			
LLO5						x		
LLO6					x		x	
LLO7								x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

LLOs	Nội dung	Hình thức/ Phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	Bài 1: Kiến thức chung về môn học A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết) * Nội dung lý thuyết: (2 tiết) - Đặc điểm và lợi ích tác dụng của môn bóng chuyền; - Ý nghĩa của môn Bóng chuyền; - Nguyên lý các kỹ thuật cơ bản; - Luật thi đấu; - Vị trí của Bóng chuyền trong công tác GDTC và thể thao trường học;	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm	A1; A2	[1] [2]; [3]

	* Nội dung bài tập: (04 tiết) - Kiến thức chung về môn học - Luật thi đấu.	SV hoàn thành bài tập theo yêu cầu		
LLO1	B. Nội dung tự học: (6 tiết) - Đặc điểm và lợi ích tác dụng của môn bóng chuyền; - Ý nghĩa của môn Bóng chuyền; - Nguyên lý các kỹ thuật cơ bản; - Luật thi đấu; - Vị trí của Bóng chuyền trong công tác GDTC và thể thao trường học;	SV Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành mình chứng theo yêu cầu của giảng viên		
LLO2	Bài 2: Các kỹ thuật cơ bản trong bóng chuyền	- GV hướng dẫn SV vào xem bài giảng điện tử. - SV xem video và ghi chép nội dung bài học. - Tập luyện theo hướng dẫn trong video. - Thuyết trình của GV. - Thực hành.	A1; A3; A4; A6	[1]; [3]
	A. Hướng dẫn E-Learning (30 tiết) - Kỹ thuật di chuyển, chuyền, đệm, phát, đập, chắn bóng. - Kỹ thuật chuyền bóng cao tay - Kỹ thuật đệm bóng - Kỹ thuật phát bóng - Kỹ thuật đập bóng - Kỹ thuật chắn bóng - Chiến thuật thi đấu tấn công cơ bản - Chiến thuật thi đấu phòng thủ cơ bản * Nội dung thực hiện trên lớp (30 tiết) * Nội dung thực hành: (27 tiết) - Kỹ thuật di chuyển, chuyền, đệm, phát, đập, chắn bóng. - Kỹ thuật chuyền bóng cao tay - Kỹ thuật đệm bóng - Kỹ thuật phát bóng			

	- Kỹ thuật đập bóng - Kỹ thuật chắn bóng - Chiến thuật thi đấu tấn công cơ bản - Chiến thuật thi đấu phòng thủ cơ bản * Kiểm tra định kỳ 1 (A4) (02 tiết): (Theo ngân hàng câu hỏi và đáp án khoá 59).			
	B. Nội dung tự học: (36 tiết) - Kỹ thuật di chuyển, chuyền, đệm, phát, đập, chắn bóng. - Kỹ thuật chuyền bóng cao tay - Kỹ thuật đệm bóng - Kỹ thuật phát bóng - Kỹ thuật đập bóng - Kỹ thuật chắn bóng - Chiến thuật thi đấu tấn công cơ bản - Chiến thuật thi đấu phòng thủ cơ bản	SV Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành mình chứng theo yêu cầu của giảng viên		
LLO3 LLO4 LLO5	Bài 3: Phương pháp giảng dạy, huấn luyện, tổ chức thi đấu, trọng tài môn Bóng chuyền A. Nội dung thực hiện trên lớp (2 tiết) * Nội dung lý thuyết: (2 tiết) - Các phương pháp giảng dạy; huấn luyện; phương pháp kiểm tra, đánh giá; - Các giai đoạn dạy học. - Phương pháp trọng tài Bóng chuyền. (tổng hợp ghi biên bản bóng chuyền) - Phương pháp tổ chức một giải Bóng chuyền ở cơ sở. - Phương pháp trọng tài	- Thuyết trình của GV. - Thực hành.	A1	[1] [2], [3]
	B. Nội dung tự học: (4 tiết)	SV Chủ động sắp xếp thời gian và điều		

	- Các phương pháp giảng dạy; huấn luyện; phương pháp kiểm tra, đánh giá; - Các giai đoạn dạy học. - Phương pháp trọng tài Bóng chuyền. (tổng hợp ghi biên bản bóng chuyền) - Phương pháp tổ chức một giải Bóng chuyền ở cơ sở. - Phương pháp trọng tài.	kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu của giảng viên		
LLO6, LLO7	Bài 4: Phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn Bóng chuyền	- Thuyết trình của GV. - Thực hành.	A1; A2; A5;	[1] [2], [3]
	A. Nội dung thực hiện trên lớp (16) * Nội dung Lý thuyết: (2 tiết) - Phương pháp trọng tài Bóng chuyền. - Phương pháp tổ chức một giải Bóng chuyền ở cơ sở. - Phương pháp trọng tài * Nội dung thực hành: (7 tiết) - Phương pháp trọng tài * Nội dung bài tập (4 tiết) - Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. - Các bài tập thể lực chuyên môn			
	B. Nội dung tự học: (20 tiết) 1. Ý nghĩa và các hình thức thi đấu; 2. Điều lệ giải; 3. Hệ thống thi đấu; 4. Trọng tài và các hình thức di chuyển của trọng tài;	SV Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu của giảng viên		
LLO1-LLO2	* Kiểm tra đánh giá bài tập: (01 tiết)	Sinh viên thực hiện bài	A3	

		tập theo yêu cầu của GV		
LLO3-LLO7	* Kiểm tra thực hành phương pháp: 02 tiết	Sinh viên thực hiện bài thực hành theo yêu cầu của GV	A2; A5	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Sân tập luyện: Sân bóng chuyên trong nhà 1trang bị đầy đủ dụng cụ môn học
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Bóng (tối thiểu 2 người/1 quả bóng); marker (các kích cỡ); Trang bị của trọng tài; Bảng của HLV; Đồng hồ bấm giờ; còi
- Điều kiện khác: Hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ (nếu có).

8.29. Bóng rổ

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03 ; Tổng số giờ quy chuẩn: 84 tiết.
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	06		66
2	Bài tập	09		
3	Thực hành	64		
4	Kiểm tra, đánh giá	05		
Tổng		84		66

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn TDDT Chuyên ngành; Khoa TDDT

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Nguyễn Đức Trường	035 986 3333	truongnd@tnue.edu.vn
2	ThS. Nguyễn Thành Trung	0987 636 222	trungnt.phy@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

CO1: Có kiến thức chung về môn Bóng rổ: Đặc điểm, ý nghĩa, sơ lược lịch sử; Luật thi đấu.

CO2: Phân tích được nguyên lý các kỹ thuật cơ bản; phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá; Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn Bóng rổ.

* Về kỹ năng

CO3: Thực hiện được một số kỹ thuật cơ bản của môn Bóng rổ (kỹ thuật chuyên – bắt bóng, dẫn bóng, tại chỗ ném rổ; di động ném rổ).

CO4: Vận dụng được những kiến thức cơ bản về phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá, luật thi đấu trong học tập và hoạt động dạy học.

CO5: Có kỹ năng cơ bản về tổ chức thi đấu và trọng tài.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO6: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn được trang bị trong học phần vào quá trình làm việc độc lập, hợp tác nhóm, dạy học, phát triển suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Mô tả được những kiến thức cơ bản về môn Bóng rổ: Đặc điểm, ý nghĩa, sơ lược lịch sử; Luật thi đấu.	PLO 3
CO2	CLO2	Phân tích được nguyên lý các kỹ thuật cơ bản; phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá; Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn Bóng rổ.	PLO 3, 8, 9
	Kỹ năng		
CO3	CLO3	Thực hiện được một số kỹ thuật cơ bản của môn Bóng rổ (kỹ thuật chuyên – bắt bóng, dẫn bóng, tại chỗ ném rổ; di động ném rổ).	PLO 8
CO4	CLO4	Biên soạn được kế hoạch chuyên môn.	PLO 10

	CLO5	Tổ chức được hoạt động dạy học; kiểm tra, đánh giá; Phương pháp trọng tài Bóng rổ cấp cơ sở.	PLO 8, 9, 10, 11, 12
CO5	CLO6	Thực hiện được các hoạt động về tổ chức thi đấu Bóng rổ	PLO 5, 11
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CO6	CLO7	Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn được trang bị trong học phần vào quá trình làm việc độc lập, hợp tác nhóm, dạy học, phát triển suốt đời.	PLO14

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo PLOs													
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
CLO1			x											
CLO2			x					x	x					
CLO3								x						
CLO4										x				
CLO5								x	x	x	x	x		
CLO6					x						x			
CLO7														x
MĐG	0	0	2	0	1	0	0	3	2	2	2	1	0	1

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Trang bị cho người học những kiến thức chung về sơ lược lịch sử, ý nghĩa tác dụng của môn học đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về Kỹ - chiến thuật, phương pháp giảng dạy và huấn luyện; luật và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn Bóng rổ; Phát triển thể lực chung và chuyên môn.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết và thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp học.

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Thực hành: Hoàn thành 01 bài kiểm tra cá nhân hoặc nhóm theo yêu cầu của giảng viên.

- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức và trọng số điểm

- Sử dụng thang 10 điểm.

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-7
2	A2. Thực hành phương pháp	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 4, 5, 6, 7
3	A3. Bài tập (tiểu luận)	10%	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 1,2
4	A4. Bài kiểm tra định kì 1 (Thực hành kĩ thuật)	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 3
5	A5. Bài kiểm tra định kì 2 (Thực hành phương pháp)	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 4, 5, 6, 7
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Thực hành	50%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 3

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10%)					

Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết và thực hành.	Dự 80% - 89% số giờ lên lớp lý thuyết và thực hành.	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết và thực hành.	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết và thực hành.

8.2.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân, thực hành, bài kiểm tra định kỳ

- Đánh giá theo tiêu chí rubrics đánh giá bài thực hành.

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Nguyễn Đức Trường, Lê Trọng Đồng (2019), Giáo trình Bóng rổ, Nxb ĐHTN. Thư viện trường ĐHSP – ĐHTN.

[2]. Tổng cục TDTT, Luật thi đấu Bóng rổ (2015), NXB TDTT. Thư viện trường ĐHSP – ĐHTN.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[3]. Nguyễn Hữu Bằng, Đỗ Mạnh Hưng (2007), Giáo trình Bóng rổ – NXB ĐHSP. Thư viện trường ĐHSP TN

[4]. Đinh Quang Ngọc (2013), Bóng rổ trong trường phổ thông, NXB TDTT. Thư viện trường ĐHSP TN

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 1: Kiến thức chung về môn học
LLO1	Xác định được những kiến thức cơ bản về môn Bóng rổ: Đặc điểm, ý nghĩa, sơ lược lịch sử; Nguyên lý các kỹ thuật cơ bản; Luật thi đấu.
LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 2: Các kỹ thuật cơ bản trong Bóng rổ
LLO2	Thực hiện, phân tích được một số kỹ thuật, chiến thuật cơ bản môn Bóng rổ.
LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 3: Phương pháp dạy học môn Bóng rổ
LLO3	Biên soạn được kế hoạch chuyên môn
LLO4	Tổ chức được hoạt động dạy học; kiểm tra, đánh giá; Phương pháp trọng tài Bóng rổ cấp cơ sở.
LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 4: Phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn Bóng rổ
LLO5	Thực hiện được các hoạt động về tổ chức thi đấu Bóng rổ(xây dựng điều lệ giải, bắt thăm, xếp lịch thi đấu....).
LLO6	Vận dụng luật thi đấu để xử lý, giải thích một số tình huống cơ bản.
LLO7	Vận dụng được những kiến thức, kỹ năng được trang bị trong học phần vào quá trình tự học, tự nghiên cứu, làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và học tập suốt đời.

10.2. Ma trận liên kết LLOs với CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)							
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
LLO1	x							
LLO2		x	x					
LLO3			x					
LLO4				x	x			
LLO5						x		
LLO6					x		x	
LLO7								x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

LLOs	Nội dung	Hình thức/ Phương pháp	Học liệu
------	----------	------------------------	----------

		Dạy học	Đánh giá	
LL O1	Bài 1: Kiến thức chung về môn học	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm	A1; A3	[1] Chương 1 (Trang 13 - 22)
	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết) * Nội dung lý thuyết: (2 tiết) 1. Khái niệm chung; 2. Nguồn gốc, lịch sử môn Bóng rổ; 3. Đặc điểm và lợi ích tác dụng của môn Bóng rổ; 4. Ý nghĩa của môn Bóng rổ; 5. Nguyên lý các kỹ thuật cơ bản; 6. Luật thi đấu; 7. Vị trí của Bóng rổ trong công tác GDTC và thể thao trường học.			
	* Nội dung bài tập: (5 tiết) - Kiến thức chung về môn học - Luật thi đấu	SV hoàn thành bài tập theo yêu cầu		
	B. Nội dung tự học: (6 tiết) 1. Khái niệm chung; 2. Nguồn gốc, lịch sử môn Bóng rổ; 3. Đặc điểm và lợi ích tác dụng của môn Bóng rổ; 4. Ý nghĩa của môn Bóng rổ; 5. Nguyên lý các kỹ thuật cơ bản; 6. Luật thi đấu; 7. Vị trí của Bóng rổ trong công tác GDTC và thể thao trường học.	SV Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu của giảng viên		
LLO2	Bài 2: Các kỹ thuật cơ bản trong Bóng rổ	- GV hướng dẫn SV vào xem bài giảng điện tử. - SV xem video và ghi	A1; A2; A4	[1] Chương 2 (Trang 23 – 87)
	A. Nội dung thực hiện trên lớp (30 tiết) 1. Lịch sử hình thành môn Bóng rổ;			

	2. Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài Bóng rổ; 3. Luật Bóng rổ cơ bản; 4. Kỹ thuật chuyên bắt bóng bằng hai tay trước ngực; 5. Kỹ thuật dẫn bóng; 6. Kỹ thuật tại chỗ ném rổ một tay trên cao; 7. Kỹ thuật dẫn bóng hai bước ném rổ một tay trên cao; 8. Kỹ thuật dẫn bóng hai bước ném rổ một tay từ dưới thấp. * Nội dung thực hành: (40 tiết) Thực hiện các kỹ thuật, chiến thuật cơ bản của môn Bóng rổ: 1. Kỹ thuật di chuyển không bóng: Đi, chạy, nhảy. 2. Kỹ thuật chuyên - bắt bóng bằng hai tay trước ngực. 3. Kỹ thuật dẫn bóng. 4. Kỹ thuật tại chỗ ném rổ một tay trên cao. 5. Kỹ thuật di động hai bước ném rổ một tay trên cao 6. Kỹ thuật di động hai bước ném rổ một tay dưới thấp. 7. Các chiến thuật tấn công cơ bản. 8. Các chiến thuật phòng thủ cơ bản. * Kiểm tra bài thực hành (A2) - (01 tiết): Theo ngân hàng câu hỏi và đáp án khoá 59. * Kiểm tra định kỳ 1 (A4) - (01 tiết): Thực hành kỹ thuật: Theo ngân hàng câu hỏi và đáp án khoá 59.	chép nội dung bài học. - Tập luyện theo hướng dẫn trong video. - Thuyết trình của GV. - Thực hành.		[1] Chương 3 (Trang 88 – 102)
--	--	--	--	--

	C. Nội dung tự học: (36 tiết) Thực hiện các kỹ thuật, chiến thuật cơ bản của môn Bóng rổ: 1. Kỹ thuật di chuyển không bóng: Đi, chạy, nhảy. 2. Kỹ thuật chuyền - bắt bóng bằng hai tay trước ngực. 3. Kỹ thuật dẫn bóng. 4. Kỹ thuật tại chỗ ném rổ một tay trên cao. 5. Kỹ thuật di động hai bước ném rổ một tay trên cao 6. Kỹ thuật di động hai bước ném rổ một tay dưới thấp. 7. Các chiến thuật tấn công cơ bản. 8. Các chiến thuật phòng thủ cơ bản.	SV Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành mình chứng theo yêu cầu của giảng viên		
LLO3 LLO4 LLO5	Bài 3: Phương pháp dạy học môn Bóng rổ A. Nội dung thực hiện trên lớp (2 tiết) * Nội dung lý thuyết: (2 tiết) 1. Các nguyên tắc giảng dạy; 2. Các phương pháp giảng dạy; huấn luyện; phương pháp kiểm tra, đánh giá; 3. Các giai đoạn dạy học.	- Thuyết trình của GV. - Thực hành.	A1; A3	[1] Chương (Trang 103 – 109) [1] Chương 5 (Trang 137 – 143)
	B. Nội dung tự học: (04 tiết) 1. Các nguyên tắc giảng dạy; 2. Các phương pháp giảng dạy; huấn luyện; phương pháp kiểm tra, đánh giá; 3. Các giai đoạn dạy học.	SV Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành mình chứng theo yêu cầu của giảng viên		
LLO6, LLO7	Bài 4: Phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn Bóng rổ	- Thuyết trình của GV.	A1;	[1]

	A. Nội dung thực hiện trên lớp (16) * Nội dung Lý thuyết: (2 tiết) 1. Ý nghĩa và các hình thức thi đấu; 2. Điều lệ giải; 3. Hệ thống thi đấu; 4. Trọng tài và các hình thức di chuyển của trọng tài;	- Thực hành.	A3; A5	Chương 7 (Trang 165 – 185)
	* Nội dung thực hành: (24 tiết) - Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài	- Thuyết trình của GV. - Thực hành.		
	* Nội dung bài tập: (04 tiết) - Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. - Các bài tập thể lực chuyên môn	Sinh viên hoàn thành minh chứng theo quy định		
	B. Nội dung tự học: (20 tiết) 1. Ý nghĩa và các hình thức thi đấu; 2. Điều lệ giải; 3. Hệ thống thi đấu; 4. Trọng tài và các hình thức di chuyển của trọng tài;	SV Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu của giảng viên		
LLO1-LLO2	* Kiểm tra đánh giá bài tập: (01 tiết)	Sinh viên thực hiện bài tập theo yêu cầu của GV	A2	
LLO3-LLO7	* Kiểm tra định kỳ 2 thực hành phương pháp: (02 tiết)	Sinh viên thực hiện bài thực hành theo yêu cầu của GV	A5	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Sân tập luyện: Sân Bóng rổ có đầy đủ cột rổ, lưới.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Bóng, dụng cụ tập thể lực, đồng hồ, mắc cơ...
- Điều kiện khác: Sân tập đảm bảo an toàn, sạch sẽ và đúng quy cách, hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ (nếu có)...

8.30. Võ thuật

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03 ; Tổng số tiết quy chuẩn: 84
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	06		12
2	Bài tập	09		39
3	Thực hành	64		
4	Kiểm tra, đánh giá	05		15
Tổng		84		66

- Loại học phần: Tự chọn
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn TDDT Chuyên ngành; Khoa TDDT

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Võ Xuân Thủy	0963810833	thuyvx@tnue.edu.vn
2	Th.S. Nguyễn Thị Thanh Vân	0389974726	vanntt@tnue.edu.vn
3	Ths. Nguyễn Huy Ánh	0978223583	anhnh@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Hiểu kiến thức chung về môn Võ thuật (Sơ lược lịch sử hình thành và phát triển; Đặc trưng kỹ thuật; Lý thuyết võ đạo nhập môn); Áp dụng được các kiến thức của

môn Võ thuật vào quá trình học tập, giảng dạy của bản thân (Phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá; Xây dựng kế hoạch giảng dạy và thi đấu Võ thuật).

* Về kĩ năng

CO2: Thực hiện và phân tích được một số kĩ thuật cơ bản của học phần Võ thuật

CO3: Sử dụng được các phương pháp, kĩ thuật dạy học; phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá, tổ chức thi đấu của học phần trong hoạt động chuyên môn.

CO4: Phối hợp được với các tổ chức và cá nhân có liên quan trong triển khai công tác chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng công tác GDTC và Thể thao trường học.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO5: Áp dụng được kiến thức, kĩ năng của học phần vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm, học tập suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
CO1	CLO1	Hiểu kiến thức chung về Võ thuật: Sơ lược lịch sử hình thành và phát triển; Đặc trưng kỹ thuật; Lý thuyết võ đạo nhập môn	PLO3
CO2	CLO2	Phân tích được một số kĩ thuật cơ bản của học phần Võ thuật	PLO3,8
Kỹ năng			
CO2	CLO3	Thực hiện được một số kĩ thuật cơ bản của học phần Võ thuật	PLO8
CO3	CLO4	Sử dụng được các phương pháp, hình thức và kĩ thuật dạy học, kiểm tra đánh giá của học phần trong hoạt động chuyên môn	PLO8,9
CO4	CLO5	Xây dựng được kế hoạch môn học (kế hoạch giảng dạy và thi đấu Võ thuật) tại cơ sở	PLO9,10
	CLO6	Phối hợp được với các tổ chức và cá nhân có liên quan trong triển khai công tác chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng công tác GDTC và Thể thao trường học.	PLO12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			

CO5	CLO7	Áp dụng được kiến thức, kỹ năng của học phần vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm, học tập suốt đời.	PLO14
-----	------	---	-------

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)													
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
CLO1			x											
CLO2			x					x						
CLO3								x						
CLO4								x	x					
CLO5									x	x				
CLO6												x		
CLO7														x
MĐG	0	0	2	0	0	0	0	3	2	1	0	1	0	1

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Với sự phát triển rộng rãi phong trào tập luyện Võ thuật trong các trường học hiện nay, việc trang bị cho sinh viên ngành Giáo dục Thể chất những kiến thức, kỹ năng cơ bản về Võ thuật nhằm đáp ứng nhu cầu từ thực tiễn trên là rất cần thiết. Học phần Võ thuật gồm phần Lý thuyết (lịch sử phát triển, phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá; luật thi đấu,...) và Phần thực hành (tấn pháp, kỹ thuật đòn tay và đòn chân; khóa gỡ căn bản; phản đòn căn bản; quyền pháp; phương pháp tổ chức thi đấu,...).

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị đầy đủ cho bài học (Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học, trang phục phù hợp,...).

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập nhóm theo yêu cầu của học phần.

- Thực hành (đánh giá thường xuyên): Hoàn thành 01 bài thực hành cá nhân hoặc nhóm theo yêu cầu của học phần.

- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

- Sử dụng thang điểm 10.

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-8
2	A2. Bài tập nhóm	10%	01	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO6, 7
3	A3. Thực hành	10%	01	Thang điểm đánh giá	CLO2, 3, 4, 5
4	A4. Bài kiểm tra định kì số 1	10%	01	Thang điểm đánh giá	CLO3
5	A5. Bài kiểm tra định kì số 2	10%	01	Thang điểm đánh giá	CLO3
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A6. Thực hành	50%	01	Thang điểm đánh giá	CLO3

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Rubric đánh giá điểm chuyên cần (A1, 10%)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến <3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80%

					nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến <3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp.	Dự 80% - 89% số giờ lên lớp	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp

8.2.2. Rubric đánh giá bài tập nhóm (A2, 10%)

(Bài tập phương pháp: Xây dựng kế hoạch giảng dạy hoặc thi đấu Võ thuật)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0 đến < 1	1 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ (về nội dung, hình thức của kế hoạch); nộp sản phẩm chưa đúng hạn	Thực hiện 50 - 60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 60 -80% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80 - 100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến <4	4 đến < 4	4 đến 5
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu (về nội dung theo chủ đề; hình thức thực hiện đạt dưới 50% yêu cầu)	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu (thể hiện được nội dung của chủ đề; hình thức thực hiện đạt từ 50 đến <60% yêu cầu)	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu (nội dung, hình thức thực hiện thể hiện được từ 60 đến <80% so với yêu cầu)	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu (nội dung của, hình thức thực hiện đầy đủ, đúng theo yêu cầu)
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến <1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa chặt chẽ và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1

Ý tưởng sáng tạo		Không sáng tạo (Nội dung và hình thức đơn điệu, chưa có sự sáng tạo; không ứng dụng CNTT trong nội dung thực hiện)	Ít sáng tạo (Đáp ứng 1/3 tiêu chí sau): + Cách tiếp cận, đặt và giải quyết vấn đề có tính mới lạ, sáng tạo; + Sử dụng hợp lý dụng cụ, phương pháp tổ chức trong nội dung kế hoạch; + Có ứng dụng CNTT trong nội dung thực hiện.	Tương đối sáng tạo (Đáp ứng 2/3 tiêu chí sau): + Cách tiếp cận, đặt và giải quyết vấn đề có tính mới lạ, sáng tạo; + Sử dụng hợp lý dụng cụ, phương pháp tổ chức trong nội dung kế hoạch; + Có ứng dụng CNTT trong nội dung thực hiện	Rất sáng tạo (Đáp ứng 3/3 tiêu chí sau): + Cách tiếp cận, đặt và giải quyết vấn đề có tính mới lạ, sáng tạo; + Sử dụng hợp lý dụng cụ, phương pháp tổ chức trong nội dung kế hoạch; + Có ứng dụng CNTT trong nội dung thực hiện
------------------	--	--	--	--	--

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập

[1] Võ Xuân Thủy (chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Vân, Lê Văn Hùng, Nguyễn Nhạc, Giáo trình Võ thuật, NXB Đại học Thái Nguyên 2004, Thư viện Trường ĐHSP - ĐHTN.

[2] Tổng cục Thể dục Thể thao, Luật thi đấu Vovinam, NXB Hồng Đức 2018, Thư viện Trường ĐHSP - ĐHTN.

9.2. Website

[3] Nguồn hướng dẫn tập luyện Võ thuật cơ bản trên Youtube:
<https://www.youtube.com/>

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của Bài 1
LLO1	Trình bày được kiến thức chung về Võ thuật (môn Vovinam): Sơ lược lịch sử hình thành và phát triển; Giới thiệu về môn võ Vovinam; Giải thích được đặc trưng kỹ thuật và một số kiến thức về lý thuyết võ đạo nhập môn

LLO2	Phân loại được các kiến thức về phương pháp giảng dạy; Kiểm tra đánh giá, trong Võ thuật
LLO3	Xây dựng được kế hoạch giảng dạy và tổ chức thi đấu môn Võ thuật (thể hiện được sự phối hợp với các tổ chức và cá nhân có liên quan trong nội dung triển khai của kế hoạch)
Nội dung chuẩn đầu ra của Bài 2	
LLO4	Thực hiện được một số kỹ thuật cơ bản của Võ thuật: - Tư thế chào. - Tấn pháp (Lập tấn, TB tấn, Tam giác tấn, Đinh tấn, Chảo mã tấn, Độc cước tấn,...). - Kỹ thuật tay: 4 lối gạt, 4 lối chém, 8 lối chò, kỹ thuật đâm (thẳng, móc, móc, lao, phạt ngang, bật ngược). - Kỹ thuật chân: Đá thẳng, đá tạt, đạp ngang, chém quét. - Các thế chiến lược số 1, 2, 3, 4, 5; 05 đòn khóa gỡ căn bản trình độ 1; 08 phản đòn căn bản trình độ 1.
LLO5	Phân tích được một số kỹ thuật căn bản đã học
LLO6	Tự tìm hiểu tài liệu, tự luyện tập nâng cao kỹ năng và thể lực của bản thân
Nội dung chuẩn đầu ra của Bài 3	
LLO7	Thực hiện được Bài võ nhạc tiêu chuẩn (hoặc bài Khởi quyền);
LLO8	Thực hiện được một số kỹ thuật thi đấu đối kháng
LLO9	Sử dụng được các phương pháp, hình thức, kỹ thuật dạy học và kiểm tra đánh giá của học phần trong học tập hoạt động chuyên môn
LLO10	Tự tìm hiểu tài liệu, tự luyện tập nâng cao kỹ năng và thể lực của bản thân

10.2. Ma trận kiến kết LLOs và CLOs

LLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)							
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
LLO1	x							
LLO2				x	x			
LLO3						x	x	
LLO4			x					
LLO5		x						

LLO6								x
LLO7			x					
LLO8			x					
LLO9				x	x			
LLO10								x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
1-4	Bài 1. Lý thuyết chung			
	A. Nội dung thực hiện trên lớp (06 tiết) * Nội dung lý thuyết (06 tiết) 1.1. Sơ lược lịch sử hình thành và phát triển của Võ thuật 1.2. Giới thiệu chung về môn võ Vovinam 1.3. Phương pháp giảng dạy Võ thuật. 1.4. Kiểm tra, đánh giá trong giảng dạy Võ thuật 1.5. Xây dựng kế hoạch giảng dạy Võ thuật 1.6. Công tác tổ chức thi đấu Võ thuật	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm. - Báo cáo - Sử dụng phim tư liệu	A1	[1] Chương 1, 5, 6 [1] Chương 1 [2]
	B. Nội dung tự học (12 tiết) 1.7. Lý thuyết võ đạo nhập môn 1.8. Tìm hiểu thêm về đặc trưng kỹ thuật môn Vovinam; Luật thi đấu đối kháng Vovinam	- GV giao nhiệm vụ; hướng dẫn SV tự tìm tài liệu, nghiên cứu theo nội dung đã giao và báo cáo kết quả	A1	Tr36-55
5-7	Bài 2. Kỹ thuật căn bản		A6	

	A. Nội dung thực hiện trên lớp (43 tiết) * Nội dung thực hành (40 tiết) 1.1. Tư thế chào 1.2. Tấn pháp (Lập tấn, TB tấn, Tam giác tấn, Đỉnh tấn, Chảo mã tấn, Độc cước tấn,...) 1.3. Kỹ thuật tay: 4 lối gạt, 4 lối chém, 8 lối chỏ, kỹ thuật đâm (thẳng, móc, móc, lao, phạt ngang, bật ngược) 1.4. Kỹ thuật chân: Đá thẳng, đá tạt, đập ngang, chém quét 1.5. Thế chiến lược số 1, 2, 3, 4, 5 1.6. Khóa gỡ căn bản trình độ 1 (05 đòn) 1.7. Phản đòn căn bản trình độ 1 (08 đòn) * Bài tập nhóm (A2): 01 tiết Nội dung: Xây dựng kế hoạch giảng dạy hoặc thi đấu Võ thuật tại cơ sở. * Bài kiểm tra thường xuyên (thực hành – A3): 01 tiết – thực hành về phương pháp * Bài kiểm tra định kỳ số 1 (A4): 01 tiết	- Giảng giải, làm mẫu, kết hợp phân tích kỹ thuật động tác; thực hành (luyện tập cá nhân, cặp đôi, theo nhóm, đồng loạt), sửa sai kỹ thuật động tác. - Sử dụng video kỹ thuật.	A1, A2, A3, A4	[1] Chương 2
	B. Nội dung tự học (30 tiết) 1.8. Sinh viên tự luyện tập các kỹ thuật căn bản đã học 1.9. Sinh viên lựa chọn các trò chơi vận động và bài tập thể lực để tự tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao thể lực của bản thân. 1.10. Sinh viên tự thực hành phân tích, giảng giải kỹ thuật động tác.	Hướng dẫn SV thực hiện các nhiệm vụ luyện tập ngoại khóa và báo cáo, đánh giá kết quả tập luyện	A1	
	Bài 3. Quyền pháp và thi đấu đối kháng		A6	[1]
8-11	A. Nội dung thực hiện trên lớp (31 tiết) * Nội dung thực hành (29 tiết) 1.1. Quyền pháp: Bài võ nhạc tiêu chuẩn (hoặc Khởi quyền)	- Giảng giải, làm mẫu, kết hợp phân tích kỹ thuật động tác; thực hành (luyện tập cá nhân, cặp đôi, theo nhóm, đồng loạt), sửa sai kỹ thuật động tác.	A1, A5	

	1.2. Tập luyện kỹ thuật thi đấu đối kháng 1.3. Thực hành phương pháp dạy học; kiểm tra, đánh giá trong Võ thuật * Bài kiểm tra định kỳ số 2 (A5): 02 tiết	nhân, cặp đôi, theo nhóm, đồng loạt), sửa sai kỹ thuật động tác. - Sử dụng video kỹ thuật.		Chương 3, 4, 5
	B. Nội dung tự học (24 tiết) 1.4. Sinh viên tự tìm tài liệu và nghiên cứu về: Phương pháp luyện tập một bài quyền; Luật thi đấu Vovinam; Phương pháp giảng dạy và tập luyện các nội dung khóa gỡ, phản đòn căn bản. 1.5. Sinh viên tự luyện tập ngoại khóa các kỹ thuật căn bản, bài quyền đã học. 1.6. Sinh viên lựa chọn các trò chơi vận động và bài tập thể lực để tự tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao thể lực của bản thân.	- Hướng dẫn SV thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu tài liệu và tự luyện tập ngoại khóa; báo cáo, đánh giá kết quả tập luyện	A1	[1] [2]
LLO1 LLO2 LLO3 LLO5	* Kiểm tra đánh giá bài tập: (01 tiết)	Sinh viên thực hiện bài tập theo yêu cầu của GV	A2	
LLO3- LLO10	* Kiểm tra thực hành phương pháp: 02 tiết	Sinh viên thực hiện bài thực hành theo yêu cầu của GV	A3; A4	

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Phòng tập trong nhà, đủ rộng rộng (1m²/SV); đảm bảo đủ các điều kiện về vệ sinh, ánh sáng, phục vụ cho hoạt động dạy học.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Loa kéo di động; Thảm tập, găng, giáp thi đấu, dụng cụ tập thể lực, đồng hồ bấm giây,...
- Điều kiện khác: Phòng học, máy chiếu (phục vụ các tiết lý thuyết).

8.31. Thể thao dân tộc

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 84 tiết.

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	06		66
2	Bài tập	09		
3	Thực hành	65		
4	Kiểm tra, đánh giá	04		
Tổng		84		66

- Loại học phần: Tự chọn

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: TDTT Chuyên ngành; Khoa TDTT

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Th.S. Nguyễn Thành Trung	0987 636 222	Trungnt.phy@tnue.edu.vn
2	Th.S. Nguyễn Đức Trường	035 986 3333	truongnd@tnue.edu.vn
3	Th.S. Nguyễn Đức Tuấn	0983 248 322	tuannnd@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Hiểu được những kiến thức cơ bản về môn thể thao dân tộc: Đặc điểm, ý nghĩa, sơ lược lịch sử; Nguyên lý các kỹ thuật cơ bản; Luật thi đấu.

CO2: Hiểu được phương pháp dạy học, tuyển chọn, huấn luyện, tổ chức thi đấu và trọng tài thể thao dân tộc.

* Về kỹ năng

CO3: Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản trong thể thao dân tộc như: cách cầm dây, gậy, cách tấn công, phòng thủ trong đẩy gậy và kéo co...

CO4: Vận dụng được những kiến thức cơ bản về phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá, phương pháp huấn luyện của môn học để tổ chức hoạt động dạy học, huấn luyện cấp cơ sở.

CO5: Vận dụng được những kiến thức cơ bản về phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài để tổ chức hoạt động thi đấu cấp cơ sở.

CO6: Vận dụng khả năng giao tiếp và hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ của môn học.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO7: Xây dựng được kế hoạch việc độc lập, theo nhóm và tự học để giải quyết các nhiệm vụ của môn học.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần	CDR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Mô tả được những kiến thức cơ bản về môn thể thao dân tộc: Đặc điểm, ý nghĩa, sơ lược lịch sử; Nguyên lý các kỹ thuật cơ bản; Luật thi đấu.	PLO 3, 4
CO2	CLO2	Giải thích được phương pháp dạy học, tuyển chọn, huấn luyện, tổ chức thi đấu và trọng tài thể thao dân tộc.	PLO 3, 8,
	Kỹ năng		
CO3	CLO3	Thực hiện được các kỹ thuật, chiến thuật cơ bản của môn Thể thao dân tộc.	PLO 8
CO4	CLO4	Sử dụng được những kiến thức cơ bản về phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá, phương pháp huấn luyện của môn học để tổ chức hoạt động dạy học, huấn luyện cấp cơ sở.	PLO 8,10, 11, 12,
CO5	CLO5	Thực hiện được hoạt động tổ chức thi đấu, trọng tài môn Thể thao dân tộc cấp cơ sở.	PLO 9, 14
CO6	CLO6	Biểu hiện được khả năng giao tiếp và hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ của môn học.	PLO 5,
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CO7	CLO7	Xây dựng được kế hoạch làm việc độc lập, theo nhóm và tự học để giải quyết các nhiệm vụ của môn học.	PLO 14

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo PLOs													
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
CLO1			x	x										
CLO2			x											
CLO3								x						
CLO4								x		x	x	x		
CLO5								x	x					x
CLO6					x									
CLO7														x
MĐG	0	0	2	1	1	0	0	3	1	1	1	1	0	2

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn Thể thao dân tộc trang bị cho người học những kiến thức chung về sơ lược lịch sử, ý nghĩa tác dụng của môn học đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về Kỹ - chiến thuật, thể lực chuyên môn, phương pháp giảng dạy và huấn luyện; luật và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của các môn Thể thao dân tộc.

7. Nhiệm vụ của học viên

Học viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành.
- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.
- Hoàn thành 01 bài kiểm tra thường xuyên và 02 bài kiểm tra định kỳ.

8. Đánh giá kết quả học tập của học viên

8.1. Hình thức và trọng số điểm

- Sử dụng thang 10 điểm.

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-8

2	A2. Bài tập	10%	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 1, 2
3	A3. Thực hành (Phương pháp)	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 4, 5, 6
4	A4. Bài kiểm tra định kì 1 (Thực hành phương pháp)	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 4, 5, 6
5	A5. Bài kiểm tra định kì 2 (Thực hành kỹ thuật)	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 3
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A6. Thực hành (Kỹ thuật)	50%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 3

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến <3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến <3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ	Dự 90% - 94% số giờ	Dự 95% - 100% số giờ

			lên lớp lý thuyết	lên lớp lý thuyết	lên lớp lý thuyết
--	--	--	-------------------	-------------------	-------------------

8.2.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân, thực hành, bài kiểm tra định kỳ

- Đánh giá theo tiêu chí trong rubrics đánh giá các bài thực hành.

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1] Nguyễn Mạnh Hùng, Nguyễn Thành Trung (2023), Giáo trình thể thao dân tộc, NXB Hồng Đức, Thư viện trường ĐHSP - ĐHTN.

[2] Luật thi đấu môn kéo co (2011), Nxb, TDTT, Hà Nội. Thư viện trường ĐHSP – ĐHTN.

[3] Luật thi đấu môn đẩy gậy (2009), Nxb TDTT, Hà Nội, Thư viện trường ĐHSP – ĐHTN.

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 1: Kiến thức chung môn học
LLO1	Trình bày được những kiến thức chung về môn Thể thao Dân tộc như: Sơ lược lịch sử, đặc điểm, ý nghĩa, nguyên lý kỹ thuật và luật thi đấu.
LLO2	Mô tả được chi tiết các kỹ thuật cơ bản; phương pháp giảng dạy, huấn luyện và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn kéo co và môn đẩy gậy.
LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 2: Các kỹ thuật, chiến thuật cơ bản
LLO3	Thực hiện được các kỹ thuật, chiến thuật cơ bản của môn kéo co và môn đẩy gậy.
LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 3: Phương pháp giảng dạy, huấn luyện
LLO4	Xây dựng được kế hoạch và tổ chức các hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá môn Thể thao dân tộc ở cấp cơ sở.
LLO5	Xây dựng được kế hoạch và tổ chức các hoạt động huấn luyện môn thể thao dân tộc ở cấp cơ sở.
LLO6	Biểu hiện được khả năng giao tiếp và hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ của bài học.
LLO7	Xây dựng được kế hoạch việc độc lập, theo nhóm và tự học để giải quyết các nhiệm vụ của môn học.

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 4: Luật thi đấu; phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài
LLO8	Thực hiện được hoạt động tổ chức thi đấu, trọng tài môn Thể thao dân tộc ở cấp cơ sở.

10.2. Ma trận liên kết LLOs với CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)						
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
LLO1	X						
LLO2		X					
LLO3			X				
LLO4				X			
LLO5					X		
LLO6						X	
LLO7							x
LLO8					x		

10.3. Nội dung chi tiết học phần

LLOs	Nội dung	Hình thức/ Phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	Bài 1: Kiến thức chung về môn học	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm	A1	[1] Chương 1,4,5,6
	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết) * Nội dung lý thuyết (2 tiết) - Những kiến thức chung về môn Thể thao dân tộc: + Sơ lược lịch sử. + Ý nghĩa và tác dụng của môn học. + Nguyên lý kỹ thuật.			

	- Kế hoạch và tổ chức các hoạt động dạy học môn Thể thao dân tộc ở cấp cơ sở. - Tổ chức thi đấu, trọng tài môn môn kéo co và môn đẩy gậy ở cấp cơ sở. * Nội dung bài tập (4 tiết) - Kiến thức chung về môn học - Luật thi đấu			
	B. Nội dung tự học: (21 tiết) Những kiến thức chung về môn Thể thao dân tộc như: - Sơ lược lịch sử. - Ý nghĩa và tác dụng của môn học. - Nguyên lý kỹ thuật. - Kế hoạch và tổ chức các hoạt động dạy học môn Thể thao dân tộc ở cấp cơ sở. - Tổ chức thi đấu, trọng tài môn môn kéo co và môn đẩy gậy ở cấp cơ sở.	SV Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành mình chứng theo yêu cầu của giảng viên		
LLO2	Bài 2: Các kỹ thuật, chiến thuật cơ bản A. Nội dung thực hiện trên lớp (30 tiết) * Nội dung thực hành: (40 tiết) 1. Kỹ thuật Kéo co - Kỹ thuật cầm dây vị trí từ số 1 – 7, kỹ thuật tư thế đứng vị trí từ số 1 – 7. - Kỹ thuật cầm dây vị trí số 8, kỹ thuật tư thế đứng vị trí số 8. - Kỹ thuật phối hợp sử dụng sức vị trí từ 1 - 8. - Kỹ thuật tấn công, phòng thủ 2. Kỹ thuật đẩy gậy - Tư thế trụ. - Kỹ thuật cầm gậy, đặt gậy, ép gậy.	- GV hướng dẫn SV vào xem bài giảng điện tử. - SV xem video và ghi chép nội dung bài học. - Tập luyện theo hướng dẫn trong video. - Thuyết trình của GV. - Thực hành.	A1; A3, A4; A6	[1]; Chương 2,3

	- Kỹ thuật tấn công, phòng thủ 3. Các chiến thuật tấn công, phòng thủ cơ bản - Chiến thuật tấn công và phòng thủ trong môn kéo co. - Chiến thuật tấn công và phòng thủ trong môn đẩy gậy. * Kiểm tra định kỳ 1 – A5: 1 tiết			
	B. Nội dung tự học (15 tiết) 1. Kỹ thuật Kéo co - Kỹ thuật cầm dây vị trí từ số 1 – 7, kỹ thuật tư thế đứng vị trí từ số 1 – 7. - Kỹ thuật cầm dây vị trí số 8, kỹ thuật tư thế đứng vị trí số 8. - Kỹ thuật phối hợp sử dụng sức vị trí từ 1 - 8. - Kỹ thuật tấn công, phòng thủ 2. Kỹ thuật đẩy gậy - Tư thế trụ. - Kỹ thuật cầm gậy, đặt gậy, ép gậy. - Kỹ thuật tấn công, phòng thủ 3. Các chiến thuật tấn công, phòng thủ cơ bản - Chiến thuật tấn công và phòng thủ trong môn kéo co. - Chiến thuật tấn công và phòng thủ trong môn đẩy gậy.	SV Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu của giảng viên		
LLO3 LLO4 LLO5	Bài 3: Phương pháp dạy học môn thể thao dân tộc	- Thuyết trình của GV. - Thực hành.	A1	[1] Chương 4
	A. Nội dung thực hiện trên lớp (2 tiết)			

	* Nội dung lý thuyết (2 tiết) 1. Các nguyên tắc giảng dạy; 2. Các phương pháp giảng dạy; huấn luyện; phương pháp kiểm tra, đánh giá; 3. Các giai đoạn dạy học.			
	B. Nội dung tự học: (15 tiết) 1. Các nguyên tắc giảng dạy; 2. Các phương pháp giảng dạy; huấn luyện; phương pháp kiểm tra, đánh giá; 3. Các giai đoạn dạy học.	SV Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu của giảng viên		
LLO6, LLO7	Bài 4: Phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn thể thao dân tộc	- Thuyết trình của GV. - Thực hành.	A1;A2; A5	[1] Chương 5,6
	A. Nội dung thực hiện trên lớp (13) * Nội dung Lý thuyết: (2 tiết) - Luật thi đấu môn Đẩy gậy, Kéo co - Phương pháp trọng tài Thể thao dân tộc. - Phương pháp tổ chức một giải Thể thao dân tộc ở cơ sở. * Nội dung thực hành: (26 tiết) - Phương pháp trọng tài * Nội dung bài tập (4 tiết) - Luật thi đấu môn Đẩy gậy, Kéo co - Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. - Các bài tập thể lực chuyên môn			
	- Luật thi đấu môn Đẩy gậy, Kéo co - Phương pháp trọng tài Thể thao dân tộc. - Phương pháp tổ chức một giải Thể thao dân tộc ở cơ sở. * Tự học (15 tiết): Tự luyện tập các kỹ thuật đã học	SV Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu		

		của giảng viên		
LLO1-LLO2	* Kiểm tra đánh giá bài tập: (01 tiết)	Sinh viên thực hiện bài tập theo yêu cầu của GV	A2	
LLO3-LLO8	* Kiểm tra thực hành phương pháp: 02 tiết	Sinh viên thực hiện bài thực hành theo yêu cầu của GV	A3; A4	

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: Phòng học có đảm bảo đủ các điều kiện về vệ sinh, ánh sáng, âm thanh, bàn ghế phục vụ cho hoạt động dạy học.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Dây kéo, gậy thi đấu...
- Điều kiện khác: Sân tập đảm bảo an toàn, sạch sẽ và đúng quy cách.

8.32. Đá cầu

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 84 tiết.
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	06		66
2	Bài tập	09		
3	Thực hành	64		
4	Kiểm tra, đánh giá	05		
Tổng		84		66

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn TDTT Chuyên ngành; Khoa TDTT

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Th.S. Nguyễn Văn Dũng	0913031309	dungnv@tnue.edu.vn
2	TS. Đào Thị Hoa Quỳnh	0963246683	quynhhdth@tnue.edu.vn
3	Th.S. Mã Thiêm Phách	0978223583	phachmt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

CO1: Có kiến thức chung về môn Đá cầu: Đặc điểm, ý nghĩa, sơ lược lịch sử; Luật thi đấu.

CO2: Phân tích được nguyên lý các kỹ thuật cơ bản; phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá; Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn Đá cầu.

* Về kỹ năng

CO3: Thực hiện được một số kỹ thuật cơ bản của môn Đá cầu; (kỹ thuật búng, gạt cầu; kỹ thuật phát cầu, chuyền cầu, vít ngược...).

CO4: Vận dụng được những kiến thức cơ bản về phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá, luật thi đấu vào trong thực tiễn.

CO5: Có kỹ năng cơ bản về tổ chức thi đấu và trọng tài.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO6: Có khả năng tiếp tục học tập nâng cao trình độ.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Mô tả được những kiến thức cơ bản về môn Đá cầu: Đặc điểm, ý nghĩa, sơ lược lịch sử; Luật thi đấu;	PLO 3
CO2	CLO2	Phân tích được nguyên lý các kỹ thuật cơ bản; phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá; Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn Đá cầu.	PLO 3, 8,9
	Kỹ năng		

CO3	CLO3	Thực hiện được một số kỹ thuật cơ bản của môn Đá cầu; (kỹ thuật búng, gạt cầu; kỹ thuật phát cầu, chuyền cầu, vít ngược...).	PLO 8
CO4	CLO4	Biên soạn được kế hoạch chuyên môn	PLO 10
	CLO5	Tổ chức được hoạt động dạy học, kiểm tra, đánh giá; Phương pháp trọng tài Đá cầu cấp cơ sở.	PLO8,9,10 11,12
CO5	CLO6	Thực hiện được các hoạt động về tổ chức thi đấu Đá cầu	PLO 5, 11
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO6	CLO8	Có khả năng tiếp tục học tập nâng cao trình độ.	PLO14

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo PLOs													
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
CLO1			x											
CLO2			x					x	x					
CLO3								x						
CLO4										x				
CLO5								x	x	x	x	x		
CLO6					x						x			
CLO7														x
MDG	0	0	2	0	1	0	0	3	2	2	2	1	0	1

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học trang bị cho người học những kiến thức về sơ lược lịch sử, đặc điểm, ý nghĩa của Đá cầu với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản của một số kỹ thuật, phương pháp dạy học; Phương pháp kiểm tra, đánh giá; luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn Đá cầu, Phát triển thể lực chung và chuyên môn.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết và thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp học.

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.
- Thực hành: Hoàn thành 01 bài thực hành cá nhân hoặc nhóm theo yêu cầu của giáo viên.

- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức và trọng số điểm

- Sử dụng thang 10 điểm.

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-8
2	A2. Thực hành (Phương pháp)	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 4, 5
3	A3. Bài tập (tiểu luận)	10%	01	Rubric đánh giá bài tập	CLO 1,2
4	A4. Bài kiểm tra định kỳ số 01 (Thực hành kỹ thuật)	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 3
5	A5. Bài kiểm tra định kỳ số 02 (Thực hành phương pháp)	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 4, 5
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A6. Thực hành (Kỹ thuật)	50%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 3

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10%)					

Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết và thực hành.	Dự 80% - 89% số giờ lên lớp lý thuyết và thực hành.	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết và thực hành.	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết và thực hành.

8.2.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân, thực hành, bài kiểm tra định kỳ

- Đánh giá theo tiêu chí trong rubrics đánh giá bài thực hành.

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1] Đào Thị Hoa Quỳnh (2021), Giáo trình Đá cầu , NXB ĐH Thái nguyên. Thư viện trường ĐHSP - ĐHTN.

[2] Tổng cục TDTT (2015), Luật thi đấu đá cầu, NXB TDTT, Hà Nội, Thư viện trường ĐHSP - ĐHTN.

9.2. Tài liệu tham khảo

[3] Vụ TDTT quần chúng , Phương pháp giảng dạy và huấn luyện Đá cầu, NXB Đại học Sư phạm, năm 2009, Thư viện trường ĐHSP - ĐHTN.

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 1: Kiến thức chung về môn học
LLO1	Xác định được những kiến thức cơ bản về môn Đá cầu: Đặc điểm, ý nghĩa, sơ lược lịch sử; Nguyên lý các kỹ thuật cơ bản; Luật thi đấu.

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 2: Các kỹ thuật cơ bản trong Đá cầu
LLO2	Thực hiện, phân tích được một số kỹ thuật cơ bản môn Đá cầu.
LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 3: Phương pháp dạy học môn Đá cầu
LLO3	Biên soạn được kế hoạch chuyên môn
LLO4	Tổ chức được hoạt động dạy học; kiểm tra, đánh giá; Phương pháp trọng tài Đá cầu cấp cơ sở.
LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 4: Phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn Đá cầu
LLO5	Thực hiện được các hoạt động về tổ chức thi đấu Đá cầu(xây dựng điều lệ giải, bắt thăm, xếp lịch thi đấu....).
LLO6	Vận dụng luật thi đấu để xử lý, giải thích một số tình huống cơ bản.
LLO7	Có khả năng tiếp tục học tập nâng cao trình độ.

10.2. Ma trận liên kết LLOs với CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)							
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
LLO1	x							
LLO2		x	x					
LLO3			x					
LLO4				x	x			
LLO5						x		
LLO6					x		x	
LLO7								x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung chuẩn đầu ra của bài 1: Kiến thức chung về môn học				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO 1,	A. Nội dung thực hiện trên lớp (8 tiết)	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1,A2	[1] Chương 1

LLO 2	* Bài 1: Nội dung giảng dạy lý thuyết: (03 tiết) Những kiến thức chung về môn Đá cầu như: - Sơ lược lịch sử. - Ý nghĩa và tác dụng của môn học. - Nguyên lý kỹ thuật. - Phương pháp giảng dạy, huấn luyện. - Phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài môn Đá cầu. * Nội dung bài tập: (04 tiết) - Kiến thức chung về môn học - Luật thi đấu	- Thảo luận nhóm		Chương 2 Chương 5
	* Nội dung tự học: (14 tiết) - Sơ lược lịch sử - Ý nghĩa và tác dụng của môn học. - Nguyên lý kỹ thuật. - Phương pháp giảng dạy, huấn luyện. - Phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài môn Đá cầu.	SV Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu của giảng viên		
	Bài 2: Kỹ thuật môn Đá cầu			
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO 3	A. Nội dung thực hiện trên lớp (42 tiết) * Nội dung thực hành: (40 tiết) Thực hiện các kỹ thuật cơ bản của môn Đá cầu.: - Các kỹ thuật tăng cầu. - Các kỹ thuật chuyển cầu. - Các kỹ thuật phát cầu.	- Thuyết trình của GV. - Thực hành.	A1; A4; A5; A6	[1] [2]

	- Các kỹ thuật đỡ cầu. Bài Kiểm tra định kỳ số 1 – A4 (02 tiết): Theo ngân hàng câu hỏi và đáp án khoá 59.			
LLO 3	B. Nội dung tự học: (20 tiết) - Các kỹ thuật tâng cầu. - Các kỹ thuật chuyền cầu. - Các kỹ thuật phát cầu. - Các kỹ thuật đỡ cầu.	SV chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành nội dung bài học.		
LLO 4, LLO 5, LLO 6, LLO 7	Bài 3: Phương pháp giảng dạy môn Đá cầu. A. Nội dung thực hiện trên lớp (3 tiết) * Nội dung lý thuyết: (3 tiết) 1. Các nguyên tắc giảng dạy; 2. Các phương pháp giảng dạy; 3. Các giai đoạn dạy học;	- Thuyết trình của GV. - Thực hành.	A1	[1] [3]
	B. Nội dung tự học: (12 tiết) 1. Các nguyên tắc giảng dạy; 2. Các phương pháp giảng dạy; 3. Các giai đoạn dạy học;	SV chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành nội dung bài học.		
LLO 8	Bài 4: Phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài A. Nội dung thực hiện trên lớp (31 tiết) * Nội dung thực hành: (24 tiết) 1. Ý nghĩa và các hình thức thi đấu; 2. Điều lệ giải; 3. Hệ thống thi đấu; 4. Trọng tài và các hình thức di chuyển của trọng tài; * Bài tập: (5 tiết)	- Thuyết trình của GV. - Thực hành.	A1; A3	[1]

	- Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. - Các bài tập thể lực chuyên môn			
	B. Nội dung tự học: (20 tiết) 1. Ý nghĩa và các hình thức thi đấu; 2. Điều lệ giải; 3. Hệ thống thi đấu; 4. Trọng tài và các hình thức di chuyển của trọng tài;	SV chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành nội dung bài học.		
LLO 1- LLO 2	* Kiểm tra đánh giá bài tập: (01 tiết)	Sinh viên thực hiện bài tập theo yêu cầu của GV	A3	
LLO 3- LLO 6	* Kiểm tra định kỳ 2 thực hành phương pháp: 02 tiết	Sinh viên thực hiện bài thực hành theo yêu cầu của GV	A2; A5	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: Phòng học có đảm bảo đủ các điều kiện về vệ sinh, ánh sáng, âm thanh, bàn ghế phục vụ cho hoạt động dạy học.

- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Cầu, sân, lưới, cột lưới, dụng cụ tập thể lực, đồng hồ,...

- Điều kiện khác: Sân tập đảm bảo an toàn, sạch sẽ và đúng quy cách.

8.33. Trò chơi vận động

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 84 tiết.

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	06		66
2	Bài tập	09		

3	Thực hành	64		
4	Kiểm tra, đánh giá	05		
Tổng		84		66

- Loại học phần: Tự chọn

- Học phần tiên quyết: Không.

- Học phần học trước: Không.

- Học phần học song hành: Không.

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: TDDT Chuyên ngành; Khoa Thể dục thể thao

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Th.S. Nguyễn Nhạc	0981 210 988	nhacn@tnue.edu.vn
2	Ths. Nguyễn Đức Trường	035 986 3333	truongnd@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Kiến thức:

CO1: Mô tả được các kiến thức cơ bản về Trò chơi vận động.

CO2: Hiểu được phương pháp và cách thức tổ chức các trò chơi vận động, cách thức biên soạn, đánh giá và sáng tác trò chơi.

* Kỹ năng:

CO3: Vận dụng các kiến thức về Trò chơi vận động để biên soạn và tổ chức, đánh giá được các trò chơi vận động.

CO4: Hình thành được các kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, giao tiếp, làm việc nhóm.

* Năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO5: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng của học phần để thực hiện tốt nhiệm vụ học tập, giảng dạy, tự học suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
		Kiến thức	

MĐG	0	0	2	2	1	0	0	3	1	1	1	1	0	2
-----	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về môn Trò chơi vận động như: Sơ lược lịch sử, ý nghĩa và tác dụng của môn học. Thông qua môn học sinh viên có thể phân tích được phương pháp tổ chức các trò chơi vận động, cách thức biên soạn, đánh giá và sáng tác và tổ chức được trò chơi phù hợp với đối tượng và năng lực vận động. Hình thành được kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, giao tiếp, làm việc nhóm. Môn học trò chơi góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong cho sinh viên và tạo điều kiện cho học tập các môn thể thao.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp, tham gia và hoàn thành 100% bài tập nhóm, chuẩn bị bài học trước khi lên lớp.
- Bài tập: Hoàn thành 01 bài cá nhân và nộp sản phẩm đúng hạn cho giáo viên.
- Thực hành: Hoàn thành 01 bài kiểm tra cá nhân hoặc nhóm theo yêu cầu của giảng viên.
- Tự học: Hoàn thành các nội dung theo yêu cầu của giáo viên.
- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1 - 7
2	A2. Bài tập	10%	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 1- 2
3	A3. Thực hành phương pháp	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 3,4,5
4	A4. Bài kiểm tra định kỳ số 01	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 3,4,5,6
5	A5. Bài kiểm tra định kỳ số 02	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 3,4,5,6
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					

6	A6. Thực hành	50%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 3,4,5,6
---	---------------	-----	----	-------------------------------	-------------

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết và thực hành.	Dự 80% - 89% số giờ lên lớp lý thuyết và thực hành.	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết và thực hành.	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết và thực hành.

8.2.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân, thực hành, bài kiểm tra định kỳ

- Đánh giá theo tiêu chí trong ngân hàng câu hỏi và đáp án Khoá 59.

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Hà Quang Tiến (2017), Giáo trình Trò chơi vận động, NXB ĐHTN, thư viện trường ĐHSPTN.

[2]. Trần Thị Tú (2022), Sách chuyên khảo “Sử dụng trò chơi vận động trong hoạt động ngoại khóa cho học sinh tiểu học”. Thư viện trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[3]. Đinh Văn Lãm, Đào Bá Trì, Giáo trình Trò chơi vận động, NXB Thể dục thể thao Hà Nội, 2008, thư viện trường ĐHSP TN.

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 1
LLO1	Mô tả được những kiến thức chung về môn Trò chơi vận động như: Sơ lược lịch sử, ý nghĩa và tác dụng của môn học.
LLO2	Trình bày được phương pháp trong giảng dạy, đánh giá và tổ chức các trò chơi vận động.
LLO3	Lựa chọn được các TCVD phù hợp với đặc điểm đối tượng và năng lực vận động.
LLO4	Biên soạn được các Trò chơi vận động phù hợp với đối tượng và năng lực vận động trong từng điều kiện hoàn cảnh cụ thể.
LLO5	Hoàn thành tốt các bài tập cá nhân, giao tiếp và hoàn thành nhiệm vụ thảo luận nhóm.
LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 2
LLO6	Tổ chức được các trò chơi vận động và đánh giá trò chơi trong hoạt động thực tiễn.
LLO7	Lập kế hoạch học tập, tự học cho bản thân. Có trách nhiệm đối với các nhiệm vụ được quy định trong học phần.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)						
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
LLO1	x						
LLO2		x					
LLO3			x				
LLO4				x			
LLO5						x	
LLO6					x		
LLO7							x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
Chương 1. LÝ THUYẾT CHUNG				
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (11 tiết)	- Giảng giải	A1; A2, A3	[1]
LLO2	* Nội dung lí thuyết: 06 tiết			Chương 1 Từ trang 9 đến
LLO3	1.1.Nguồn gốc, sự hình thành và phát triển của trò chơi vận động,			trang 18
LLO4	1.2. Khái niệm, bản chất xã hội của trò chơi vận động.			[2] Phần 1 từ trang 18 – trang 41
LLO5	1.3. Tác dụng của trò chơi vận động với việc phát triển hình thái, chức năng và phẩm chất tâm lý, nhân cách cho người tập. 1.4. Phân loại, đặc điểm, phân biệt trò chơi vận động với hoạt động lao động sản xuất 1.5. Vai trò, tác dụng, phương pháp của trò chơi vận động trong giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao và trong đời sống xã hội. 1.6.Cơ sở biên soạn, đánh giá và sáng tác trò chơi vận động.			[2]
	* Nội dung bài tập: 05 tiết - Suu tầm, lựa chọn và biên soạn 03 trò chơi vận động.	Sinh viên thực hiện theo yêu cầu của GV	A1; A3	[1] Chương 1 Từ trang 9 đến trang 18, [2]8 từ trang 93 - 136

	B. Nội dung tự học (20 tiết) - Phân tích các khái niệm, phân loại, đặc điểm, tác dụng, phân loại trò chơi vận động. - Phân tích cơ sở biên soạn, và sáng tác trò chơi.	Sinh viên chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành nội dung bài học.	A1; A2	[1] Chương 1 Từ trang 9 đến trang 18
Bài 2. THỰC HÀNH CÁC TRÒ CHƠI VẬN ĐỘNG				
LLO6 LLO7	A. Nội dung thực hiện trên lớp (69 tiết) * Nội dung thực hành: Các trò chơi vận động trong giáo trình(34 tiết). - Trò chơi chạy tiến sức - Trò chơi người thừa thứ 3 - Trò chơi đoàn tàu nào nhanh - Trò chơi nghe số bắt bóng - Trò chơi tìm người chỉ huy - Trò chơi mèo đuổi chuột - Trò chơi lăn bóng tiếp sức - Trò chơi Đàn vịt nào nhanh - Trò chơi nhảy cừu * Nội dung giảng dạy Elearning (30 tiết): thực hành	- Giảng giải kết hợp làm mẫu minh họa. -Thực hành	A1,A3, A4	[1] Chương 2 Từ 18 đến 138 [2]
	B. Nội dung tự học (46 tiết) - Thực hiện các trò chơi vận động - Biên soạn, sáng tác trò chơi vận động	Sinh viên chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành		[1] Chương 2 Từ 18 đến 138

		nội dung bài học.		
LLO1- LLO7	C. Các Nội Dung kiểm tra * Đánh giá điểm chuyên cần (Theo ngân hàng câu hỏi và đáp án khoá 59) * Kiểm tra A3 : Thực hành phương pháp (Theo ngân hàng câu hỏi và đáp án khoá 59) 1 tiết. * Kiểm tra định kỳ 1 -A4 (Theo ngân hàng câu hỏi và đáp án khoá 59) 1 tiết * Kiểm tra định kỳ 2 -A5 (Theo ngân hàng câu hỏi và đáp án khoá 59)- 2 tiết * Nội dung bài tập: (4 tiết) - Cách thức biên soạn, tổ chức Trò chơi vận động. * Kiểm tra: Bài tập A2 (Theo ngân hàng câu hỏi và đáp án khoá 59) 1 tiết	Sinh viên thực hiện các bài kiểm tra theo sự sắp xếp của Giảng viên.	A1-A5	

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: Phòng học có đảm bảo đủ các điều kiện về vệ sinh, ánh sáng, âm thanh, bàn ghế phục vụ cho hoạt động dạy học.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Bàn ghế, những vật dụng như bóng, gậy, dây, cờ, cọc tiêu.....
- Điều kiện khác: Sân tập đảm bảo an toàn, sạch sẽ.

8.34. Gym

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số tiết quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	

1	Lý thuyết	06	0	12
2	Bài tập	09	0	39
3	Thực hành	65	0	
4	Kiểm tra, đánh giá	04	0	15
Tổng		84	0	66

- Loại học phần: Tự chọn
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn TDTT Chuyên ngành, Khoa Thể dục thể thao

2. Thông tin về các giảng viên (GV)

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Duy Nam	0965 536 822	Namnd.phy@tnue.edu.vn
2	ThS. Nguyễn Nhạc	0981 210 988	Nhacn@tnue.edu.vn
3	Ths. Đào Ngọc Anh	0986 599 780	Anhndn@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

3.1. Kiến thức:

CO1: Mô tả được các kiến thức chung của môn học được trang bị trong học phần Gym.

CO2: Nhớ được cấu trúc cơ bản của một buổi tập luyện thể lực và yêu cầu dinh dưỡng trong tập luyện Gym.

CO3: Chỉ ra được các nguyên nhân, cách phòng ngừa và sơ cứu một số chấn thương thường gặp trong quá trình tập luyện môn Gym.

3.2. Kỹ năng:

CO4: Sử dụng được các phương tiện, dụng cụ, máy móc, trang thiết bị tập luyện trong quá trình học tập cũng như tự tập luyện.

CO5: Thực hiện được các kỹ thuật, động tác và bài tập cơ bản của môn Gym.

CO6: Vận dụng được những kiến thức cơ bản đã học vào trong học tập cũng như trong thực tiễn quá trình dạy học, huấn luyện và tổ chức tập luyện môn học.

CO7: Xây dựng được kế hoạch giảng dạy, huấn luyện môn Gym, mô hình kinh doanh thực tế, để phục vụ cho công tác tổ chức, quản lý điều hành phòng tập Gym.

3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO8: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn được trang bị trong học phần vào quá trình làm việc độc lập, hợp tác nhóm, dạy học, phát triển suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
CO1	CLO1	Trình bày được các nguyên tắc và phương pháp tập luyện phát triển thể lực, hình thể và nâng cao sức khỏe.	PLO3
CO2	CLO2	Mô tả được cấu trúc cơ bản của buổi tập luyện thể lực và yêu cầu dinh dưỡng trong tập luyện Gym.	PLO3
CO3	CLO3	Trình bày được các nguyên nhân, cách phòng ngừa và sơ cứu một số chấn thương thường gặp trong quá trình tập luyện môn Gym.	PLO3
Kỹ năng			
CO4	CLO4	Sử dụng được các phương tiện, dụng cụ, máy móc, trang thiết bị tập luyện trong quá trình học tập cũng như tự tập luyện môn Gym.	PLO8
CO5	CLO5	Thực hiện được các kỹ thuật, động tác và bài tập cơ bản của môn Gym.	PLO8
CO6	CLO6	Vận dụng được những kiến thức cơ bản đã học vào trong học tập cũng như trong thực tiễn quá trình dạy học, huấn luyện và tổ chức tập luyện môn học.	PLO9
CO7	CLO7	Xây dựng được kế hoạch tập luyện theo từng giai đoạn, quá trình hoặc theo từng yêu cầu chuyên môn khác nhau. Xây dựng được mô hình kinh doanh thực tế, để phục vụ cho công tác tổ chức, quản lý điều hành phòng tập Gym.	PLO11
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO8	CLO8	Áp dụng được những kiến thức, kỹ năng chuyên môn của học phần vào thực tiễn quá trình tự học, tự nghiên cứu, làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và học tập suốt đời.	PLO14

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo CTĐT (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
------	--------------------------

	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
CLO1			x											
CLO2			x											
CLO3			x											
CLO4								x						
CLO5								x						
CLO6									x					
CLO7											x			
CLO8														x
MĐG	0	0	3	0	0	0	0	2	1	0	1	0	0	1

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Gym là môn học tự chọn nằm trong khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo Cử nhân ngành Huấn luyện Thể thao. Môn học này có thể được coi là một phương tiện hiệu quả để rèn luyện và củng cố sức khỏe, phát triển toàn diện các tố chất thể lực như sức bền, sức mạnh, sự linh hoạt và độ dẻo dai cho người tập. Điểm đặc biệt của Gym là hình thức tập luyện phong phú, với nhiều bài tập đa dạng phù hợp với sở thích và nhu cầu của từng cá nhân, đồng thời đáp ứng được mục tiêu khỏe mạnh, vóc dáng cân đối của sinh viên. Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên các nội dung chính sau: Tổng quan về Gym và quản lý phòng Gym; Các phương pháp tập luyện cơ bản và nâng cao; Kỹ thuật sử dụng thiết bị và dụng cụ tập luyện; Phương pháp giảng dạy, kiểm tra và đánh giá môn học; Kỹ năng quản lý và tổ chức hoạt động phòng Gym chuyên nghiệp.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp, tham gia và hoàn thành 100% bài tập nhóm, chuẩn bị bài học trước khi lên lớp, trang phục đúng quy định.
- Thực hành: Hoàn thành 01 bài thực hành cá nhân, cặp nhảy hoặc nhóm theo yêu cầu của GV.
- Tự học: Hoàn thành các nội dung theo yêu cầu của GV.
- Hoàn thành 1 bài kiểm tra định kỳ.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					

1	A1. Chuyên cần	10%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-7
2	A2. Thực hành	20%	01	Đáp án, thang điểm	CLO3
4	A3. Bài kiểm tra định kì	20%	01	Đáp án, thang điểm	CLO3,4
Thi kết thúc học phần					
6	A4. Thực hành	50%	01	Đáp án, thang điểm	CLO3,4

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần (A1 – chuẩn CLO1 - 7)

Chuyên cần 10%					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến <4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc.	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến <4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết.	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết.	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết.	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết.

8.2.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm

- Bài thực hành A2 (20%): Theo tiêu chí đánh giá bài thực hành trong ngân hàng câu hỏi.

- Kiểm tra, đánh giá định kỳ (20%) – Theo Rubric đánh giá bài kiểm tra định kỳ trong ngân hàng câu hỏi.

- Thi kết thúc học phần (50%) – Theo Rubric đánh giá bài thi kết thúc học phần môn Aerobic trong ngân hàng câu hỏi.

8.35. Yoga

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03 ; Tổng số giờ quy chuẩn: 84 tiết.

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	6		66
2	Bài tập	8		
3	Thực hành	66		
4	Kiểm tra, đánh giá	4		
Tổng		84	0	66

- Loại học phần: Tự chọn

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Các yêu cầu đối với học phần: Phòng tập có lắp gương, Thảm tập.

- Đơn vị phụ trách: Khoa TDDT

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
	TS. Trần Thị Tú	0986 703 726	tutt@tnue.edu.vn
	Ths. Đào Ngọc Anh	0986.599.780	anhdn@tnue.edu.vn
	TS. Nguyễn Duy Nam	0965.536.822	namnd.phy@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Có kiến thức chung về môn Yoga như: nguồn gốc và ý nghĩa của Yoga; Yoga và lợi ích đối với cơ thể và cơ bắp; luật thi đấu.

CO2: Phân tích được các kỹ thuật cơ bản; phương pháp huấn luyện, giảng dạy; kiểm tra đánh giá và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài Yoga.

* Về kỹ năng

CO3: Vận dụng được kiến thức cơ bản của học phần Yoga trong giảng dạy, huấn luyện và tổ chức thi đấu, trọng tài môn Yoga trong thực tiễn.

CO4: Có khả năng giao tiếp và hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO5: Có khả năng tiếp tục học tập để nâng cao trình độ.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần	CDR của CTĐT
Kiến thức			
CO1	CLO1	Mô tả được những kiến thức chung về môn học như: nguồn gốc, triết lý và ý nghĩa của Yoga; Yoga và lợi ích đối với cơ thể và cơ bắp; luật thi đấu.	PLO3
CO2	CLO2	Phân tích được kỹ thuật của các tư thế (Asana) cơ bản; phương pháp giảng dạy, huấn luyện, kiểm tra đánh giá và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn Yoga.	PLO3,8
Kỹ năng			
CO3	CLO3	Thực hiện được kỹ thuật của các tư thế cơ bản (đứng, quỳ, ngồi, nằm) và các bài tập rèn luyện thể lực của môn Yoga.	PLO8
	CLO4	Xây dựng được kế hoạch giảng dạy, huấn luyện, thi đấu môn Yoga ở cơ sở.	PLO10,11
	CLO5	Tổ chức được các hoạt động giảng dạy, huấn luyện, thi đấu và trọng tài môn Yoga trong hoạt động thực tiễn.	PLO8,9,10,11,12
CO4	CLO6	Biểu hiện được khả năng giao tiếp và hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm.	PLO5
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			

CO5	CLO7	Thực hiện được các hoạt động làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và tự rèn luyện để tạo thói quen hoạt động, vận động hợp lý suốt đời.	PLO14
-----	------	---	-------

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo PLOs													
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
CLO1			x											
CLO2			x					x						
CLO3								x						
CLO4										x	x			
CLO5								x	x	x	x	x		
CLO6					x									
CLO7														x
MDG	0	0	2	0	1	0	0	3	1	2	2	1	0	1

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Yoga trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nguồn gốc, ý nghĩa cũng như chuỗi các tư thế, giá trị sức khỏe, giá trị chữa lành thân tâm. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức về Kỹ thuật cơ bản các tư thế, thở và thiền trong Yoga, phương pháp giảng dạy và huấn luyện; luật và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn Yoga.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học...
- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân theo yêu cầu của giáo viên.
- Hoàn thành 01 bài tiểu luận theo yêu cầu của giáo viên.
- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kì theo yêu cầu của giáo viên.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức và trọng số điểm

- Sử dụng thang 10 điểm.

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-7
2	A2. Bài kiểm tra thực hành phương pháp	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 2-6
3	A3. Bài tiểu luận	10%	01	Rubric đánh giá bài tiểu luận	CLO 1,2
4	A4. Bài kiểm tra định kỳ 1 (Thực hành phương pháp)	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 2-6
5	A5. Bài kiểm tra định kỳ 2 (Thực hành tư thế)	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 3
Thi kết thúc học phần (50%)					
6	A6. Thực hành	50%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 3

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

1. Rubric đánh giá chuyên cần (10%)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ

					học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

Rubric đánh giá bài tiểu luận (10%)

Mức chất lượng	Thang điểm	Mô tả mức chất lượng	Điểm
Giỏi	8.5 - 10	Không có lỗi chính tả; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định (10%). Bố cục có đầy đủ các phần và độ dài theo quy định, logic (10%). TLTK phong phú, được sắp xếp đúng quy định, trích dẫn đúng thể thức (10%). Đáp ứng 80%-100% yêu cầu về nội dung (70%).	
Khá	7.0 – 8.4	Đáp ứng 70 – 80% yêu cầu của mức Giỏi	
Trung bình	5.0 – 6.9	Đáp ứng 50 – 60% yêu cầu của mức Giỏi	
Yếu	0.0 – 4.9	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu của mức Giỏi	
Nhận xét			

Bài kiểm tra thực hành phương pháp (10%) - Theo Rubric đánh giá bài thực hành

Kiểm tra, đánh giá định kì (20%) – Theo Rubric đánh giá bài thực hành

Thi kết thúc học phần (50%) – Theo Rubric đánh giá bài thực hành.

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Nguyễn Thiện Tín, Lê Hồng Ngọc (2017), Sách Yoga, Nxb ĐH Đà Nẵng, Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN.

[2]. Liên đoàn Yoga Việt Nam (2021), Luật thi đấu Yoga. Thư viện trường ĐHSP - ĐHTN.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[3]. Jean hall (2007), Biên dịch: Hàn Thị Thu Vân, Sách Astanga Yoga, Nxb Phụ nữ. Thư viện trường ĐHSP – ĐHTN.

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài học 1
LLO1	Mô tả được những kiến thức chung về môn học như: nguồn gốc, triết lí và ý nghĩa của Yoga; Yoga và lợi ích đối với cơ thể và cơ bắp; luật thi đấu.
LLO2	Phân tích được kỹ thuật của các tư thế (Asana) cơ bản; phương pháp giảng dạy, huấn luyện, kiểm tra đánh giá và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn Yoga.
LLO3	Thực hiện được kỹ thuật của các tư thế cơ bản (đứng, quỳ, ngồi, nằm) và các bài tập rèn luyện thể lực của môn Yoga.
LLO4	Xây dựng được kế hoạch giảng dạy, huấn luyện, thi đấu môn Yoga ở cơ sở.
LLO5	Tổ chức được các hoạt động giảng dạy, huấn luyện, thi đấu và trọng tài môn Yoga trong hoạt động thực tiễn.
LLO6	Thực hiện được các hoạt động làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và tự rèn luyện để tạo thói quen hoạt động, vận động hợp lý suốt đời.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra của học phần						
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
LLO1	x						
LLO2		x					
LLO3			x				
LLO4				x			
LLO5					x	x	
LLO6							x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Bài 1: Lý thuyết chung			
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp	Học liệu

		Dạy học	Đánh giá	
LLO 1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (3 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (3 tiết) 1. Nguồn gốc và triết lí của Yoga 2. Ý nghĩa và lợi ích của Yoga đối với cơ thể 3. Phương pháp giảng dạy, luân luyện và kiểm tra, đánh giá Yoga 4. Luật và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài Bộ môn Yoga	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1,2,3, 4,5	[1] Chương I - IV
LLO 1	B. Nội dung tự học: (10 tiết) - Luyện thở cơ bản và các cách thở trong Yoga	Sinh viên chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành nội dung bài học.	A1	
	Bài 2. Thực hành Yoga			
LLO 2,3,4, 5,6	A. Nội dung thực hiện trên lớp (77 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (3 tiết) 1. Phân tích kĩ thuật các tư thế cơ bản của Yoga * Nội dung giảng dạy thực hành: (66 tiết) - Bài tập khởi động và chào mặt trời - Các tư thế đứng một chân, hai chân - Các tư thế quỳ. - Các tư thế ngồi - Các tư thế thẳng bằng - Các tư thế nằm - Bài tập bụng và điều khiển cơ bụng * Nội dung bài tập: (8 tiết)	- Thuyết trình - Giảng giải kết hợp làm mẫu minh họa. - Thực hành - Luyện tập cá nhân, nhóm	A1,2,3, 4,,6	[1] Chương V- XII

	Biên soạn bài Yoga chuỗi liên hoàn các tư thế.			
	B. Nội dung tự học: (56 tiết) - Luyện tập, củng cố các nội dung đã học	- SV tập luyện theo hình thức nhóm.	A1	
	Kiểm tra (4 tiết)			
	- Bài thực hành A2: Thực hành giảng một số tư thế cơ bản (1 tiết) - Bài tập A3: Xây dựng kế hoạch huấn luyện hoặc tổ chức thi đấu Bộ môn Yoga (1 tiết) - Bài kiểm tra định kỳ 1 (A4): Biên soạn và giảng dạy bài Yoga chuỗi liên hoàn (1 tiết) - Bài kiểm tra định kỳ 2 (A5): Thực hành kỹ thuật các tư thế trong Yoga (1 tiết).	Sinh viên thực hiện các bài kiểm tra theo sự sắp xếp của giảng viên.	A2,3,4,5	

8.36. Pickleball

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03 ; Tổng số giờ quy chuẩn: 84 tiết.
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	06		12
2	Bài tập	09		39
3	Thực hành	64		
4	Kiểm tra, đánh giá	05		15
Tổng		84		66

- Loại học phần: Tự chọn
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn TDTT Chuyên ngành; Khoa TDTT

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Ths. Phạm Thị Bích Thảo	0838 888 758	Thaoptb@tnue.edu.vn
2	Ths. Nguyễn Văn Dũng	0913031309	dungnv@tnue.edu.vn
3	TS. Đào T. Hoa Quỳnh	0379280985	quynhdth@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần

* Về kiến thức

CO1: Có kiến thức chung về môn Pickleball: Đặc điểm, ý nghĩa, sơ lược lịch sử; Luật thi đấu.

CO2: Phân tích được nguyên lý các kỹ thuật cơ bản; phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá; Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn Pickleball.

* Về kỹ năng

CO3: Thực hiện được một số kỹ thuật cơ bản của môn Pickleball: kỹ thuật Dink thẳng, Dink phải, Dink trái; kỹ thuật volley phải, volley trái; kỹ thuật đánh bóng thuận tay (forhand), đánh bóng trái tay 2 tay (Backhand), trái 1 tay (Backhand); Kỹ thuật cắt bóng thuận tay, kỹ thuật cắt bóng trái tay, kỹ thuật giao bóng, kỹ thuật đập bóng (smast).

CO4: Vận dụng được những kiến thức cơ bản về phương pháp dạy học, huấn luyện, kiểm tra, đánh giá, luật thi đấu trong học tập và hoạt động dạy học.

CO5: Có kỹ năng cơ bản về tổ chức thi đấu và trọng tài.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO6: Có khả năng tiếp tục học tập nâng cao trình độ.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Mô tả được những kiến thức cơ bản về môn Pickleball: Đặc điểm, ý nghĩa, sơ lược lịch sử; Luật thi đấu;	PLO 3
CO2	CLO2	Phân tích được nguyên lý các kỹ thuật cơ bản; phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá; Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn Pickleball.	PLO 3, 8

	Kĩ năng		
CO3	CLO3	Thực hiện được một số kĩ thuật cơ bản của môn Pickleball: kĩ thuật Dink thẳng, Dink phải, Dink trái; kĩ thuật volley phải, volley trái, kĩ thuật đánh bóng thuận tay (Forhand), đánh bóng trái tay 2 tay, trái 1 tay (Backhand); Kĩ thuật cắt bóng thuận tay, cắt bóng trái tay, kĩ thuật giao bóng, Kĩ thuật đập bóng (smast).	PLO 8
CO4	CLO4	Biên soạn được kế hoạch chuyên môn	PLO10
	CLO5	Tổ chức được hoạt động dạy học; kiểm tra, đánh giá môn Pickleball trong thực tiễn.	PLO8,9,10, 12
CO5	CLO6	Thực hiện được các hoạt động về huấn luyện, tổ chức thi đấu và trọng tài Pickleball cấp cơ sở.	PLO5, 11
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO6	CLO7	Có khả năng tiếp tục học tập nâng cao trình độ.	PLO14

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo PLOs													
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
CLO1			x											
CLO2			x					x						
CLO3								x						
CLO4										x				
CLO5								x	x	x		x		
CLO6											x			
CLO7					x									x
MDG	0	0	2	0	2	0	0	3	1	2	1	1	0	1

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học trang bị cho người học những kiến thức về sơ lược lịch sử, đặc điểm, ý nghĩa của Pickleball với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức và kĩ năng cơ bản của một số kĩ thuật, phương pháp dạy học; huấn luyện; Phương pháp kiểm tra, đánh giá; luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn Pickleball.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết và thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp học.
- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.
- Thực hành: Hoàn thành 01 bài kiểm tra cá nhân hoặc nhóm theo yêu cầu của giảng viên.
- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức và trọng số điểm

- Sử dụng thang 10 điểm.

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-7
2	A2. Bài tập	10%	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 1, 2
3	A3. Thực hành (Phương pháp)	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 2,4, 5, 6
4	A4. Bài kiểm tra định kì 1 (Thực hành phương pháp)	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 2,4, 5, 6
5	A5. Bài kiểm tra định kì 2 (Thực hành kĩ thuật)	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 3
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A6. Thực hành (Kĩ thuật)	50%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 3

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết và thực hành.	Dự 80% - 89% số giờ lên lớp lý thuyết và thực hành.	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết và thực hành.	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết và thực hành.

8.2.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân, thực hành, bài kiểm tra định kỳ

- Đánh giá theo tiêu chí trong rubrics đánh giá các bài thực hành

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Luật thi đấu môn Pickleball, 2024, Cục Thể dục Thể thao. Thư viện trường ĐHSP TN.

[2]. https://newmilfordct.myrec.com/documents/book__the_art_of_pickleball.pdf

9.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. USA Pickleball – Official Rulebook 2024 - Luật thi đấu Pickleball, Tổng cục TDTT. Thư viện Trường ĐH Sư phạm – ĐH Thái nguyên.

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 1: Kiến thức chung về môn học
LLO1	Xác định được những kiến thức cơ bản về môn Pickleball: Đặc điểm, ý nghĩa, sơ lược lịch sử; Nguyên lý các kỹ thuật cơ bản; Luật thi đấu.
LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 2: Các kỹ thuật cơ bản trong Pickleball
LLO2	Thực hiện, phân tích được một số kỹ thuật, chiến thuật cơ bản môn Pickleball.
LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 3: Phương pháp dạy học môn Pickleball
LLO3	Biên soạn được kế hoạch chuyên môn
LLO4	Tổ chức được hoạt động dạy học; huấn luyện viên; kiểm tra, đánh giá; Phương pháp trọng tài Pickleball các cấp.
LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 4: Phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn Pickleball
LLO5	Thực hiện được các hoạt động về tổ chức thi đấu Pickleball(xây dựng điều lệ giải, bắt thăm, xếp lịch thi đấu, điều hành....).
LLO6	Vận dụng luật thi đấu để xử lý, giải thích một số tình huống cơ bản.
LLO7	Có khả năng tiếp tục học tập nâng cao trình độ.

10.2. Ma trận liên kết LLOs với CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)							
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
LLO1	x							
LLO2		x	x					
LLO3			x					
LLO4				x	x			
LLO5						x		
LLO6					x		x	
LLO7								x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

LLOs	Nội dung	Hình thức/ Phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	Bài 1: Kiến thức chung về môn học		A1;A6	

	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết) * Nội dung lý thuyết: (2 tiết) 1. Khái niệm chung; 2. Nguồn gốc, lịch sử môn Pickleball; 3. Đặc điểm và lợi ích tác dụng của môn Pickleball; 4. Ý nghĩa của môn Pickleball; 5. Nguyên lý các kỹ thuật cơ bản; 6. Luật thi đấu; 7. Vị trí của Pickleball trong công tác GDTC, thể thao trường học và đời sống. * Nội dung bài tập: (4 tiết) - Kiến thức chung về môn học - Luật thi đấu	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm		Luật USA Pickleball – Official Rulrbook 2024 - Luật thi đấu Pickleball, Tổng cục TDTT [2]. https://newmilfordct.myprec.com/documents/book_the_art_of_pickleball.pdf
	B. Nội dung tự học: (6 tiết) 1. Khái niệm chung; 2. Nguồn gốc, lịch sử môn Pickleball; 3. Đặc điểm và lợi ích tác dụng của môn Pickleball; 4. Ý nghĩa của môn Pickleball; 5. Nguyên lý các kỹ thuật cơ bản; 6. Luật thi đấu; 7. Vị trí của Pickleball trong công tác GDTC và thể thao trường học.	SV Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu của giảng viên		
LLO2	Bài 2: Các kỹ thuật, chiến thuật cơ bản	- GV hướng dẫn SV vào xem bài giảng điện tử.	A1; A4, A6	[2]. https://newmilfordct.myprec.com/documents/book_the_art_of_pickleball.pdf
	A. Nội dung thực hiện trên lớp (32 tiết) * Nội dung thực hành: (27 tiết)			

	1. Kỹ thuật kỹ thuật Dink thẳng, Dink phải, Dink trái. 2. Kỹ thuật kỹ thuật volley phải, volley trái 3. Kỹ thuật đánh bóng thuận tay (forhand), đánh bóng trái tay 2 tay, trái 1 tay (Backhand); 4. Kỹ thuật cắt bóng thuận tay, cắt bóng trái tay 5. Kỹ thuật đập bóng (Smast) 6. Kỹ thuật giao bóng 7. Chiến thuật Pickleball. * Kiểm tra bài thực hành A3: Thực hành phương pháp (Theo ngân hàng câu hỏi và đáp án khoá 59) 01 tiết * Kiểm tra định kỳ 1 – A4 (Theo ngân hàng câu hỏi và đáp án khoá 59) 02 tiết	- SV xem video và ghi chép nội dung bài học. - Tập luyện theo hướng dẫn trong video. - Thuyết trình của GV. - Thực hành.		_of_pickleball.pdf
	C. Nội dung tự học: (36 tiết) 1. Kỹ thuật kỹ thuật Dink thẳng, Dink phải, Dink trái. 2. Kỹ thuật kỹ thuật volley phải, volley trái 3. Kỹ thuật đánh bóng thuận tay (forhand), đánh bóng trái tay 2 tay, trái 1 tay (Backhand); 4. Kỹ thuật cắt bóng thuận tay, cắt bóng trái tay 5. Kỹ thuật đập bóng (Smast) 6. Kỹ thuật giao bóng 7. Chiến thuật Pickleball.	SV Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành mình chứng theo yêu cầu của giảng viên		
LLO3	Bài 3: Phương pháp dạy học, huấn luyện môn Pickleball	- Thuyết trình của GV.	A1, A6	Luật USA Pickleball –

LLO4 LLO5	A. Nội dung thực hiện trên lớp (30 tiết) * Nội dung lý thuyết: (4 tiết) 1. Các nguyên tắc giảng dạy; 2. Các phương pháp giảng dạy; huấn luyện; phương pháp kiểm tra, đánh giá; 3. Các giai đoạn dạy học.	- Thực hành.		Official Rulrbook 2024 - Luật thi đấu Pickleball, T ổng cục TDTT [2]. https://newmilfordct.myprec.com/documents/book_the_art_of_pickleball.pdf
	B. Nội dung tự học: (4 tiết) 1. Các nguyên tắc giảng dạy; 2. Các phương pháp giảng dạy; huấn luyện; phương pháp kiểm tra, đánh giá; 3. Các giai đoạn dạy học.	SV Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu của giảng viên		
LLO6, LLO7	Bài 4: Phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn Pickleball A. Nội dung thực hiện trên lớp (16) * Nội dung Lý thuyết: (2 tiết) 1. Ý nghĩa và các hình thức thi đấu; 2. Điều lệ giải; 3. Hệ thống thi đấu; 4. Điều hành giải đấu và trọng tài * Nội dung thực hành: (7 tiết) - Phương pháp trọng tài * Kiểm tra định kỳ 2 (Theo ngân hàng câu hỏi và đáp án khoá 59)- 02 tiết * Nội dung bài tập: (5 tiết) - Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. - Các bài tập thể lực chuyên môn	- Thuyết trình của GV. - Thực hành.	A1;A2, A5; A6	Luật USA Pickleball – Official Rulrbook 2024 - Luật thi đấu Pickleball, T ổng cục TDTT [2]. https://newmilfordct.myprec.com/documents/book_the_art_of_pickleball.pdf

	B. Nội dung tự học: (20 tiết) 1. Ý nghĩa và các hình thức thi đấu; 2. Điều lệ giải; 3. Hệ thống thi đấu; 4. Điều hành giải đấu và trọng tài	SV Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu của giảng viên		
LLO3-LLO4	* Kiểm tra bài A2: Bài tập (Theo ngân hàng câu hỏi và đáp án khoá 59)	01 tiết		
LLO5-LLO7	* Kiểm tra định kỳ 1 – A4 (Theo ngân hàng câu hỏi và đáp án khoá 59) 02 tiết	02 tiết		

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Sân tập luyện: Sân Pickleball có đầy đủ lưới; Thiết bị kẻ sân.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Bóng (200 quả), xe đựng bóng; Vợt: 20 chiếc (vợt/2sv) marker (các kích cỡ); Dụng cụ hỗ trợ; Trang bị của trọng tài; Biên bản trọng tài; Đồng hồ bấm; còi; Thang dây
- Điều kiện khác: Ánh sáng (nếu có).

8.37. Quần vợt

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03 ; Tổng số giờ quy chuẩn: 84 tiết.
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	06		12
2	Bài tập	09		39
3	Thực hành	64		
4	Kiểm tra, đánh giá	05		15
Tổng		84		66

- Loại học phần: Tự chọn;

- Học phần tiên quyết: Không;
- Học phần học trước: Không;
- Học phần học song hành: Không;
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn TDDT Chuyên ngành - Khoa TDDT.

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Mạnh Hùng	0988711822	hungnm.phy@tnue.edu.vn
2	Th.S. Nguyễn Văn Dũng	0913031309	dungnv@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

CO1: Có kiến thức chung về môn Quần vợt: Đặc điểm, ý nghĩa, sơ lược lịch sử; Luật thi đấu.

CO2: Phân tích được nguyên lý các kỹ thuật cơ bản; phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá; Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn Quần vợt.

* Về kỹ năng

CO3: Thực hiện được một số kỹ thuật cơ bản của môn Quần vợt; (Kỹ thuật đánh bóng thuận, trái tay, đánh bóng trên lưới, đập bóng và giao bóng).

CO4: Vận dụng được những kiến thức cơ bản về phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá, luật thi đấu trong học tập và hoạt động dạy học.

CO5: Có kỹ năng cơ bản về tổ chức thi đấu và trọng tài.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO6: Xây dựng được kế hoạch cá nhân, giao tiếp và hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm; Tự học tập và rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho bản thân.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Mô tả được những kiến thức chung về môn Quần vợt: Đặc điểm, ý nghĩa, sơ lược lịch sử; Luật thi đấu.	PLO 3

CO2	CLO2	Phân tích được nguyên lý các kỹ thuật cơ bản; phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá; Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn Quần vợt.	PLO 3, 8,9
	Kỹ năng		
CO3	CLO3	Thực hiện được một số kỹ thuật cơ bản của môn Quần vợt; (Kỹ thuật đánh bóng thuận, trái tay, đánh bóng trên lưới, đập bóng và giao bóng).	PLO 8
CO4	CLO4	Biên soạn được kế hoạch chuyên môn	PLO10
	CLO5	Tổ chức được hoạt động dạy học; kiểm tra, đánh giá; Phương pháp trọng tài Quần vợt cấp cơ sở.	PLO8,9,10 11,12
CO5	CLO6	Thực hiện được các hoạt động về tổ chức thi đấu Quần vợt (xây dựng điều lệ giải, bắt thăm, xếp lịch thi đấu....).	PLO 5, 11
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CO6	CLO7	Xây dựng được kế hoạch cá nhân, giao tiếp và hợp tác được để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm; Tự học tập và rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho bản thân.	PLO14

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo PLOs													
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
CLO1			x											
CLO2			x					x	x					
CLO3								x						
CLO4										x				
CLO5								x	x	x	x	x		
CLO6					x						x			
CLO7					x									
MDG	0	0	2	0	2	0	0	3	2	2	2	1	0	1

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học trang bị cho người học những kiến thức chung về sơ lược lịch sử, đặc điểm, ý nghĩa của môn học đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh

đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ chiến - chiến thuật, thể lực chuyên môn, phương pháp giảng dạy và huấn luyện; Phương pháp kiểm tra, đánh giá; luật, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn Quần vợt. Thông qua môn học giúp người học phát triển tố chất thể lực để tạo điều kiện tiếp thu nhanh các kỹ thuật của môn học khác..

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết và thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp học.

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Thực hành: Hoàn thành 01 bài kiểm tra cá nhân hoặc nhóm theo yêu cầu của giảng viên.

- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức và trọng số điểm

- Sử dụng thang 10 điểm.

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-8
2	A2. Bài tập	10%	01	Rubric đánh giá bài tập	CLO 1, 2
3	A3. Thực hành (Thực hành phương pháp)	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 4, 5, 6
4	A4. Bài kiểm tra định kì 1 (Thực hành phương pháp)	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 4, 5, 6
5	A5. Bài kiểm tra định kì 2 (Kỹ thuật)	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 3
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					

6	A6. Thực hành (Kỹ thuật)	50%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 3
---	-----------------------------	-----	----	----------------------------------	-------

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết và thực hành.	Dự 80% - 89% số giờ lên lớp lý thuyết và thực hành.	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết và thực hành.	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết và thực hành.

2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân, thực hành, bài kiểm tra định kỳ

- Đánh giá theo tiêu chí trong ngân hàng câu hỏi và đáp án Khoa 59.

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Trần Văn Vinh , Đào Chí Thành, Lê Thanh Sang (2002), Giáo trình Quân Vợt, NXB TDTT. Thư viện trường ĐHSP – ĐHTN.

[2]. Ủy ban TDTT (2015), Luật thi đấu Quân Vợt, NXB TDTT, Hà Nội. Thư viện trường ĐHSP - ĐHTN.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[3]. Ngô Hải Hưng (2011), *Quần vợt - Kỹ thuật và phương pháp tập luyện*, Nxb TDTT, Hà Nội. Thư viện trường ĐHSP TN

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 1: Kiến thức chung về môn học
LLO1	Xác định được những kiến thức cơ bản về môn Quần vợt: Đặc điểm, ý nghĩa, sơ lược lịch sử; Nguyên lý các kỹ thuật cơ bản; Luật thi đấu.
LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 2: Các kỹ thuật cơ bản trong môn Quần vợt
LLO2	Thực hiện, phân tích được một số kỹ thuật, chiến thuật cơ bản môn Quần vợt
LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 3: Phương pháp dạy học môn Quần vợt
LLO3	Biên soạn được kế hoạch chuyên môn
LLO4	Tổ chức được hoạt động dạy học; kiểm tra, đánh giá; Phương pháp trọng tài Quần vợt cấp cơ sở.
LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 4: Phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn Quần vợt
LLO5	Thực hiện được các hoạt động về tổ chức thi đấu Quần vợt(xây dựng điều lệ giải, bắt thăm, xếp lịch thi đấu....).
LLO6	Vận dụng luật thi đấu để xử lý, giải thích một số tình huống cơ bản.
LLO7	Xây dựng được kế hoạch cá nhân, giao tiếp và hợp tác được để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm; Tự học tập và rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho bản thân.

10.2. Ma trận liên kết LLOs với CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)							
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
LLO1	X							
LLO2			x					
LLO3				x				
LLO4				x				
LLO5					x			
LLO6							x	
LLO7								8

10.3. Nội dung chi tiết học phần

LLOs	Nội dung	Hình thức/ Phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	Bài 1: Kiến thức chung về môn học	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm	A1;A2	[1] (Chương 1,2) [2] Chương 1
LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (4 tiết) * Nội dung lý thuyết: (2 tiết) 1. Nguồn gốc, lịch sử 2. Nguyên lý chung về đánh bóng 3. Luật Quần vợt * Nội dung bài tập: (2 tiết) - Kiến thức chung về môn học - Luật Quần vợt			
	B. Nội dung tự học: (6 tiết) 1. Nguồn gốc, lịch sử 2. Nguyên lý chung về đánh bóng 3. luật Quần vợt			
LLO3	Bài 2: Các kỹ thuật cơ bản trong môn Quần vợt	- Thuyết trình của GV. - Thực hành.	A1;A; A4; A5	[1] (Chương 2,3
	A. Nội dung thực hiện trên lớp (36 tiết) * Nội dung thực hành: (34 tiết) 1. Phân loại kỹ thuật cơ bản - Kỹ thuật đánh bóng thuận tay - Kỹ thuật đánh bóng trái tay - Kỹ thuật đánh bóng trên lưới			

	- Kỹ thuật đập bóng - Kỹ thuật giao bóng 2. Phân tích một số kỹ thuật cơ bản và đặc điểm chính của các kỹ thuật đó. - Kỹ thuật đánh bóng thuận tay - - Kỹ thuật đánh bóng trái tay - Kỹ thuật đánh bóng trên lưới - Kỹ thuật đập bóng - Kỹ thuật giao bóng 3. Phân loại chiến thuật Quần vợt - Chiến thuật đánh đơn - Chiến thuật đánh đôi * Bài kiểm tra thực hành (2 tiết) - Nội dung kiểm tra theo ngân hàng câu hỏi và đáp án K59			
	B. Nội dung tự học: (24 tiết) 1. Phân loại kỹ thuật cơ bản 2. Phân tích một số kỹ thuật cơ bản và đặc điểm chính của các kỹ thuật đó. - Kỹ thuật đánh bóng thuận tay - - Kỹ thuật đánh bóng trái tay - Kỹ thuật đánh bóng trên lưới - Kỹ thuật đập bóng - Kỹ thuật giao bóng 3. Phân loại chiến thuật Quần vợt - Chiến thuật đánh đơn - Chiến thuật đánh đôi	SV Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành mình chứng theo yêu cầu của giảng viên		
LLO4	Bài 3: Phương pháp dạy học môn Quần vợt	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1;A2	[1] (Chương 4,5)
LLO5	A. Nội dung thực hiện trên lớp (18 tiết)			
LLO6	* Nội dung lý thuyết: (2 tiết)			[2]

LLO7	1. Các nguyên tắc giảng dạy; 2. Các phương pháp giảng dạy; * Nội dung Thực hành: (14 tiết) 1. Phương pháp giảng dạy môn Quần vợt * Nội dung bài tập: (2 tiết) - Phương pháp giảng dạy môn Quần vợt	- Thảo luận nhóm		Chương 4
	B. Nội dung tự học: (14 tiết) 1. Các nguyên tắc giảng dạy; 2. Các phương pháp giảng dạy; 3. Các giai đoạn dạy học;	SV Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành mình chứng theo yêu cầu của giảng viên		
LLO8	Bài 4: Phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn Quần vợt	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1;A2	[1] (Chương 4) [2] Chương 5,6,8
	A. Nội dung thực hiện trên lớp (23 tiết) * Nội dung lý thuyết: (2 tiết) 1. Hệ thống các cuộc thi đấu Quần vợt 2. Khái niệm về thi đấu 3. Những vấn đề có tính nguyên tắc khi tổ chức thi đấu 4. Các hình thức tổ chức thi đấu * Nội dung thực hành: (16 tiết) 1. Phương pháp và hình thức tổ chức thi đấu 2. Phương pháp trọng tài Quần vợt * Bài tập (5 tiết) - Tổ chức thi đấu và trọng tài môn Quần vợt	- Thảo luận nhóm		

	B. Nội dung tự học: (22 tiết) 1. Hệ thống các cuộc thi đấu Quần vợt 2. Khái niệm về thi đấu 3. Những vấn đề có tính nguyên tắc khi tổ chức thi đấu 4. Phương pháp và hình thức tổ chức thi đấu 5. Các hình thức tổ chức thi đấu 6. Phương pháp trọng tài Quần vợt	SV Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu của giảng viên		
LLO1-LLO2	* Kiểm tra đánh giá bài tập: (01 tiết)	Sinh viên thực hiện bài tập theo yêu cầu của GV	A2	
LLO3-LLO7	* Kiểm tra thực hành phương pháp: 02 tiết	Sinh viên thực hiện bài thực hành theo yêu cầu của GV	A3; A4	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: Sân tập đảm bảo đủ các điều kiện về vệ sinh, chất lượng để phục vụ cho hoạt động dạy học.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Sân Quần vợt, bóng, vợt...
- Điều kiện khác: Hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ (nếu có)...

8.38. Cờ vua

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số tiết quy chuẩn: 84
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	2	4	

2	Bài tập	09	0	66
3	Thực hành	42	22	
4	Kiểm tra, đánh giá	05		
Tổng		58	26	66

- Loại học phần: Tự chọn
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn TDTT chuyên ngành, Khoa TDTT

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Ma Đức Tuấn	0972.139.915	tuanmd@tnue.edu.vn
2	ThS. Nguyễn Thị Hà	0979646255	hant.phy@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

3.1. Kiến thức

CO1: Có kiến thức cơ bản của môn cờ vua như: nguồn gốc lịch sử phát triển, xu hướng phát triển, đặc điểm tính chất, tác dụng của môn cờ vua, cách thức di chuyển các quân cờ, các giai đoạn ván đấu, luật thi đấu.

CO2: Phân tích được các kỹ thuật cơ bản; phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra, đánh giá; Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn Cờ vua.

3.2. Kỹ năng

CO3: Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn học như: di chuyển quân, ghi chép biên bản, các đòn phối hợp, giải bài tập cờ thế.

CO4: Vận dụng được những kiến thức cơ bản của môn học như: Phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá môn cờ vua.

CO5: Có kỹ năng cơ bản về phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn cờ vua ở cơ sở..

3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO6: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng của môn học vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Mô tả được những kiến thức cơ bản của môn cờ vua như: nguồn gốc lịch sử phát triển, xu hướng phát triển, đặc điểm tính chất, tác dụng của môn cờ vua, cách thức di chuyển các quân cờ, các giai đoạn ván đấu, luật thi đấu.	PLO3
CO2	CLO2	Trình bày được các nội dung cơ bản về kỹ thuật – chiến thuật; phương pháp giảng dạy, huấn luyện và phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài trong môn học	PLO3,8
	Kỹ năng		
CO3	CLO3	Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn học như: di chuyển quân, ghi chép biên bản, các đòn phối hợp trong các giai đoạn ván đấu, giải bài tập cờ thế.	PLO8
CO4	CLO4	Sử dụng được các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá môn học trong hoạt động GDTC và Thể thao trường học.	PLO8,9
	CLO5	Xây dựng được các loại kế hoạch chuyên môn trong môn học.	PLO9,10
	CLO6	Có kỹ năng cơ bản về phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn cờ vua ở cơ sở..	PLO11, 12
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CO5	CLO7	Thực hiện được các hoạt động làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và tự học để giải quyết các nhiệm vụ của môn học.	PLO14

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo PLOs													
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
CLO1			x											
CLO2			x					x						
CLO3								x						
CLO4								x	x					

CLO5									x	x				
CLO6											x	x		x
CLO7														
MĐG	0	0	2	0	0	0	0	3	2	1	1	1	0	1

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Cờ vua là môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguồn gốc lịch sử phát triển, đặc điểm tác dụng khi tập luyện môn cờ vua, xu hướng phát triển môn cờ vua trên thế giới và ở Việt Nam, các thông tin quy ước; phương pháp nghiên cứu ván đấu qua các giai đoạn, cách đánh giá thế trận, phân tích lập kế hoạch cho từng ván đấu; những kiến thức lý luận về phương pháp giảng dạy, tập luyện, phương pháp thi đấu và trọng tài cờ vua.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học đầy đủ.
- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho GV.
- Thực hành: Hoàn thành 01 bài thực hành cá nhân hoặc nhóm theo yêu cầu của GV.
- Tự học: Hoàn thành các nội dung theo yêu cầu của GV.
- Hoàn thành 2 bài kiểm tra định kỳ.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá và trọng số điểm

- Sử dụng thang 10 điểm.

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-6
2	A2. Bài kiểm tra Thực hành phương pháp	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO3,4, 5

3	A3. Bài tập	10%	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1,2
4	A4. Bài kiểm tra định kì số 01 (thực hành phương pháp)	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO3,4,5,6
5	A5. Bài kiểm tra định kì số 02	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO3
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Thực hành	50%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO3

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần A1 (10%)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện đáp ứng dưới 25% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện đạt 50 – 60% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện đạt 60 – 79% nhiệm vụ học tập được giao..	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thực hiện đạt từ 80% nhiệm vụ học tập được giao trở lên.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80% - 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết

8.2.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm bài thực hành: A2,3,4,5,6

- Bài thực hành A2 (10%): Theo Rubic đánh giá bài thực hành
- Bài tập A3 - Thực hành phương pháp (10%): Theo Rubic đánh giá bài tập
- Kiểm tra, đánh giá định kì 1 (A4-10%) và 2 (A5-10%) – Theo Rubic đánh giá bài thực hành
- Thi kết thúc học phần A6.(50%) – Theo Rubic đánh giá bài thực hành

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1] . Ma Đức Tuấn (2017) – giáo trình cờ vua, Nxb đại học thái nguyên, Thư viện trường ĐHSP – ĐHTN.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Hồng Dương và cộng sự (2015) – Giáo trình Cờ vua, NXB TDTT
Thư viện trường ĐHSP – ĐHTN.

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
Bài 1: Những kiến thức chung môn cờ vua	
LLO1	Mô tả được sơ lược lịch sử phát triển môn, đặc điểm các giai đoạn ván đấu, ý nghĩa, nguyên lý trong môn cờ vua.
LLO2	Diễn giải được cách thức di chuyển các quân cờ, các quy ước, ghi chép biên bản, luật thi đấu trong cờ vua.
Bài 2: Phương pháp giảng dạy các giai đoạn trong môn cờ vua	
LLO3	Trình bày được khái niệm, các nguyên tắc, phân loại trong các giai đoạn ván đấu.(khai cuộc, trung cuộc, tàn cuộc)
LLO4	Triển khai được một số kỹ thuật - chiến thuật cơ bản trong từng giai đoạn của ván đấu: hệ thống khai cuộc, đòn phối hợp trong giai đoạn trung cuộc, phân tích đánh giá lập kế hoạch chơi trong các giai đoạn ván đấu..
LLO5	Thực hiện được các kỹ năng tính toán trong các giai đoạn ván đấu.
LLO6	Sử dụng được kiến thức chuyên môn trong hoạt động dạy học; kiểm tra, đánh giá môn cờ vua ở cấp cơ sở
.Bài 3: Hình thức thi đấu cờ vua	
LLO7	Trình bày được các hình thức tổ chức thi đấu môn cờ vua.

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO8	Sử dụng được kiến thức chuyên môn trong bốc thăm thi đấu cờ vua cơ bản ở cơ sở.
LLO9	Xây dựng được kế hoạch cá nhân, giao tiếp và hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm
Bài 4: Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài cờ vua	
LLO10	Trình bày được nguyên tắc chung về phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài Cờ Vua.
LLO11	Xây dựng được kế hoạch tổ chức thi đấu và phương pháp trọng tài tại môn Cờ vua ở cấp cơ sở.
LLO12	Thực hiện được các hoạt động làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và tự học để giải quyết các nhiệm vụ của môn học.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)					
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
LLO1	x					x
LLO2	x					
LLO3	x					
LLO4			x			
LLO5			x			
LLO6				x		
LLO7					x	
LLO8					x	
LLO9						x
LLO10					x	
LLO11					x	
LLO12						x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Bài 1: Những kiến thức chung môn cờ vua			
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp	Học liệu

		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (14 tiết) * Nội dung lí thuyết E learning:(2 tiết) 1.1. Nguồn gốc, lịch sử phát triển, xu hướng phát triển, đặc điểm tính chất, tác dụng của môn Cờ vua. 1.2. Bàn cờ, quân cờ và cách thức đi quân, các thuật ngữ, giá trị của các quân cờ, luật thi đấu trong Cờ vua 1.3. Cách thức ghi chép biên bản trong Cờ vua.	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1 A6	[1] chương 1 chương 1
LLO2	Nội dung thực hành Elearning: (11 tiết) di chuyển quân trên bàn cờ, ghi chép biên bản.	Sv thực hành tự giác tích cực.		[1] chương 2 [2] chương 2
	B. Nội dung tự học: (5 tiết) Đọc tài liệu quyển [1] theo các yêu cầu sau: - Đọc trước tài liệu chương 2 - Giải bài tập cờ thế - Luyện tập thi đấu	SV Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành mình chứng theo yêu cầu của GV	A1	[1] chương 2 Tr 11 [2] chương 2
Bài 2: Phương pháp giảng dạy các giai đoạn trong môn cờ vua				
LLO 3 LLO4 LLO5 LLO6	A.Nội dung thực hiện trên lớp (44 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết Elearning:(2 tiết) 2.1. Giai đoạn khai cuộc. 2.1.1. Khái niệm khai cuộc. 2.1.2. Các nguyên tắc khai cuộc. 2.1.3. Phân loại khai cuộc: 2.1.4. Một số khai cuộc cụ thể 2.1.5. Phương pháp nghiên cứu khai cuộc. 2.2. Giai đoạn trung cuộc.	-Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1 A6	[1] chương 2 [2] chương 2, [1] chương 3 [2] chương

	2.2.1. Khái niệm 2.2.2. Các nhân tố chiến thuật trong giai đoạn trung cuộc. 2.2.3. Đòn phối hợp. 2.2.4. Một số dạng thức đòn phối hợp cơ bản. 2.2.5. Phân tích - đánh giá thế trận. 2.2.6. Vấn đề đổi quân trong Cờ Vua. 2.2.7. Vấn đề tấn công và phòng thủ trong Cờ Vua. 2.3 Giai đoạn tàn cuộc 2.3.1. Khái niệm 2.3.2. Đặc tính của tàn cuộc. 2.3.3. Các nguyên tắc trong tàn cuộc. 2.3.4. Phân loại tàn cuộc. 2.3.5. một số dạng thức cờ tàn cơ bản 2.4. Mối tương quan giữa nội dung và phương pháp giảng dạy Cờ Vua. 2.5. Các nguyên tắc về phương pháp trong giảng dạy Cờ Vua. 2.6. Hình thức tổ chức giảng dạy - tập luyện trong Cờ Vua. 2.7. Trình tự giảng dạy trong cờ vua			
	Nội dung thực hành: (39 tiết) Nội dung thực hành theo bài giảng E learning: 11 tiết. Nội dung thực hành trực tiếp: 28 tiết - Chia cặp đấu tập trên bàn cờ cá nhân (Rèn luyện kỹ năng tính toán, khai cuộc, trung cuộc, tàn cuộc). - Nội dung bài tập: (7 tiết) Bài tập rèn luyện kỹ năng tính toán trong giai đoạn khai cuộc, trung cuộc, tàn cuộc.	Sv thực hành tự giác tích cực.	A1, A2	[1] chương 2 [2] chương 2

	*Bài kiểm tra định kì 1 A4 (01 tiết), theo ngân hàng câu hỏi và đáp án.			
	B. Nội dung tự học: (45 tiết) Đọc tài liệu quyền [1] theo các yêu cầu sau: 2.4. Mối tương quan giữa nội dung và phương pháp giảng dạy Cờ Vua. 2.5. Các nguyên tắc về phương pháp trong giảng dạy Cờ Vua. 2.6. Hình thức tổ chức giảng dạy - tập luyện trong Cờ Vua. 2.7. Trình tự giảng dạy trong cờ vua	Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu của GV	A1	[1] chương 3 [2] chương
Bài 3. CÁC HÌNH THỨC THI ĐẤU CỜ VUA				
LLO7	A.Nội dung thực hiện trên lớp (12 tiết)	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1	[1] chương 4
LLO8	Nội dung giảng dạy lí thuyết:(1 tiết)		A3	[2] chương 5
LLO9	3.1.Hệ thống thi đấu vòng tròn 3.2. Hệ thống Thi đấu Thụy Sĩ		A6	
	Nội dung thực hành: (10 tiết): bốc thăm xếp cặp thi đấu theo hệ vòng tròn, hệ thụy sỹ; Chia cặp đấu tập trên bàn cờ cá nhân, Nội dung bài tập: (1 tiết): Tổ chức bốc thăm thi đấu	Sv thực hành tự giác tích cực.		[1] chương 4 [2] chương 5
	B. Nội dung tự học: (13 tiết) Đọc tài liệu quyền [1] theo các yêu cầu sau: - Giải bài tập rèn luyện kĩ năng tính toán - Luyện tập thi đấu Hướng dẫn kiểm tra thực hành (A2) (1 tiết): Theo ngân hàng câu hỏi và đáp án	Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu của giảng viên	A1	[1] chương 4 [2] chương 5
Bài 4. PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC THI ĐẤU VÀ TRỌNG TÀI CỜ VUA				
LLO11	Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết)	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1	[1] chương 5 [2] chương
LLO12	Nội dung giảng dạy lí thuyết: (1 tiết)			
LLO13	4.1. Nguyên tắc chung về phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài Cờ Vua.			

	4.2. Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài Cờ Vua.			
	Nội dung thực hành: (4 tiết): xây dựng kế hoạch thi đấu; Chia cặp đấu tập trên bàn cờ cá nhân. Nội dung bài tập: (1 tiết) Tổ chức hoạt động thi đấu và trọng tài môn cờ vua.	Sv thực hành tự giác tích cực.	A3	[1] chương 5 [2] chương
	B. Nội dung tự học: (13 tiết) Đọc tài liệu quyền [1] theo các yêu cầu sau: - Ôn tập toàn bộ kiến thức đã học - Phương pháp tổ chức 1 giải thi đấu cờ vua Luyện tập thi đấu	Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu của GV	A1	[1] chương 5 [2] chương
LLO1-LLO6	* Hướng dẫn kiểm tra bài tập (A3) (1 tiết): Theo ngân hàng câu hỏi và đáp án	01 tiết		
LLO7-LLO12	* Kiểm tra định kì 2 – A5 (02 tiết): Theo ngân hàng câu hỏi và đáp án Khóa 59.	02 tiết		

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: Giảng đường
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: bàn cờ treo, bàn cờ, máy chiếu.
- Điều kiện khác: Điện, ánh sáng, thoáng mát đảm bảo cho giờ học

8.39. Bóng bàn

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03 ; Tổng số giờ quy chuẩn: 84 tiết.
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	06		12
2	Bài tập	09		39
3	Thực hành	64		
4	Kiểm tra, đánh giá	05		15
Tổng		84		66

- Loại học phần: Tự chọn;
- Học phần tiên quyết: Không;
- Học phần học trước: Không;
- Học phần học song hành: Không;
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Khoa TĐTT.

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Th.S. Nguyễn Văn Dũng	0913031309	dungnv@tnue.edu.vn
2	Th.S Lê Văn Hùng	0981.212.682	hunglv@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

CO1: Có kiến thức chung về môn bóng bàn: Đặc điểm, ý nghĩa, sơ lược lịch sử; Luật thi đấu.

CO2: Phân tích được nguyên lý các kỹ thuật cơ bản; phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá; Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn Bóng bàn.

* Về kỹ năng

CO3: Thực hiện được một số kỹ thuật cơ bản của môn Bóng bàn; (Kỹ thuật chặn đẩy; vạt bóng; gò bóng; giao bóng thuận, trái tay).

CO4: Vận dụng được những kiến thức cơ bản về phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá, luật thi đấu trong học tập và hoạt động dạy học.

CO5: Có kỹ năng cơ bản về tổ chức thi đấu và trọng tài.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO6: Xây dựng được kế hoạch cá nhân, giao tiếp và hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm; Tự học tập và rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho bản thân.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		

CO1	CLO1	Mô tả được những kiến thức chung về môn bóng bàn: Đặc điểm, ý nghĩa, sơ lược lịch sử; Luật thi đấu.	PLO 3
CO2	CLO2	Phân tích được nguyên lý các kỹ thuật cơ bản; phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá; Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn Bóng bàn.	PLO 3, 8
	Kỹ năng		
CO3	CLO3	Thực hiện được một số kỹ thuật cơ bản của môn Bóng bàn; (Kỹ thuật chặn đẩy; vệt bóng; gò bóng; giao bóng thuận, trái tay)	PLO 8
CO4	CLO4	Biên soạn được kế hoạch chuyên môn	PLO10
	CLO5	Tổ chức được hoạt động dạy học; kiểm tra, đánh giá; môn bóng bàn trong thực tiễn.	PLO8,9,10 12
CO5	CLO6	Thực hiện được các hoạt động chuyên môn về huấn luyện, tổ chức thi đấu và trọng tài bóng bàn.	PLO 5, 11
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CO6	CLO7	Xây dựng được kế hoạch cá nhân, giao tiếp và hợp tác được để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm; Tự học tập và rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho bản thân.	PLO14

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo PLOs													
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
CLO1			x											
CLO2			x					x						
CLO3								x						
CLO4										x				
CLO5								x	x	x		x		
CLO6					x						x			
CLO7														x
MDG	0	0	2	0	1	0	0	3	1	2	1	1	0	1

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học trang bị cho người học những kiến thức chung về sơ lược lịch sử, đặc điểm, ý nghĩa của môn học đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ chiến - chiến thuật, thể lực chuyên môn, phương pháp giảng dạy và huấn luyện; Phương pháp kiểm tra, đánh giá; luật, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn Bóng bàn. Thông qua môn học giúp người học phát triển tố chất thể lực để tạo điều kiện tiếp thu nhanh các kỹ thuật của môn học khác..

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết và thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp học.
- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.
- Thực hành: Hoàn thành 01 bài kiểm tra cá nhân hoặc nhóm theo yêu cầu của giảng viên.
- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức và trọng số điểm

- Sử dụng thang 10 điểm.

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-7
2	A2. Bài tập	10%	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 1, 2
3	A3. Thực hành (Thực hành phương pháp)	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 4, 5, 6
4	A4. Bài kiểm tra định kỳ 1 (Thực hành phương pháp)	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 4, 5, 6

5	A5. Bài kiểm tra định kì 2 (Kỹ thuật)	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 3
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A6. Thực hành (Kỹ thuật)	50%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 3

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết và thực hành.	Dự 80% - 89% số giờ lên lớp lý thuyết và thực hành.	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết và thực hành.	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết và thực hành.

2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân, thực hành, bài kiểm tra định kỳ

- Đánh giá theo tiêu chí trong rubrics đánh giá các bài thực hành.

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1] Nguyễn Danh Thái - Bóng bàn - Sách giáo khoa Đại học NXB - TĐTT - TP Hồ Chí Minh – 1999. Thư viện trường ĐHSPT – ĐHTN.

[2] Đào Thị Hoa quỳnh; Nguyễn Văn Dũng (2023), Giáo trình Bóng bàn, NXB Đại học Thái Nguyên. Thư viện trường ĐHSPT – ĐHTN.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[3] AMcn - Bóng bàn hiện đại NXB - TĐTT - Matxcova – 1983. Thư viện Trường ĐHSPT – ĐHTN.

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 1: Kiến thức chung về môn học
LLO1	Xác định được những kiến thức cơ bản về môn Bóng bàn: Đặc điểm, ý nghĩa, sơ lược lịch sử; Nguyên lý các kỹ thuật cơ bản; Luật thi đấu.
LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 2: Các kỹ thuật cơ bản trong môn bóng bàn
LLO2	Thực hiện, phân tích được một số kỹ thuật, chiến thuật cơ bản môn Bóng bàn
LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 3: Phương pháp dạy học môn bóng bàn
LLO3	Biên soạn được kế hoạch chuyên môn
LLO4	Tổ chức được hoạt động dạy học; kiểm tra, đánh giá; Phương pháp trọng tài bóng bàn cấp cơ sở.
LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 4: Phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn bóng bàn
LLO5	Thực hiện được các hoạt động về tổ chức thi đấu bóng bàn(xây dựng điều lệ giải, bắt thăm, xếp lịch thi đấu....).
LLO6	Vận dụng luật thi đấu để xử lý, giải thích một số tình huống cơ bản.
LLO7	Xây dựng được kế hoạch cá nhân, giao tiếp và hợp tác được để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm; Tự học tập và rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho bản thân.

10.2. Ma trận liên kết LLOs với CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)							
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
LLO1	x							
LLO2			x					
LLO3				x				

LLO4				x				
LLO5					x			
LLO6							x	
LLO7								x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

LLOs	Nội dung	Hình thức/ Phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	Bài 1: Kiến thức chung về môn học	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm	A1;A2	[1] (Chương 1,2,6,7,9) [2] Chương 1
LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (4 tiết) * Nội dung lý thuyết: (2 tiết) 1. Nguồn gốc, lịch sử 2. Nguyên lý chung về đánh bóng 3. Luật bóng bàn * Nội dung bài tập: (2 tiết) - Kiến thức chung về môn học - Luật bóng bàn			
	B. Nội dung tự học: (5 tiết) 1. Nguồn gốc, lịch sử 2. Nguyên lý chung về đánh bóng 3. luật bóng bàn			
LLO3	Bài 2: Các kỹ thuật cơ bản trong môn bóng bàn	- Thuyết trình của GV. - Thực hành.	A1;A3 ; A4; A5	[1] (Chương 3,4,5) [2] Chương 2
	A. Nội dung thực hiện trên lớp (36 tiết) * Nội dung thực hành: (36 tiết) 1. Phân loại kỹ thuật cơ bản - Kỹ thuật chặn đẩy thuận, trái tay			

	- Kỹ thuật vọt bóng thuận, trái tay - Kỹ thuật gò bóng thuận, trái tay - Kỹ thuật giao bóng thuận, trái tay 2. Phân tích một số kỹ thuật cơ bản và đặc điểm chính của các kỹ thuật đó. - Kỹ thuật chặn đẩy thuận, trái tay - Kỹ thuật vọt bóng thuận, trái tay - Kỹ thuật gò bóng thuận, trái tay - Kỹ thuật giao bóng thuận, trái tay 3. Phân loại chiến thuật bóng bàn - Chiến thuật đánh đơn - Chiến thuật đánh đôi - Chiến thuật đánh đồng đội * Bài kiểm tra thực hành A3 (1 tiết) - Nội dung kiểm tra theo ngân hàng câu hỏi và đáp án K59			
	B. Nội dung tự học: (23 tiết) 1. Phân loại kỹ thuật cơ bản 2. Phân tích một số kỹ thuật cơ bản và đặc điểm chính của các kỹ thuật đó. - Kỹ thuật chặn đẩy thuận, trái tay - Kỹ thuật vọt bóng thuận, trái tay - Kỹ thuật gò bóng thuận, trái tay - Kỹ thuật giao bóng thuận, trái tay 3. Phân loại chiến thuật bóng bàn - Chiến thuật đánh đơn - Chiến thuật đánh đôi - Chiến thuật đánh đồng đội	SV Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu của giảng viên		
LLO4 LLO5	Bài 3: Phương pháp dạy học môn bóng bàn A. Nội dung thực hiện trên lớp (16 tiết)	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1;A2	[1] (Chương 6,7)

LLO6	* Nội dung lý thuyết: (2 tiết)	- Thảo luận nhóm		[2]
LLO7	1. Các nguyên tắc giảng dạy; 2. Các phương pháp giảng dạy; * Nội dung Thực hành: (12 tiết) 1. Phương pháp giảng dạy môn Bóng bàn * Nội dung bài tập: (2 tiết) - Phương pháp giảng dạy môn Bóng bàn * Bài kiểm tra định kỳ 1 A4(Pương pháp) (1 tiết) - Nội dung kiểm tra theo ngân hàng câu hỏi và đáp án K59			Chương 3
	B. Nội dung tự học: (14 tiết) 1. Các nguyên tắc giảng dạy; 2. Các phương pháp giảng dạy; 3. Các giai đoạn dạy học;	SV Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu của giảng viên		
LLO8	Bài 4: Phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn Bóng bàn A. Nội dung thực hiện trên lớp (23 tiết) * Nội dung lý thuyết: (2 tiết) 1. Hệ thống các cuộc thi đấu bóng bàn 2. Khái niệm về thi đấu 3. Những vấn đề có tính nguyên tắc khi tổ chức thi đấu 4. Các hình thức tổ chức thi đấu * Nội dung thực hành: (16 tiết) 1. Phương pháp và hình thức tổ chức thi đấu 2. Phương pháp trọng tài bóng bàn * Bài tập (5 tiết)	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm	A1;A2	[1] (Chương 9) [2] Chương 5

	- Tổ chức thi đấu và trọng tài môn bóng bàn * Bài kiểm tra định kỳ 2 A5 (Kỹ thuật) (2tiết) - Nội dung kiểm tra theo ngân hàng câu hỏi và đáp án K59			
	B. Nội dung tự học: (21 tiết) 1. Hệ thống các cuộc thi đấu bóng bàn 2. Khái niệm về thi đấu 3. Những vấn đề có tính nguyên tắc khi tổ chức thi đấu 4. Phương pháp và hình thức tổ chức thi đấu 5. Các hình thức tổ chức thi đấu 6. Phương pháp trọng tài bóng bàn *Hướng dẫn nội dung bài tập A2.(1 tiết) Nội dung kiểm tra theo ngân hàng câu hỏi và đáp án K59	SV Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành mình chứng theo yêu cầu của giảng viên		

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: Sân tập đảm bảo đủ các điều kiện về vệ sinh, chất lượng để phục vụ cho hoạt động dạy học.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Bàn bóng bàn, bóng, vợt...
- Điều kiện khác: Hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ (nếu có)...

8.40. Phương pháp huấn luyện thể thao

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	28		90
2	Bài tập	14		

3	Thảo luận	14		
4	Kiểm tra, đánh giá	04		
Tổng		60		90

- Loại học phần: Thay thế KLTN
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Thể dục Thể thao Chuyên ngành; Khoa Thể dục Thể thao.

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
	TS. Võ Xuân Thủy	0963810833	thuyvx@tneu.edu.vn
	TS. Ma Đức Tuấn	0972139915	tuanmd@tnue.edu.vn
	Ths. Nguyễn Thành Trung	0987636222	trungnt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

3.1 Kiến thức

CO1: Nhận biết được những kiến thức đại cương về huấn luyện thể thao.

CO2: Hiểu được các phương tiện, phương pháp và nguyên tắc trong huấn luyện thể thao; phương pháp xây dựng kế hoạch huấn luyện;

CO3: Mô tả được các nội dung cơ bản của huấn luyện thể thao.

3.2 Về kỹ năng

CO4: Vận dụng được những phương tiện, phương pháp và nguyên tắc trong huấn luyện thể thao vào quá trình học tập, huấn luyện của bản thân.

CO5: Biết xây dựng kế hoạch giảng dạy, huấn luyện của một số môn thể thao phổ biến.

3.3 Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO6: Tự giác, tích cực hoàn thiện nhiệm vụ học tập của cá nhân;

CO7: Vận dụng được những kiến thức về huấn luyện thể thao vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

CLO3				x										
CLO4				x										
CLO5									x	x				
CLO6											x			
CLO7					x									
CLO8														x
CLO9														x
MĐG	0	1	0	2	1	0	0	0	1	1	1	0	0	2

Ghi chú: “0” = không đóng góp; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Phương pháp huấn luyện thể thao trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về công tác huấn luyện trong lĩnh vực thể dục thể thao như: Các nguyên tắc và phương pháp huấn luyện; cách xây dựng, tổ chức và quá trình huấn luyện thể thao. Giúp sinh viên nâng cao hiểu biết và vận dụng vào công tác tuyển chọn, huấn luyện các môn thể thao ở cơ sở và trường học sau khi tốt nghiệp.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ Seminar; chuẩn bị cho bài học: chuẩn bị nội dung tự học, đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân và nộp sản phẩm đúng hạn cho GV.

- Seminar/ thảo luận: Hoàn thành 01 bài seminar theo nội dung yêu cầu của giảng viên tại các chương và trình bày trước lớp.

- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
----	-----------	-------------------	--------------	-------------------	------------

			h giá		
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-9
2	A2. Bài tập cá nhân	10	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 1-4
3	A3. Thảo luận	10	01	Rubric đánh giá bài thảo luận	CLO 1-9
4	A4. Bài kiểm tra định kì số 1	10	01	Theo đáp án, thang điểm	CLO 1-4
5	A5. Bài kiểm tra định kì số 2	10	01	Theo đáp án, thang điểm	CLO 5-7
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A6. Bài tập lớn	50	01	Theo đáp án đề thi và thang điểm đề thi kết thúc học phần	CLO1-9

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện đáp ứng dưới 25% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện đạt 50 – 60% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện đạt 60 – 79% nhiệm vụ học tập được giao..	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thực hiện đạt từ 80% nhiệm vụ học tập trở lên.
Thời gian	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0

tham dự buổi học bắt buộc		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80% - 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân (10%)					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0đến < 1	1 đến<1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50 – 60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 60 – 80% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80 - 100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến < 1	1 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1	0đến< 0,5	0,5 đến<0,6	0,6đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo
Thảo luận (10%)					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
	4	0đến<2	2 đến< 2,4	2,4 đến< 3,2	3,2 đến 4

Nội dung đầy đủ theo yêu cầu		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Trình bày báo cáo rõ ràng	2	0 đến < 1	1 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Trình bày báo cáo không rõ ràng	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng nhưng chưa khoa học	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng, khoa học	Trình bày báo cáo rõ ràng, khoa học, tự tin
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không tương tác bằng mắt và cử chỉ	Ít tương tác bằng mắt và cử chỉ	Có tương tác bằng mắt và cử chỉ	Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không trả lời câu hỏi đầy đủ	Trả lời câu hỏi đầy đủ nhưng chưa thỏa đáng	Trả lời câu hỏi đầy đủ, tương đối thỏa đáng	Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Nhóm phối hợp không tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tương đối tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tương đối tốt, có chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời
Bài kiểm tra định kỳ (20%)					
Theo đáp án, thang điểm của giảng viên.					
Thi kết thúc học phần (50%)					

Theo đáp án, thang điểm của Trường

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. PGS.TS Đồng Văn Triệu (chủ biên), Trương Anh Tuấn, Giáo trình lý luận và phương pháp huấn luyện thể thao, NXB Thể dục thể thao, Hà Nội (2015), Thư viện Trường ĐH Sư phạm – ĐH Thái Nguyên.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Bùi Quang Hải (chủ biên), Tuyển chọn vận động viên thể thao, NXB Thể dục thể thao, Hà Nội (2015), Thư viện Trường ĐH Sư phạm – ĐH Thái Nguyên.

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/ bài
Nội dung chuẩn đầu ra của bài 1	
LLO1	Mô tả được những kiến thức về cơ sở lý luận chung trong huấn luyện thể thao như vị trí, chức năng của môn học; mối quan hệ với các chuyên ngành khoa học khác.
LLO2	Giải thích được một số khái niệm liên quan đến công tác huấn luyện thể thao.
Nội dung chuẩn đầu ra của bài 2	
LLO3	Nhận biết được những phương tiện thường được sử dụng trong công tác Huấn luyện thể thao
LLO4	Sử dụng được những phương tiện trong huấn luyện thể thao vào quá trình học tập và huấn luyện thể thao của bản thân.
Nội dung chuẩn đầu ra của bài 3	
LLO5	Phân loại được các phương pháp trong huấn luyện thể thao
LLO6	Sử dụng được những phương pháp trong huấn luyện thể thao vào quá trình học tập và huấn luyện thể thao của bản thân.
Nội dung chuẩn đầu ra của bài 4	
LLO7	Lựa chọn được các nguyên tắc trong huấn luyện thể thao
LLO8	Sử dụng được các nguyên tắc trong huấn luyện thể thao vào quá trình học tập và huấn luyện thể thao của bản thân.
Nội dung chuẩn đầu ra của bài 5	

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Bài 1. Cơ sở lí luận chung				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1, LLO2	Nội dung thực hiện trên lớp (9 tiết) * Nội dung lí thuyết (3 tiết) - Khái quát về LL và phương pháp TDDT; - Khái quát về lí luận và phương pháp huấn luyện thể thao.	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1,A6	[1] Chương 1
	* Bài tập cá nhân (2 tiết): Phân tích đặc điểm và những nhiệm vụ chính của huấn luyện thể thao.	SV làm bài tập và nộp sản phẩm, báo cáo	A	[1] Chương 1
	* Seminar/Thảo luận (2 tiết): Tìm hiểu các khái niệm về huấn luyện thể thao, năng lực thể thao, trình độ tập luyện và trạng thái thể thao; liên hệ với thực tiễn.	Thảo luận nhóm	A1	[1] Chương 1
LLO2, LLO3	Nội dung tự học (13 tiết): - Nghiên cứu trước tài liệu để làm bài tập và thảo luận trên lớp. - Phân biệt Năng lực thể thao với Trình độ tập luyện.	SV tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu	A1	[1] Chương 1, 2
Bài 2. Các phương tiện huấn luyện thể thao				
LLO3, LLO4	Nội dung thực hiện trên lớp (9 tiết) * Nội dung lí thuyết (5 tiết) - Các phương tiện huấn luyện thể thao; - Lượng vận động tập luyện.	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu	A1, A6	[1] Chương 2
	* Bài tập (2 tiết): Phân loại các bài tập thể chất? liên hệ thực tế huấn luyện trong một môn thể thao cụ thể?	SV làm bài tập và nộp sản phẩm, báo cáo	A1	[1] Chương 2

	* Seminar/Thảo luận (2 tiết): Vai trò của lượng vận động trong công tác tập luyện và huấn luyện thể thao?	Thảo luận nhóm	A1	[1] Chương 2
LLO3, LLO5	Nội dung tự học (15 tiết): - Nghiên cứu trước tài liệu để làm bài tập và thảo luận trên lớp - Phân loại các phương tiện huấn luyện thể thao	SV tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu	A1	[1] Chương 2, 3
Bài 3. Các phương pháp huấn luyện thể thao				
LLO5, LLO6	Nội dung thực hiện trên lớp (11 tiết) * Nội dung lý thuyết (5 tiết) - Phương pháp tập luyện có định mức chặt chẽ; - Phương pháp trò chơi và phương pháp thi đấu; - Phương pháp sử dụng lời nói và trực quan trong huấn luyện thể thao.	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1;A6	[1] Chương 3
	* Bài tập (2 tiết): Mối quan hệ giữa phương pháp sử dụng lời nói và trực quan trong huấn luyện thể thao.	SV làm bài tập và nộp sản phẩm hoặc báo cáo	A1, A2	[1] Chương 3
	* Seminar/Thảo luận (2 tiết): So sánh phương pháp trò chơi và phương pháp thi đấu trong huấn luyện thể thao.	Thảo luận theo nhóm	A1	[1] Chương 3
LLO7	Nội dung tự học (15 tiết): - Nghiên cứu trước tài liệu để làm bài tập và thảo luận trên lớp. - Nêu các nguyên tắc trong huấn luyện thể thao.	SV tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu	A1	[1] Chương 3, 4
LLO1, LLO2,	Bài kiểm tra định kì 1 (2 tiết)	Kiểm tra viết	A4	[1]

LLO3, LLO4				Chương 1, 2, 3
Bài 4. Các nguyên tắc huấn luyện thể thao				
LLO7, LLO8	Nội dung thực hiện trên lớp (9 tiết) * Nội dung lí thuyết (5 tiết) - Nguyên tắc tự giác tích cực; - Nguyên tắc trực quan; Nguyên tắc thích hợp và cá biệt hóa; Nguyên tắc hệ thống; - Nguyên tắc nâng cao lượng vận động; - Nguyên tắc đảm bảo tính liên tục của lượng vận động; - Nguyên tắc sắp xếp lượng vận động theo chu kì.	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1;A6	[1] Chương 4
	* Bài tập (2 tiết): Trong huấn luyện thể thao, nguyên tắc nào giữ vị trí hàng đầu? phân tích nguyên tắc đó.	SV làm bài tập và nộp sản phẩm hoặc báo cáo	A1	[1] Chương 4
	* Thảo luận (2 tiết): GV/ HLV cần xây dựng kĩ năng giao tiếp như thế nào để phát huy vai trò của bản thân trong công tác giảng dạy, huấn luyện và giáo dục hướng nghiệp cho học sinh/ VĐV?	Thảo luận theo nhóm	A1, A3	[1] Chương 4
LLO7, LLO9	Nội dung tự học (15 tiết): - Nghiên cứu trước tài liệu để làm bài tập và thảo luận trên lớp. - Nội dung của huấn luyện thể thao	SV tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu	A1	[1] Chương 4, 5
Bài 5. Nội dung của huấn luyện thể thao				

LLO9, LLO10	Nội dung thực hiện trên lớp (11 tiết) * Nội dung lí thuyết (5 tiết): - Huấn luyện kĩ thuật thể thao; - Các phương pháp phát triển tố chất thể lực và năng lực phối hợp vận động; - Huấn luyện chiến thuật; - Phát triển các năng lực trí tuệ.	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1;A6	[1] Chương 5
	* Bài tập (3 tiết): Những hình thức và phương pháp huấn luyện chiến thuật trong thể thao?	SV làm bài tập và nộp sản phẩm hoặc báo cáo	A1	[1] Chương 5
	* Thảo luận (3 tiết): Vai trò của người giáo viên/ huấn luyện viên trong quá trình hình thành và phát triển đạo đức, nhân cách học sinh/ vận động viên.	Thảo luận theo nhóm	A1	[1] Chương 5
LLO11	Nội dung tự học (15 tiết): - Nghiên cứu trước tài liệu để làm bài tập và thảo luận trên lớp. - Những nguyên tắc cơ bản trong xây dựng kế hoạch huấn luyện.	SV tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu	A1	[1] Chương 6
Bài 6. Phương pháp xây dựng kế hoạch huấn luyện				
LLO11 , LLO12 , LLO13	Nội dung thực hiện trên lớp (11 tiết) * Nội dung lí thuyết (5 tiết): - Ý nghĩa và nhiệm vụ của kế hoạch huấn luyện; - Những nguyên tắc cơ bản trong việc lập kế hoạch; - Phương pháp xây dựng kế hoạch huấn luyện; - Phương pháp xây dựng kế hoạch huấn luyện năm; - Cấu trúc của huấn luyện thể thao;	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1;A6	[1] Chương 6

LLO1-13	- Thi đấu thể thao và xây dựng kế hoạch thi đấu; - Đánh giá quá trình huấn luyện.			
	* Bài tập nhóm (3 tiết): Xây dựng kế hoạch huấn luyện tháng cho vận động viên của một môn thể thao cụ thể (giai đoạn huấn luyện ban đầu).	SV làm bài tập theo nhóm và nộp sản phẩm hoặc báo cáo	A1	[1] Chương 6
	* Thảo luận (3 tiết): Vai trò của việc xây dựng kế hoạch thi đấu? Liên hệ thực tế.	Thảo luận theo nhóm	A1	[1] Chương 6
	Nội dung tự học (15 tiết): Đọc và tổng kết kiến thức các bài 1, 2, 3, 4, 5, 6	SV tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu	A1	[1] Chương 1, 2, 3, 4, 5, 6
LLO5, LLO6 LLO7	Bài kiểm tra định kỳ 2 (02 tiết)	Kiểm tra viết	A5	[1] Chương 4, 5

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: Phòng học có đảm bảo đủ các điều kiện về vệ sinh, ánh sáng, âm thanh, bàn ghế phục vụ cho hoạt động dạy học.

- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu

- Điều kiện khác: Không

8.41. Giáo dục học TDTT

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số tiết quy chuẩn: 45

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	28		50

2	Bài tập	14		40
3	Thảo luận	14		
4	Kiểm tra, đánh giá	04		
Tổng		60		90

- Loại học phần: Tự chọn
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn TDDT Chuyên ngành; Khoa TDDT

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
	TS. Trần Thị Tú	0986 703 726	tutt@tnue.edu.vn
	Ths. Nguyễn Thành Trung	0987 636 222	trungnt.phy@tnue.edu.vn
	Ths. Nguyễn Thị Hà	0979 646 255	hant.phy@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

CO1: Hiểu được một số vấn đề cơ bản của giáo dục học TDDT, nội dung của quá trình sư phạm Thể dục thể thao và nhân cách thể dục thể thao.

CO2: Mô tả được những nội dung cơ bản của quá trình giáo dục; nguyên tắc, phương pháp và nội dung giáo dục trong hoạt động TDDT.

CO3: Khái quát được những vấn đề lý luận về đặc điểm hoạt động sư phạm TDDT, chức năng và yêu cầu của người giáo viên, huấn luyện viên TDDT trong giai đoạn hiện nay.

* Về kỹ năng

CO4: Vận dụng được các nguyên tắc, phương pháp, nội dung giáo dục; kiến thức lý thuyết về giáo dục TDDT trong hoạt động thực tiễn.

CO5: Hình thành kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và giáo dục trong học tập.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO6: Tự giác, tích cực hoàn thiện nhiệm vụ học tập của cá nhân, hợp tác, chia sẻ với bạn và giảng viên trong giải quyết nhiệm vụ học tập.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (kí hiệu CLOs)

CLO4				x										
CLO5												x		
CLO6												x		
CLO7					x									
CLO8														x
CLO9														x
MĐG	0	1	0	2	1	0	0	0	0	0	0	2	0	2

Ghi chú: “0” = không đóng góp; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn Giáo dục học TDTT cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản nhất về lý luận giáo dục trong thể thao, phân tích bản chất của giáo dục, các qui luật, xu thế, triển vọng của nó. Trên cơ sở đó, nghiên cứu mục tiêu, nội dung, nguyên tắc, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục con người trong hoạt động thể thao. Giúp sinh viên có được những hiểu biết quan trọng cần thiết về việc tổ chức, quản lý, giáo dục con người trong xã hội nói chung, trong thể thao nói riêng, đặc biệt chuẩn bị tốt cho tiềm lực lao động sự phạm và huấn luyện thể thao.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: đọc tài liệu theo hướng dẫn của giảng viên
- Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên
- Seminar/thảo luận: Hoàn thành 01 bài seminar nhóm theo nội dung yêu cầu của giáo viên và nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước lớp.
- Hoàn thành 2 bài Kiểm tra định kỳ.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần và trọng số điểm

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

TT	Hình thức	Trọng số	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
----	-----------	----------	------------------	-------------------	------------

		điểm (%)			
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-9
2	A2. Bài tập cá nhân	10	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO2-5
3	A3. Thảo luận	10	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO1-7
4	A4. Bài kiểm tra định kì số 1	10	01	Theo đáp án, thang điểm	CLO1
5	A5. Bài kiểm tra định kì số 2	10	01	Theo đáp án, thang điểm	CLO2,3,5
Thi kết thúc học phần (50%)					
6	A6. Bài tập lớn	50	01	Theo đáp án và thang điểm	CLO1-9

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện đáp ứng dưới 25% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện đạt 50 – 60% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện đạt 60 – 79% nhiệm vụ học tập được giao..	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thực hiện đạt 80% nhiệm vụ học tập được giao trở lên.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80% - 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết

Bài tập cá nhân (10%)					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0đến < 1	1 đến<1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50 – 60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 60 – 80% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80 - 100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến < 1	1 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến< 0,5	0,5 đến<0,6	0,6đến < 0,8	0,8 đến 1
		Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ, không độc đáo	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng
Thảo luận (10%)					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
	4	0đến<2	2 đến< 2,4	2,4 đến< 3,2	3,2 đến 4

Nội dung đầy đủ theo yêu cầu		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến < 1	1 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
Trình bày báo cáo rõ ràng	2	0 đến < 1	1 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Trình bày báo cáo không rõ ràng	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng nhưng chưa khoa học	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng, khoa học	Trình bày báo cáo rõ ràng, khoa học, tự tin
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không tương tác bằng mắt và cử chỉ	Ít tương tác bằng mắt và cử chỉ	Có tương tác bằng mắt và cử chỉ	Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Nhóm phối hợp không tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tương đối tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tương đối tốt, có chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời
Bài kiểm tra định kỳ (20%)					
Theo đáp án, thang điểm của giáo viên					
Tiểu luận kết thúc học phần (50%)					
Theo đáp án, thang điểm của trường					

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Trần Thị Tú, Nguyễn Thị Hà (2023), Giáo trình Giáo dục học TDTT, Nxb ĐHTN, Thư viện trường ĐHSP - ĐHTN.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Thị Tính, Nguyễn Thị Thanh Huyền, Trần Thị Minh Huệ, Lê Công Thành (2013), Giáo trình “Giáo dục học”. NXB Giáo dục. Thư viện trường ĐHSP - ĐHTN.

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 1
LLO1	Trình bày được khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ của Giáo dục học TDTT.
LLO2	Giải thích được bản chất và đặc điểm của quá trình sư phạm TDTT.
LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 2
LLO3	Mô tả được những nội dung cơ bản về nhân cách thể dục thể thao: Khái niệm, quan điểm, xây dựng và hoàn thiện nhân cách TDTT
LLO4	Khái quát được những yếu tố ảnh hưởng việc hình thành nhân cách học sinh, VĐV: yếu tố sinh học, môi trường và giáo dục.
LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 3
LLO5	Xác định được các khâu của quá trình giáo dục.
LLO6	Khái quát được các quy luật của quá trình giáo dục trong TDTT.
LLO7	Phân biệt được các nội dung giáo dục trong TDTT: Giáo dục đạo đức, trí tuệ, thẩm mỹ, thể chất, lao động.
LLO8	Trình bày được khái niệm, đặc điểm của quá trình giáo dục trong TDTT; khái niệm về nguyên tắc, phương pháp giáo dục trong TDTT
LLO9	Ứng dụng được các nguyên tắc, phương pháp, nội dung giáo dục trong hoạt động thực tiễn chuyên môn ở cơ sở.
LLO10	Thực hiện được kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm và giáo dục trong quá trình thực hiện bài tập và thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm.
LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 4
LLO11	Trình bày được chức năng của người giáo viên, huấn luyện viên trong hoạt động TDTT.
LLO12	Xây dựng được kế hoạch các hoạt động giáo dục TDTT trong thực tiễn.
LLO13	Tổ chức được các hoạt động giáo dục nói chung và hoạt động giáo dục TDTT nói riêng ở trường phổ thông.
LLO14	Phân tích được sự kết nối giữa các lực lượng giáo dục trong hoạt động TDTT.

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài 1
LLO15	Tự giác, tích cực hoàn thiện nhiệm vụ học tập của cá nhân.
LLO16	Chia sẻ với bạn và giảng viên trong lập kế hoạch tự học, làm việc theo nhóm để giải quyết các nhiệm vụ của môn học.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)								
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
LLO1	x								
LLO2	x								
LLO3	x								
LLO4	x								
LLO5		x							
LLO6		x							
LLO7			x		x				
LLO8			x						
LLO9			x		x				
LLO10							x		
LLO11				x					
LLO12						x			
LLO13						x			
LLO14						x			
LLO15								x	
LLO16									x

11. Nội dung chi tiết của học phần

Bài 1: Đại cương về giáo dục học thể dục thể thao				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	

LLO1, LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (3 tiết) 1.1. Khái quát về giáo dục học TDTT 1.1.1. Khái niệm 1.1.2. Đối tượng 1.1.3. Nhiệm vụ 1.2. Quá trình sư phạm Thể dục thể thao. 1.2.1. Khái niệm 1.2.2. Bản chất 1.2.3. Đặc trưng 1.2.4. Cấu trúc 1.2.5. Quy luật	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1; A6	[1]Chương 1, [2]
	Nội dung seminar/thảo luận: (3 tiết) Vị trí của Giáo dục học thể thao trong hoạt động Thể dục thể thao. Những vấn đề đặc biệt về đào tạo và huấn luyện.	Thảo luận nhóm sau đó đại diện 1 nhóm báo cáo Sp	A1;A3	
LLO1, LLO2	B. Nội dung tự học: (10 tiết) Đọc nội dung chương 2 và làm rõ vai trò của hoạt động cá nhân đối với sự phát triển nhân cách.	SV Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu	A1	[1]Chương 2
Bài 2: Phát triển nhân cách trong hoạt động thể dục thể thao				
LLO3, LLO4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (12 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (7 tiết) 2.1. Khái niệm về nhân cách Thể dục Thể thao 2.2. Sự phát triển nhân cách trong hoạt động TDTT 2.2.1. Khái niệm sự phát triển nhân cách 2.2.2. Các yếu tố quyết định việc hình thành nhân cách TDTT	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1; A6	[1]Chương 2

	2.3. Vai trò của hoạt động cá nhân đối với sự phát triển nhân cách 2.4. Vai trò của giáo dục tập thể đối với sự phát triển nhân cách 2.5. Vai trò của TDTT đối với sự phát triển nhân cách			
	* Bài kiểm tra định kì số 1: (1 tiết)	Kiểm tra viết 1 tiết (50 phút)	A4	
LLO3, LLO4,	Nội dung seminar/thảo luận: (4 tiết) Ảnh hưởng của yếu tố giáo dục tới nhân cách trong hoạt động Thể dục thể thao.	Thảo luận nhóm sau đó đại diện 1 nhóm báo cáo Sp	A1;A3	
	B. Nội dung tự học: (15 tiết) Vận dụng các kiến thức của bài học để đánh giá quá trình hình thành nhân cách trong hoạt động TDTT	Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu	A1	[1]Chương 2
Bài 3. Quá trình giáo dục trong hoạt động Thể dục thể thao				
LLO4, LLO5,	A. Nội dung thực hiện trên lớp (30 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (15 tiết) 3.1. Khái quát về quá trình giáo dục 3.1.1. Khái niệm 3.1.2. Cấu trúc 3.1.3. Đặc điểm 3.1.3. Các khâu của quá trình giáo dục 3.1.4. Các quy luật của quá trình giáo dục trong Thể dục thể thao 3.2. Nguyên tắc giáo dục trong TDTT 3.2.1. Khái niệm nguyên tắc giáo dục 3.2.2. Hệ thống nguyên tắc giáo dục 3.3. Phương pháp giáo dục trong thể dục thể thao	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1;A6	[1]Chương 3

	3.3.1. Khái niệm về phương pháp giáo 3.3.2. Hệ thống các phương pháp GD 3.4. Nội dung giáo dục trong thể dục thể thao 3.4.1. Giáo dục đạo đức. 3.4.2. Giáo dục trí tuệ 3.4.3. Giáo dục thẩm mỹ 3.4.4. Giáo dục thể chất 3.4.5. Giáo dục lao động			
LLO4 - LLO8	* Nội dung bài tập cá nhân: (10 tiết) 1. Xử lý một số tình huống trong dạy học. 2. Vận dụng các phương pháp, nguyên tắc và nội dung giáo dục để xử lý các tình huống giáo dục.	SV hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên	A1	
	* Nội dung seminar/thảo luận: (4 tiết) - Các phương pháp giáo dục và ảnh hưởng của nó đến việc giáo dục con người trong hoạt động TDTT. - Giáo dục toàn diện và vai trò của giáo dục thể chất trong giáo dục toàn diện. - Giáo dục đạo đức cho học sinh, vận động viên, vai trò của người giáo viên huấn luyện viên trong công tác này.	Thảo luận nhóm sau đó đại diện 1 nhóm báo cáo Sp	A1; A3	
	* Bài kiểm tra định kì số 2: (1 tiết)	Kiểm tra viết 1 tiết (50 phút)	A5	
	B. Nội dung tự học: (50 tiết) Đọc trước nội dung chương 4 và chỉ rõ động lực của quá trình giáo dục trong Thể dục thể thao.	Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu.	A1	
Bài 4. Chủ thể giáo dục trong hoạt động thể dục thể thao				
LLO10 - LLO12	A. Nội dung thực hiện trên lớp (12 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (5 tiết)	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1; A6	[1] Chươn g 4,

	4.1. Định nghĩa, chức năng của chủ thể giáo dục trong hoạt động TDDT. 4.2. Đặc điểm hoạt động của giáo viên, huấn luyện viên TDDT. 4.3. Những yêu cầu đối với chủ thể giáo dục trong hoạt động TDDT. 4.4. Kết nối các lực lượng giáo dục trong hoạt động TDDT.			chương 5
LLO10 - LLO12	* Nội dung bài tập cá nhân: (4 tiết) Bài tập 1. Lập kế hoạch của GV, HLV Bài tập 2. Xây dựng kế hoạch tìm hiểu học sinh, VĐV. Bài tập 3. Lập kế hoạch tổ chức một hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (giải thi đấu thể thao, huấn luyện đội tuyển...)	SV làm bài tập và nộp lại sản phẩm cho GV	A1; A2	
LLO10 - LLO13	* Nội dung seminar/thảo luận: (3 tiết) - Những ảnh hưởng của của người giáo viên huấn luyện viên trong việc giáo dục học sinh, vận động viên - Ảnh hưởng của tập thể trong tập luyện thể dục thể thao đến sự phát triển nhân cách của cá nhân..	Thảo luận nhóm sau đó đại diện 1 nhóm báo cáo Sp	A1; A3	
LLO10 , - LLO13	B. Nội dung tự học: (15 tiết) Đọc trước những nội dung cơ bản của giáo trình và làm rõ những vấn đề cơ bản sau: - Đặc điểm hoạt động sư phạm thể dục thể thao của giáo viên, huấn luyện viên thể dục thể thao. - Những nguyên lý cơ bản của việc phát triển tập thể và việc vận dụng chúng trong các giai đoạn.	Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành mình chứng theo yêu cầu của giảng viên.	A1	

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: Phòng học có đảm bảo đủ các điều kiện về vệ sinh, ánh sáng, âm thanh, bàn ghế phục vụ cho hoạt động dạy học.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Loa – mic, Máy chiếu
- Điều kiện khác: Không

8.42. Thực tế hoạt động thể thao cơ sở

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số tiết quy chuẩn: 90 tiết (Thực tế chuyên môn: 90)

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện	Số giờ tự học
1	Thực tế chuyên môn	90	60
Tổng		90	60

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Khoa: TDDT

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Trần Thị Tú	0986703726	tutt@tnue.edu.vn
2	TS. Võ Xuân Thủy	0963810833	thuyvx@tnue.edu.vn
3	ThS. Đào Ngọc Anh	0986599780	anhdn@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Hiểu về kiến thức chuyên ngành và kiến thức nghiệp vụ sư phạm để lập kế hoạch, tổ chức, quản lý các hoạt động học tập, trải nghiệm và rèn luyện của sinh viên.

CO2: Xác định được vai trò của con người, cơ sở vật chất, phương tiện tập luyện trong quá trình dạy học, huấn luyện và tổ chức thi đấu, trọng tài ở cơ sở.

* Về kỹ năng

CO3: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng và phương pháp trong dạy học, huấn luyện và tổ chức thi đấu trọng tài các môn thể thao vào hoạt động thực tế chuyên môn ở cơ sở.

CO4: Có khả năng giao tiếp, làm việc nhóm và thực hiện các tương tác sư phạm trong quá trình học tập.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO5: Vận dụng được kiến thức, kĩ năng của học phần vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (Course Learning Outcomes - CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
CO1	CLO1	Mô tả được những kiến thức cơ bản theo nội dung của kế hoạch thực tế chuyên môn.	PLO3
CO2	CLO2	Xác định được vai trò của các kiến thức chuyên ngành và kiến thức nghiệp vụ sư phạm trong thực tế hoạt động học tập, trải nghiệm chuyên môn ở cơ sở.	PLO3,4
	CLO3	Chỉ ra được vai trò của người giáo viên, huấn luyện viên và cơ sở vật chất trong thực tế hoạt động thể dục thể thao ở cơ sở.	PLO3,4
Kĩ năng			
CO3	CLO4	Nhận biết được các phương pháp dạy học, huấn luyện, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài các môn thể thao cơ bản ở các Trường phổ thông; Trung tâm Thể thao hoặc trong các Hội thi, các Giải thể thao cấp cơ sở.	PLO8,9,10
	CLO5	So sánh được các kiến thức chuyên môn đã học trong chương trình với thực tế dạy học, huấn luyện và thi đấu ở cơ sở.	PLO10,11
	CLO6	Thực hiện được các hoạt động trải nghiệm thực tế chuyên môn ở cơ sở.	PLO10, 11,12
CO4	CLO7	Hình thành kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và thực hiện các tương tác sư phạm trong quá trình tham gia thực tế chuyên môn.	PLO5,14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO5	CLO8	Lập kế hoạch học tập, tự học cho bản thân. Có trách nhiệm đối với các nhiệm vụ được quy định trong học phần.	PLO14

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo PLOs													
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
CLO1			x											
CLO2			x	x										
CLO3			x	x										
CLO4								x	x	x				
CLO5										x	x			
CLO6										x	x	x		
CLO7					x									x
CLO8														x
MĐG	0	0	2	2	1	0	0	1	1	2	2	1	0	2

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học tạo môi trường thực tế về chuyên môn cho sinh viên vận dụng các kiến thức chuyên ngành và kiến thức nghiệp vụ sư phạm đã học trong lý thuyết để lập kế hoạch tổ chức và quản lý các hoạt động học tập, trải nghiệm và rèn luyện của sinh viên trong thực tiễn ở cơ sở; từ đó, nâng cao kiến thức đã học, kết hợp giữa lý luận và thực tế, học đi đôi với hành; rèn luyện các kỹ năng, kỹ luật tập thể. Đồng thời rèn luyện cho sinh viên kỹ năng quan sát, khai thác, xử lý số liệu, viết báo cáo thu hoạch, cách thức tổ chức tập luyện các môn thể thao. Thông qua việc nghiên cứu, tham quan và học tập tại các cơ sở, sinh viên được trang bị kiến thức thực tế phục vụ cho nghiên cứu chuyên ngành, đồng thời bồi dưỡng lòng yêu nghề nghiệp thông qua thực tiễn trải nghiệm.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Thực hiện đúng qui định của chương trình thực tế chuyên môn.
- Bài tập, tiểu luận: hoàn thành 01 bài tập nhóm, 01 bài tập cá nhân và nộp sản phẩm đúng thời gian yêu cầu của giảng viên.
- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					

1	A1. Chuyên cần	10%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-7
2	A2. Bài tập nhóm	10%	01	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO 4,5,7
3	A3. Bài tập cá nhân	10%	01	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO4,5
4	A4. Bài kiểm tra định kì 1	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO1-4
5	A5. Bài kiểm tra định kì 2	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO1-4
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Tiểu luận	50%	01	Rubric đánh giá bài tiểu luận	CLO1-7

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện đáp ứng dưới 25% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện đạt 50 – 60% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện đạt 60 – 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thực hiện đạt từ 80% nhiệm vụ học tập được giao trở lên.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80% - 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân (10%)					

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0 đến < 1	1 đến<1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện 50 – 60% nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện 60 – 80% nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện 80 - 100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến < 1	1 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến< 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng
Bài tập nhóm (10%)					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
	4	0 đến <2	2 đến< 2,4	2,4 đến < 3,2	3,2 đến 4

Nội dung đầy đủ theo yêu cầu		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến < 1	1 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
Trình bày báo cáo rõ ràng	2	0 đến < 1	1 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Trình bày báo cáo không rõ ràng	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng nhưng chưa khoa học	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng, khoa học	Trình bày báo cáo rõ ràng, khoa học, tự tin
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1	0 đến< 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không tương tác bằng mắt và cử chỉ	Ít tương tác bằng mắt và cử chỉ	Có tương tác bằng mắt và cử chỉ	Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1	0 đến <0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Nhóm phối hợp không tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tương đối tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tương đối tốt, có chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời
Bài kiểm tra định kỳ (20%)					
Theo đáp án, thang điểm của giáo viên					
Tiểu luận kết thúc học phần (50%)					
Theo đáp án, thang điểm					

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1] Vũ Đức Thu, Trương Anh Tuấn (2009), Giáo trình Lý luận và Phương pháp Thể dục thể thao, NXB Đại học Sư phạm.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Đồng Văn Triệu, TS. Lê Anh Thơ (2006), Lý luận & phương pháp giáo dục thể chất trường học, NXB TDTT Hà Nội.

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Mô tả được những kiến thức cơ bản theo nội dung của kế hoạch thực tế chuyên môn như: Phương pháp giảng dạy môn học, phương pháp huấn luyện các môn thể thao, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài.
LLO2	Xác định được vai trò của các phương pháp giảng dạy môn học, phương pháp huấn luyện các môn thể thao, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài trong thực tế học tập ở trường với trải nghiệm thực tiễn chuyên môn ở cơ sở.
LLO3	Chỉ ra được vai trò của người giáo viên, huấn luyện viên và cơ sở vật chất trong thực tế hoạt động thể dục thể thao ở cơ sở.
LLO4	Nhận biết được các phương pháp dạy học môn học, phương pháp huấn luyện, tập luyện ngoại khóa, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài ở các Trường phổ thông; Trung tâm hoặc trong các Hội thi, các Giải thể thao cấp cơ sở.
LLO5	So sánh được sự giống nhau và khác nhau giữa những kiến thức được trang bị ở trường và những kiến thức được sử dụng trong thực tế ở cơ sở về phương pháp giảng dạy môn học, phương pháp huấn luyện các môn thể thao, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài .
LLO6	Lập kế hoạch và tổ chức được các hoạt động trải nghiệm thực tế chuyên môn ở cơ sở.
LLO7	Biểu hiện được kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và thực hiện các tương tác sư phạm trong quá trình tham gia thực tế chuyên môn.
LLO8	Có khả năng làm việc độc lập và hoạt động theo nhóm trong điều kiện môi trường thực tế; nhận thức được trách nhiệm cá nhân; lập được kế hoạch học tập suốt đời.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)							
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
LLO1	x							

LLO2		x						
LLO3			x					
LLO4				x				
LLO5					x			
LLO6						x		
LLO7							x	
LLO8								x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Bài 1. Thực tế chuyên môn tại Trường phổ thông				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1 – LLO8	A. Nội dung thực tế (30 tiết) 1. Tìm hiểu về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường: - Kế hoạch thời gian thực hiện chương trình (phân phối chương trình). - Kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn. - Kế hoạch giáo dục của giáo viên và kế hoạch bài dạy (giáo án). - Kế hoạch kiểm tra đánh giá định kì. 2. Tìm hiểu quá trình thực hiện kế hoạch đã xây dựng và việc sử dụng các phương pháp dạy học trong thực tiễn dạy học trên lớp.	Yêu cầu sinh viên: - Thu thập tư liệu, hình ảnh. - Lắng nghe, quan sát, ghi chép - Đảm bảo an toàn về người và tài sản, chấp hành quy định của đoàn thực tế.	A1, A4, A5, A6	[1] Chương VII [2] Chương VI

LLO1 – LLO8	B. Nội dung tự học (20 tiết) Tìm hiểu việc lên kế hoạch và tổ chức dạy học cho học sinh trong thực tiễn.	Yêu cầu đối với SV: Sưu tầm, nghiên cứu tài liệu, đọc và tự học trước khi tham gia nội dung thực tế. Xây dựng đề cương, trả lời câu hỏi theo các yêu cầu của GV trong quá trình thực tế chuyên môn.	A1	[1] Chương VII [2] Chương VI
Bài 2. Thực tế chuyên môn tại Trung tâm Thể thao				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1 – LLO8	A. Nội dung thực tế (30 tiết) Tìm hiểu phương pháp xây dựng kế hoạch huấn luyện, phương pháp tổ chức huấn luyện các môn thể thao trong thực tiễn.	Yêu cầu sinh viên: Yêu cầu sinh viên: - Thu thập tư liệu, hình ảnh. - Lắng nghe, quan sát, ghi chép. - Đảm bảo an toàn về người và tài sản, chấp hành quy định của đoàn thực tế.	A1, A3, A6	[1] Chương IV Chương VIII Chương IX [2] Chương VI
LLO1 – LLO8	B. Nội dung tự học (20 tiết) So sánh được sự giống nhau và khác nhau giữa những kiến thức về phương pháp xây dựng kế hoạch huấn luyện, phương pháp tổ chức huấn luyện các môn thể thao được trang bị ở trường và những được áp dụng trong thực tế ở cơ sở.	Yêu cầu đối với SV: Sưu tầm, nghiên cứu tài liệu, đọc và tự học trước khi tham gia nội dung thực tế. Xây dựng đề cương, trả lời các câu hỏi theo các yêu cầu của GV trong quá trình thực tế chuyên môn.	A1	Chương IV Chương VIII Chương IX [2] Chương VI
Bài 3. Thực tế chuyên môn tại Hội thi thể thao, giải thi đấu thể thao cấp cơ sở				
LLOs	Nội dung	Hình thức/		Học liệu

		phương pháp		
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1 – LLO8	A. Nội dung thực tế (30 tiết) Tìm hiểu phương pháp xây dựng kế hoạch, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài trong giải thi đấu thể thao ở cấp cơ sở.	Yêu cầu sinh viên: - Thu thập tư liệu, hình ảnh. - Lắng nghe, quan sát, ghi chép - Đảm bảo an toàn về người và tài sản, chấp hành quy định của đoàn thực tế.	A1, A2, A6	[1] Chương IX [2] Chương VI
LLO1 – LLO8	B. Nội dung tự học (20 tiết) So sánh phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài được trang bị ở trường và được áp dụng trong thực tế ở cơ sở.	Yêu cầu đối với SV: Sưu tầm, nghiên cứu tài liệu, đọc và tự học trước khi tham gia nội dung thực tế. Xây dựng đề cương, trả lời các câu hỏi theo các yêu cầu của GV trong quá trình thực tế chuyên môn.	A1	Chương IX [2] Chương VI
CÁC HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ				
LLO1 – LLO8	* Bài tập nhóm (A2): (1 tiết) theo ngân hàng câu hỏi và đáp án * Bài tập cá nhân A3: (1 tiết) theo ngân hàng câu hỏi và đáp án * Bài kiểm tra định kỳ 1 (A4): (1 tiết) theo ngân hàng câu hỏi và đáp án * Bài kiểm tra định kỳ 2 (A5): (1 tiết) theo ngân hàng câu hỏi và đáp án	Sinh viên thực hiện các bài kiểm tra theo sự sắp xếp của Giảng viên.	A2 A3 A4 A5	

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy ghi âm, ghi hình, sổ tay ghi chép.
- Điều kiện khác: Nhà trường hỗ trợ kinh phí cho học phần Thực tế hoạt động thể thao cơ sở theo qui chế chi tiêu nội bộ.

8.43. Thực tập nghiệp vụ 1

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2; Tổng số giờ quy chuẩn: 30 tiết

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	0	0
2	Bài tập	0	0
3	Thực hành	0	0
4	Thảo luận	0	0
5	Thực tế chuyên môn	3 tuần	0
Tổng		40	60

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không.

- Học phần học trước: Giáo dục học TDTT, 59SSP431; Lý luận và phương pháp TDTT, 59STM431.

- Học phần học song hành: Không.

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: ; Khoa:

2. Thông tin về giảng viên

Huấn luyện viên của các trung tâm huấn luyện thể thao, giáo viên của trường phổ thông năng khiếu TDTT, nơi sinh viên được liên hệ và cử đi thực tế.

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Hiểu được các nội dung công việc chuyên môn của người huấn luyện viên, giáo viên bộ môn.

* Về kỹ năng

CO2: Hình thành được kỹ năng về công tác quản lý, huấn luyện đội tuyển thể thao, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, giao tiếp, làm việc nhóm và thực hiện các tương tác trong quá trình học tập.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MĐG	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	3
-----	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Ghi chú: “0” = không đóng góp; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Nội dung môn học Thực tập nghiệp vụ 1 nhằm giúp người học hiểu được thực tế công tác huấn luyện/dạy học năng khiếu, giáo dục, tiếp xúc với VĐV/học sinh và huấn luyện viên, giáo viên các cơ sở thực tập, qua đó hình thành tình cảm nghề nghiệp, thúc đẩy quá trình tự rèn luyện theo yêu cầu của nghề nghiệp; hiểu được các nội dung công việc chuyên môn của người huấn luyện viên, giáo viên bộ môn, có được những kỹ năng ban đầu về công tác quản lý đội tuyển/lớp học.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, thực hiện đúng các yêu cầu của Trung tâm TĐTT/Trường phổ thông năng khiếu TĐTT.

- Hoàn thành hồ sơ thực tập: Kế hoạch và báo cáo thực tập chuyên môn.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
1	A1. Thực tập chuyên môn	30	01	Rubric đánh giá thực tập chuyên môn	
2	A2. Thực tập giáo dục	70	01	Rubric đánh giá thực tập giáo dục	

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá): Theo quy định.

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Quy chế thực tập nghiệp vụ cho sinh viên ngành Huấn luyện thể thao ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHSP ngày tháng năm của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Trần Thị Tú, Nguyễn Thị Hà (2023), Giáo trình Giáo dục học TĐTT, Nxb ĐHTN, Thư viện trường ĐHSP - ĐHTN.

[3]. Lê Văn Xem (2010), Tâm lý học thể dục thể thao, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, Thư viện Trường ĐH Sư phạm – ĐH Thái Nguyên.

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Mô tả được nội dung công việc huấn luyện/giảng dạy của người giáo viên/huấn luyện viên của bộ môn ở một Trung tâm/Trường năng khiếu TT.
LLO2	Trình bày được nội dung, chương trình, kế hoạch huấn luyện/giảng dạy của cơ sở thực tập.
LLO3	Lập được các loại hồ sơ, sổ sách đội tuyển/lớp học; cách tuyển chọn, đào tạo; cách đánh giá, phân loại trình độ, thể lực của VĐV/học sinh và các loại tài liệu hướng dẫn chuyên môn của các cấp quản lý giáo dục.
LLO4	Ghi biên bản dự một giờ giảng/một buổi huấn luyện đúng yêu cầu
LLO5	Phân tích được cơ cấu tổ chức, nội dung công tác và tình hình thực tế của Trung tâm/Nhà trường
LLO6	Xây dựng được kế hoạch công tác quản lý đội tuyển/lớp cho cả đợt và từng tuần
LLO7	Thiết kế và tổ chức được buổi sinh hoạt lớp/Đội đáp ứng yêu cầu
LLO8	Tổ chức được các buổi lao động, văn nghệ, thể dục thể thao
LLO9	Vận dụng được kiến thức, kỹ năng để tự học.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)						
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
LLO1	x						
LLO2	x						
LLO3		x					
LLO4		x					
LLO5		x					
LLO6			x				
LLO7				x			
LLO8					x	x	
LLO9							x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Mở đầu				
Nội dung Thực tế chuyên môn				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	Nội dung Thực tế chuyên môn: 1. Tìm hiểu nội dung công việc huấn luyện/giảng dạy của người huấn luyện viên/giáo viên, của bộ môn ở Trung tâm/trường học;	Tự học	A1	[1], [2]
LLO2	2. Tìm hiểu nội dung, chương trình, kế hoạch huấn luyện/giảng dạy của cơ sở thực tập.			
LLO3	3. Tìm hiểu các loại hồ sơ, sổ sách lớp học; cách tuyển chọn, đào tạo, đánh giá, phân loại trình độ, thể lực của VĐV/học sinh và các loại tài liệu hướng dẫn chuyên môn của các cấp quản lý giáo dục.			
LLO4,	4. Mỗi nhóm thực tập chuyên môn dự 03 buổi huấn luyện của huấn luyện viên/giáo viên tại cơ sở thực tập (các môn chuyên sâu khác nhau); tập ghi biên bản dự giờ; tập nhận xét, rút kinh nghiệm buổi huấn luyện/giờ giảng.			
Nội dung Thực tế giáo dục				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO5, 6, 9	* Nội dung Thực tế chuyên môn: 1. Vận dụng các kiến thức lí luận và phương pháp huấn luyện TDTT, giáo dục học TDTT vào thực tế; 2. Tìm hiểu cơ cấu tổ chức, nội dung công tác và tình hình thực tế của Trung tâm/nhà trường thông qua việc nghe các báo cáo của cơ sở thực tập và thực tế hoạt động của trung tâm/nhà trường;	Tự học	A2	[1], [2]

	3. Dự các buổi sinh hoạt đội/lớp do huấn luyện viên/giáo viên quản lý chủ trì và các buổi sinh hoạt ngoại khoá văn thể do huấn luyện viên/giáo viên chủ trì;			
LLO7, 8, 9	4. Trực tiếp tham gia làm quản lý ở một đội tuyển/lớp: Xây dựng kế hoạch công tác quản lý đội/lớp cho cả đợt và từng tuần, theo dõi tình hình đạo đức, luyện tập, sinh hoạt của đội/lớp có ghi chép nhận xét và tổ chức rút kinh nghiệm; 5. Tổ chức các buổi lao động, văn nghệ, thể dục thể thao, vui chơi, tham quan, cắm trại theo đặc trưng của từng chuyên môn thể thao.			
	B. Nội dung tự học: Hoàn thành kế hoạch thực tập giáo dục; Báo cáo tìm hiểu thực tế giáo dục;	Đọc tài liệu học tập	A2	

8.44. Thực tập nghiệp vụ 2

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3; Tổng số giờ quy chuẩn: 45 tiết
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	0	0
2	Bài tập	0	0
3	Thực hành	0	0
4	Thảo luận	0	0
5	Thực tế chuyên môn	7 tuần	0
Tổng		7 tuần	0

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không.
- Học phần học trước: Thực tập nghiệp vụ 1, 59PFP421
- Học phần học song hành: Không.
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: ; Khoa:

2. Thông tin về giảng viên

Huấn luyện viên của các trung tâm huấn luyện thể thao, giáo viên của trường phổ thông năng khiếu TDTT, nơi sinh viên được liên hệ và cử đi thực tế.

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Vận dụng được các nội dung công việc chuyên môn của người huấn luyện viên/giáo viên bộ môn vào quá trình thực tập nghiệp vụ.

* Về kỹ năng

CO2: Hoàn thiện những kỹ năng cơ bản về công tác quản lý đội tuyển/lớp năng khiếu thể thao, công tác giáo dục VĐV/HS.

CO3: Có kỹ năng cơ bản về xây dựng kế hoạch huấn luyện; tổ chức hoạt động huấn luyện môn thể thao chuyên sâu.

CO4: Có được các kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, giao tiếp, làm việc nhóm trong quá trình học tập.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO5: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng của học phần vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Hiểu được tình hình giáo dục của trung tâm/nhà trường, của địa phương nơi đến thực tập nghiệp vụ.	PLO5,14
	CLO2	Vận dụng được nội dung các hoạt động của bộ môn, chức năng nhiệm vụ của huấn luyện viên/giáo viên năng khiếu, các hồ sơ, văn bản chuyên môn vào quá trình thực tập nghiệp vụ.	PLO5,14
	Kỹ năng		
CO2	CLO3	Lập được kế hoạch công tác quản lý đội tuyển/lớp năng khiếu cả đợt và từng tuần	PLO5,14
	CLO4	Thiết kế được kế hoạch huấn luyện cho đội tuyển/lớp năng khiếu thể thao chuyên sâu.	PLO5,14

CO3	CLO5	Tổ chức được hoạt động huấn luyện/giảng dạy cho VĐV/HS theo đúng kế hoạch đã xây dựng.	PLO5,14
CO4	CLO6	Biểu hiện được kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm.	PLO5,14
		Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CO5	CLO7	Lập kế hoạch học tập, tự học cho bản thân. Có trách nhiệm đối với các nhiệm vụ được quy định trong học phần.	PLO5,14

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (GPLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo PLOs													
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
CLO1					x									x
CLO2					x									x
CLO3					x									x
CLO4					x									x
CLO5					x									x
CLO6					x									x
CLO7					x									x
MĐG	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	3

Ghi chú: “0” = không đóng góp; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Nội dung môn học Thực tập nghiệp vụ 2 nhằm giúp người học hoàn thiện những kỹ năng về công tác quản lý đội tuyển/lớp năng khiếu TT, công tác giáo dục, nâng cao tình cảm, đạo đức nghề nghiệp; có những kỹ năng có bản về xây dựng kế hoạch huấn luyện; tổ chức huấn luyện; đánh giá kết quả tập luyện của VĐV/HS; có thể lên lớp huấn luyện và quản lý đội tuyển/lớp một cách độc lập.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: : Đi học đúng giờ, thực hiện đúng các yêu cầu của Trung tâm TĐTT/ Trường phổ thông năng khiếu TĐTT.

- Hoàn thành hồ sơ thực tập: Kế hoạch thực tập chuyên môn; kế hoạch thực tập giáo dục; báo cáo tìm hiểu thực tế giáo dục.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
1	A1. Thực tập chuyên môn	70	01	Rubric đánh giá thực tập chuyên môn	CLO1-7
2	A2. Thực tập giáo dục	30	01	Rubric đánh giá thực tập giáo dục	CLO1-7

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá): Theo quy định.

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Quy chế thực tập nghiệp vụ cho sinh viên ngành Huấn luyện thể thao ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHSP ngày thángnăm của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Trần Thị Tú, Nguyễn Thị Hà (2023), Giáo trình Giáo dục học TDTT, Nxb ĐHTN, Thư viện trường ĐHSP - ĐHTN.

[3]. Lê Văn Xem (2010), Tâm lý học thể dục thể thao, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, Thư viện Trường ĐH Sư phạm – ĐH Thái Nguyên.

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Mô tả được tình hình giáo dục của trung tâm/nhà trường nơi đến thực tập nghiệp vụ
LLO2	Vận dụng được nội dung các hoạt động của tổ chuyên môn, chức năng nhiệm vụ của người huấn luyện viên/giáo viên vào quá trình thực tập nghiệp vụ.
LLO3	Sử dụng được các hồ sơ, văn bản chuyên môn vào quá trình thực tập nghiệp vụ.
LLO4	Xây dựng được kế hoạch công tác quản lý đội tuyển/lớp cả đợt và từng tuần
LLO5	Thực hiện được các buổi sinh hoạt Đội/Lớp.

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO6	Tổ chức được các buổi lao động, văn nghệ, thể dục thể thao...
LLO7	Thiết kế được kế hoạch huấn luyện cho đội tuyển/lớp năng khiếu thể thao chuyên sâu.
LLO8	Tổ chức được hoạt động huấn luyện/giảng dạy cho VĐV/HS theo đúng kế hoạch đã xây dựng.
LLO9	Biểu hiện được kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm.
LLO10	Lập kế hoạch học tập, tự học cho bản thân. Có trách nhiệm đối với các nhiệm vụ được quy định trong học phần.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)						
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
LLO1	x						
LLO2		x					
LLO3		x					
LLO4			x				
LLO5			x				
LLO6			x				
LLO7			x				
LLO8				x			
LLO9						x	
LLO10							x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Mở đầu				
Nội dung Thực tế giáo dục				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	

LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp * Nội dung Thực tế giáo dục: 1. Tìm hiểu tình hình giáo dục của Trung tâm/nhà trường;	Tự học	A1	[1], [2]
LLO2 LLO3	2. Tìm hiểu các hoạt động của tổ/bộ môn, chức năng nhiệm vụ của huấn luyện viên/giáo viên, tài liệu, sổ sách lớp, hồ sơ vận động viên/học sinh, các văn bản hướng dẫn chuyên môn của các cấp quản lý, phù hợp với đặc trưng của từng chuyên môn sâu;			
LLO4 LLO10	3. Lập kế hoạch công tác quản lý đội/lớp cả đợt và từng tuần. Theo dõi, nắm vững tình hình luyện tập, sức khỏe, đạo đức của cả đội/lớp, của các vận động viên/học sinh cá biệt, cũng như các hoạt động khác của lớp trong suốt thời gian thực tập, có ghi chép, nhận xét, đánh giá;			
LLO5 LLO6 LLO9 LLO10	4. Hướng dẫn các buổi sinh hoạt đội/lớp nâng cao. Tổ chức các hoạt động giáo dục: lao động vui chơi, TDTT ngoại khóa kỷ niệm các ngày lễ truyền thống của trung tâm/nhà trường;			
Nội dung Thực tế chuyên môn				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO2 LLO4 LLO7 LLO8 LLO9	Nội dung Thực tế chuyên môn: 1. Lập kế hoạch huấn luyện/giảng dạy toàn đợt và từng tuần; 2. Dự 2 buổi huấn luyện/giảng dạy do huấn luyện viên/giáo viên hướng dẫn hoặc huấn luyện viên/giáo viên giỏi thực hiện, có rút kinh nghiệm học tập;	Tự học	A1	[1], [2]

LLO7 LLO8 LLO9	3. Soạn ít nhất 07 kế hoạch huấn luyện (buổi/tuần); chuẩn bị dụng cụ luyện tập; nộp kế hoạch huấn luyện cho huấn luyện viên/giáo viên hướng dẫn chuyên môn phê duyệt ít nhất 3 ngày trước khi lên lớp. 4. Tổ chức buổi huấn luyện/lên lớp giảng dạy 7 kế hoạch huấn luyện/giáo án theo môn thể thao chuyên sâu, dưới sự chỉ đạo của huấn luyện viên/giáo viên hướng dẫn. Sau giờ tập luyện/dạy có rút kinh nghiệm, đánh giá, cho điểm. 6. Sinh viên không được phép lên lớp quá 3 buổi đối với 1 kế hoạch; Không được huấn luyện/giảng dạy những nội dung không có trong kế hoạch thực tập.			
	B. Nội dung tự học: Hoàn thành kế hoạch thực tập giáo dục; Báo cáo tìm hiểu thực tế giáo dục;	Đọc tài liệu học tập	A1	

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành:
- Phương tiện phục vụ giảng dạy:
- Điều kiện khác:

8.45. Thể thao chuyên sâu 1

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 04 ; Tổng số giờ quy chuẩn: 112 tiết.
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	08		88
2	Bài tập	12		
3	Thực hành	86		
4	Kiểm tra, đánh giá	06		
Tổng		112		88

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn TDDT Chuyên ngành; Khoa TDDT

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Ths. Lê Văn Hùng	0981 212 682	hunglv@tnue.edu.vn
2	TS. Nguyễn Mạnh Hùng		hungnm@tnue.edu.vn
3	TS Trần Thị Tú		tutt@tnue.edu.vn
4	Ths Nguyễn Đức Tuấn		tuannnd@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần

* Về kiến thức

CO1: Hiểu nguyên lý kỹ thuật của một số kỹ thuật nâng cao trong môn thể thao chuyên sâu

CO2: Hiểu được ý nghĩa của việc sử dụng kỹ thuật trong thi đấu; Hiểu về luật thi đấu

* Về kỹ năng

CO3: Thực hiện được một số kỹ thuật nâng cao trong môn thể thao chuyên sâu; Có khả năng phân tích kỹ thuật do người khác thực hiện;

CO4: Vận dụng thuần thục các kỹ thuật vào các bài tập thi đấu; Có năng lực vận dụng luật thi đấu để phân tích, giải thích các tình huống trong thi đấu.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO5: Có khả năng tiếp tục học tập nâng cao trình độ.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT

	Kiến thức		
CO1	CLO1	Mô tả được nguyên lý kỹ thuật của một số kỹ thuật nâng cao trong môn thể thao chuyên sâu	PLO 3
CO2	CLO2	Phân tích được ý nghĩa của việc sử dụng kỹ thuật trong thi đấu; Phân tích được những nội dung cơ bản của luật thi đấu	PLO 3,4
	Kĩ năng		
CO3	CLO3	Thực hiện được một số kỹ thuật nâng cao trong môn thể thao chuyên sâu; Có khả năng phân tích kỹ thuật do người khác thực hiện;	PLO 8,9
CO4	CLO4	Vận dụng thuần thục các kỹ thuật vào các bài tập thi đấu;	PLO 8,9
	CLO5	Vận dụng được luật thi đấu để phân tích, giải thích các tình huống trong thi đấu.	PLO8, 11
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CO5	CLO6	Có khả năng tiếp tục học tập nâng cao trình độ.	PLO14

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo PLOs													
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
CLO1			x											
CLO2			x	x										
CLO3								x	x					
CLO4								x	x					
CLO5								x			x			
CLO6														x
MĐG	0	0	2	1	0	0	0	3	2	0	1	0	0	1

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học trang bị cho người học về nguyên lý kỹ thuật môn thể thao chuyên sâu và luật thi đấu. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị kỹ năng thực hiện các kỹ thuật

nâng cao của môn thể thao chuyên sâu và năng lực vận dụng luật thi đấu để phân tích, giải thích các tình huống thực tiễn.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết và thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp học.
- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.
- Thực hành: Hoàn thành 01 bài kiểm tra cá nhân hoặc nhóm theo yêu cầu của giảng viên.
- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức và trọng số điểm

- Sử dụng thang 10 điểm.

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-6
2	A2. Bài tập	10%	01	Rubric đánh giá bài tập	CLO 1, 2
3	A3. Bài kiểm tra thực hành	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 3,4
3	A3. Bài kiểm tra định kì 1	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 3,4
5	A5. Bài kiểm tra định kì 2	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 5
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A6. Thực hành	50%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 3,4

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học; Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp	Dự 80% - 89% số giờ lên lớp	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp

8.2.2. Rubric đánh giá bài tập, thực hành, bài kiểm tra định kỳ

- Đánh giá theo tiêu chí trong ngân hàng câu hỏi và đáp án

8.46. Thẻ thao chuyên sâu 2

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 04 ; Tổng số giờ quy chuẩn: 112 tiết.

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	08		88
2	Bài tập	12		
3	Thực hành	86		
4	Kiểm tra, đánh giá	06		
Tổng		112		88

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn TDDT Chuyên ngành; Khoa TDDT

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Ths. Lê Văn Hùng	0981 212 682	hunglv@tnue.edu.vn
2	TS. Nguyễn Mạnh Hùng		hungnm@tnue.edu.vn
3	TS Trần Thị Tú		tutt@tnue.edu.vn
4	Ths Nguyễn Đức Tuấn		tuannnd@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần

* Về kiến thức

CO1: Hiểu được nguyên lý kỹ thuật của một số kỹ thuật khó trong môn thể thao chuyên sâu;

CO2: Hiểu được Phương pháp phát triển thể lực chuyên môn cho VĐV môn thể thao chuyên sâu;

* Về kỹ năng

CO3: Thực hiện được một số kỹ thuật khó trong môn thể thao chuyên sâu;

CO4: Biết xây dựng kế hoạch tập luyện để phát triển thể lực chuyên môn

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO5: Có khả năng tiếp tục học tập nâng cao trình độ.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		

CO1	CLO1	Mô tả được nguyên lý kỹ thuật của một số kỹ thuật khó trong môn thể thao chuyên sâu	PLO 3
CO2	CLO2	Hiểu được Phương pháp phát triển thể lực chuyên môn cho VĐV môn thể thao chuyên sâu	PLO 3, 4
	Kĩ năng		
CO3	CLO3	Thực hiện được một số kỹ thuật khó trong môn thể thao chuyên sâu	PLO 8,9
CO4	CLO4	Lập được kế hoạch tập luyện để phát triển thể lực chuyên môn của môn thể thao chuyên sâu	PLO 9,10
	CLO5	Thực hiện được các bài tập để phát triển thể lực chuyên môn của môn thể thao chuyên sâu	PLO 9
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CO5	CLO6	Có khả năng tiếp tục học tập nâng cao trình độ.	PLO14

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo PLOs													
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
CLO1			x											
CLO2			x	x										
CLO3								x	x					
CLO4									x	x				
CLO5									x					
CLO6														x
MDG	0	0	2	0	0	0	0	1	3	0	1	0	0	1

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học trang bị cho người học về nguyên lý kỹ thuật của các kỹ thuật khó trong môn thể thao chuyên sâu. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị về phương pháp phát triển thể lực chuyên môn; kỹ năng xây dựng kế hoạch và thực hiện các bài tập thể lực chuyên môn của môn thể thao chuyên sâu.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết và thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp học.

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Thực hành: Hoàn thành 01 bài kiểm tra cá nhân hoặc nhóm theo yêu cầu của giảng viên.

- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức và trọng số điểm

- Sử dụng thang 10 điểm.

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-6
2	A2. Bài tập	10%	01	Rubric đánh giá bài tập	CLO 1, 2
3	A3. Bài kiểm tra thực hành	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 3,4
3	A3. Bài kiểm tra định kì 1	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 3,4
5	A5. Bài kiểm tra định kì 2	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 5
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A6. Thực hành	50%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 3,4

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt	Đạt	Khá	Tốt
----------	------------	-----------	-----	-----	-----

		0-49%	50-64%	65-79%	80-100%
Chuyên cần (10%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học; Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp	Dự 80% - 89% số giờ lên lớp	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp

8.2.2. Rubric đánh giá bài tập, thực hành, bài kiểm tra định kỳ

- Đánh giá theo tiêu chí trong ngân hàng câu hỏi và đáp án.

8.47. Thẻ thao chuyên sâu 3

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 04 ; Tổng số giờ quy chuẩn: 112 tiết.

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	08		88
2	Bài tập	12		
3	Thực hành	86		
4	Kiểm tra, đánh giá	06		
Tổng		112		88

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn TDDT Chuyên ngành; Khoa TDDT

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Ths. Lê Văn Hùng	0981 212 682	hunglv@tnue.edu.vn
2	TS. Nguyễn Mạnh Hùng		hungnm@tnue.edu.vn
3	TS Trần Thị Tú		tutt@tnue.edu.vn
4	Ths Nguyễn Đức Tuấn		tuannnd@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần

* Về kiến thức

CO1: Hiểu rõ về hệ thống các bài tập chiến thuật

CO2: Hiểu rõ phương pháp trọng tài của môn thể thao chuyên sâu

* Về kỹ năng

CO3: Có khả năng thực hiện các bài tập chiến thuật của môn thể thao chuyên sâu

CO4: Có khả năng làm trọng tài thi đấu môn thể thao chuyên sâu

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO5: Có khả năng tiếp tục học tập nâng cao trình độ.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
		Kiến thức	
CO1	CLO1	Mô tả được hệ thống các bài tập chiến thuật trong môn thể thao chuyên sâu	PLO 3,4
CO2	CLO2	Phân tích được các nội dung cơ bản về phương pháp trọng tài của môn thể thao chuyên sâu	PLO 3,4

	Kĩ năng		
CO3	CLO3	Thực hiện được các bài tập chiến thuật cơ bản của môn thể thao chuyên sâu	PLO 8,9
CO4	CLO4	Thực hiện được công tác trọng tài thi đấu môn thể thao chuyên sâu cấp cơ sở	PLO 11
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CO5	CLO5	Có khả năng tiếp tục học tập nâng cao trình độ.	PLO14

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo PLOs													
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
CLO1			x	x										
CLO2			x	x										
CLO3								x	x					
CLO4											x			
CLO5														x
MĐG	0	0	2	2	0	0	0	1	1	0	1	0	0	1

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học trang bị cho người học hệ thống các bài tập chiến thuật trong môn thể thao chuyên sâu. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị kiến thức và kỹ năng thực hiện công tác trọng tài thi đấu của môn thể thao chuyên sâu cấp cơ sở.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết và thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp học.
- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.
- Thực hành: Hoàn thành 01 bài kiểm tra cá nhân hoặc nhóm theo yêu cầu của giảng viên.
- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức và trọng số điểm

- Sử dụng thang 10 điểm.

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-6
2	A2. Bài tập	10%	01	Rubric đánh giá bài tập	CLO 1, 2
3	A3. Bài kiểm tra thực hành	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 3,4
3	A3. Bài kiểm tra định kỳ 1	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 3,4
5	A5. Bài kiểm tra định kỳ 2	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 5
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A6. Thực hành	50%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 3,4

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học;

		học tập được giao.	học tập được giao.		Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp	Dự 80% - 89% số giờ lên lớp	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp

8.2.2. Rubric đánh giá bài tập, thực hành, bài kiểm tra định kỳ

- Đánh giá theo tiêu chí trong ngân hàng câu hỏi và đáp án.

8.48. Thẻ thao chuyên sâu 4

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 04 ; Tổng số giờ quy chuẩn: 112 tiết.

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	08		88
2	Bài tập	12		
3	Thực hành	86		
4	Kiểm tra, đánh giá	06		
Tổng		112		88

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn TDDT Chuyên ngành; Khoa TDDT

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Ths. Lê Văn Hùng	0981 212 682	hunglv@tnue.edu.vn
2	TS. Nguyễn Mạnh Hùng		hungnm@tnue.edu.vn
3	TS Trần Thị Tú		tutt@tnue.edu.vn
4	Ths Nguyễn Đức Tuấn		tuannnd@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần

* Về kiến thức

CO1: Hiểu phương pháp giảng dạy kỹ thuật cơ bản của môn thể thao chuyên sâu.

CO2: Hiểu rõ và nắm được nội dung công việc của việc tổ chức một giải thi đấu và hình thức tổ chức hoạt động của môn thể thao chuyên sâu

* Về kỹ năng

CO3: Có năng lực tổ chức và hướng dẫn tập luyện kỹ thuật môn thể thao chuyên sâu;

CO4: Có khả năng tổ chức giải thi đấu môn thể thao chuyên sâu cấp cơ sở;

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO5: Có khả năng tiếp tục học tập nâng cao trình độ.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Hiểu rõ về phương pháp giảng dạy kỹ thuật cơ bản của môn thể thao chuyên sâu	PLO 3
CO2	CLO2	Mô tả được nội dung công việc của việc tổ chức một giải thi đấu và hình thức tổ chức hoạt động của môn thể thao chuyên sâu	PLO 3,4
	Kỹ năng		
CO3	CLO3	Thực hiện được nhiệm vụ hướng dẫn tập luyện kỹ thuật môn thể thao chuyên sâu	PLO 5,8,9,10
CO4	CLO4	Xây dựng được kế hoạch và triển khai tổ chức giải thi đấu môn thể thao chuyên sâu cấp cơ sở	PLO 10,11
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		

CO5	CLO5	Có khả năng tiếp tục học tập nâng cao trình độ.	PLO14
-----	------	---	-------

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo PLOs													
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
CLO1			x											
CLO2			x	x										
CLO3					x			x	x	x				
CLO4										x	x			
CLO5														x
MDG	0	0	2	1	1	0	0	1	1	2	1	0	0	1

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học trang bị cho người học về phương pháp giảng dạy kỹ thuật cơ bản của môn thể thao chuyên sâu. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị kiến thức và kỹ năng xây dựng kế hoạch và tổ chức thi đấu môn thể thao chuyên sâu cấp cơ sở.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết và thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp học.
- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.
- Thực hành: Hoàn thành 01 bài kiểm tra cá nhân hoặc nhóm theo yêu cầu của giảng viên.
- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức và trọng số điểm

- Sử dụng thang 10 điểm.

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
----	-----------	-------------------	------------------	-------------------	------------

Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-6
2	A2. Bài tập	10%	01	Rubric đánh giá bài tập	CLO 1, 2
3	A3. Bài kiểm tra thực hành	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 3,4
3	A3. Bài kiểm tra định kì 1	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 3,4
5	A5. Bài kiểm tra định kì 2	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 5
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A6. Thực hành	50%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 3,4

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học; Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ được giao.

Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp	Dự 80% - 89% số giờ lên lớp	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp

8.2.2. Rubric đánh giá bài tập, thực hành, bài kiểm tra định kỳ

- Đánh giá theo tiêu chí trong ngân hàng câu hỏi và đáp án.

8.49. Thẻ thao chuyên sâu 5

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 04 ; Tổng số giờ quy chuẩn: 112 tiết.
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	08		88
2	Bài tập	12		
3	Thực hành	86		
4	Kiểm tra, đánh giá	06		
Tổng		112		88

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn TDDT Chuyên ngành; Khoa TDDT

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Ths. Lê Văn Hùng	0981 212 682	hunglv@tnue.edu.vn
2	TS. Nguyễn Mạnh Hùng		hungnm@tnue.edu.vn
3	TS Trần Thị Tú		tutt@tnue.edu.vn
4	Ths Nguyễn Đức Tuân		tuannnd@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần

* Về kiến thức

CO1: Hiểu được các phương pháp tuyển chọn VĐV môn thể thao chuyên sâu

CO2: Hiểu được phương pháp xây dựng kế hoạch huấn luyện đội tuyển thể thao cấp cơ sở và đội trẻ

* Về kĩ năng

CO3: Có khả năng phân tích các điều kiện để tổ chức tuyển chọn VĐV môn thể thao chuyên sâu.

CO4: Biết xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện đội tuyển thể thao cấp cơ sở và đội trẻ

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO5: Có khả năng tiếp tục học tập nâng cao trình độ.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Mô tả được các phương pháp tuyển chọn VĐV môn thể thao chuyên sâu	PLO 3,4
CO2	CLO2	Phân tích được các nội dung cơ bản của kế hoạch huấn luyện đội tuyển thể thao cấp cơ sở và đội trẻ	PLO 3,4
	Kĩ năng		
CO3	CLO3	Xây dựng được kế hoạch, chương trình tuyển chọn VĐV môn thể thao chuyên sâu	PLO 9,10,11
CO4	CLO4	Xây dựng được kế hoạch và tổ chức huấn luyện đội tuyển thể thao cấp cơ sở và đội trẻ	PLO 8,9,10,11
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CO5	CLO5	Có khả năng tiếp tục học tập nâng cao trình độ.	PLO14

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo PLOs
------	--

	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
CLO1			x	x										
CLO2			x	x										
CLO3									x	x	x			
CLO4								x	x	x	x			
CLO5														x
MĐG	0	0	2	2	0	0	0	1	2	2	2	0	0	1

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học trang bị cho người học về kiến thức và kỹ năng tuyển chọn vận động viên môn thể thao chuyên sâu. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị kiến thức và kỹ năng xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện đội tuyển của môn thể thao chuyên sâu cấp cơ sở và đội trẻ.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết và thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp học.
- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.
- Thực hành: Hoàn thành 01 bài kiểm tra cá nhân hoặc nhóm theo yêu cầu của giảng viên.
- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức và trọng số điểm

- Sử dụng thang 10 điểm.

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-6
2	A2. Bài tập	10%	01	Rubric đánh giá bài tập	CLO 1, 2

3	A3. Bài kiểm tra thực hành	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 3,4
3	A3. Bài kiểm tra định kì 1	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 3,4
5	A5. Bài kiểm tra định kì 2	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 5
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A6. Thực hành	50%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 3,4

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học; Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp	Dự 80% - 89% số giờ lên lớp	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp

8.2.2. Rubric đánh giá bài tập, thực hành, bài kiểm tra định kỳ

- Đánh giá theo tiêu chí trong ngân hàng câu hỏi và đáp án.

8.50. Khóa luận tốt nghiệp

8.51. Quản lý Thẻ dực thể thao

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	28		90
2	Bài tập	14		
4	Thảo luận	14		
5	Kiểm tra, đánh giá	4		
Tổng		60		90

- Loại học phần: Tự chọn

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Thẻ dực Thể thao chuyên ngành; Khoa Thẻ dực Thể thao.

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Đỗ Ngọc Cương	0912 552 131 0914 456 163	cuongdn@tnue.edu.vn
2	TS. Trần Thị Tú	0986 703 736	tutt@tnue.edu.vn
3	TS. Ma Đức Tuấn	0972 139 915	tuanmd@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

3.1 Kiến thức

CO1: Biết được những kiến thức đại cương về quản lý và quản lý Thể dục Thể thao; Cán bộ trong lĩnh vực Thể dục Thể thao; Hoạt động quản lý và hoạt động chỉ đạo, kiểm tra.

CO2: Hiểu được các nội dung cơ bản của hệ thống tổ chức, quản lý Thể dục Thể thao Việt Nam; Công tác tuyên truyền Thể dục Thể thao;

CO3: Phân tích được kiến thức cơ bản của quản lý Thể dục thể thao để thực hiện các nhiệm vụ quản lý hoạt động Thể dục Thể thao quần chúng, hoạt động Giáo dục Thể chất và thể thao trường học; Hoạt động dịch vụ Thể dục Thể thao.

3.2 Về kĩ năng

CO4: Vận dụng được các biện pháp tuyên truyền Thể dục Thể thao trong hoạt động thực tiễn.

CO5: Vận dụng được các kiến thức quản lý để phân loại chất lượng hoạt động Thể dục Thể thao quần chúng và hoạt động Giáo dục Thể chất và thể thao trường học.

CO6: Xác định được nhu cầu về dịch vụ thể dục thể thao trong cộng đồng.

3.3 Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO7: Vận dụng được những kiến thức quản lý Thể dục Thể thao vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Xác định được những kiến thức đại cương về quản lý và quản lý Thể dục Thể thao; Cán bộ trong lĩnh vực Thể dục Thể thao; Hoạt động quản lý và hoạt động chỉ đạo, kiểm tra.	PLO 4
CO2	CLO2	Mô tả được các nội dung cơ bản của hệ thống tổ chức, quản lý Thể dục Thể thao Việt Nam; Công tác tuyên truyền Thể dục Thể thao;	PLO 3
CO3	CLO3	Phân biệt được những nội dung cơ bản của quản lý hoạt động Thể dục Thể thao quần chúng, hoạt động Giáo dục Thể chất và thể thao trường học; Hoạt động dịch vụ Thể dục Thể thao	PLO 2
	Kĩ năng		
CO4	CLO4	Thực hiện được một số biện pháp tuyên truyền Thể dục Thể thao cơ bản trong thực tiễn.	PLO 5, 14

CO5	CLO5	Phân loại được chất lượng hoạt động Thể dục Thể thao quần chúng và hoạt động Giáo dục Thể chất và thể thao trường học.	PLO11,12
CO6	CLO6	Xác định được nhu cầu về dịch vụ thể dục thể thao trong cộng đồng	PLO11, 12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO7	CLO7	Vận dụng được những kiến thức quản lý Thể dục Thể thao vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.	PLO 14

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)													
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
CLO1				x										
CLO2			x											
CLO3		x												
CLO4					x									x
CLO5											x	x		
CLO6												x		
CLO7														x
MĐG	0	1	1	1	1	0	0	0	0	0	1	2	0	2

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Quản lý Thể dục thể thao trang bị cho người học những kiến thức đại cương về quản lý và quản lý Thể dục Thể thao; Cán bộ quản lý trong lĩnh vực Thể dục Thể thao; Hoạt động chỉ đạo, kiểm tra... hệ thống tổ chức, quản lý Thể dục Thể thao Việt Nam; Công tác tuyên truyền Thể dục Thể thao; Hoạt động dịch vụ Thể dục Thể thao. Từ những nội dung kiến thức này, người học có thể vận dụng vào công tác quản lý hoạt động Thể dục Thể thao quần chúng tại cơ sở và hoạt động Giáo dục Thể chất và Thể thao trường học.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 80% giờ thảo luận; chuẩn bị cho bài học: chuẩn bị nội dung tự học, đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

- Bài tập: Hoàn thành các bài tập cá nhân, bài tập thảo luận nhóm.
- Thảo luận: Hoàn thành các nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng viên ở các chương và trình bày trước lớp.
- Hoàn thành 2 bài kiểm tra định kỳ.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10	01	Rubric đánh giá	CLO 1-7
2	A2. Bài tập cá nhân	10	01	Rubric đánh giá	CLO 6
3	A3. Thảo luận	10	01	Rubric đánh giá	CLO 4,5
4	A4. Bài kiểm tra định kì số 1	10	01	Theo đáp án, thang điểm của giáo viên	CLO 1-3
5	A5. Bài kiểm tra định kì số 2	10	01		CLO 4-6
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Bài tập lớn	50	01	Theo đáp án và thang điểm	CLO1-7

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện đáp ứng dưới 25% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện đạt 50 – 60% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện đạt 60 – 79% nhiệm vụ học tập được giao..	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.

					Thực hiện đạt từ 80% nhiệm vụ học tập trở lên.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80% - 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân (10%)					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0đến < 1	1 đến<1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50 – 60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 60 – 80% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80 - 100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến < 1	1 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic

Ý tưởng sáng tạo	1	0đến< 0,5	0,5 đến<0,6	0,6đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo
Thảo luận (10%)					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4	0đến<2	2 đến< 2,4	2,4 đến< 3,2	3,2 đến 4
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1	0 đến< 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến< 0,8	0,8 đến 1
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Trình bày báo cáo rõ ràng	2	0 đến < 1	1 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Trình bày báo cáo không rõ ràng	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng nhưng chưa khoa học	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng, khoa học	Trình bày báo cáo rõ ràng, khoa học, tự tin
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1	0đến< 0,5	0,5 đến<0,6	0,6đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không tương tác bằng mắt và cử chỉ	Ít tương tác bằng mắt và cử chỉ	Có tương tác bằng mắt và cử chỉ	Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1	0 đến< 0,5	0,5 đến<0,6	0,6 đến< 0,8	0,8 đến 1
		Không trả lời câu hỏi đầy đủ	Trả lời câu hỏi đầy đủ nhưng chưa thỏa đáng	Trả lời câu hỏi đầy đủ, tương đối thỏa đáng	Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng

		0 đến <0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1	Nhóm phối hợp không tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tương đối tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tương đối tốt, có chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời
Bài kiểm tra định kỳ (20%)					
Theo đáp án, thang điểm của giáo viên					
Tiểu luận kết thúc học phần (50%)					
Theo đáp án, thang điểm của trường					

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Đỗ Ngọc Cương, Giáo trình quản lý Thể dục thể thao, NXB Đại học Thái Nguyên, 2021, thư viện trường ĐH Sư phạm – ĐH Thái Nguyên.

[2]. Lương Kim Chung (chủ biên), Kinh tế học Thể dục thể thao, NXB Thể dục thể thao, Hà Nội, 2011, thư viện trường ĐH Sư phạm - ĐH Thái Nguyên.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[3]. Phạm Đình Bẩm, Một số vấn đề cơ bản về quản lý Thể dục thể thao (Sách chuyên khảo dùng cho chuyên ngành quản lý TDTT bậc đại học), NXB Thể dục thể thao, (2005), Thư viện trường ĐH Sư phạm - ĐH Thái Nguyên.

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

(đánh số liên tục từ 1 cho đến hết các LLOs của các chương trong học phần)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Trình bày được những kiến thức đại cương về quản lý và quản lý Thể dục Thể thao như: Cơ sở lý luận của quản lý và quản lý Thể dục Thể thao; Chức năng, mục tiêu, nguyên tắc, phương pháp quản lý.
LLO2	Trình bày được những nội dung cơ bản về cán bộ Thể dục Thể thao như: quản lý cán bộ Thể dục Thể thao, cán bộ quản lý trong lĩnh vực Thể dục Thể thao;

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO3	Trình bày được các nội dung cơ bản của hoạt động quản lý và hoạt động chỉ đạo, kiểm tra như: ý nghĩa, yêu cầu, đặc điểm, phương pháp, hình thức, phương tiện...
LLO4	Phân tích được các nội dung cơ bản của hệ thống tổ chức, quản lý Thể dục Thể thao Việt Nam;
LLO5	Thực hiện được các biện pháp cơ bản để triển khai công tác tuyên truyền Thể dục Thể thao cấp cơ sở.
LLO6	Đánh giá được chất lượng hoạt động Thể dục Thể thao quần chúng và hoạt động Giáo dục Thể chất và thể thao trường học.
LLO7	Vận dụng được các kỹ năng nghề nghiệp vào hoạt động dịch vụ thể thao trong cộng đồng.
LLO8	Áp dụng được những kiến thức quản lý Thể dục Thể thao vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học thường xuyên.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)						
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
LLO1	x						
LLO2	x						
LLO3	x						
LLO4		x	x				
LLO5				x			
LLO6					x		
LLO7						x	
LLO8				x	x	x	x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Bài 1: ĐẠI CƯƠNG VỀ QUẢN LÝ				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	

LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (4 tiết) * Lý thuyết: 1. Cơ sở lý luận của quản lý và quản lý Thể dục Thể thao; Chức năng, mục tiêu, nguyên tắc, phương pháp quản lý. 2. Phân tích nhiệm vụ, đối tượng và nội dung của quản lý Thể dục Thể thao. 3. Nhiệm vụ, hướng tác động và đặc tính của quản lý Thể dục Thể thao	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1;A6	[1] chương 1
	B. Nội dung tự học: (12 tiết) Nghiên cứu trước tài liệu để làm bài tập và thảo luận trên lớp.	SV tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu	A1	[1] chương 1
BÀI 2: CÁN BỘ QUẢN LÝ THỂ DỤC THỂ THAO				
LLO2,	A. Nội dung thực hiện trên lớp (4 tiết) * Lý thuyết: 1. Quản lý cán bộ Thể dục Thể thao; Cán bộ quản lý trong lĩnh vực Thể dục Thể thao. 2. Phân loại cán bộ Thể dục Thể thao; Phẩm chất của cán bộ Thể dục thể thao. 3. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Thể dục Thể thao.	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1;A6	[1] chương 5
	B. Nội dung tự học: (12 tiết) Nghiên cứu trước tài liệu để làm bài tập và thảo luận trên lớp	SV tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu	A1	[1] chương 5
BÀI 3: HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ VÀ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, KIỂM TRA				
LLO3,	A. Nội dung thực hiện trên lớp (4 tiết) * Lý thuyết (4 tiết) 1. Ý nghĩa, yêu cầu, đặc điểm, phương pháp, hình thức, phương tiện... của hoạt động quản lý và công tác chỉ đạo, kiểm tra. 2. Bản chất của hoạt động quản lý	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1;A6	[1] chương 4 và 6

	3. Các hình thức và phương pháp kiểm tra			
	B. Nội dung tự học: (12 tiết) Nghiên cứu trước tài liệu để làm bài tập và thảo luận trên lớp	SV tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu	A1	[1] chương 5 và 6
BÀI 4: HỆ THỐNG TỔ CHỨC, QUẢN LÝ THỂ DỤC THỂ THAO VIỆT NAM				
LLO4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (5 tiết) * Lý thuyết (4 tiết) - Hệ thống các quan điểm của đảng và nhà nước về công tác Thể dục Thể thao; - Hệ thống tổ chức- quản lý thể dục thể thao việt nam.	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1;A6	[1] chương 3
	B. Nội dung tự học: (13 tiết) Nghiên cứu trước tài liệu để làm bài tập và thảo luận trên lớp.	SV tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu	A1	[1] chương 3
LLO1, 2, 3,4	* Bài kiểm tra định kì 1: (1 tiết)	Kiểm tra viết 1 tiết trên lớp	A4	[1] Chương 1, 3, 5,6
BÀI 5: CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN THỂ DỤC THỂ THAO				
LLO5, LLO8	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Lý thuyết (3 tiết) - Khái niệm về tuyên truyền Thể dục Thể thao; - Tổ chức và quản lý hoạt động tuyên truyền Thể dục Thể thao; - Nguyên tắc và biện pháp tuyên truyền Thể dục Thể thao.	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1;A6	[1] chương 6
	* Thảo luận + đánh giá: (7 tiết) Nghiên cứu và xây dựng các biện pháp tuyên truyền Thể dục Thể thao cấp cơ sở.	Thảo luận theo nhóm và đại diện nhóm báo cáo sản phẩm	A1, A3	[1] chương 6
	B. Nội dung tự học: (13 tiết)	SV tự học và hoàn thành	A1	[1] chương 6

	Nghiên cứu trước tài liệu để làm bài tập và thảo luận trên lớp	minh chứng theo yêu cầu		
BÀI 6: QUẢN LÝ CÁC LĨNH VỰC THỂ DỤC THỂ THAO				
LLO6, LLO8	A. Nội dung thực hiện trên lớp (13 tiết) * Lý thuyết (6 tiết) - Quản lý lĩnh vực Thể dục Thể thao quần chúng; - Quản lý lĩnh vực Giáo dục thể chất và thể thao trường học. - Quản lý hoạt động thi đấu thể thao.	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1;A6	[1] chương 7
	* Thảo luận + đánh giá: (8 tiết): Phân loại chất lượng hoạt động Thể dục Thể thao quần chúng và hoạt động Giáo dục Thể chất và thể thao trường học.	Thảo luận theo nhóm và đại diện nhóm báo cáo sản phẩm	A1; A3	[1] chương 7
	B. Nội dung tự học: (15 tiết) Nghiên cứu trước tài liệu để làm bài tập và thảo luận trên lớp	SV tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu	A1	[1] chương 7
BÀI 7: LAO ĐỘNG VÀ SẢN PHẨM DỊCH VỤ THỂ DỤC THỂ THAO				
LLO7, LLO8	A. Nội dung thực hiện trên lớp (19 tiết) * Lý thuyết (3 tiết) - Đặc điểm sản phẩm dịch vụ Thể dục Thể thao; - Các yếu tố trong quá trình lao động dịch vụ thể thao; - Đặc điểm của quá trình lao động dịch vụ thể thao.	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1;A6	[2] Phần 3 Chương 3
	* Bài tập (14 tiết) + đánh giá (1 tiết) - Tổng hợp các loại hình dịch vụ Thể dục Thể thao. - Xác định nhu cầu về dịch vụ thể dục thể thao trong cộng đồng.	SV làm bài tập, nộp sản phẩm cho GV.	A1,A2	[2] Phần 3 Chương 3
	B. Nội dung tự học: (13 tiết) Đọc trước chương 3 thuộc phần 3 của tài liệu 2 để làm bài tập và thảo luận trên lớp	SV tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu	A1	[2] Phần 3 Chương 3
LLO5, 6,7	* Bài kiểm tra định kỳ 2: (1 tiết)	Kiểm tra viết 1 tiết	A5	[1] Chương 2, 6, 7

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: Giảng đường

- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Bảng, phấn, máy tính, máy chiếu.

- Điều kiện khác: Điện, ánh sáng, thoáng mát đảm bảo cho giờ học

8.52. Kinh tế học TDDT

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	30		86
2	Bài tập	15		
3	Thực hành			
4	Thảo luận	15		
5	Thực tế chuyên môn			
6	Kiểm tra, đánh giá	04		
Tổng		64		86

- Loại học phần: Tự chọn

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☐ (☒)

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Bộ môn TDDT chuyên ngành; Khoa TDDT

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Võ Xuân Thủy	0963810833	thuyvx@tnue.edu.vn
2	TS. Nguyễn Mạnh Hùng	0988711822	hungnm.phy@tnue.edu.vn
3	TS. Ma Đức Tuấn	0972139915	tuanmd@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

*** Kiến thức:**

CO1: Phân tích được những kiến thức về Kinh tế học Thể dục thể thao trong các hoạt động chuyên môn có liên quan.

*** Kỹ năng:**

CO2: Vận dụng linh hoạt những kiến thức về Kinh tế học TDTT trong quá trình xây dựng phương pháp dạy học, huấn luyện; quảng bá hình ảnh và công tác xã hội hóa Thể dục thể thao.

CO3: Phân tích được mối liên hệ giữa Kinh tế và thể dục thể thao; đặc điểm, phương pháp thực hiện truyền thông thể thao trong quá trình tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học và quản lý chuyên môn của bản thân.

*** Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO4: Vận dụng được kiến thức của học phần Kinh tế học Thể dục thể thao vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học, tự nghiên cứu, nâng cao trình độ của bản thân.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Phân biệt được một số vấn đề chung của Kinh tế học TDTT (khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa, mối quan hệ).	PLO2
	CLO2	Liên hệ được ý nghĩa của Thương mại hóa thể thao trong thực tiễn hiện nay	PLO2
	CLO3	Phân biệt được các thể loại hình hàng hóa TDTT, kinh doanh và tiêu thụ TDTT	PLO2
	Kỹ năng		
CO2	CLO4	Sử dụng linh hoạt những kiến thức về Kinh tế học TDTT trong quá trình xây dựng phương pháp dạy học, huấn luyện; quảng bá hình ảnh và công tác xã hội hóa Thể dục thể thao.	PLO5 PLO6
CO3	CLO5	Phân biệt được mối liên hệ giữa Kinh tế và thể dục thể thao; các loại hình dịch vụ Thể thao, đặc điểm, phương	PLO6

		pháp nghiên cứu khoa học TDDT và quản lý chuyên môn của bản thân.	
	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CO4	CLO6	Vận dụng được kiến thức của học phần Kinh tế học TDDT vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và học tập, nâng cao trình độ của bản thân.	PLO7 PLO8

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)							
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
CLO1		x						
CLO2		x						
CLO3		x						
CLO4					x	x		
CLO5						x		
CLO6							x	x
MDG	0	3	0	0	1	2	1	1

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Kinh tế học TDDT là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, nhằm trang bị cho người học những kiến thức chung về Kinh tế TDDT; Cơ sở lý luận và nội dung nghiên cứu của kinh tế học TDDT; Ngành thể dục thể thao và sản xuất dịch vụ thể thao; Hàng hóa TDDT, Kinh doanh TDDT. Thông qua môn học, người học có thể vận dụng kiến thức vào hoạt động giảng dạy, huấn luyện, nghiên cứu khoa học và quản lý chuyên môn của bản thân.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tham dự các buổi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi lên lớp, nghiên cứu, tìm kiếm các thông tin liên quan.
- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên
- Seminar/thảo luận: Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm theo nội dung yêu cầu của giáo viên và nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước lớp.
- Kiểm tra: Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ.
- Tự học, tự nghiên cứu: Hoàn thành các yêu cầu tự học, tự nghiên cứu theo yêu cầu của giảng viên trong từng bài.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-11
2	A2. Bài tập cá nhân	10	02	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1,2,4,6,7
3	A3. Thảo luận	10	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO3,9
4	A4. Bài kiểm tra định kì 1	10	01	Đáp án và thang điểm	CLO1,2,3,6
5	A5. Bài kiểm tra định kì 2	10	01	Đáp án và thang điểm	CLO4,5,7,8
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
5	A6. Tự luận	50	01	Theo đáp án và thang điểm	CLO1-11

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện đáp ứng dưới 25% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện đạt 50 – 60% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện đạt 60 – 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thực hiện đạt từ 80% nhiệm vụ học tập

					được giao trở lên.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80% - 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân (10%)					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0- 49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0 đến < 1	1 đến<1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện 50 – 60% nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện 60 – 80% nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện 80 - 100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến < 1	1 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến< 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1

		Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng
Thảo luận (10%)					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4	0 đến <2	2 đến < 2,4	2,4 đến < 3,2	3,2 đến 4
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến < 1	1 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
Trình bày báo cáo rõ ràng	2	0 đến < 1	1 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Trình bày báo cáo không rõ ràng	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng nhưng chưa khoa học	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng, khoa học	Trình bày báo cáo rõ ràng, khoa học, tự tin
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không tương tác bằng mắt và cử chỉ	Ít tương tác bằng mắt và cử chỉ	Có tương tác bằng mắt và cử chỉ	Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1	0 đến <0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Nhóm phối hợp không tốt, không chia sẻ và hỗ trợ	Nhóm phối hợp tương đối tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau	Nhóm phối hợp tương đối tốt, có chia sẻ và hỗ trợ	Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau

		trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	trong khi báo cáo và trả lời	trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	trong khi báo cáo và trả lời
Bài kiểm tra định kỳ (20%)					
Theo đáp án, thang điểm của giáo viên					
Thi kết thúc học phần (50%)					
Theo đáp án, thang điểm					

9. Học liệu

Tài liệu học tập:

[1]. PGS.TS. Lương Kim Chung (2011), Kinh tế học Thể dục thể thao, NXB Thể dục thể thao. Thư viện Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên.

Tài liệu tham khảo

[2]. Trần Đăng Thịnh (2015), Giáo trình Kinh tế học đại cương, NXB Thể Đại học Quốc gia TP.Hồ Chí Minh

10. Nội dung chi tiết của học phần

Bài 1. Sự ra đời và phát triển của kinh tế học thể dục thể thao				
CLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
CLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (8 tiết) * Nội dung lí thuyết (4 tiết): 1.1 Khái quát sự ra đời và phát triển môn học kinh tế học thể thao 1.2. Sự hình thành môn kinh tế học thể thao là yêu cầu phát triển thể thao hiện đại 1.3. Đối tượng nghiên cứu của môn kinh tế học thể thao	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận. - Dạy học trực tiếp và trực tuyến.	A1, A5	[1] Phần 1 - Chương I
CLO1	* Nội dung thảo luận (2 tiết):	- Giảng viên hướng dẫn	A1, A3	[1] Phần 1 - Chương II

	Ý nghĩa của việc học tập và nghiên cứu kinh tế học TDDT	- Trao đổi, thảo luận theo nhóm		
CLO1 CLO6	* Nội dung bài tập (4 tiết): Nội dung chủ yếu của kinh tế học thể thao	- Bài tập cá nhân - Tự học, tự nghiên cứu	A1, A2	[1] Phần 1 - Chương II
CLO6	B. Nội dung tự học (12 tiết) - Đọc trước bài 2. (8 tiết) - Nguyên tắc và phương pháp của kinh tế học thể thao? (4 tiết)	Tự học, tự nghiên cứu	A1	[1] Phần 1 - Chương II
Bài 2. Khái niệm về kinh tế thể dục thể thao trong phạm trù kinh tế				
CLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
CLO1, CLO5	A. Nội dung thực hiện trên lớp (8 tiết) * Nội dung lí thuyết (4 tiết): 2.1. Khái niệm về kinh tế và TDDT 2.2. TDDT là một ngành có tính kinh tế trong nền sản xuất hàng hóa	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận. - Dạy học trực tiếp	A1, A5	[1] Phần 2 - Chương II
CLO1, CLO5, CLO6	* Nội dung thảo luận (2 tiết): Đổi mới tư duy và nhận thức về chủ nghĩa xã hội trong nền kinh tế thị trường?	- Giảng viên hướng dẫn - Trao đổi, thảo luận theo nhóm	A1, A3	[1] Phần 2 - Chương III
CLO1, CLO5, CLO6	* Nội dung bài tập (4 tiết): Bước đầu phát triển kinh tế thể thao theo thể chế kinh tế thị trường XHCN	- Bài tập cá nhân, nộp theo yêu cầu GV - Tự học, tự nghiên cứu	A1, A2	[1] Phần 2 - Chương III

CLO6	B. Nội dung tự học (12 tiết) - Đọc trước bài 3. (8 tiết) - Quan hệ giữa kinh tế và thể thao? (4 tiết)	Tự học, tự nghiên cứu	A1	[1] Phần 3 - Chương I
Bài 3. Ngành TDTT và sản xuất dịch vụ thể thao				
CLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
CLO2, CLO4, CLO5	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết) * Nội dung lí thuyết (4 tiết): 3.1. Tính chất sản xuất của ngành thể thao 3.2. Ngành TDTT thuộc ngành dịch vụ 3.3 Sự hình thành cơ cấu ngành TDTT	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận. - Dạy học trực tiếp	A1, A5	[1] Phần 3 - Chương II
CLO2, CLO4, CLO5, CLO6	* Nội dung thảo luận (2 tiết) Sự hình thành cơ cấu ngành TDTT	- Giảng viên hướng dẫn - Trao đổi, thảo luận theo nhóm	A1, A3	[1] Phần ba - Chương II
CLO2, CLO4, CLO6	* Nội dung bài tập (4 tiết): Phân tích yếu tố lợi và hại của thương mại hóa thể thao, từ đó kiến nghị giải pháp phòng ngừa tiêu cực.	- Bài tập cá nhân nộp theo yêu cầu GV - Tự học, tự nghiên cứu	A1, A2	[1] Phần 3 - Chương V
CLO6	B. Nội dung tự học (12 tiết) - Đọc trước bài 4. (8 tiết) - Những biểu hiện của thương mại hóa(4 tiết)	Tự học, tự nghiên cứu	A1	[1] Phần 3 - Chương V

Bài 4. Lao động dịch vụ và sản phẩm dịch vụ thể thao				
CLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
CLO2, CLO3, CLO5	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung lí thuyết (6 tiết): 4.1. Sản phẩm lao động thể thao là dịch vụ thể thao 4.2. Đặc điểm sản phẩm dịch vụ thể thao 4.3. các yếu tố trong lao động dịch vụ thể thao	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận. - Dạy học trực tiếp	A1, A5	[1] Phần 3- Chương III
CLO2, CLO3, CLO6	* Nội dung thảo luận (2 tiết): Đặc điểm sản phẩm dịch vụ thể thao	- Giảng viên hướng dẫn - Trao đổi, thảo luận theo nhóm	A1, A3	[1] Phần 3- Chương III
CLO6	B. Nội dung tự học (12 tiết) - Đọc trước bài 5 (8 tiết). - 4.4. Những đặc điểm của quá trình lao động dịch vụ thể thao ? (4 tiết).	Tự học, tự nghiên cứu	A1	[1] Phần 3- Chương III
Bài 5. Hàng hóa dịch vụ thể thao				
CLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung lí thuyết (6 tiết):	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận. - Dạy học trực tiếp	A1, A5	[1] Chương IV

	5.1. dịch vụ thể thao là nguyên nhân hình thành hàng hóa 5.2. TDTT có tác dụng hình thành hàng hóa dịch vụ 5.3. Dịch vụ hàng hóa là điều kiện hình thành hàng hóa 5.4. Phạm vi và con đường phát triển hàng hóa dịch vụ thể thao 5.5 Mối quan hệ giữa giá cả với cung cầu hàng hóa dịch vụ thể thao			
CLO3, CLO6	* Nội dung thảo luận (2 tiết): Mối quan hệ cung cầu giữa giá cả, biến động giá cả với hàng hóa dịch vụ thể thao	- Giảng viên hướng dẫn - Trao đổi, thảo luận theo nhóm	A1, A3	[1] Chương IV
CLO3, CLO6	* Kiểm tra định kì 1 (2 tiết):	Sinh viên thực hiện bài kiểm tra viết 100 phút	A1, A2	
CLO6	B. Nội dung tự học (12 tiết) - Mối quan hệ cung cấp và nhu cầu hàng hóa dịch vụ thể thao.	Tự học, tự nghiên cứu	A1	[[1] Chương IV
Bài 6. Tiêu thụ TDTT				
CLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	A. Nội dung thực hiện trên lớp (12 tiết) * Nội dung lí thuyết (4 tiết): 6.1. Tiêu thụ TDTT	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận. - Dạy học trực tiếp	A1, A5	[1] Phần 3 Chương VI

	6.2 Vai trò của tiêu thụ thể thao trong cơ cấu tiêu thụ xã hội 6.3 Tính chất và đặc điểm của tiêu thụ thể thao 6.4 thị trường tiêu thụ thể thao 6.5 Loại hình tiêu thụ thể thao 6.6 Lợi ích tiêu thụ thể thao			
CLO1, CLO6	* Nội dung thảo luận (2 tiết): Nguyên nhân gia tăng nhu cầu thể thao	- Giảng viên hướng dẫn - Trao đổi, thảo luận theo nhóm	A1, A3	[1] Chương IV
CLO6	B. Nội dung tự học (12 tiết) - Đọc trước bài 7 (4 tiết). - Những nhân tố quyết định mức tiêu thụ thể thao (8 tiết)	Tự học, tự nghiên cứu	A1	[1] Phần 3- Chương III
Bài 7. Kinh doanh thể dục thể thao				
CLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	A. Nội dung thực hiện trên lớp (12 tiết) * Nội dung lí thuyết (4 tiết): 7.1. Khái niệm về kinh doanh và kinh doanh thể thao 7.2. Kinh doanh thể thao chuyên nghiệp 7.3. Tài trợ thể thao chuyên nghiệp hóa, thương mại hóa	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận. - Dạy học trực tiếp	A1, A5	[1] Phần 3 Chương VII
CLO2, CLO6	* Nội dung thảo luận (3 tiết): những ưu, nhược điểm trong	- Giảng viên hướng dẫn	A1, A3	[1] Phần 3- chương VI

	Kinh doanh thể thao chuyên nghiệp	- Trao đổi, thảo luận theo nhóm		
CLO2, CLO4, CLO5, CLO6	* Nội dung bài tập (3 tiết): Tại sao lại có tài trợ trong thể thao chuyên nghiệp	- Bài tập cá nhân - Tự học, tự nghiên cứu	A1, A2	[1] Phần 3 - Chương VI
CLO6	B. Nội dung tự học (14 tiết) - ôn tập các nội dung bài 1,2,3,4,5,6	Tự học, tự nghiên cứu	A1	
CLO1-6	Bài Kiểm tra định kì (02 tiết)	Tự luận, thời gian 2 tiết (100 phút)	A4	[1] Phần hai - Chương I; phần Ba – Chương IV,V,VI,VII

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Có đủ bàn ghế, đủ điều kiện ánh sáng.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Có máy chiếu, có mạng internet.
- Điều kiện khác:

8.53. Thể thao giải trí

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	35		91
2	Bài tập	10		
3	Thực hành			
4	Thảo luận	10		
5	Thực tế chuyên môn			

6	Kiểm tra, đánh giá	04		
Tổng		59		91

- Loại học phần: Tự chọn
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☐ (☒)
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Bộ môn TDDT chuyên ngành; Khoa TDDT

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Đỗ Ngọc Cương	0912552131	Cuongdn@tnue.edu.vn
2	TS. Nguyễn Mạnh Hùng	0988711822	hungnm.phy@tnue.edu.vn
3	TS. Ma Đức Tuấn	0972139915	tuanmd@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Kiến thức:

CO1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất của lý luận về thể thao giải trí; về quá trình hình thành và phát triển cũng như các môn thể thao giải trí dân gian và thể thao giải trí hiện đại.

* Kỹ năng:

CO2: Vận dụng được kiến thức của thể thao giải trí vào trong thực tiễn cuộc sống, như giải trí thư giãn lao động trí óc; giải trí thư giãn trong các tour du lịch và thể thao giải trí hằng ngày.

CO3: Phân tích được mối liên hệ giữa các môn thể thao giải trí hiện đại và thể thao dân gian.

* Năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO4: Vận dụng được kiến thức của học phần thể thao giải trí vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học, tự nghiên cứu, nâng cao trình độ của bản thân.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Hiểu biết các kiến thức chung về môn thể thao giải trí, Có kiến thức cơ bản về Luật của các môn thể thao giải trí	PLO2
	CLO2	Hiểu được phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài một số môn thể thao giải trí thông thường	PLO2
	CLO3	Có kiến thức cơ bản để phân tích kỹ - chiến thuật trong các môn thể thao giải trí khác nhau	PLO2
	Kỹ năng		
CO2	CLO4	Thực hiện được một bài thể thao giải trí lồng ghép một số nội dung khác nhau và kết hợp âm nhạc để biểu diễn	PLO5 PLO6
CO3	CLO5	Biết vận dụng kiến thức đã học và những kinh nghiệm chuyên môn để làm: hướng dẫn viên, trọng tài và điều hành thi đấu	PLO6
	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CO4	CLO6	Có phương pháp tự học, tự điều chỉnh và tự nhiên cứu trong việc cập nhật kiến thức mới và thực hành được một số nội dung thông thường; Vận dụng được kiến thức của học phần TTGT vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và học tập, nâng cao trình độ của bản thân.	PLO7 PLO8

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)							
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
CLO1		x						
CLO2		x						
CLO3		x						
CLO4					x	x		
CLO5						x		
CLO6							x	x
MĐG	0	3	0	0	1	2	1	1

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Trang bị cho sinh viên các nội dung về lý luận hình thành thể thao giải trí; cơ sở của thể thao giải trí; các phương tiện và phương pháp thể dục thể thao giải trí; các môn thể dục dưỡng sinh và giải trí, gắn với thiên nhiên mang tính dân tộc; Các môn thể dục dưỡng sinh và giải trí, vận dụng trí tuệ, nghệ thuật và thanh lịch; Nhóm các môn giảm tải, mô phỏng các môn thể thao Olympic để giải trí và các môn thể dục thể thao giải trí tạo cảm giác mạnh dân gian và hiện đại đang sử dụng.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tham dự các buổi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi lên lớp, nghiên cứu, tìm kiếm các thông tin liên quan.
- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên
- Seminar/thảo luận: Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm theo nội dung yêu cầu của giáo viên và nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước lớp.
- Kiểm tra: Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ.
- Tự học, tự nghiên cứu: Hoàn thành các yêu cầu tự học, tự nghiên cứu theo yêu cầu của giảng viên trong từng bài.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-11
2	A2. Bài tập cá nhân	10	02	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1,2,4,6,7
3	A3. Thảo luận	10	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO3,9
4	A4. Bài kiểm tra định kì 1	10	01	Đáp án và thang điểm	CLO1,2,3,6
5	A5. Bài kiểm tra định kì 2	10	01	Đáp án và thang điểm	CLO4,5,7,8

Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
5	A6. Tự luận	50	01	Theo đáp án và thang điểm	CLO1-11

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện đáp ứng dưới 25% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện đạt 50 – 60% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện đạt 60 – 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thực hiện đạt từ 80% nhiệm vụ học tập được giao trở lên.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80% - 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân (10%)					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0 đến < 1	1 đến<1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện 50 – 60% nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện 60 – 80% nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện 80 - 100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn

Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến < 1	1 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến< 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng
Thảo luận (10%)					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4	0 đến <2	2 đến< 2,4	2,4 đến < 3,2	3,2 đến 4
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến < 1	1 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc

			một vài sai sót quan trọng	một vài sai sót nhỏ	
Trình bày báo cáo rõ ràng	2	0 đến < 1	1 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Trình bày báo cáo không rõ ràng	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng nhưng chưa khoa học	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng, khoa học	Trình bày báo cáo rõ ràng, khoa học, tự tin
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1	0 đến< 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không tương tác bằng mắt và cử chỉ	Ít tương tác bằng mắt và cử chỉ	Có tương tác bằng mắt và cử chỉ	Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1	0 đến <0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Nhóm phối hợp không tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tương đối tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tương đối tốt, có chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời
Bài kiểm tra định kỳ (20%)					
Theo đáp án, thang điểm của giáo viên					
Thi kết thúc học phần (50%)					
Theo đáp án, thang điểm					

9. Học liệu

Tài liệu học tập:

[1]. GS.TS Dương Nghiệp Chí (2008); Thể dục thể thao giải trí; Nxb TĐTT; Hà Nội.
Thư viện Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên.

Tài liệu tham khảo

[2] Phạm Đình Bẩm (2003); Quản lý chuyên ngành Thể dục thể thao; Nxb TĐTT; Hà Nội

[3] Du Kế Anh (2000); Quản lý công tác Thể dục thể thao nông dân; Nxb TĐTT; Hà Nội

10. Nội dung chi tiết của học phần

Bài 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN HÌNH THÀNH THỂ THAO GIẢI TRÍ				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
CLO1, CLO2 CLO6	A. Nội dung thực hiện trên lớp (9tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (6 tiết) 1.1. Thể thao giải trí là một bộ phận cấu thành của nền TDDT 1.2. Lý luận vui chơi thư giãn, giải trí và thể dục thể thao giải trí 1.3. Chức năng của thể dục thể thao giải trí	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Trực tiếp và trực tuyến	A1; A4; A5	[1] Chương 1 [2] Chương 2
		HV làm bài tập và nộp lại sản phẩm cho GV	A1, A2	
	* Nội dung thảo luận: 3 tiết Vị trí và đặc điểm của thể dục thể thao giải trí.	Thảo luận nhóm sau đó đại diện nhóm báo cáo Sp	A1 A3	
	B. Nội dung tự học: (15 tiết) - Chức năng của thể dục thể thao giải trí - Đọc trước chương 2, 3 trong tài liệu học tập.	HV Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu của giảng viên	A1	
Bài 2. KHÁI QUÁT VỀ CƠ SỞ THỂ DỤC THỂ THAO GIẢI TRÍ				
	A. Nội dung thực hiện trên lớp (12tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (6 tiết) 2.1. Các loại hình cơ sở thể thao giải trí 2.2. Chức năng quản lý cơ sở thể thao giải trí 2.3. Cơ cấu tổ chức của cơ sở thể dục thể thao giải trí	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Trực tiếp và trực tuyến	A1; A4; A5	[1] Chương 2 [2] Chương 2

CLO2, CLO3, CLO4, CLO5,	* Nội dung thảo luận: 3 tiết Các loại hình cơ sở thể thao giải trí	Thảo luận nhóm sau đó đại diện nhóm báo cáo sản phẩm	A1 A3	
	* Nội dung bài tập: 3 tiết Chức năng quản lý và cơ cấu tổ chức cơ sở thể thao giải trí	HV làm bài tập và nộp lại sản phẩm cho GV	A1 A2	
	B. Nội dung tự học: (15 tiết) - Đọc trước chương 2,3,4 trong tài liệu.	Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu của giảng viên.	A1	
Bài 3. CÁC MÔN THỂ DỤC DƯỠNG SINH VÀ GIẢI TRÍ, GẦN VỚI THIÊN NHIÊN MANG TÍNH DÂN TỘC				
CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	A. Nội dung thực hiện trên lớp (11 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (5 tiết) 3.1 Trò chơi vận động 3.2. Đá cầu 3.3. Nhảy dây 3.4. Kéo co 3.5. Đẩy gậy 3.6. Yoga	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Trực tiếp và trực tuyến	A1; A4; A5	[1] Chương 3
	* Nội dung thảo luận: 2 tiết Môn thể thao: Thái cực quyền	Thảo luận nhóm sau đó đại diện nhóm báo cáo Sp	A1 A3	
	* Nội dung bài tập: 2 tiết Phân tích nội dung, kỹ chiến thuật các môn TT còn lại.	HV làm bài tập và nộp lại sản phẩm cho GV	A1 A2	
	B. Nội dung tự học: (15 tiết) - Môn thể thao: Thái cực trường sinh	Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh	A1;	

	- Đọc trước chương 4 trong tài liệu học tập	chứng theo yêu cầu của giảng viên.		
CLO2, 3,4,5	Bài kiểm tra định kỳ 1: 2 tiết	Kiểm tra viết thời gian 2 tiết (100 phút)	A1 A4	
Bài 4. CÁC MÔN THỂ DỤC THỂ THAO GIẢI TRÍ VẬN DỤNG TRÍ TUỆ, NGHỆ THUẬT VÀ THANH LỊCH				
CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (6 tiết) 4.1. E-Sport (thể thao điện tử) 4.2. Khiêu vũ thể thao 4.3. Thể dục thẩm mỹ - Aerobic 4.4. Golf 4.5 Bi-a 4.6. Bowling	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Trực tiếp và trực tuyến	A1; A4; A5	[1] Chương 4 [2] Chương 4,5
	B. Nội dung tự học: (15 tiết) 4.7. Lựa chọn một số nội dung trên để thực hành và phân tích kỹ - chiến thuật - Đọc trước chương 5 trong tài liệu học tập	Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành mình chứng theo yêu cầu của giảng viên.	A1;	
BÀI 5. NHÓM CÁC MÔN GIẢM TẢI, MÔ PHỎNG CÁC MÔN THỂ THAO OLYMPIC ĐỂ GIẢI TRÍ				
CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	A. Nội dung thực hiện trên lớp (11 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (6 tiết) 5.1. Bóng rổ 3 người 5.2. Bóng đá 5 người 5.3. Bóng chuyền bãi biển và bóng chuyền hơi 5.4. Bóng cửa 5.5. Bóng tường 5.6. Lựa chọn một số nội dung trên để thực hành và phân tích kỹ - chiến thuật	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Trực tiếp và trực tuyến	A1; A4; A5	[1] Chương 5 [2] Chương 5,6

	* Nội dung bài tập: 3 tiết Sự phát triển của bóng chuyền hơi ở Việt Nam	Thảo luận nhóm sau đó đại diện nhóm báo cáo Sp	A1 A3	
	B. Nội dung tự học: (15 tiết) 4.7. Lựa chọn một số nội dung trên để thực hành và phân tích kỹ - chiến thuật - Đọc trước chương 6 trong tài liệu học tập	HV làm bài tập và nộp lại sản phẩm cho GV	A1 A2	
	* Kiểm tra định kì 2: 02 tiết	Kiểm tra viết thời gian 2 tiết (100 phút)	A1 A4	
Bài 6. CÁC MÔN THỂ DỤC THỂ THAO GIẢI TRÍ TẠO CẢM GIÁC MẠNH				
CLO2, CLO3, CLO4, CLO6	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (6 tiết) 6.1. Nhảy bungee 6.2. Dù lượn 6.3. Kinh khí cầu 6.4. Leo núi 6.5. Trượt Patin 6.6. Xe đạp địa hình bánh nhỏ 6.7. Đua mô tô 6.8. Đua ca nô, lướt ván và đua thuyền ghềnh	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Trực tiếp và trực tuyến	A1; A4; A5	[1] Chương 6 [2] Chương 6,7
	* Nội dung bài tập: 2 tiết Lựa chọn một số nội dung trên để thực hành và phân tích kỹ - chiến thuật	Thảo luận nhóm sau đó đại diện nhóm báo cáo sản phẩm	A1 A3	
	* Nội dung thảo luận: 2 tiết Nhu cầu các môn thể thao giải trí cảm giác mạnh	Thảo luận nhóm sau đó đại diện nhóm báo cáo Sp	A1 A3	

	B. Nội dung tự học: (15 tiết) 6.6. Xe đạp địa hình bánh nhỏ 6.7. Đua mô tô 6.8. Đua ca nô, lướt ván và đua thuyền ghềnh	Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành mình chứng theo yêu cầu của giảng viên.	A1	
--	--	---	----	--

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Có đủ bàn ghế, đủ điều kiện ánh sáng.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Có máy chiếu, có mạng internet.

8.54. Lịch sử Thể dục thể thao và lịch sử Olympic

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	30	0	56
2	Bài tập	15	0	30
3	Thực hành	0	0	
4	Thảo luận	15	0	
5	Kiểm tra, đánh giá	4	0	
Tổng		64	0	86

- Loại học phần: Tự chọn
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Khoa TDDT

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Th.S. Nguyễn Thành Trung	0987 636 222	trungnt.phy@tnue.edu.vn

2	TS. Nguyễn Mạnh Hùng	0988711822	hungnm.phy@tnue.edu.vn
3	TS. Ma Đức Tuấn	0972139915	tuanmd@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

3.1 Kiến thức

CO1: Hiểu được một số vấn đề cơ bản về sự phát triển lịch sử TDTT qua các thời kỳ, các giai đoạn trên thế giới và ở Việt Nam.

CO2: Hiểu được các phong trào Olympic phát triển trên thế giới và ở Việt Nam.

CO3: Khái quát được lịch sử phát triển của các đại hội thể thao Châu á, Đông nam á.

3.2 Về kỹ năng

CO4: Vận dụng các kiến thức lý thuyết để phân tích, đánh giá sự phát triển TDTT và olympic qua các thời kỳ trên thế giới và ở Việt Nam.

CO5: Hình thành kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và giáo dục trong học tập.

3.3 Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO6: Tự giác, tích cực hoàn thiện nhiệm vụ học tập của cá nhân, hợp tác, chia sẻ với bạn và giảng viên trong giải quyết nhiệm vụ học tập.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Giải thích được một số vấn đề cơ bản về sự phát triển TDTT qua các thời kỳ giai đoạn trên thế giới và ở Việt Nam.	PLO 2, 4
CO2	CLO2	Mô tả được các phong trào Olympic phát triển của TDTT trên thế giới và ở Việt Nam.	PLO 4
CO3	CLO3	Khái quát được lịch sử phát triển của các đại hội thể thao Châu á, Đông nam á.	PLO 4
	Kỹ năng		
CO4	CLO4	Vận dụng các kiến thức lý thuyết để phân tích, đánh giá sự phát triển TDTT và olympicj qua các thời kỳ trên thế giới và ở Việt Nam.	PLO 11,12
CO5	CLO5	Phát triển kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, hợp tác trong học tập.	PLO 5, 14
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		

CO6	CLO6	Có kế hoạch tự học và hoàn thành các nhiệm vụ học tập được giao.	PLO14
-----	------	--	-------

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)													
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
CLO1		x		x										
CLO2				x										
CLO3				x										
CLO4											x	x		
CLO5					x									x
CLO6														x
MĐG	0	1	0	2	1	0	0	0	0	0	1	1	0	2

Ghi chú: “0” = không đóng góp; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn Lịch sử thể dục thể thao và Olympic là môn học tự chọn trong chương trình đào tạo cử nhân huấn luyện thể thao. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về lịch sử hình thành và phát triển của thể dục thể thao và lịch sử Olympic qua các thời kỳ, các đại hội, thể vận hội ở trên thế giới và ở Việt Nam.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ Seminar; chuẩn bị cho bài học: chuẩn bị nội dung tự học, đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân.

- Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm.

- Hoàn thành 2 bài kiểm tra định kỳ.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-6
2	A2. Bài tập cá nhân	10	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 3-5
3	A3. Thảo luận	10	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO 3-6
4	A4. Bài kiểm tra định kì số 1	20	01	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CLO 1-4
5	A5. Bài kiểm tra định kì số 2		01	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CLO 4-6
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Tiểu luận	50	01	Theo đáp án và thang điểm	CLO 1-6

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện đáp ứng dưới 25% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện đạt 50 – 60% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện đạt 60 – 79% nhiệm vụ học tập được giao..	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thực hiện đạt từ 80% nhiệm vụ học tập được giao trở lên.
Thời gian	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0

tham dự buổi học bắt buộc		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80% - 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân (10%)					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0đến < 1	1 đến<1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50 – 60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 60 – 80% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80 - 100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến < 1	1 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1	0đến< 0,5	0,5 đến<0,6	0,6đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo
Thảo luận (10%)					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4	0đến<2	2 đến< 2,4	2,4 đến< 3,2	3,2 đến 4
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu

Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1	0 đến< 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến< 0,8	0,8 đến 1
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Trình bày báo cáo rõ ràng	2	0 đến < 1	1 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Trình bày báo cáo không rõ ràng	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng nhưng chưa khoa học	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng, khoa học	Trình bày báo cáo rõ ràng, khoa học, tự tin
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1	0đến< 0,5	0,5 đến<0,6	0,6đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không tương tác bằng mắt và cử chỉ	Ít tương tác bằng mắt và cử chỉ	Có tương tác bằng mắt và cử chỉ	Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1	0 đến< 0,5	0,5 đến<0,6	0,6 đến< 0,8	0,8 đến 1
		Không trả lời câu hỏi đầy đủ	Trả lời câu hỏi đầy đủ nhưng chưa thỏa đáng	Trả lời câu hỏi đầy đủ, tương đối thỏa đáng	Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1	0 đến<0,5	0,5 đến<0,6	0,6 đến< 0,8	0,8 đến 1
		Nhóm phối hợp không tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tương đối tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tương đối tốt, có chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời
Bài kiểm tra định kỳ (20%)					
Theo đáp án, thang điểm bài kiểm tra định kì					
Tiểu luận kết thúc học phần (50%)					
Theo đáp án, thang điểm thi kết thúc học phần					

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Nguyễn Xuân Sinh (2009), Lịch sử thể dục thể thao, Nxb TDTT, Hà Nội, Thư viện trường ĐHSP – ĐHTN.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Vũ Đức Thu (2008), Giáo trình lịch sử và quản lí học thể dục thể thao, NXB TDTT, Hà Nội, Thư viện trường ĐHSP - ĐHTN.

10. Nội dung chi tiết của học phần

PHẦN 1. LỊCH SỬ TDTT THỂ GIỚI				
Bài 1: TDTT thời kì nguyên thủy và cổ đại				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
CLO1, CLO2 CLO3	A. Nội dung thực hiện trên lớp (9 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (4 tiết) 1.1 TDTT thời kỳ nguyên thủy 1.2 TDTT thời kì cổ đại 1.3 TDTT thời kì phong kiến	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Giải quyết vấn đề. - dạy học hợp tác	A1; A6	[1] Chương 1,2 [2] Chương I
	* Nội dung thảo luận: 3 tiết TDTT trong xã hội nguyên thủy, cổ đại	SV làm bài tập nhóm và nộp lại sản phẩm cho GV	A1	
	B. Nội dung tự học: (15 tiết) 1.4 Thể dục thể thao trong thời kỳ tan rã của chế độ phong kiến và sự ra đời của chế độ tư bản - Đọc trước bài 2 trong tài liệu học tập.	HV Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu của giảng viên	A1	
BÀI 2: TDTT THỜI KÌ CẬN ĐẠI				

CLO1, CLO2, CLO3	A. Nội dung thực hiện trên lớp (12 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (4 tiết) .1. Những cơ sở tư tưởng lý luận của giáo dục thể chất 2.2. Sự nảy sinh và phát triển của hệ thống giáo dục thể chất quốc gia và phong trào công nhân	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Giải quyết vấn đề. - dạy học hợp tác	A1; A6	[1] Chương 3,4 [2] Chương II
	* Nội dung thảo luận: 4 tiết Các nhà xã hội chủ nghĩa không tương bản về giáo dục thể chất.	Thảo luận nhóm sau đó đại diện 1 nhóm báo cáo Sp	A1 A3	
	*Nội dung bài tập: (4 tiết): đặc điểm phát triển phong trào công nhân thời kì cận đại	SV làm bài tập các nhân và nộp lại sản phẩm cho GV	A1; A2	
	B. Nội dung tự học: (10 tiết) 2.4. Sự phát triển của thể thao và các hệ thống giáo dục thể chất ở các nước - Đọc trước bài 3 trong tài liệu	Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành mình chứng theo yêu cầu của giảng viên.	A1	

BÀI 3: TDDT THỜI KÌ HIỆN ĐẠI

CLO1, CLO2, CLO5	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (3 tiết) 3.1.TDDT trong thời kỳ giữa 2 cuộc chiến tranh thế giới. 3.2.TDDT sau chiến tranh thế giới lần thứ hai.	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Giải quyết vấn đề. - dạy học hợp tác	A1; A6	[1] Chương 4 [2] Chương 3
	* Nội dung bài tập: 3 tiết Đặc điểm phát triển TDDT thời kì trước chiến tranh thế giới lần thứ 2.	SV làm bài tập các nhân và nộp lại sản phẩm cho GV	A1; A2	
	B. Nội dung tự học: (10 tiết)	Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự	A1;	

	- Những mâu thuẫn của phong trào TDTT thời kì sau chiến tranh thế giới lần thứ 2? - Đọc trước bài 4	học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu của giảng viên.		
BÀI 4: LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN CỦA ĐẠI HỘI THỂ THAO CHÂU Á VÀ ĐÔNG NAM Á				
CLO3, CLO4, CLO5	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (3 tiết) 4.1. Đại hội thể thao châu Á 4.2. Đại hội thể thao đông nam Á	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Giải quyết vấn đề. - dạy học hợp tác	A1; A6	[1] Chương 10,11 [2] Chương 6
	* Nội dung thảo luận: 3 tiết Bối cảnh ra đời của liên đoàn thể thao châu Á?	Thảo luận nhóm sau đó đại diện 1 nhóm báo cáo Sp	A1; A3	
	B. Nội dung tự học: (10 tiết) - Tóm tắt sự phát triển của thể thao ĐNA thông qua các đại hội khu vực (sea games). - Đọc trước phần 2 lịch sử TDTT Việt Nam	Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu của giảng viên.	A1	
	* Kiểm tra định kì 1: (2 tiết)	Sinh viên thực hiện bài kiểm tra viết 100 phút	A1; A4	
PHẦN 2: LỊCH SỬ TDTT VIỆT NAM				
Bài 1: Thể dục thể thao Việt Nam qua các thời kỳ				

CLO1, CLO2, CLO4, CLO5	A. Nội dung thực hiện trên lớp (7 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (4 tiết) 1.1. Thể dục thể thao dân tộc Việt Nam buổi đầu dựng nước 1.2. Thể dục thể thao dân tộc Việt Nam thời kỳ Bắc thuộc từ 179 – 938 1.3. TDTT Việt Nam giai đoạn thực dân Pháp xâm lược đến trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945 1.4. TDTT Việt Nam giai đoạn 1945 đến 1975. 1.5. TDTT Việt Nam giai đoạn từ 1975 đến 1986	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Giải quyết vấn đề. - dạy học hợp tác	A1; A6	[1] Chương 12,13 [2] Chương 7,8
CLO5, CLO6,	B. Nội dung tự học: (10 tiết) - 1.6. TDTT Việt Nam giai đoạn từ 1986 đến nay - Đọc trước bài 6	Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành mình chứng theo yêu cầu của giảng viên.	A1	
BÀI 2. ỦY BAN OLYMPIC QUỐC GIA VÀ CÁC LIÊN ĐOÀN, HIỆP HỘI, ĐẠI HỘI THỂ THAO Ở VIỆT NAM				
CLO2, CLO3, CLO4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (12 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (6 tiết) 2.1. Sự thành lập và hoạt động của Ủy ban Olympic Việt Nam 2.2. Chức năng, nhiệm vụ chủ yếu của Ủy ban Olympic Việt Nam 2.3. Các liên đoàn thể thao và hiệp hội thể thao ở Việt Nam 2.4. Đại hội TDTT, hội khỏe phù đổng, Đại hội TDTT cho học sinh sinh viên.	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Giải quyết vấn đề. - dạy học hợp tác	A1; A6	[1] Chương 18,19

	*Nội dung bài tập (3 tiết): Các liên đoàn thể thao Việt Nam	SV làm bài tập các nhân và nộp lại sản phẩm cho GV	A1; A2	
	* Nội dung thảo luận(3 tiết): Nêu diễn biến sự ra đời của ủy ban Olympic quốc gia	Thảo luận nhóm sau đó đại diện 1 nhóm báo cáo Sp	A1 A3	
	B. Nội dung tự học: (5 tiết) - 2.5. Phát triển TDTT và sự hội nhập của thể thao Việt Nam với khu vực và thế giới - Đọc trước chương 2 phần 2 tài liệu học tập	Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành mình chứng theo yêu cầu của giảng viên.	A1	
PHẦN 3: LỊCH SỬ OLYMPIC				
CLO1, CLO2, CLO4, CLO5	A. Nội dung thực hiện trên lớp (13 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (4 tiết) 1.1.Sự phát triển của thể thao và việc thành lập các tổ chức thể thao quốc tế. 1.2. Sự thành lập ủy ban olympic quốc tế. 1.3.Các đại hội Olympic trước chiến tranh thế giới thứ Nhất 1.4. phong trào Olympic giữa 2 cuộc chiến tranh thế giới.	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Giải quyết vấn đề. - dạy học hợp tác	A1; A6	[1] Chương 7,8,9 [2] Chương 4,5
	*Nội dung bài tập (5 tiết): Các liên đoàn thể thao Việt Nam	SV làm bài tập các nhân và nộp lại sản phẩm cho GV	A1; A2	
	* Nội dung thảo luận(2 tiết): Nêu diễn biến sự ra đời của ủy ban Olympic quốc gia	Thảo luận nhóm sau đó đại diện 1 nhóm báo cáo Sp		
	B. Nội dung tự học: (5 tiết)	Chủ động sắp xếp thời gian và	A1	

	- 4.5. Phong trào Olympic sau chiến tranh thế giới lần thứ hai	điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu của giảng viên.		
	* Kiểm tra định kì 2: 2 tiết	Sinh viên thực hiện bài kiểm tra viết 50 phút	A1; A4	

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: Giảng đường
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Bảng, phấn, máy tính, máy chiếu.
- Điều kiện khác: Điện, ánh sáng, thoáng mát đảm bảo cho giờ học

8.55. Marketing Thể thao

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03 ; Tổng số giờ quy chuẩn: 60 tiết.
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	28		90
2	Bài tập	14		
3	Thảo luận	14		
4	Kiểm tra, đánh giá	4		
Tổng		60	0	90

- Loại học phần: Tự chọn
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Các yêu cầu đối với học phần:
- Đơn vị phụ trách: Khoa TĐTT

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
	TS. Trần Thị Tú	0986 703 726	tutt@tnue.edu.vn
	Ma Đức Tuấn	0972.139.915	tuanmd@tnue.edu.vn
	TS. Nguyễn Duy Nam	0965.536.822	namnd.phy@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Nhận biết được nội dung cơ bản của môn Marketing thể thao giá trị, khái niệm, tầm quan trọng, bản chất, các chức năng cơ bản của Marketing đối với các doanh nghiệp/tổ chức TT.

CO2: Trình bày được môi trường Marketing, hành vi của người tiêu dùng và doanh nghiệp, cách phân khúc, lựa chọn và định vị thị trường, chiến lược sản phẩm, chiến lược giá, chiến lược phân phối, chiến lược xúc tiến, lập kế hoạch, tổ chức, thực hiện và kiểm soát Marketing.

* Về kỹ năng

CO3: Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào lập kế hoạch Marketing cho một sản phẩm.

CO4: Hình thành năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá một kế hoạch Marketing.

CO5: Phát triển kỹ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO6: Xác định được thái độ học tập đúng đắn, định hướng được cách học phù hợp để đảm bảo kết quả tiếp nhận tri thức. Có khả năng tiếp tục học tập để nâng cao trình độ.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
CO1	CLO1	Mô tả được nội dung cơ bản của môn Marketing thể thao giá trị, khái niệm, tầm quan trọng, bản chất, các chức năng cơ bản của Marketing đối với các doanh nghiệp/tổ chức TT.	PLO2,3
CO2	CLO2	Phân tích được môi trường Marketing, hành vi của người tiêu dùng và doanh nghiệp, cách phân	PLO2,3

		khúc, lựa chọn và định vị thị trường, chiến lược sản phẩm, chiến lược giá, chiến lược phân phối, chiến lược xúc tiến, lập kế hoạch, tổ chức, thực hiện và kiểm soát Marketing.	
Kỹ năng			
CO3	CLO3	Nhận diện được các hành vi Marketing trong hoạt động kinh doanh thể thao.	PLO12
		Lập được kế hoạch Marketing cho một sản phẩm thể thao.	PLO12
CO4	CLO4	Phân tích/đánh giá được một kế hoạch Marketing của một sản phẩm thể thao.	PLO12
CO5	CLO5	Phát triển được kỹ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng.	PLO5,12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO6	CLO6	Xác định được thái độ học tập đúng đắn, định hướng được cách học phù hợp để đảm bảo kết quả tiếp nhận tri thức. Có khả năng tiếp tục học tập để nâng cao trình độ.	PLO13,14

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo PLOs													
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
CLO1		x	x											
CLO2		x	x											
CLO3												x		
CLO4												x		
CLO5												x		
CLO6					x							x		
CLO7													x	x
MDG	0	2	2	0	1	0	0	0	0	0	0	3	0	1

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Marketing thể thao là môn học cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về marketing, ảnh hưởng của marketing trong một doanh nghiệp/ tổ chức thể thao, xu hướng của tiếp thị trong xu thế toàn cầu hóa, môi trường và thông tin về marketing.

Nắm được kiến thức môn học sinh viên có thể phân khúc thị trường, xác định thị trường mục tiêu và định vị hàng hóa trên thị trường, phân tích các đặc tính và hành vi của khách hàng. Môn học còn giúp cho người học nắm bắt được 4 phối thức trong hoạch định, tổ chức và thực hiện một chiến lược marketing hỗn hợp (Marketing Mix): chiến lược phát triển sản phẩm (Product), chiến lược định giá sản phẩm (Price), chiến lược phân phối (Place), chiến lược chiêu thị (Promotion).

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học...
- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân theo yêu cầu của giáo viên.
- Hoàn thành 01 bài tiểu luận theo yêu cầu của giáo viên.
- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kì theo yêu cầu của giáo viên.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức và trọng số điểm

- Sử dụng thang 10 điểm.

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-7
2	A2. Bài tập cá nhân	10	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO3
3	A3. Thảo luận	10	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO4,5
4	A4. Bài kiểm tra định kì số 1	10	01	Theo đáp án và thang điểm	CLO1,2
5	A5. Bài kiểm tra định kì số 2	10	01	Theo đáp án và thang điểm	CLO1,2
Thi kết thúc học phần (50%)					
6	A6. Bài tập lớn	50%	01	Rubric đánh giá bài tập lớn	CLO3,4,5

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện đáp ứng dưới 25% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện đạt 50 – 60% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện đạt 60 – 79% nhiệm vụ học tập được giao..	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thực hiện đạt từ 80% nhiệm vụ học tập được giao trở lên.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80% - 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân (10%)					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0 đến < 1	1 đến<1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện 50 – 60% nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện 60 – 80% nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện 80 - 100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0

Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến < 1	1 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến< 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng
Thảo luận (10%)					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4	0 đến <2	2 đến< 2,4	2,4 đến < 3,2	3,2 đến 4
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến < 1	1 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc

		0 đến < 1	1 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
Trình bày báo cáo rõ ràng	2	Trình bày báo cáo không rõ ràng	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng nhưng chưa khoa học	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng, khoa học	Trình bày báo cáo rõ ràng, khoa học, tự tin
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không tương tác bằng mắt và cử chỉ	Ít tương tác bằng mắt và cử chỉ	Có tương tác bằng mắt và cử chỉ	Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1	0 đến <0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Nhóm phối hợp không tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tương đối tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tương đối tốt, có chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời
Bài kiểm tra định kỳ (20%)					
Theo đáp án, thang điểm của giáo viên					
Tiểu luận kết thúc học phần (50%)					
Theo đáp án, thang điểm					

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. PGS.TS Lương Kim Chung (2014), Giáo trình Marketing thể thao. Nxb TĐTT, Thư viện trường ĐHSP - ĐHTN

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Website marketingai.adimicro.vn

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của bài học 1
LLO1	Mô tả được sự ra đời và phát triển Marketing truyền thống và hiện đại
LLO2	Trình bày được một số khái niệm, chức năng và tính phức hợp của Marketing trong TT.

LLO3	Trình bày được những nội dung cơ bản về nội dung, hành vi của người tiêu dùng và thị trường tiêu thụ thể thao.
LLO4	Mô tả được cơ sở lý luận về thị trường mục tiêu trong Marketing TT
LLO5	Khái quát được những nội dung cơ bản của Môi trường Marketing TT
LLO6	Trình bày được hệ thống hoạt động Marketing TT và các yếu tố trong môi trường Marketing TT.
LLO7	Mô tả được những nội dung cơ bản về quản trị Marketing TT.
LLO8	Trình bày được những chiến lược cơ bản trong Marketing TT.
LLO9	Xác định được thái độ học tập đúng đắn, định hướng được cách học phù hợp để đảm bảo kết quả tiếp nhận tri thức. Có khả năng tiếp tục học tập để nâng cao trình độ.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra của học phần						
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
LLO1	x						
LLO2	x						
LLO3	x						
LLO4		x					
LLO5		x					
LLO6		x					
LLO7		x					
LLO8		x	x	x	x	x	
LLO9							x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Tổng quan về Marketing				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1, LLO2,	A. Nội dung thực hiện trên lớp (3 tiết)		A1;	[1], Chương 1

	* Nội dung giảng dạy lí thuyết: (3 tiết) 1.1. Sự ra đời và phát triển Marketing 1.2. Định nghĩa và chức năng Marketing 1.3. tính phức hợp của Marketing TT 1.4. Tổng quan về Marketing TT	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Dạy học nêu và giải quyết vấn đề. - Dạy học hợp tác.	A6	
LLO1, LLO2, LLO3	B. Nội dung tự học: (10 tiết) 1.5. Đọc tài liệu quyển [1] Tổng quan về Marketing	SV Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu của giảng viên	A1	
Bài 2: Thị trường và người tiêu dùng trong Marketing TT				
LLO3, 4,6	A. Nội dung thực hiện trên lớp (18 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (6 tiết) 2.1. Nhu cầu và hành vi tiêu dùng 2.2. Xây dựng quan hệ với người tiêu dùng 2.3. Thị trường tiêu thụ TT 2.4. Cơ sở lí luận về thị trường mục tiêu trong Marketing - Mix	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Dạy học hợp tác - Dạy học khám phá	A1; A6	[1], Chương 2, chương 4
	* Nội dung thảo luận: (4 tiết) Những nhân tố cơ bản ảnh hưởng tới hành vi mua của người tiêu dùng dịch vụ TT	Thảo luận nhóm sau đó đại diện nhóm báo cáo Sp	A1;A 3	
	* Nội dung bài tập: (8 tiết) Xây dựng tiêu chí và đánh giá các giai đoạn thị trường	SV làm bài tập cá nhân/nhóm theo yêu cầu của GV	A1; A2	
LLO3, 4,6,5	B. Nội dung tự học: (20 tiết)	Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện	A1	

	2.5. Đọc tài liệu quyền [1] những nội dung đã học nghiên cứu trước nội dung bài 3: Môi trường Marketing TT	đề tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu		
Bài 3. Môi trường Marketing TT				
LLO5	A. Nội dung thực hiện trên lớp (3 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (3 tiết) 3.1. Hệ thống hoạt động Marketing. 3.2. Các yếu tố trong môi trường Marketing TT	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Dạy học hợp tác - Dạy học khám phá	A1; A6	[1], Chương 3
LLO7	B. Nội dung tự học: (10 tiết) 3.6. Đọc tài liệu quyền [1] theo các yêu cầu của GV	Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu	A1	
LLO1, 2,3,4,5,6	* Kiểm tra, đánh giá định kì bài 1: (1 tiết)	Kiểm tra viết (thời gian 50 phút)	A4	
Chương 4. Quản trị Marketing TT				
LLO7	Nội dung thực hiện trên lớp (9 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (5 tiết) 4.1. Chức năng cơ bản của hoạt động Marketing 4.2. Mục đích cơ bản của Marketing 4.3. Quan điểm quản trị Marketing 4.4. Quản trị quá trình Marketing	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Dạy học giải quyết vấn đề	A1; A6	[1], Chương 6
	* Nội dung thảo luận: (4 tiết) Các giai đoạn của quá trình quản trị	Thảo luận nhóm sau đó đại diện nhóm báo cáo Sp	A1;A2	

LLO7, 8	B. Nội dung tự học: (20 tiết) Đọc tài liệu quyền [1] củng cố lại nội dung đã học và chuẩn bị các nội dung của chương 5.	Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu	A1	
Bài 5. Chiến lược Marketing TT				
LLO8, 9	A. Nội dung thực hiện trên lớp (25 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (11 tiết) 5.1. Tổng quan về chiến lược Marketing 5.2. Quy trình xây dựng chiến lược 5.3. Hoạch định chiến lược, kế hoạch và tổ chức Marketing trong TT 5.4. Chiến lược sản phẩm dịch vụ trong Marketing TT 5.5. Chiến lược giá trong Marketing TT 5.6 Chiến lược phân phối trong Marketing TT 5.7 Chiến lược xúc tiến trong Marketing TT	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Dạy học giải quyết vấn đề	A1; A6	[1], Chương 5,7,8,9,10
	* Nội dung bài tập: (7 tiết) Lập kế hoạch Marketing cho một sản phẩm thể thao.	SV làm bài tập cá nhân/nhóm theo yêu cầu của GV	A1; A2	
	* Nội dung thảo luận: (7 tiết) Phân tích một kế hoạch Marketing của một sản phẩm thể thao.	Thảo luận nhóm sau đó đại diện nhóm báo cáo Sp	A1; A3	
LLO8, 9	B. Nội dung tự học: (30 tiết) SV nghiên cứu, hệ thống lại những vấn đề đã học	Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành minh chứng theo yêu cầu	A1	
LLO7, 8	* Kiểm tra, đánh giá định kì bài 2: (1 tiết)	Kiểm tra viết (thời gian 50 phút)	A5	

IX. Danh mục học liệu (ghi theo số thứ tự trong khung CTĐT)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
	59SPH 131	Triết học Mác - Lênin	3	Giáo trình Triết học Mác-Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội	2021
				Giáo trình Triết học Mác-Lênin	Nguyễn Thị Khương	Nhà xuất bản Công thương.	2021
				Giáo trình Triết học Mác – Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia, Hà Nội.	2007
				Giáo trình Triết học Mác - Lênin	Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh	Chính trị quốc gia, Hà Nội.	1999
				Giáo trình Triết học Mác – Lênin	Nguyễn Hữu Vui, Nguyễn Ngọc Long	Chính trị quốc gia, Hà Nội.	2004
				http://dangcongsan.vn/ , http://chinhphu.vn/ , https://vtv.vn/ , http://quochoi.vn/ , http://www.tuyengiao.vn/ , http://triethoc.edu.vn/ ,...			

	59SPE1 21	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Giáo trình kinh tế chính trị Mác-Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia Sự thật.	2021
				Giáo trình kinh tế chính trị Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia.	2007
				Giáo trình KTCT Mác - Lênin về phương thức sản xuất TBCN	Học viện CTQG Hồ Chí Minh	NXB Chính trị quốc gia.	2001
				Giáo trình KTCT Mác - Lênin về thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam	Học viện CTQG Hồ Chí Minh	NXB Chính trị quốc gia.	2002
				Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia.	2009
				http://dangcongsan.vn/ , http://chinhphu.vn/ , https://vtv.vn/ , http://quochoi.vn/ , http://www.tuyengiao.vn/ , http://www.mofahcm.gov.vn/mofa/ ,...			
	59SSO 121	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.	2021
				Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI	Đảng cộng sản Việt Nam	Chính trị quốc gia, Hà Nội.	2011
				Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII	Đảng cộng sản Việt Nam	Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.	2021

				Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011	Đảng cộng sản Việt Nam	Sự thật, Hà Nội.	2011
				Giáo trình chuyên đề Chủ nghĩa xã hội khoa học	Trần Thị Lan	Đại học Thái Nguyên.	2023
	59HC M121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên Lý luận chính trị	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.	2021
				Tập bài giảng Tư tưởng Hồ Chí Minh	Nguyễn Khánh	Lý luận chính trị, Hà Nội	2000
				Một số chuyên đề về tư tưởng Hồ Chí Minh, NXB Lý luận chính trị	Đinh Xuân Lý - Phạm Ngọc Anh	Lý luận chính trị, Hà Nội,	2008
				Hồ Chí Minh - Nhà tư tưởng lỗi lạc	Song Thành	Lý luận chính trị, Hà Nội	2005
				Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, IX, XI, XII, XIII	Đảng Cộng sản Việt Nam		
				http://tulieuvankien.dangcongsan.vn			
	59HPV 121	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.	2021
				Giáo trình Chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Hoàng Thu Thủy (Chủ biên), Trần Thanh An, Nguyễn	Đại học Thái Nguyên	2022

					Thị Minh Hiền		
				Giáo trình Văn kiện Đảng	Hoàng Thu Thủy, Nguyễn Hữu Toàn (Đồng chủ biên)	Đại học Thái Nguyên	2023
				Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI	Đảng Cộng sản Việt Nam	Chính trị quốc gia – Sự Thật, Hà Nội.	2011
				Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII	Đảng Cộng sản Việt Nam	Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.	2016
				Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII	Đảng Cộng sản Việt Nam	Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.	2021
59GEL 121	Pháp luật đại cương	2	Giáo trình Pháp luật đại cương	Bộ Giáo dục và đào tạo	Đại học Sư phạm.	2015	
			Trường Đại học Luật Hà Nội	Giáo trình lý luận Nhà nước và pháp luật	Công an nhân dân.	2016	
			Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam		Lao động.	2013, 1992, 1980, 1959, 1946,2014	
			Bộ luật dân sự nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam		Lao động	2017	

				Bộ luật Hình sự (hiện hành) (Bộ luật năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017),		Chính trị Quốc gia Sự thật.	2015,2017
				Luật hôn nhân và gia đình		Lao động.	2014
				Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016) (2017)		Lao động.	2016,2017
				Luật Phòng Chống tham nhũng		Chính trị Quốc gia Sự thật.	2018
				Luật xử lý vi phạm hành chính (Có hiệu lực từ ngày 01/07/2013): Nghị định số 81/NĐ-CP/ của chính phủ ngày 19/07/2013 và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính (2014),		Lao động.	2013,2014
				Luật Bình đẳng giới (hiện hành)		Chính trị Quốc gia Sự thật.	
				http://vbpl.vn/Pages/port al.aspx http://www.moj.gov.vn/Pages/vbpq.aspx			
	59ENG131	Tiếng Anh 1	3	Life: A2-B1	Hughes. J, Stephenson. H, & Dummet. P	Student's Book 2nd Edition. (Vietnam Edition). Singapore: Cengage Learning Asia	2022

				English Vocabulary in use	Redman, Stuart	Cambridge University Press.	2003
				English grammar in use.	Murphy, Raymond	Cambridge University Press	2019
				https://learn.eltngl.com https://www.instructure.com/ https://classroom.google.com/			
	59ENG 132	Tiếng Anh 2	3	Life: A2-B1. Student's Book 2nd Edition. (Vietnam Edition).	Hughes. J, Stephenson. H, & Dummet. P	Singapore: Cengage Learning Asia.	2022
				English Vocabulary in use.	Redman, Stuart	Cambridge University Press.	2003
				English grammar in use.	Murphy, Raymond	Cambridge University Press	2019
				https://learn.eltngl.com/ https://www.instructure.com/ https://classroom.google.com/			
	59ENG 143	Tiếng Anh 3	4	Life: A2-B1. Student's Book 2nd Edition. (Vietnam Edition).	Hughes. J, Stephens on. H, & Dummet. P	Singapore: Cengage Learning Asia.	2022
				English Vocabulary in use	Redman, Stuart	Cambridge university press.	2003
				English grammar in use	Murphy, Raymond	Thời đại.	2011

				https://learn.eltngl.com/ https://www.instructure.com/ https://classroom.google.com/			
	59GIF131	Tin học đại cương	3	Tin học đại cương	Trần Ngọc Hà, Ngô Thị Tú Quyên, Nguyễn Thị Thu Hiền	Đại học Quốc gia Hà Nội.	2023
				Giáo trình Thực hành Tin học cơ sở	Phạm Hồng Thái, Dư Phương Hạnh, Lương Việt Nguyên, Nguyễn Việt Tân, Đào Minh Thu	ĐH Quốc Gia Hà Nội.	2008
				Tin học cơ sở	Đào Kiến Quốc, Bùi Thế Duy	ĐH Quốc Gia Hà Nội.	2006
				https://support.microsoft.com/en-us/training			
	59MIE131	Giáo dục quốc phòng					
	59APS241	Giải phẫu và Sinh	4	giáo trình giải phẫu học người (dành cho đối tượng sinh viên thể dục thể thao),	Nguyễn Đức Hùng, Hoàng Thị Sên		2016

		lý học TDTT		Giải phẫu sinh lý người	Tạ Thúy Loan, Trần Thị Loan	NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội	2006
				Sinh lý học TDTT	Lưu Quang Hiệp và Phạm Thị Uyên	NXB TDTT	2017
				Sinh lý bộ máy vận động	Lưu Quang Hiệp	NXB TDTT	2005
	59SMC 231	Vệ sinh và Y học TDTT	3	Giáo trình Vệ sinh Thể dục thể thao	Vũ Chung Thủy và cộng sự	NXB TDTT	2014
				Giáo trình vệ sinh và y học TDTT.	Nguyễn Thị Hà		2000
				Bài giảng Y học TDTT	Lê Quý Phụng	NXB TDTT	2007
	59SRM 231	Phương pháp NCKH và Đo lường TT	3	Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học thể dục thể thao	Trần Thị Tú, Đào Thị Hoa Quỳnh, Ma Đức Tuấn	NXB Đại học Thái Nguyên	2017
				Đo lường thể thao	Dương Nghiệp Chí, Trần Đức Dũng	NXB TDTT	2004
				Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học thể dục thể thao	Hà Quang Tiến, Nguyễn Duy Nam	NXB TDTT	2007
				Tuyển tập các bài toán thống kê - đo lường	Trần Đức Dũng	NXB TDTT	2011

	59STM 231	Lý luận và phươn g pháp TDTT	3	Lý luận và phương pháp	Nguyễn Toán - Phạm Danh Tồn	NXB TDTT	2017
				Phương pháp giảng dạy và hướng dẫn học tập môn Lý luận và PP TDTT	Đồng Văn Triệu	NXB TDTT	2008
	59SPR 231	Hồi phục thể thao	3	Hồi phục vật lý trị liệu	Lê Hữu Hưng	Thể dục thể thao.	2010
	59SBC 231	Sinh hóa học TDTT	3	Sinh hóa học Thể dục thể thao, Nxb Thể dục thể thao.	GS.TS. V.V.Men sicop , PGS.PTS. N.I.Volco p, PTS. Lê Quý Phượng (Dịch)	NXB TDTT	1997
				Giáo trình Sinh hóa Thể dục thể thao	Vũ Chung Thủy	NXB TDTT	2013
	59BBS 231	Sinh cơ học TDTT	3	Sinh cơ học thể dục thể thao	V.L.UTK IN, PTS.Lê Quý Phượng, BS. Vũ Chung Thủy, BS. Phạm Xuân Ngà dịch	NXB TDTT	1996
				Giáo trình sinh cơ học thể dục thể thao	Nguyễn Đình Minh Quý, Bùi Quang Hải	NXB TDTT	2013

	59SPN 231	Dinh dưỡng thể thao	3	Dinh dưỡng thể thao và sức khỏe	Lê Hữu Hưng	NXB TĐTT	2008
	59AST 231	Tuyển chọn VĐV	3	Tuyển chọn vận động viên thể thao	Bùi Quang Hải và cộng sự	NXB TĐTT	2015
	59ATN 231	Đào tạo VĐV	3	Chuyên đề đào tạo tài năng thể thao	Lê Thiết Can	Trường ĐH TĐTT Thành Phố Hà Chí Minh	2014.
	59SPL2 31	Tâm lí học TĐTT	3	Tâm lí học thể dục thể thao	Lê Văn Xem,	NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội	2010
				Tâm lí học trong thể thao	Phạm Đình Bẩm	NXB Thể dục thể thao, Hà Nội	1999
	59ATH 341	Điền kinh	4	Giáo trình Điền kinh 1	Hà Quang Tiến, Trần Thị Tú	NXB Đại học Thái Nguyên	2017
				Luật thi đấu điền kinh	Tổng cục TĐTT	NXB TĐTT	2015
				Giáo trình điền kinh	Trần Thị Tú, Nguyễn Nhạc	NXB TĐTT	2021
	59EXC 331	Thể dục	3	Thể dục (tài liệu đào tạo giáo viên)	Lê Quang Sơn (chủ biên), Nguyễn Đình Thành	NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội	2007
				Thể dục và phương pháp dạy học (tập một)	Đặng Đức Thao,	NXB Giáo dục	1998

					Phạm Khắc Ngọc, Vũ Đào Hùng, Trần Thị Thuận		
	59SW M331	Bơi	3	Sách Bơi lội	Nguyễn Văn Trạch	NXB TDTT	1999
				Giáo trình bơi thể thao	Nguyễn Văn Trạch	NXB TDTT	2015
	59FBA 331	Bóng đá	3	Giáo trình Bóng đá	Phạm Quang	NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội	2010
				Luật thi đấu bóng đá	Tổng cục TDTT	NXB TDTT	2014
				Giáo trình Bóng đá	Trần Đức Dũng	NXB TDTT	2007
	59BMT 331	Cầu lông	3	Giáo trình cầu lông	Nguyễn Văn Đức, Trần Văn Vinh	NXB TDTT	2016
				Luật thi đấu Cầu Lông	Tổng cục TDTT,	NXB TDTT	2015
	59VLB 331	Bóng chuyền	3	Giáo trình bóng chuyền	Nguyễn Đức Tuấn, Trương Tàn Hùng	NXB Đại học Thái Nguyên	2020
				Luật bóng chuyền và luật bóng chuyền bãi biển	Phan Hồng Minh	NXB TDTT	2015
				Bóng chuyền	(Iu.N.KL ESEP-A.G.AIR ANX),	NXB TDTT	1997

	59BKB 331	Bóng rổ	3	Giáo trình Bóng rổ	Nguyễn Đức Trưởng, Lê Trọng Đồng	NXB Đại học Thái Nguyên	2019
				Luật Bóng rổ	Tổng cục TDTT	TDTT Hà Nội	2015
				Giáo trình Bóng rổ	Nguyễn Hữu Bằng, Đỗ Mạnh Hưng	NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội	2007
				Bóng rổ trong trường phổ thông	Đinh Quang Ngọc	NXB TDTT	2013
	59KFU 331	Võ thuật	3	Giáo trình Võ thuật	Võ Xuân Thủy (chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Vân, Lê Văn Hùng, Nguyễn Nhạc	NXB Đại học Thái Nguyên	2024
				Luật thi đấu Vovinam T	ổng cục Thể dục Thể thao	NXB Hồng Đức	2018
				Nguồn hướng dẫn tập luyện Võ thuật cơ bản trên Youtube: https://www.youtube.co m/			
	59NTS 331	Thể thao	3	Đề cương bài giảng môn thể thao dân tộc	Nguyễn Đức Ninh	NXB TDTT	2014
				Luật thi đấu môn kéo co		NXB TDTT	2011

		dân tộc		Luật thi đấu môn đẩy gậy		NXB TDTT	2009
				Phát triển phong trào TDTT trong xây dựng nông thôn mới	Vũ Trọng Lợi	NXB TDTT	2018
				Tổ chức giải thi đấu thể thao trong các lễ hội ở địa phương	Hoàng Công Dân, Nguyễn Ngọc Kim Anh	NXB TDTT	2018
	59SSC 331	Đá cầu	3	Giáo trình Đá cầu	Đào Thị Hoa Quỳnh	NXB ĐH Thái nguyên	2021
				Luật thi đấu đá cầu	Tổng cục TDTT	NXB TDTT	2015
				Phương pháp giảng dạy và huấn luyện Đá cầu	Vụ TDTT quần chúng	NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội	2009
	59SGA 331	Trò chơi vận động	3	Giáo trình Trò chơi vận động	Hà Quang Tiến	NXB Đại học Thái Nguyên	2017
				Sách chuyên khảo “Sử dụng trò chơi vận động trong hoạt động ngoại khóa cho học sinh tiểu học”.	Trần Thị Tú	NXB Đại học Thái Nguyên	2022
				Giáo trình Trò chơi vận động	Đinh Văn Lắm, Đào Bá Trì	NXB TDTT	2008
	59GY M331	Gym	3				
	59YOG 331	Yoga	3	Sách Yoga	Nguyễn Thiện Tín, Lê Hồng Ngọc	ĐH Đà Nẵng	2017

				Luật thi đấu Yoga.	Liên đoàn Yoga Việt Nam	Thư viện trường ĐHSP - ĐHTN.	2021
				Sách Astanga Yoga	Jean hall Biên dịch: Hàn Thị Thu Vân	Phụ nữ. Thư viện trường ĐHSP – ĐHTN.	2007
	59PLB 331	Pickle ball	3				
	59TEI3 31	Quần vợt	3	Giáo trình Quần Vợt	Trần Văn Vinh , Đào Chí Thành, Lê Thanh Sang	NXB TDTT	2002
				Luật thi đấu Quần Vợt,	Ủy ban TDTT	NXB TDTT	2015
				Quần vợt - Kỹ thuật và phương pháp tập luyện	Ngô Hải Hưng	NXB TDTT	2011
	59CHE 331	Cờ vua	3	giáo trình cờ vua, NXB	Ma Đức Tuấn	NXB Đại học Thái Nguyên	2017
				Giáo trình Cờ vua	Nguyễn Hồng Dương và cộng sự	NXB TDTT	2015
	59TTE 331	Bóng bàn	3	Bóng bàn	Nguyễn Danh Thái	TDTT - TP Hồ Chí Minh	1999
				Giáo trình bóng bàn	Vũ Thanh Sơn	NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội	2010
	59EDS 431	Phương pháp huấn luyện	3	Trương Anh Tuấn, Giáo trình lý luận và phương pháp huấn luyện thể thao	PGS.TS Đồng Văn Triệu	NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội	2015

		Thể thao		Tuyển chọn vận động viên thể thao	Bùi Quang Hải	NXB TDTT	2015
	59SCC 431	Giáo dục học TDTT	3	Giáo trình Giáo dục học TDTT	Lương Thị Ánh Ngọc, Tạ Hoàng Thiện	ĐHQG Tp.HCM	2015
				Giáo trình “Giáo dục học”	Nguyễn Thị Tính, Nguyễn Thị Thanh Huyền, Trần Thị Minh Huê, Lê Công Thành	Giáo dục	2013
	59ASF 431	Thực tế hoạt động Thể thao ở cơ sở	3	Giáo trình Lý luận và Phương pháp Thể dục thể thao	Vũ Đức Thu, Trương Anh Tuấn	NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội	2009
				Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất trường học	Đồng Văn Triệu, TS. Lê Anh Thơ	NXB TDTT	2006
	59PFP4 21	Thực tập nghiệp vụ 1	2	Quy chế thực tập nghiệp vụ cho sinh viên ngành Huấn luyện thể thao ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHSP ngày tháng năm của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm.		Trường ĐHSP	
	59PFP4 32	Thực tập nghiệp vụ 2	3	Quy chế thực tập nghiệp vụ cho sinh viên ngành Huấn luyện thể thao ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHSP		Trường ĐHSP	

				ngày tháng năm của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm.			
	59ITS4 41	Thẻ thao chuyên sâu 1	4	Giáo trình Bóng đá,	Phạm Quang	NXB Đại học Sư Phạm.	2010
	59ITS4 42	Thẻ thao chuyên sâu 2		Luật thi đấu bóng đá	Tổng cục TDTT	TDTT.	2014
	59ITS4 43	Thẻ thao chuyên sâu 3		Luật thi đấu bóng đá	Liên đoàn bóng đá Việt Nam	Nxb TT&DL	2022
	59ITS4 44	Thẻ thao chuyên sâu 4		Giáo trình bóng đá	TS. Đỗ Ngọc Cương, Th.s Lê Văn Hùng	NXB Công Thương.	2020
	59ITS4 45	Thẻ thao chuyên sâu 5		Giáo trình Bóng đá,	PGS. TS. Trần Đức Dũng	NXB TDTT.	2007
				Giáo trình Bóng rổ	Lê Trọng Đồng, Nguyễn Đức Trường	NXB Đại học Thái Nguyên	2019
				Luật Bóng rổ	Tổng cục TDTT	TDTT	2015
				Giáo trình Bóng rổ	Nguyễn Hữu Bằng, Đỗ	NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội	2007

				Mạnh Hưng,		
			Bóng rổ trong trường phổ thông	Đinh Quang Ngọc	NXB TDTT	2013
			Giáo trình cầu lông	Nguyễn Văn Đức , Trần Văn Vinh	NXB TDTT	2016
			Luật thi đấu Cầu Lông	Tổng cục TDTT	NXB TDTT	2015
			Giáo trình bóng chuyền	Nguyễn Đức Tuấn, Trương Tấn Hùng	NXB Đại học Thái Nguyên	2020
			Luật bóng chuyền và luật bóng chuyền bãi biển	Phan Hồng Minh	NXB TDTT	2015
			Bóng chuyền	(Iu.N.KL ESEP-A.G.AIR ANX),	NXB TDTT	1997
			Giáo trình Điền kinh 1	Hà Quang Tiến, Trần Thị Tú	NXB Đại học Thái Nguyên	2017
			Luật thi đấu điền kinh	Tổng cục TDTT	NXB TDTT	2015
			Giáo trình điền kinh	Trần Thị Tú, Nguyễn Nhạc	NXB TDTT	2021
			Giáo trình Võ thuật	Võ Xuân Thủy (chủ biên),	NXB Đại học Thái Nguyên	2024

					Nguyễn Thị Thanh Vân, Lê Văn Hùng, Nguyễn Nhạc		
				Luật thi đấu Vovinam T	ổng cục Thể dục Thể thao	NXB Hồng Đức	2018
	59GTP 904	Khoá luận tốt nghiệp	6				
	59SMG 901	Quản lý TDTT	3	Giáo trình quản lý TDTT	Nguyễn Cẩm Ninh (chủ biên)	NXB TDTT	2015
				Kinh tế học TDTT	Lương Kim Chung (chủ biên)	NXB TDTT	2011
				Một số vấn đề cơ bản về quản lý TDTT	Phạm Đình Bẩm	NXB TDTT	2005
	59SPE9 01	Kinh tế học TDTT	3	Kinh tế học Thể dục thể tha	PGS.TS. Lương Kim Chun	NXB Thể dục thể thao.	2011
				Giáo trình Kinh tế học đại cương	Trần Đăng Thịnh	Thể Đại học Quốc gia TP.Hồ Chí Minh	2015
	59SEM 901	Thể thao giải trí	3	Thể dục thể thao giải trí;	GS.TS Dương Nghiệp Chí	TDTT; Hà Nội.	2008

				Quản lý chuyên ngành Thể dục thể thao	Phạm Đình Bẩm	Nxb TĐTT; Hà Nội	2003
				Quản lý công tác Thể dục thể thao nông dân	Du Kế Anh	TĐTT; Hà Nội	2000
	59SHO 901	Lịch sử TĐTT và lịch sử Olym pic	3	Lịch sử thể dục thể thao	Nguyễn Xuân Sinh	Nxb TĐTT, Hà Nội	2009
				Giáo trình lịch sử và quản lý học thể dục thể thao	Vũ Đức Thu	NXB TĐTT, Hà Nội,	2008
	59SMT 901	Maket ing Thể thao	3	Marketing trong thể thao.	PGS.TS Võ Văn Vũ	NXB ĐH TĐTT ĐN	2015
				Website marketingai.adimicro. vn			

X. Đội ngũ cán bộ giảng dạy (ghi theo số thứ tự trong khung CTĐT)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy				
				Họ tên	Chức danh khoa học, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Giảng dạy bằng Tiếng Anh	Đơn vị công tác
664				Nguyễn Thị Khương	TS	Bộ môn Triết học, KT và PPDH		Khoa Giáo dục Chính trị
	59SPH131	Triết học Mác - Lênin	3	Ngô Thị Lan Anh	TS	Bộ môn Triết học, KT và PPDH		Khoa Giáo dục Chính trị
				Nguyễn Thị Thanh Hà	TS	Bộ môn Triết học, KT và PPDH		Khoa Giáo dục Chính trị
				Vũ Thúy Hằng	TS	Bộ môn Triết học, KT và PPDH		Khoa Giáo dục Chính trị
				Nguyễn Thị Thu Hiền	TS	Bộ môn Triết học, KT và PPDH		Khoa Giáo dục Chính trị
				Trần Thị Lan	TS	Bộ môn Triết học, KT và PPDH		Khoa Giáo dục Chính trị
	59SPE121	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Nguyễn Thị Mão	ThS	Bộ môn Triết học, KT và PPDH		Khoa Giáo dục Chính trị
				Nguyễn Thị Hạnh	ThS	Bộ môn Triết học, KT và PPDH		Khoa Giáo dục Chính trị
				Ngô Thị Lan Anh	TS	Bộ môn Triết học,		Khoa Giáo dục Chính trị

						KT và PPDH		
				Nguyễn Thị Khương	TS	Bộ môn Triết học, KT và PPDH		Khoa Giáo dục Chính trị
				Nguyễn Thị Thu Hiền	ThS	Bộ môn Triết học, KT và PPDH		Khoa Giáo dục Chính trị
				Trần Thị Lan	TS	Bộ môn Triết học, KT và PPDH		Khoa Giáo dục Chính trị
	59SSO121	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Trần Thị Lan	TS	Bộ môn Chính trị, Pháp luật và Lịch sử Đảng		Khoa Giáo dục Chính trị
				Hoàng Thu Thủy	TS	Bộ môn Chính trị, Pháp luật và Lịch sử Đảng		Khoa Giáo dục Chính trị
				Nguyễn Thị Hường	TS	Bộ môn Chính trị, Pháp luật và Lịch sử Đảng		Khoa Giáo dục Chính trị
				Vũ Thị Thủy	TS	Bộ môn Chính trị, Pháp luật và Lịch sử Đảng		Khoa Giáo dục Chính trị
				Trần Thanh An	ThS	Bộ môn Chính trị, Pháp luật và Lịch sử Đảng		Khoa Giáo dục Chính trị

				Lý Trung Thành	TS	Bộ môn Chính trị, Pháp luật và Lịch sử Đảng		Khoa Giáo dục Chính trị
59HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Vũ Thị Thủy	TS	TTHCM – Lịch sử ĐCSVN		Giáo dục Chính trị	
			Phạm Thị Huyền	TS	TTHCM – Lịch sử ĐCSVN		Giáo dục Chính trị	
			Thái Hữu Linh	ThS	TTHCM – Lịch sử ĐCSVN		Giáo dục Chính trị	
			Hoàng Thu Thủy	TS	TTHCM – Lịch sử ĐCSVN		Giáo dục Chính trị	
			Lý Trung Thành	TS	TTHCM – Lịch sử ĐCSVN		Giáo dục Chính trị	
			Nguyễn Tuấn Anh	TS	TTHCM – Lịch sử ĐCSVN		Giáo dục Chính trị	
			Nguyễn Thị Minh Hiền	ThS	TTHCM – Lịch sử ĐCSVN		Giáo dục Chính trị	
			Trần Thanh An	ThS	TTHCM – Lịch sử ĐCSVN		Giáo dục Chính trị	
59HPV121	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Hoàng Thu Thủy	TS	Chính trị, pháp luật và Lịch sử Đảng CSVN		Giáo dục Chính trị	

				Lý Trung Thành	TS	Chính trị, pháp luật và Lịch sử Đảng CSVN		Giáo dục Chính trị
				Nguyễn Tuấn Anh	TS	Chính trị, pháp luật và Lịch sử Đảng CSVN		Giáo dục Chính trị
				Trần Thanh An	ThS	Chính trị, pháp luật và Lịch sử Đảng CSVN		Giáo dục Chính trị
				Nguyễn Thị Minh Hiền	ThS	Chính trị, pháp luật và Lịch sử Đảng CSVN		Giáo dục Chính trị
59GEL121	Pháp luật đại cương	2	Vũ Thị Thủy	TS	Chính trị, pháp luật và Lịch sử Đảng CSVN		Giáo dục Chính trị	
			Nguyễn Mai Anh	ThS	Chính trị, pháp luật và Lịch sử Đảng CSVN		Giáo dục Chính trị	
			Phạm Thị Huyền	TS	Chính trị, pháp luật và Lịch sử Đảng CSVN		Giáo dục Chính trị	
			Vũ Thúy Hằng	ThS	Chính trị, pháp luật và Lịch sử Đảng CSVN		Giáo dục Chính trị	

				Thái Hữu Linh	ThS	Chính trị, pháp luật và Lịch sử Đảng CSVN		Giáo dục Chính trị
				Trần Thanh An	ThS	Chính trị, pháp luật và Lịch sử Đảng CSVN		Giáo dục Chính trị
				Nguyễn Tuấn Anh	TS	Chính trị, pháp luật và Lịch sử Đảng CSVN		Giáo dục Chính trị
	59ENG131	Tiếng Anh 1	3	Nguyễn Quốc Thủy	ThS			Khoa Ngoại ngữ
				Vi Thị Trung	ThS			Khoa Ngoại ngữ
				Nguyễn T. Hạnh Phúc	ThS			Khoa Ngoại ngữ
				Đỗ T. Ngọc Phương	ThS			Khoa Ngoại ngữ
				Phùng Thị Thanh Tú	ThS			Khoa Ngoại ngữ
				Trần Thị Thảo	ThS			Khoa Ngoại ngữ
	59ENG132	Tiếng Anh 2	3	Nguyễn Quốc Thủy	ThS	BM Ngôn ngữ và văn hóa quốc tế		Khoa Ngoại ngữ

				Nguyễn T. Đoan Trang	ThS	BM Ngôn ngữ và văn hóa quốc tế		Khoa Ngoại ngữ
				Vi Thị Trung	ThS	BM Ngôn ngữ và văn hóa quốc tế		Khoa Ngoại ngữ
				Nguyễn T. Hạnh Phúc	ThS	BM Ngôn ngữ và văn hóa quốc tế		Khoa Ngoại ngữ
				Đỗ T. Ngọc Phương	ThS	BM Ngôn ngữ và văn hóa quốc tế		Khoa Ngoại ngữ
				Phùng Thị Thanh Tú	ThS	BM Ngôn ngữ và văn hóa quốc tế		Khoa Ngoại ngữ
				Trần Thị Thảo	ThS	BM Ngôn ngữ và văn hóa quốc tế		Khoa Ngoại ngữ
59ENG143	Tiếng Anh 3	4		Nguyễn Quốc Thủy	ThS			Khoa Ngoại ngữ
				Vi Thị Trung	ThS			Khoa Ngoại ngữ
				Nguyễn T. Hạnh Phúc	ThS			Khoa Ngoại ngữ
				Đỗ T. Ngọc Phương	ThS			Khoa Ngoại ngữ
				Phùng Thị Thanh Tú	ThS			Khoa Ngoại ngữ
				Trần Thị Thảo	ThS			Khoa Ngoại ngữ

	59GIF131	Tin học đại cương	3	Nguyễn Văn Trường	TS	Bộ môn Khoa học máy tính và Hệ thống thông tin		
				Trần Ngọc Hà	TS	Bộ môn Khoa học máy tính và Hệ thống thông tin		
				Ngô Thị Tú Quyên	TS	Bộ môn Khoa học máy tính và Hệ thống thông tin		
				Lê Bích Liên	ThS	Bộ môn Khoa học máy tính và Hệ thống thông tin		
				Phạm Văn Tiến	ThS	Bộ môn Khoa học máy tính và Hệ thống thông tin		
				Nguyễn Thị Thu Hiền	TS	Bộ môn Khoa học máy tính và Hệ thống thông tin		
				Vũ Đức Quang	TS	Bộ môn Khoa học máy tính và Hệ thống thông tin		
				Cáp Thanh Tùng	ThS	Bộ môn Khoa học máy tính và Hệ thống thông tin		

	59MIE131	Giáo dục quốc phòng						
	59APS241	Giải phẫu và Sinh lý học TDTT	4	Nguyễn Đức Hùng	TS			
				Nguyễn Thị Hà	ThS			Khoa TDTT
	59SMC231	Vệ sinh và Y học TDTT	3	Nguyễn Thị Hà	ThS			Khoa TDTT
				Đỗ Ngọc Cương	TS			Khoa TDTT
				Võ Xuân Thủy	TS			Khoa TDTT
	59SRM231	Phương pháp NCKH và đo lường TT	3	Trần Thị Tú	TS			Khoa TDTT
				Đào Thị Hoa Quỳnh	TS			Khoa TDTT
				Đỗ Ngọc Cương	TS			Khoa TDTT
				Ma Đức Tuấn	TS			Khoa TDTT
	59STM231	Lý luận và phương pháp TDTT	3	Đào Thị Hoa Quỳnh	TS	Bộ môn TDTT không chuyên		Khoa TDTT
				Đỗ Ngọc Cương	TS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
				Võ Xuân Thủy	TS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT

59SPR231	Hồi phục thể thao	3	Đào Thị Hoa Quỳnh	TS	Bộ môn TDTT không chuyên		Khoa TDTT
			Đỗ Ngọc Cương	TS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
59SBC231	Sinh hóa học TDTT	3	Trần Thị Tú	TS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
			Nguyễn Thị Hà	ThS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
			Ma Đức Tuấn	TS	Bộ môn TDTT không chuyên		Khoa TDTT
59BBS231	Sinh cơ học TDTT	3	Võ Xuân Thủy	TS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
			Đào Thị Hoa Quỳnh	TS	Bộ môn TDTT không chuyên		Khoa TDTT
59SPN231	Dinh dưỡng thể thao	3	Đỗ Ngọc Cương	TS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
			Võ Xuân Thủy	TS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
59SPE231	Kinh tế học TDTT	3					

	59AST231	Tuyển chọn VĐV	3	Đỗ Ngọc Cương	TS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
				Đào Thị Hoa Quỳnh	TS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
	59ATN231	Đào tạo VĐV	3	Đỗ Ngọc Cương	TS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
				Đào Thị Hoa Quỳnh	TS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
	59SPL231	Tâm lí học TDTT	3	Võ Xuân Thủy	TS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
				Nguyễn Đức Trường	ThS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
	59ATH341	Điền kinh	4	Trần Thị Tú	TS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
				Nguyễn Nhạc	ThS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
				Mã Thiêm Phách	ThS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
	59EXC331	Thể dục	3	Đào Ngọc Anh	ThS	Bộ môn TDTT		Khoa TDTT

						chuyên ngành		
				Nguyễn Duy Nam	ThS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
				Nguyễn Huy Ánh	ThS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
	59SWM331	Bơi	3	Nguyễn Huy Ánh	ThS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
				Trần Minh Khương	ThS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
	59FBA331	Bóng đá	3	Lê Văn Hùng	ThS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
				Đỗ Ngọc Cương	TS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
	59BMT331	Cầu lông		Nguyễn Mạnh Hùng	TS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
				Đào Ngọc Anh	ThS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
	59VLB331	Bóng chuyền	3	Nguyễn Đức Tuấn	ThS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT

				Trần Minh Khương	ThS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
	59BKB331	Bóng rổ	3	Nguyễn Đức Trường	ThS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
				Nguyễn Thành Trung	ThS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
	59KFU331	Võ thuật	3	Võ Xuân Thủy	TS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
				Nguyễn Thị Thanh Vân	Ths	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
				Nguyễn Huy Ánh	ThS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
	59NTS331	Thể thao dân tộc	3	Nguyễn Thành Trung	ThS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
				Nguyễn Đức Trường	ThS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
				Nguyễn Đức Tuân	ThS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
	59SSC331	Đá cầu	3	Nguyễn Văn Dũng	ThS	Bộ môn TDTT		Khoa TDTT

						chuyên ngành		
				Đào Thị Hoa Quỳnh	TS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
				Mã Thiêm Phách	ThS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
	59SGA331	Trò chơi vận động	3	Nguyễn Nhạc	ThS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
				Nguyễn Đức Trường	ThS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
	59GYM331	Gym	3	Đào Ngọc Anh	ThS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
				Nguyễn Nhạc	ThS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
				Nguyễn Duy Nam	TS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
	59YOG331	Yoga	3	Trần Thị Tú	TS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
				Đào Ngọc Anh	ThS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT

				Nguyễn Duy Nam	TS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
	59PLB331	Pickleball	3	Phạm Thị Bích Thảo	ThS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
				Nguyễn Văn Dũng	ThS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
				Đào Thị Hoa Quỳnh	TS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
	59TEI331	Quần vợt	3	Nguyễn Mạnh Hùng	TS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
				Nguyễn Văn Dũng	ThS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
	59CHE331	Cờ vua	3	Ma Đức Tuấn	TS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
				Nguyễn Thị Hà	ThS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
	59TTE331	Bóng bàn	3	Nguyễn Văn Dũng	ThS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
				Lê Văn Hùng	ThS	Bộ môn TDTT		Khoa TDTT

						chuyên ngành		
	59EDS431	Phương pháp huấn luyện Thể thao	3	Đỗ Ngọc Cương	TS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
				Đào Thị Hoa Quỳnh	TS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
	59SCC431	Giáo dục học TDTT	3	Trần Thị Tú	TS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
				Nguyễn Thành Trung	ThS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
				Nguyễn Thị Hà	ThS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
	59ASF431	Thực tế hoạt động Thể thao ở cơ sở	3	Trần Thị Tú	TS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
				Võ Xuân Thủy	TS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
				Đào Ngọc Anh	ThS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
	59PFP421	Thực tập nghiệp vụ 1	2					

	59PFP432	Thực tập nghịệp vụ 2	3					
	59ITS441	Thể thao chuyên sâu 1	4	Võ Xuân Thủy	TS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
				Nguyễn Thành Trung	ThS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
				Đỗ Ngọc Cương	TS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
				Trần Thị Tú	TS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
				Lê Văn Hùng	ThS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
				Nguyễn Mạnh Hùng	TS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
				Mã Thiên Phách	ThS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
				Nguyễn Đức Tuân	ThS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
	59ITS442	Thể thao chuyên sâu 2	4	Võ Xuân Thủy	TS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT

				Nguyễn Thành Trung	ThS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
				Đỗ Ngọc Cương	TS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
				Trần Thị Tú	TS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
				Lê Văn Hùng	ThS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
				Nguyễn Mạnh Hùng	TS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
				Mã Thiêm Phách	ThS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
				Nguyễn Đức Tuấn	ThS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
	59ITS443	Thể thao chuyên sâu 3	4	Võ Xuân Thủy	TS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
				Nguyễn Thành Trung	ThS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
				Đỗ Ngọc Cương	TS	Bộ môn TDTT		Khoa TDTT

						chuyên ngành		
				Trần Thị Tú	TS	Bộ môn TĐTT chuyên ngành		Khoa TĐTT
				Lê Văn Hùng	ThS	Bộ môn TĐTT chuyên ngành		Khoa TĐTT
				Nguyễn Mạnh Hùng	TS	Bộ môn TĐTT chuyên ngành		Khoa TĐTT
				Mã Thiêm Phách	ThS	Bộ môn TĐTT chuyên ngành		Khoa TĐTT
				Nguyễn Đức Tuân	ThS	Bộ môn TĐTT chuyên ngành		Khoa TĐTT
				Võ Xuân Thủy	TS	Bộ môn TĐTT chuyên ngành		Khoa TĐTT
				Nguyễn Đức Tuân	ThS	Bộ môn TĐTT chuyên ngành		Khoa TĐTT
				Võ Xuân Thủy	TS	Bộ môn TĐTT chuyên ngành		Khoa TĐTT
				Võ Xuân Thủy	TS	Bộ môn TĐTT chuyên ngành		Khoa TĐTT
				Nguyễn Thành Trung	ThS	Bộ môn TĐTT chuyên ngành		Khoa TĐTT
	59ITS444	Thể thao chuyên sâu 4	4	Nguyễn Đức Tuân	ThS	Bộ môn TĐTT chuyên ngành		Khoa TĐTT
				Võ Xuân Thủy	TS	Bộ môn TĐTT chuyên ngành		Khoa TĐTT
				Nguyễn Thành Trung	ThS	Bộ môn TĐTT chuyên ngành		Khoa TĐTT

				Đỗ Ngọc Cương	TS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
				Trần Thị Tú	TS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
				Lê Văn Hùng	ThS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
				Nguyễn Mạnh Hùng	TS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
				Mã Thiêm Phách	ThS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
	59ITS445	Thể thao chuyên sâu 5	4	Nguyễn Đức Tuân	ThS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
				Võ Xuân Thủy	TS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
				Nguyễn Thành Trung	ThS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
				Đỗ Ngọc Cương	TS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
				Trần Thị Tú	TS	Bộ môn TDTT		Khoa TDTT

						chuyên ngành		
				Lê Văn Hùng	ThS	Bộ môn TĐTT chuyên ngành		Khoa TĐTT
				Nguyễn Mạnh Hùng	TS	Bộ môn TĐTT chuyên ngành		Khoa TĐTT
				Mã Thiêm Phách	ThS	Bộ môn TĐTT chuyên ngành		Khoa TĐTT
	59GTP904	Khoá luận tốt nghiệp	6					
	59SMG901	Quản lý TĐTT	3	Đỗ Ngọc Cương	TS	Bộ môn TĐTT chuyên ngành		Khoa TĐTT
				Trần Thị Tú	TS	Bộ môn TĐTT chuyên ngành		Khoa TĐTT
				Ma Đức Tuấn	TS	Bộ môn TĐTT chuyên ngành		Khoa TĐTT
	59SEM901	Thể thao giải trí	3	Trần Thị Tú	TS	Bộ môn TĐTT chuyên ngành		Khoa TĐTT
				Nguyễn Thành Trung	ThS	Bộ môn TĐTT chuyên ngành		Khoa TĐTT
				Nguyễn Thị Hà	ThS	Bộ môn TĐTT chuyên ngành		Khoa TĐTT

59SHO901	Lịch sử TDTT và lịch sử Olympic	3	Nguyễn Thành Trung	ThS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
			Nguyễn Mạnh Hùng	TS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
			Ma Đức Tuấn	TS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
59SMT901	Marketing Thể thao	3	Nguyễn Thị Hà	ThS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT
			Nguyễn Duy Nam	ThS	Bộ môn TDTT chuyên ngành		Khoa TDTT

11. Hướng dẫn thực hiện

Chương trình được biên soạn theo hướng cập nhật với những kiến thức mới và hướng tới chương trình cải cách giáo dục đang tiến hành ở các trường phổ thông trung học trong cả nước. Yêu cầu của chương trình là thực hiện đầy đủ và đúng nội dung cũng như thời gian được phân bổ trong chương trình.

Nhìn chung chương trình thiết kế theo đường hướng lấy người học làm trung tâm. Nên dành nhiều thời gian cho sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu và thảo luận. Việc lên lớp là bắt buộc theo quy chế, song việc tự học cần phải được phát huy tối đa, kết hợp với việc cung cấp các nguồn lực như giáo viên có năng lực, cơ sở vật chất, tài liệu...

Hàng năm, trên cơ sở các khoa/đơn vị đề nghị điều chỉnh các học phần trong chương trình đào tạo, Hiệu trưởng xem xét và ra quyết định điều chỉnh các học phần trong chương trình đào tạo.

Về đánh giá kết quả đào tạo: Việc đánh giá cần đảm bảo khách quan, đa dạng các hình thức đánh giá người học. Kết quả học tập của người học được đánh giá theo Quy chế đào tạo trình độ đại học Ban hành theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo.